

VIÊN GIÁC



SỐ - NR. TẠP CHÍ CỦA KIỀU BÀO VÀ PHẬT TỬ VIỆT NAM TỶ NẠN TẠI CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC

126

Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistischen Vietnamflüchtlinge in der Bundesrepublik Deutschland
PL. 2545 ■ NĂM THỨ 23 ■ THÁNG 12 ■ JAHRGANG 23. ■ DEZEMBER 2001 ■ AUSGABE IN VIETNAMESESCH & DEUTSCH



Đuân Dharma Dgọ

Chúc Mừng

Năm Mới

**Thành tâm kính chúc
Chư Tôn Hòa Thượng,
Chư Thượng Tọa,
Đại Đức Tăng Ni
Và Đồng Bào Phật Tử
Khắp nơi trên Thế Giới
Một Năm Nhâm Ngọ
Được Kiết Tường Như Ý**

Chùa Viên Giác



Thư Tòa Soạn

Vào ngày 12 tháng 11 năm 2001 vừa qua tại thành phố New York - Hoa Kỳ, đã xảy ra một tai nạn máy bay thật khủng khiếp, làm cho hơn 250 hành khách thiệt mạng và còn không biết bao nhiêu cư dân vô tội cũng như nhà cửa, của cải chỉ trong chốc lát đã biến thành tro bụi.

Đây là biến cố thứ hai xảy ra cách biến cố thứ nhất cũng tại New York vào ngày 11 tháng 9 năm 2001, chỉ đúng 2 tháng mà thôi. Cho đến bây giờ người ta chưa rõ nguyên nhân do khủng bố gây nên, hay do kỹ thuật tạo thành; nhưng dầu cho ở bất cứ lý do nào đi chăng nữa thì mạng người cũng đã biến thành mây khói rồi. Đúng đời là vô thường như Đức Phật đã dạy cách đây mấy ngàn năm trước. Nghĩa là tất cả các pháp đều thay đổi. Không có một pháp gì mãi mãi tồn tại với thế gian này được. Vì các pháp sanh ra bởi nhân duyên thì cũng do các nhân duyên chi phối để hoại diệt, hoặc tiếp tục sinh ra chỗ khác. Đây là nguyên nhân chính của mọi vấn đề.

Ngày xưa vào những năm chiến tranh lạnh giữa Mỹ, Nga, Trung Hoa cũng như Đông Âu, các cường quốc này đã thù thế với nhau, tranh nhau từng lời nói, từng văn kiện v.v... nhưng rồi thời điểm ấy đã qua, khiến cho thế giới cũng bằng hoàng trước sự đổi thay đột ngột của các siêu cường này. Mới đây chừng một tháng tại Thượng Hải ba nhà lãnh đạo lớn của thế giới như Tổng Thống Bush, Tổng Thống Putin và Chủ tịch Giang Trạch Dân, cả 3 đều mặc áo theo lễ phục Trung Quốc, cùng nói chuyện hòa bình thế giới và thương mại đối tác giữa các bên. Rồi ngày 12 tháng 11 năm 2001 vừa qua, Tổng Thống Putin của Nga cũng đã có mặt tại Hoa Kỳ khi tai nạn máy bay bên trên vừa xảy ra, cả 2 cường quốc lại siết chặt tay nhau và liên kết để chống khủng bố cũng như hợp tác với nhau trong vấn đề kinh tế giữa hai quốc gia với nhau.

Nhìn về Á Châu xa xăm kia, xứ A Phú Hãn cũng là một nơi đã bị chiến tranh triền miên và dân chúng bị đói nghèo qua mấy thập niên; nhưng nay lại tiếp tục hứng chịu những quả bom, làn đạn vô tình xâu xé quê hương vốn đã rách nát, bây giờ lại tả tơi hơn nữa; những cặp mắt ngơ ngác của mẹ cha khi thấy xác con mình chôn vùi với bom lửa; nhà cửa tan hoang, xóm làng đổ nát. Chung quanh đâu đó chỉ toàn là tiếng thở than rên rĩ. Tất cả cũng chỉ vì những cuồng vọng của những kẻ gây ra nguyên nhân và cũng là kết quả của những gì mà Bin Laden đã chủ trương hận thù trên hận thù để rồi phải gặt hái như thế. Một mai đây chính quyền Taliban có lẽ sẽ bị đẩy lùi, một chính phủ khác được Hoa Kỳ và Liên Hiệp Quốc hỗ trợ, liệu có làm cho tình hình của A Phú Hãn tốt hơn chăng? hay cũng chỉ là chuyện nời da xáo thịt như tình trạng của Việt Nam không kém, đã hơn 25 năm

thống nhất; nhưng dân của 2 miền Nam Bắc vẫn có cách sống riêng và lối tư duy khác nhau.

Nhìn những nhà lãnh đạo thế giới ngồi lại gần nhau chúng ta rất mừng; nhưng nhiều lúc chúng ta cũng chới vơi, không biết nên đứng về phía nào đây? Vì bên nào cũng có chân lý để biện minh cho mình cả. Không khéo sẽ bị chụp mũ là theo bên này hay theo bên kia; nhưng người dân bị trị chắc chắn đa phần phải theo kẻ thống trị. Vì họ có súng đạn. Dĩ nhiên trong đó cũng có những người không sợ chết chóc, tù đầy, súng đạn như Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Hòa Thượng Thích Quảng Độ, Thượng Tọa Thích Tuệ Sỹ và còn không biết bao nhiêu cá nhân tranh đấu độc lập khác, cho một đất nước Việt Nam hòa bình, không chiến tranh và không thù hận.

Từ đó ta suy ra lời Phật dạy không sai một mảy may nào. Vì lẽ có nhiều cái xấu của ngày hôm qua, bây giờ đã trở thành cái tốt; hoặc ngược lại cái tốt của ngày hôm nay sẽ là cái xấu của ngày mai. Hãy xem hình ảnh và sự ngoại giao của Nga, Mỹ, Hoa thì rõ. Nếu chúng ta lui lại chừng 30 năm trước để nhìn sự việc, thì quả thật chuyện trên không thể chấp nhận; nhưng nếu chúng ta đang đứng trong hiện tại của đầu thế kỷ thứ 21 này, thì chúng ta phải chấp nhận những gì đang xảy ra trên quả địa cầu này. Rồi một mai đây chuyện gì sẽ xảy ra nữa nào ai có biết?

Đứng trên quan điểm của Phật Giáo mà nhìn thì chúng ta không nên để cho mắc kẹt vào thế nhị nguyên đối đãi này. Nghĩa là chúng ta không chạy theo A mà cũng không theo B. Vì lẽ A và B chủ nghĩa có tính cách đối đãi, chứ không tuyệt đối. Do đó Phật Giáo không tranh đấu cho một chủ nghĩa mà tranh đấu cho một tinh thần dân tộc khai phóng, không bị lệ thuộc mọi khuynh hướng chính trị như các thế chế chính trị thời nhà Lý và nhà Trần đã làm thì mới mong cải đổi tình trạng phân hóa như trong hiện nay, mà người cộng sản đã hành xử với con dân mình. Nói như vậy không có nghĩa là thay đổi lập trường chống cộng, mà Phật Giáo chống tất cả những thế lực vô minh; những tham, sân, si và hận thù, vốn là những nguyên nhân gây ra cho con người, cho chúng sanh đau khổ. Phật Giáo giải phóng con người bằng tình thương chứ không bằng thù hận và cũng không phải bằng chủ nghĩa. Vì như lịch sử đã chứng minh, trải qua mấy ngàn năm lịch sử, chủ nghĩa nào rồi cũng phải ra đi, chỉ có tinh thần dân tộc và tôn giáo là luôn luôn bất diệt, không thay đổi ngôi đối chủ. Nếu tất cả Phật Tử chúng ta mà ý thức được điều đó thì vận nước sẽ được nhờ.

Thế giới ở đầu thế kỷ thứ 20 chỉ có 2,5 tỷ người. Sang đến thế kỷ thứ 21 đã lên hơn 6 tỷ và Liên Hiệp Quốc dự đoán đến giữa thế kỷ thứ 21 này dân số thế giới sẽ gia tăng lên gần 10 tỷ. Tất cả đều bùng nổ, tất cả đều ngơ ngàng. Bây giờ nhiều vấn đề đang được đặt ra như nước uống, thực phẩm, thiên nhiên ô nhiễm v.v... những bài toán của các học giả toán học đương giải liên tục; nhưng vẫn chưa có con số tận cùng. Điều ấy không phải chứng tỏ rằng khoa học đầu hàng vũ trụ, thế giới hạn hữu này, mà có nghĩa là, dầu cho khoa học có tiến bộ đến đâu đi nữa thì con người cũng chỉ còn luẩn quẩn trong cái ăn, cái mặc; rồi đi xâm chiếm nhau để chiếm thế thượng phong của kinh tế; trong khi đó có không biết bao nhiêu người nghèo đói vẫn hiện hữu trên cõi đời này. Nếu không nhờ Tôn Giáo góp phần điều trị vết thương này, quả thật thế giới này còn nhiều tai họa nữa.

Bây giờ chỉ còn những người biết tu, biết thực hành tri túc là biết mở cho mình một lối vào cửa giải thoát không hai mà thôi.

● Ban Biên Tập Báo Viên Giác

TÂM CẢNH

Nguyên tác:
The World Within
Tác giả:
Dr. Gina Cerminara

Người dịch:
Hoàng-Phi Lưu Hoàng-Nguyện

CHƯƠNG II.-

THÂN THỂ

Mục 3.- Cái đẹp là mục đích của cuộc đời

Thường thì triết gia không xem cái đẹp là mục đích đích thực, cũng như các tâm lý gia, bác sĩ, tu sĩ mấy khi coi đó là mối quan tâm thực dụng để giúp bệnh nhân hay tín đồ trở nên đẹp. Sắc đẹp thường được xem như mối quan tâm tầm thường của các thẩm mỹ viện, của mấy bà, mấy cô coi phù phiếm trọng hơn các vấn đề thực sự, nghiêm chỉnh của cuộc đời.

Thế nhưng nếu ta suy rộng hơn các kết luận hợp luận lý căn cứ vào những dữ kiện trong hồ sơ của ông Cayce, hẳn phải thừa nhận rằng cái đẹp có ý nghĩa, tầm quan trọng to lớn về phương diện tâm lý và tâm linh hơn ta tưởng; và rằng các triết gia, tâm lý gia, tu sĩ nên xem Mỹ (cái đẹp) là một trong những mục đích tối hậu của con người, đâu kém chi các khái niệm về sự thích nghi, tính hiệu quả, sức khỏe, hạnh phúc, đạo đức.

Nếu tin tưởng thần nhân của ông Cayce, ta chỉ có thể kết luận rằng câu nói hay ho của Keat: "Mỹ là Chân, Chân Mỹ", có thể được diễn tả trên bình diện tâm thân (at the psychosomatic level) thành: "Mỹ là Thiện, Thiện Mỹ". Vì ta thấy trong hồ sơ của ông Cayce có rất nhiều trường hợp sự xấu xí, dị dạng là hậu quả của ác nghiệp, và sự khỏe mạnh, đẹp đẽ, cân đối là phần thưởng của thiện nghiệp.

Chắc chắn nhà ngữ học sẽ hỏi nhiều điều về điểm này. Trước hết sẽ nói cái đẹp (Mỹ) là chuyện tương đối; và quả thực vậy nhiều nơi trên thế giới có những tiêu chuẩn thẩm mỹ khác

nhau. Thí dụ rõ rệt nhất về sự khác biệt giữa những khái niệm đó là phụ nữ Ubangi ở Phi Châu có môi dưới được nong tròn và rộng ra như một cái đĩa nhỏ, cũng như đàn bà, con gái Trung Hoa ngày xưa có tục bó chân. Nhưng thường thì những quan niệm về cái đẹp có nhiều điểm tương đồng hơn là dị biệt. Trong hầu hết các nền văn hóa thì sức khỏe, năng lực, sự cân đối, sự rõ nét được xem là những yếu tố căn bản của thẩm mỹ (dĩ nhiên vẫn có các khác biệt nhỏ nhỏ) và có những cái đẹp ngoại hạng đều được mọi người công nhận dù họ thuộc những sắc tộc, những nền văn hóa khác nhau. Trong bất cứ trường hợp nào nghiệp quả cũng khá công bằng khi đương sự đẹp đẽ hay xấu xí *tướng ứng với tiêu chuẩn thẩm mỹ của nhóm người mà y đầu thai vào*, vì vậy các dị biệt nhỏ nhỏ về tiêu chuẩn thẩm mỹ ắt hẳn phản ánh sự khác nhau giữa các dân tộc và không ảnh hưởng mấy đến nghiệp báo.

Nhà ngữ học tiếp đó có thể nêu lên "Thiện" và "Ác" cũng là chuyện tương đối. Luân lý, phong tục, tập quán nhiều nơi trên thế giới rất khác biệt. Thế nhưng ông Cayce và những người tin có tái sinh cho rằng ít ra "thiện" và "ác" trong sự phân tích sau cùng sẽ vượt lên trên tính tương đối của phong tục và mang những ý nghĩa phổ quát, rộng lớn hơn quan niệm thiện ác của các hệ thống luân lý. "Thiện" là thương yêu, đoàn kết, tử tế, hướng về tâm linh. Còn "Ác" là ích kỷ, chia rẽ, độc ác, thích đục lạt.

Trong các hồ sơ của ông Cayce, có trường hợp một phụ nữ ở hiện kiếp bị liệt nửa mặt bên phải. Tại sao? Ông Cayce cho biết chị đã lạm dụng sắc đẹp của mình một cách rất xấu hổ khi là Hoàng hậu xứ Chùa Tháp ở một kiếp xưa. Dĩ nhiên luân lý của Cao Miên thời cổ tất có nhiều dị biệt so với luân lý thời nay; và ở đó người ta quan niệm nét đẹp của đôi mắt, màu son phấn chắc cũng hơi khác với người Âu Mỹ đương đại. Nhưng tính thô lỗ, dâm dục, ích kỷ hầu như phổ quát, ở xứ nào cũng có; và gương mặt bị tê liệt là gương mặt bị tê liệt: nó làm tổn hại nhan sắc dù ở bất cứ nơi đâu hay đang có thời trang gì.

Như vậy, một cách tổng quát, tính tương đương giữa sắc đẹp và đức tính, dù có khác biệt về thời gian hay không gian, dường như cũng vẫn thế.

Và còn một nhận xét nữa về phương trình này. Chúng ta đều thấy những trường hợp đẹp người đẹp nét hoặc xấu tánh xấu tướng. Nhưng cũng không ít người xấu tướng nhưng tốt bụng, hay ngoại hình tốt tươi mà lòng dạ hiểm ác. Hơn nữa có biết bao trường hợp rất khó nhận xét, không rõ nét, ở giữa các thái cực đó.

Có nhiều trường hợp khiến ta dễ nghĩ rằng dường như có sự mâu thuẫn. Thứ nhất, đó là yếu tố chủ quan: khả năng giới hạn của người phán đoán. Kẻ thiếu một đặc điểm thường không dễ gì nhận ra đặc điểm đó nơi kẻ khác. Người kém thông minh chắc khó thể thấy được các mức độ tế nhị của người thông minh hơn y. Và lại kẻ ít kinh nghiệm sâu rộng về con người sẽ có những khái niệm thiếu cơ sở. Người ít từ tâm ắt khó nhận thức được những sắc thái tế nhị của từ tâm hay sự nhạy cảm cao hơn y. Một người từng lao đao lận đận vì một phụ nữ tóc hung và có nhiều kinh nghiệm tốt đẹp với những người đàn ông cảm bệnh, có lẽ sau này sẽ có thành kiến với hết thảy quý bà, quý cô nào tóc hung và rất thiện cảm với mấy ông có cảm bệnh. Thiên kiến về nòi giống, xứ sở cũng có thể khiến ta chẳng thấy nét đẹp xinh trên gương mặt những người khác chủng tộc, quốc gia. Các giới hạn, thành kiến này thường ảnh hưởng đến những nhận xét về người khác.

Cho nên đôi khi một nhà quan sát thấy như có mâu thuẫn giữa tâm và tướng, nhưng thực ra đâu nhất thiết có mâu thuẫn. Có lẽ chỉ vì ông thiếu nhận xét tinh tế, chẳng nhìn ra mối tương quan. Ta có thể nhầm lẫn vì tướng mạo cân đối hài hòa, cũng không khác chi việc ta có thể hồ to bởi một kẻ ước trợn tru. Chỉ mãi sau này khi luật sư nêu ra những cụm từ in chữ nhỏ, ta mới bật ngựa, thẩm thía thực tế phủ phàng. Tương tự thế, những kinh nghiệm cá nhân cay đắng, đắt giá ắt giúp ta thấy một nét mặt tinh tế, cân đối cũng có thể chứa bên trong tính giả dối, ích kỷ mà trong một thời gian dài ta cứ cho rằng y rất tốt. Mặt khác, có thể phải phối hợp nghệ thuật và kinh nghiệm cá nhân để giúp nhận thức các mỹ tướng (nhất là của những chủng tộc khác) thoát tiên ta thấy không có gì đặc biệt hoặc xấu xí.

Yếu tố thứ nhì của vấn đề tại sao lại có chuyện không nhất quán là yếu tố hai nguyên nhân: một thân hình đẹp có thể là do tinh thần hay thể xác. Một

người hướng tất cả tâm trí, năng lực để được khỏe mạnh, cân đối, đẹp xinh thì sớm muộn gì sẽ có được ngoại hình mạnh khỏe, cân đối, đẹp xinh. Nhưng cũng có thể là một thân hình "rỗng", tương tự hình nộm (mannequin) trưng bày ở cửa hàng tuy rất đẹp nhưng lại rỗng. Thiếu nội dung tâm linh, ý chí tâm linh, những người này có lẽ sẽ có được những kinh nghiệm học tập tốt trong cuộc sống qua việc bị mất sức khỏe, sắc đẹp hay nét cân đối.

Yếu tố thứ ba là sự thay đổi. Tâm hồn thay đổi từ từ theo chiều hướng đi lên hay đi xuống từ lúc chào đời.

Xin nói về sự thăng tiến. Thủ tướng tương đương với một người vì nghiệp báo sửa sai nên kiếp này có thân hình dị dạng, xấu xí; nhưng ngay từ bé hay ở tuổi trung niên học được tính tử tế, khoan dung, yêu thương, có lẽ vì thấy mình xấu xí. Y trở nên tử tế, yêu thương, cởi mở. Gương mặt khó ưa giờ lại ngồi lên ánh thiện tâm.

Ta thấy được nét đẹp của tâm hồn, không để ý đến ngoại hình xấu xí, cho đến khi ta suy xét, mới nhận ra thân và tâm đâu có đi đôi với nhau. Thực ra vẫn có sự sánh đôi. Mặt mũi, thân thể của một người mà ta đang nhìn chính là ngoại hình của tâm thức người này, có nghĩa là *Thân hiện kiếp đi đôi với Tâm tiền kiếp*. Ý thức dần dà sửa đổi tâm vô thức độc ác thành tốt lành, và nó hiển lộ ra tạm thời trong nụ cười, ánh mắt, thái độ, hành động hay những nét khác, nhưng cái đẹp này sẽ phát tiết trọn vẹn trên thân thể ở kiếp sau. Có lẽ ở kiếp sau đó, ta thấy ngoại hình người này phản ảnh trọn vẹn nét đẹp của một tâm hồn đổi mới.

Ta thường thích nói vật chất có tính ù-lì, chậm chạp (dù thực ra chắc gì ta hiểu rõ về vật chất), nó luôn cần có thời gian (ít ra trong không gian ba chiều của chúng ta) để một ý tưởng được cụ thể hóa thành vật. Hiện tượng này được biết nhiều trong lĩnh vực xã hội học, gọi là "tình trạng chậm bước của văn hóa" (culture lag). Và dường như cũng có tình trạng trì trệ như vậy giữa tâm và tướng. Dù mỗi ý nghĩ, cảm xúc đều lưu dấu vết nơi hệ thần kinh, để cuối cùng lộ ra nơi tướng mạo, nhưng nó xảy đến một cách chậm chạp và tích lũy: sự biến đổi hoàn toàn chỉ có thể thấy được ở thân thể kiếp sau.

Và cũng có những trường hợp đi xuống, đó là sự thoái hóa thay vì thăng tiến. Nếu một người sinh ra với ngoại hình xấu xí hoặc kém hấp dẫn và lại

có thái độ đấng cay, oán ghét, ích kỷ, hung hăng, gây nguy hại cho kẻ khác, thì thân thể khó coi đó càng kinh khiếp hơn, vì Tâm xấu xa tăng Tướng xấu xí. Trong những trường hợp này quả có sự nhất quán.

Nhưng có rất nhiều trường hợp mâu thuẫn cho thấy đâu có sự nhất quán khiến dễ hiểu lầm. Đó chính là trường hợp một linh hồn hưởng nghiệp quả tốt nên đầu thai với tướng mạo cân đối, đẹp xinh. Anh lúc nào cũng được thiên hạ chiều chuộng, ngưỡng mộ, theo đuổi. Nhìn vào gương nào cũng thấy mình "hết xẩy". Chả cần cố gắng anh vẫn được bao người ái mộ, săn đón.

Đây quả là một thử thách gay go, đầu phải ai cũng có thể vượt qua. Người thì chịu đựng nổi nghịch cảnh hơn là sự phồn vinh, kẻ lại dễ cam phận xấu xí hơn là khi thấy mình xinh đẹp. Một linh hồn có thể rất ân cần, ôn hòa, tử tế, đứng đắn khi có bộ mặt hăm tãi; nhưng cũng chính linh hồn này nếu bỗng nhiên trở nên điển trai, có thể y sẽ hư đốn vì cái mã thanh tú đó. Kiêu căng, hợm hĩnh, lên mặt, dâm dục, phóng túng, ích kỷ một cách thụ động hay tích cực, và nhiều thói hư tật xấu nữa. Trừ phi người này được sinh ra trong hoàn cảnh như vậy vốn có bản tính khiêm tốn hoặc tâm hồn đã trưởng thành, y rất dễ đâm ra kiêu hãnh khi thấy mình đẹp và lợi dụng ưu thế đó. Sự yếu đuối của tâm hồn có thể bắt đầu lộ ra. Trước hết chỉ là một vài đổi thay trên nét mặt hay các ảnh hưởng sâu kín trong tâm hồn, nhưng sẽ hiện đầy đủ thành những nét không hài hòa trên tướng mạo ở kiếp sau.

Các tâm lý gia nhiều kinh nghiệm đều thừa nhận tầm quan trọng của ngoại hình đối với sự tự lượng giá. Hồ sơ của quý vị này cho thấy có nhiều thay đổi tâm lý đáng kể nơi những người nhờ giải phẫu chỉnh hình, làm răng, cải biến thân thể, có được lòng tự tin mà trước kia không có. Giải phẫu chỉnh hình hay thẩm mỹ cho ta khá nhiều thí dụ. Nhiều người lớn hay thiếu nhi phạm pháp sờ dĩ có những hành vi chống đối xã hội vì có bộ mặt xấu xí nên bị nhạo báng, chế giễu. Diện mạo thay đổi thường cải sửa cái nhìn đối với cuộc đời và tác phong đạo đức.

Thế nhưng không một tâm lý gia nổi tiếng nào thừa nhận một cách có hệ thống ý nghĩa sâu kín của sắc đẹp, nét tầm thường hay xấu xí, hậu quả sâu kín của ý thức về ngoại hình tác động lên tâm thức.

Adler nói khá nhiều về "sự thấp kém của cơ quan" và dĩ nhiên ông hẳn hiểu về các yếu tố ngoại hình, nhưng ông chẳng bàn chỉ về tướng mạo cũng như không nêu vai trò tế nhị, quan trọng của nó đối với tâm. Có lẽ đây là phần vụ của một nữ tâm lý gia vì phụ nữ nhạy cảm hơn về tầm quan trọng của dáng vẻ bên ngoài, thích tô điểm dung nhan để càng hấp dẫn.

Xin nêu một thí dụ cụ thể về hậu quả sâu rộng của việc biết rằng mình xí trai qua bức thư của một đấng mày râu tứ tuần gửi ông Cayce nhờ giúp đỡ:

"Tôi xấu xí từ thuở mới lọt lòng, khuyết điểm mà gia đình, bạn bè, đồng nghiệp thường nêu lên khiến tôi đâm ra bị ức chế. Vì tướng mạo và tính tình nên tôi thiếu cơ may có được những mối liên hệ bình thường với mấy cô gái, tôi quay vào nội tâm, dần dà có khuynh hướng đồng-tính luyến-ái. Vài cuộc tiếp xúc cho thấy mình quả có huynh hướng đó. Khỏi cần nói chắc ông cũng biết tôi khổ sở dài dài".

Rồi ông kể tiếp về những thất bại khi đi dạy học và làm nhiều nghề khác, mắc bệnh nặng về da và thường có ý định tự tử.

Đồng-tính luyến-ái, đau khổ dài dài, muốn quyền sinh quả là những chuyện hệ trọng, và ta có lý do để tin rằng đây chẳng phải là trường hợp đơn lẻ về mối liên hệ nhân quả giữa thân phận và tướng mạo bên ngoài. Thực vậy, khuynh hướng đồng-tính luyến-ái không chỉ do sự mất thăng bằng của các hormones hay là sớm sống trong hoàn cảnh kém lành mạnh, mà còn vì vóc dáng quá đàn bà hoặc quá đàn ông để có thể đảm nhiệm vai trò tự nhiên của một đấng nam nhi hay của một phụ nữ.

Vì ông ta cần được chẩn đoán về thể lực chứ không phải soi kiếp nên ta chẳng thấy ông Cayce nói chi về nguyên do tiền kiếp khiến thân thể kiếp này xấu xí, gây đau khổ trong lòng. Ông Cayce đưa ra các phương cách trị liệu, nhưng không nói chi nhiều về ngoại hình. Tuy nhiên có nhiều chứng cứ cho thấy ông đâu thờ ơ hay khinh rẻ ngoại hình. Nếu có ai vấn kế làm thế nào để cải tiến tướng mạo, ông luôn trả lời một cách rõ ràng. Ông khuyên họ nên làm đẹp da, tóc, bộ mặt hay ngoại hình, cũng như bảo tập thể dục, dùng các thuốc bào chế đặc biệt.

Hơn nữa các lời khuyên này dường như có tính cách triết lý, huyền bí học thời cổ. Người ta đoán *tiền kiếp của ông Cayce* là một Đạo sĩ cao cấp ở Ai

Cập, vào thời đại có hai đền thờ: Đền Hy Sinh và Đền Thẩm Mỹ, đều có đối tượng là sự kiện-toàn Tâm, Thân con người.

Ở Đền Hy Sinh có thực hiện việc chữa trị, với các dụng cụ điện cao tần (từ Châu Atlantis mang sang Ai Cập) làm cho thân thể đẹp đẽ, hoàn hảo hơn, sửa các dị hình nếu có thể.

Ở Đền Thẩm Mỹ các đạo sĩ có thần thông ban cho tín đồ những hướng dẫn tâm linh hay hướng nghiệp, và các môn âm nhạc, khiêu vũ, nghệ thuật nói chung đều phải phát xuất từ các khả năng cao quý nhất của nội tâm. Chính cái tên của đền đã nói lên ý hướng: Sắc Đẹp vừa là cứu cánh, vừa là phương tiện.

Có thể vào thời ban sơ, thời mà mặt trời, ánh sáng cùng các vẻ đẹp thiên nhiên thâm nhập rất nhiều vào kiến trúc nhà cửa đền đài, và có lẽ ở thời đại đó, ánh sáng, các vẻ đẹp, không khí tự do cũng tràn vào thân thể, nơi trú ngụ của linh hồn bất diệt. Y sĩ chắc cũng quan tâm đến việc chăm sóc sắc đẹp thân chủ nhiều như lo cho họ được khỏe mạnh, và có lẽ y sĩ cùng các tâm lý gia đều thấy khi tướng mạo hay một phần nào đó của cơ thể kém thẩm mỹ thì đây không chỉ là vấn đề thể xác mà còn có ý nghĩa tâm linh. Các giáo sĩ hẳn giảng dạy rằng hạnh kiểm tốt thực ra là hạnh kiểm đẹp, giúp cho Thân và Tâm đều đẹp. Có lẽ các lớp dạy triết dành ít thì giờ cho những sự suy đoán, mà lại dành nhiều thì giờ để nêu ra mục đích đời người của trí tuệ mà ngày nay nhờ khoa học tân tiến và cận tâm lý học ta có cái nhìn rộng hơn về vũ trụ, cho thấy tuệ giác và mỹ thể chỉ là hai mặt bất khả phân của một bản thể.

Có thể ngày nào đó ta sẽ có những trung tâm như Đền Thẩm Mỹ, Đền Hy Sinh, nơi hợp nhất để chữa trị và kiện toàn. Ở đấy con người toàn diện hẳn là mối quan tâm, chứ đâu chỉ là những phần nhỏ dưới con mắt chuyên môn của nha sĩ, chuyên viên nội tiết (endocrinologist), chuyên viên chữa bệnh chân (chiroprapist) hay tâm lý gia. Ở các trung tâm này tất cả các nguồn tài nguyên nội cũng như ngoại, sẽ được tận dụng để tạo ra những con người đẹp. Giống như Ai Cập, ở đây cũng có hai hướng nhắm: từ trong đi ra ngoài và từ ngoài vào trong. Dù tâm linh đóng vai chủ động nhưng thiết nghĩ vẫn có tác động hỗ tương. Tạo tác với vật thể (dù là đá, vải vóc, nước sơn

hay thân hình) hẳn có tính cách giáo dục, kỷ luật đối với tâm linh.

Trong tay một nhà kinh doanh thực tiễn, trung tâm đó hẳn gồm có thẩm mỹ viện, nhà đấm bóp tắm hơi, trung tâm hồi phục siêu hình, giống như một siêu thị cộng với kế hoạch đào tạo tài tử Hollywood. Dĩ nhiên siêu thị và Hollywood cho ta những thí dụ ích lợi về hiệu năng và tổng thể, nhưng trung tâm đó cần được điều hành với tinh thần tôn trọng và tận tụy, như thời xưa bên Ai Cập, chứ chẳng phải với đầu óc vụ lợi hoặc xiển dương nhục dục. Có lẽ phải mất nhiều thập niên trước khi thế giới có được một tinh thần như vậy.

Dù không có được ngôi đền như thế, những ai quan tâm đến việc giúp đỡ nhân loại có thể học hỏi nhiều nhờ lưu ý đến chủ đề sắc đẹp rút từ các cuộc chẩn đoán bằng thần nhân của Cayce. Và tất cả chúng ta nam cũng như nữ, nếu biết thân mạng phải trả qua rất nhiều kiếp, có lẽ sẽ thấy cần phấn đấu để được đẹp về mọi mặt.

Song phải làm một cách khá khách quan, không vì nhục dục, với tinh thần "hy sinh trọn vẹn, thánh thiện, đáng được Chúa chấp nhận", như ông Cayce đã nói. Nó phải được thực hiện với niềm thôi-thúc tương tự của một nghệ sĩ thấy cần đưa một hình ảnh đẹp lên khung vải, của một nhà điêu khắc tạc một bóng dáng yêu kiều lên đá. Trừ phi nó được tạo với nỗi đam mê khách quan vì thẩm mỹ, với cảm giác phải cố gắng hiến cho vũ trụ một món quà ít ra cũng đẹp như tạo vật tầm thường nhất của thiên nhiên, thì cái thân thể đẹp mà tạo ra sẽ chỉ là cạm bẫy và lừa dối.

Chúa Ki-Tô từng phán: "Cho nên con phải hoàn hảo, hoàn hảo như Cha của chúng ta ở trên trời". Nên ta chẳng có lý do gì tin tưởng khác hơn là phải kiện toàn thân thể vì thân là biểu hiện của tâm, dù biết rằng thân là thứ vô thường.

Thực ra, theo Cayce, mà sau này ta sẽ bàn đến, chủ ý của *Quyển Khải-Huyền* đầy bí ẩn nói về *sự tái sinh*, sự cứu rỗi toàn bộ con người, kể cả phần xác, để giống như Chúa Ki-Tô ta đạt đến mức hoàn hảo rạng rỡ cả tâm lẫn thân.

Edward Carpenter diễn tả sự thấu hiểu tu tưởng đó trong một tác phẩm ít được biết đến, quyển "Bí Ẩn của Thời Gian và Xa-Tăng" (The Secret of Time and Satan) như sau:

"Nghệ thuật tạo tác, cũng như bao nghệ thuật khác, phải được học tập, Từ từ, từ từ, qua bao năm tháng, bạn tạo dựng nên thân thể, Và sức mạnh bạn hiện có để bồi đắp cơ thể này do sự tích lũy từ các tiền thân, Nên trong tương lai bạn lại sẽ dùng sức mạnh hiện có. Nhưng sức mạnh để tạo dựng thân thể bao gồm tất cả sức mạnh".

Trọn bài thơ, và nhất là câu cuối vừa trích có những hàm ý sâu rộng khó thấu hiểu nếu chẳng có cái nhìn tin tưởng ở thuyết tái sinh. Bài thơ cũng ám thị mối tương quan nhân quả giữa tâm và thân.

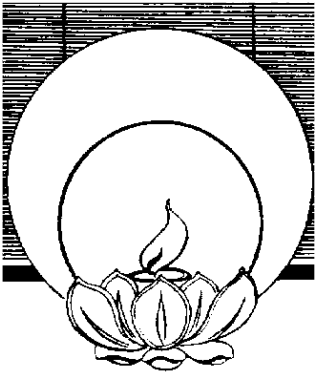
Quan điểm của Sri Aurobindo, một nhà hiền triết Ấn Độ đương thời, cũng giống như của ông Cayce. Sri tách rời khỏi Ấn Giáo truyền thống (rất chú trọng đến tâm linh, coi nhẹ vật chất). Trong quyển "The Life Divine", Sri cho rằng ta đạt đến tâm linh nhờ thiền-định và có cuộc sống nội tâm, nhưng sau đó ta phải nhập thế và cải biến thế gian theo những hình ảnh của tâm linh. Vì vậy đời sống (gồm tất cả các định chế, nhà cửa dinh thự, tổ chức, thân thể con người) phải được ta tạo tác theo hình ảnh của Thượng Đế, và đời sống sẽ trở nên thực sự thánh thiện.

Chắc chắn có nhiều quan điểm triết lý chú ý đến mối liên hệ giữa thế giới vật chất và thế giới tâm linh, giữa thân và tâm, nhưng cũng có những quan điểm hoàn toàn duy vật, và những chủ thuyết chối bỏ thế giới vật chất, chối bỏ thân thể, không chấp nhận quan điểm của Carpenter, Aurobindo hay Cayce.

Nhưng những ai đồng quan điểm với Cayce sẽ thấy các cặp yếu tố đối lập không thể hòa hợp là vật chất và tâm linh, thân và tâm biến mất, cũng như chúng đang biến mất trong thế giới của các nhà vật lý hiện đại. Thực vậy, nhà vật lý cho ta biết đâu có cái gọi là "vật chất", mà chỉ có năng lượng ở một tỷ trọng, một cấu trúc nào đó. Ít ra theo quan điểm của Cayce, Carpenter và Aurobindo, chúng ta có nhiệm vụ không chối bỏ, không lờ đi sự hiện hữu của cái gọi là "vật chất", mà với sự hiểu biết, quán chiếu, nỗ lực và yêu thương, ta chuyển hóa nó lên các bậc cao hơn, thành những mẫu hoàn mỹ có thể sánh với vẻ đẹp và tính tuyệt hảo của những gì Thượng Đế đã tạo ra.

Xin xem kỳ tới:

Mục 4. Các tuyến nội tiết



Khoa học và Phật Giáo

Liễu Pháp trích dẫn và suy tư

Trích dẫn :

Sau đây là lời của một số khoa học gia và tác giả nổi tiếng nói về Khoa học và Phật giáo:

• **Albert Einstein** (Khoa học gia nổi tiếng nhất thế kỷ thứ 20): *"Nếu có một tôn giáo đường đầu với những nhu cầu khoa học tân tiến, thì đó là Phật giáo"*.

• Ngài **Edwin Arnold** (Tác giả thi tập "Ánh Sáng Á Châu") : *"Tôi thường nói, và tôi sẽ nói mãi, là giữa Phật giáo và Khoa học tân tiến có một mối liên hệ trí thức mật thiết"*.

• **Bertrand Russel** (Nhà toán học và triết gia nổi tiếng): *"Phật giáo là tổng hợp của cả hai triết lý suy quán và khoa học. Phật giáo biện hộ cho phương pháp khoa học và đuổi theo cho đến một cứu cánh có thể được gọi là thuần lý... Phật giáo còn đi xa hơn đến những phạm vi mà khoa học bị giới hạn vì dụng cụ"*.

• Tiến sĩ **Radhakrishnan**: *"Nếu đạo Phật đã hấp dẫn được trí óc tân tiến, đó là vì đạo Phật quả có tinh thần khoa học, thực nghiệm và không dựa vào giáo điều nào"*.

• Tiến sĩ **Graham Howe** (Nhà phân tâm học Anh nổi tiếng) : *"Đọc một ít về Phật giáo là nhận thức được rằng, 2500 năm trước Phật giáo đã biết về các vấn đề tâm lý hiện đại sâu xa hơn hẳn chúng ta tưởng. Họ nghiên cứu các vấn đề từ lâu lắm và đã tìm ra giải đáp. Ngày nay chúng ta đang khám phá lại trí tuệ của phướng Đông"*.

• **H. G. Wells** (Khoa học gia và sử gia nổi danh) : *"Phật giáo vẫn còn tồn tại trong các vùng rộng lớn trên thế giới. Khi tiếp xúc với khoa học phương Tây và được hưởng khởi bởi tinh thần sử học, giáo pháp nguyên thủy của Ngài Cồ Đàm được sống động trong sáng trở lại, có thể sẽ đóng vai trò lớn trong việc hướng dẫn vận mệnh nhân loại"*.

• **K.G. Jung** (Nhà tâm lý học hàng đầu thế giới, từ Zurich): *"Là một người nghiên cứu các tôn giáo đáng kể, tôi tin rằng Phật giáo là tôn giáo hoàn hảo nhất trên thế giới. Triết lý của Đức Phật với lý Duyên Sinh, luật Nghiệp Quả thật là cao hơn hẳn mọi tôn giáo khác"*.

Suy tư về khoa học & Phật Pháp

Với những trích dẫn trên, là lời của những khoa học gia và tác giả nổi tiếng hiện đại, chúng ta thấy rõ giới hạn của khoa học và sự tôn trọng Phật Pháp. Ai cũng biết khoa học có những khám phá quan trọng đáng kể, đã, đang và sẽ có ích lợi cho nhân loại về nhiều phương diện. Khoa học và kỹ thuật là động lực chính đang thay đổi thế giới ta đang sống một cách nhanh chóng, nhất là trong những thập niên gần đây. Sự tiến bộ của khoa học đã làm thay đổi cách sống của con người, từ cách chữa bệnh, học hỏi, truyền thông, giải trí cho đến di chuyển. Con người từ nhiều ngàn năm trước đã từng đi bộ khoảng 5 km/giờ, đi ngựa 15 km/giờ, rồi xe lửa 150 km/giờ, đến phi cơ phản lực khoảng 5000 km/giờ và đã vượt qua tốc độ âm thanh. Cho đến thập niên gần đây, phi thuyền đã vượt 30.000 km/giờ. Về mức độ truyền thông thì các tiến triển ngành điện toán đã vượt ngoài sự tưởng tượng của mọi người và còn hứa hẹn nhiều tiến triển khác trong tương lai rất gần. Một hệ thống truyền thông vòng quanh thế giới đang được hoạch định và sẽ chuyển 50 triệu chữ mỗi giây và khoảng 150.000 điện đăm cùng một lúc trong một đường dây cáp quang thật nhỏ.

Khoa học có ích lợi như vậy, chẳng ai phủ nhận giá trị của khoa học. Tuy nhiên chỉ những kẻ duy-vật mới lầm tưởng, không biết lượng đúng giá trị của khoa học, không hiểu được giới hạn của khoa học. Chủ nghĩa duy-vật dựa vào vài nguyên tắc khoa học tạo nên chủ nghĩa Marx, cho rằng chỉ có vật chất là thực thể duy nhất và tâm là sản phẩm của vật chất. Ngược lại, những kẻ quá khích khác theo chủ nghĩa duy-tâm, nói rằng chỉ có tâm là thực thể duy nhất, rằng những gì ta thấy, nghe, nếm... có thể chỉ là những gì tâm đặt để vào vật chất. Ngày nay chẳng mấy ai còn cho rằng tâm và đối tượng là hai thực thể riêng biệt. Hơn thế nữa, Phật Pháp đã dạy Vô Ngã, chẳng có gì có tự tánh riêng, lý Duyên Sinh, sự lý hội một là tất cả, tất cả là một... Chẳng cần phải nói nhiều, những trường phái quá khích chẳng đi tới đâu, chúng ta đã thấy sự sụp đổ của chủ nghĩa Marx trong những năm gần đây. (Ở các nước Cuba, Bắc Hàn, Việt Nam, có chế độ Cộng Sản, nhưng chủ nghĩa Marx chẳng còn được đề cao). Về sự tiến bộ của khoa học, càng có nhiều khám phá mới đi sâu về vật lý lượng tử, đi vào thế giới vi tiểu, khoa học càng thấy nhiều vấn đề khó giải quyết.

Khoa học có ba giai đoạn trong tiến trình trí thức: phân loại, phân tích và giải luận. Phân loại là để nhận biết những tính chất giống nhau và khác nhau của các yếu tố; phân tích là mổ xẻ những phần kết hợp và giải luận là cất nghĩa quá trình cấu tạo để tìm ra tổng luật áp dụng. Phân loại, phân tích và giải luận chẳng còn chính xác mấy khi áp dụng vào tâm lý học.

Bởi vì các yếu tố tâm lý không cụ thể như các yếu tố của một hiện tượng thuần vật chất nên kiến thức khoa học quả là giới hạn khi nói đến sự liên hệ giữa Thân và Tâm. Chúng ta đã thấy y-sĩ ngày nay xử dụng các phương pháp cổ truyền, căn cứ vào triết lý cổ truyền phương Đông, như triết lý Vệ Đà; y-khoa thân/tâm đã bắt đầu được áp dụng (Bác sĩ Deepak Chopra).

Những khoa học gia nổi tiếng, như Albert Einstein, đã công nhận sự đóng góp của Phật Pháp vào kiến thức về đời sống nhân loại. Ngoài lý Duyên Sinh, luật Nghiệp Quả, Đức Phật đã dạy Vô Diệu Pháp (được đề cao trong Nam Tông) và Duy Thức Học (dùng nhiều trong Bắc Tông). Những giáo

pháp này đã cắt nghĩa những lãnh vực tâm lý mà khoa học chưa tìm đến, chẳng hạn như sự phân loại các Thức, sự liên hệ giữa Thân và Tâm, Ngũ Uẩn (Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức). Người Phật tử hiểu rằng sự trạch pháp là cần thiết nhưng trạch pháp không thôi thì không thanh lọc được tâm ô nhiễm, không đạt được Trí Tuệ. Phật Giáo rất khoa học và thực nghiệm vì chúng ta có thể kiểm chứng lý thuyết đã học bằng kinh nghiệm có được do thực tập. Đức tin trong Phật Giáo không như đức tin trong các tôn giáo khác ở chỗ đức tin được đặt căn bản và xây dựng bằng kinh nghiệm có được do thực tập. Tứ Diệu Đế, chỉ rõ nguyên nhân của Khổ và con đường Bát Chánh Đạo để ta thực tập Giới (Chánh Ngũ, Chánh Mạng, Chánh Nghiệp), Định (Chánh Niệm, Chánh Định) và Huệ (Chánh Kiến, Chánh Tư Duy) để được giải thoát khỏi Khổ. Như đã nói ở trên, khoa học rất chú trọng tới phân tích. Một trong những sự khác biệt giữa Đông và Tây phương là một bên chú trọng về tổng hợp, một bên thì chú trọng về phân tích. Phân tích mãi với cái tâm đối đãi, nhị nguyên thì cũng tới lúc bí lối và chẳng bao giờ tìm được bản chất của thực tại.

Đặc điểm của Phật Pháp là dạy ta tự nỗ lực thanh lọc ô nhiễm trong thân tâm, từ bỏ lãng quên, quay về với tình thức, quán sát mọi hiện tượng sinh khởi, cho nổ bùng cái trí tuệ lớn, vượt tới bờ bên kia của trí tuệ Giác Ngộ - paragate parasamgate bodhi svaha !

Kinh Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật nguyên gồm 8 ngàn câu, vì quá dài nên đã được thu gọn lại thành Tâm Kinh ngắn hơn rất nhiều, tuy nhiên, dưới ảnh hưởng của Mật Tông, có thể được thu gọn thành một chữ: TÂM. Phải chăng đây là một sự tổng hợp tuyệt vời ? Phải chăng TÂM là đầu mối thông suốt mọi sự ?

Chúng ta còn chờ đợi ở khoa học nhiều khám phá nữa, nhất là trong lãnh vực Tâm và Thân, trong khi đó thì trong Phật Pháp đã có một nền tâm-lý-học, Vi Diệu Pháp, đã có từ hơn 2500 năm. Chúng ta hiểu biết về Tâm thay Thức từ Vi Diệu Pháp. Thức là sự biết đơn thuần về một hiện tượng và Thức được sinh khởi hay không là tùy các duyên hay điều kiện. Thức được chia như sau: Nhân thức, Nhĩ thức, Tỉ thức, Thiết thức, Thân thức và Ý thức. Ý thức được sinh khởi là do tâm và đối tượng của tâm. Ai cũng biết căn của nhân thức là con mắt, căn của nhĩ là lỗ tai, v.v... còn căn của ý thức là gì và ở đâu ? Phải chăng là óc não hoặc quả tim ? Kinh điển không nói ở đâu, chỉ nói đó là một thành phần vật chất. Tâm ở đâu ? Đó là một câu hỏi lớn. Phải chăng mỗi hành giả phải tự tìm câu trả lời bằng công phu tu tập của mình ?

Tỳ Kheo Anoma Mahinda, tác giả cuốn "Họa đồ của Hạnh Phúc" đã viết:

"Đức Phật đã giảng dạy về những dữ kiện thiên nhiên 25 thế kỷ trước, những điều mà các nhà khoa học Tây phương chỉ mới tìm ra trong thập niên vừa qua. Phật Pháp là sinh lực mạnh mẽ nhất có thể mang lại cho con người và mọi quốc gia".

Phật Pháp là sinh lực mạnh mẽ nhất bởi vì Phật Pháp rất khoa học và thực tiễn; Phật Pháp không đề cập tới các vấn đề siêu hình. Phật Pháp dạy ta phát triển trí tuệ, chẳng tìm kiếm gì ngoài nỗ lực của chính mình để giải thoát khổ cho chính mình và toàn thế giới. •

• Liễu Pháp

(Xin xem phần tiếng Anh trang 28)

Thơ

• VI KHUÊ

Tổng biệt hành

Ta tưởng Người
đi về phương Đông
Ta rót cho Người
chén rượu hồng
Rượu sẽ mềm môi
Người sẽ khóc
Ta cười Người
có hiểu gì không ?

Ta tưởng Người
đi về phương Tây
Ta rót cho Người
chén rượu đầy
Rượu sẽ làm cay
đôi mắt ướt
Ta nhìn, lệ rớt
giữa lòng tay...

Ta tưởng Người
đi về phương Nam
Ta rót cho Người
chén rượu tràn
Rượu sẽ làm hoen
thân áo bạc
Người về khật
khưỡng dưới vàng trăng...

Ta tưởng Người
đi về phương Bắc
Ta rót cho Người
chén rượu ngọc
Rượu sẽ vì ta
nói với Người:
Vĩnh biệt. Đừng
quay nhìn ngõ trúc.

Ta tiễn Người. Ồ !
ta tiễn Người
Rừng phong không gió
trời không mây
Hoa đâu. Để
ngát thơm vườn ngự
Ta tiễn Người mà.
Ta tiễn Người ! ...



Ý nghĩa sự giác ngộ của ĐỨC PHẬT

Giác Nguyên



Chúng ta cũng nên nhớ lại những lời giáo huấn của Đức Thích Ca Mâu Ni, tìm một phương pháp để giải đáp một phần nào những khủng hoảng tinh thần hiện nay.

Sống ở một nước có nhiều thành quả khoa học kỹ thuật tiến bộ như nước Pháp, chúng ta thừa hưởng được nhiều tiện nghi vật chất, đặc biệt là nền an ninh xã hội, bảo hiểm sức khỏe, dễ di chuyển và theo dõi tin tức, văn nghệ v.v... Tuy nhiên về vấn đề tinh thần, không phải mọi sự đều ổn như trên:

-Tiến bộ vật chất đem theo nhiều sự suy bại xã hội như nghiện hút, hãm hiếp trẻ em, tình nghĩa gia đình sút kém, đạo đức suy thoái, thanh niên tự tử v.v...

-Kỹ nghệ phát triển làm hủy hoại môi trường. Kinh tế tập trung gây thêm những chênh lệch xã hội.

Cho nên tại Âu Mỹ, nhiều người trở về tìm lại những giá trị tinh thần và lẽ sống trong những tôn giáo cổ truyền nói chung và Phật Giáo nói riêng. Đài truyền hình A2 dành một nửa giờ mỗi sáng chủ nhật về Phật Pháp, cho hàng trăm ngàn Phật tử nói tiếng Pháp. Số sách viết bằng tiếng Âu Mỹ về kinh điển Phật Giáo càng ngày càng nhiều. (Đây là một thí dụ sách mới bán chạy (1)).

Nói đến Phật Giáo, thiết nghĩ cũng nên có đôi lời tóm lược về tiểu sử Đức Phật, và tiếp theo xin kể vài phép tu hành đơn giản theo phương pháp thiền cho những Phật tử tại gia.

I) Tiểu sử Đức Phật Thích Ca

Cách đây 2624 năm, năm 624 trước Tây lịch, Ngài đản sinh trong Hoàng tộc Thích Ca, họ là Cồ Đàm, tên là Tất Đạt Đa, ở Népal bắc xứ Ấn Độ. Mặc dầu đời sống vật chất của vị Thái tử vô cùng sung sướng, Ngài vẫn thấu hiểu sự đau khổ của kiếp người và hết thầy chúng sinh, nên vào năm 29 tuổi, Ngài rời bỏ cung vàng điện ngọc, vua cha, vợ và đứa con mới sinh, xuất gia tìm Đạo. Sống một đời kham khổ, Ngài muốn tìm một đường lối chấm dứt sự đau khổ cho mọi người và hết thầy chúng sinh. Sau 6 năm, Ngài theo học nhiều thầy danh tiếng thời bấy giờ, rồi tu ép xác trong rừng đến nỗi gần thành một xác chết. Ngài nhận thấy ép xác không đem lại cứu cánh giác ngộ. Trở lại ăn uống bình thường, Ngài tọa thiền dưới gốc Bồ Đề ở rừng Bodha-Gaya (Bồ Đề Đạo Tràng) gần Bénarès (Ba-na-lại). Sau 49 ngày thiền định, vào một đêm trăng tròn tháng tư âm lịch (Theo Phật Giáo Nguyên Thủy), Ngài tìm ra Chân Lý, nhất là hiểu rõ luật sanh tử luân hồi, tìm ra đường lối chấm dứt sự đau khổ. Ngài thành một vị Phật (Phật theo Phạn ngữ có nghĩa là Đấng Giác Ngộ hoàn toàn). Sau đó suốt 45 năm trường, Ngài đi đó đây trong miền bắc Ấn Độ truyền bá đạo Ngài tìm ra, dạy tử, bi, hỷ, xả đối với tất cả, và giải thoát khỏi sinh tử luân hồi. Vào năm 80 tuổi, đã mãn phần hoằng hóa, Ngài nhập Niết Bàn trong rừng ta-la giữa hai cây song thọ, trước hơn năm trăm đệ tử, và tám vị vua chúa Ấn Độ. Phật lịch năm thứ nhất từ đây, tính đến nay đã được 2544 năm. Về sau Đạo của Ngài được truyền cùng khắp Á Châu, và cuối cùng, trong thế kỷ 19 và 20 sang cả Âu Mỹ (Chi tiết cuộc đời Đức Phật, xin xem (2), (3)).

II. Ý nghĩa sự giác ngộ của Đức Phật

Đức Phật đã giác ngộ hai điểm chính cốt trong đêm thành đạo:

A) Luật nhân quả, hay nghiệp báo (Kamma*) chính nó làm cho chúng sinh lặn ngụp trong vòng sinh tử luân hồi (samsara*);

B) Con đường giải thoát hoàn toàn khỏi đau khổ, đưa tới Niết Bàn (Nibbana*), hoàn toàn an lạc

a) Luật nhân quả

Nếu ta trồng một hạt xoài (nhân), ta sẽ được một cây xoài. Đây là luật nhân quả trong cỏ cây.

Trong cuộc đời con người, cũng vậy: *Nhân lành quả lành, nhân ác quả ác.* Thánh kinh Thiên Chúa Giáo thì nói: "*Trồng gì thì gặt nấy*" (On récolte ce qu'on a semé). Trong đạo Nho (Gia huấn ca của Nguyễn Trãi) có câu: "*Hiền lành lấy tiếng với đời, Lòng người yêu dấu là trời độ ta*".

Nghiệp là hành động có chủ ý, bằng thân, miệng hoặc ý. Hậu quả của nghiệp là *nghiệp báo*.

Trong đêm thành đạo, Đức Phật đã nhớ lại được hết thầy những kiếp quá khứ của Ngài (*túc mệnh minh*), đã thấy rõ những tiến bộ trong sự tu hành của mình trong đời này là nhờ hết thầy những nỗ lực cũ của các kiếp (3).

Cũng như vậy, nhờ phép thần thông siêu phàm, Ngài thấy được các chúng sinh luân chuyển trong vòng sinh tử luân hồi (samsara*), lúc nhục lúc vinh, lúc sống lúc khổ, tùy theo nghiệp đã tạo về trước (đó là *Thiên nhân minh*) (3).

Đức Phật nói: "Chúng sinh thừa hưởng những nghiệp mà họ đã tạo. Chính vì nghiệp báo mà được cao sang hay hèn hạ". (Majjhima Nikaya).

Luật nhân quả không sao tránh được: "*Dù là ở trên trời, đáy biển, hoặc trong hang núi, không có nơi nào, kẻ làm ác tránh khỏi những tội mình đã làm* (Kinh Pháp Cú, Dhammapada 127).

Vì luật nhân quả nghiệp báo, mà chúng sinh lặn ngụp trong vòng sinh tử luân hồi (samsara*)

b) Sự đau khổ và đường giải thoát khỏi sự đau khổ (Tứ Diệu Đế)

Chính vì muốn tìm ra đường giải thoát cho hết thầy chúng sinh, mà Thái tử Tất Đạt Đa đã từ khước ngai vàng để đi tu. Sau khi tìm ra Đạo giải thoát, Ngài thuyết cho năm vị tu sĩ đã tu khổ hạnh với Ngài thuở trước tại vườn Lộc Uyển (Isipatana), gần Bénarès. **Đó là bốn chân lý cao thượng, hay tứ diệu đế:**

Chân lý thứ nhất là sự đau khổ:

"*Già là khổ, ốm đau là khổ, chết là khổ, sống với người mình không yêu là khổ, bị xa cách người mình yêu là khổ; tóm lại thân ngũ uẩn (vòng sinh tử luân hồi) là khổ*".

Chân lý thứ hai là Nguyên nhân của sự khổ: chính là lòng Ái dục (tanha*) (lòng tham muốn và ưa thích), đó là lòng tham muốn ngũ trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc). Nói kỹ hơn là lòng tham lam, hờn giận, si mê (Tham, sân, si, ba thứ độc).

Chân lý thứ ba là chấm dứt sự đau khổ: Đó là sự chấm dứt nguyên nhân của nó, chính là ly tham, dẫn tới Niết Bàn (Nibbana*), nói an lạc hoàn toàn.

Chân lý thứ tư là con đường đi tới chấm dứt sự đau khổ (Đạo diệt khổ). Đó là Bát Chánh Đạo (Tám con đường chân chính):

- **Chánh kiến** (hiểu biết chân chính)
- **Chánh tư duy** (suy nghĩ chân chính)
- **Chánh nghiệp** (việc làm chân chính)
- **Chánh ngữ** (lời nói chân chính)
- **Chánh mạng** (sinh sống chân chính)
- **Chánh tinh tấn** (cố gắng chân chính)
- **Chánh niệm** (chú ý chân chính)
- **Chánh định** (an tịnh tâm ý)

Nói gọn hơn, đạo diệt khổ gồm ba điều: **Tri giới, Thiên định và Tri tuệ**, nói tắt là **Giới, Định, Tuệ**.

Tri giới (Sila*), là bỏ các việc ác (gây đau khổ cho kẻ khác và chính mình):

- Trong việc làm (chánh nghiệp): không sát sinh, trộm cướp, tà dâm, nghiện rượu và các chất say.
- Trong lời nói (chánh ngữ): không nói dối, nói đâm thọc, nói thô tục, nói nhảm nhí.
- Trong cách sinh sống (chánh mạng): tránh nghề sát sinh như giết súc vật, bán súng ống, mồi dâm v.v...

Thiên định gồm Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định, là luyện tâm an vui và giải thoát.

Tri tuệ gồm:

- Chánh kiến là hiểu rõ chân lý (về Nghiệp báo và Niết Bàn),
 - Chánh tư duy là suy tư, nguyện vọng hướng về từ khước, tử, bi, hỷ, xả.
- Giáo huấn ca của Đức Phật có thể tóm tắt trong câu Pháp cú:

Bỏ các điều ác,

**Làm các điều lành,
Thanh tịnh tâm ý,
Đấy lời Phật dạy.**
(Dhammapada, Pháp cú 183)

II) Vài phép tu (Thiên định):

A) Đức Phật truyền bá giáo pháp của Ngài tùy theo căn cơ, trình độ của chúng sinh. Nói đơn giản thì có hai trình độ khác nhau:

1) Đối với những vị **xuất gia** (rời nhà đi tu), thì mục đích là tu giải thoát, **thoát khỏi vòng sinh tử luân hồi**; giới luật nghiêm khắc, thanh bần, độc thân, chay tịnh, v.v...

2) Đối với những người **tại gia** (Cư sĩ) còn sống trong gia đình, xã hội, thì mục đích là huấn luyện thành những người tốt, sống **hòa hợp với gia đình, bạn bè và xã hội**, mà hướng thiện cho tương lai tốt đẹp trong đời này và đời sau.

B) Có nhiều **pháp môn tu hành**:

- **Thiền Tông** dựa là **tự lực**, dùng thiền định,

- **Tịnh Độ Tông** dựa vào **tha lực**, niệm danh hiệu A Di Đà, Quán Thế Âm, v.v...

- **Mật Tông** niệm **thần chú**, đạt được cảm ứng Đạo giải thoát...

Mỗi Tông có một cách thức khác nhau, đều có cái hay riêng, thích hợp từng người, song mục đích vẫn là an tâm, hướng thiện và giải thoát.

C) Sau đây, chúng tôi xin kể sơ lược **vài phép tu thiên** hàng ngày cho Cư sĩ tại gia, mà chúng tôi đã áp dụng, thấy đem lại an lạc. Những nghi thức kể sau là cho người có đức tin hay không tin (croyants ou non croyants), hoặc tin theo đạo nào cũng được.

Những phép này đã được chính Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, và các đệ tử của Ngài áp dụng hàng ngày để đem lại an lạc, và sau khi Ngài tịch diệt, những phép thiên này đã được truyền lại trong Nam Tông (**Nguyên Thủy "Theravada"**), cũng như trong Bắc Tông (**Đại Thừa, "Mahayana"**). Chắc chắn không thể nào không thiếu sót, xin quý độc giả hoan hỉ tha thứ.

Sau đây là hai pháp thiên định rất thông dụng:

1) Thứ nhất là phép **Quán niệm hơi thở** (hít vô và thở ra) (**Anapanasati** *) (4, 5, 6), mục đích là luyện cho tâm được hỷ lạc và giải thoát;

2) Thứ hai là **thiền định tâm tử (Metta bhavana *)** nhằm luyện lòng tử bi đối với toàn thể chúng sinh.

1/ **Quán niệm hơi thở** gồm bốn phần:

- An định hơi thở và thân thể,
- An định giác quan,
- An định tâm trí,
- Quán vô thường, đạt sự ly tham và hỷ lạc, ngưỡng cửa của Niết Bàn.

2/ Trong phép **thiền tử bi (Metta bhavana *)** thì mình hướng tâm tử của mình lần lượt tới một người thân, rồi một người dưng, rồi tới một người thù nghịch; hoặc hướng tâm tử lần lượt tới những người ở phía Đông, phía Tây, phía Nam, phía Bắc, phía trên, phía dưới. Cuối cùng mình tràn đầy lòng tử bi với hết thảy mọi chúng sinh (7).

Hai phép tu thiên nói trên nhằm mục đích luyện trí tuệ và từ bi.

Trong 45 năm sau khi giác ngộ, Đức Phật còn thể hiện lòng **dũng cảm**: không trốn tránh cuộc đời, Ngài thường lần lộn trong trần thế, cùng với đệ tử, cứu khổ và ban vui cho mọi người, không phân biệt kẻ sang người hèn, không phân biệt chủng tộc và giai cấp.

Hay thay, tu hành thoát vòng sinh tử luân hồi để trở lại trần thế cứu độ cho hết thảy chúng sinh đau khổ, đó là thế nguyện của các vị Đại Bồ Tát.

"*Còn không gian, còn chúng sinh,
Thì tôi còn mong lưu lại,
Để đem lại an vui
Cho chúng sinh hết đau khổ*".
(Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14, 1989)

"*Aussi longtemps que durera
l'espace,
Aussi longtemps que subsisteront
les êtres vivants,
Puissé je aussi demeurer,
Pour dissiper la souffrance du
monde*".
(14ème Dalai Lama, Oslo, 1989)
(8)

*
* *

Tóm tắt về sự giác ngộ của Đức Phật:

Vũ trụ vẫn xoay theo **Luật Nhân Quả** (Nghiệp báo):

Nhân lành quả lành, nhân ác quả ác,

minh tạo nghiệp mình chịu hệ quả.

Bốn chân lý cao thượng (Tứ Diệu Đế) :

Đời người đầy Khổ đau
Gốc Khổ là Ái dục ích kỷ,
Diệt Khổ phải dẹp Ái dục;
Đường diệt Khổ là Bát Chánh

Đạo,

nói gọn là **Trì giới, Thiên định và Trí tuệ**.

Trì giới là bỏ ác làm lành (về tâm, khẩu, ý);

Thiên định cho tâm an tịnh và từ bi,

và đƯỢC trí tuệ sáng suốt.

(2 phép thiền hiệu quả: Quán niệm hơi thở và Quán tử bi)

Thệ nguyện của Bồ Tát:

Chúng sinh không số lượng

Thệ nguyện đều độ khắp.

Phiền não không cùng tận

Thệ nguyện đều dứt sạch,

Pháp môn không kể siết

Thệ nguyện đều tu học;

Phật đạo không gì hơn

Thệ nguyện được viên thành.

Bài này đã được Đ.H. Tử Khoa và Huỳnh Thanh Long xem lại và bổ túc.

Ghi Chú:

(1) Jean François REVEL et Matthieu RICARD, Le moine et le philosophe, Le bouddhisme aujourd'hui, Editions NIL, Paris 1997.

(2) NARADA THERA, The Buddha and his teachings, Buddhist Publication Society, Sri Lanka, 1988, pp 1-148. NARADA THERA, Phạm kim khánh dịch The Buddha and his teachings, Đức Phật và Phật Pháp, Nhà in Hạnh Phúc, Gia Định 1970. In lần thứ ba 1998, Kỳ Viên Tự Washington D.C. - USA.

(3) NARADA THERA, Le Bouddhisme en quelques mots, Éd. Pagode Khanh Anh, Bagneux, 92.220, France.

(4) LOWNSBRREY (Association des Amis du Bouddhisme), Librairie Adrien Maisinneuve, Rue Saint Sulpice, 75 006, Paris, p. 165-178.

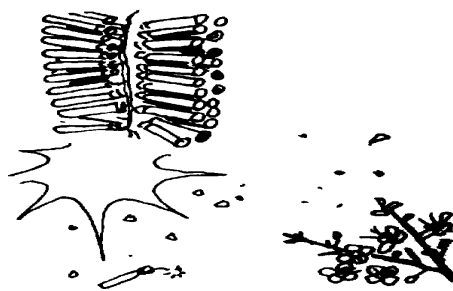
(5) PRAJANANDA (Réné Joly), Centre de Méditation de Gretz, Armanvilliers, 77.220, Le Bouddhisme gnostique, Arché, Milano, 1981, p. 131-182.

(6) THICH NHAT Hạnh (Village des Pruniers, 47.120, Loubès-Bernac) La respiration essentielle, Éd. Albin Michel, 1996.

(7) LOWNSBERRY, Réf. 4, p. 110-118. Voir aussi NARADA THERA, Réf. 3, p. 85-87.

(8) S.S. Gyatso Tenzin, 14ème Dalai Lama, Prix Nobel de la Paix, Discours d'Oslo, 1989, Publication de Soutien au Peuple Tibétain, B.P. 175, 75.062, Paris Cedex 02.

(Xem phần tiếng Pháp trang 30)



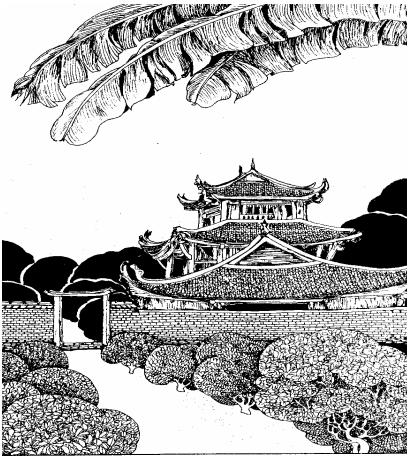
Mùa Xuân Yêu Thương

Mùa Xuân mới,
những cành non trở lộc
Kỷ Nguyên Hoa, Xuân hy vọng nhiệm màu
Nhân loại đợi chờ, ao ước tử lâu
Như chúng sinh mở về Hoa Linh Thoại
Vũ trụ chuyển mình, mùa Xuân khai hội
Tuổi thanh niên hành trang mới dang trình
Thế giới khoa học tiến không ngừng, những vệ tinh
Những khám phá văn minh, những công trình khảo cứu
Trên đà tiến theo tháng năm hiện hữu
Xuân điểm tô non nước tuần hoàn
Tôi viết lời thơ cảm tạ Thượng Đế... Cảm tạ vô vàn
Kỷ nguyên mới mở đầu trang sử mới
Suối tâm linh mát rượi cả ngàn phưởng
Xóa hận thù, không tranh chấp, Xuân Yêu Thương
Xuân Đại Nguyên, Xuân Hòa Bình nắng mới
Quê Hương Việt Nam đã bao năm chờ đợi
Xuân Tưởng Phùng, Xuân Đất Trời Mở Hội
Đàn con tha phưởng lưu lạc trở về
Nắng hồng tuổi em bé hát trên đê
Những tình nhân trọn câu thề ước hẹn
Bà Mẹ Già miệng nhai tràu bôm bôm
Nụ cười tuổi rạng rỡ má nhán nheo
Tiếng chuông ngân vang ngát cả khung chiều
Tiếng mõ sớm an hòa, chuông thánh đường vang dội
Nhân Loại Hòa Bình, lòng người phôi phôi
Những tình thân hội tụ khắp muôn phưởng
Không còn cách ngăn ranh giới biên cương
Lũ con về quỳ bên Mẹ Quê Hương
Kỷ Nguyên Hoa phải Mùa Xuân Màu Nhiệm
Xin khói trầm và dâng hoa cầu nguyện
Xuân Hòa Bình, Mùa Xuân Của Yêu Thương
Người người hân hoan,
cờ vàng bay phất phới trên Quê Hương
Tôi cùng bạn ta nguyện cầu nhân loại
Xin Yêu Thương trở lại... Đời An Bình Thế Giới đẹp như thơ
Thơ nhân ái muội mà... Vũ Trụ Thơ...
Biển nhân gian thành thiên đường hạ giới
Dâng Khấn Nguyện, tôi chờ mùa Xuân tới
Xuân Hòa Bình Thế Giới... Xuân Ước Mơ...

• Tuệ Nga

Viết về Trung Tâm Tu Học VIÊN GIÁC Tại Bồ Đề Đạo Tràng - Ấn Độ

Thích Như Điển



Danh từ Viên Giác có nghĩa là giác ngộ một cách tròn đầy; hiểu biết một cách thông suốt. Ngày xưa khi Phật còn tại thế Ngài cũng đã giảng một bộ kinh có tên là Viên Giác. Thế rồi từ đó đến nay danh từ này đã dùng đến không biết bao nhiêu lần, nhằm để viết tên kinh hay đặt hiệu cho chùa; đôi khi còn chọn làm pháp hiệu của một vài vị danh Tăng nữa. Dĩ nhiên là danh xưng ấy chẳng dành cho riêng một ai cả. Nhưng với tôi, chữ VIÊN GIÁC này đã khởi đi từ thập niên 60 khi mà một Chú Tiểu bắt đầu tập sự tại một ngôi chùa ở Hội An đã có tên là Viên Giác.

Đến năm 1977, sau hơn 5 năm du học tại Nhật, tôi đến Đức, ban đầu chẳng dự định thành lập chùa chiền, chỉ muốn tiếp tục con đường học vấn mà thôi; nhưng cơ duyên đã đến nên ngày 2 tháng 4 năm 1978 một ngôi Niệm Phật Đường tại Hannover - Đức Quốc ra đời, tôi đã đặt tên là VIÊN GIÁC để nhớ đến ân Sư, nhớ đến ngôi chùa nơi tôi đã xuất gia và học đạo kể từ năm 1964 đến nay.

Từ năm 1977 đến nay tại xứ Đức này tôi đã cho xuất gia 33 vị và đã ra đời hết 5 người; còn lại 28 vị. Trong 28 vị đó có 3 vị đã mãn phần. Hiện tại Tăng Ni còn 25 người, đa phần là Tăng

và đặc biệt số Tăng sĩ này đều đồng chơn nhập đạo. Trong số này có Thầy Hạnh Nguyễn và Thầy Hạnh Tấn là những người đệ tử có nhân duyên xuất gia với tôi từ năm 1987. Kể cho đến nay (2001) cũng đã hơn 14 năm rồi. Trong 14 năm ấy quý Thầy đã ở với tôi dưới ngôi chùa Viên Giác này ít nhất cũng từ 1 cho đến 6 năm, rồi ra đi học đạo tại Ấn Độ.

Đến năm 1999 hai Thầy có ý thành lập một ngôi chùa tại Bồ Đề Đạo Tràng để cho Phật Tử tu học và có thừa với tôi rằng sẽ chọn tên VIÊN GIÁC để nhớ lại nơi xuất xứ của các Thầy ấy. Dĩ nhiên là tôi đã không phản đối điều này và suốt hơn 2 năm qua Trung Tâm Tu Học Viên Giác tại Bồ Đề Đạo Tràng đã được thực hiện.

Khởi đi từ tấm lòng của những người Tăng Sĩ trẻ được xuất gia tại ngoại quốc và được trau dồi ngoại ngữ cũng như giáo dục một cách có hệ thống và tổ chức cho nên tôi đã tin tưởng hoàn toàn vào hai Thầy ấy và chỉ đứng phía sau để hỗ trợ về tinh thần cũng như vật chất khi cần đến mà thôi; chứ không chi phối những chương trình và kế hoạch của hai Thầy ấy. Điều ấy để nói lên sự tự do chọn lựa và tôn trọng hào ý đầu đó là ý kiến của những người bên dưới mình.

Rồi những đợt vận động liên tiếp đã xảy ra từ Á sang Âu, từ Âu sang Mỹ và từ Mỹ sang Úc đã được đồng hương Phật Tử hỗ trợ một cách nhiệt thành. Đây là sự an ủi lớn lao mà những người khi ra làm Phật sự cần phải có. Dĩ nhiên trong đó cũng chẳng thiếu những tiếng thị phi. Vì đây có lẽ là bản chất cố hữu của người Việt Nam là vậy. Tôi đã quan sát từng sự kiện từ khi đổ nền móng cho đến khi lên tầng một, tầng hai, tầng ba, tầng tư v.v... rồi Chùa Một Cột, rồi cổng tam quan... chỉ chừng ấy thứ thôi Thầy Hạnh Nguyễn cũng đã có nhiều sợi tóc trắng và Thầy Hạnh Tấn tuy không trực tiếp điều hành tại Trung Tâm Tu Học tại Ấn Độ nhưng những lo âu và tuổi tác cũng đã làm cho bạc đầu. Cho hay câu: "*Đoạn trường ai có qua cầu mỗi hay*" trong truyện Kiều của cụ Nguyễn Du đã diễn tả nó đúng trong mọi hoàn cảnh của con người.

Cứ mỗi lần khó khăn như thế tôi đều động viên và phân tích, chỉ vẽ, hỗ trợ về mặt này hay mặt khác. Trong khi đó hai chân của quý Thầy ấy vẫn tiến đều đến tương lai và hai tấm lòng hy sinh cho đạo ấy càng ngày càng cao vời vợi như ánh sáng trắng rằm vào

một đêm thu trời trong mây tạnh. Bằng chứng dĩ nhiên là quá đủ để chứng minh cho tấm lòng này của cả hai Thầy, mỗi Thầy đều hy sinh một phần thân thể của mình; đó là đốt 2 và 3 ngón tay để cúng dường Tam Bảo, đặc biệt là cầu nguyện cho Trung Tâm Tu Học Viên Giác tại Bồ Đề Đạo Tràng được thành tựu viên mãn. Ngoài ra Thầy Hạnh Tấn cũng đã cùng với Thầy Đồng Văn đi 3 bước lạy một lạy từ sông Hằng, nơi Đức Phật thường hay cư ngụ, đến nơi Bồ Đề Đạo Tràng suốt trong 40 ngày đêm, trong túi không có một đồng xu, chỉ trừ y và bát là những món tùy thân đã mang theo mình. Cả 3 vị đều ở tuổi dưới 40. Thầy Hạnh Nguyễn tiếng Anh rất vững đang nằm ở trình độ Đại Học. Thầy Hạnh Tấn xong Cao Học tại Đức, Phó Tiến Sĩ tại Ấn Độ và bằng Tiến Sĩ không nhận. Dấu cho luận án Tiến Sĩ đã viết xong; Thầy Đồng Văn là bạn đồng hành cũng đã xong Tiến Sĩ Triết Học Phật Giáo tại Đại Học New Delhi vào tháng 2 năm 2001 và cũng đã đốt một ngón tay để cúng dường chư Phật sau khi đi xong *tam bộ nhất bái* với Thầy Hạnh Tấn và hiện tại đang hướng dẫn Tăng Ni tại chùa Viên Giác Hannover. Những điều hiển dăng ấy tôi là Thầy của những vị này; nhưng tôi đã làm không được; chỉ có thâm khâm phục tinh thần tu học cao cả ấy mà thôi. Dĩ nhiên là giới luật cũng như cá nhân tôi không khuyến khích cho việc hy hiến thân thể ấy tiếp tục nữa. Vì còn sống là còn phải kham nhẫn, mà thân thể bị thiếu mất những ngón tay căn bản như thế thì cũng không nên.

Tục ngữ Việt Nam có câu: Con hơn cha là nhà có phúc. Do vậy mà học trò, đệ tử ngày nay hơn Thầy thì cũng đáng mừng chứ có sao đâu? Tôi còn nhiều Thầy đệ tử khác đặc biệt hơn nữa; nhưng trong bài này tôi chỉ đề cập đến hai trong ba Thầy bên trên mà thôi. Riêng tôi chỉ nguyện trong đục của cuộc đời và mãi mong mình là mặt đất để hứng chịu những sạch nhơ của nhân thế và dẫu còn hay mất, thân này cũng tự coi như ít giá trị hơn cỏ cây để nâng đỡ, dắt dìu những ai cần đến sự hỗ trợ của mình mà thôi.

Giờ lại những chông thư cũ, ngày tháng đã phôi pha, tôi đọc lại những bài vở góp ý, chia xẻ và ngay cả những chống đối khi tôi chủ trương xây ngôi chùa Viên Giác này thấy cũng vui vui. Vì lẽ những nhận xét, những phỏng đoán, những dự trù của mỗi cá nhân

nó khác nhau và ít có cái tiên đoán nào nó đúng hoàn toàn. Đúng là các pháp không bao giờ ở yên một chỗ như Đức Phật đã dạy. Cái này có thì cái kia mất đi, cái này sanh thì cái kia diệt. Chẳng có cái nào là chủ thể cả. Đồng thời các pháp ấy cũng không mất và các pháp ấy cũng chẳng còn. Đó chẳng qua là những hiện tượng biến đổi của thế gian, mà con người nương vào đó để thấy còn hay mất, đẹp hay xấu, giàu hay nghèo. Tất cả cũng chỉ là một khoảng không to tướng mà thôi.

Khi nhìn mọi pháp như thế; nên tâm tôi thật an bình khi lời khen đến cũng như lời chê qua lại trước ngưỡng cửa của cuộc đời mình. Cũng đừng vui khi một việc được thành tựu; cũng không nên buồn khi một việc gì đó chưa đến chỗ thành công. Hãy nhìn sự vật không cố định và đừng để cho vật chuyển động tâm thức của mình, mà chính mình mới là người đi chuyển động nghiệp lực của mình. Từ cái nhìn ấy và từ kinh nghiệm bản thân của tôi, tôi đã truyền đạt cho những người học trò, đệ tử cứ như thế mà đi. Chẳng có gì để phải tự hào cả và cũng không nên nản chí khi bị những tiếng thị phi.

Bây giờ thì Trung Tâm Tu Học Viên Giác tại Bồ Đề Đạo Tràng đã sừng sững rồi đó. Cao 5 tầng từ dưới kể lên. Có 27 phòng; mỗi phòng 2 giường ngủ. Như vậy 54 khách hành hương có thể ở lại thoải mái khi chiêm bái một trong những Thánh tích quan trọng này. Ngoài các phòng ngủ ra còn có chánh điện, phòng Tổ, Thư viện, nhà bếp, phòng công cộng v.v... tất cả diện tích sử dụng được tính là 2.700 mét vuông. Như vậy chỉ thua chùa Viên Giác tại Hannover - Đức Quốc có 300 mét vuông mà thôi.

Ngôi Chùa Một Cột thiết kế xây dựng hoàn toàn là Việt Nam để đánh dấu một triều đại nhà Lý huy hoàng với sự đóng góp của Phật Giáo và gần đến 1.000 năm sau, tinh thần Phật Giáo ấy đã được xây dựng tại nơi quê hương của Đức Phật để báo ân, mà chính nhờ giáo lý từ bi nhiệm màu ấy, những người con Phật Việt Nam đã thừa hưởng qua mấy ngàn năm lịch sử rồi. Bây giờ chính là lúc đem cành lá, hoa thơm về lại vun xới gốc gác lâu năm đã khô cằn nơi Ấn Độ. Ý nghĩa này dầu dưới hình thức nào đó cũng đã có một phần đóng góp nhỏ nhoi cho sự phục hưng Phật Pháp tại xứ theo Ấn Độ giáo này.

Đồ trang trí bên trong hầu như được chế tạo tại Việt Nam. Riêng mái

ngói thì được Thầy Hạnh Nguyễn đặt mua từ Nhật Bản. Kiến Trúc Sư là người Việt ở Mỹ. Nhân công là người Ấn Độ; thợ nguội làm hoa văn là người Việt Nam... như vậy đó mà Trung Tâm Tu Học Viên Giác đã hình thành.

Ngày nay đứng nhìn tác phẩm nghệ thuật ấy chắc Thầy Hạnh Nguyễn và Thầy Hạnh Tấn cũng sẽ tự mỉm cười với chính mình là làm sao mình có thể làm được như thế nhỉ? Làm sao với một kinh phí lớn lao như thế mà mình đã đi ngót được một đoạn đường? Điều ấy tôi đã phân tích như sau:

Thứ nhất là nhờ sự gia hộ của chư Phật, chư vị Bồ Tát. Vì đây là mảnh đất thiêng; nơi có nhiều sự linh ứng và từ sự linh ứng này mà có nhiều chư Tăng và Phật Tử khắp nơi trên thế giới hỗ trợ. Khi Phật Tử hỗ trợ cho công việc này họ đều nghĩ rằng xây dựng chùa Việt Nam tại đất Phật; chứ không có ai nghĩ rằng chùa của Thầy A hay Thầy B. Tôi biết tại Mỹ có nhiều Phật Tử rất thuần thành, từ Texas đến Cali hay Washington DC, New York; hay Âu Châu từ miền cực lạnh của Bắc Âu cho đến vùng nắng ấm của Ý hay nơi kinh đô hoa lệ Paris, mãi cho đến xứ Nam phương xa xôi bên kia quả địa cầu; nơi nào cũng có người đã hỗ trợ một cách nhiệt thành qua sự đóng góp bữa cơm gạo quý hay cho mượn hội thiện không lời. Cũng có những vị cúng một số tiền không nhỏ. Cứ từng giọt nước nhỏ li ti như thế mà quý Thầy đã quyên góp được 700.000,00 US\$ và 100.000,00 US\$ tiền Hội Thiện. Nếu tính ra tiền Đức cũng gần 2 triệu Đức Mã rồi. Con số ấy không nhỏ. Nghe đâu từ đây đến khánh thành còn tốn kém độ 100 đến 200 ngàn đô-la nữa. Chắc chắn việc ấy sẽ xong thôi. Vì đây là một việc làm phước đức và có rất nhiều ý nghĩa; nên sẽ được sự hỗ trợ của mọi người con Phật khắp năm châu.

Điều thứ hai cũng rất là quan trọng. Đó là sự dụng công tu học bái sám hằng ngày của quý Thầy ấy. Tại Bồ Đề Đạo Tràng hay tại chùa Viên Giác Đức Quốc, quý Thầy ấy lúc nào cũng dụng công. Thời kinh Lăng Nghiêm mười mấy năm nay cả hai đều không bỏ và lúc nào cũng như lúc nào tánh hạnh cũng khiêm cung hòa nhã, từ ái; nên bên trên được chư Phật và các vị Bồ Tát gia trì. Phía dưới được mọi người mọi loài hỗ trợ. Quý vị cũng có thể đọc thêm quyển "**Tự truyện Một Người Tu**" của Thầy Hạnh Nguyễn để biết

thêm những chi tiết căn bản này. Hoặc giả đọc "**Xứ Phật Tinh Quê**" để biết được tâm nguyện của quý Thầy ấy.

Quý vị đọc giả đọc đến đây, cũng sẽ có người bảo: "Con hát mẹ khen hay" hoặc giả "Mèo khen mèo dài đuôi" thì tôi cũng phải chấp nhận; nhưng làm được như hai Thầy ấy, câu chuyện nó không dễ dàng; nếu không có nghị lực và ý chí. Rồi mai đây khi xây chùa xong có lẽ Thầy Hạnh Nguyễn biết đâu sẽ viết lại một tác phẩm để trình bày lại tiến trình xây cất Trung Tâm Tu Học Viên Giác tại Bồ Đề Đạo Tràng để đời sau có cơ duyên đọc lại mà hiểu cho một giai đoạn đã trải qua.

Điều thứ ba cũng không kém phần quan trọng là nhờ có sự hiện hữu của ngôi chùa Viên Giác tại Đức; nhờ có tờ báo Viên Giác là cơ quan ngôn luận của Giáo Hội tại đây và cuối cùng không thể thiếu cội tùng già là nơi nương bóng mát khi nắng khi mưa cũng như khi trời đông giá buốt cho các Thầy ấy.

Trên đây là 3 điều kiện quan trọng quý Thầy ấy thành công; nhưng công việc đến đó chưa xong thì Thầy Hạnh Nguyễn phải đi chữa bệnh tại Thái Lan và Thầy Hạnh Tấn từ Đức phải bay qua Ấn Độ để chăm sóc trong vài tháng khi Lễ Khánh Thành dự trừ tổ chức vào ngày 6 đến ngày 8 tháng 3 năm 2002 sắp đến.

Thầy Hạnh Nguyễn một hôm về lại Đức thưa với tôi và Đại Chúng rằng: "*Chùa con lo xây đã gần xong; bây giờ con xin hiến cúng cho Giáo Hội và con xin phép được đi tu học tiếp*". Khi nghe câu ấy ai nấy đều lo toan không biết công việc tại đây sẽ ra sao. Nhưng tôi thì rất hiểu điều này. Vì biết rằng quý Thầy ấy đã học được tánh buông xả. Có tất cả đó, rồi bỏ hết để trở về lại với cái không to tướng lúc ban đầu, đâu có sao. Miễn sao mình giữ được tâm mình, chứ giữ được chùa mà tâm mình đánh mất, đó mới là điều đáng trách. Tôi từ từ chỉ lối cho các Thầy ấy ra:

Dầu sao thì Hạnh Nguyễn cũng đã có công gây dựng từ lúc ban đầu; nên tôi đề nghị phải giữ ban Giám Đốc Điều Hành Trung Tâm Tu Học Viên Giác, dầu cho ở đó hay không ở đó cũng không sao. Bên này sẽ lo cử một *menager* giỏi, biết đàm đàng và biết nhiều ngôn ngữ để đi vào hoạt động. Ngoài ra chùa Viên Giác bên này cứ 6 tháng hay 1 năm cử quý Thầy qua đó để tụng kinh, niệm Phật, lễ bái. Người quản gia và người giúp việc thì thuê

người địa phương. Như thế tạm giải quyết được một việc khó ở trong giai đoạn nhất thời này. Còn tài sản ấy trên nguyên tắc vẫn là của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại và nước Đức sẽ đứng ra chịu trách nhiệm pháp lý cho vấn đề này; chứ không là của một cá nhân nào cả.

Người tu phải như thế, đến và đi như trăng sao; lúc ẩn lúc hiện. Không nên bị lụy quyến luyến với thế trần để rồi chìm sâu vào lợi danh và tốt xấu, được mất, hơn thua.

Riêng Thầy Hạnh Tấn cũng có công với Trung Tâm Tu Học Viên Giác tại Ấn Độ; nhưng năm 2003 Thầy ấy sẽ được chính thức tấn phong Trụ Trì Chùa Viên Giác tại Đức; cho nên trong hiện tại và tương lai không đảm nhận một chức vụ gì quan trọng ở Ấn Độ cả. Thầy Hạnh Tấn chỉ ngoại hộ mà thôi. Riêng tôi thì trở về vị trí Cố Vấn sáng lập trụ trì, rồi nay đây mai đó; không phải với bầu rượu túi thơ và theo sau năm bảy tiểu đồng để ngao du sơn thủy, mà để chiêm nghiệm cuộc đời qua những năm tháng nhập thất dài lâu để thấy được chân thật tánh của mình. Đó là hoài bão của tôi từ lâu vậy. Dĩ nhiên là tôi sẽ không ở thất lâu suốt đời, mà một năm 3 đến 5 tháng nhập thất; số thời gian còn lại vẫn tiếp xúc với Phật Tử tại Đức và các nơi khác; nên quý vị chớ vội ưu sầu. Vì cái gì có sanh ra thì phải có lúc trưởng thành, rồi đến già, bệnh và có lúc cũng phải ra đi; chứ làm sao ở mãi với đời cho choán chỗ, thì thế hệ ngày sau làm sao vươn lên nổi. Mình phải tự đứng qua một bên, để cho thế hệ khác kế thừa. Có như thế xã hội này mới tiến bộ và cũng chẳng có gì để nuối tiếc cả, khi mà tất cả thế gian này đâu có cái gì thực tướng để mà cố nắm bắt, tìm cầu.

Đầu tháng 3 năm 2002 sẽ có Lễ Khánh Thành Trung Tâm Tu Học Viên Giác và sẽ có nhiều phái đoàn đến từ Âu Châu, Mỹ Châu, Úc Châu cũng như Việt Nam. Theo chương trình quý Thầy ấy dự trú trong 3 ngày, gồm có: Lễ Khánh Thành, Cúng Đường Trai Tăng, Lễ dâng đàn thọ giới Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Thức Xoa, Sa Di, Sa Di Ni và Bồ Tát Giới tại gia cũng như xuất gia. Giới đàn này lấy tên là MINH H I. Đây là Đạo hiệu của vị Tổ Sư khai sơn chùa Chúc Thánh tại Hội An cách đây gần 400 năm về trước. Ai có cơ duyên đi hành hương chiêm bái, dự lễ khánh thành mà còn phát tâm thọ giới được

tại đất Phật này, quả là điều rất hy hữu và đáng khuyến khích vậy.

Bốn phận của tôi không biết đến đây đã xong chưa; nhưng dầu sao đi nữa khi nhìn về phía trước, ít ra cũng đã báo Phật ân đức được một phần nhỏ trong đời mình. Khi quay lui lại phía sau đã có quý Thầy trẻ dẫn thân tiến bước, nổi chí xuất trần làm người Thượng Sĩ như trong Cảnh Sách Tổ Quy Sơn đã dạy :

*Phàm kẻ xuất gia
Chân trời cao rộng
Tâm thân khác tục
Hứng long giống Thánh
Nhiếp phục ma quân
Trên báo bốn ân
Dưới giúp muôn loài
Nếu không làm vậy
Mẫu mực không còn*

Đại khái là như thế. Người xuất gia phải như vậy. Nếu không là vậy thì uổng cơm của đàn na tín thí lắm. Ở ngoài đời người ta bảo là: Cơm cha, áo mẹ, chữ Thầy. Còn trong chùa thì tứ ân nặng lắm. Là người tu ai ai cũng phải lo đáp đền những ân nghĩa nghìn trùng ấy.

Tôi viết bài này không ngoài ý nghĩa giới thiệu một vài nét đại cương về Trung Tâm Tu Học Viên Giác ở Bồ Đề Đạo Tràng; nhằm cảm ơn Chu Tôn Đức và quý Phật Tử khắp nơi đã vì thế hệ đệ tử của tôi, đã hỗ trợ bằng nhiều phương diện khác nhau từ vật chất đến tinh thần để có được thành quả như ngày hôm nay và khi thành quả ấy có được, quý Thầy ấy cũng đã hướng về Giáo Hội và hiến dâng cũng như mục đích là làm sao cho quần sanh được lợi lạc; đó mới là hoài bão chính, khi thực hiện câu: "Kiến pháp tràng ưu xứ xứ, phá nghi vọng ưu trùng trùng" nhằm để cho hạt giống giác ngộ của Phật tánh càng ngày càng hiện hữu ở khắp muôn nơi, để cho mọi người và mọi loài được lợi lạc. Điều ấy cũng hợp với câu :

*Nhứt bát thiên gia phận
Cô thân vạn lý du
Kỳ vi sanh tử sự
Thuyết pháp độ xuân thu
Nghĩa là:
Một bát cơm ngàn nhà
Một thân muôn dặm xa
Chỉ vì sự sống chết
Giúp đỡ vạn người qua*

Chỉ có thể thôi là quý Thầy ấy đã mãn nguyện lắm rồi và mong rằng những người đi sau, khi đến chốn này cũng thực hiện được như vậy thì coi Ta

Bà này còn có chỗ nương thân cho biết bao nhiêu tâm hồn muốn thoát tục !

Tôi định viết về những người đệ tử của mình trong một thiên hồi ký nào đó; nhằm để khuyến tấn những vị này cố gắng lên cũng như nêu lên những đức tính nổi bật để đời sau cũng có nhiều người cần đến để làm gương mà cư xử với đời. Ngoài ra tôi cũng muốn ghi lại những dòng chữ và những bài viết như thế để một mai tôi có ra đi, quý Thầy đệ tử còn biết được rằng: Sư phụ mình đã xem mình như thế nào và từ đó cũng là một phương châm để đời sau cho quý Thầy ấy dạy lại đệ tử của mình vậy.

Thời gian có đi qua, không gian có thay đổi; nhưng tấm lòng của con người; nghĩa tử ái của mẹ cha; ơn đức của Tam Bảo và đàn na thí chủ thì dầu cho ở cõi nào hay đời nào đi nữa, con người vốn có lòng từ, không thể một sớm một chiều mà dễ quên đi được.

Ngày nay vì vận nước chưa yên mà hơn 2 triệu người đã nổi trôi nơi hang cùng ngõ hẻm và cũng từ những nơi chốn xa xôi ấy mọi người đã ngồi dậy, rồi đứng thẳng lên để đi vào đời với 2 bàn tay rắn chắc cũng như với nghị lực của mình để kiến tạo được những cơ sở, nhà cửa, chùa chiền như thế và đây là kết quả của những sự cố gắng lúc ban đầu; nhưng rồi một mai đây thế sự vô thường, qua sự thành trụ hoại diệt của 4 tướng ấy; những di sản bên trên cũng sẽ biến đổi theo; nhưng chắc rằng tấm lòng cũng như sự hy sinh ấy bao giờ cũng là một tấm gương sáng ngời cho hậu thế, dầu cho ở cõi này hay ở một cõi xa xăm nào đó.

Mùa Xuân tuy chưa đến; nhưng trong tôi đã tràn ngập ánh sáng của Xuân sang. Vì lẽ cái ánh sáng ấy đã tự có bao đời rồi; nhưng mãi bị vô minh che lấp cho nên con người mới còn khổ lụy ở chốn trần ai này. Mong rằng với ánh sáng ấy, tôi cũng như mọi người và mọi loài được gọi nhuan trong một mùa Xuân đượm tình nghĩa của quê hương và đạo pháp.

Tôi cũng mong rằng ngày Lễ Khánh Thành Trung Tâm Tu Học Viên Giác tại Bồ Đề Đạo Tràng - Ấn Độ, vào tháng 3 năm 2002 cũng sẽ thành tựu viên mãn và cầu nguyện chư Phật, chư Bồ Tát, chư Tổ Sư truyền thừa bao đời gia hộ cho ý chí của quý Thầy sáng lập ra Trung Tâm ấy luôn bền vững với thời gian để làm lợi lạc được cho nhiều người và nhiều thế hệ khác nhau.

Mong lắm thay !•

60 năm Du Tâm Pháp Hải



ẤN THUẬN ĐẠI SƯ

*Y Quang dịch từ Hoa ngữ
sang Việt ngữ năm 2001*

I/ Phước duyên không đủ, miễn cưỡng mà làm

Từ khi tôi (Ấn Thuận) tiếp xúc Phật pháp đến nay, thời gian vừa tròn 60 năm. Đây là một thời gian không ngắn. Sau khi xuất gia cho đến nay ở phương diện tu tập, học vấn, tu phước là 3 hạng người xuất gia, riêng tôi chú trọng việc học tập, cũng là xem trọng việc văn tự, từ kinh luật luận mà tiến hành nghiên cứu Phật pháp. Hồi tưởng lại, thời gian trải qua khá dài, tuy có nói chuyện và viết một ít tác phẩm nhưng sự thành tựu rất giới hạn, thật là hổ thẹn. Dân Quốc năm thứ 49 (1950) vào mùa hạ, Hòa Thượng Đạo Nguyên có hỏi tôi: Ngài chú trọng học vấn, đề cao trí tuệ, tại sao

phải xây dựng Tịnh xá Phúc Nghiêm? Tôi trả lời rằng: "Thưa Hòa Thượng, phúc đức non duyên của tôi không đủ, trí tuệ cũng khó thành tựu", sự thành tựu đối với việc nghiên cứu Phật Pháp của tôi có giới hạn, do bởi phúc duyên không đủ.

Tôi xuất thân từ người nông thôn, gia đình vốn chẳng phải là người giàu có. Dân Quốc năm thứ 7, tôi vừa lên 13 tuổi, tốt nghiệp Tiểu Học vì gia đình nghèo khó nên tôi phải dừng việc học tập. Do đó, luận bàn về văn hóa Trung Quốc như: Hán học, Tống học, Trình, Châu, Lục, Vương. Tây phương tân học như: Triết học, khoa học, xã hội học. Tất cả những môn học này tôi chưa từng học qua bao giờ. Trình độ học vấn của tôi cao lắm chỉ tương đương với trình độ sơ trung (lớp 9) hiện nay, muốn nghiên cứu những điều cao sâu rộng rãi của Phật Pháp, là việc khó khăn không lường, không sao tránh khỏi sự gượng ép. Mùa xuân năm 20 tuổi, tôi đến Mân Nam Phật Học Viện của Chùa Phổ Đà ở Hạ Môn cầu học Phật Pháp. Thời gian đến đó độ chừng tháng 2 Âm lịch, vào giữa tháng 5 tôi đang lúc thi cử chưa xong thì bệnh hoạn lại đến, cũng từ đó tôi không có cơ hội nào được huấn luyện chính thức trong các Phật Học Viện. Thế là Thế học lẫn Phật học tôi đều không có trình độ kiến thức cơ bản.

Đối với ngoại văn, ở những năm Trung Học (từ lớp 6; V 9) tôi có học Anh văn qua 2 năm, tôi là người học nhảy (không học lớp 6 mà học lớp 7). Tự thấy rằng, tôi là người không có năng khiếu về ngôn ngữ, trình độ Anh văn thua bạn học rất xa, vì lúc bấy giờ tôi không hiểu học Anh văn có lợi ích gì, thành ra học mà không mấy hứng thú, sau khi tốt nghiệp không có hội thực tập do vậy trình độ Anh văn của tôi trừ đi 25 chữ cái, ngoài ra tôi đều quên hết, tôi cũng đã học qua tiếng Nhật, là thời gian ngắn tôi ở Mân Nam Phật Học Viện. Anh văn và Nhật văn đều là trình độ sơ học, kết quả cũng giống như không học, khi tôi sống ở Tứ Xuyên, là thời gian tôi có cơ hội học tiếng Tây Tạng nhưng thân thể bệnh

hoạn, cho nên không học, Phạn văn và Pali văn tôi không cần phải nói. Giới Phật học của thời đại hiện nay, cho rằng muốn nghiên cứu Phật học mà ngoại văn không biết, kết quả của sự nghiên cứu rất có giới hạn. Học lực của tôi không đủ, đây chính là lãnh vực nghiên cứu của tôi.

Thật ra, nguyên nhân quan trọng nhất là, cuộc đời của tôi nhiều bệnh tật, tôi xuất gia vào mùa thu năm 19 tuổi, mùa hạ năm 20 tuổi tôi đã bắt đầu sinh bệnh hoạn. Bộ phận tiêu hóa của tôi không tốt, thể lực càng lúc càng suy nhược. Tự cho rằng cơ thể yếu mà thôi nào ngờ bệnh nghiêm trọng đến như thế. Từ mùa hạ năm thứ 26 đến mùa hạ năm 27 tuổi, từ mùa thu năm thứ 44 đến mùa thu năm 45 tuổi, mùa thu năm 60 đến mùa thu năm thứ 64 đều là những thời gian rất dài trong tình trạng thân thể bệnh hoạn, phải dừng công việc nghiên cứu Phật pháp. Do vì thân thể suy nhược, đồng thời có việc, do đó tôi phải đây đó, hoặc xuất ngoại đều phải đình chỉ việc duyệt đọc kinh luận, tôi đã lãng phí quá nhiều thời gian ở công việc và bệnh tật. Cầu học mà không thường khép mình vào khuôn khổ học tập, tu tập mà thường bị bệnh hoạn là điều chướng ngại, đây đều là những chứng minh cụ thể cho việc người kém phước báo. Phước duyên không đầy đủ là việc khó có thể nhẫn nại, muốn vượt qua điều đó chỉ có thể nương vào sự quyết tâm.

II. Lịch trình tu học

a- Thời gian trải qua 60 năm, tôi tu học ở trong Phật pháp, đã trải qua mấy giai đoạn không giống nhau

Dân Quốc năm thứ 14 là thời gian tôi vừa 20 tuổi, tôi đọc "Trang tử tự" của Bằng Mộng Trinh, trong tác phẩm này có nói rằng: "Thiên nhiên tắc trang văn, Trinh chú, kỳ Phật pháp chi tiên khu dã, đây là động cơ khiến tôi nghiên cứu Phật Pháp. Trước khi tôi xuất gia, phạm vi sinh hoạt của tôi rất hẹp, không biết Phật pháp là cái gì. Bấy giờ, nghiên cứu Phật Pháp chỉ có thể đến những ngôi chùa gần đó mà tìm học Phật, tôi tìm được quyển "Kim cang kinh Thạch chú", "Long thư tịnh độ",

"Nhơn thiên nhân mục" v.v... Ở hai bộ đầu, sau khi đọc tôi hiểu được Phật pháp một tí, nhưng ý nghĩa lại không giống nhau. Tiếp đến đọc quyển "Nhơn thiên nhân mục" biết được Thiền Tông có 6 phái. Trong lúc rất tình cờ tôi đọc qua quyển mua lại của Thương vụ ấn thủ quản, phát hiện có sách Phật học như: "Thành duy thức học ký", "Tướng tông cương yếu", "Tam luận tông cương yếu" mà biết được tam luận, trong đó có "Trung luận" và "Tam luận huyền nghĩa"; sau đó mới phát triển thành tam luận sở của Gia Tường. Tôi vốn không có trình độ cơ bản về quốc văn mà lại muốn duyệt đọc được những tác phẩm này, là sự gian nan khó tưởng tượng. Tôi vẫn còn nhớ, lần đầu tiên đọc "Trung luận" là bản do Thanh mục chú, có thể nói tôi hoàn toàn không hiểu gì cả, thế nhưng càng không hiểu càng thích thú chỉ nên tự trách học lực còn kém mà Phật pháp thì cao sâu cần phải nỗ lực. Lúc đó tôi không biết Phật pháp có tự điển tôi xem bộ từ điển "Từ Hải" ở Thương vụ, phát hiện trong Phật Pháp có rất nhiều thuật ngữ, nhưng tôi lại không có tiền mua, do đó tôi bèn chép tay bộ từ điển này. Qua bộ từ điển chép tay này nó đã giúp tôi khá nhiều trong việc nghiên cứu, nhưng đó là việc quá lãng phí thời gian và công sức, đây cũng là cách làm ngu dốt, sự tu học Phật Pháp của tôi, tất cả đều là dò dẫm tìm tòi, không người chỉ dạy, duyệt học bộ kinh luận, duy thức pháp môn làm đối tượng nghiên cứu, đương nhiên phí thời gian khá nhiều mà kết quả thu hoạch ít. Trải qua 4,5 năm duyệt đọc và tư duy, thấu hoạch một tí kết quả, bèn phát hiện Phật pháp và những sinh hoạt Phật giáo có sự cách biệt khá xa. Ví dụ như quê hương của tôi những người xuất gia không biết giảng kinh nói pháp, sinh hoạt Phật giáo chỉ là vì người khác mà tụng kinh bái sám, đời sống người xuất gia cùng người thế tục không khác nhau mấy. Người tại gia tin Phật chỉ biết cầu cho cuộc sống được bình an, sau khi chết được an lạc. Có một số người nữ để tóc là những người tu theo tiên thiên, vô vi, nhưng họ cũng ở trong chùa tu hành, cũng được gọi là Phật giáo. Nói đến Phật pháp và

sinh hoạt Phật giáo có sự sai khác khá lớn, đây là điều sau khi tôi học Phật, tôi rất chú ý đến vấn đề này. Đây có phải chăng là điều sau khi Phật pháp truyền đến Trung Quốc, năm tháng trôi qua bị ảnh hưởng của văn hóa Trung Quốc mà biến thành như thế phải không? Hay là ở ngay tại Ấn Độ đã xuất hiện vấn đề này, tức là sự hỗn tạp giữa sự trong sáng cao siêu của Phật pháp cùng với những hành vi mù mờ của thế gian. Tôi liền nghĩ, Phật pháp ở quê hương suy vong, nhứt định ở những nơi khác Phật pháp rất hưng thịnh. Tôi là người vì sự tín ngưỡng Phật pháp vì truy tìm chân lý, cho nên tôi nguyện xuất gia, đến nơi nào có Phật pháp để cầu học, sau khi học xong hoàng dương chính đốn Phật pháp, sự chính đốn Phật pháp mà đương thời giải thích chính là Tam Luận và Duy Thức.

b. Cầu pháp duyệt tạng

Mùa thu dân quốc năm thứ 19 (25 tuổi) tôi xuất gia tại am Phước Tuyền núi Phổ Đà, vì một số tự viện không chuyên tâm việc tu học, nếu có tu học cũng không có người chỉ dẫn, do vậy Dân Quốc năm thứ 20 vào mùa Xuân được sự đồng ý của vị sư trưởng tôi đến Mãn Nam Phật Học Viện ở Hạ Môn cầu học, vị Viện Trưởng của Phật Học Viện này là ngài Thái Hư đại sư, trên thực tế người trông coi viện này là Ngài Đại Tĩnh và Chi Phong. Ở đây tôi chỉ học trong 1 học kỳ, học một bộ phận nhỏ trong Tam Luận huyền nghĩa, Tập Tập Luận và Cư Xá Luận. Học chỉ có chừng đó thôi là thân thể tôi mang bệnh phải nghỉ học. Những môn học này, khi tôi chưa xuất gia cũng đã mò mẫm học tập qua bộ Tam Luận, Duy Thức nhập môn rồi, đến khi nhập viện học tập Mãn Nam học viện cũng rất chú trọng đến Tam Luận và Duy Thức, do đó tư tưởng tôi cùng với môn học của viện rất thích hợp, quan điểm "nhân sanh Phật giáo" của Ngài Thái Hư, đối với chúng ta có tác động rất lớn. Đọc qua tác phẩm, "Đại Thừa Tông địa dẫn luận" và "Phật pháp tổng quyết trạch đàm" của Ngài Thái Hư, chúng ta biết được Ngài là người rất tường tận về các Tông, đồng thời rất

thiện xảo dung hòa, khiến tôi vô cùng kính phục Ngài. Cũng năm đó tôi sáng tác "Quyết trạch tam thời giáo" đối với Tam thời giáo của Trí Quang, của Duy Thức tông, nhờ sự phân biệt mà tôi được tường tận, đây chính là nhờ học tập phương pháp của Ngài Thái Hư. Từ Dân Quốc trở lại đây. Do bởi Nam Châu, Bắc Hàn đề cao Duy Thức Học. Do vậy Tông Duy Thức được giới học thuật chú trọng. Tư tưởng chính của Ngài Thái Hư là Lăng Nghiêm, Luận Khởi Tín nhưng cũng rất chú trọng pháp tướng Duy Thức Tông. Do vậy cú "Tướng Tông tâm cụ nhị dịch bất đồng luận thư hậu" Thái Hư nói rằng: "Chính đốn tăng gia do luật, nhiếp phục các học giả Thế gian cần phải lấy pháp tướng", đồng thời trọng "Khởi tín luận Duy thức thích" viết: "Lý luận thiện xảo, ý nghĩa rõ ràng, Duy thức là hơn hết". Mai Quang Nghĩa trước tác quyển "Tướng tông tâm cụ nhị dịch bất đồng luận", Thái Hư đại sư cũng viết quyển "Thư hậu" cả 2 tác phẩm này đề cao cách tân dịch của Ngài Huyền Trang, là Hòa Thượng Trấn Giang Thủ Bồ, viết quyển: "Tục tướng tông tâm của nhị dịch Tướng Tông là đúng, tâm dịch Tướng tông là sai. Không những chỉ Ngài Huyền Trang là không đúng mà ngay cả ngài Khang Cơ cũng không đúng, cho rằng hộ pháp vong lập Hữu tông, thậm chí thế thân cũng có vấn đề. Những người bạn học của tôi không đồng ý quan điểm của Hòa Thượng Thủ Bồ, tôi cũng phản đối viết một bài văn dài gọi là "Bình pháp Thủ Bồ thương nhận tục tướng, Tông tâm cụ nhị dịch bất đồng luận chỉ ý kiến". Tôi cho rằng, những người ủng hộ cho Duy Thức Tông đều cho bản tân dịch mới đúng, bản cựu dịch là không đúng. Đối với vấn đề này Thái Hư đại sư phân tích dung hợp rất khéo léo, tôi rất làm khâm phục tài năng của Ngài. Đối với tập "Nội học" của nội viện ấn hành và "Khởi tín luận khảo chứng" của Lương Khải Siêu, đã cố gắng hiến cho đọc giả sự hứng thú vô tận.

Đối với Đại Thừa Phật Giáo, tôi tán đồng cách lý giải của học viện đối với 2 Tông Pháp Tánh (Tam Luận) và Pháp Tướng (Duy thức).

Đại sư Thái Hư để xuống việc vận động cải cách Phật giáo đối với quan điểm này trên nguyên tắc tôi đồng ý, nhưng rất khó thành công. Sau khi xuất gia, tôi nghĩ đến vấn đề thực trạng Phật giáo chính là vấn đề tư tưởng, do vậy tôi không làm cuộc cách mạng cải cách Phật giáo như Ngài Thái Hư, chỉ mong rằng đem hết tâm ý nghiên cứu Phật pháp, để hiểu Phật pháp được rõ ràng hơn.

Học kỳ 2 của năm đó tôi ở Chùa Phúc Kiến tức chùa Cổ Sơn Dũng Tuyên. Cuối năm đó tôi trở về Mân Nam Phật học viện, Ngài Đại Tịnh bảo tôi giảng "Thập nhị môn luận" cho học viện. Do tôi viết tác phẩm "Tướng Tông nhị dịch bất đồng luận đích luận biến" đã khiến nội tâm của tôi có sự thức tỉnh, thật ra đây là vấn đề rất xa xưa được bàn cãi cách hàng ngàn năm về trước tư tưởng bất đồng về cựu dịch và tân dịch, phải chăng sự tranh cãi này là ý kiến riêng của dịch giả hay là sự bất đồng kiến giải của các luận sư Ấn Độ? Hay các luận sư căn cứ kinh điển khác nhau? Đây là vấn đề khá lớn trong Phật pháp, tôi không thể lý giải cũng không biết từ đâu lý giải. Ngoài ra, tôi được mời dạy là nhân duyên rất ngẫu nhiên, tôi tự nghĩ rằng, tôi xuất gia vì cầu học Phật pháp, nhưng học chưa đến nửa năm lại làm giảng sư ở đây, thật là hổ thẹn, nghĩ rằng làm vị giảng sư trình độ Phật pháp chỉ như thế được, cần phải học tập nhiều hơn nữa, do đó tôi rời Hạ môn đến Phổ Đà Sơn.

Từ mùa Hạ năm thứ 21 đến cuối năm thứ 25 trừ thời gian ở Phật Học Viện Vũ Xương (gọi là Thế giới Phật Học Uyển đồ thư quán) ở đây tôi chuyên học tập Tam Luận chương số, được nửa năm, khi đến học viện Mân Nam cũng nửa năm tôi ở Duyệt Tang lâu ở chùa Phổ Đà Phật đánh sơn huệ tề trọn 3 năm. Lúc bấy giờ tôi được đọc bộ Đại Tạng Kinh mà người khác khó có được duyên lành đó. Hoàn cảnh sống ở đây, tôi cho rằng đây là nơi tốt lý tưởng nhất, ban ngày tôi duyệt đọc Đại Tạng kinh, ban đêm nghiên cứu Tam Luận và Duy Thức, thời gian duyệt đọc Đại Tạng 3 năm. Kết quả thu hoạch không nhiều lắm, lý do là bản Đại

Tạng mà tôi đọc, là do nhà Thanh khắc, gồm có hơn 7.000 quyển, mỗi ngày chỉ đọc được 7, 8 quyển mà thôi (mỗi quyển bình quân 9.000 chữ). Cách duyệt đọc chỉ là cỡi ngựa xem hoa, không đủ thời gian để tư duy, vả lại ký ức tôi rất kém đọc qua rồi bèn quên hết tất cả, chẳng qua duyệt đọc Đại Tạng vẫn có chỗ bổ ích. Từ sự duyệt đọc Đại Tạng, tôi mới phát hiện Phật pháp rất đa dạng và phong phú, có thể ví trăm hoa đua nở, đây chính là bộ Đại Tạng kinh của Phật Pháp, là đối tượng nghiên cứu vô cùng. Qua đó rõ được Phật pháp vô biên, cho nên không còn hẹp hòi ở Tam Luận và Duy Thức. Đối với việc nghiên cứu Đại Thừa Phật Pháp, tôi cho rằng quan điểm của Thái Hư rất đúng, nên có một hệ thống là Pháp giới viên giác. Kinh Đại Thừa không giống như Luận Tạng chú trọng mặt lý luận mà chú trọng mặt thực tiễn, cho nên ở đâu cũng đều khuyên người nên tu tập. Ngoài ra tôi đọc đến "Kinh An Hàm" và các bộ quăng "luật", nó thể hiện tính thực tiễn và khả thi ở nhân gian, không như những biểu hiện tín ngưỡng và lý tưởng. Đây là khuynh hướng nghiên cứu Phật pháp của tôi ở tương lai, cũng là vấn đề trọng yếu mà tôi nghiên cứu.

Học kỳ thứ nhất của năm thứ 26 ở Phật Học Viện Vũ Xương, tôi đọc đến tác phẩm "Ấn Độ triết học tôn giáo sử" của 2 nhị vị học giả Nhật Bản là Cao Nam Thuận thứ lãng và Mộc Thôn Thái Hiền hợp biên và tác phẩm "Nguyên Thủy Phật Giáo Tư Tưởng Luận" của một thôn Thái Hiền. Ngoài ra tôi còn đọc tác phẩm tôi không còn nhớ tên mà chỉ biết do Mặc Thiển dịch và Kiệt Thành Linh Văn trước tác, nội dung có liên quan đến tâm ý thức dưới góc độ tư tưởng sử. Những bộ sách này đã giúp cho tôi phương pháp nghiên cứu Phật pháp một cách mới mẻ. Đối với việc khảo chứng lịch sử và địa lý. Tôi không nghiên cứu nhưng tôi rất thích thú duyệt đọc, căn cứ thời gian và không gian nhất định của xã hội, tiến hành lý giải nghiên cứu cái nguồn gốc và diễn biến của Phật pháp dẫn dẫn nó thành phương châm nghiên cứu Phật pháp của tôi, tôi cảm thấy rằng, chỉ có như vậy

mới có thể tường tận phân tích vấn đề sự cách biệt giữa Phật pháp và những hình thức sinh hoạt Phật giáo.

c. Xác định tư tưởng

Tháng 7 năm thứ 27, vì quân đội Nhật đánh chiếm Vũ Hán, tôi liền dời đến Hán Tạng giáo lý viện của Tần Vân Sơn thuộc tỉnh Tứ Xuyên. Bấy giờ thân thể tôi so với trước đó không tốt mấy, chẳng qua trú ở trên núi, hoàn cảnh và khí hậu tốt, thân thể cũng nhờ đó bớt đi nhiều. Năm thứ 29 tôi trú tại Đại Giác Tịnh Xá ở Quý Dương. Đầu thu năm thứ 30 đến mùa hạ năm thứ 33 tôi ở tại Học Viện Pháp Vương thuộc Tứ Xuyên, Hương Giang tổng cộng thời gian trước lần sau sống ở Tần Vân Sơn thuộc tỉnh Tứ Xuyên gần 4 năm. Mùa xuân năm thứ 35 rời Tứ Xuyên tôi cùng Diển Bối, Diệu Khàn đi về hướng Đông, trên đường đi thân thể lại bệnh quá nặng nên tôi phải tạm ở Khai Phong Phật Học Xã 3 tháng đợi đến khi thân thể hồi phục chuẩn bị lên đường thì đường sắc lãn, phong bị phá hoại, đành phải trở về Vũ Xương. Tháng giêng năm thứ 36 về đến Triết Giang, là lúc Thái Hư đại sư viên tịch. Vì để biên tập "Thái Hư Đại sư toàn tập" tôi ở chùa Phụng Hóa Tuyết Bảo một năm. Năm thứ 37 tôi ở Hương Sơn Đông, Hàng Châu nửa năm, đến mùa đông năm ấy đến chùa Nam Phổ Đà ở Hạ Môn, Mùa hạ năm thứ 38 tôi đến Hương Cảng, mùa thu năm 41 lại rời Hương Cảng đến Đài Loan, tính ra từ khi ở Tứ Xuyên đến Đài Loan gồm 14 năm. Đây là thời gian Trung Quốc bị chiến tranh tàn loạn, cũng là thời gian thân thể tôi rất suy nhược, sinh hoạt rất khổ cực đi đâu cũng không ổn định, nhưng mà thời gian tôi trước tác nhiều nhất, diễn thuyết nhiều nhất.

Năm thứ 29 tôi đọc đến bài viết "Bằng cách nào tôi phân loại và tổng hợp tất cả Phật giáo", "Lịch sử vận động cải thiện Phật giáo của tôi", "Từ Phật giáo thuộc Đà ly hệ nói đến Bồ Tát hạnh" của Thái Hư mỗi bài viết làm cho tôi hiểu Phật pháp một cách sâu sắc hơn. Đại sư đem Phật giáo phân làm 3 thời kỳ. Như Ngài đã nói "Y cứ hành quả của

Thiên Thừa mà hoạch đắc quả vị của Đại Thừa là thời kỳ Tượng Pháp cái gọi là "Y thiên thừa" quả phải chăng là một. Đại sư giải thích dững nhiếp ma, phạm thiên, dần dần làm mất đi tinh thần chơn chánh là mặt giáo thừa? Hay Trung Quốc Phật giáo gọi là Đại Thừa, nhưng phương pháp tu tập là việc làm của Tiểu Thừa, tại sao lại xuất hiện giữa tư tưởng và hành động không có chút gì quan hệ trong lời giảng dạy của Đại sư, đã cho chúng ta một nhận thức mới. Tuy rằng tôi ở tại học viện tu học, nhưng phương pháp tu tập của tôi, chủ yếu là tự tu. Những quan điểm mới mẻ mà Đại sư cho chúng ta đều từ trên sách vở mà đọc được.

Lúc mà tôi sống tại Hán Tạng giáo úy viện gặp được thầy Pháp Tôn, mới có niềm vui trong bạn đồng học. Thầy Pháp Tôn là vị đàn anh học Phật của tôi, đọc đến tác phẩm "Bồ Đề đạo thứ đệ quảng luận"; "Biểu liễu nghĩa bất liễu nghĩa luận"; "Mật Tông đạo thứ đệ quảng luận"; "Hiện quán trang nghiêm luận lược giải", "Nhập trung luận của Nguyệt Xứng, những tác phẩm này đều do Pháp Tôn dịch từ tiếng Tây Tạng. Tôi có thể nói, nó đã giúp tôi khá nhiều trong việc nghiên cứu vấn đề tại sao không Tông cho rằng Duyên Khởi là không Duy Thức tại sao đề cao y tha khởi tánh hiểu được căn bản vấn đề này thì chúng ta mới có thể hiểu rõ những vấn đề khác. Đối với tác phẩm "Mật Tông đạo thứ đệ quảng luận" tôi cũng đã đưa ra mấy vấn đề thảo luận, hỏi về tình hình tu tập của Phật giáo Tây Tạng, thậm chí đề cập đến vấn đề đại tiểu tiện của những vị gọi là Phật sống, nói đã cho tôi những kiến thức không nhỏ. Đối với vấn đề Tây Tạng Phật giáo tôi có 2 điểm:

1) Tôi yêu cầu dịch cuốn "Thất thập không tánh luận" trong luận này có một đoạn văn ý nghĩa của nó trước sau không thống nhất, sau khi trải qua nghiên cứu tỉ mỉ, đoán định nguyên bản Tạng văn có chỗ vừa sai vừa thiếu.

2) Tác phẩm "Tây Tạng chánh giáo sử" đề cập đến giai đoạn từ Đạt

Xuân Khai



Trời đất khi không bỗng dạt dào
Xuân bùng nắng mới gió xôn xao
Đã bên giậu cúc nghiêng mảnh liễu
Lại dưới tường hoa ửng sắc đào
Bát ngát hương mùa khai vị mới
Chập chờn mây cuốn mây tầng cao
Phòng đơn bất giác tràn xuân ý
Xuân hiện trong thơ, sóng mực trào !

✎ Văn Nương Lê Ngọc Chấn

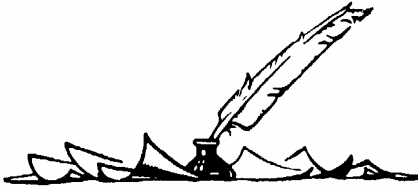
Lãng Mã hủy diệt Phật pháp đến sự hưng thịnh của Phật Giáo Tây Tạng những niên đại mà trong đó đề cập, đối chiếu với lịch sử Trung Quốc, hoàn toàn không phù hợp tôi phát hiện, tư liệu mà họ căn cứ là "can chi kỷ niên". Ở giai đoạn giữa bỏ trống không ghi chép gì gần 60 năm, nếu như có ghi chép thì giữa sử Tây Tạng và Trung Quốc hoàn toàn phù hợp. Pháp sư là vị có ký ức tốt và lý giải rất tốt, người mà tôi học nhiều nhất. Đối với Tây Tạng Phật Giáo, quan điểm của Pháp Tông đã trở thành Tây Tạng Phật Giáo hóa, thật sự mà nói giữa quan điểm khá lớn Pháp Tông và tôi có sự cách biệt khá lớn, nhưng khi chúng tôi thảo luận đôi khi phát sinh vấn đề không vui. Đây là điều đáng được tôn trọng quý giá giữa bè bạn.

Trong thời gian dài hỗn loạn, tôi bắt đầu trước tác và nói chuyện có người ghi lại thành sách. Một mặt các vị bạn học như Diển Bối, Tạc Minh, Diệu Khâm yêu cầu tôi diễn thuyết mặt khác là những ý kiến của tôi đối với Phật pháp mà tôi đã viết ra. Như năm thứ 30 tôi viết: "Phật tại nhân gian", "Phật giáo thị vô thẫu

luận đích tôn giáo", "Pháp hải thâm trần", là những tác phẩm đề cao nhân gian tính của Phật pháp, phản đối việc thần thánh hóa, tìm cầu bản chất Phật giáo xả bỏ những hình thức không còn phù hợp, sự cách biệt giữa Phật pháp và hiện thực Phật giáo là vấn đề tồn tại ở trong lòng, từ khi xuất gia tu học Phật pháp cho đến nay đã được 8 năm, rõ được Phật phi bị văn học dần dần mất đi tư tưởng, nguyên thủy của nó, và cho đến nay càng lúc càng trầm trọng hơn, do đó chúng ta không thể ngồi yên dùng tâm lực, nghiên cứu Phật giáo Ấn độ.



Lá Thư Tịnh Hữu



Thị Chôn Ngô Ngọc Diệp

A Di Đà Phật.
Tịnh hữu thân mến,

Tâm trạng của những nạn nhân đang đứng bên trong những cánh cửa kính của hai cao ốc trung tâm kinh tế thế giới tại Nữ Ước vào ngày 09.11 trong cuộc khủng bố vừa qua cũng chính là tâm trạng của tôi, lúc tôi bị liệt toàn thân. Lúc đó mình thật cô đơn, lạc lõng. Sự sợ hãi phủ kín tâm hồn! Một sự *hụt hẫng, chới vói giữa sự sống và cái chết*. Vì nếu muốn sống thì phải làm gì để còn được sống; trong khi đó cái chết đang bủa vây mình. *Cái phút giây không biết phải làm gì đó, nó mang tính cách quyết định cho sự luân hồi của mình*. Những hình ảnh đáng thương đó rõ ràng là một bài học sống thực cho tất cả mọi người chúng ta, lúc mình còn hít vào và thở ra được, khi mình còn có điều kiện để học - tu - và hành đạo giải thoát.

Bình thường, ai cũng phải bon chen cho sự tồn tại của chính mình. Nói khác đi là một sự sống đầy những mưu cầu để làm thỏa mãn những ước vọng, tham vọng - dù thiện hay bất thiện. Nên rất ít có ai nghĩ đến và chuẩn bị cho giây phút quyết định tối ư quan trọng này. Lúc chính mình phải *trực diện và giải quyết sự sanh - tử của chính mình*. Chết không có nghĩa là hết; mà nó chỉ là một sự bắt đầu của một sự sanh khác nằm trong chu trình *thành - trụ - hoại - không* của lý duyên - sanh bất biến.

Nếu nguyên lý này được **nhìn** ra trong mọi góc cạnh của cuộc sống, thì đâu không là Tịnh Độ.

Tôi đã lại dài dòng nữa rồi! Cái mà Sư phụ tôi không bao giờ muốn tất cả đệ tử của Người phải như vậy cả. Nhưng bạn hữu thường nói *Ngọc-Diệp* là *Nghịệp-Dọc*. Dù có *dọc-ngang* gì

thì cũng vẫn là *Thị Chôn*, pháp danh Sư phụ đã đặt cho tôi!

Trở lại chuyện bệnh đau gan của tôi. Sau khi được Sư phụ tặng cho quyển *Lá Thư Tịnh Độ* của Ngài Ấn Quang Đại Sư, tôi say mê đọc. Và bắt đầu biết niệm Nam Mô A Di Đà Phật. Sáu chữ này cứ như thế liên tục trong tâm tư của tôi; trừ những lúc đọc sách hay nói chuyện. Kể từ đó tôi không thiền quán nữa.

Những cơn nóng ran trong lòng, trong gan không còn nữa. Các bác sĩ chuyên khoa không tìm được nguyên nhân căn bệnh gan của tôi. Vì thế sáu tuần sau họ cho tôi được xuất viện.

Sau khi ra khỏi nhà thương, tôi bắt đầu tu tập pháp môn Tịnh Độ bằng cách lần chuỗi. Nhưng đâu phải lúc nào tôi cũng có chuỗi trong tay. Có một lần, trên đường tháp tùng Sư Phụ đến Nürnberg để làm lễ Phật cho đồng hương tại đây, tôi ngồi trên băng ghế sau. Bên cạnh là Chú Thiện Phước. Chú đang lần chuỗi. Tôi đùa với Chú bằng cách giật chuỗi trong tay của Chú. Xong tôi hỏi Chú:

- Bây giờ Chú đang làm gì đó?

Chú trả lời:

- Tui đang lần chuỗi niệm A Di Đà. Mà Anh giật chuỗi của tôi đi thì lấy gì để tui niệm Phật!

Câu nói này của Chú đã tác động mạnh vào tâm thức làm tôi thức tỉnh. Tôi khám phá ra cho chính mình một kinh nghiệm rằng: *nếu mình dùng phương tiện để niệm Phật mà khi lỡ mất phương tiện đó thì làm sao niệm Phật được?* Kể từ đó tôi không còn lần chuỗi niệm Phật nữa. Tôi đã tìm cho mình một phương pháp khác là *kết hợp hồi thổ với sáu chữ Nam Mô A Di Đà Phật*. Thí dụ hít vào ba câu, thở ra năm câu. Đi, đứng, nằm, ngồi cũng đều như vậy. Trừ những lúc nói chuyện, suy nghĩ để làm việc... Kể cả trong những khóa hành thiền ở trong Chùa hay "*Tịnh Tọa*" bất cứ ở đâu, tôi vẫn y phương pháp kết hợp trên mà hành trì. Và cũng kể từ đó, tôi không dùng từ "*tọa thiền*" nữa, mà hay nói là "*tịnh tọa*". "Danh có chánh, thì ngôn mới thuận" và hành động cũng vì thế được rõ ràng hơn!

Trong thời gian này tôi đã thuộc chú Lăng Nghiêm và nhiều câu chú khác. Phần công phu mỗi ngày của tôi, từ lúc mở mắt đến lúc nhắm mắt ngủ, là phải trì cho đủ 7 biến Chú Lăng Nghiêm, 21 biến Chú Đại Bi, 7

biến Chú Dược Sư, 7 biến chú Vãng Sanh, 108 biến Chú Chuẩn Đề để cầu nguyện cho nghiệp chướng của mình, của mọi loài chúng sanh sớm được tiêu trừ và cùng được vãng sanh Tây Phương Cực Lạc quốc độ. Ngoài phần công phu trên là chuyên trì niệm Nam Mô A Di Đà Phật; cho đến ngày 01.05.1985 khi tôi được đưa vào nhà thương vì bệnh tê liệt. Tôi vừa kể cho Bạn nghe về sự công phu của tôi không phải để *khoe* đâu. Sự tu hành mà khoe khoang thì có ích gì. Vì tôi ăn thì tôi no. Chú có khoe và kể cho Bạn nghe thì Bạn có no đâu? Nhưng chính nó là những cái *nhân* giúp cho tôi biết *nẻo* về khi toàn thân không còn cử động được nữa. Lần hồi thì Bạn sẽ rõ!

Thú thật với tịnh hữu, tôi không có thì giờ để ngồi trước bàn Phật mà trì chú, niệm Phật đâu. Vì tôi cũng bận bịu cuộc sống sinh nhai, kiếm sống nuôi bản thân và gia đình cũng như các bạn vậy. Mỗi sáng, mới vừa thức giấc, đang nằm trên giường là tôi đã "tụng" như phần công phu khuya. Rồi cứ tuần tự như trên mà trì Chú và niệm Phật. Nếu mình thuộc lâu câu chú thì tụng cũng nhanh lắm. *Tất cả các câu chú tôi trì niệm trong tâm trí, chú không phát ra thành tiếng. Chỉ khi niệm Phật thì kết hợp 6 chữ Nam Mô A Di Đà Phật với hồi thổ mà thôi! Những cũng niệm trong trí chú không phát thành tiếng.*

Cũng nhờ theo Sư Phụ làm Phật sự mà tôi đã học được rất nhiều Đức và Giới Hạnh ở nơi Người. Tôi chỉ biết có một điều là Sư Phụ chúng tôi chưa hề bỏ một thời công phu khuya nào. Trừ những trường hợp ngoại lệ như ốm đau vì trở trời; hay phải tá túc tại tư gia của Phật tử khi Người đi hóa duyên độ sanh mà thôi.

Cho đến ngày bị tê liệt, ngoài phần công phu nói trên, sáng nào tôi cũng đến Chùa để tụng công phu khuya với Sư Phụ. Thầy trò bắt đầu lúc 5 giờ sáng, để tôi còn phải đi làm - còn có thêm Cô Hạnh Niệm nữa. Tôi vẫn còn không quên, sau khi 3 Thầy trò dùng điểm tâm xong thì Sư phụ luôn nhắc Cô Hạnh Niệm nhớ làm thức ăn chay cho tôi mang đến hàng dùng. Đạo đó tôi trường chay. Cho đến năm 90, khi đi học Luật, thì tôi chỉ còn giữ được 4 ngày chay trong tháng cho đến nay.

Đầu năm 1985, Sư Phụ cho phép tôi tháp tùng Người đến Mỹ để thăm viếng các Chùa và vấn an Chu Tôn

Đức tại đó. Mặt khác Sư Phụ cũng muốn tạo cho tôi có điều kiện học hỏi thêm kinh nghiệm làm Phật sự ở những quốc độ khác. Khi máy bay đáp xuống phi trường Kennedy tại Nữ Ước thì tôi bị đau đầu kinh khủng. Một cơn đau mà tôi chưa hề có tính đến thời điểm đó. Cơn đau này kéo dài 3 ngày liên tục. Tôi đã uống nhiều loại thuốc nhưng không hết đau. Bỗng dưng sau 3 ngày thì cơn đau biến mất.

Việc này khi trở lại Đức tôi quên bẵng đi. Thời gian tôi vắng mặt trong hãng để sang Mỹ, khâu nghiên cứu và sản xuất của tôi đã xảy ra nhiều điều không tốt. Mặc dù trước khi đi tôi đã bàn giao công tác và nhiệm vụ cho nhân viên thừa hành thật kỹ lưỡng. Tôi đã bị một cú sốc rất mạnh về chuyện đó. Và nó đã ám ảnh trong tôi mãi.

Cho đến ngày 01.05.1985, là ngày lễ Lao Động Quốc Tế. Mọi hàng quán, công sở đều đóng cửa. Các đảng phái đua nhau tổ chức những sinh hoạt cộng đồng để tuyên truyền cho đảng mình; cũng như để kiểm phiếu cho lần bầu cử tới. Những quây ăn uống được dựng lên buôn bán. Những ban nhạc trống kèn trình diễn âm ĩ trong các công viên, quảng trường.

Sáng hôm đó, sau khi điểm tâm xong, tôi đưa 2 đứa con trai của tôi đến một công viên gần nhà để tham dự lễ. Cháu lớn dạo đó mới 4 tuổi, đứa thứ nhì 3 tuổi. Mỗi cháu mang một đôi giày có bánh lặn bằng sắt ở dưới đế. Sau khi dạo quanh một vòng các gian hàng và nghe thuyết trình, cháu lớn đòi uống nước. Tôi dẫn hai cháu đến một quây bán nước uống. Trên đường đi, cháu lớn nói: Papa, chiếc giày của con bị sút ra rồi. Papa cởi ra cho con. Con không thích mang nữa! Tôi khum xuống để giúp cháu cởi đôi giày ra. Tay trái tôi xách đôi giày. Lúc khum người xuống và đứng lên tôi cảm thấy choáng váng và xây xẩm mặt mày. Nên đề nghị với các cháu đi về nhà.

Trên đường ra khỏi công viên, đôi giày tôi xách bên tay trái tuột khỏi tay 3 lần. Và chân trái của tôi không còn cảm giác nữa lúc đi. Trong khi đó thì tôi thấy trời, đất và người ta xoay vòng chung quanh tôi. Bên tai thì vang tiếng còi hụ của xe cấp cứu. Rồi thân người tôi nhẹ hẳn đi, không còn nhìn thấy được gì nữa. Nhưng tôi vẫn biết là người ta khiêng tôi đi. Đi đâu thì không biết. Khi mắt mở ra được, tôi nhìn qua cửa kính xe thì thấy bầu trời và những vòm cây chạy ngược. Bên trái có một

người y tá đang bắt mạch. Còn tay phải thì được một y tá khác tiêm kim để chuyển nước biển. Tôi muốn hỏi họ rằng điều gì đã xảy đến với tôi. Nhưng tôi không mở miệng để thốt nên lời được. Sau đó tôi thiếp đi.

Trong phòng cấp cứu, tôi tỉnh dậy. Phần thân bên trái đã cử động trở lại được rồi, nhưng yếu và lạnh. Tôi cũng nói chuyện bình thường trở lại, nhưng có cảm giác mép miệng bên trái hay bị chảy nước miếng ra mà mình không kèm lại được. Trong lúc được bác sĩ cấp cứu khám nghiệm thì tôi vẫn trì chú hoặc niệm Nam Mô A Di Đà Phật liên tục. *Những tâm không định được.* Những câu hỏi tại sao, sẽ như thế nào, bệnh gì, điều trị bao lâu v.v... liên tục xen lẫn trong câu chú hoặc câu niệm Phật.

Thế là tôi phải nằm viện trước tiên một tháng để các bác sĩ chuyên khoa về hệ thần kinh tìm căn bệnh. Tôi chỉ được chuyển nước biển chứ không uống thuốc gì cả. Vì tôi thường chạy nên ngày nào tôi cũng được ăn rau hấp, khoai tây luộc, thêm ít nước sốt. Đạo đó người Âu Tây chưa biết nấu chay. Nay thì họ khá hơn nhiều rồi trong việc chế biến thức ăn chay!

Để tìm ra căn bệnh, tôi phải trải qua nhiều cuộc khám nghiệm. Trước tiên họ lấy tủy trong xương sống của tôi để khám nghiệm xem tôi có bị viêm màng não hay không. Kết quả cuộc khám nghiệm này là *negativ*, nghĩa là tôi không bị chứng viêm màng não; hay bị những chứng viêm nào trong não cả!

Kế đến tôi được đưa đến khu nha khoa của trường Đại học Y khoa thành phố Hannover để làm răng, vì tôi có mấy cái răng bị sâu. Họ nghi rằng có thể mấy cái răng bị sâu gây ảnh hưởng đến những giầy thần kinh trên đầu. Kết quả cũng *negativ*. Vậy triệu chứng từ đâu?

Tôi lại được đưa đi khám đầu bằng máy rọi. Với phương pháp này, đầu của bệnh nhân sẽ được chụp thật tỉ mỉ để xem những đường dây thần kinh li ti nào trong đầu bị *hư*. Trước đó bệnh nhân sẽ được chụp thuốc mê để thần kinh hệ không làm việc nữa, thì mới chụp được. Trong lúc chụp thuốc mê thì tôi vẫn niệm trong trí Nam Mô A Di Đà Phật. Đó là thói quen khi tôi không nói chuyện, đọc sách, suy nghĩ hay làm việc. Bỗng dưng tôi không thờ được nữa. Lòng ngực của tôi như có một quả tạ ngàn cân đè nặng xuống.

Một phản ứng tự nhiên trong tiềm thức thúc đẩy tôi phải giũt cái mặt nạ chụp thuốc mê ra để thở. Lúc đó bên tai tôi vang vang tiếng la to của một nữ y sĩ: bộ Ông muốn giết chết bệnh nhân hả? Rồi có tiếng trả lời: ông ta không chịu mê!

Lỡ tai thì nghe, đồng thời liếc mắt nhìn sang phía bên trái tôi thấy chiếc kim đo trên bình hơi ga mê vượt quá lần mức gạch đỏ ở số 2! Thế là người ta không thể chụp hình đầu của tôi được bằng phương pháp trên. Nhưng căn bệnh phải tìm ra chứ không lẽ để cho bệnh nhân xuất viện khơi khơi được!

Người ta đã áp dụng phương pháp khác để khám nghiệm. Lần này tôi được tiêm vào động mạch ở háng một loại nước trắng như sữa. Với một độ áp suất nào đó, chất lỏng này sẽ được đẩy đến các mạch máu nhỏ li ti khắp thân thể, chủ yếu là trong đầu. Lúc đó họ sẽ chụp hình quang tuyến cái đầu của mình để xem những mạch máu li ti nào trong đầu bị nghẽn. Cuối cùng kết quả khám nghiệm này cho biết là tôi bị nghẽn mạch máu trong tiểu não bên trái.

Nhưng điều này thật vô lý. Chính các bác sĩ điều trị đã nói như vậy. Theo y khoa, nếu phần não bên trái không hoạt động thì phần thân đối diện phải bị liệt, nghĩa là phần bên tay mặt! Còn trường hợp của tôi thì ngược lại. Chính các bác sĩ chuyên khoa ngành thần kinh hệ của nhà thương cũng chưa dám tin ở kết quả lần khám nghiệm thứ ba này.

Để kiểm chứng lại cho thật chính xác, tôi được đưa đến trường Đại học Y khoa tại thành phố Hannover. Ở đây họ đã tiêm vào trong mạch máu tôi một loại *Neutron lạnh*. Tính phóng xạ của loại Neutron lạnh này sẽ lan khắp cùng toàn bộ mạch máu trong cơ thể tôi, nhất là ở trong đầu. Kết quả của lần khám nghiệm này đã xác minh kết quả của lần thứ ba. Nghĩa là mạch máu ở tiểu não bên trái của tôi bị nghẽn.

Trong gần một tháng nằm viện để được khám nghiệm, cơ thể tôi đã hoạt động bình thường trở lại. Như không có việc gì xảy ra cho tôi cả! Ngoài lúc đọc sách báo, trò chuyện với Quý Bác và Anh Chị Em đạo hữu đến thăm, tôi không hề quên đi phần công phu mỗi ngày của tôi là trì chú và niệm A Di Đà Phật.

(còn tiếp)



Lên Chùa

Lời mới: Kiều Hưng
Sưu tầm: Lê Quang Nghệ
Nhạc: Dân ca Thanh Hóa



1. Lên chùa bé một cành sen Lên chùa bé một cành
2. Xuân về nở rộ ngàn hoa Xuân về nở rộ ngàn
3. Tang tình tình tang tịch tình tang Tang tình tình tang tịch tình
4. Hoa đào nở rộ mùa xuân Hoa đào nở rộ mùa



sen ăn cơm bằng đèn di cây sáng trăng ba bốn cô có lịch cùng
hoa Xuân vui mọi nhà xuân đến khắp nơi Em có đi hái lộc cùng
tang Trông lên chùa vàng nghi ngút khói hương Ta đến đây lễ Phật mười
xuân đi xa về gần mau hãy đến đây Ba bốn cô hái lộc cầm



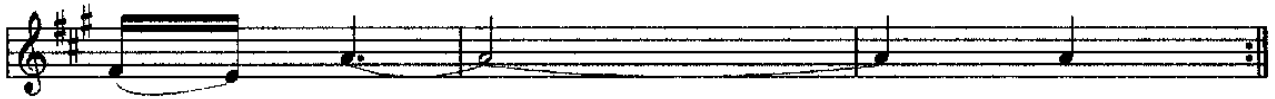
chàng có bẹn cùng chàng Thắp đèn ta sẽ chơi
tôi lễ phật cùng tôi Đây chùa Viên Giác sáng
phương cúng Phật mười phương Bao người nó nức đến
tay hái lộc đây tay Lên chùa Viên Giác đặc



trăng ngoài thêm chơi trăng ngoài thêm ý còn muốn
trung ánh đèn sáng trung ánh đèn ánh đèn hào
đây cúng đường đến đây lễ chùa đức hạnh làm
tâm lễ chùa hết tâm lễ chùa Đức Phật độ



cho muốn cho trong ấm ư ờ, ờ lại
quang Hào quang sáng chói ư như muốn vạn
sao Ngày mai trong ấm ư ờ, ờ lại
cho độ cho trong ấm ư ờ, ờ lại



ngoài ờ
mùa xuân
ngoài ờ
ngoài ờ

2. Xuân
3. Tang
4. Hoa

AUF DEUTSCH

• Thich Nhu Dien

DER BUDDHISMUS UND DIE MENSCHEN

Aus dem Vietnamesischen ins Deutsche übertragen von

DUC THU - LOC HO



(Fortsetzung VG Nr. 125)

Kapitel V

Sangha und sozialer Strukturwandel

Die ganze Reisegruppe war der Meinung, daß es nicht so schlimm wäre und wir haben deshalb abwechselnd zuhause auf sie aufgepaßt. Doch ihr ging es nicht besser, weshalb sie schließlich doch ins Krankenhaus gebracht wurde. Thien Ha und Thien Hiep halfen ihr, das Haus zu verlassen. Sie sagte zu ihnen, sie sollten ihr Nonnengewand gleich mitbringen. Da niemand mit etwas Ernstem gerechnet hatte, gingen alle ihren Vorhaben nach oder warteten zuhause auf die Nachricht vom Krankenhaus. Auf dem Weg ins Krankenhaus hatte sie aber schon nicht mehr gesprochen. Sie kam gegen 10 Uhr im Krankenhaus an. Herr Phuoc hat für sie übersetzt und sie über alle relevanten Belange informiert. Danach verließ er das Krankenzimmer und wartete draußen. Nach dem Mittagessen fuhren wir, d.h. der Ehrwürdige Thich Quang Bing, Nonne Hanh Ngoc, Minh Hoa, Frau Dong und ich ins Krankenhaus, um die Herren Phuoc, Thien Ha und Thien Hiep abzulösen, denn sie hatten noch nicht zu Mittag gegessen. Als Herr Phuoc, Thien Ha und Thien Hiep zuhause ankamen, teilten wir ihnen mit, daß die Nonne Hanh Nhu gestorben sei. Die Nachricht schlug ein wie ein Blitz. Alle waren erschrocken und sprachlos, denn viele hatten geglaubt, sie käme ins Krankenhaus, um den Herzschlag zu messen. Danach würde sie mit dem Flugzeug zurück nach Deutschland fliegen, während die anderen mit dem Auto die Reise fortsetzten. Sie war auch tatsächlich mit dem Flugzeug nach Deutschland zurückgekehrt, doch leider in einem Sarg.

Was dann folgte, waren Untersuchungsformalitäten, die Aufnahme der Verbindung mit den Angehörigen, Verwandten und den verschiedenen Pagoden. Das Reiseprogramm wurde abgebrochen. Unser Vorhaben nach Bologna, Venedig und München zu reisen, haben wir verschoben. Drei Tage lang, vom 9.-11.07.96, wurden die Formalitäten erledigt. Familienangehörige aus Frankreich und Deutschland waren nachgekommen. Erst am 12.07.96

wurde ihre Leichnam obduziert. Und der Sarg wurde dann am 15.07.96 nach Hannover gebracht. Die Reisegruppe teilte sich in zwei Gruppen auf. Die erste Gruppe, fuhr am 11.07.96 mit drei Autos zurück nach Deutschland. Der Wagen des Ehrwürdigen Thich Quang Binh und Reverend Thich Nhat Tri blieben zurück, solange bis die Leiche obduziert wurde. Sie fuhren dann von dort nach Holland. Am Abend des 11.07.96 kamen wir an der Schweizer Grenze an. Zwei Wagen hatten die richtigen Durchreisepapiere und konnten die Grenze passieren. Der Wagen von Minh Hoa mußte einen Umweg über den Mont Blanc, den höchsten Berg Europas, machen, um von dort über Frankreich nach Deutschland zu gelangen. Unsere Gruppe erreichte die Pagode Vien Giac am 12.07.96 gegen 14 Uhr. Der Wagen von Minh Hoa kam erst gegen 22 Uhr in Hannover an. Auf dem Rückweg hatte keiner mehr über die Reise gesprochen. Alle dachten an dem plötzlichen Tod von Nonne Hanh Nhu. Das Leben ist vergänglich. Niemand weiß, wann er oder sie für immer und ewig gehen müssen. Wenn alle Menschen sich der Vergänglichkeit bewußt wären, würden sie sicher alle Mönche oder Nonnen sein.

Alle wollten wissen, woran Nonne Hanh Nhu gestorben ist. Die Antwort des behandelnden Arztes lautet, daß sie einen Herzinfarkt gehabt hatte und die Hauptader, die das Blut dem Herz zuführt, verstopft gewesen war. Sie wurde 42 Jahre alt. Sie war erst vier Jahre Nonne gewesen, davon verbrachte sie zwei Jahre in Europa und zwei Jahre in Taiwan. Sie hatte vor ihrer Ordination eine Familie mit zwei Kindern, die jetzt schon groß sind.

An dieser Stelle möchte ich mich herzlich bei Herr und Frau Phuoc, sowie bei der Familie von Frau Hien und Frau Dongs Schwester bedanken. Sie haben für die Mönche, Nonnen und die mitreisenden Buddhisten großzügig gesorgt. Ohne ihre Hilfe hätten wir erheblich viel mehr Schwierigkeiten gehabt, vor allem mit der Sprache, denn keiner von uns konnte sich auf italienisch verständigen und so waren wir auf jemanden angewiesen, der Englisch, Deutsch oder Französisch sprechen konnte. Herr Phuoc und Frau Dong hatten die Vergänglichkeit alles Seins erkannt und hatten am nächsten Morgen, den 11.07.96, bei sich zuhause die Zuflucht zu den Drei Juwelen genommen, um ihrem geistigen Leben mehr Sinn geben.

Am 20.07.96 um 11 Uhr wurde die Beerdigungsfeier für Nonne Hanh Nhu in der Pagode Vien Giac zelebriert. Sie dauerte fast zwei Stunden lang. Viele Angehörige und Bekannte, besonders aus Berlin, sind nach Hannover gekommen, um von Nonne Hanh Nhu Abschied zu nehmen. Außerdem kamen auch Buddhisten aus München, Nürnberg und anderen Orten. Insgesamt nahmen 150 Teilnehmer an dieser Beerdigungszeremonie teil. Nach der Beerdigungsfeier folgte die Opfergabenzeremonie an die Ordensleute, um für die Verstorbenen zu beten. Der Tod von Nonne Hanh Nhu hat viele Menschen aus ihrem Traum aufgeweckt. Frank Sanzenbacher, ein Deutscher, der seit zwei Jahren in der Pagode Vien Giac lebt, hat sich vorgenommen, am 30.10.96 zum Mönch ordinieren zu lassen. Man weiß nicht, wie lange er es aushalten wird; doch zu diesem Entschluß ist er gekommen, nachdem Nonne Hanh Nhu plötzlich gestorben ist. Nonne Hanh Nhu war Vietnamesin, wurde in Laos geboren und wuchs dort auch auf. Sie wußte wenig über Vietnam. Sie hatte Vietnam, Laos und Japan besucht bevor sie nach Hannover in die Pagode Vien Giac kam, um an der Meditationsklausur teilzunehmen. Der Ehrwürdige Thich Quang Binh berichtete, daß sie auf der Reise oft von ihrer Mutter und ihren zwei Söhne sprach. Ist es wahr, daß Leute, die kurz vor dem Ausscheiden aus der Welt diesen Instinkt besitzen? Wenn man ihre letzten Bilder aus Rom anschaut, stellt man fest, daß sie einen sehr traurigen Eindruck machte. Ahnte sie ihren Tod?

Das Leben ist vergänglich. Es gibt nichts, worüber man sich streiten sollte, auch nicht über Geld, Diamanten,

wertvolle Gegenstände etc. Wenn man aus diesem Leben scheidet, kann man nichts mitnehmen, nur das Karma.

Dieses Buch hat den Titel „Der Buddhismus und die Menschen“. Ich habe diesen Reisebericht hier eingefügt, weil die Menschen die vier Leidensphasen durchlaufen müssen und der Buddhismus sich auch Gedanken über diese Tatsachen machen muß. Das ist sehr wichtig. Schließlich soll dieses Buch ein Rat für alle Menschen sein, über die hier behandelten Themen nachzudenken, bevor sie etwas auf dieser Welt beschließen.

Schlußkapitel

Vom 20.-29.07.96 hat die Congregation der Vietnamesischen Buddhistischen Kirche in Europa einen Dharmakurs für 444 Teilnehmer aus 13 Ländern (aus Europa und Amerika) veranstaltet. Das war der 8. Kursus dieser Art und auch der größte, der bis heute stattgefunden hatte.

Die Teilnehmer wurden in fünf Klassen eingeteilt. Die Klasse 1 und 2 faßten die jungen Buddhisten zusammen, die von den Mönchen und den Leitern der Jung-Buddhisten-Organisation übernommen wurden. Es gab auch besondere Aktivitäten für die ganz jungen Buddhisten unter 12 Jahren. Die älteren Buddhisten wurden in drei Klassen aufgeteilt. Die erste Klasse war für Anfänger, die über die Grundzüge des Buddhismus etwas lernen wollten. Die zweite Klasse war die mittlere Stufe und Klasse drei war für Fortgeschrittene, die zusammen mit den frisch Ordinierten lernten. Der Schwerpunkt des gesamten Unterrichtes lag auf den Geboten der Laienbuddhisten und der Lehre der Schule des Reinen-Landes. Das waren die zwei Themengruppen des Dharmakursus.

Die meisten Dozenten waren Mönche aus Europa, zwei kamen aus Kanada und aus den USA. Es waren Reverend Nhat Tri und Giac Dang. In der zweiten und dritten Klasse hat Reverend Giac Duy die Buddhisten über die Lehre des südlichen Buddhismus informiert, z.B. über die vier Smrtiyupasthama, den Achtfachen Pfad und die Nidanans. Der Veranstaltungsort war ein katholisches Kloster in Helvoirt im Süden Hollands, das nahe der belgischen und der deutschen Grenze liegt. Die Congregation der Vietnamesischen Buddhistischen Kirche in Holland hat diesen Kursus organisiert. Das Veranstalterteam hatte bei dieser großen Teilnehmeranzahl alle Hände voll zu tun. Es kümmerte sich um das Essen und die Schlafplätze der Kursteilnehmer, deren Zahl die bisherigen Rekorde brach. Die Verwaltung koordinierte die Kooperation der Kongregation der Vietnamesischen Buddhistischen Kirche in Europa, in Frankreich und in Holland sehr gut. Die Teilnehmer kamen aus allen Altersgruppen. Es gab während des Kursus keine Komplikationen, da die Kursteilnehmer alle friedlich miteinander umgegangen sind.

Der Lehrplan verteilte sich auf drei Seminare täglich, vormittags, nachmittags und abends. Es gab drei Gebetszeiten und die Teilnehmer wurden auch zu drei Arbeitsschichten eingeteilt. Da dieser Kurs aus Theorie und Praxis bestand, mußten die Teilnehmer außer den Unterrichtsstunden auch die Buddhalehre praktizieren und arbeiten. Am Anfang meinten viele, sie hätten gerne mehr Unterricht gehabt; doch im Verlauf des Kursus stellte sich heraus, daß das Pensum für viele zu schwer war und sie große Mühe hatten, dem ganzen Programm zu folgen. Die Zeiten waren so aufeinander abgestimmt, daß man schon gesund sein mußte, um das ganze Pensum absolvieren zu können. Alle Teilnehmer mußten am Frühgebet teilnehmen, meditieren und die Sutren lesen.

Das laute Gebet hallte am frühen Morgen durch den Gebetsraum. Am Nachmittag und am Abend übernahmen

die Teilnehmer die Leitung der Andachten. Parallel zu diesen Klassen gab es auch Übungsstunden für die Buddhisten und Buddhistinnen, die den Umgang mit dem Gong und mit der Holztrommel lernen wollten. Da dieser Kurs stark auf die strenge Praxis hin orientiert war, wurde auch besonders strenge Disziplin von den Teilnehmern erwartet. Trotz der strengen Vorschriften kam es zu keinen nennenswerten Zwischenfällen. Gleich zu Beginn des Kursus fand eine Diskussion des Komitees der Beratung über die religiöse Situation in Vietnam statt. Am letzten Abend des Kursus hat die Organisation der Jung-Buddhisten einen Kulturabend und ein Lagerfeuer veranstaltet. Die Kursnehmer mußten eine Prüfung ablegen und konnten danach an einer Exkursion nach Amsterdam teilnehmen.

Hervorzuheben ist, daß immer mehr junge Leute sich in diese Dharmakurse einschreiben. Das ist ein gutes Zeichen für ihre geistige Entwicklung. Wahrscheinlich tun sie es, weil es ihnen Spaß macht und um das Zusammenleben mit den anderen auszuprobieren und den Glauben mit Gleichgesinnten zu teilen. Viele junge Buddhisten und Buddhistinnen erzählten, daß sie in der Schule oft Schwierigkeiten hätten, wenn die Klassenkameraden sie über die Buddhalehre fragten. Solche Dharmakurse bieten den jungen Leuten die Möglichkeit, Fragen an die Mönche zu stellen, oder Erfahrungen mit ihren Freunden auszutauschen. Der Kurs gibt ihnen ein umfangreiches Wissensangebot mit nach Hause. Und wie erging es bei den älteren Teilnehmern? Ihnen erging es teils wie den jungen Leuten. Auch sie verlangten nach detaillierteren Kenntnissen über die Buddhalehre. Dieser Kurs bot auch ihnen die Möglichkeit, sich über die Buddhalehre zu informieren.

Die Mönchsdozenten hatten sich die Zeit genommen, um die Teilnehmer zu unterrichten. Da die Nachfrage nach der Buddhalehre von Tag zu Tag ansteigt, müssen die Ordensleute noch mehr Zeit investieren. Solche Dharmakurse sind insofern sehr wichtig, als sie einen Ausgleich zwischen der materiellen und geistigen Seite herstellen. Die Dharmakurse sind sowohl für die Ordinierten als auch für die Laienbuddhisten sehr wichtig. Es ist sehr schwer im Ausland, sich zehn Tage frei zu nehmen. Oft muß man Monate oder sogar Jahre voraus planen, um an solchen Kursen teilnehmen zu können. Die Familienangelegenheiten und die Frage der Kinderbetreuung muß man zuerst klären. Das sind sehr gute Voraussetzungen für die eigene Praxis der Buddhalehre. Wir lernen, uns und den anderen zu helfen. Wenn jemand sein Wissen weitergibt an weitere drei oder fünf Personen, wäre das schon sehr gut. Wenn jedes Jahr drei bis fünf solche Klassen veranstaltet werden könnten, brauchte man sich keine Sorgen mehr um die Zukunft des vietnamesischen Buddhismus machen.

Zur Zeit der ersten Meditationsklausuren gab es noch sehr wenig Ordensleute in der Pagode. Deshalb hatte ich Dharmakurse für die Buddhisten in unserem Kloster veranstaltet und Gastmönche aus ganz Europa nach Hannover eingeladen. Die Buddhisten waren in der ersten Phase sehr engagiert. Nach diesen Kursen haben sich viele Buddhisten für ihren Glauben eingesetzt. Viele Leute gingen früher in Vietnam sehr oft in die Pagode, hatten dort aber keine Gelegenheit, die Buddhalehre zu studieren. Solche Dharmakurse bieten ihnen jetzt die Gelegenheit, die Buddhalehre zu praktizieren. Jeder Kurs dauert 10 Tage. Außerdem bieten wir jedes Wochenende eine 24 stündige Meditationsklausur für Buddhisten an. Im Jahre 1984 wurden 13 solche Meditationsklausuren veranstaltet. Das war das Jahr, in dem die meisten Klausurveranstaltungen stattgefunden hatten. In den darauf folgenden Jahren wurden aus vielen Gründen diese Meditationsklausuren nicht mehr so oft veranstaltet; doch waren es mindestens sechs im Jahr. Während der Meditationsklausurzeit haben die Jungbuddhisten und Buddhistinnen der Familie Tam

Minh auch ihre eigene Klausurtag, um sich über die Buddhalehre zu informieren und Fragen bezüglich der jungen Generation zu stellen. In dieser 24-stündigen Meditationsklausur unterweise ich die Buddhisten in den Grundzügen des Buddhismus. Außer der Meditation und Rezitation der Sutren habe ich noch einige andere Übungen eingeführt, wie z.B. das Niederwerfen vor den 500 Buddhanamen. Die 500 Niederwerfungen wurden in drei verschiedenen Abschnitten ausgeführt, zu jeweils 150 bis 200 Niederwerfungen. Nach der Niederwerfungszeremonie waren fast alle Teilnehmer erschöpft, doch sie fühlten sich geistig wohl. Ich denke immer daran, daß ich eines Tages alt werde und dann vielleicht wie andere ältere Leute auch keine Niederwerfungen mehr ausführen kann. Deshalb hatte ich das Gelübde abgelegt, Niederwerfungen vor den 3000 Buddhanamen durchzuführen, und zwar innerhalb von drei Klausurperioden. Dann wollte ich über 11.000 Niederwerfungen gemacht haben. So ging es immer weiter, und bald wurden es immer mehr, bis ich mir dann das Saddharma-Pundanka-Sutra vornahm, daß mehr als 77000 Wörter hat, d.h. daß ich 77.000 Niederwerfungen zu machen hatte. Dieses Sutra abzuschließen, brauchte ich über fünf Jahre. Obwohl 1989-1991 der Bau der Pagode auf dem Programm stand, hatte ich dennoch jeden Abend Niederwerfungen gemacht. Das Saddharma-Pundarika-Sutra wurde 1995 abgeschlossen. Alsdann legte ich ein neues Gelübde ab, das Mahaparinirvana-Sutra, das aus zwei Bänden besteht, mit Niederwerfungen zu ehren. Ich nehme an, daß ich dafür gut 10 Jahre brauchen werde, bis ich es abgeschlossen habe. 1995 war ich in Montreal in Kanada. Dort hatte ich zusammen mit den Buddhisten das Mahaparinirvana-Sutra mit Niederwerfungen geehrt.

Mittlerweile besteht ein reges Interesse am Dharma, doch es gibt es sehr wenig Leute, die sich ordinieren lassen. Beim ersten Kongreß des vietnamesischen Sangha im Ausland, der in der Pagode Vien Giac im September 1995 stattfand, wurde ein Vorschlag gemacht, die Pagode Vien Giac als ein Ausbildungsort für junge Ordinierte auszubauen. Ich sah darin keine Schwierigkeiten und nahm deshalb den Vorschlag an. Zusammen mit dem Ehrwürdigen Thich Quang Binh habe ich in diesem Sommer einen Dharmakurs für alle, die das Mönchsleben praktizieren wollen, durchgeführt. Das Ergebnis war am Anfang nicht sehr berauschend. Insgesamt waren es 15 bereits Ordinierte und solche, die es gerne werden möchten.

Andererseits war das ein ideale Teilnehmerzahl, doch das Niveau der Teilnehmer war sehr unterschiedlich. Einige sind schon drei, fünf, zehn Jahre Mönch, andere sind erst ganz kurz dabei. Trotzdem gelang es uns, die Themen dieser drei Monate an das Niveau aller Teilnehmern anzupassen. Der Ehrwürdige Thich Quang Binh gab jeden Dienstag und Freitag Unterricht über Di Giao auf chinesisches und vietnamesisch; ich gab jeden Montag und Donnerstag Unterricht über Dai Tri Do Luan, in der Übersetzung des Hohehrwürdigen Thich Trung Quan, und die Ehrwürdige Nonne Thich Nu Nhu Vien unterrichtete jeden Mittwoch über die zehn Büffelbilder, die in der Meditationsschule gebraucht werden. Das bedeutet, daß es jede Woche fünf Unterrichtseinheiten jeweils von 14:30 bis 16:15 gab.

Ich bin seit 25 Jahren voll ordiniert (1971-1996). Insgesamt habe ich 20 Ordensschüler und über 3000 Laienschüler. Von diesen 20 Ordensschülern sind noch 16 geblieben, das entspricht einer Durchfallquote 20%, die man auf verschiedene Umstände zurückführen kann. Ich weiß wirklich nicht, was in den nächsten Jahren noch passieren wird. Dies zeigt uns, daß das Mönchsleben nicht einfach ist. Von diesen 16 Ordensleuten, sind 6 bereits über 60 Jahre alt und die anderen 10 haben entweder Abitur, Universitätsabschluss und einige sind gerade dabei, zu promovieren. Wenn ich mir den momentanen Zustand der Ordensleute ansehe, mache ich mir Sorgen um die Zukunft des vietnamesischen Buddhismus in Deutschland. Die

Bedingungen, die ich für eine Ordination stelle, sind vielleicht zu hart, denn ich verlange, daß der Schüler wenigstens das Abitur haben muß. Das ist gut für seinen zukünftigen Werdegang. Diese Bedingungen gelten nicht für die über 60jährigen. Da sie schon alt sind, reicht es für ihre geistigen Verdienste, wenn an den Morgen- und Abendbeten teilnehmen, leichte Tätigkeiten in der Pagode verrichten und sich anschließend ordinieren lassen. Die jungen Mönche dagegen brauchen mehr Ausdauer, denn sie haben noch die meiste Zeit vor sich. Wenn jemand einen starken Willen hat, kann er länger im Kloster bleiben. Wenn man wegen irgendwelcher Probleme in die Hauslosigkeit geht, wird man sicher auch eines Tages die Mönchsrobe wieder ablegen müssen. Viele werden Mönch, weil sie familiäre, berufliche oder Liebesprobleme haben. Deshalb wird von den Mönchen Willensstärke und Ausdauer verlangt, denn nur so können sie ihren Weg als Mönch bis zum Ende ihres Lebens gehen. Die jungen Leute denken auch an ihre Zukunft, wenn sie in die Hauslosigkeit gehen. Wenn sie sich im Kloster nur mit dem Gong und der Holztrommel beschäftigen müßten, hätten sie hier keine Perspektive. Deshalb müssen sie einen zweifältigen Weg gehen, den Weg einer guten Bildung und den Weg der Buddhalehre. Heute gibt es in vielen Universitäten innerhalb Deutschlands den Studiengang der Religionswissenschaft. Die Universität Passau und Göttingen bieten sogar Buddhologie an. Ich denke, daß es mehrere Universitäten gibt, die diese beiden Studiengänge anbieten. In Österreich wurde ein Dharma-College eröffnet. Das ist ein College, das speziell die Lehre des Buddhismus unterrichtet. Das Lehrprogramm dauert sechs Jahre. Man sollte mindestens den Abschluß der 10. Klasse haben, um auf dieses College gehen zu können. Außerdem gibt es einen Kurs, der die Ordensleute für die Zukunft ausbildet. Das ist eine weitere Möglichkeit für die Leute, die Mönch werden wollen, um ihrem Glauben zu dienen. Diese Ausbildungsmethode entspricht der europäischen Ausbildung, jener der christlichen und katholischen Mönche und Priester.

In diesem Jahr wird in der Pagode Vien Giac die erste Klasse eröffnet und wir hoffen, in den kommenden Jahren Dozenten aus allen Ländern in das Kloster Vien Giac einladen zu können, und zwar während der Zeit der Meditations-Klausur.

Der tägliche Stundenplan soll etwa so aussehen:

Vor 6⁰⁰ Uhr werden alle Schüler geweckt. Anschließend begeben sie sich in die Gebetshalle, um 10 Minuten zu meditieren. Danach wird das Suramgama-Sutra rezitiert und die Gehmeditation praktiziert. Rezitation und Gehmeditation dauern etwa eine Stunde.

Zwischen 7⁰⁰ bis 8⁰⁰ Uhr findet die erste Unterrichtsstunde statt und die Vorbereitung für das Frühsüß.

Um 8⁰⁰ Uhr wird gefrühstückt.

Von 9⁰⁰ bis 10:30 wird das Mittagessen vorbereitet.

10:30 Versammlung in der Gebetshalle zur Nachmittagszeremonie.

11⁰⁰ Eßzeremonie der Ordensleute, Gehmeditation. Mittagessen und Pause bis 14:30

14:30 16:15 Dharmaaunterricht, außer am Samstag und am Sonntag.

17⁰⁰ Nachmittagsgebet.

18:30 Abendessen und Aufräumen.

20⁰⁰ Niederwerfungszeremonie (Parinirvana-Sutra).

Jedes Wort wird durch eine Niederwerfung geehrt. An manchen Abenden haben wir innerhalb von anderthalb Stunden bis zu 348 Niederwerfungen durchgeführt, an anderen Abenden nur 280. Es kommt immer auf den Gongschläger an, denn dieser gibt den Takt und diktiert das Tempo. Wenn er langsam schlägt, hat man mehr Pause. dafür schafft man aber weniger Niederwerfungen. Für einen jungen Menschen sind 350 Niederwerfungen eine

leichte Übung, doch für die Älteren ist die Übung immer mit Schwierigkeiten verbunden.

Nach der Niederwerfungszeremonie geht jeder in sein Zimmer, lernt oder wäscht sich und geht ins Bett. Dieser Stundenplan gilt für alle Ordensleute und Laien während der dreimonatigen Meditationsklausur.

In diesem Sommer sind zwei junge Buddhisten, anlässlich der Verehrung des Avalokiteshvara-Bodhisattvas am 3.08.96 (19.6. nach dem Mondkalender), in die Hauslosigkeit gezogen. Nach dem Sommer-Dharmakurs wird ein Deutscher am 30.10.96 (19.9. nach dem Mondkalender) auch zum Anlaß der Verehrung des Avalokiteshvara-Bodhisattva in die Hauslosigkeit gehen.

Meine Aufgaben und die der anderen Mönche und Nonnen bestehen darin, die Samen zu pflanzen und zu hoffen, daß aus ihnen gesunde Bäume wachsen. Wenn das Wachstum eines Baumes durch irgendwelche Bedingungen, z.B. durch zu wenig Mineralstoffe, zu wenig Sonne, durch Sturm und Gewitter beeinträchtigt wird, so liegt es an den Nidanas. Man kann die Schuld nicht bei dem Gärtner suchen. Es hilft nicht, wenn die Ursache, also der Samen gut ist, aber die Bedingungen nicht optimal sind. Alle drei Komponenten, Ursache, Wirkung und Bedingungen (Nidanas) müssen vorhanden sein. Wenn eines dieser Komponenten durch irgendetwas gestört wird, kann dies schon den Bodhikern beeinflussen. In Deutschland lebe ich nun seit 20 Jahren. Das Wetter hat in diesem Jahr verrückt gespielt, denn es gab Sonne, Regen, eisige Kälte, Gewitter, Sturm. Wenn ich mir die Natur so betrachte, stelle ich mir immer eine Ungleichheit zwischen Himmel und Erde vor. Selbst die Natur ist so veränderlich, wie mag es beim Menschen sein? Er ist mal gesund, mal krank und wird alt. Ich bin jetzt 48 Jahre alt. Das ist nicht sehr alt, aber auch nicht mehr jung. Ich fühle mich schwächer als früher. Wenn ich früher zum Beispiel Fieber hatte, brauchte ich nur ein bis zwei Aspirin-Tabletten zu nehmen und schon war es vorbei. Heute zieht sich das Fieber bei mir manchmal bis zu einer Woche hin. Habe ich vielleicht keine Abwehrkräfte mehr? Bislang war ich noch nie beim Arzt oder Zahnarzt gewesen. Doch ab diesem Jahr besuchte mich der Doktor einige Male in der Pagode. Es ist also wirklich wahr mit der Buddhalehre. Alles, was Form hat, unterliegt dem Gesetz des Entstehens, Bestehens, Vergehens und Verlöschtens.

Letztes Jahr starb der Ehrwürdige Thich Quan Khong im Alter von 42 Jahren. In diesem Jahr starb eine meiner Schülerinnen auch im Alter von 42 Jahren. Soll ich mir darüber keine Sorgen und Gedanken machen?

Die Pagode Vien Giac habe ich während der Eröffnungszeremonie 1991 und dann nocheinmal während der Fertigstellungszeremonie 1993 im Namen der Congregation der Vietnamesischen Buddhistischen Kirche in Europa übergeben. Die Pagode Vien Giac und die Einrichtungen gehören nun der Congregation der Vietnamesischen Buddhistischen Kirche in Europa. Für die Zukunft habe ich einen Vorschlag an die Congregation in Europa, wenn ich nicht mehr Abt der Pagode Vien Giac bin. Für den Bau der Pagode reicht eine verantwortliche Person aus; doch für den Erhalt werden mindestens drei Personen benötigt. Welchen Aufgaben sollen diese drei nachgehen?

Einer von ihnen soll einer meiner Schüler sein, der von mir oder von anderen Mönchen bestimmt wird. Die zweite Person wird vom Komitee der Tradition und die dritte Person von der Vietnamesischen Buddhistischen Kirche in Europa gewählt. Diese drei Personen werden abwechselnd ein bis zwei Jahre die Abtrollen übernehmen. Bei Entscheidungen müssen alle drei Stimmen berücksichtigt werden. Die Entscheidung wäre gefällt, sobald zwei von den drei Stimmen mit Ja angekreuzt sind. Wenn zwei Stimmen mit Nein angekreuzt sind, muß die Entscheidung verschoben und neu bearbeitet werden.

Die Ordnungsvorschriften der Congregation der Vietnamesischen Buddhistischen Kirche in Deutschland sollen als Basis dienen. Die Congregation der Vietnamesischen Buddhistischen Kirche in Deutschland wurde 1980 beim Amtsgericht Hannover als gemeinnützig eingetragen und arbeitet in dieser Form bis heute. Es sind jetzt über 15 Jahre her. Man sollte vielleicht weitere Überlegungen anstellen, wie es in der Zukunft weitergehen soll. Es ist eine Freude eine große Pagode zu bauen und viele Schüler zu haben. Doch wenn man die Buddhalehre nicht praktiziert, könnte es für die Nachkommen viele Probleme geben. Wenn jeder sich bewußt ist, daß Reichtum und Ruhm, ja alles was Form hat, vergänglich sind, dann würde es auch keinen Streit mehr um Besitz geben. Durch die Jahre haben mich die Menschen über diese Frage zum Nachdenken gebracht. Deshalb schreibe ich diese Zeilen als eine Art Testament an meine Schüler, falls ich mich plötzlich von dieser Welt verabschieden sollte.

Die restliche Zeit meines Lebens möchte ich damit verbringen, mich intensiver mit der Buddhalehre zu befassen. Ich möchte mich der Meditation, dem Studium der Buddhalehre, dem Lernen der Fremdsprachen, dem Schreiben und der Übersetzung widmen. Es lohnt sich nicht mehr, wenn ich noch 20 Jahre wie bisher arbeite. Die junge Generation braucht eine Chance und den Platz, um ihr Können zu beweisen. Die Vorgänger sollten nicht immer auf einem Platz sitzen, und das Fortkommen der jungen Generation behindern. Das ist auch eine Vorsorge für sich selbst und für die spätere Generation.

Ich habe diese letzten Zeile geschrieben am 22.08.96 (dem 9.07. im Jahr der Maus), dem 10. Todestag meines Vaters, der im Alter von 89 Jahren starb. Wenn man dieses Alter erreicht, ist das ein sehr gutes Zeichen. Niemand mag wohl wissen, ob die Kinder und die Enkel auch so alt werden. Ich sitze hier und schreibe diese Zeilen und denke dabei an meine Eltern. Ohne sie wäre ich nicht das geworden, was ich heute bin. Ich möchte meine geistigen Verdienste meinen Eltern und allen Lebewesen widmen. Ich bete dafür, daß alle Menschen Buddha werden.

Ullambana ist zurückgekehrt und erinnert uns daran, den Eltern unseren Dank auszusprechen. Mögen Sie ein wenig von Ihrer Zeit in Anspruch nehmen, um an die Eltern und an all die schönen Erinnerungen aus der Kindheit zu denken. Das sind wirklich die schönsten Bilder in unserem Leben, die wir nie vergessen werden. Ich bete zu den Buddhas und die Bodhisattvas für den Frieden in der Welt und daß alle Menschen friedlich unter dem Schutz und Segen der Buddhas leben mögen.

Dieses Buch wurde am 22.08.96 in der Pagode Vien Giac beendet.

Der Autor des Buches ist Thich Nhu Dien •

Impressum

**Congr. d. Verein Vietn. Buddh. Kirche
Abteilung in der BRD (gemeinnütziger e.V)**
Die Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistischen
Vietnamflüchtlinge in der Bundesrepublik Deutschland
Verlag
c/o Viengiac Pagode, Karlsruher Str.6, 30519 Hannover
Tel. (0511) 879630 - Fax. (0511) 8790963
E-Mail : bao_vien_giac@yahoo.de
E-Mail : viengiactu@t-online.de
Homepage: <http://www.viengiac.de>
Herausgeber :
Congr. d. Verein Vietn. Buddh. Kirch e.V
Redaktion :
Vietnamesische-Buddhistisches Sozio-Kulturzentrum
in der BRD (VIBUS)
Erscheinungsweise : 6 mal Jährlich
Diese Zeitschrift wird kostenlos verschickt. Nach druck nur mit
schriftlicher Genehmigung der Redaktion erlaubt.

CUỘC ĐỜI ĐỨC PHẬT BẰNG TRANH

Lời thuật : Đặng - quốc - Đan (9 tuổi)

và :

Đặng - Hoài - Hương (14 tuổi)

Minh họa : Hà - thị - Hoài - Linh (11 tuổi)

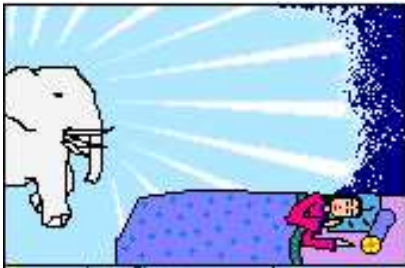
Ghi chú : Ba em : 1 ngành Thiếu và hai là Oanh Vũ, sinh trưởng tại hải ngoại, đa phần học tiếng Pháp nhiều hơn tiếng Việt. Nên trong lời thuật của Đan và Hương ít nhiều không thể tránh được sự lủng củng cú pháp Việt ngữ. Nhưng là một nỗ lực to lớn của các em khi muốn kể lại truyện Cuộc đời Đức Phật bằng tranh cho các bạn trẻ của mình, và có nhiều lời kể rất dễ thương.

Chuyện này các em được nghe ông nội (ngoại) của các em là cụ Giác Nguyên - Đặng Quốc Quân kể về nội dung và các em thuật lại.

VIE DU BOUDDHA

Racontée et illustrée par HA thi Hoai Linh, vers 11 ans.

Corrections: Giác Nguyên Đặng Quốc Quân, et feu Huỳnh Thanh Long



1 - Một giấc mơ lạ lùng.

Ngày xưa ngày xưa, ở một nước bên Ấn - độ, xảy ra một câu chuyện làm thay đổi cả thế giới. Trong một giấc ngủ,

hoàng hậu Ma - gia, vợ của vua Tịnh - Phạn (Suddhodana) nằm mơ thấy một chuyện lạ lùng : hoàng hậu thấy một con voi trắng đẹp lắm, có sáu ngà, từ trên trời xuống, đẹp, thật đẹp. Con voi chui vào bụng hoàng hậu, từ đó hoàng hậu có bầu.

1 - Un rêve étrange

Il y a très longtemps, dans un petit royaume en Inde, se produisit un événement qui devait changer le monde entier. Dans son sommeil, la reine Maya, épouse du bon roi Suddhodana, fit un rêve merveilleux. Elle vit un magnifique éléphant blanc orné de six majestueuses défenses, venir du ciel à sa rencontre, dans les rayons d'une lumière éblouissante. L'éléphant s'approcha tellement d'elle qu'il finit par se fondre en elle.



2 - Sinh ra Hoàng tử

Hồi xưa, mấy bà sắp đẻ phải trở về nhà bố mẹ để sinh đứa con đầu lòng. Hoàng hậu cũng vậy. Trên

đường về nhà bố mẹ, hoàng hậu ngừng chân trong vườn hoa Lâm - ti - ni (Lumbini) để nghỉ một tí. Ở đây hoàng hậu

cảm thấy là con mình sắp ra đời. Bà vén một cành cây, rồi sanh ra một con trai, đặt tên là Tất - đạt - đa. (Siddharta). Tục truyền rằng đứa bé mỗi sinh bước đi bảy bước; mỗi bước có một đóa hoa sen nở ra.

2- Le nouveau né

Peu de temps après la reine fut enceinte. En ce temps là, les femmes revenaient chez leurs parents pour y accoucher de leur premier enfant. Sur le chemin de la maison de son enfance, elle s'arrêta pour se reposer, dans les jardins de Lumbini. Elle constata que l'enfant allait naître. Alors un arbre inclina une de ses branches que la reine saisit. C'est alors qu'elle donna naissance à un garçon: Siddharta. On rapportait que l'enfant fit sept pas et à chaque pas fleurissait une fleur de lotus.



3 Tu sĩ A-tu-đà (Asita) đến thăm Hoàng tử

Sau đó vài hôm, một ông tu sĩ rất là hiền lành, tên là A-tu-đà đến thăm Hoàng tử và bố mẹ

Hoàng tử. Ông đó ôm đứa bé trong tay. Lúc đầu ông thích lắm. Nhưng sau một lúc, ông òa ra khóc. Vua và hoàng hậu sợ hãi hỏi xem con mình sau này có gặp điều suì sẻo không. A-tu-đà nói : " Xin nhà vua chớ có lo. Tôi chỉ khóc cho tôi thôi. Tôi đã tìm kiếm trong hết cả cuộc đời của tôi là làm sao cho tất cả mọi người trên thế giới này được an vui hạnh phúc. Tôi biết trước là Hoàng tử sẽ tìm ra được điều đó. Nhưng khi Hoàng tử giảng dạy điều đó, thì tôi đã chết rồi, tôi sẽ không được nghe Hoàng tử dạy đạo.

3- La visite d'Asita

Quelques jours après, un saint homme du nom d'Asita vint rendre visite au prince et à ses parents. Il prit l'enfant dans ses bras. Au début, il était plein de joie. Tout à coup, il se mit à pleurer. "Va t-il rencontrer un malheur?" questionnèrent ses parents qui prirent peur.

"Non, ne vous inquiétez pas!" rassura Asita. "Je pleure pour moi-même. J'ai cherché toute ma vie le moyen de rendre le monde heureux. Je sais que quand votre fils deviendra grand, il découvrira ce que j'ai cherché. Mais quand il l'enseignera, je serai déjà mort, et je ne pourrai pas l'écouter."



4 -Con thiên nga trúng tên

Bấy giờ sau khi sinh hoàng tử, thì hoàng hậu Ma-gia qua đời. Em gái bà là Ma-ha-ba-sà-ba-đề

(Mahâpradjâpati) dưỡng nuôi Hoàng tử. Tất-đạt-đa lớn lên. Một hôm, Hoàng tử đang đi chơi trong vườn, thấy một con

thiên nga bị thương, từ trên trời rơi xuống. Tát-đạt-đa ôm con chim vào lòng, rút mũi tên từ cánh chim ra, chữa bệnh cho con thiên nga. Hoàng-tử cỡi áo mình ra, quần chung quanh con thiên nga. Một lúc sau, người em họ là Đê-bà-đạt-đa (Devadatta) chạy đến, đòi trả con chim, vì chính hắn đã bắn chim. Tát-đạt-đa không chịu trả. Hai anh em đem câu chuyện đến mấy ông quan xét xử. Tát-đạt-đa thắng kiện. Hoàng tử giữ con thiên nga cho tới lúc nó lành mạnh, rồi thả cho nó bay đi.

4 - Le cygne

Sept jours après, la reine mourut. Sa soeur se chargea d'élever Siddharta. Le prince grandit.

Un jour, alors qu'il était dans son jardin, un cygne blessé tomba du ciel. Siddharta le prit dans ses bras, et retira la flèche qui était plantée dans l'aile de l'oiseau. Il soigna le cygne: il retira son vêtement pour l'enrouler autour de l'oiseau blessé.

In instant après, son cousin Devadatta arriva. C'était lui qui avait tiré la flèche. Il réclama le cygne. Mais Siddharta refusa. Ils portèrent l'affaire devant la cour qui donna raison à Siddharta. Ce dernier garda l'oiseau jusqu'à ce qu'il fût guéri, et le laissa s'envoler.



5 - Một cuộc thi tài.

Ông vua không muốn con mình mềm yếu hiền lành như ông thánh A-tư-đà. Vua muốn

Hoàng tử về sau sẽ thành một ông vua quyền thế. Vua cũng sợ là Hoàng tử bỏ cung điện đi tu. Vì vậy nhà vua muốn con mình cưới vợ. Vua cho tổ chức một bữa tiệc mời nhiều cô con vua, con quan đến dự. Hoàng tử Tát-đạt-đa phải tặng mỗi cô một món quà. Cô nào cũng thẹn lấm, trừ cô chót tên là Da-du-đa-la (Yashodara). Cô hỏi: "Quà của tôi đâu?". Tát-đạt-đa nhìn trên bàn không còn món quà nào nữa. Hoàng tử tặng cô ta chiếc nhẫn của mình. Hoàng-tử muốn cưới cô ấy luôn. Nhưng nhiều người khác cũng thương cô ấy lắm. Vì vậy Tát-đạt-đa phải thi tài.

5 - Le tournoi

Le roi ne voulait pas que son fils fût trop doux; il voulait que ce dernier devînt un roi fort, et non un saint homme comme Asita. Il redoutait que le prince ne quittât le palais. Alors il décida de marier Siddharta. Il organisa un banquet où furent réunies toutes les jeunes filles de la noblesse. Siddharta devait offrir à chacune un cadeau. Toutes les jeunes filles étaient très timides, sauf la dernière, Yasodhara. "Où donc est le cadeau qui m'est destiné?" demanda t-elle. Siddharta regarda la table: il ne restait plus de cadeau; alors il lui offrit sa bague; il voulut l'épouser. Mais il y avait d'autres prétendants; alors Siddharta dut participer à un tournoi.



6 - Cuộc thi bắn cung tên

Lúc đó có ba cuộc thi tài. Cuộc thi đầu tiên là bắn cung. Tát-đạt-đa cầm chắc cây cung đã dành cho mình, lấy một mũi tên, đặt trên cung. Tát-đạt-đa kéo dây cung mạnh quá, làm cán cung gãy luôn. Người

ta phải đem ra một cây cung khác của một người võ-sĩ vô địch thời xưa. Lúc đó Tát-đạt-đa bắn mũi tên mạnh quá đến nỗi nó vừa trúng đích ở chính giữa, vừa xuyên qua cái đích, và bay xa hơn đến nỗi không ai còn thấy được nữa.

6- L'épreuve de tir à l'arc

Au tournoi il y avait trois épreuves. La première fut celle de tir à l'arc. Siddharta prit l'arc qui lui était destiné; il prit la flèche, la posa. Il tira sur la corde si fort que l'arc se cassa. On dut lui apporter l'arc qui avait appartenu à un guerrier invincible. Là il lança sa flèche si fort qu'elle frappa la cible en plein coeur, mais continua sa course à perte de vue.



7 - Cuộc thi kiếm

Cuộc thi thứ nhì là cuộc thi kiếm. Phải chém cây nào to nhất. Tát-đạt-đa muốn chặt một cây có hai thân sinh đôi. Cây kiếm của hoàng tử chặt nhanh đến nỗi thân cây hình như không nhúc nhích. Da-du-đa-la than

ràng: "Ồ! Ông Hoàng tử của tôi thua rồi. Ông ấy không chặt nổi thân cây thứ nhất nữa!" Lúc đó một ngọn gió thổi qua. Cả hai thân cây đụng nhau và rớt xuống. Ông Hoàng tử lại thắng một cuộc thi nữa rồi.

7 - L'épreuve de l'épée

La deuxième épreuve fut celle de l'épée. Il fallait couper le plus gros arbre. Siddharta décida de couper un arbre à deux troncs jumeaux. Son épée allait si vite que l'arbre ne bougea point. Yashodara se lamenta: "Le Prince a perdu!" Il n'a même pas pu couper le premier tronc!" Mais à ce moment, une brise se leva. L'arbre trembla et tomba. Le prince a encore gagné une épreuve.



8 - Cuộc thi cưỡi ngựa.

Cuộc thi chót là cưỡi ngựa. Phải cưỡi một con ngựa rừng chưa từng có ai cưỡi. Các người muốn cưỡi Da-du-đa-la đều yêu cầu buộc con ngựa lại, nhưng tất cả đều bị hất té xuống đất. Đến lượt Hoàng tử Tát-đạt-đa, thi

Hoàng tử không muốn người ta buộc con ngựa. Hoàng-tử xoa cái bồm của nó, và nói chuyện với nó một cách hiền lành. Sau đó Hoàng tử cưỡi con ngựa một cách dễ dàng. Hoàng tử đã thắng cả ba cuộc thi và cuối được công chúa Da-du-đa-la.

8 - L'épreuve de l'équitation

La dernière épreuve fut celle de l'équitation. Il fallait monter un cheval jamais monté. Tous les autres prétendants devaient faire attacher le cheval. Ils furent jetés par terre par le cheval. Vint le tour du Prince qui ne voulut pas qu'on attachât le cheval. Il lui caressa la crinière et lui parla à voix douce. Il réussit à le monter sans difficulté. Il obtint la main de Yashodara.



9 - Những lâu đài vui tươi.

Đức vua không muốn con mình rời bỏ việc đời mà đi tu. Vì vậy vua cho xây ba lâu đài, lâu đài thứ nhất cho mùa hè, lúc nào cũng mát mẻ; lâu đài thứ nhì cho mùa đông, lúc nào cũng ấm áp; và lâu đài thứ ba cho mùa mưa. Trong mấy lâu đài đó, lúc nào cũng có mấy cô nhảy múa, mấy cô ca hát, với mấy người đánh và có nhiều cô hầu hạ lắm. Nhà vua không muốn cho Tất-đạt-đa thấy những chuyện buồn khổ của cuộc đời như già, bệnh và chết.

9- Les palais du plaisir

Le roi voulait être assuré que son fils ne quittât pas la vie du monde. Aussi il fit bâtir trois palais, le premier pour l'été où l'on serait toujours au frais; le second pour l'hiver où l'on serait toujours au chaud; enfin le troisième pour la saison des pluies. Dans ces palais, il y avait des danseuses, des chanteuses et des musiciens. Il y avait plein de servantes. Le roi ne voulait pas que Siddharta vit les tristes choses de la vie.



10 Hoàng tử đi dạo ngoài thành.

Một đêm nọ, có một cô ca sĩ hát. Trong bài hát, cô kể rằng ngoài thành có nhiều chuyện lạ và đẹp, làm cho Hoàng tử muốn đi dạo ra ngoài thành để xem.

Lần đầu, Tất-đạt-đa thấy một ông già tóc bạc lưng khom bước đi khó nhọc. Xa-nặc (Channa), người đánh ngựa, giảng cho Hoàng tử về sự già.

Lần thứ nhì, Tất-đạt-đa thấy một người bệnh: Xa-nặc giải thích về sự ốm đau. Lần thứ ba, Hoàng tử thấy một người chết mà người ta đang khiêng đi đốt, Xa-nặc giải thích về sự chết. Tất-đạt-đa liền giật mình.

Lần thứ tư, Tất-đạt-đa thấy một vị tu sĩ quần áo cũ phai màu, nhưng nét mặt hiền lành vui vẻ; Xa-nặc giảng cho Tất-đạt-đa rằng ông ấy đã rời bỏ gia đình để tìm kiếm con đường dẫn đến sự dứt đau khổ. Hoàng tử cảm nghĩ là mình đã tìm được một lý do để sống.

10 - Les sorties

Un soir une chanteuse chanta. Dans ce chant, elle racontait que hors du royaume, il y avait beaucoup de merveilles. Cela donna au prince l'envie de faire des sorties.

Lors de la première sortie, il vit un vieil homme qui avait le dos courbé, les cheveux blancs. Son cocher lui expliqua la "vieillesse".

Lors de la deuxième sortie, Siddharta vit un homme malade. Son cocher lui expliqua la "maladie".

Lors de la troisième sortie, le Prince vit un mort qu'on emmenait brûler. Son cocher lui expliqua la "mort". Ce fut le choc.

Lors de la quatrième sortie, Siddharta vit un moine aux vêtements usés mais au visage rayonnant. Cet homme lui expliqua qu'il avait quitté sa famille pour rechercher un moyen de mettre un terme aux souffrances. Le Prince pensa qu'il avait trouvé un sens à la vie.



11 -Tất-đạt-đa rời bỏ lâu đài đi tu

Tất-đạt-đa muốn rời bỏ lâu đài ra đi để tìm cho được phương cách chấm dứt sự đau khổ.

Một đêm nọ, lúc hết cả mọi người đang ngủ, Hoàng tử đến nhìn vợ và đứa con mới đẻ (La-hầu-la) một lần cuối cùng, rồi ông xoay mình đi luôn. Hoàng tử đánh thức người chăn ngựa Xa-nặc dậy, và bảo đi dắt con ngựa lại. Xa-nặc đem con ngựa đến. Từ đó bắt đầu cuộc tìm đạo của Tất-đạt-đa.

11 - Le grand départ

Siddharta décida de quitter le palais pour devenir un saint homme qui trouverait un moyen de mettre un terme aux souffrances de la vie. Un soir, alors que tout le monde dormait, le Prince jeta un dernier regard sur sa femme et son fils nouveau né (Rahula), et il s'enfuit. Il réveille son cocher Channa, lui demanda d'aller chercher son cheval. Channa obéit. C'est alors que commença le voyage.



12 - Cuộc đi tìm đạo bắt đầu.

Tất-đạt-đa và Xa-nặc lên ngựa đi. Hai người băng qua ruộng qua sông, đến một khu rừng, và xuống ngựa.

Tất-đạt-đa cắt tóc. Hoàng tử bảo Xa-nặc trở về thành với con ngựa. Ngày hôm sau, đôi quần áo đẹp của mình lấy quần áo của một người thợ săn đi qua đó. Từ đó Hoàng tử

bắt đầu cuộc đời một tu sĩ không nhà, để tìm kiếm một đường lối chấm dứt sự đau khổ của thế gian.

12 - Le début du voyage

Siddharta et Channa partirent à dos de cheval. Ils traversèrent des rivières et des champs. Ils finirent par arriver dans une forêt. Ils descendirent de cheval.

Siddharta se coupa les cheveux, et échangea ses beaux vêtements contre ceux d'un chasseur qui passait par là. Le Prince demanda à Channa de revenir au palais avec le cheval. Ce fut alors que le Prince commença une vie de moine sans domicile, pour chercher un moyen de mettre un terme à la Souffrance.



13 - Năm ông tu sĩ

Tất-đạt-đa gặp năm ông tu sĩ đang sống trong một khu rừng xa xôi. Máy ông đó giải thích cho Tất-đạt-đa nghe

là muốn tìm ra chân lý, thì mình đừng lo nhiều cho cái thân xác của mình, để suy gẫm trong tâm. Tất-đạt-đa thấy là máy ông ấy nói đúng; tại vì hồi trước, hoàng tử sống trong lâu đài, luôn luôn mặc đẹp, ăn ngon, nên không tìm ra được chân lý (chấm dứt sự đau khổ).

13 - Les cinq moines

Siddharta rencontra cinq ascètes qui vivaient retirés au fond d'une forêt. Ces derniers lui expliquèrent que pour trouver la Vérité, il fallait s'occuper peu de son corps, afin de mieux réfléchir. Siddharta trouva qu'ils avaient raison ; car autrefois, dans ses palais, il avait porté de beaux vêtements, mangé beaucoup de bonnes choses, etc...Et dans ces conditions, il n'avait pas trouvé la Vérité.



14 - Một đời sống khổ hạnh.

Tất-đạt-đa quyết sống giống máy ông tu sĩ đó. Ông nghiêm khắc với mình nhiều hơn. Ông ăn ít lắm,

uống ít lắm. Ông không tắm luôn. Ông cứ ngồi thiền dưới một gốc cây. Máy con chim đến làm tổ ở trong tóc của Ông, và thân Ông bần lâm. Ông sống khổ hạnh như vậy trong sáu năm trời. Thân hình Ông chỉ còn là một bộ xương. Năm ông bạn tu sĩ lấy làm hạnh diện về Ông; nhưng mặc dầu sống khổ hạnh như thế, Ông vẫn chưa đạt được Chân lý.

14 - Une vie de privations

Alors Siddharta décida de pratiquer la vie de ces ascètes. Il voulut même être plus sévère envers lui-même. Il mangeait très peu, buvait très peu. Il ne se lavait pas. Il restait en méditation, immobile au pied d'un arbre. Les oiseaux venaient construire leur nid dans sa chevelure. Il était très

Sắc Hồng



Sáng thức dậy nghe mùi thơm
Nhìn ra vườn thấy hoa nở
Có một vài cánh bướm nhỏ
Bay nhõn nhõn rất dễ thương
Một buổi sáng của ngày thường
Cũng cho tôi niềm vui mới
Xuân Di Lạc chưa về tới
Hương Vô Ưu đã dâng tràn

*
* *

NGAY THẲNG

Qua sông thì phải lụy đò
Chọn đường chân lý phải lo tới cùng
Niềm vui là phải của chung
Không qua mỗi chặng rồi ngừng khổ thôi
Cũng không chi lụy vì đời
Niết bàn hoa đạo tuyệt ơi mùi hồng
Cái gì cũng sắc cũng không
Cái tâm giác ngộ mới trong sáng ngời
Sinh ra ở cõi đất trời
Chọn đi đúng hướng là người khôn ngoan
Ác gian thì tiếng mãi còn
Tấm lòng trong sạch tiếng oan chẳng cần
Phật Trời luôn có cán cân
Luân hồi, nhân quả dành phần mai sau.

• NGUYỄN VĂN CƯỜNG

sale. Cette vie difficile dura près de six ans. Il était devenu presque un squelette vivant. Ses cinq compagnons étaient très fiers de lui. Mais il n'avancait pas dans la recherche de la Vérité.

(Còn nữa)

A suivre

Trên đây là Cuộc đời Đức Phật từ dân sinh đến tu khổ hạnh. Sau này, sẽ là từ thành đạo đến nhập Niết-bàn.

Ci-dessus c'est La vie du Bouddha de la naissance à la vie de privations. Prochainement ce sera de l'éveil à la mort (Parinirvana).

Science and Buddhism

Excerpted and reflected by Lieu Pháp

I. Excerpts:

Following are quotations from a number of scientists and famous authors on Science and Buddhism:

Albert Einstein (Twentieth century Most famous scientist):

"If there is a religion that would cope with modern scientific needs, it would be Buddhism".

Sir Edwin Arnold (Author of "The Light of Asia")

"I have often said, and shall say again and again, that between Buddhism and modern science, there exists intellectual bond".

Bertrand Russell (Famous philosopher and mathematician):

"Buddhism is a combination of both speculative and scientific philosophy. It advocates the scientific method and pursues that to a finality that may be called rationalistic ... It takes up where Science cannot lead because of the limitations of the physical instruments.

Radhakrishnan, Ph. D.

"If Buddhism appealed to the modern mind, it was because it was scientific, empirical and not based on any dogma".

Graham Howe Ph. D. (Famous British psychiatrist):

"To read a little Buddhism is to realize that the Buddhists knew, 2500 years ago, far more about modern problems of psychology than they have been given credit for. They studied these problems long ago and found the answers also. We are now discovering the ancient wisdom of the East".

H. G. Wells (Famous scientist and historian):

"Over great areas of the world, Buddhism still survives. It is possible that in contact with Western science, and inspired by the spirit of history, the original teaching of Gotama, revived and purified, may yet play a large part in the direction of human destiny".

Karl Gustav Jung (The world's leading psychologist from Zurich):

"As a student of comparative religions, I believe that Buddhism is the most perfect one that the world has ever seen. The philosophy of Buddha, the theory of Evolution and the law of Karma were far superior to any other creed".

II. Reflections on Science and Buddhism

With the above quotations from the famous contemporary scientists and authors, we see clearly the limitation of science and the respect for the Buddha's Teaching. We all know that Science has made important discoveries, has been and will be helpful for humankind in many ways. Science and Technology is one of the main motivations which change rapidly the world we live in, specially in recent decades. The progress of science has changed the way human beings live. from medical treatment, education, communication, entertainment transportation. Human beings in many thousands of years ago walked 5km/hour, rode horses 15km/hour, traveled by train about 150km/hour, jet airplane at 5000km/hour then exceeded the speed of sound and in the last decade, spaceships had exceeded 30000km/hour. In communication, the progress of the computer science has gone beyond everyone's imagination and still promised many more progresses in a very near future. A global communication System has been planned and will communicate 50 million words per second and about 150,000 conversations at the same time in a very fine optical cable!

Science is so useful, no one would deny the value of science. However, only the materialist does not know how to evaluate science correctly without understanding its limitations. Materialism (on which the Marxist theory is formed) is based on some scientific principles, argued that physical matter is the only reality and that mind is the product of physical matter. In contradiction, the other extremists, people of the school of idealism said that the mind is the only reality, that what we see, hear, taste... may be nothing but the properties which the mind projects onto reality. Nowadays, no one thinks that the mind and object are two distinct realities which exist independently from one another. Moreover, Buddha taught selflessness, the absence of an essential self, the interdependence of all things (Avatamsaka sutta), the Evolution Theory, the realization that "one is all and all is one.... Needless to say, both extremists do not amount to anything and we have seen the end of the Marxism in recent years (In Cuba, China, Vietnam there are communist regimes, but Marxism is no longer praised as before). As science has gone in depth to more discoveries in the areas of quantum physics, quantum electrodynamics, scientists realize that there are more difficult questions to be answered.

Science has three phases of its intellectual process classification, analysis and explanation. Classification is to recognize similar and different characteristics, analysis is to dissect the formations and explanation is to understand the formation process and the applied principle. Classification, analysis and explanation in this way are no longer accurate when applying to psychology. Since the psychological factors are not tangible, the scientific knowledge is really limited when discussing on how the Mind works and the relationship between the Body and the Mind. We have seen the physicians using traditional methods such as "quantum healing". "Mind/Body medicine", using ancient philosophies

from the East, such as the Vedanta (Dr. Deepak Chopra 's practice). Scientists learnt about subatomic particles of which the physical universe is composed and that these particles arise and perish very rapidly. Buddha said over 2500 years ago that in the blinking of an eye, each of these articles arises and vanishes many trillions of times. Scientists was able to measure this speed as 22 exponents of 10 (times / second). It is important to see the distinction between how the scientist leant about the truth and how the Buddha realized the same truth: the scientist measured the speed by an outside instrument, what he leant is still only intellectual wisdom but he has not experienced the truth himself; the Buddha realized the truth by himself.

The famous scientists, such as Albert Einstein, have recognized the contribution of Buddha 's teaching to the knowledge of human life. In addition to the Dependent Origination (law of conditionality) and Karma teachings, Buddha taught Abhidhamma (Buddhist Psychology, which has been held in the highest esteem in Theravada tradition) and Vijñānavāda teachings (used more in Mahayana tradition). These teachings explained many psychological areas that neither Science nor the modern Psychology has touched, such as the classification of Consciousness (or Mind. Citta in Pali) the relationship between Mmd and Body, the Five Aggregates (corporeality or matter, feeling, perception. volitional activities and consciousness). The Buddhists understand that the Dhamma investigation is necessary but it alone cannot purify their mmd from defilement, will not bring wisdom. Buddhism is scientific and empirical because we can prove the theory we learnt by the experience in our practice. The Buddhist faith is not the same as faith in other religions, it is based and built by the experience gained in the practice. The Four Noble Truths point out the causes of suffering and show that we must follow the Eightfold Path, practice Morality (Right Speech, Right Action, Right Livelihood), Meditation (Right Mindfulness, Right Concentration) and Wisdom (Right Understanding, Right Thought) to deliver ourselves from Suffering.

As indicated above, Science concentrates on the analysis process. One of the most important most differences between East and West is that West investigates phenomena with an analytical approach while East is more with the synthesis. Analyzing more and more with a conventional and dual mind will get stuck at some point and will not find the true nature of the reality. The real distinction of the Buddha's teaching is that it shows us how to make effort to purify the mind, to go from forgetfulness to mindfulness, to contemplate on all phenomena to "paragate" - gone all the way to the other shore, to the awakened state: Gate gate paragate parasamgate bodhi svaha!

The original Prajnaparamita sutta (prajnaparamita perfect understanding) consisted of 8000 phrases, has been shortened considerably to the popular Heart

sutta which can be condensed. under the influence of Tibetan tradition, to only one word, Mind. Is this a wonderful synthesis? Is mind the origin of all understanding?

It is expected that science will still have many more discoveries, especially in the area of mind and body, while Buddhism has had a system of psychology, Abhidhamma, which existed over 2500 years. We learn about mind or consciousness from Abhidhamma. Consciousness is the bare knowledge of a phenomena and the arising of consciousness is dependent upon conditions. There are six classes of consciousness: consciousness of forms, sounds, odors, tastes, bodily impressions and mental objects. We have eye-consciousness, ear-consciousness, etc.... and mind -consciousness is one whose arising depends on the mind and mind objects. We all know eye as the sense organ of eye-consciousness, ear as the sense organ of the ear-consciousness, etc... but is there a sense organ of the mind-consciousness? What and where is this "sense organ"? Is it the brain or the heart? Discourses of Buddha did not indicate where it is, simply indicated that it is a physical property. Where is the mind?" is a big question to everyone. Perhaps each practitioner has to find the answer for this question by his/her practice.

Bikkhu Anorna Mahinda, the author of "The blue print of happiness" -, wrote:

'Buddha taught facts of nature, 25 centuries ago, which Western scientists have only discovered in the last decade. The Dhamma is the greatest living force in the world today which can bring among men and the nations".

Buddha's teaching is a greatest living force because it is very scientific and practical, it does not deal with metaphysics. Buddhism does not require a blind faith, it teaches us how to develop the mind, to look for nothing but our own effort for the deliverance of suffering in ourselves and in the world. Since it is empirical, many Westerners who are Christian by family tradition, have studied Buddhism, practiced and appreciated it.

(Xem bài viết bằng Việt ngữ trang 6)



SIGNIFICATION DE L'ILLUMINATION DU BOUDDHA

par Giác Nguyên



Toulouse, le 04.06.2000

Nous sommes en la pleine lune du 4ème mois de l'année lunaire. C'est le jour de la naissance du Bouddha Sakya Mouni, 624 av. J.C. C'est aussi le jour de son Illumination, 35 ans après.

A la demande de l'Association Bouddhique et Culturelle de Toulouse, je voudrais vous exposer la signification de l'Illumination du Bouddha. Je commencerai par un bref aperçu de sa vie, et je terminerai par un aperçu de quelques pratiques bouddhiques simples pour les laïcs.

I) Aperçu de la vie du Bouddha :

Il y a 2621 ans, 624 av. J.C, naquit le Prince Siddharta Gotama, dans le nord de l'Inde, dans la dynastie des Sakya. Après 29 années de vie princière, il prit conscience des souffrances de la vie humaine; il renonça à la richesse, aux plaisirs, et au pouvoir qui l'attendait; il quitta ses royaux parents, sa femme et son enfant nouveau-né, pour adopter la vie d'un moine mendiant; il voulait trouver un remède pour mettre un terme à la souffrance des êtres vivants. Après six

années de vie monastique, et bien des privations, il atteignit l'Éveil (Illumination) à l'âge de 35 ans; il est devenu un Bouddha. Il parcourut toute la vallée du Gange, pendant 45 années, pour enseigner la Vérité qu'il a trouvée. Il s'éteignit à l'âge de 80 ans, au milieu de quelque cinq cents disciples. Après sa mort, son enseignement se répandit dans presque toute l'Asie, enfin au dix-neuvième et vingtième siècles, en Occident. (Pour plus de détails, voir 1 et 2).

II) Signification de l'Eveil du Bouddha

Quelle est la signification de l'Éveil du Bouddha? Ou plus simplement, pour l'ensemble des laïcs que nous sommes, quels sont les éléments essentiels à retenir pour notre vie actuelle?

Nous pensons qu'il y a deux éléments essentiels:

A) Le premier est la Loi de Causalité morale (Loi du Kamma) qui régit le monde, avec son cycle de naissances et de morts (le **Samsara***).

B) Le deuxième est la voie qui mène à l'élimination de la Souffrance, à la paix et au bonheur suprême, le **Nibbana***, exposé dans les Quatre Nobles Vérités (1^{er} sermon du Bouddha après l'Illumination).

a) Loi de causalité morale (Rétribution des actes) Loi du Kamma*

Dans la Bible chrétienne, il est dit: *On récolte ce qu'on a semé*. Dans les textes bouddhiques, on dit: *Loi des noyaux et des fruits*. Quand on sème un noyau de mangue, on obtiendra un fruit, une mangue. Quand on fait une bonne action (par exemple, pour le bonheur des autres), on récolte du bonheur; quand on fait une mauvaise action (pour la souffrance des autres), on récolte de la souffrance pour soi-même.

Kamma* signifie acte (action corporelle, parole, ou pensée) intentionné, ou conséquence de cet acte. Les conséquences d'un acte peuvent apparaître dans la vie même

où il est accompli, ou dans une vie ultérieure. C'est la loi du Kamma.

"Tous les êtres vivants possèdent leur propre kamma; ils sont héritiers de leur kamma... C'est le Kamma qui différencie les êtres dans leurs états, bas ou élevés".

La loi du Kamma est inexorable: *"Ni dans le ciel, ni au fond de l'océan, ni dans une caverne de montagne, il n'existe un endroit où l'on peut échapper aux conséquences de ses mauvaises actions". (Dhammapada, Paroles de vérité, 127).*

Les êtres vivants sont ainsi enfermés dans le cycle sans fin des naissances et des morts, le **Samsara**.

b) La Souffrance et son extinction :

Trouver un remède pour mettre fin à la Souffrance des êtres vivants, tel était le but que se proposait le prince Siddharta dans son renoncement au monde. Ce remède, il l'a exposé dans son premier sermon, à Isipitana, près de Bénarès, aux cinq ascètes, ses anciens compagnons de quête de vérité. Ce sont les quatre nobles vérités:

- La première Vérité est la Souffrance: La souffrance est liée à toute existence: *"La vieillesse est souffrance, la maladie est souffrance, la mort est souffrance; être uni avec ceux qu'on n'aime pas est souffrance; être séparé de ceux qu'on aime est souffrance, bref les cinq agrégats de l'attachement (l'individualité psychophysologique) sont source des souffrances"*.

- La deuxième Vérité est la Cause de la Souffrance (dukkha*): c'est l'avidité (tanha*), c'est le désir - attachement, *"c'est l'avidité du plaisir des sens, l'avidité d'exister, ou l'avidité de s'annihiler"*. C'est cette avidité qui nous enferme dans le cycle des naissances et des morts.

- La troisième Vérité est l'Extinction de la Souffrance: *"C'est l'extinction totale de l'avidité..."* Cette extinction est le **Nibbana***, paix et bonheur suprême.

- La quatrième Vérité est la Voie vers l'extinction de la Souffrance, c'est la voie octuple (Connaissance juste et motivation juste; Action, Parole, et Moyens d'existence justes; Effort, Attention, et concentration justes). Pour simplifier, la voie vers l'extinction de la Souffrance comprend

la Discipline morale, la Méditation, et la Sagesse:

- la Discipline morale (Sila*), (en actes, paroles et moyens d'existence), évite de faire souffrir les autres, comme de tuer, voler, commettre des abus sexuels, mentir...

- la Méditation (Samadhi*), (comprenant effort, attention, et concentration), vise à apaiser le mental et l'orienter vers l'amour universel (Metta).

- la Sagesse (Panna*) comprend la connaissance juste de notre vraie nature, et la motivation altruiste.

III) Quelques pratiques bouddhiques (de méditation) :

Divers degrés: Le Bouddha a toujours adapté son enseignement au degré de développement spirituel de ses auditeurs. En gros, on peut distinguer deux degrés d'enseignement. Le premier degré réservé aux religieux retirés du monde, vise à libérer les gens du cycle des naissances et des morts (samsara), avec des règles de discipline très stricte: pauvreté, célibat... Le second degré réservé aux laïcs vivant dans le monde, vise à former des gens meilleurs en harmonie avec leur famille et la société en général; le but est d'obtenir plus de bonheur dans cette vie, ou une vie ultérieure, sans sortir du samsara.

Nous ne parlons ci-dessous que de deux pratiques de méditation simples, accessibles à tous, notamment aux laïcs, bouddhistes ou non bouddhistes, croissants ou non croissants, quelque soit leur conviction philosophique ou religieuse. Ces pratiques ont été appliquées avec succès par le Bouddha lui-même et ses disciples de son vivant. Elles ont été transmises depuis 25 siècles, aussi bien dans l'École du Sud, ou Bouddhisme originel (Theravada*) que dans les Écoles du Nord, Grand Véhicule (Mahayana*). Par expérience personnelle, nous savons ces pratiques sont sans danger, et si elles sont appliquées quotidiennement, elles nous apportent santé, sérénité, et bonheur.

La première pratique appelée attention au va-et-vient du souffle (anapanasati) (3, 4, 5) vise à atteindre la sérénité mentale et la sagesse. Par la respiration consciente, on arrive successivement à apaiser le corps, apaiser les sensations, apaiser le mental, enfin par la perception de l'impermanence de toutes choses,

obtenir le détachement, et la sagesse ou connaissance transcendante (Panna*)

La deuxième pratique, Méditation sur l'Amour universel (Metta*), développe la bienveillance et la compassion universelle. On dirige sa pensée bienveillante successivement sur un être cher, sur un être neutre, puis sur un être hostile, et l'on reprend...; ou bien sur des personnes situées dans diverses directions, au Nord, au Sud, à l'Est, à l'Ouest, au dessus, au dessous... On finit par être rempli complètement de bienveillance envers tous les êtres vivants (6).

Les deux pratiques présédentes, appliquées régulièrement tous les jours, nous apportent la sérénité (Upeka*) et la joie intérieure (Mudita*), ainsi que la bienveillance (Metta*) et la compassion (Karuna*) envers tous les êtres vivants. Ne serait ce pas le prélude du Nibbana ici et maintenant ?

Les pratiques de méditation développent en nous la Sagesse et la Compassion, mais aussi la force intérieure, le Courage pour affronter les difficultés de la vie du monde, et pour servir le prochain. Le service de tous les êtres vivants, tel est le premier vœu du Bouddhisatta* (aspirant à la boddhéité, dans le Mahayana*). Le Bouddha après son éveil ne s'est pas retiré du monde. Sans être du monde, il est resté dans le monde pour soulager la souffrance de tous les êtres vivants.

Atteindre la boddhéité cad obtenir l'omniscience et se libérer du samsara, pour ensuite revenir dans le monde afin de sauver les êtres vivants de la souffrance, telle est la motivation de tout bouddhisatta*.

"Aussi longtemps que persistera l'espace,

Aussi longtemps que subsisteront les êtres vivants,

*Que je puisse moi aussi demeurer,
Pour dissiper la souffrance du monde".*

14ème Dalai Lama, Oslo, 1989 (7)

Pour résumer l'essentiel de l'enseignement du Bouddha retenons ces versets;

**S'abstenir de tout mal
Cultiver le bien,
Purifier son esprit,
C'est l'Enseignement des
Bouddhas.**

Dhammapada 183 (Paroles de Vérité)

*

* *

Dans le texte, les termes en italique marqués d'un astérisque sont en pali (p) langue ancienne de l'Inde, parlée jusqu'à ce jour par les Bouddhistes du Sud, Souvent les termes en sanscrit (s) langue sacrée utilisée par les Bouddhistes du Nord sont plus courants. Ex:*

Kamma (p) = Karma (s) = Nghiệp (vietnamien)

Nibbana (p) = Nirvana (s) = Niết bàn (vietnamien)

Panna (p) = Prajna (s) = Bát-nhã (vietnamien)

Dhammapada (p.& s) = Kinh Pháp Cú (vietnamien).

*

* *

(1) NARADA THERA, The Buddha and his teachings, Buddhist Publication Society, Kandy, Sri Lanka, 1988, pp 1-148,

ñÛc Ph/et và Ph/et Pháp, Chùa Khánh Anh, Bagneux, 92220 France.

(2) NARADA THERA, Le Bouddhisme en quelques mots, Ed. Pagode Khanh Anh, Bagneux, FRANCE.

(3) Lownberry, (Association des Amis du Bouddhisme), La méditation bouddhique, Librairie Adrien Maisonneuve, rue St. Sulpice, 75006 Paris, p 165-178.

(4) Prajnananda (René Joly, Centre de Méditation de Gretz Armanvilliers, 77200), Le Bouddhisme gnostique, Arché, Milano, 1981, p. 131-182.

(5) Thích Nhat Hanh (Village des Pruniers, 47 120 Loubès-Bernac), La respiration essentielle, Ed. Albin Michel, 1996.

(6) Lownberry, référence 3, p 110-118. Voir aussi Narada Thera, Réf. 2, p. 85-87.

(7) S.S. Gyatso Tenzin, 14ème Dalai Lama, Prix Nobel de la Paix, Discours d'Oslo, 1989, Publications du Comité de soutien au peuple tibétain, BP 175, 75062, Paris Cedex 02.

(Xem bài viết bằng Việt ngữ trang 7)





Số Táo Quân



Muôn tâu Thượng Đế
Hăm ba cuối năm
Thiên đình hội nghị
Cũng như thường lệ
Thần táo Việt Nam
Bái kiến Ngọc Hoàng
Kính chúc Thiên Nhan
Vạn tuế.. Vạn, vạn tuế

Thần xin được kể
Chuyện dưới trần gian
Trải qua một năm
Trọn niên Tân Tỵ
Còn gặp vận bĩ
Bảo lụt thiên tai
Chiến tranh dài dài
Khổ đau đến thế
Trước tiên thần kể
Sinh hoạt Phật giáo
Việt Nam Thống nhất
Quốc độ Âu châu
Truyền thống từ lâu
Khóa học Phật Pháp
Năm nay tổ chức
Tại nước Thụy Điển
Số lượng học Viên
Gần 600 người
Từ nhiều quốc gia
Về đây tu học

Dưới sự hướng dẫn
Của chư Tôn Đức
Giáo Hội Âu Châu
Cùng với chư Tăng
Thỉnh từ Mỹ, Úc...

Trở lại nước Đức
Chương trình tu học
Cho suốt cả năm
Ghi đầy một trang
Trên báo Viên Giác
Chương trình đón Tết
Mồng một giao thừa
Tụng kinh Lăng Nghiêm
Lễ cúng Tổ tiên
Chư Linh quá vãng
Cũng như cầu nguyện
Thế giới hòa bình
Nhân sinh an lạc
Tiệc trà đậm bạc
Hái lộc đầu xuân
Mọi người ân cần
Năm mới cầu chúc
Cho nhau hạnh phúc
Gia đình an Khang
Được nhiều phúc lợi

Cho đến Chi Hội
Tổ chức mừng Xuân
Văn nghệ văn gừng

Cũng rất xôm tụ
Mừng tuổi quý cụ
Li-xi trẻ con
Quà bánh thơm ngon
Ngọt ngào ngày Tết
Chương trình nổi kết
Tiếp đến tháng hai
Thọ Bát Quan Trai
Huân tu Tịnh Độ
Tại các địa phương
Có Niệm Phật đường
Tổ chức Chi Hội
Đều được phân phối
Khắp cùng nước Đức
Tháng tư tổ chức
Mùng ngày Phật Đản
Tại Chùa Viên Giác
Phật tử về Chùa
Rất đông tham dự
Tháng bảy ngày rằm
Lễ hội Vu Lan
Cùng ngày tự tứ
Chư Tôn vân tập
Về chùa an cư
Hướng dẫn khóa tu
Giao duyên chúng tử
Cho hàng Phật tử
Học hạnh xuất gia
Như mấy năm qua
Thật là hoan hỉ

Ngoài ra còn thêm
Liên chúng Bồ Tát
Cũng được huân tu
Tại Karlsruhe
Chương trình đặc biệt
Hạ thần được biết
Năm nay tại Chùa
Tổ chức nhiều khóa
Huân Tu Đại Bi
Phước đức vun trồng
Bất khả tư nghị
Vừa qua nhiều vị
Tám tác khen hay
Lành thay lành thay

Tháng mười hai mươi
Họp báo Viên Giác
Phát huy lợi lạc
Món ăn tinh thần
Hướng đến thiện chân
Cho hàng Phật tử
Nhân dịp bên Mỹ
Khủng bố loạn hành
Tại vùng New York
Cũng như trong nước
Vi Đạo hy sinh
Thắp sáng niềm tin
Vang như sấm chớp
Nên Chùa kết hợp
Làm lễ truy điệu

Tưởng niệm Anh linh Cầu nguyện hòa bình Nhân sinh an lạc	Đến việc ngoại giao Nên miễn làm sao Lợi mình trước đã Không cần chi cả Luật lệ nhập gia Phải nên tùy tục Cho nên nhà nước Phản đối đạo luật Nhân quyền tôn trọng Lại còn vu khống "Can thiệp thô bạo Xuyên tạc Việt Nam" Vì sợ liên quan Độc tài độc đảng Vì chúng muốn bảm Thế chế tóm râu Vào chung một khối Những ai chống đối Đánh đập thẳng tay Cảnh tượng thảm thay Đàn áp Tôn giáo Không cho truyền Đạo Thờ phượng tâm linh Lễ lạy tụng kinh Đều cho phản động Đặt điều vu khống Phá hoại an ninh Để hồng tiêu diệt Tháng tư oan nghiệt Đổ xuống trên đầu Thánh địa Hòa Hảo Nhân ngày kỷ niệm Năm mươi bốn năm Đức Huỳnh Giáo Chủ Nhà nước không cho Cử hành nghi lễ Lại còn bắt giam Hội trưởng Giáo hội Đánh đập dã man Phần uất việc làm Cơ quan nhà nước Chỉ ngày hôm trước Đến ngày hôm sau Bà Nguyễn Thị Thu Thành phố Cần Thơ Phó ban Phụ Nữ Gởi đến bức thư Nhận lễ tế sống Quyết định tị thiêu Phản đối chính quyền Đàn áp tiêu diệt	Phật Giáo Hòa Hảo Còn Thiên Chúa giáo Thì tại miền Trung Giáo phận An Tuyên L.Mục Nguyễn Văn Lý Kháng thư tị ký Gởi đến Trung ương Bí thư, Chủ tịch... Đòi hỏi tôn trọng Tôn giáo, nhân quyền Thế mà bị xiềng Đem vô ngục nhất Giáo dân phần uất Thế giới bất bình Biểu tình phản đối Đến cảnh Giáo hội Phật Giáo Việt Nam Chúng cũng bắt giam Hòa Thượng Quảng Độ Không cho cứu trợ Nạn lụt miền Tây Chùa chiền bao vây Thông tin cấm cản Nghiêm cấm Tăng đoàn Không cho sinh hoạt Ngoài Huế đồng loạt Đà Nẵng tiếp tay Phật tử cùng Thầy Kháng thư đòi hỏi Tự do cứu đói Bão lụt thiên tai Bệnh tật, tàn phế... Và xin được để Phật tử Việt Nam Phát tâm Bồ Đề Nguyện độ chúng sinh Trọn thành Phật Đạo Nhưng quân cường bạo Không để thực hành Trưởng Hồ Tấn Anh Hạnh Minh Pháp danh Noi gương đàn anh (Tr. Phạm Gia Bình) Vị Pháp thiêu thân Thấp ngọn lửa thiêng Trong đêm tâm tối Trước là phản đối Độc tài bạo quyền Soi sáng màn đêm	Không còn tâm tối Đến tin thế giới Nghe đến kinh hoàng Chưa bao giờ thấy Việc quân khủng bố Cuớp giựt máy bay Đánh sập trong ngày Mười một tháng chín Đến hai biểu tượng Siêu cường Mỹ Quốc Hai nhà chọc trời Trung tâm thương mại Của toàn thế giới Chiếc bay thẳng tới Hướng Ngũ Giác Đài Đánh sập một góc Chiếc hướng Bạch Ốc Trên đường lâm nạn Nếu không chắc chắn Thiệt hại thêm nhiều Không biết bao nhiêu Kể sao cho xiết Tử vong mất tích Trên sáu ngàn người Toàn dân vô tội Buôn bán làm ăn Thân nhân viếng thăm Cùng khách du lịch Không riêng người Mỹ Còn nhiều quốc gia Anh, Đức, Thụy sĩ Nga, Úc, Canada Ba lan, Trung quốc Nhật, Pakistan Ấn độ, Rập ... Hàng ngày tấp nập Thương mại kinh doanh Xí nghiệp, công ty Nhà hàng, siêu thị Bảy mươi quốc gia Nên mới gọi là Siêu cường thế giới Cho nên liên đới Mật thiết với nhau Cùng chung nỗi đau Trong ngày lâm nạn Cho nên phản ứng Tổng Thống Hoa Kỳ Lập nên hội nghị Hỏi ý kiến chung
--	---	--	--

Nhiều nước đều cùng
 Một lòng ủng hộ
 Việc chống khủng bố
 Trước tiên nước Anh
 Âu châu toàn khối
 Cùng khối Nato
 Trung Quốc, Nhật, Nga
 Cũng đều hỗ trợ
 Tuy nhiên việc khó
 Khủng bố lại dùng
 Chiêu bài Hồi giáo
 (Một nhóm quá khích)
 Để cùng hô hào
 Mở cuộc Thánh Chiến!
 Thật là nguy biến
 Vì trong lòng dân
 Nhiều người theo Đạo
 Mà quân khủng bố
 Ẩn nấp trong dân
 Nếu lỡ giết lầm
 Chúng đều hô hoán
 Giết dân vô tội ...
 Dùng đòn khủng bố
 Đánh ngược tổ quốc
 Nước đục thả câu
 Làm mờ chính nghĩa
 May chính phủ Mỹ
 Lường trước âm mưu
 Trong việc đối đầu
 Với quân khủng bố
 Để làm sáng tỏ
 Chính nghĩa mở đầu
 Trước khi xuất quân
 Chống bọn khủng bố
 Chính phủ nước Mỹ
 Chi trăm triệu đô
 Qua Liên Hiệp Quốc
 Để mua phẩm vật
 Cứu dân tỵ nạn
 Afghanistan
 Chạy qua biên giới
 Nhờ vậy thế giới
 Ủng hộ càng đông
 Sát cánh đồng lòng
 Tham gia chiến đấu
 Tuy nhiên cơ cấu
 Hệ thống tổ chức
 Của quân khủng bố
 Rải khắp hoàn cầu
 Không biết nơi đâu
 Căn cứ sào huyệt

Bốn tuần ráo riết
 Không kích, hỏa tiễn
 Nhưng chưa đạt đến
 Kết quả khả quan
 Thật như việc làm
 Mò kim đáy biển
 Mùa đông sắp đến
 Lại gần mùa chay
 (Mùa chay một tháng)
 Liệu có ra tay
 Vài tuần dứt điểm?
 Không may tai biến
 Lại đến dập dồn
 Bưu điện bệnh Than
 Gởi vào Quốc Hội
 Lại thêm bối rối
 Đóng cửa mấy ngày
 Để đi thử nghiệm
 Hai tuần tìm kiếm
 Chưa biết nguyên do
 Chỉ biết con cò
 Cửa quân khủng bố
 Đứng hai tháng sau
 Tai nạn máy bay
 Rơi vùng New York
 Thật là nát óc
 Truy tìm nguyên do
 Hết sức gay go
 Nên càng làm cho
 Dân tình hoảng hốt

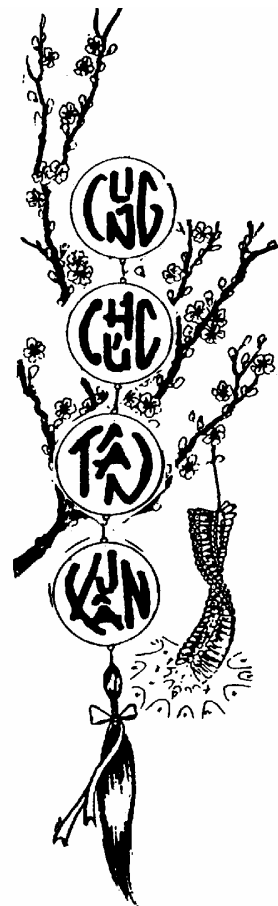
Đến tin Nahost
 Nội chiến anh em
 Irael - Palestine
 Kéo dài trầm trọng
 Luôn luôn báo động
 Quân đội hai bên
 Vùng Bethlehem
 Tranh giành Thánh địa
 Hằng ngày đều tía
 Vài ba mạng người
 Nằm xuống nơi đây
 Xung đột hàng ngày
 Biết bao giờ hết
 Cũng nên cần biết
 Cuộc nội chiến này
 Còn sự tiếp tay
 Của quân Hồi giáo
 (Một nhóm cực đoan)
 Nhưng đã đứng hàng
 Đối thủ Thế giới

Nếu không nghĩ tới
 Việc chữa tận gốc
 Hận thù giết chốc
 Triền miên bất tận
 Thật là gay gắt
 Giữa lý và tình
 Nếu không phân minh
 Dung hòa cân xứng
 Thì rồi sẽ húng
 Hậu quả đón đau
 Vì giec nhân nào
 Sẽ gặt quả ấy...
 (Người xưa nói vậy
 Thần chỉ nghe thôi
 Chớ gán thần tôi
 Vào tội phản chiến)
 Xưa nay quốc biến
 Chỉ khổ dân lành
 Được, thua, mất, thành
 Cũng đều đau khổ
 Khôn ngoan giữa chợ
 Đối đáp người ngoài
 Chớ dùng giống nòi
 Cùng nhau cấu xé
 Xa hơn cũng thế
 Đồng loại với nhau
 Sao không lấy câu
 Di hòa vi quý ?
 (Hạ thần Phật tử
 Học đạo Từ Bi
 Nên chỉ thích câu
 DĨ HÒA VI QUÝ!)

Qua rồi Tân Ty
 Một năm tang thương
 Trước cảnh vô thường
 Thành, trụ, hoại, diệt
 Hạ thần tha thiết
 Cầu xin Ngọc Hoàng
 Phước đức rải ban
 Dân lành vô tội
 Những kẻ gian dối
 Cậy thế ý quyền
 Gây cảnh đảo điên
 Ngọc Hoàng phải nên
 Thẳng tay trừng trị
 Nếu không sẽ bị
 Mang tiếng cầm cân
 Lại không cân phân
 Viên thông sự lý

Muôn tâu Thượng Đế
 Việc dưới trần thế
 Lắm chuyện đủ điều
 Thần nghe đã nhiều
 Không dám ghi hết
 Những điều chi tiết
 Sợ Thượng Đế mệt
 Tồn hại Thiên nhan
 Đành hẹn sang năm
 Nhân Ngọ bái kiến
 Giờ thần xin kiếu
 Tạm biệt Ngọc Hoàng
 Trở lại dương gian
 Cùng vui đón Tết
 Trước khi chấm hết
 Thần tấu kính chúc
 Thượng Đế khương an
 Ngọc Hoàng Vạn tuế

Cẩn tấu
 ● Đan Hà



Một nét văn hóa quê hương

Ngày Xuân bàn chuyện uống trà

Phan Hùng Nhón



Trong những ngày Xuân về, không có gì thú vị hơn đối với một người Việt Nam thanh lịch là được cùng một tri kỷ vừa uống trà, vừa hàn huyên trong một trà thất nhỏ nhà ấm cúng, được trang trí nhiều hoa đẹp cảnh xinh. Thú uống trà đối với người Việt Nam gần như là một tập tục do người xưa được sống trong cảnh một nền văn hóa hài hòa đã lưu lại.

Ngày nay người Việt Nam vẫn còn nhiều phương cách uống trà khác nhau. Tuy vậy mỗi cách vẫn đem lại cho người uống những khoái vị đặc thù của nó.

Người Việt Nam khắp nước đều uống trà. Nhưng ở miền Bắc và ở miền Nam, nước uống ngoài trà còn có nước với hoặc nước lá mồng năm v.v... còn đối với người bình dân ở Miền Trung Trung Phần Việt Nam, như tại các tỉnh Quảng Nam, Thừa Thiên, Quảng Trị, trà tươi hay chè tươi vẫn là lối uống phổ thông nhất. Nhất là tại Huế uống chè tươi (trà tươi) là cách uống đơn giản của người dân địa phương. Lá chè được nấu trong những om đất lớn có bỏ thêm ít lát gừng. Trên các đường dài cũng như tại các đình đám đông người, tại các bến đò hay góc chợ đều có những quán bán chè tươi cho đại chúng. Không gì thú vị cho bằng sau những giờ lao động hoặc lưu hành sau một đoạn đường dài giữa thời trời nóng bức mùa hè, hay vào một ngày đông lạnh lẽo, được kê miệng vào một bát nước chè nóng xanh tươi nồng ngát để uống từng ngụm một, vừa hưởng được hương vị ngây ngất của trà.

Nếu lối uống chè tươi của đại chúng bình dị đơn giản bao nhiêu thì lối uống trà cùng phương cách pha chế trà tại tư gia lại có những sắc thái đặc

biệt cầu kỳ. Nhất là đối với giới thanh lịch từng cho biết rằng có biết thưởng thức nghệ thuật uống trà là có được cung cách của một người quý phái.

Cách thức pha trà là một kỹ thuật. Đại để nước pha trà cũng phải rất kén. Tùy trường hợp và hoàn cảnh người pha có thể dùng nước mưa hứng lúc trời đang mưa nửa trận và hứng giữa trời hoặc nước giếng ở vùng đồi núi, hoặc nước sông thì mức nước giữa dòng đem về đun sôi để lắng nguội ở chum. Ngày xưa giới cung đình còn cầu kỳ hơn là mỗi sáng sớm các cung nữ thường chèo xuồng nhỏ ra các hồ sen hứng nước do sương đọng trên lá sen để về cung pha trà. Cũng có khi từ đầu hôm các cung nữ ngồi xuồng bơi trên hồ sen lựa những bông búp nguyên trinh gần nở để bỏ vào đó một nhúm trà hảo hạng rồi sáng hôm sau trở lại hồ vạch cánh hoa thả lại số trà đã gởi đem về cung để pha trà.

Ấm pha có thể bằng sứ nhưng thông thường là những ấm bằng đồng đặt trên hòa lò, đốt bằng than soan, đặt ngay ở phòng khách chớ không bao giờ được nấu ngay ở bếp, ngại bị lẫn lộn mùi xào nấu. Có những ấm bằng sứ nổi tiếng mang tên là ấm Thế Đức, ấm Lưu Bội hoặc ấm Mạnh Thần.

Ấm thường được tráng nước dội trước để có thể có sẵn một nhiệt độ thích hợp trước khi bỏ trà vào. Bỏ trà vào xong thì rót một ít nước sôi vào rồi thì phải lược đổ ngay nước đó, gọi là rửa trà, xong mới thật sự đổ nước sôi vào để pha trà. Nước pha trà phải vừa đúng độ sôi, ước độ vừa sủi mắt cua là vừa. Nước sôi non, trà sẽ lạt lẽo, nước sôi sùng sục nước pha trà sẽ mau mùi ngái như khen khét mất hương vị. Cách thức pha trà thật đâu có giản dị *trà nô tửu tửng*, người đời đã có câu như thế.

Khi tiếp khách, chính người chủ phải tự tay pha trà, không phải như khi uống rượu phải có người hầu rượu. Uống trà thường dùng những chén rất nhỏ như hạt mít. Điều đáng lưu ý là người Trung Hoa cũng có sản xuất loại chén trà nhỏ này để bán cho người Việt Nam, nhưng khi họ uống trà thì họ chỉ dùng chén lớn. Trà pha ấm lớn rót vào chén lớn bị chế giễu là kiểu *ngưu ẩm*. Uống trà thường uống từng hợp để thưởng thức hương vị trà.

Trà để pha ấm thường có nhiều loại:

- **Trà nụ hay trà hạt** : là nụ hoa trà còn non chưa nở được phơi khô để trữ. Mỗi lần uống chỉ lấy một ít chế nước sôi vào ấm để trong giờ đặc biệt để giữ được nóng lâu. Thường pha trà nụ với

vài lát gừng, uống đã thơm mà còn nhiều sảng khoái.

- **Trà mạn**: là trà hái cả cuộn còn non cả búp ú ít ngày theo phương pháp cổ truyền rồi hong cho khô để thành trà mạn. Loại trà mạn tốt thường được để lâu năm rồi đem ướp sen. Khi pha, trà sẽ có màu đỏ trông đẹp, uống có hương thơm đặc biệt, vị lại ngọt bùi không chát.

- **Trà hồng mai**: Cây mai già phải dẫn bỏ được cưa thành nhiều khúc chẻ rãnh nhỏ, pha sôi thì nước trà có màu hồng nhạt, uống vào có mùi vị thanh đậm đặc biệt. Trà này thường được thấy ở vùng Chùa Hương ở Bắc Phần Việt Nam.

- **Thanh trà**: Đọt trà tươi hái rồi để héo xong cán ngay cho ép các chất tinh dầu trong thớ lá rồi được sấy khô. Thanh trà có màu nước xanh lục với hương vị dịu ngọt.

- **Trà ô long**: Đọt trà cũng được chế biến như thanh trà nhưng lại được để lên men một phần. Nước trà màu đỏ hơi ngả vàng với mùi thơm đặc biệt. Ở Việt Nam, trà Ô Long được nhiều hiệu sản xuất, nhưng được phổ biến nhất có thể là trà hiệu Thiết Quan Âm.

- **Hồng trà**: là loại trà được để lên men đúng mức. Nước pha ra có màu đỏ. Được biết nhiều là hiệu trà Kỳ Môn. Nhưng người Việt Nam rất ít thích uống trà này.

- **Trà mạn hảo**: Là một loại trà mạn được chế biến và trình bày giống như loại trà được sản xuất tại Mạn Hào ở Vân Nam, Trung Hoa. Nhưng thật sự ra là trà này được trồng ở miền Thượng Du Bắc Phần Việt Nam. Trà này thường được đóng từng bánh và được phổ biến nhiều nhất ở miền Bắc. Ở đây thường có câu:

*Làm trai biết đánh tổ tôm,
Uống trà Mạn Hào xem nôm Thúy Kiều.*

Nhưng theo thời gian, Huế là kinh đô của cả nước đã trở thành trung tâm văn hóa, qui tụ nhiều tao nhân mặc khách. Lề lối pha trà, uống trà trở nên một nghệ thuật với nhiều sắc thái cầu kỳ nên câu thơ trên đã biến đổi:

*Làm trai biết đánh tổ tôm,
Uống trà kiểu Huế, ngâm nôm Thúy Kiều.*

Vì uống trà kiểu Huế đã trở thành một thú thưởng thức mà trong đó mỗi chi tiết như lối pha trà, bộ đồ trà, cách uống trà, nơi uống trà, đều là những yếu tố nghệ thuật, tạo được thú vui tuy thanh đạm nhưng cầu kỳ. Hiện nay qua bao cuộc thời thế đổi thay, ở Huế cũng còn một số người đã nâng cung cách uống trà lên hàng trà đạo.

Nhìn bộ khay trà của giới tao nhân mặc khách ở Huế là có thể có ngay một nhận thức về hình ảnh cao quý thanh lịch của dân tộc.

Bộ đồ trà ở đây thường bao gồm một chiếc khay khắc tron hay khảm xà cừ, hình chữ nhật, trên mặt hai đĩa: dầm, bàn, một chén tống, bốn chén quân và một ấm.

Khay trà có nhiều loại:

- Loại khay chân quỳ chữ nhật được làm bằng nhiều nguyên liệu. Có thứ khay ngà tron hay chạm trổ, có thứ khay đồi mồi nạm bạc. Thông thường nhất là loại khay gỗ trắc hay gụ khảm ốc hoặc trai.

- Loại khay chân quỳ vuông cũng bằng những nguyên liệu như nói trên.

- Loại khay thấp chữ nhật kiểu thành lưu hay thành lon thường bằng gỗ trắc tron hoặc khảm.

Chén trà thì gồm có:

- **Chén Quân** là bốn chén nhỏ để uống.

- **Chén Tống** là chén chứa trà rót từ ấm ra và được dùng để quân phân trà cho các chén quân.

Đĩa trà gồm có:

- **Đĩa Bàn** để đặt bốn chén quân.

- **Đĩa Dầm** là loại đĩa sâu thành để chén tống. Muốn giữ cho trà lúc quân phân còn đủ sức nóng, người ta rót nước sôi tới gần đầy miệng đĩa để dầm chén tống vào đó khi đưa đi quân phân cho chén quân.

Ấm Trà có nhiều loại và nhiều kiểu, với ba trữ lượng khác nhau: Các loại ấm độc ấm, ấm song ấm và ấm quần ấm. Người đời thường ca tụng: "Thứ nhất Thế Đức chu sa, thứ nhì Lưu Bội, thứ ba Mạnh Thần. Men ấm chu sa là men ấm quý nhất, gồm hai loại tiêm dầu sa và bình dầu sa.

Về định nghĩa các danh xưng ấm chuyên, chén tống, chén quân; Ông Phạm Đình Hồ đã giải thích rõ ràng trong sách Vũ Trung Tùy Bút rằng: "Chuyên là truyền đi rót vào chén chứa rồi đưa đi, tống là phân đều cho bốn chén quân".

Nhưng nổi tiếng nhất và được quý chuộng nhất là các bộ đồ Giáp Tý và Mai Hạc.

Có người nói rằng bộ đồ trà Giáp Tý được ký kiểu vào năm Giáp Tý sáu mươi năm trước năm 1904... Mặt đĩa trà có lá lất, hai đầu tròn vuông với nhân hiệu Ngọan Ngọc. Trên mặt đĩa Giáp Tý có hai câu thơ: "*Thủy sắc du xuân noãn, kiên tâm nại tuệ hàn*" (Sắc biếc mơ xuân ấm, lòng kiên chịu tuệ hàn).

Bộ đồ trà Mai Hạc đầu tiên được ký kiểu bởi vị Thái Giám cầm đầu loạn Tam Phủ với viên ký lục Nguyễn Bằng.

Dưới đáy đĩa Mai Hạc có đề bốn chữ "*Kim Tiên ký ngoạn*" để ghi lại nơi quê quán của ông là huyện Kim Đồng, làng Tiên Cầu.

Hai câu thơ "*Nghêu ngao vui thú yên hà, Mai là bạn cũ, Hạc là người quen*". Hai câu thơ đều đề chữ kép chữ không chữ đơn như đĩa Giáp Tý Ngọan Ngọc. Men đĩa màu lục đậm.

Câu hỏi người đời thường hay đặt ra là để biết người Việt Nam biết uống trà từ thời nào? Thật khó mà trả lời chính xác nhưng ít nhất ngành khảo cổ cũng có giúp người đời nay biết rằng trong các cuộc khám quật tại di chỉ Nông Giang tại Thanh Hóa, trong những đồ tuần táng có tìm thấy được nhiều chén trà, đĩa trà có thời gian tính ngang với các đời Tống, Minh bên Trung Hoa, như thế chứng tỏ người Việt Nam thời xưa đã biết uống trà khá lâu trước thời Tống.

Sách *An Nam Chí Lược* từng ghi rằng: "*Vào tháng Năm, năm thứ Tám, niên hiệu Khai Bảo. Đinh Liên có tiến cống vua nhà Tống trà thơm*". Tất nhiên trà tiến cống phải là trà khô, việc đó chứng tỏ rằng từ xa xưa người Việt Nam đã biết sao chế trà cho có hương thơm (chậm nhất cũng khoảng thời Tống). Tất cả những sự kiện này chứng tỏ rằng tập tục uống trà của người Việt Nam không hề bắt nguồn từ văn hóa Hán.



Với tập tục uống trà lưu lại từ ngàn năm xa xưa như thế, chứng tỏ người Việt Nam dù biết những lợi ích mà trà có thể đem lại cho con người

*Bán dạ tam bôi tửu,
Bình minh sỏ trảm trà,
Mỗi nhật cú như thế,
Luông y bất đảo gia.*

dịch:

*Nửa đêm uống ba chén rượu
Sáng sớm uống vài chén trà,
Ngày nào cũng như thế
Thầy thuốc không bao giờ tối nhà.*

Người xưa thường lưu truyền cho con cháu mình biết rằng trà giúp cho sự trường thọ, bồi bổ hệ thống tim mạch, hệ thống miễn nhiễm, thì ngày

nay khoa học cũng xác nhận rằng chất *polyphenols* của trà ngăn chặn sự viêm cứng mạch máu, chất tích trính của trà ngăn chặn sự gia tăng *cholesterol*. Loại trà xanh có tác dụng làm giảm áp huyết, hoặc chất *epigallocatechingalla* và *polysaccarides* của trà có tác dụng hạ lượng đường trong máu.

Người uống trà ngày nay còn biết thêm rằng trà có tác dụng kích thích tim mạch, co thắt hệ thống cơ gân, giảm nở hệ thống cơ trơn, thận, mô mỡ v.v... hoặc trà có thể trị suyễn và viêm phế quản.

Tập tục uống trà đã gắn liền sâu đậm với sinh hoạt người Việt Nam như thế, nên việc các thi nhân, danh nhân có tán tụng trà nhiều cũng là lẽ thường. Viên Chiêu thiên sư đời Lý Nhân Tông đã có lời:

*Tặng quân thiên lý viễn
Tiên bá nhất bình trà.*

dịch:

*Tiến chân ai bước đường xa,
Miệng cười đưa một bình trà tặng nhau.*

Vào thời nhà Trần (1072-1127) trong các tập Phục Hưng Viên của Thượng tướng Trần Quang Khải, Tang Sĩ Đồ Tư Đế của Huyền Quang, Xuân Đài của Chu Văn An hoặc Cửu Nguyệt Tam Thập Dạ Hiền của Trần Nguyên Đán đều tràn đầy lời tán tụng thú uống trà.

Về thời Lê, Nguyễn Bình Khiêm cũng có lời ca ngợi về trà. Nguyễn Trãi cũng hằng mơ ước:

Bao giờ mây quyện mái tranh.

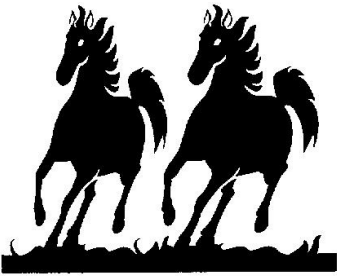
Trà pha nước suối, đá xanh gối nằm.

Nguyễn Du cũng từng thổ lộ:

*Khi hương sỏ, lúc trà trúa,
Bàn lan điểm nước đường tỏ họa đàn.*

Trong đời sống hằng ngày, trà không chỉ được dùng để tiêu khiển mà còn được dùng trong việc cúng tế hoặc để biếu tặng hoặc dùng trong việc sinh lễ. Hoa trà màu trắng biểu hiệu cho trình tiết của người con gái. Lá trà xanh tươi tượng trưng cho sự thịnh vượng của gia đình. Hạt trà là biểu hiệu của sự con đàn cháu đống.

Nói tóm lại đối với người Việt Nam, trà không những là một thức uống lưu lại từ ngàn xưa mà còn là một món thuốc bổ tuyệt vời cho sức khỏe con người. Việc người Việt Nam có tập tục uống trà phản ảnh cá tính đặc thù của một dân tộc ưa chuộng những tác phong thanh nhã, nhưng lịch sự, dịu dàng mà vẫn trang trọng. •



NĂM NGỌ NÓI CHUYỆN NGỰA

• Thị Tâm

Năm nay là năm Nhâm Ngọ. **NHÂM**, chủ thú chín trong hàng thiên Can (Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, **NHÂM**, Quý). Còn **NGỌ**, đứng hàng thứ bảy trong một con Giáp (Tý, Sửu, Dần, Mẹo, Thìn, Tỵ, **NGỌ**, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi).

Năm nay, người nào sanh con trai thì rất tốt. Vì người ta thường nói: Nam **NHÂM**, Nữ **QUÝ** !

Ngựa là loài động vật, to con, có móng cứng, gáy có lông dài (bòm), đầu dài, trên có chòm lông, đuôi dài, chạy nhanh và thích chạy. Tùy theo màu lông mà ngựa được gọi tên khác nhau như :

- Ngựa ô* : ngựa lông đen
- Ngựa bạch* : ngựa lông trắng toát
- Ngựa kim* : ngựa lông trắng mốc
- Ngựa kim lem* : ngựa lông trắng đen bằng nhau
- Ngựa hồng* : ngựa lông màu vàng đỏ
- Ngựa rằn* : ngựa lông có vằn ngang đen trắng
- Ngựa đốm* : ngựa lông vàng lợt
- Ngựa xích thố* : ngựa lông đỏ thẫm
- Ngựa bắc thảo* : giống ngựa to con ở miền Bắc nước Tàu.

Ngựa giec giống với Lừa để ra con La. Loại này nhỏ con, lỗ tay dựng đứng, leo núi rất giỏi, thồ (đèo trên lưng) rất mạnh. Con La tuyệt giống không có sanh con để nối dòng.

Người ta cũng dùng tiếng *Ngựa* để chỉ một vật, một con vật không cùng giống, hay ám chỉ (tiếng lóng) một người đàn bà không đoan trang, như:

- *Bộ ngựa* : bộ ván
- *Ngựa đờn* : miếng gỗ có hai chân gắn trên cây đờn cò để chịu hai sợi dây đờn.
- *Ngựa trời* : Giống bọ mình thon, màu xanh lá cây, đầu to, cánh mỏng, chân dài, cùng họ với châu chấu.
- *Ngựa bà* : tiếng gọi miệt thị một người đàn bà không đứng đắn, hay lang chạ, v.v...

Nói chuyện con **NGỰA** mà không nói đến con **MÃ** là điều thiếu sót. Vì con **Ngựa** và con **Mã** tuy hai danh từ khác nhau, nhưng cùng một giống. **Mã** cũng có nhiều danh từ khác nhau để nói về **Ngựa**, hay vài thứ cây cỏ, đồ vật, v.v...

- *Kỵ mã* : người cưỡi ngựa
- *Xe song mã* : xe do hai ngựa kéo
- *Mã thượng* : trên lưng ngựa

- *Mã thượng bất tri Mã hạ khổ*: Người cưỡi ngựa đâu biết nỗi vất vả của người đi chân; người có tiền hay quan to, chức lớn đâu có biết cái khổ của người nghèo hay nỗi oan ức của người dân !

- *Mã cách khỏa thi* : *Da ngựa bọc thây*. Câu này phát xuất từ bên Tàu do Mã Viện nói. Mã Viện đời Đông Hán, tuổi tuy già mà cứ xin vua Quang Vũ đi đánh Nam dẹp Bắc. Mỗi khi thắng trận trở về, họ hàng bà con ra chào mừng đón rước thì Mã Viện nói: "*Làm trai nên chết ở chốn biên thùy, lấy da ngựa bọc thây mà chôn mới là đáng trọng; chỗ trốn chui trốn nhủi ở nhà, chết không ai hay, táng không ai biết thì có hay gì*". Mã Viện tên là Văn Uyên, người Mậu Lăng, làm chức Phục Ba Tướng Quân, y đã đánh bại Hai Bà Trưng năm Tân Sửu (41) và ngạo mạn cho dựng trụ đồng tại ải Nam Quan, có khắc câu: "**Đông Trục Chiết, Giao Chỉ Diệt**". Người Việt Nam ta mỗi lần đi ngang qua liệng đá lần lần lấp mắt trụ đồng, nhưng dân Giao Chỉ anh hùng vẫn bất diệt !

- *Mã đề* : Móng ngựa mà cũng là một loại cỏ có lá to, giống móng ngựa, hoa cọng dài từ giữa bụi đứng thẳng lên, màu trắng, lá nấu nước uống rất mát.

- *Mã nảo* : Đá màu đỏ có vân.

- *Mã tấu* : Dao to bản và dài.

- *Mã lực* : Công suất về sức mạnh một cái máy có thể nâng cao một vật nặng 100 kg lên một mét trong một giây đồng hồ. Máy có 50 mã lực, xe hơi có 90 mã lực v.v...

Bây giờ xin trở lại con ngựa.

1/ **Ngựa phục vụ con người**. Tục ngữ Việt Nam có câu: "*Trâu cày, Ngựa cỡi*". Đứng ra thì **Ngựa** không phải dùng để cỡi không mà thôi, nó còn phục vụ con người trong nhiều lãnh vực khác như kéo xe, kéo cày thay trâu bò, thồ hàng hóa, biểu diễn trong các gánh xiếc, chạy đua, ra trận v.v...

2/ **Ngựa đi vào văn học**. Thể hiện qua những câu tục ngữ, thành ngữ sau đây :

- *Ngựa chạy có bầy, chim bay có bạn* : Bất cứ làm việc gì, hễ có nhiều người cùng một chí hướng, có đông tay cùng làm, thì làm không chán, mau xong (nói lên tinh thần đoàn kết).

- *Ngựa con háu đá* : Còn trẻ, háo thắng, nói lấc cấc, ham việc đua tranh, như ngựa con mới được sổ chuồng và vừa đứng vững là nhảy đá lung tung.

- *Ngựa hay, hay chúng* : Ám chỉ người có tài thường có tật khó tính, hay làm eo, thích làm những việc lạ đời không giống ai cả !

- *Ngựa quen đường cũ* : Thói quen khó bỏ, con người đã quen làm việc xấu, sau mặc dù được người khác khuyên bảo và chỉ dẫn để trở nên người lương thiện, nhưng thói thành thói cũng khó chừa tật cũ. Ngày xưa có một ông vua đi đánh giặc bị lạc đường, phải bơ vơ giữa rừng già. May có người trong đoàn hộ giá tâu nên thả cho ngựa đi trước rồi theo sau; quả đúng như lời, ngựa dẫn vua và đoàn tùy tùng về đến triều đình.

- *Ngựa Hồ gió bắc hay Chim Việt Ngựa Hồ* : Ngựa xứ Hồ, gió Bắc về thì hí lên; Chim nước Việt chọn cành phía

Nam mà đậu (Hồ-mã tế bắc-phong, Việt-diều sào nam chi). Ở bên Tàu, thời vua Hồn Võ được rợ Bắc Hồ đi cống một con ngựa hay; ngựa ấy bỏ ăn bỏ uống và chỉ hí lên một cách buồn thảm khi có gió Bắc. Ở Việt Nam vào đời Hùng Vương, nước Nam có đi cống cho Tàu một con bạch trĩ. Chim ấy chỉ chọn những cành cây mọc chỉ về hướng Nam mà đậu. Câu này còn có nghĩa bóng là: Người xa xứ thường nhớ nước non nhà, không quên nơi đất tổ quê cha.

3/ Ngựa đi vào chiến sử :

Ngày xưa ngày xưa, binh sĩ ra trận đều cỡi ngựa. Có những vị tướng một mình một ngựa tả xông, hữu đột, phá



võ vòng vây, đánh bại quân địch, đem chiến thắng về cho mình cũng nhờ công lao của ngựa. Thành Cát Tư Hãn với đạo quân Mông Cổ đi chinh phục các nước từ Á sang Âu, đều sống trên lưng ngựa. Họ đi tới đâu cỏ không mọc nổi, người cũng không còn! Nhưng, khi đạo quân bách chiến bách thắng này đến Việt Nam bị Hùng Đạo Vương đánh cho một trận tơi bời, thua chạy bán sống bán chết tại sông Bạch Đằng. Sau trận này, khi vua Trần Nhân Tông đi tế lễ đất trời, Ngài nhìn thấy các con ngựa bằng đá trước các lăng tẩm, chân đều vấy bùn và mình rịn mồ hôi. Nhà vua tin rằng các vị Tiên Đế anh linh, cỡi ngựa đá đánh giúp Hùng Đạo Vương mới thắng được quân Mông Cổ. Do đó mới có câu :

Xã tắc lưỡng hồi lao thạch mã

San hà thiên cổ điện kim âu

Nghĩa là:

Xã tắc hai lần nhọc ngựa đá

Non sông ngàn thuở vững ngai vàng

Để kết thúc bài "*Năm Ngọ nói chuyện Ngựa*", người viết xin chúc tất cả quý độc giả một năm mới thường An Lạc, mọi việc Hanh Thông; những chiến sĩ tay không đang đấu tranh không mệt mỏi để loại bỏ chế độ cộng sản độc tài đảng trị, thực hiện Tự Do - Dân Chủ cho đất nước, nhiều nghị lực để hoàn thành lý tưởng cao cả của mình đã chọn với 4 chữ : **MÃ ĐÁO THÀNH CÔNG !•**

PHÚT GIÂY CHÁNH NIỆM

Tắm trong nắng ấm tâm an tịnh
Sáng rực hoa vàng nắng mới tinh
Vườn thiền riêng đó hoa tự tại
Hoa, ta là một, phút giây này.

Vạn vật vô thường đâu ở mãi
Sao ta ước vọng chốn bông lai
Ràng buộc làm chi cho khổ ải
Chánh niệm soi đường trí huệ khai.

Đề mục này tâm chẳng buông xa
Pháp, tâm, thân, thọ hằng nhất niệm
Thiền tập giới trì tinh tấn mãi
Cho nổ bùng trí tuệ thăng hoa.

Tâm nơi chân nhẹ thông dong bước
Dở bước đạp đều êm cỏ xanh
Vũ trụ trong ta không thiên phước
Chánh niệm kiên trì lộ sắc danh.

• Liễu Pháp

A MINDFUL MOMENT

Bathing silently in the warm sun's rays,
The yellow roses, brilliant under the brand-new sun
Santand still in the "insight garden",
I become one with the roses, this present moment.

Things come then go, forever nothing stays
How come we expect perfection some day ?
No more expectation, no more attachment !
Mindfulness sees through the reality always.

The primary object, my only contemplation
Objects and mind, body and feelings
Clearly noting four mindfulness foundations
For a mement, the true Wisdom is prevailing

The mind on the light fo ot, one walks slowly
On the gre en lawn, lifting, moving and placing
downward,
The inside world free of hindrances,
In mindfulness, mind and matter prevail.

Punnadhamma

Xuân Nhâm Ngọ phiếm luận về Ngựa

Phan Hưng Nhơn



Năm Tân Tỵ trôi qua thì năm Nhâm Ngọ lại đến. Đây là năm con Ngựa, và Ngựa đứng thứ bảy trong vòng con giáp.

Ngựa là loài thú trong nhóm lục súc (ngựa, bò, dê, gà, chó, heo), được người nuôi thân cận mình để sử dụng.

Các nhà khoa học nói rằng giống ngựa là một trong những loài thú có nguồn gốc rất xa xưa, cách ngày nay khoảng gần 30.000 năm. Ngựa có nhiều giống, sống khắp lục địa, thường sống từng đàn ở các thảo nguyên, rừng thưa hoặc vùng nhiệt đới. Vào thời xa xưa trước Tây lịch, ngựa thường bị loài người săn bắt để ăn thịt. Đến thời trung cổ, ngựa bắt đầu được thuần hóa và được nuôi dùng để lấy sữa và thể kỷ sau đó bắt đầu được dùng để kéo xe, kéo cày và để cưỡi. Từ thế kỷ XV, trước Tây lịch, ngựa được người Hy Lạp sử dụng trong các cuộc đua.

Ngựa thuộc loài thú chỉ ăn cỏ, mà cỏ thì nơi nào cũng có nên ngựa không cần đi săn mồi như một số thú khác. Dạ dày ngựa chỉ có một túi và ngựa không thuộc loài nhai lại như trâu bò. Răng ngựa rất khỏe nên ngựa ăn mau, nghiền nhỏ. Ngựa đực có 40 răng còn

ngựa cái vì thiếu đi 4 răng hàm nên chỉ có 36 răng. Về răng ngựa, huyền thoại xưa có kể rằng:

"Ngày xưa loài thú còn biết nói, ngựa và trâu thường sống gần nhau nên rất thân nhau. Ngựa hằng ngày ăn rất khó khăn vì bị hư mất một hàm răng. Một hôm ngựa được mời đi ăn cỏ, ngựa bèn mở lời mượn trâu trâu một hàm răng để đi ăn cho thoải mái. Nể tình, trâu cho mượn. Nhưng khi đi dự cỏ, ngựa thấy có đủ hai hàm răng nên ăn uống rất thích thú, nên sau khi dự tiệc trở về, ngựa làm ngựa không trả hàm răng của trâu lại cho trâu. Trâu đòi hoài không được, và lại mỗi lần thấy trâu là ngựa bỏ chạy và trâu vì chạy chậm so với ngựa nên chẳng bao giờ bắt kịp được ngựa để đòi lại hàm răng của mình. Từ đó trâu đành cam phận chỉ còn có một hàm răng và ngựa thì thoải mái có hai hàm để nhai nghiền cỏ".

Ngựa có hai mắt nằm ở hai bên đầu chó không cùng ở trước trán nên thị trường nhãn quan của ngựa rất rộng nhưng mắt ngựa chỉ nhìn thấy rõ những vật ở phía trước nhưng lại không nhìn rõ những vật ở hai bên nó: vì thế ngựa hay hốt hoảng khi nhận thấy có những di động bất thường ở hai bên. Do đó, người ta thường dùng hai miếng da để che hai mắt ngựa để ngựa chỉ được nhìn thấy phía trước. Thính giác loài ngựa rất bén nhạy. Ngựa nghe được những tiếng động rất nhỏ từ xa. Trong các phim ảnh hoặc trong các sách truyện, thường nghe kể những cảnh đoàn ngựa đang phi từ xa vừa đến cạnh rừng hoặc một nơi hiểm yếu bỗng đoàn ngựa khựng lại và hí vang lên. Người cỡi ngựa nhờ thế cảm thấy có gì nguy hiểm hay bất thường nhất là khi thấy tai ngựa vểnh mạnh về phía trước.

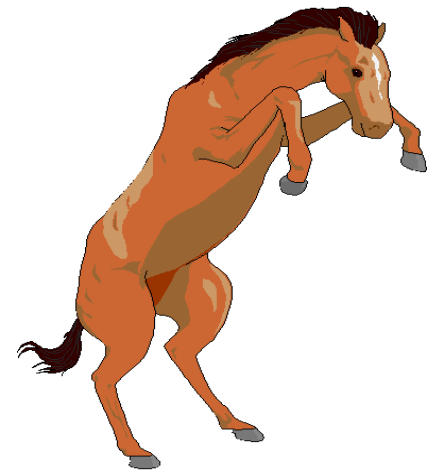
Trên thế giới có những nước nuôi rất nhiều ngựa. Ethiopie có khoảng gần 2 triệu con. Nga khoảng 5 triệu con. Mỹ cũng có độ 10 triệu con. Nhưng có nhiều ngựa nhất thế giới là Trung Hoa có khoảng 11 triệu rưỡi con. Sở dĩ dân Trung Hoa có nhiều ngựa như thế là do sự lưu truyền tính chất du mục của dân tộc Hán thời xa xưa. Tính chất du mục đó đã để dấu ấn nhất định trong ngôn ngữ Trung Hoa qua những từ ngữ về ngựa của họ. Ví dụ con ngựa đực thì gọi là chất, con ngựa cái là khoa, ngựa con là khâu tư mã, ngựa thiếu là thừa, ngựa 3 tuổi là đào, ngựa có cổ trắng là thích, có trán

trắng là trân, ngựa có đuôi trắng là lang, con mõng trắng là yêu.

Ở Việt Nam con ngựa lông màu đen được gọi là ngựa ô, có lông màu trắng gọi là ngựa bạch, sẫm là ngựa kim, vàng là ngựa đậm. Ngựa làm tình với nhau gọi là phủ.

Nhân nói vấn đề ngựa phủ cũng nên nhắc lại loài ngựa rất mạnh về tình dục, nhất là ngựa cái. Mỗi khi xuân tình rạo rục ngựa cái thường động cõn quấy phá ngựa đực, lắm khi đến mức làm con ngựa đực phải đầu hàng chịu phủ. Do đó danh xưng ngựa được người mình dùng để ám chỉ những phụ nữ trác nết lẳng loạn như *đồ ngựa cái, con đi ngựa...* Không rõ đậm tính của loài ngựa mạnh cỡ nào mà mỗi việc gì liên quan đến việc làm tình đều có từ ngựa đi kèm. Nào là con đó *ngựa quá cỡ* hoặc người đàn ông làm tình thì được gọi là *chàng kỵ mã*, các đấng nam nhi đang muồi mẩn bỗng trắng mắt, đứng tim thì gọi là *thượng mã phong*.

Tương truyền rằng vào đời Đường có Nữ hoàng Võ Tắc Thiên có nét đậm bạo nhất nước. Hàng ngàn triều thần mạnh mẽ vẫn không thỏa mãn được bà. Triều thần hoảng sợ nên có một đại thần nghĩ đến kế đúc hình một con ngựa cái rồi lấy da một con ngựa thiết bọc lại và lúc hứng tình thì Võ Thị chui vào trong lòng ngựa đúc trong lúc bên ngoài có quan giám mã dẫn đến một con đực đang hứng tình. Câu chuyện



có thật hay không thì không rõ lắm nhưng tiếng xấu còn đồn thêm rằng: Võ Tắc Thiên nhờ đó mà sanh được một Thái Tử đầu lừa mang tên là Lưu Đầu Thái Tử.

Ngựa là loài thú không được tạo hóa trang bị cho vũ khí phòng thân. Vì thế lúc gặp hiểm nguy thì ngựa bỏ chạy rất mau rồi tìm chỗ nấp, chỉ khi bị quá mới dùng bộ vó đá tung lên. Chạy

mau và bền bỉ dẻo dai là đặc tính của loài ngựa. Do đó mới có những thành ngữ như *vó câu muôn dặm* hoặc *vó ngựa truy phong*. Ngày xưa ông Trang Tử có nói: *Nhân sinh thiên địa chi giao, nhuộc bách câu chi quá khích hốt nhiên chi dĩ* (Người ta sống trong trời đất giống như bạch câu lướt nhanh qua trước khe cửa). *Câu* là con ngựa tốt mà non. *Bóng câu qua khe cửa* có ngụ ý là thời gian qua rất nhanh.

Ngược dòng lịch sử cũng thấy trong sử sách có kể lại nhiều chuyện về Thần Mã... Lịch sử Việt Nam có chuyện con ngựa sắt của Phù Đổng Thiên Vương. Tục truyền rằng:

"Ngày xưa nước Nam ta bị giặc Ân xâm chiếm tàn phá. Nhà vua phải truyền hịch khắp nơi để chiêu mộ anh tài đầu quân giết giặc. Ở làng Phù Đổng có một cậu bé xin vua ban cho ngựa sắt cùng roi sắt. Khi được nhà vua ban cho đủ hai thứ đó, cậu bé ăn uống một bữa thật no bỗng trở thành cao lớn rồi nhảy lên lưng ngựa ra roi tiến ra trận tiền. Ngựa thần phun lửa hợp với chủ đánh tan quân giặc Ân. Sau khi dẹp xong giặc, Phù Đổng Thiên Vương cùng ngựa phi lên núi Sóc Sơn biến mất.

Thư tịch Trung Hoa có kể chuyện con ngựa Quá Hải Long Câu, tức là con ngựa rồng vượt biển của Tiết Nhon Quý. Truyện kể rằng:

Một đêm nằm mộng vua Đường Thế Dân thấy mình đi du ngoạn và bị lạc đường. Kế đó lại gặp tướng giặc Cáp Tô Văn rượt bắt, bị đường phải chạy ra Đông Hải. Ngựa của vua Đường chạy được một lúc thì bị sa lầy. Cáp Tô Văn là tướng từng muốn chiếm giang sơn nhà Đường nên khi bắt được vua Đường Thế Dân thì không giết mà chỉ ép vua Đường phải viết hàng biểu. Để bảo vệ tính mạng, vua Đường sắp sửa viết hàng biểu thì ngay lúc đó, từ trên núi có tướng Tiết Nhon Quý cỡi ngựa bạch, phi mau xuống biển. Lúc nó phi trên biển thì như có bốn vàng mây đỡ nó lên nên nó không bị sa lầy. Nhờ thế tướng Tiết Nhon Quý đến kịp để cứu vua Đường. Từ đó con ngựa của Tiết Nhon Quý có tên là Quá Hải Long Câu, tức là ngựa rồng qua biển.

Vào thời tàn Đường cũng có lưu truyện con ngựa Cửu Vĩ Long Câu của danh tướng Thượng Sư Đồ. Thật sự con chiến mã này là con ngựa không có đuôi. Mỗi lần ra trận, tướng Thượng Sư Đồ đánh cho có lệ rồi quay ngựa bỏ chạy. Địch thủ tưởng bỏ, rượt đuổi theo. Thượng Sư Đồ liền vỗ vào nơi

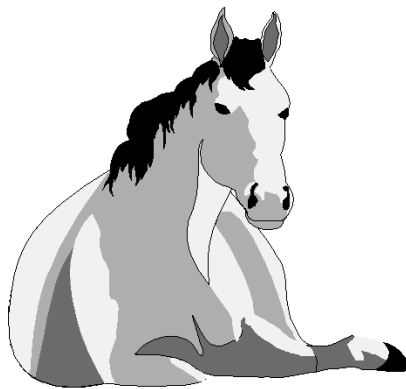
mông ngựa thì phía sau thân ngựa mọc ra tám cái đuôi phun ra nhiều khói, kế mọc ra thêm một đuôi thứ chín cứng như sắt, đập vào đầu địch thủ đang đuổi theo phải vỡ sọ.. Vì thế ngựa này có tên là Cửu Vĩ Long Câu, tức ngựa rồng chín đuôi.

Đời nhà Tống cũng có truyện con ngựa Hiến Nguyệt Long Câu mà tướng Địch Thanh đã thu phục được vào một đêm trăng sáng. Nhờ ngựa này mà tướng Địch Thanh lập được nhiều chiến công oanh liệt.

Thời Tam Quốc có con ngựa Xích Thố của Quan Vân Trường. Ngựa này phi rất mau nên được gọi là Thiên Lý Thần Mã. Truyện kể lại rằng có lần Quan Vân Trường sắp uống rượu thì nghe tin có giặc, liền phóng mình lên ngựa Xích Thố tiến ra trận tiền giết được giặc rồi quay về ài mà rượu hăm trước khi đi vẫn chưa nguội.

Lưu Bị cũng có con ngựa Địch Lu từng vượt qua suối và phi rất mau để cứu chủ.

Giai thoại về ngựa rất nhiều. Đời Xuân Thu vua Cảnh Công nước Tề có con ngựa quý bị chết. Vua nổi giận ra lệnh giết tên giữ ngựa. Trước khi lên án tử hình cho tên giữ ngựa thì quần thần là Ân Anh vàng lệnh kể ra ba tội của tên giữ ngựa: Có phận sự mà để ngựa chết là một tội; để con ngựa quý của nhà vua chết là hai tội; khiến chúa công vì con ngựa chết mà phải ra lệnh giết người làm cho trăm họ oán ghét chúa công là ba tội.



Vua Cảnh Công nghe nói bèn động lòng tha chết cho tên giữ ngựa.

Sách Hán Ký có lưu lại truyện vua Văn Đế nhà Hán được người dâng cho con Thiên Lý Mã thì vua nói rằng: "Ta đi đâu thì trước có loạn kỳ, sau có hộ xa. Đi thăm dân nhiều lắm cũng chỉ ngày 50 dặm. Đi hành quân thì cũng chỉ ngày 30 dặm. Vậy thì nếu ta có ngựa Thiên Lý chạy mau đi trước một

minh để làm gì. Nói xong bèn ra lệnh trả lại ngựa cho người đã dâng ngựa.

Đời Đông Hán có Trắc Mâu làm đến chức Thái Phó triều Quan Võ. Một hôm ông ngồi xe để đi du ngoạn thì có người nhìn lầm con ngựa của ông là của họ. Tuy biết người đó lầm, ông vẫn ra lệnh mở ngựa giao cho người đó rồi dặn nên coi lại nếu không phải thì nhớ đem ngựa tới phủ Thừa Tướng mà trả lại cho ông.

Về sau người đó tìm được ngựa cũ của mình liền đem ngựa đã nhìn lầm đến trả lại cho ông.

Sách Hàn Phi ngoại truyện cho biết, vào thời Chiến Quốc tại nước Ngụy có ông Điền Tử Phương một hôm ra đường, thấy bên đường có con ngựa già bị bỏ, ông bèn hỏi người cần xa ngựa ai bỏ đó. Người này trả lời đó là con ngựa già không dùng được nữa nên bị bỏ. Điền Tử Phương liền bỏ tiền ra chuộc con ngựa già đem về nuôi dưỡng.

Thời Chiến Quốc có chuyện Trần Mục Công một hôm đi săn trên núi Lương Sơn. Trong đêm có kẻ trộm bắt hết hai con ngựa hay. Sai người đi tìm lại thì dưới mé núi Kỳ Sơn có hơn ba trăm người đang làm thịt hai con ngựa để ăn.

Mục Công nghĩ rằng ngựa chết chỉ có hai con mà giết hơn ba trăm người thì có quá. Nên ông muốn làm mặt người lành bèn sai quân đem cho chúng hai chực ghè rượu ngon và nói thêm với chúng rằng: "Thịt ngựa hay mà không có rượu ngon tiếp thì không tiêu".

Nhờ vậy mà về sau Tân Mục Công bị quân Tần vây khốn, chúng biết ơn xông ra cứu Trần Mục Công khỏi họa.

Trong dân gian hay kể chuyện Tái Ông thất mã: Tái Ông có một con ngựa tốt. Một hôm ngựa đi đâu mất. Có người đến thăm ông thì nói: "Biết đâu là phước đó!". Qua bữa sau nó trở về rú theo một con ngựa Hồ tốt. Thân hữu đến thăm ông, cho đó là ông có phước đó, ông liền nói: "Biết đâu là họa!". Con ông thấy ngựa tốt, ngày nào cũng leo lên cỡi chơi, một hôm lỡ té bị gãy chân. Thân hữu đến thăm thì ông nói: "Biết đâu là phước!". Năm sau có giặc Hồ xâm lăng, trai tráng đều bị bắt lính, con ông nhờ bị què chân nên được miễn dịch. Chừng đó ai cũng nói rằng ông có phước.

Về chuyện Tái Ông thất mã, cụ Huỳnh Thúc Kháng có thơ rằng:

Kia tử tán, chẳng qua tiền biệt,

Ngựa Tái Ông họa phúc biết về đâu ?

Ở Âu Châu có tích Con Ngựa Thành Troie. Số là Thái tử Ring Paris, con vua thành Troie một hôm đến thăm vua xứ Sparta là Menelaos lại dụ dỗ được kiều nữ Helena rồi đem về thành Troie. Vua Menelaos mất người đẹp tức giận vô cùng. Để giúp em bắt lại người đẹp, Agamemnon, anh của vua Menelaos, bèn kéo một đạo quân hùng hậu tiến đánh thành Troie. Agamemnon vây thành suốt 10 năm mà không hạ được thành mặc dầu trong quân ngũ của ông có viên tướng tài danh là Achilles, hằng ngày cỡi con ngựa Xanthus đến trước thành thóa mạ khiêu chiến. Sau nhờ có thần chỉ điểm chỗ nhược của Achilles ở gót chân nên Paris nhắm vào đó mà giết được Achilles.

Thất vọng nhiều vì đã vây thành Troie gần mười năm hao binh tổn tướng cũng đã khá nhiều, nên tướng Agamemnon đã hơi nản. Giữa lúc đó có quân sư dâng kế hãy chế tạo ngay một con ngựa gỗ thật to, ruột rỗng và rộng đủ có thể chứa được nhiều người. Rồi một hôm cho đem con ngựa gỗ lớn này đến khiêu chiến bên thành, rồi làm bộ bỏ chạy khi bị quân trên thành bắn tên xuống và bỏ con ngựa gỗ lại bên ngoài thành. Quân đội thành Troie thấy lạ liền ra đẩy ngựa vào trong thành. Đêm đó giữa lúc quân đội thành Troie đang ngủ thì những người núp trong bụng con ngựa gỗ chui ra và lên mở được cửa thành để quân của Agamemnon tràn vào chiếm được thành Troie. Từ đó ở Âu Châu thành ngữ "con ngựa thành Troie" được dùng để chỉ những kẻ nội gián.

Ngựa là loài thú đặc biệt trung thành, mẫn chủ và hình như có trí nhớ rất bền. Trong truyện Tàu, có tích kể chuyện vua Hoàn Công nước Tề, thời Xuân Thu, cử quân đi đánh nước Cổ Trúc, lúc về lạc đường, đường vắng không biết hỏi thăm ai. Sau Hoàn Công phải nghe lời Quản Trọng, dùng trí nhớ con ngựa già nhất trong quân ngũ thả đi trước, quan quân theo sau mà về tới nhà. Vì thế có thành ngữ *ngựa quen đường cũ*. Trong thi ca Việt Nam, thi sĩ Thanh Tịnh cũng có nhắc sơ đến đặc tính này của con ngựa, trong bài thơ diễn tả sự mòn mỏi của một người chinh phụ trông đợi sự trở về của người chinh phu:

... Bên rường em hãy lặng nhìn theo,

Có phải chẳng em, ngựa xuống đèo ?

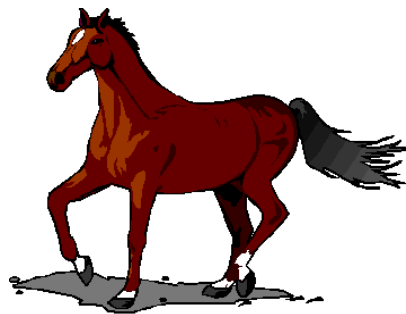
Chị ngỡ như chàng lên tiếng gọi,
Trên mình ngựa hí lạc vang reo.

... Ngựa hồng đã đến biên biên
Chị ơi, trên ngựa chiếc yên... vắng người.

Người chinh phu đã bỏ mạng ở chiến trường nhưng ngựa hồng vẫn nhớ đường cũ để quay về nhà chủ.

Trong văn chương thường nhắc đến tích CHIM VIỆT, Ngựa Hồ qua câu "Hồ mã tế bắc phong, Việt diều sào nam chi. Ngựa xứ Hồ gió bắc về thì hí lên, con chim nước Việt chọn cành cây phía Nam mà đậu.

Lại có tích mọi Bắc Hồ đem dâng một con ngựa hay cho Hán Vũ Đế. Nhưng từ khi đến đất Hán thì con ngựa này bỏ ăn bỏ uống và mỗi lần có gió bắc thổi thì ngựa lại hí lên một cách buồn thảm. Hoặc tích ngựa Tiêu Sương ngày có thể chạy ngàn dặm của vua nước Lương bị vua nước Tống đánh cướp về, ngày ngày vẫn nhớ chủ cũ bỏ ăn rồi chết.



Thư liệu xưa cũng từng nhắc đến con ngựa Xích Thổ, con ngựa mà chỉ Lã Bố và Quan Công cỡi được. Sau khi Quan Công qua đời, ngựa Xích Thổ lần mò tìm đến bên mộ Quan Công để chết bên cạnh chủ.

Phần đông nhiều người thời xưa cho rằng con ngựa gắn liền với hình ảnh của chiến tranh. Ngày xưa các tướng lãnh đều dùng ngựa để đi đánh trận. Thành Cát Tư Hãn với đoàn kỵ mã bách chiến bách thắng vượt sa mạc chinh phục Âu Châu, chiếm Trung Hoa, Tây Tạng, Triều Tiên, đánh đâu thắng đó nên đã tự hào tuyên bố: "Nơi nào có vết chân ngựa của ta đi qua là chỗ ấy không có cỏ mọc". Thế mà khi đến nước Việt Nam nhỏ bé đành vỡ mộng bá chủ thiên hạ. Đối với kẻ sĩ thời xưa, cái chết hào hùng nhất là cái chết ngồi trên lưng ngựa ở chiến

trường để được da ngựa bọc thân chó đầu lại chết trong khuê phòng trên giường êm nệm ấm.

Chí làm trai dặm nghìn da ngựa,
Gieo Thái Sơn nhẹ tựa hồng mao.

Người ta nói rằng ngày xưa ở Âu Châu con ngựa đầu người mình ngựa Santo của Hy Lạp được xem như là biểu tượng của chiến tranh (Xin đừng lẫn lộn với con ngựa bay Pégase mà theo thần thoại là biểu tượng của thi hứng).

Thành ngữ liên quan đến ngựa cũng có nhiều. "Thẳng như ruột ngựa" chỉ một người ăn ngay nói thẳng; "ngựa quen đường cũ" chỉ những ai thường quen thói phạm lại những lầm lỗi cũ của mình, "ngựa hồ qua cửa sổ" để nói lên việc thời gian qua quá mau, "mã cách khỏa th" nghĩa là da ngựa bọc thân tức là tử trận, "mã đáo thành công" có nghĩa là thành công tức thì, "mã lộc" là không phân biệt được ngựa với người tức là để chỉ người ngu. Tục ngữ "mã thượng bất tri mã hạ khổ" có nghĩa là người cỡi ngựa nào hiểu đến cái khổ của người đi bộ. Riêng thành ngữ "Tứ mã nan truy" mà bấy lâu nay thường được dịch là "bốn ngựa khó theo" thì thật là sai nghĩa. Một con ngựa không theo kịp thì bốn con cũng vậy thôi, đâu có cộng tốc độ của bốn con ngựa với nhau được. Gần đây trong một quyển từ điển Hán Việt, có lẽ người soạn thấy sai lầm đó nên sửa *Tứ mã nan truy* là *xe bốn ngựa chạy theo cũng không kịp*. Như vậy cũng không đúng. Cộng sức bốn con ngựa lại để kéo xe cho mạnh chứ không mau hơn con ngựa chạy không một mình. Có người đã dịch "Tứ mã nan truy" là "dù ngựa Tú cũng khó bề đuổi kịp". Ở đây ngựa Tú là tên của một giống ngựa quý xưa của Trung Hoa. Ngựa này có đặc tính là lúc lên bốn là thời kỳ sung sức nhất của nó, thời đó nó rất dẻo dai, mạnh hùng hục, có thể chạy rất mau và chạy xa cả ngàn dặm mà các giống ngựa khác không bì kịp.

Đầu năm Nhâm Ngọ, phẩm luận về ngựa đã khá dài. Truyện tích về ngựa còn khá nhiều nhưng thời gian khác gì *bóng câu qua khe cửa*. Chỉ ngại chưa nói hết chuyện về ngựa thì đã thấy dáng con ĐẾ sắp thoáng tới gần rồi. •



Ngựa tể Đông - Nai

● Từ-Hùng

Luật vua bên Tàu dành độc quyền trang trí hình tượng rồng, cũng như màu gấm vàng để may hoàng bào và kiểu nhà chín gian để xây cung điện cho đấng Thiên tử. Khắp dân gian cho đến quan đầu triều đều bị cấm tuyệt không được tiếm dụng, với luật hình tru di cửu tộc. Cho nên Dự Viên của một vị quan đại thần xây ở Thượng-Hải chỉ dám điêu khắc hình tượng con thiềm thừ với thân mình như mình rồng đen uốn khúc theo bờ tường rào, mà đầu được chạm thô kệch như đầu lân và hai chân đều chỉ có ba móng như chân gà, để tránh phạm tội mưu triều đoạt vị.

Nước ta cũng bị ảnh hưởng bởi luật phong kiến đó, nên hồi xưa chỉ có :

"Rồng chầu ngoài Huế". Còn trong Nam chỉ được :



Phù điêu gỗ "cảnh quan quân cướp bóc" đình liên hiệp (Hà Tây - XVII)

" Ngựa tể' Đông Nai "

Như trong lăng Tả quân Lê Văn Duyệt ở hậu liêu còn thờ con ngựa hồng của ngài Tổng Trấn Gia Định thành với đầy đủ yên cương tàng lọng. Đúng như ngựa đã từng khoe trong truyện cổ văn "**Lục súc tranh công**" :

"... ồ ! này này, ta bảo chúng bây ,
Đố mặt ai dài bằng mặt ngựa .
Tuy rằng thú, cũng hai giống thú,
Thú như tao ai dám phen lê (phân bì)
Tao đã từng đi quán về quê,
Đã nghe (nhiều) trận đánh Nam dẹp Bắc,
Mỗi gối khuôn phò xã tặc,
Mòn lũng cúi đội Vuông, Công,
Ngày ngày chầu chục sân rồng,
Bữa bữa dựa kê loan giá ... "

Hình tượng ngựa xưa nhứt được thờ trong các đình chùa, đền miếu là hình ảnh con Long mã, thường được vẽ khắc trên các bức bình phong xây gạch. Tương tự như Lân xuất hiện trên sông Hoàng Hà đời vua Phục Hi bên Tàu, đã mang trên lưng một bát quái đồ, Long mã mang trên lưng một bộ cổ đồ, tức một chông sách được buộc lại bằng một dải lụa thành một gói vuông hình hộp chữ nhật. Cổ đồ cũng có thể là một hộp gỗ kết bằng những thê tre và một quần bút hoặc hai cuộn giấy da thuộc, cuốn lụa buộc chung với cây cọ viết.

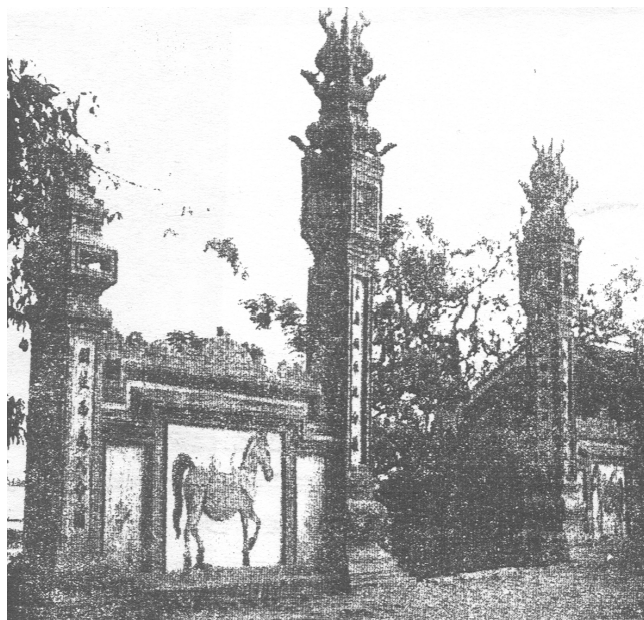
Các làng xã trong Nam tổ chức các đám rước cúng đình thường cho múa Long Mã. Vì Long mã đầu rồng mình ngựa

mang vây rồng, nên hai người chung vào múa, chỉ thò 4 chân mặc quần vây rồng ra ngoài, chạy nhảy như ngựa. Khác với múa lân trong Chợ Lớn với đầu lân thật to mang liền đuôi lân chỉ là một tấm vải kết nhiều lớp cật răng cưa và viền lông thò.

Trong khi các chuyện thần thoại Tây phương đều hình dung con ngựa cổ xưa nhứt là con độc giác, tức con bạch phi mã bờm, đuôi dài tha thướt như tóc một thiếu nữ, giữa trán mọc một sừng dài và xoắn như mũi khoan. Rồi đến giống ngựa bay có đôi cánh to như cánh thiên nga. Độc qua sách nghiên cứu mới thấy ghi hai giống ngựa hoang cổ nhứt là giống Przewalski và giống Tarpan, còn sống sót sau thời kỳ trái đất bị băng phủ, cách nay khoảng 10.000 năm. Giống ngựa thứ nhứt nhỏ con, chân ngắn, nguồn gốc ở các vùng thảo nguyên Mông Cổ lên tới tận phía Nam Tây Bá Lợi Á. Hiện nay chỉ còn khoảng vài chục con sống hoang trên núi Tachin Shara Nuru. Cũng may các nhà động vật học đã gây nuôi được một số trong các số thú lớn trên thế giới. Giống Tarpan, gốc ở miền Nam Nga, dáng đẹp hơn, bờm thẳng, chân cao, màu xám, thêm một sọc đen chạy dài trên lưng, từ cổ tới đuôi rất đặc biệt. Cho tới thế kỷ 18, giống ngựa này sống nhiều ở Ba-Lan, nhưng đến nay hầu như đã tuyệt giống.

Không ai biết ngựa được thuần hóa từ thuở nào, nhưng từ thời thượng cổ đã thấy ngựa được dùng trong chiến trận. Ngay nước ta trong thời lập quốc, đời Hùng Vương thứ sáu, cậu bé làng Phù Đổng đã vươn vai thành người lớn, cỡi ngựa sắt, cầm roi sắt ra trận dẹp tan giặc Ân.

Kể đến vua An-Dương Vương lúc thua trận lên ngựa chạy không quên đeo theo Công chúa My-Châu. Đến thời hai Bà Trưng khởi nghĩa đã ngự trên hai thớt voi lớn đánh đuổi quân Tô-Đĩnh. Nhưng không hiểu sao, đền thờ Hai Bà ở Hát-Môn, Hà-Tây không thấy đúc hình tượng rồng chầu



Phù điêu ngựa chiến đền Hai Bà Trưng (Hát Môn, Hà Tây)

hay phượng vũ, mà chỉ chạm nổi hai hình ngựa chiến trên hai bức bình phong hai bên cổng vào đền. Có lẽ đền được xây vào thời Bắc thuộc, nên chỉ được dùng ngựa tể.

Qua đời nhà Trần đã ba lần chiến thắng quân Mông Cổ:
"Xã tặc ba phen bon ngựa đá "

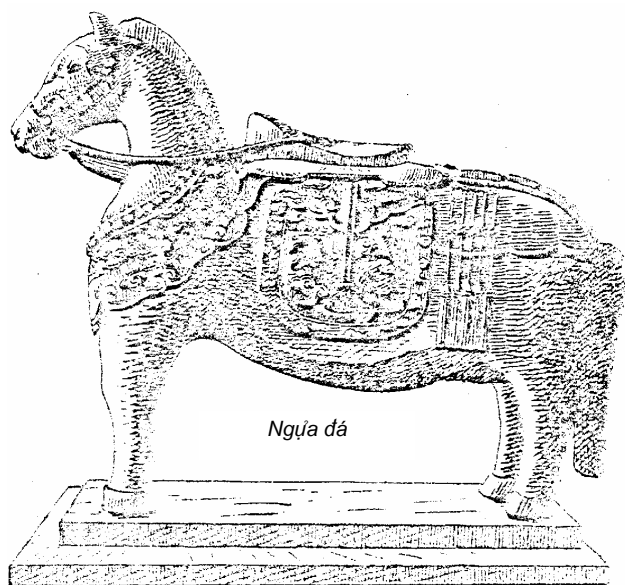
Chính ngựa đã giúp con người đạt được tốc độ di chuyển cao hơn lên, rồi sáng tạo ra chiếc xe ngựa. Các nhà khảo cổ đã ghi chiếc xe ngựa đầu tiên trên thế giới xuất hiện ở miền Nam Lưỡng Hà (Mésopotamie), khoảng 3500 năm trước TL. Sau đó xe ngựa mới được sử dụng ở thung lũng Ấn Hà (Ấn-Đô) năm 2500, Hy-Lạp năm 1550 và Anh năm 500 TTL. Xe ngựa cũng được dùng trong chiến trận, được bọc thêm sắt, được gắn thêm dao kiếm để phá vỡ và gây hại cho xe ngựa đối phương. Từ thường dân cho đến vua chúa đều sử dụng phương tiện di chuyển này. Càng có nhiều tiền, càng nắm quyền cao chức trọng, chiếc xe càng được trang trí, chạm khắc hoa mỹ, cẩn bạc viền vàng, bọc thêm nệm gấm, treo thêm màn lụa... Bên



Long mã

phương Đông thì cho ngựa kéo các chiếc Long xa của Hoàng Đế; giới quý tộc phương Tây thì ngự trên những chiếc xe song mã, tứ mã và lục mã rất sang trọng. Chiếc xe ngựa vẫn tiếp tục giúp con người đạt được tốc độ chuyển vận cao, cho đến thời đại cơ khí biến dạng thành chiếc xe hơi, ngày càng có nhiều mã lực, chạy nhanh hơn.

Ở nước ta xe ngựa còn được sử dụng rất lâu cho tới khi được xe lam ba bánh thay thế dần dần. Còn nhớ hồi còn sinh viên, vẽ bài khuya ở trường kiến trúc, tới 4 giờ sáng thường nghe tiếng lục lạc và vó ngựa nện cồm cộp trên mặt đường nhựa Phan Đình Phùng của các xe thổ mộ. Chờ rau cải, trái cây cho bạn hàng bông chợ Bàn Cờ. Thổ mộ là chiếc xe ngựa tiêu biểu của miền Nam với một thùng xe có



Ngựa đá

mũi, nhưng trống trước trống sau, hai bên dùng vách nửa chùng, phía trên chứa ba khung cửa trống. Thùng xe đặt trên càng xe, với trục quay hai bánh xe gỗ lớn bọc cao-su,



Phù điêu gỗ người giữ ngựa (XVII) . Đình Quang Húc (Hà Tây)

mà đường kính hơi cao hơn thân ngựa. Hai càng xe phía trước cũng buộc vào thân ngựa. Hành khách nhờ bàn đạp phía sau leo lên ngồi bó gối trên sàn xe được trải chiếu. Hàng hóa chất đầy trên mũi, buộc treo khắp xung quanh xe cùng với guốc dép của khách.

Đi săn hưởng canh



Còn ngựa tế trong các lăng mộ thường được đeo bằng đá, cũng chạm khắc đầy đủ yên cương. Trong các đình chùa ngựa được điêu khắc trên gỗ, ngoài yên cương

còn được người che lọng như bức phù điêu người giữ ngựa (hậu bán thế kỷ XVII) ở đình Quang Húc, huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây. Bức Di sản ở đình Hương Canh (Vĩnh-Phú) chạm nổi đoàn người khiêng hai thú rừng săn được theo sau vị quan viên cỡi ngựa, mặt vênh lên tự đắc, dù có người thuộc hạ đi bên giữ cương. Bức Cảnh quan quân cướp bóc chạm nổi trên ván nong mặt trong đầu hồi, ghi lại hình ảnh ông quan cỡi ngựa dẫn đám quân hùng hổ đi bắt heo gà của dân làng, ở đình Liên Hiệp, huyện Quốc-Oai, tỉnh Hà Tây, vào hậu bán thế kỷ XVII.

Đất Đồng-Nai hiện đã cách xa vạn dặm, nhưng xuân Nhâm Ngọ vẫn đến trong các gia đình còn theo Âm Lịch và đang chờ đón Tết con Ngựa. Cho nên chúng tôi vẫn kính chúc quý vị độc giả, nhân dịp đầu năm :

" **Mã đáo thành công** "•



HOA XUÂN

• Ngọc Tuyết

Buồn sáng nhìn qua cửa sổ thấy lớp tuyết phủ trắng những cành cây, những mũi xe hơi đậu ngoài đường, Lâm hớn hở chạy đi tìm mẹ kể:

- Mẹ ơi, ... có tuyết, có tuyết rồi!

Đang đứng gấp bánh ra khỏi lò nướng, mẹ quay lại, vừa cười vừa lắc đầu:

- Tưởng việc gì quan trọng...

Nó chu môi bảo chữa:

- Quan trọng chứ mẹ! Vì mùa đông không có tuyết chẳng khác nào mùa hè không có nắng, mùa thu không có lá vàng, mùa xuân không có..., không có... Biết mẹ nghiêng mặt chờ nghe, nó hơi mắc cỡ, gơ ngón tay gãi trán, suy nghĩ một lúc rồi ấp úng nói tiếp:

- Mùa xuân không có hoa... anh dào. Đúng không mẹ?

Mẹ gạt đầu khen:

- Giỏi, Lâm giỏi quá! Nhưng còn một loài hoa xuân khác nữa, màu vàng... Mẹ nhắc khéo.

Nó nhớ ngay:

- A, hoa mai bằng giấy mẹ tự làm để chưng phòng khách mỗi lần Tết đến. Sắp đến Tết chưa vậy mẹ?

Mẹ lau tay, bước tới kệ sách lấy cuốn lịch Tử Vi của chùa Khánh Anh, lật những trang đằng sau, lẩm bẩm đọc:

- Tết Nguyên Đán Nhâm Ngọ, mồng một, ngày thứ ba mươi hai tây tháng hai năm hai ngàn lẻ hai...

Nó tính nhanh:

- Khoảng tám, chín tuần lễ nữa lận? Sao Tết trễ vậy mẹ? Con nhớ năm ngoái mẹ gọi điện thoại chúc Tết ông bà ngoại còn trong tháng giêng...

Mẹ thoáng bối rối:

- Bất ngờ Lâm hỏi mẹ không trả lời được đâu! Để hôm nào mẹ nhờ ai biết

giảng cho mẹ, mẹ sẽ nói chuyện lại với Lâm sau. à, mẹ định lên phố tìm mua mấy nhánh Forsythie đem về ngâm nước, thử xem sẽ nở ra hoa thật đẹp như báo đăng không. Năm nay mẹ thích có hoa mai tươi trên bàn thờ ngoại, dù chỉ là loại mai giả định vẫn nở mỗi đầu xuân vàng ối cả vườn trước nhà đối diện mình đó. A, mà Lâm biết không, 3 ngày Tết là ngày sum họp đại gia đình từ ông bà, cha mẹ, anh chị em, con cháu...

- Cũng như Đức có ngày Familientag vào Thứ Tư mỗi tuần đó phải không mẹ?

- Đúng vậy, cũng như Phật Giáo có ngày lễ Vu Lan để nhớ đến công ơn của mẹ...

- Như ngày Muttertag phải không?

- A, hôm nay Lâm rảnh không, "tháp tùng" mẹ cho vui?

Nó hơi lưỡng lự:

- Thằng Mario rủ con qua chơi và ba má nó đi chợ Giáng Sinh, Nó không thích nên ở nhà một mình đó mẹ. Hay mẹ gọi điện thoại hỏi ba ráng về sớm chờ mẹ đi...

- Thôi, để ba đi chung xe với bạn đồng nghiệp, chợ chiều đông người mẹ ngại lắm. Nếu Lâm bận thì mẹ đi một mình, hơi buồn một chút nhưng mẹ quen rồi...

Nghe mẹ nói vậy, nó bèn đề nghị:

- Lâm sẽ đi cùng, mà mẹ chỉ mua hoa thôi, nha mẹ?

Mặt mẹ tươi hẳn lên:

- Cảm ơn Lâm, cho mẹ mười phút thay quần áo, trang điểm chút xíu.

Nét rạng rỡ hiện lên khuôn mặt, tay vuốt nhẹ những đầu cành, mẹ hân hoan nói:

- Nở chứ, nếu mẹ ngâm nước đúng cách như người ta chỉ.

Nó nghĩ, mẹ đang tưởng tượng đến những đóa hoa vàng sẽ nở đầy kín cả cành. Nó cảm thấy vui lây theo niềm vui trong ánh mắt mẹ yêu và chợt hối hận vì lúc này chỉ miễn cưỡng, chứ chẳng muốn đi với mẹ chút nào...•

Bà Chứa Ong

• HỒNG NHIÊN sưu tầm



Ngày xưa có một người nhà nghèo rớt mồng tơi, tên là Sĩ. Anh ở với bà mẹ già. Anh muốn lấy vợ, để vợ đỡ dần công việc nhà và phụng dưỡng mẹ già, nhưng hỏi mấy đám, người ta thấy nhà anh nghèo quanh năm thiếu ăn nên đều lắc đầu từ chối. Vì thế, anh vẫn phải sống một mình với nghề đi củi. Hằng ngày buổi sáng tinh sương, anh lên rừng nhặt củi đem ra chợ bán. Chiều lại, ăn xong, anh cầm lấy quyển sách.

Cứ như vậy cho đến ngày anh học thành tài. Kỳ ấy nhà vua mở khoa thi ở kinh đô để kén nhân tài. Các sĩ tử đua nhau chuẩn bị tiền gạo, lều chiếu để vào dự thi. Trong lòng Sĩ cũng hăm hở muốn đua chen chốn trường văn trận bút, nhưng tài lực nhà anh quá kém cỏi, chẳng biết lấy gì để nuôi mẹ già trong những ngày vắng mặt, cũng chẳng có gì để ăn tiêu dọc đường.

Sắp đến kỳ thi, mấy người bạn anh lần lượt thấy kinh mà không rủ anh. Sĩ

*
* *

Lâu lắm Lâm không theo mẹ lên phố, nên dù thương mẹ thì thương nhưng thật sự nó chẳng sung sướng gì khi phải đứng chờ giữa trời đông lạnh giá. May sao hôm nay xe lửa đến thật đúng giờ. Tìm chỗ ngồi đằng hoàng, hai mẹ con cứ nhìn nhau chúm chím cười. Nó dặn mẹ "đừng nói tiếng Việt nghe kỳ lắm, người Đức dòm khó chịu!".

Mẹ lại quan niệm "Chẳng lẽ mình dùng tiếng Đức với nhau mẹ sợ còn kỳ hơn!".

- Gần tới nơi rồi! Mẹ nhắc nó chuẩn bị đứng dậy để xuống xe. Nó mừng thầm, tiệm hoa cũng gần, không xa như nó tưởng. Thấy mẹ trở ra, tay ôm một bó cành khô thôn đượ. Nó ngờ vực:

- Rồi sẽ nở được hoa, hà mẹ?

cổ chạy vay khắp nơi nhưng không kết quả. Mãi về sau có mấy nhà láng giềng tốt bụng nhận nuôi nấng mẹ già để cho anh yên lòng ra đi. Và rồi cuối cùng anh cũng đánh liều cất bước lên đường, tuy rằng trong lưng không có một đồng.

Thoạt đầu anh gánh hàng thuê cho bọn lái buôn. Làm hết hơi hết sức trong hai ngày, anh nhận được ở họ cơm ăn và một quan tiền công. Có vốn, anh lại tiếp tục đi nữa. Sau hai ngày tiêu rất dè sẻn, số tiền mới kiếm được cũng hết. Mặc dầu vậy, anh vẫn không dừng lại, hy vọng dọc đường sẽ tìm được việc làm. Nhưng rủi thay, ngày hôm ấy, trời mưa, không một ai thuê mướn cả. Vì chỉ còn ba ngày nữa là bắt đầu nhập trường, anh không thể nấn ná được. Đành phải cầm củi đi trong lúc không có một hột cơm trong bụng. Trời xế chiều, anh đi tới một khu rừng rậm. Trong khi đang bước thấp bước cao mong tìm ra một ngôi nhà nghỉ trọ, thì anh bị lạc đường. Anh đi quanh quẩn mãi giữa đêm tối trong rừng cây mà không nghe tiếng gà gáy, chó sủa. Cuối cùng bụng đói, mệt lả, anh trèo lên một cây cổ thụ, lúc trèo đến nhánh chẻ ba, bỗng thấy thấp thoáng bên phía tay trái có ánh đèn. Lòng mừng khắp khối, anh vội tụt xuống lần về hướng ấy. Chỉ một lát, anh đã đứng trước một ngôi nhà lá nhỏ. Anh hồi hộp gọi cửa và rất ngạc nhiên thấy cánh cửa mở ngay như có người chờ sẵn. Một cô gái đang cầm một cây đèn sáp bước ra. Dưới ánh đèn, Sĩ trông rõ cô gái thật xinh xắn, nhưng hai mắt lại mù. Cô đơn đá:

- Chào thầy khóa. Thiếp chờ thầy đã lâu. Mời thầy vào trong này.

Nghe mấy tiếng của chủ nhân, Sĩ không còn hồn vía nào nữa. Làm sao cô gái mù này lại biết mình là học trò và đang chờ mình. Chỉ có yêu tình mà qui đang giương bẫy đón mời thì mới có thể như vậy. Sĩ rất ngần ngại, nhưng cái bụng và sức khỏe không cho phép anh đi đâu được nữa. Anh đánh liều bước vào nhà và chuẩn bị đối phó mọi sự không may xảy đến.

Trong nhà, ngoài cô gái còn có một bố già. Sau khi mời Sĩ ngồi, cô gái bảo bố già mang hòa lò lại cho khách hơ áo quần. Sĩ vừa cảm thấy khô ráo ấm cúng thì bố già bung lên một mâm cơm, cô gái mù thì theo mời mọc:

- Nhà thiếp thanh đạm chẳng có gì. Xin mời thầy khóa cứ thực tình cho.

Sĩ lúc đầu ngờ vực không dám đụng đũa. Nhưng sau cơn đói đã thắng

tất cả. Anh cầm lấy bát nếm thử một miếng, thấy không có vẻ gì khác, nên cầm đầu ăn. Bữa cơm quả là thanh đạm, nhưng cơm sốt canh nóng làm anh thấy chưa bao giờ ngon miệng đến thế. Ăn xong, bố già đã dọn ổ rơm, trải chiếu cho khách nằm. Sĩ mệt quá, nằm xuống nhưng không dám ngủ, có ý rình xem ma quỷ còn giở những trò gì. Nhưng chỉ một lúc, anh đã chợp mắt và ngủ thiếp đi.

Đến nửa đêm, Sĩ bỗng giật mình tỉnh dậy. Gió bão thổi tới mỗi lúc một nặng nề. Thình thoảng trời lại gầm lên dữ dội. Anh nghe tiếng cô gái nói:

- Bố già ơi, gió lại đổi sang phía Bắc rồi. Nó rít mạnh quá bố nhỉ? Đấy kia, cái tổ nhỏ ở cành thứ ba bị đổ mất rồi, bố thử ra xem nào.

Sĩ lấy làm lạ sao cô gái mù lại ăn nói như người sáng mắt. Anh đang suy nghĩ vẫn vơ thì lại ngủ thiếp đi.

Không bao lâu, gió càng thổi mạnh như muốn bóc cả nóc nhà. Sĩ lại tỉnh dậy lần nữa. Lần này anh nghe tiếng cô gái nói ở nhà ngoài:

- Bố già ơi! Gió mạnh thế này thì chắc chúng nó sẽ lạc mất nhiều đấy. Nhưng chẳng sao, mai kia chúng nó lại về đủ. Ở cái tổ thứ bảy có nhiều con đang chờ mà chưa vào được.



Liền đó, Sĩ nghe tiếng toi nón của bố già lạch xạch tiến ra vườn. Báo vẫn dữ dội. Anh ngồi dậy và tiện chân bước ra cửa. Qua những làn chớp, Sĩ thấy cô gái mù đang đứng dưới một gốc cây có cành lá xòe ra như một cái tàn (lọng). Ở những cành thấp dưới gốc, ong vàng đậu chi chít, đậu cả lên nón, lên áo cô gái. Ong vàng, con đậu, con bay nhiều vô kể; tiếng vù vù của ong cơ hồ át cả tiếng bão.

Trong khi cô gái và bố già đang làm việc ở ngoài, Sĩ lại trở về nhà, trong lòng vẫn chưa hết nghi hoặc. Trên án thư ở đầu ổ rơm, ngọn nến vẫn đang cháy đỏ. Thấy có một quyển

sách, Sĩ vội dỡ ra xem, hóa ra là một quyển sách nói về đạo Phật. Anh cầm lấy đọc mê mải.

Cho đến gần sáng, bão đã bắt đầu tạnh, cô gái và bố già bước vào nhà. Sĩ gập sách lại, lên tiếng hỏi:

- Tôi bị lạc đường, rất cảm tạ cô và bố già cho ăn cho nghỉ. Nhưng có một điều tôi lấy làm khó hiểu là tại sao hai người lại sống trọ trong khu rừng này? Sống như vậy lấy gì để nuôi thân? Tại sao cô lại biết tôi sắp đến đây và còn biết tôi đi thi? Tôi rất mong được giải tỏ những điều đó trước khi từ giã nơi này.

Cô gái đáp:

- Nhà này vốn là nhà của thầy mẹ thiếp. Thầy trước đó làm quan, vì ghét bọn quan trên nên từ về, tìm đến ở khu rừng này sống bằng nghề nuôi ong. Cách đây ba năm, thầy mẹ thiếp lần lượt qua đời, chỉ còn thiếp, bố già và đàn ong. Đàn ong cho mật và sáp, bố già mang đi chợ đổi gạo. Mất thiếp tự đứng bị đau rồi hỏng. Tuy mù, linh tính của thiếp biết hết mọi chuyện. Tự nhiên thiếp cảm thấy đàn ong bị nạn thì quả nó bị nạn thật. Như hôm qua, thiếp cảm thấy có một chàng thư sinh đi thi lỡ độ đường và đang cần sự giúp đỡ. Thiếp vừa thấp đèn lên thì nghe tiếng gõ cửa của thầy khóa. Quyển sách trên bàn đó là của thầy thiếp để lại, thầy khóa cứ đọc đi. Nhưng thầy khóa đi làm gì vội, còn bảy ngày nữa mới bắt đầu thi kia.

Nghe nói, Sĩ lấy làm thương cô gái mù mà cảnh ngộ còn gian nan hơn hoàn cảnh của anh. Anh cầm sách đọc tiếp cho đến sáng. Nhớ tới ngày thi, anh từ giã cô gái và bố già ra đi. Thấy không thể mời mọc, cô gái đưa cho anh một nắm cơm và một quan tiền. Sĩ vội trả tiền lại, chỉ nhận nắm cơm và nói:

- Đa tạ cô và bố già. Sau này nếu được vinh hiển, tôi không bao giờ quên tấm lòng vàng của cô và bố.

Chiều hôm sau đến kinh đô, Sĩ giật mình khi được tin vì Hoàng Đế bị cảm, nên kỳ thi hoãn lại năm ngày nữa, đúng như lời cô gái.

Kỳ thi ấy, vua ra đầu đề bài văn có nhiều điển tích về đạo Phật. Các bạn của anh ở quê nhà cũng như các sĩ tử bốn phương vì không đọc qua sách Phật, nên bị loại quá nhiều. Có kẻ đã lọt vào trường ba rồi cũng hỏng. Chỉ có Sĩ nhờ vô tình đọc quyển sách giữa cái đêm gió bão ở nhà cô gái mù, nên trả lời trôi chảy. Anh đỗ Tiến Sĩ, được vua ban cho tiền bạc, áo mào, cờ quạt và

lính hầu về vinh quy. Trên đường về quê, anh dự định rẽ vào khu rừng có nhà cô gái mù nuôi ong để tạ ơn.

Nhưng khi đoàn vinh quy vừa bước lên đèo, Sĩ đã thoáng thấy một cô gái có cặp mắt đen láy đang đứng đợi ở đỉnh đèo. Hai tay cô mang một rổ hoa; trên áo cô, ong vàng bám lấy chi chít như thêu kim tuyến. Sĩ nhớ lại cái đêm gió bão đứng ở trong nhà nhìn ra, thấy cô gái mù cũng được ong bám vào như thế. Đúng là cô gái nuôi ong đấy rồi. Nhưng tại sao hai mắt cô gái lại không mù? Sĩ vội bước xuống cặng, chạy lại đón cô gái. Anh nói ngay:

- Đây là cô gái nuôi ong phải không? Nhưng ai đã hóa phép làm cho mắt nàng sáng lại như cũ? Ôi! Nếu không có quyền sách của thầy nàng để lại thì tôi cũng hỏng như hầu hết các bạn của tôi. Không biết nói làm sao để cảm ơn nàng cho xiết được!

Cô gái đáp:

- Thiếp nhờ có ong chúa hái được nhụy hoa thần và nhỏ nhụy vào mắt làm cho sáng lại. Sáng hôm nay, thiếp cảm thấy quan tâm khoa sắp về, nên vội vàng đi đón ở đây.

Cô gái nhìn Sĩ, má đỏ hồng. Sau đó, Sĩ và đoàn tùy tùng kéo nhau đến cái nhà nhỏ của cô gái. Ở đây được mấy ngày, Sĩ đưa cô gái và bố già về quê nhà. Chàng xin phép mẹ được kết duyên với cô gái nuôi ong.

Đám rước dâu linh đình từ rừng xuất phát, có cờ quạt, chiêng, trống, quân gia rầm rộ. Đặc biệt là những con ong vàng ngậm mỗi con một bông hoa bay trên đầu bà chúa của chúng, đẹp như một đám mây ngũ sắc. •

Có những bài học thuộc lòng

*Thuở nhỏ về trường Văn Phú
về Sở Học Tú Thục Lạc Hồng
tri ân các Thầy Cô.*

• KEO NOSAVAN

Trông con
Tết về lòng mẹ xót xa
Trông con tháng lụn ngày qua mịt mờ.

*Con đi trong cõi sống mù,
Trên đường gió bụi con chờ ở đâu ?
Trông con thôi đẹp cỏ sâu...*

*Tấm thân lũ thú dãi dầu phận trai
Ngày về âu cũng nay mai !*

Bài học thuộc lòng đã học được từ Sơ học Tư thực Lạc Hồng, theo chúng tôi cho đến nay, học từ lúc còn nhỏ cho nên không chú ý đến tên tác giả, đó là cái vô tâm từ sự thiếu hiểu biết của tuổi trẻ, muôn vàn tạ lỗi tác giả.

Cứ mỗi độ Xuân về bài học thuộc lòng lại reo lên trong lòng, như là Rằm tháng Chạp rồi kéo đến 23 tháng chạp đưa Ông Táo, báo hiệu Xuân về với người lớn, Tết đến với trẻ con.

Nay có chút tuổi đầu, thì mừng tượng ra tác giả đã tức cảnh thời tao loạn mà có thể người con trai trong cảnh chính là tác giả đang làm bốn phận của người trai cho non sông đất nước. Cũng có thể lời của người mẹ tuy mỗi môn trông con nhưng rất hành diện để tự an ủi



Thời kỳ bài thơ sinh ra để chúng đã năm sáu thập niên trước.

Trong cảnh gia vong thất thổ, không hiểu bài thơ trên có diễn tả được nỗi thống khổ của chúng ta không. Điều đó chúng tôi không dám ôm đồm. Chỉ riêng chúng tôi, cứ mỗi độ Xuân về bài học thuộc lòng xa xưa lại đem về xao xuyên bồi hồi.

Từ trăm ngàn cay đắng tủi hờn ấy con đành phải ra đi để mẹ già ở lại, hay mẹ già mòn mỏi không theo con được.

Chữ thi ngàn trùng xa cách rồi, lúc năm cùng tháng tận, mẹ trong tuổi già bóng xế có còn đủ sức tự an ủi mình:
Ngày về âu cũng nay mai ?

Trên đường gió bụi, con có nghe xao xuyên hình dung đến cái vàng võ, còm cõi mẹ già vẫn tự an ủi: *Trông con thôi đẹp cỏ sâu. Tấm thân lũ thú dãi dầu phận trai.*

Người con trai có hứa với lòng mình theo ước mong của mẹ: *Ngày về âu cũng nay mai !*

Hay Tết này nữa, mẹ vẫn: *Trông con tháng lụn ngày qua mịt mờ...*

Bài học thuộc lòng trên có hợp với chúng ta không ? Chúng tôi không dám lạm bàn. Chỉ biết là bài học thuộc lòng đó cứ như là tiếng chuông báo thức ở mỗi độ Xuân về.

Ví bằng bài học thuộc lòng trên có làm cho quý bạn không được vui, thì chúng tôi xin quý vị lượng tình mà thứ cho.

Để chuộc tội quấy phiền, xin chép hầu quý bạn một bài học thuộc lòng khác:

Đêm Xuân

*Chờ đợi cảnh mai nở hết hoa,
Nửa đêm ông lão dậy pha trà.
Ý xuân thức động tình xuân cũ
Ông lão ngậm thở dậy cả nhà
Tiếng pháo giao thừa vọng xóm xa.
Vui xuân ông lão bỗng quên già,
Sờ râu lão tính e làm tuổi
Thằng cháu trên đui vỗ nhíp ca.*

Vũ Quỳnh Bang

(Cảm ơn Trời, Phật, chúng tôi còn nhớ được tên tác giả).

Đó là bài học thuộc lòng đi theo chúng tôi trong cảnh lưu vong này. Cũng như bài trên, nó nằm hẳn sâu trong ký ức chúng tôi. Để cứ mỗi độ Xuân về lại đơn đả bước ra về lại bức tranh đẹp ấm cúng nhất của một dân tộc. Làm chúng tôi khao khát tiếc nuối khôn khuây.

Tác giả là người sung sướng nhất, có lẽ ông sinh ra và lớn lên ở khoảng thời gian xán lạn của đất nước, để ông có thể đối cảnh sinh tình để nên thơ.

Ông sinh ra ở khoảng thời gian nào?

Hẳn là thời gian đẹp nhất của dân tộc.

Ông chính là ông lão nửa đêm dậy pha trà, mà cũng có thể là thằng cháu trên đui vỗ nhíp ca, lại cũng có thể là nhân vật thứ ba không được nhắc trong thơ, là thế hệ chuyển tiếp, là người chúng kiến để vẽ nên thơ.

Chúng tôi đã ghen hờn với hạnh phúc của hồi còn ở quê nhà. Rồi đến nay trên bước đường lưu vong này, chúng tôi lại biết ơn ông, càng biết ơn ông lại càng xót xa luyến tiếc hơn lên.

Nếu được như siêu nhân (Superman) chúng tôi sẽ xoay ngược trái đất lại, để chúng ta cùng chờ đợi cảnh mai nở hoa, để nghe ông lão

ngâm thơ dậy cả nhà, để nghe tiếng pháo giao thừa vọng xóm xa.

Ngân ấy chữ mà sao vẽ cho chúng ta nhiều đến thế, khiến chúng ta xúc động đến thế...

Hai bài học thuộc lòng thân yêu đó, chúng tôi học được ở Sơ Học Tư Thục Lạc Hồng, là tâm huyết của thầy Nguyễn Văn Viễn, mà những ai đã sinh ra lớn lên và sống qua ở hai mốc của 54-75 ở Savannakhet, Trung Lào, đều nhớ đến và thương yêu ngôi trường bé bỏng khiêm nhường ấy.

Trong lúc năm tàn tháng lụn này, ta thường có câu:

Mồng một ăn Tết nhà cha

Mồng hai nhà vợ, mồng ba nhà thầy

Không ăn Tết được ở nhà thầy như thuở nào, đôi lời này kính nhớ ơn những Thầy Cô đã: dạy từng câu, từng lời, từng nét bút, đáng đi cho chúng tôi, cho con em chúng tôi, đã tạo một bầu không khí thân thương ấy, những người đã cứu mạng bồi đắp cho hai ngôi trường thân yêu Văn Phú và Lạc Hồng.

Xin được nhắc lại vài vị như các cô: Nhung, Cao, Hòa Tri, Hòa, Vân, Suzanne. Các Thầy: Viễn, Quế, Khiêm.

Lớp thầy cô trẻ hơn như thầy: Vinh, Ngà, Dũng, Viện, Cảnh và các Cô: Hương Vui...

Chắc chắn là chúng tôi còn quên tên nhiều vị.

Ở đây chúng tôi xin ghi ơn tất cả, dù có nhiều vị chúng tôi không được theo học ngày nào. Những thầy cô đã góp phần gìn giữ nhiều thế hệ chúng tôi.

Chẳng là thầy Không cách xa chúng ta hằng bao thế kỷ mà vẫn là vị Vạn Thế Sư Biểu của chúng ta đấy ư.

Đến với các anh chị, đã cùng nhau vui buồn với thầy cô dưới mái trường Văn Phú và Sơ Học Tư Thục Lạc Hồng... suốt chuỗi thời gian 54-75. ●

Nét xuân xa

● Nguyễn Thủy Cúc



"Ngày xuân nâng chén ta chúc nơi nơi..."

Bài hát "Ly rượu mừng" quen thuộc gợi cảm giác rộn ràng đón Xuân nơi Hậu. Đang cầm cuốn sách trên tay, nhưng cô đắm mình trong nỗi nhớ nhà da diết.

Sinh ra trong một gia đình đông con vì thế không khí chuẩn bị Tết gia đình cô trông thấy rõ. Ngay từ mùng 1 tháng Chạp, mẹ cô đã phân công đầy đủ. Này nhé, các anh em trai cô phải lo phết sơn nhà cửa, chùi bóng lu đồng. Chị em cô phải may mới màn cửa, chuẩn bị chén tách. Quần áo thì đã may sẵn từ tháng trước. Thú vị nhất là các đoạn làm mứt. Chị em cô phải gọt khoai, bào dứa, gừng... Vắt vả lắm nhưng khi ngồi bên cạnh lò chảo nóng, có mùi đường gừng bốc lên thì chẳng thấy mệt đâu mà còn nói chuyện râm ran hoài chẳng dứt. Nhớ nhất là đêm 23 âm lịch, đưa ông Táo về trời. Mẹ bắt tất cả anh chị em tắm rửa sạch sẽ thay đồ mới tưởng như chuẩn bị đón ai đó đến thăm viếng. Đúng 12 giờ bên cạnh đĩa trái cây, lu hương và những bộ đồ vàng mã cho ông bà Táo. Mẹ đã làm số kể chuyện nhà thật là ngộ nghĩnh:

*Ngày xuân ông Táo về trời
Con nay xin kể chuyện gia đình
ông nghe*

*Thằng Hai tuổi đã bẵm ba
Nó nay quyết định gia đình xong
xuôi ...*

Cứ như thế mẹ viết từ anh Hai cho đến thằng Út, chuyện Ba đi làm xa v.v... Xong đâu đó mẹ đọc cho mấy đứa nghe rồi đốt đi theo cùng

bộ đồ ông Táo. Nhưng rộn ràng nhất là ngày 28, 29 Tết. Ba mua cây mai lớn, bỏ vào bình để giữa nhà. Trên bàn thờ bộ lu đồng sáng loáng sau mấy ngày hi hục lau chùi. Cô thích nhất là canh nổi bánh tét, bánh chưng. Việc này dành cho các anh trai, nhưng vì nấu suốt đêm 29 có ánh lửa bập bùng, dù có gió lạnh nhưng ngọn lửa làm cô ấm áp và cùng với tiếng đàn vắng vắng quanh quanh làm cô có cảm giác thật dễ chịu. Gia đình cô ở thành phố nhưng những đêm như thế này nhiều gia đình quanh xóm đem ra trước nhà để nấu cả thật là vui mắt và ấm áp. Đặc biệt là đêm 30 đón giao thừa. Đầu tiên ba mẹ lễ Phật sau đó ngồi chính giữa sa-long cả nhà quay quanh, từ lớn đến nhỏ. Mẹ để sẵn cuốn băng cassette trắng. Đọc thơ chúc Tết cho ba, rồi tặng quà. Ba cũng vậy, đến lượt những lời chúc Tết con cái, những lời nhắc nhở năm mới phải làm gì, thật là trang nghiêm và cảm động. Hậu thấy mình hạnh phúc biết bao. Đến lúc nhận bao lì-xì thì cả nhà như ong vỡ tổ cùng với tiếng pháo đi đùng, ánh pháo bông sáng rực xung quanh. Không khí đượm mùi pháo, khói hương thật tuyệt vời. Mẹ bỏ ngay quả dưa đỏ cho mọi người ăn lấy hên năm mới, xong dọn đi ngủ để sáng mừng một cả nhà đi lễ chùa, chụp hình kỷ niệm đầu năm...

Ôi sao cái Tết ngày xưa vui thế, nhiều tiết mục, đậm tình người thế. Còn bây giờ thì... Hậu ngồi một mình trong phòng. Lúc còn ở Việt Nam, nghe bạn bè nói đón Tết ở nước ngoài buồn lắm, Hậu không hiểu được nhưng bây giờ thì thấm rồi. Cái lạnh mùa Xuân Việt Nam hoàn toàn khác xa cái lạnh tê tái xứ người nó càng làm cho con người càng lúc càng thấy cô độc vì nhớ quê hương.

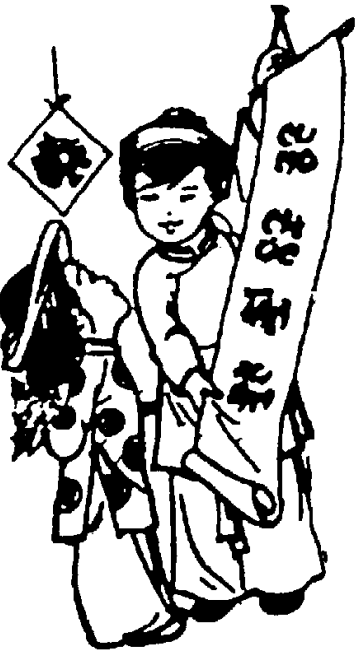
Nhưng về sao được, ba mẹ đã ra đi, anh em ly tán mỗi người một nơi và đã lớn. Hậu bất giác cảm thấy rùng mình, ngao ngán không muốn nghĩ những chuyện vượt biên mới đây.

Có lẽ cô sẽ lên chùa Viên Giác năm nay, hy vọng cô sẽ tận hưởng một mùa Xuân đầy đủ không khí Tết đầu tiên nơi xứ người./-●



BĂNG VIDEO CHO BÉ

• P.V. Trần Đức Hân



động trên giải lá đầu cành. Gió nhẹ thoảng qua. Lá cành nhịp nhàng vươn cao chào đón. Nắng dịu hồng. Tiếng chim ríu rít. Đồi bướm nhỏ lượn quanh. Con ong vàng đậu trên nhụy hoa tím mật.

Chú Thái dẫn bé Vân thăm chợ Tết Việt Nam trong khu Bolsa, Little Sài Gòn, Nam Cali. Người đi tấp nập. Khu bán hoa rực rỡ muôn màu, sánh ngang với chợ hoa Nguyễn Huệ Sài Gòn, thủ đô Miền Nam Việt Nam xưa. Những cây bolsai trĩu vượt hơn chợ hoa nơi quê nhà thuở trước. Khu bánh mứt đủ loại thật nhiều. Khu trái cây xếp thành ụ cao. Khu rượu bia cũng đầy đầy không kém, đủ mọi nhãn hiệu từ các châu trên thế giới. Không có pháo. Nước Mỹ không có truyền thống đốt pháo. Đây, mấy gian hàng băng nhạc, băng video, đĩa hát... tiếng Mỹ, tiếng Việt đủ loại.

Băng phim chuông Hồng Kông. Băng nhạc thực hiện trước năm 1975. Băng đĩa nhạc mới do các ca sĩ tỵ nạn và các thế hệ đàn em thực hiện ở ngoại quốc. Loại nào cũng nhiều. Nhưng muốn tìm mua băng video nhạc Việt, với những bài hát hợp với nhi đồng, hợp với thiếu nhi Việt Nam ở ngoại quốc này mới thật khó, hầu như không có. Băng video nhạc Mỹ dành cho nhi đồng, thiếu nhi có rất nhiều. Các băng Barney, Elmo... bày bán nhan nhản.

A! Đây rồi. Băng video nhạc Việt thích hợp với tuổi nhi đồng, thiếu nhi Việt Nam ở ngoại quốc đây rồi. “Băng Nhạc Thiếu Nhi Việt Nam”. Những ca sĩ tí hon là các cháu trong lớp Việt ngữ Bình Minh của một công đoàn ở khu Little Saigon. Cháu gái vừa là ca sĩ vừa kiêm MC (Master of ceremony: người phụ trách giới thiệu chương trình) vào khoảng mười tuổi. Chú Thái mua tặng bé Vân. Hai chú cháu lên xe. Chú Thái lái xe về nhà, hai chú cháu xem thử. Chương trình băng video như sau:

MC: Kính chào quý ông bà, cô chú, anh chị. Cháu là Hồng Lan xin đại diện cho các thầy cô và các bạn trong nhóm Bình Minh thực hiện cuốn video này xin thưa cùng quý vị. Hiện nay các băng video nhạc Việt Nam đang lưu hành rất nhiều. Nhưng chưa thấy băng nào có những bài hát vui tươi thích hợp với nhi đồng, thiếu nhi người Việt ở ngoại quốc này. Vì thế với sự cố gắng, hy sinh về tài chánh, thì giờ và công sức, cuốn băng này ra đời. Nó cung ứng cùng một lúc ba nhu cầu: giải trí, giáo dục và học tập tiếng Việt. Kính xin quý vị ủng hộ, khuyến khích ban Bình Minh bằng cách mua băng này làm món ăn tinh thần cho con, cháu, các em của quý vị. Món ăn tinh thần về âm nhạc của nhi đồng không thể là những bài hát tình tứ lãng mạn, các lời thỏ thán trách móc nhau vì tình... Cũng không thể là những films múa võ đánh nhau học máu mồm, bể lỗ tai. Quý vị đã mua 10 băng nhạc video cho chính quý vị, thì cũng xin mua một băng cho tuổi nhi đồng chúng cháu. Ước mong rằng sau một thời gian ngắn phát hành, ban Bình Minh sẽ có đủ

tài chánh để thực hiện cuốn video kế tiếp.

Mở đầu phần ca nhạc, toàn ban Bình Minh ra mắt trong ca khúc “Reo Vang Bình Minh”:

*Reo vang reo, ca vang ca,
Cất tiếng hát vang đồng xanh,
vang rừng,
La bao la, tươi xanh tươi,
Ánh sáng trên ngàn hoa lá.
Cây xanh tươi, hoa đua hoa,
Khắp nơi bình minh rắc gieo
hương nồng,
Gió đón gió, sáng chiếu sáng,
Bình Minh sáng ngập hồn ta.
Lú lú lo lo, chim oanh vui hót say
sưa,
Hót lên chào mừng bình minh
luôn tươi sáng.
Tang tang tang tính tang tang,
Tươi vui ta hát ca vang,
Hát lên chào mừng bình minh
sáng muôn năm . . .*

MC: Bé Phương Thảo xin tiếp nối chương trình bản “Em có ba. Em có má”:

*Em có ba và em có má,
Má thương em như nước trong
nguồn.
Từ ngày em sanh ra,
Được nâng như trứng,
Được húng như hoa,
Được ôm vào lòng . . .*

MC: Em được mọi người bế ẵm, yêu thương. Nếu có ai hỏi, em sẽ trả lời rằng em yêu hết mọi người trong nhà. Bé Ngọc Anh hát bài “Nếu hỏi rằng”:

*Nếu hỏi rằng, em yêu ai ?
Thì em rằng em yêu mẹ (nè).
Thì em rằng em yêu ba (nè).
Yêu bà yêu ông, Yêu hết cả nhà,
Nhưng yêu nhất là em bé (ơ) . . .*

MC: Kho tàng văn hóa, ví như một ngôi nhà do tiền nhân để lại. Chúng ta là con cháu phải gắng công gìn giữ, bồi đắp. Bé Quốc Việt xin ra mắt quý vị với bài “Cái Nhà”:

*Cái nhà là nhà của ta,
Công khó ông cha lập ra,
Cháu con ta gìn giữ lấy,
Muôn năm yêu nước yêu nhà. . .*

MC: Tiếng Việt có nhiều thanh trầm bổng, khi nói giống như chim hót vậy. Thi sĩ Đông Hồ Lâm Tấn Phác đã làm bài thơ sau đây khuyên chúng ta, nhi đồng Việt Nam, siêng năng học nói, học viết, học đọc tiếng Việt :

*Ríu rít tiếng chim kêu,
Mẹ truyền con hót theo,
Đó là vần Việt ngữ,
Lẽ nào em không yêu ?*

Câu cuối bài thơ là một câu hỏi. Một người học trò đã thừa và phổ nhạc thành tiểu ca khúc. Bé Hồng Đào xin trình bày sau :

*Tiếng nói như chim kêu,
Sóng nhạc luôn kèm theo,
Bổng trầm tùy từ ngữ,
Tiếng Việt thật đáng yêu. . .*

MC: Tuổi thơ là tuổi ngọc, hồn nhiên, thơ ngây đượm nhiều sắc thắm. Ngày ngày cắp sách đến trường. một thi sĩ đã mô tả bằng mấy vần thơ như sau:

*Ôi sung sướng là thời gian cắp sách,
Ôi vui tươi là lúc hây còn thơ,
Trời đẹp đẽ như trong một giấc mơ,
Và thắm đượm như một mùa Xuân mới . . .*

Em học vườn trẻ hay mẫu giáo, có mẹ hay anh chị đưa tới trường trước giờ học, đón trước cổng trường trước giờ tan học... Một lần nữa, bé Phương Thảo với bài hát "Tan học":

*Tan học rồi,
(Là) tan học rồi,
Cô giáo cất tiếng dịu dàng,
Chúng em tươi cười hát vang,
Trong niềm vui sướng tràn trề,
Chúng em chia tay ra về,
Ngoài cổng trường mẹ đang đứng chờ.*

Đẹp thay những ngày còn ấu thơ
...

MC: Hè về. Phục vụ nỏ. Ngày cuối cùng trước khi chia tay đi nghỉ hè, chúng em nắm bàn tay nhau hát bài tạm biệt. Toàn ban Bình Minh với nhạc phẩm "Tạm biệt":

*Giờ đây là giờ phút lên đường,
Mau chúng ta quây quần,
Vang hát ca một bài,*

Tay nắm tay, lòng càng thêm lưu luyến,

*Giờ đây là giờ phút lên đường,
Tuy cách xa ba tháng hè,
Nhưng chúng ta sẽ gặp lại nhau,
Tâm hồn vẫn thắm tươi . . .*

MC: Buổi tối, ta nhìn lên bầu trời, vầng trăng và các vì sao mỉm cười chào đón. Trên cung trăng có chú Cuội và chị Hằng Nga. Ánh trăng chiếu sáng khắp nơi. Ngọn gió từ đâu bay về. Tiếng đế nỉ non. Toàn thể tạo nên những cảnh tuyệt đẹp. Hai chị em, Hồng Lan và Hồng Đào xin cống hiến bài "Thăng Cuội":

*Bóng trăng trắng ngà,
Có cây đa to,
Có thặng Cuội già,
Ôm một mối mơ.
Lặng yên ta nói Cuội nghe,
Ở cung trăng đấy làm chi ? . . .
Gió không có nhà,
Gió bay muôn phương,
Biển biệt chẳng ngừng,
Trên trời nước ta.
Lặng nghe trăng gió hỏi nhau,
Chị kia quê quán ở đâu ? . . .
Có con đế mèn,
Suốt trong đêm khuya,
Hát xẩm không tiền,
Nên nghèo xác xơ.
Đền công cho đế nỉ non,
Trời cho sao chiếu ngàn muôn . .*

*Các em thích cười,
Muốn lên cung trăng,
Cứ hỏi ông trời,
Cho mượn cái thang.
Mười lăm tháng Tám trời cho,
Một ông trăng sáng thật to . . .*

MC: Tết Trung Thu, Tết của nhi đồng. Nó cũng là Tết của mọi người Việt nam không phân biệt tuổi tác. Đương nhiên nhi đồng trong ngày này được quyền hưởng nhiều nhất. Toàn ban Bình Minh xin cống hiến bài "Rước Đèn Tháng Tám":

*Tết Trung Thu rước đèn đi chơi,
Em rước đèn đi khắp phố phường,
Lòng vui sướng với đèn trong tay,
Em múa ca trong ánh trăng rằm.
Đèn ông sao với đèn cá trắm,
Đèn thiên nga với đèn bướm bướm,*

*Em rước đèn này đến cung trăng,
Đèn xanh lơ với đèn tím tím,
Đèn xanh lam với đèn trắng trắng,
Trong ánh đèn rực rỡ muôn màu.
Tít trên cao dáng tròn xinh xinh,
Soi xuống trần ánh sáng dịu dàng,
Rằm tháng Tám bóng hàng trong xanh,
Em múa ca vui đón chị Hằng.
Tùng dinh dinh cắc tùng dinh dinh,
Tùng dinh dinh cắc tùng dinh dinh,
Em rước đèn này đón chị Hằng.*

*Tết Trung Thu bánh quà đầy mâm,
Em bé nhà ưa đứng quây quần,
Này hạt sen bánh dẻo đầy mâm,
Em muốn ăn bốn năm ba phần.
Bùi thơm như bánh dẻo bánh nướng,
Ngọt cay như mít gừng mít bí,
Ăn mát lòng lại thấy vui thêm.
Hạt dưa nghe cấn nổ lớp vỏ,
Lòng hân hoan nói cười khắp chốn,
Bao tấm lòng mừng đón trăng rằm . . .*

Chú Thái ! Ú ó cái gì vậy. Ngủ trưa mà cũng mơ hả ?

Vâng. Chú Thái đã mơ. Chú ước ao có cuốn băng nhạc video dành cho nhi đồng. Nhưng chưa có. Cũng chẳng biết bao giờ mới có ? ! Băng từ VN xuất cảng sang, có nhiều chỗ không thích hợp. Về băng video nhạc, nhi đồng bị thiếu thốn quá. Các cháu bị bỏ đói. Một cuốn cũng không có. Băng nhạc dành cho người lớn đầy đầy, quá dư thừa ./.

Chú thích : Những hàng chữ nghiêng là lời từ những bài hát dành cho thiếu nhi. Tôi không biết hết các tên tác giả, nên đành không đề tên ai cả. Xin các tác giả và quý độc giả thông cảm.



Xuân xa quê, đọc:

Khúc hát Tiêu dao

Thơ của Tuyền Anh

Chùa Viên Giác

xuất bản 5-2000

NGUYỄN MINH HIỀN



Xuân. Tên gọi của một mùa trong năm, nhiều khi đó cũng là ý tưởng liên hệ của một đời người... Nhìn vào màn đêm tĩnh lặng, tôi thấy hiện về ký ức và tương lai của cuộc sống; nhưng cũng có người lại thấy chỉ là một màu của màn đêm, nguyên bản!

Cầm tập thơ trong tay, món quà của Tuyền Anh, tác giả. Tôi bắt đầu vào một năm, với một thông điệp, như thế:

*Mai một ai về thăm cố hương
Nghinh ngang ca hát giữa đêm trường
Xuân khơi chuyện cũ- không còn hận?
Ý gọi niềm xưa- chẳng vấn vương?*

(Xuân cảm)

Hắn không phải vì cái tâm thức bất an giữa cuộc thế phù trầm và lòng người biến đổi đã tạo cho ta thêm nỗi băn khoăn về dòng sinh diệt, mà chính những huyền nhiệm của đức tin đã thôi thúc ta cố tìm một cõi an lạc, một bóng mát yêu thương. (Lòng trần cũng trắng như tờ Kinh văn)

*Ta, hồn chim biển kiếp phù sinh
Kinh điển trầm kha phổ độ mình*

(Đời xa nỗi lãng quên)

Một nỗi buồn mang mang, cảm giác như vấn vương, thương đời, thương mình:

*Tình riêng gửi ở phương ngoài
Nghĩa chung e cũng lạc loài dấu chân
Một lần đi hẳn trăm năm
Quê hương ơi, thấy tuy gần mà xa!*

(Lòng trần)

Và nói lại, như lời nhắn gửi, nhắc nhở:

*Người đi vui với phong vân
Tôi về với bụi hồng trần hóa duyên...*

(Lòng trần)

Đi vào tâm trạng như trên, đã có những bước thăng trầm, nếm trải đời thường, trong hương vị và mất mát:

*Tôi vẫn nói với mình, đời chẳng có gì quan trọng
Khi thành công, khi thất bại, khi có khi không
Và*

*Vì còn đón đau nào hơn khi làm người vong lữ
Vì còn tủi nhục nào bằng làm kẻ vong thân!*

(Đời vẫn vô thường)

Nghĩa tử là nghĩa tận, nói với người đã mất:

*Người về gần với chân như
Buồn vui thời cũng già từ mà thôi!*

Thế nên:

*Người về vui với an nhiên
Nụ cười tự tại trên miên hư không...*

(Người về nương cánh cửa không)

Người còn sống, tiếp tục những tháng ngày:

*Đeo đẳng mãi nỗi buồn khi xa xứ
Hồn xanh xao chưa tỉnh giấc thu gầy
Đêm mòn mỗi phủ vây đời lữ thứ
Rối bơ vơ ngày lại cũng qua ngày.*

(Hệ lụy)

Viết như vậy từ mảnh đất tự do, bởi không thể nào quên, sao để gì xóa bỏ:

*Vĩnh biệt người, vĩnh biệt quê hương
Có nỗi kinh hoàng, nào ai hiểu thấu
Bởi lữ ma vương
Bởi phường thủy khấu!*

(Vẫy tay chào quê hương)

Nghị lực là thế, nếu muốn lý giải:

*Từ khi nước mất nhà tan
Ta con chim nhỏ lên ngàn hát rong
Tiếng ca rồi cũng long đong
Đành theo con nước xuôi dòng biển khơi*

(Cap Anamur và Boat Peole)

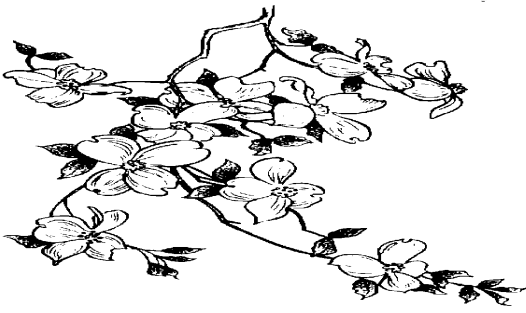
Chọn cho ta một con đường, một lý tưởng sống với Đạo pháp và với quê hương:

*Nương đạo cả, không mong cầu phép lạ
Chỉ tu thân theo Kinh ngọc lời vàng.*

(Em vẫn còn thét gọi)

Bước ra ngoài, nghe tiếng chuông Chùa, tiếng chim hót, và gió xao xác sang mùa, nỗi buồn chỉ còn bằng lảng. Tâm thức nhẹ nhàng hóa chuyển."Một mai nắng ấm tình người. Nhìn nhau xin nở nụ cười bao dung!"

Hannover, đầu xuân 2002



Hoa Xuân hương thiền trong thơ Lý Trần

Trần Văn Tích

Hoa vốn có duyên với thiền từ thuở Đức Thích Ca Mâu Ni khai đạo lập ngôn. Theo truyền tụng, trong một buổi thuyết pháp nơi xứ Thiên Trúc xa xôi, Đức Thế Tôn cầm bông hoa sen giơ lên, các môn sinh còn ngờ ngác thì Ma Ha Ca Diếp mỉm cười. Thế Tôn biết là người học trò giỏi đã giác ngộ nên sẽ truyền y bát cho. Vua Trần Thái Tông, qua bài *Niêm tụng kệ*, đã nhắc lại dật sự đẹp đẽ này. Dùng thể loại đặc biệt của văn học Phật giáo kết hợp hai hình thức ngũ lục và kệ, nhà vua vừa diễn giải vừa đúc kết những điều cốt yếu của thiền học để môn sinh dễ ghi nhớ. *Niêm tụng kệ* gồm nhiều tiết, mỗi tiết chia làm ba phần: *cử* nêu lên một câu chuyện Phật thoại, một công án thiền làm đề dẫn; *niêm* trình bày ý kiến của tác giả về nội dung liên hệ; và *tụng* tóm tắt kiến giải của thiền giả thành một bài kệ cô đọng, có vần, có điệu, có hình tượng để học trò tụng. *Tụng* hay *tụng cổ* là đọc một cách tập trung, thường xuyên, một biện pháp tu luyện của các tín đồ nhà Phật, qua đó người đọc dần dà hiểu ra và ghi nhớ được những điều giáo lý rất cao sâu. Tụng cổ là tụng theo những câu nói của người xưa dùng làm phép tắc để tham thiền; là một hình thức quen thuộc của thiền học, thường mệnh danh là *tu tập công án*. Bài kệ của vua Trần Thái Tông ghi lại câu chuyện Ca Diếp giác ngộ như sau:

Thế Tôn niêm khởi nhất chi hoa,

Ca Diếp kim triều đắc đạo gia.

Nhược vị thử vi truyền pháp yếu,

Bắc viên thích Việt lộ ung xa.

(Thế Tôn đưa cao một cành hoa,

Ca Diếp mừng vui trở lại nhà.

Nếu bảo phép truyền chủ yếu là vậy,

Thì xe bắc theo đường Việt còn xa).

Từ thời điểm đó, văn học chịu ảnh hưởng thiền sẽ sử dụng nhiều điển tích, thành ngữ lấy hoa làm trung tâm.

Khi đề, đánh mạnh vào hai mắt thì gây tác dụng sinh lý bất thường khiến mắt đỏ đom đóm, tưởng như trông thấy những tia sáng. Ngôn ngữ thông dụng gọi là đỏ hào quang, đỏ đồng quang. Thuật ngữ thiền học lại gọi hiện tượng này là *hoa không*, hoa trong không gian. Trong không gian thực ra không có gì cả, nhưng do kích thích thần kinh mà mắt bị lầm lạc nên nhìn thấy rất nhiều hoa. Tương tự như vậy, những tướng, những vật trong thế gian theo quan niệm nhà Phật đều là giả, là ảo, nhưng chúng sinh mê muội nên cho là thật, là hữu. Thế giới ảo vọng đó chính là *hoa không*. Trong tác phẩm nổi tiếng

Khóa hư lục, phần *Phổ thuyết tứ sơn*, mục *Tam sơn*, một vị vua đời Trần viết về tri kiến thấp kém:

Tâm sinh ám quỉ đầu đầu, nhân kiến không hoa đóa đóa.

(Lòng sinh những loài quỉ ám, mắt nảy bao đóa hoa không)

Trong *Sám hối tỳ căn tội*, nhà vua lại dùng cụm từ (1) quen thuộc của thiền tông *giác thụ tâm hoa* (cây giác hoa tâm) để chỉ cái tâm bản thể giác ngộ, được ví như một ngọn cây nở hoa. Tuệ Trung Thượng sĩ cũng dùng chữ *hoa tâm* nhằm diễn tả tình trạng vua Trần Thánh Tông đã thông suốt mọi yếu chỉ của thiền tông, đã thấm nhuần thiền học đến tận cốt tủy trong bài *Tụng Thánh Tông đạo học* (Ca tụng đạo học của Thánh Tông):

Thánh học cao minh đạt cổ cam,

Thiết nhiên long tạng quán hoa tâm.

(Cái học bậc thánh cao minh thông suốt xưa nay,

Rõ ràng kinh tạng long cung đã thấu suốt tâm hoa)

Một thể ngồi thiền quen thuộc là *già phu tọa*, thiền gia ngồi bắt hai chân lên đùi, được xem là thể ngồi hoa sen. Thơ Bạch Cư Dị đời Đường:

Trung tiêu nhập định già phu tọa,

Nữ hoán thê hô đa bất ứng.

(Trong đêm ngồi thiền theo kiểu già phu,

Con gọi vợ kêu không trả lời)

Cheng Wing fu và Hervé Collet dịch:

Au milieu de la nuit je médite, assis en lotus.(2)

Ma fille et ma femme m'appellent, je ne réponds pas.

Nhập định là tập trung tư tưởng để suy nghĩ đến một cảnh trong bốn tầng trời vô sắc giới, khi *định* và nhất là khi đã *định* thì tâm không lay động, trí không phân tán. Động từ *méditer* của Pháp ngữ chưa lột trọn hàm nghĩa của thuật ngữ thiền môn.

Hình tượng *hoa sen nở trong lò lửa* là một hình thức tu từ mãnh liệt, kích động của riêng từ vựng thiền học. Thơ văn Lý Trần nhiều lần sử dụng hình ảnh đó để biểu tượng chân tâm bậc đạt đạo. Bài *Phật tâm ca* của Tuệ Trung Thượng sĩ:

Hành diệp thiên, tọa diệp thiên,

Nhất đóa hồng lô hỏa lý liên.

(Đi cũng thiền, ngồi cũng thiền,

Một đóa hoa sen trong lò lửa hồng)

Kinh kệ Phật giáo dùng biểu tượng *hồng lô hỏa lý liên* để tượng trưng sự vĩnh cửu, bất diệt, hằng thường, vượt lên trên các qui tắc phạm trần thuộc khoa vật lý,

của môn sinh học. Luật sinh diệt của cõi thế bị phủ định : một đóa hoa sen tươi mát ném vào lò lửa đỏ rực mà vẫn nguyên hình không đổi sắc. Lò là lò tạo hóa, tinh luyện sinh hóa, nhào nặn vạn vật. Khi tâm bậc hành giả đã giác ngộ thì trở thành hư không, tịch tĩnh nên không lửa nào thiêu đốt được nó. Cái tâm đó đã hòa đồng cùng bản thể vô sinh bất diệt nên người ngộ đạo tự tại an nhiên trong bất kỳ hoàn cảnh nào. Nó trường tồn miên viễn (vẫn trong thơ Tuệ Trung, bài *Thượng Phúc Đường Tiêu Dao thiền sư*, Trình thiền sư Tiêu Dao ở Phúc đường):

*Tu tri thể hữu nhân trung Phật,
Hữu quá lô khai hoá lý liên.*

(Biết rằng ở đời trong đám người bình thường có Phật,

Thì chớ lạ gì đóa sen nở trong lò lửa)

Thiền sư Đàm Khí, dòng thiền Quan Bích, trong bài tú tuyệt *Thị tịch* (Dẫn lại trước khi mất) cũng khẳng định:

*Ngọc phần sơn thượng sắc thường nhuận,
Liên phát lô trung thấp vị can.*

(Ngọc thiêu trên núi sắc vẫn tươi,
Sen nở trong lò nhưng vẫn cứ ươm)

Thiền sư Âu Đạo Huệ khi bàn về lẽ sắc thân lại dùng thành ngữ *cành hoa trong lò* để chỉ rằng với nội hàm ngữ nghĩa khác:

*Nhược nhân yếu nhân biệt,
Lô trung hoa nhất chi.*

(Ví thử có kẻ muốn tách biệt,
Thì có khác gì cành hoa nở trong lò)

(*Sắc thân dữ diệu thể, Sắc thân và diệu thể*)

Bài kệ muốn nói lên bản chất của sắc thân và diệu thể, chẳng hợp nhất cũng chẳng phân ly; giả như có kẻ muốn tách biệt chúng cho kỳ được thì có khác gì tình trạng nghịch thường cành hoa nở trong lò lửa.

*

Thơ thiền thiện dụng thủ pháp ẩn dụ và qua thủ pháp này, các thiền sư Lý Trần mượn hoa để vừa vẽ thành cảnh thiên nhiên sinh động giàu chất thơ vừa nói lên cách chiêm nghiệm cuộc đời nhẹ nhàng, bình đạm. Qua hình tượng hoa, bậc hành giả đề cao tinh thần vô ngôn và trạng thái hội nhập cùng vũ trụ, đồng thời chỉ rõ thế giới hiện tượng là hư ảo, vô thường nhưng vận động biến đổi theo qui luật, chu kỳ. Những câu thơ, nhiều khi lộng lẫy, tả hoa của tâm hồn thi sĩ thật ra nhằm trình bày chân lý của triết gia thiền tông giác ngộ qui luật:

*Xuân chúc hoa như cẩm,
Thu lai diệp tự hoàng.*

(Xuân dệt hoa như gấm,
Thu gieo lá dóm vàng)

*Uyển trung hoa lạn mạn,
Ngạn thượng thảo ly chi.*

(Trong vườn hoa tươi sáng,
Trên bờ cỏ thưa thớt)

*Khô mộc phùng xuân hoa cạnh phát,
Phong xuy thiên lý phúc thân hương.*

(Hoa rợp cành khô lúc gặp xuân,
Gió đưa hương thân nức nghin đậm)
(Viên Chiếu. *Tham đồ hiển quyết*)

Sư Viên Chiếu không luận chứng trực tiếp vào giáo lý để chỉ rõ bí quyết đạo thiên cho môn đệ như đầu đề bài thơ nêu ra mà dùng những hình tượng thiên nhiên ngẫu nhiên, đột ngột nhằm kích thích trực giác của người tu hành. Nội dung các câu thơ là những mẫu đối thoại giữa thầy và trò, bàn bạc về những vấn đề giáo lý rất khô khan như cái thể, cái dụng, cái chân, cái vọng, niết bàn, bồ tát, hoặc những điểm khác nhau giữa Phật và Thánh, quan hệ giữa Phật và chúng sinh, và nhất là phương pháp tu hành để đạt đến chính giác. Để biện luận về những nội dung này, người hỏi và người trả lời, đặc biệt là người trả lời, đã đưa ra nhiều câu thơ rất bóng bẩy, hoa lệ, gợi cảm. Thông qua đó, và thông qua hình tượng *hoa xuân*, nhà sư nêu lên một nguyên lý triết học: bản thể – trong quan niệm thông thường tức là Phật – không phải là một cái gì cao xa, diệu vợi, trái lại, nó rất phổ biến, hiển nhiên. Phật ở trong tất cả mọi người, chúng sinh thầy đều có Phật tính (*Phật tính thường trụ, Phật tính chân như v.v.*). Phật ở trong tất cả mọi vật, cả trong bông hoa hữu hình mà vô tướng. Chân lý đó xác thực như qui luật tuần hoàn của vũ trụ, xuân về thì hoa nở, thu sang thì lá vàng. Thế nhưng người đời bị lệ thuộc vào những thành kiến thiên cận, bị ràng buộc bởi những qui chế lễ nghi, lại không hiểu được chân lý, mà trở nên cố chấp, máy móc. Không nhận ra cái tâm bản thể, để nó bị che lấp, trong khi đó lại khư khư xem thế giới hiện tượng là có thật, chúng sinh phải được giải thoát khỏi tình trạng *lấp tâm chấp tướng*. Cũng dùng hình thức vấn đáp cùng đệ tử, vua Trần Thái Tông bảo:

Xuân vũ vô cao hạ,

Hoa chi hữu đản trường.

(Mùa xuân không cao thấp,

Cành hoa có ngắn dài)

(*Ngữ lục vấn đáp môn hạ*. Ngữ lục hỏi đáp với học trò)

còn trong *Lục thì sám hối khoa nghi tự* (Tựa lục thì sám hối khoa nghi) thì nhà vua kết luận:

Bất nhân tử mạch hoa khai tảo,

Tranh đắc hoàng oanh hạ liễu điều.

(Không vì hoa cười sớm nơi ngõ tía,

Sao có hoàng oanh đậu nhánh liễu).

Đến lượt vua Trần Nhân Tông khi lên núi Bảo đài (*Đăng Bảo đài sơn*) trong dãy Yên tử thì đã nhìn rặng núi và ngõ hoa qua lăng kính tiêu sái, qua tâm hồn sắc không:

Vân sơn tương viễn cận,

Hoa kính bán tình âm.

(Núi mây như xa như gần,

Ngõ hoa nửa rợp nửa nắng)

Hai đối cực giả và thực, động và tĩnh, cái mong manh hữu hạn và cái trường cửu vô cùng, cái xa cái gần, bên rợp bên nắng v.v..là những cặp đối lập nhưng chúng chỉ là hai mặt của một sự vật hay hiện tượng, cái này tồn tại nhờ cái kia và ngược lại:

Tự đắc nhất triêu phong giải đồng,

Bách hoa nhưng cựu lệ xuân dài.
(Một sớm gió đông thổi tan băng giá,
Trăm hoa như cũ reo trước gió xuân)
(Tuệ Trung Thượng sĩ. *Nhập trấn*. Vào vòng cát bụi).

Hoa hôm nay là nhất thời, nhưng hoa mùa xuân là vĩnh cửu vì cứ xuân về thì hoa nở, ngàn năm qua và ngàn năm sau vẫn vậy. Hoa có tươi thì có héo, xuân đã đi thì lại về.

*Xuân lai xuân khứ nghỉ xuân tận,
Hoa lạc hoa khai chỉ thị xuân.*
(Xuân qua xuân lại nghỉ xuân hết,
Hoa rụng hoa nở vẫn là xuân)
(Vương Hải Thiêm. *Đáp đệ tử diệu đạo chi vấn*. Trả lời đồ đệ hỏi về diệu đạo)

*Xuân lai hoa điệp thiện tri thì,
Hoa điệp ứng tu cộng ứng kỳ.*
*Hoa điệp bản lai giai thị huyên,
Mạc tu hoa điệp hướng tâm tri.*
(Xuân sang hoa bướm khéo quen thời tiết,
Hoa bướm đều phải thích ứng với kỳ hạn.
Nhưng hoa bướm vốn dĩ đều hư ảo,
Vậy chớ bận tâm về hoa với bướm)
(Nguyễn Giác Hải. *Hoa điệp*. Hoa bướm)

*Xuân lai oanh chuyển bách hoa thâm,
Thu chí cúc khai một mô dạng.*
(Xuân đến oanh hót trăm hoa thắm,
Thu về cúc nở chẳng hoa nào còn)
(Phan Trường Nguyên. *Qui thanh chướng*. Về núi xanh)

*Tuế tuế hoa tùy tam nguyệt tiếu,
Triều triều kê hướng ngũ canh minh.*
(Hàng năm hoa vẫn nở vào tháng ba,
Sáng sớm gà vẫn gáy vào canh năm)
(Tuệ Trung Thượng sĩ. *An định thời tiết*. Thời tiết an định)

*Tạc dạ nguyệt minh kim dạ nguyệt,
Tân niên hoa phát cổ niên hoa.*
(Trăng sáng đêm qua vẫn là trăng đêm nay,
Hoa nở năm mới cũng là hoa năm cũ)
(Tuệ Trung Thượng sĩ. *Đốn tỉnh*. Chợt tỉnh)

*Xuân lai tự thị xuân hoa tiếu,
Thu đáo vô phi thu thủy thâm.*
(Mùa xuân tới hoa xuân cười,
Mùa thu về không chỗ nào là nước thu không sâu)
(Tuệ Trung Thượng sĩ. *Phật tâm ca*. Bài ca tâm và Phật)

*Xuân hoa sắc đóa đóa hồng tiêu,
Thu nguyệt ảnh đoàn đoàn viên diệu.*
(Sắc hoa xuân đóa đóa tươi hồng,
Bóng trăng thu tròn đầy viên diệu)
(Tuệ Trung Thượng sĩ. *Trữ từ tự cảnh văn*. Bài văn trữ tình tự rần)

Hình tượng hoa xuất hiện theo tần số cao trong thi ca thiền tông Việt ngữ. Điểm qua bộ *Thơ văn Lý Trần* ba tập của nhà xuất bản Khoa học Xã hội Hà nội để chọn những bài thơ trực tiếp thuyết giảng về yếu chỉ thiền tông – thường là những bài kệ -, gián tiếp thuyết giảng về giáo lý của thiền bằng hình ảnh thiên nhiên theo các biện pháp tu từ ẩn dụ, nghịch ngữ, lộng ngữ v.v.. và bày tỏ cảm xúc đắm ý vị thiền trước ngoại cảnh, trước nội tâm; tôi đếm được lối 190 bài tất cả. Trong số 190 bài này, có ít nhất 50 bài nhắc đến hoa, như vậy tỷ lệ gần một phần tư. Trong khi đó cuốn *Poètes bouddhistes des Tang* (Các nhà thơ thiền đời Đường), Paul Jacob biên soạn, nhà xuất bản Gallimard (*nrf*) Paris, 1987, trình bày 111 bài thơ thiền thì chỉ có 15 bài đề cập đến hoa. Cuốn *Poèmes chinois d'avant la mort* (Thơ Trung hoa trước khi chết) của Paul Demiéville, nhà xuất bản L'Asiathèque, Paris, 1984, qui tụ 41 bài biệt kệ (3), mà không có bài nào đan cử hoa hay các loài hoa. Thật ra những con số này không hoàn toàn chính xác và chúng không hề có tính chất thống kê vì hai lẽ:

- sự đánh giá các bài thơ Lý Trần, bài nào thiền nhiều thiền ít hay không thiền là một sự đánh giá nhiều ít chủ quan, qua thước đo cảm thức của người viết;

- các bài trong công trình của P.Jacob không kèm nguyên tác chữ Hán và là những bản dịch thành thơ Pháp ngữ ; trong quá trình chuyển ngữ, có thể người dịch đã không triệt để tôn trọng chữ tín và không chuyển trung thực khái niệm “hoa” hay tên gọi các loài hoa từ ngôn ngữ gốc sang ngôn ngữ đích. Dầu sao mục đích của sự kiểm kê chỉ là muốn có một ý niệm khái quát về vai trò của hoa và của các loài hoa trong thi ca thiền học dân tộc.

Nền thi ca đó đề cập đến các loài hoa quen thuộc của giới thực vật nước nhà, cá biệt có một vài loài xa lạ hay rất thiền, như hoa ưu đàm, hoa chiêm bặc.

Trước hết là hoa sen trong thơ Tuệ Trung Thượng sĩ:

*Sương dung tẩy hạ hà phương trạm,
Phong xác lai xuân mai dĩ hoa.*
(Vẻ sương tắm hạ, sen mới ra bông,
Sắc gió xuân về, mai đã nở hoa).
(*Thế thái hư huyên*. Thói đời hư ảo)

*Dục tri thân dữ Phật,
Chủng ngẫu xuất hồng liên.*
(Muốn biết thân với Phật,
Nhìn sen nảy đóa hồng).
(*Tụng cổ*. Tụng cổ)

*Thu quang hắc bạch tùy duyên sắc,
Liên nhị hồng hương bất trước nề.*
(Ánh thu tùy duyên mà lúc đen lúc trắng,
Nhị sen đỏ thơm không nhuộm bùn).
(*Thị chúng*. Bảo mọi người)

và trong thơ Trần Thánh Tông:
*Yếu diệu hoa đường trú ảnh trường,
Hà hoa xuy khởi bắc song lương.*
(Nhà hoa thăm thăm bóng ngày rữ dài,
Hoa sen đưa hương mát đến cửa sổ phía bắc).
(*Hạ cảnh*. Cảnh mùa hè).

*

Thật ra sen nở hoa vào mùa hè, gương sen hạt sen thu hoạch vào mùa thu, nên các bài thơ thiên viết về mùa xuân không đề cập đến, dẫn rằng hoa sen là hoa đại biểu của Phật học. Hình tượng sen vốn rất quen thuộc trong thuật ngữ thiên. Sen được thơ thiên vận dụng thường là để mô tả thời gian chuyển động, thời gian hiện thực trong khung thời gian hằng thường, thời gian phi hiện thực. Nhìn sen nở tức là ghi nhận thời điểm vật lý trong thời gian lịch pháp, thời gian vũ trụ, thời gian khách quan, thời gian chu chuyển. Nhưng cái tâm đạt đạo – rất rõ trong bài *Thị chúng*, bài *Tụng cổ* – thì nhìn sen nở qua thời gian thiên học, thời gian triết học, thời gian chủ quan, thời gian trực tuyến. Hai lớp thời gian đồng hiện trong tâm cảnh vô thường. Cái tĩnh tại hiện hữu trong cái luân lưu.

Hoa đào là hoa xuân. Nhưng hoa đào cũng là hoa ngộ đạo. Thiền sư Chí Cẩn, cao tăng đời Đường, tu hành ở núi Linh vân nên có hiệu là Linh Vân, lúc thụ giới ở Qui sơn, một hôm nhìn hoa đào nở mà ngộ đạo. Bài kệ thất ngôn tứ tuyệt ghi lại câu chuyện đó:

*Tam thập niên lai tầm kiếm khách,
Kỷ hồi lạc diệp hựu trừu chi.
Tự tông nhất kiến đào hoa hậu,
Trực đáo như kim cánh bất nghi.*
(Ba mươi năm qua là khách đi tìm gương,
Đã lấm phen hoài công làm rụng lá lay cành.
Từ sau khi được thấy hoa đào nở,
Đến hôm nay thực không còn gì nghi ngờ).

Diễn tích này được vận dụng trong *Thượng sĩ ngữ lục*:
*Đào hoa bất thị bồ đề thụ,
Hà sự Linh Vân nhập đạo trường?
(Bồ đề nào phải ở hoa đào,
Cớ sao lại hỏi chuyện Linh Vân giác ngộ?)*

Cần nhìn thấu sự kiện (hoa đào nở) để thấy bản thể (sự giác ngộ). Đừng lấm lạc chấp nê cái hiện hữu cụ thể. Triết lý là vậy, nhưng thi ca dùng thiên nhiên sinh động để trình bày. Ở đây, ẩn ý nếu có thì cũng rất pha loãng, mờ nhạt; liên thơ như một lời khẳng định trực tiếp, mạnh mẽ nhằm phá bỏ cái nhìn phân biệt vọng tưởng. Thiền sư Linh Vân đã sống một thời điểm xuất thần khi đôi thần kinh thị giác bất chợt tiếp thu hình ảnh hoa đào nở. Bài kệ của vị thiền sư đời Đường cũng như hai câu thơ trả lời của Tuệ Trung Thượng sĩ đời Trần chứa đựng những năng lượng trí tuệ tích tụ đến độ căng thẳng; chúng có tác dụng to lớn nhằm khai ngộ cho các tâm hồn khao khát chân lý thiên học. Bài kệ ngắn gọn, liên thơ súc tích chỉ mượn cành hay cánh hoa đào như một chìa khóa, như một mật hiệu nhằm mở rộng khung cửa giác tha để đi vào thế giới chính giác:

*Xuân hồi hư đối khai đào nhị,
Phong khởi không vãn kích trúc can.
(Xuân về lặng lẽ ngắm đào nảy nhị,
Gió lên luống nghe khóm trúc khua vang).
(*Thượng Phúc Đường Tiêu Dao thiền sư*. Trình thiền sư Tiêu Dao ở Phúc Đường)
Vẫn là thơ bậc Thượng sĩ đời Trần. *Xuân* đi với *khai*, *phong* đi với *kích* và nhất là *hư* đối với *không*. Tác động*

khí tượng khiến đào nở, chuyển vận thiên nhiên khua khóm trúc. Thế giới ngoại vật đa dạng và phức tạp, nhưng đồng thời cũng phục tùng các qui luật vật lý; thế giới đó có một trật tự, một bố cục riêng, ngoài mọi toan tính và can thiệp. Vậy chớ phí thì giờ công sức phân tích, mà nên giữ cái tâm cho thuần thực để ghi nhận vòng tuần hoàn luân chuyển:

*Hồng đào thụ thượng chân thời tiết,
Hoàng cúc ly biên bất thị xuân.
(Trên cây đào thắm đúng thời tiết,
Cúc vàng bên giậu chưa chắc là xuân).
(*Đối cơ*. Tùy theo cơ duyên mà ứng đối)*

Ứng đối theo cơ duyên, khai hóa theo cơ duyên. Tuệ Trung Thượng sĩ đang dùng biện pháp sư phạm cơ phong của thiên học. (4)

Phật Di Lặc là Phật vị lai, là Phật sẽ xuống trần sau Phật Thích Ca 4000 năm thượng giới, tương đương với 5.670.000.000 năm trần gian(5). Phật Di Lặc còn có tên là *Mai đê lê*, *Mai đất lệ*, phiên âm chữ phạn Maitreya. Có thể chỉ là ngẫu nhiên mà trong danh hiệu phiên âm Hán ngữ, tên Ngài có hoa mai. Để cho hoa mai trở thành biểu tượng lạc quan, tin tưởng vào tương lai trong bài kệ nổi tiếng *Cáo tật thị chúng* (Bệnh bảo mọi người) của Thiền sư Mãn Giác:

*Xuân khứ bách hoa lạc,
Xuân đáo bách hoa khai.
Sự trục nhân tiền quá,
Lão tông đầu thượng lai.
Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận,
Đình tiền tạc dạ nhất chi mai.
(Xuân qua trăm hoa rụng,
Xuân tới trăm hoa nở.
Việc trôi qua trước mắt,
Cái già đến trên đầu.
Chớ bảo xuân tàn hoa rụng hết,
Trước sân đêm qua một cành mai nở)*

Ngô Tất Tố dịch thơ:
*Xuân trôi, trăm hoa rụng,
Xuân tới, trăm hoa cười.
Trước mắt, việc đi mãi,
Trên đầu, già đến rồi.
Đừng tưởng xuân tàn hoa rụng hết,
Đêm qua, sân trước, một cành mai.*

Thiền sư nêu ra một loạt các dữ kiện biểu thị sự thay đổi tuần hoàn: xuân đi trăm hoa rụng, xuân đến trăm hoa tươi, sự đời qua trước mắt, mái tóc đã già rồi. Đó là sự biến thiên vô thường của vạn vật. Tất cả được tâm hồn đại giác và bản lĩnh thi tăng đặt đối lập với một – chỉ có một thôi – mẫu đề thoát vòng chi phối của vũ trụ tạo hoá: *nhất chi mai*, một cành mai. Biến thiên của đất trời, sinh lão của con người nghịch lại với thường tồn của nhánh hoa, vĩnh cửu của biểu tượng. Một bên là vạn vật, một bên là nhất chi. Mở ra với nhận thức, đóng lại với trí thức. Những yếu tố cụ thể được nêu ra ở phần đầu bài kệ nhằm dẫn đến một khẳng định tương phản nơi hai câu cuối bài kệ. Bậc tu hành giác ngộ lẽ đạo thì có thể

vượt khỏi vòng luân hồi của pháp tướng, của thế giới hữu tình, khác nào như cành mai kỳ diệu vẫn cứ nở trong khi muôn hoa đã rụng hết vào tiết cuối xuân. Thiền sư viên tịch nhưng do giác ngộ lẽ đạo mà châu thân thoát vòng sinh tử, nở hoa vĩnh cửu, bất chấp mọi biến động pháp tướng. Tính chất ngăn ngủ vô thường của thời gian trần thế cần được ghi nhận không phải để bị luỵ yếm thế mà để vượt lên khỏi nỗi sầu cố hữu, đạt đến tâm thái toàn giác. Ba chữ *nhất chi mai* là ba chữ không biết đến biên giới ngữ nghĩa, chúng không có kích thước hàm lượng, chúng không có phương hướng biểu đạt. Vì chúng là *ngôn hữu tận nhi ý vô cùng*.(6) Vì chúng là *vấn dĩ tận nhi ý hữu dư*.(7) Vì chúng là *phiến ngôn khả dĩ minh bách ý*. (8) Vì chúng là ngôn ngữ thiền kết tinh thành kim cương xá lợi. Thật vậy, cũng là *nhất chi mai* nhưng cành mai nở sớm đón gió xuân của vua Trần Nhân Tông trong bài *Tảo mai* chỉ phảng phất ý vị thiền:

*Nhất chi mê nhập cổ nhân
mộng,*

*Giác hậu bất kham trì tặng
quân.*

(Một cành hoa lạc vào giấc
mộng người cũ,

Tỉnh dậy không thể mang
tặng bạn được).

Cành mai trong mộng tượng
trung cho huyền tưởng, huyền
không, ảo ảnh. Nó không có
thực, vậy bạn cũng chớ nên
mong được tặng biếu. Cả hai
cành mai đắm thiền hoặc
thoảng thiền đều khác xa cành
mai trong thơ nho trần tục, ví dụ
trong thơ Lục Khải:

Chiết mai phùng dịch sứ,

Ký dĩ Lũng đầu nhân.

Giang nam hà sở hữu,

Liêu tặng nhất chi xuân.

(Bẻ cành hoa mai gặp phu trạm,

Gửi cho người ở Lũng đầu.

Đất Giang nam có gì đâu,

Hãy tặng bạn một cành xuân).

Đó là cành mai hữu tướng, nó nhất định sẽ héo tàn cho dù người phu trạm không hề đi chậm hay con ngựa trạm chẳng hề ngừng phi. Bởi cành mai Lục Khải mang tính sinh học, thực vật, xã hội, nó là cành mai của tâm trạng, của hành động. Cành mai Mãn Giác mang tính triết học, biểu tượng, siêu thoát, nó là cành mai của tâm linh, của viên giác.

Hoa cúc là hoa Đào Tiềm. Nó là hoa mùa thu, nó không nở vào mùa xuân. Nhưng nhà sư Viên Chiếu trong *Tham đồ hiển quyết* (Chỉ rõ đạo thiền cho môn đệ) đem nó vào thơ để liên hệ đến oanh mùa xuân:

Ly hạ trùng dương cúc,

Chi đầu noãn nhật oanh.

(Tiết trùng dương cúc nở dưới giậu,

Mùa xuân ấm oanh náu đầu cành).

Muốn biết Phật là gì, Thánh là gì thì chỉ cần nhìn hoa cúc dưới giậu vào tiết trùng dương hay chim oanh đầu cành trong một ngày xuân ấm. Phật và Thánh xét về bản thể chẳng khác gì nhau cả. Cặp mùa tiết xuân-thu thường song hành trong thơ thiền. Các thiền sư không chọn mùa hạ, mùa đông mà lựa mùa xuân mùa thu, do dấu ấn triết học đông phương *xuân sinh, hạ trưởng, thu liễm, đông tàn*. Mùa xuân hoa cỏ sinh sôi nảy nở, ngược lại mùa thu hoa cỏ héo úa tàn khô. Đó là hai hướng phát triển ngược nhau nhưng chưa đến tột đỉnh để biến đổi về chất. Mùa xuân là mùa dương khí chưa trưởng thành viên mãn, mùa thu là mùa âm khí chưa hưng vượng đầy đủ. Hai mùa xuân và thu vừa tiêu biểu cho hai trạng thái đối nghịch nhau của thời tiết vận hành vừa hàm chứa khả năng tiếp tục phát triển của quá trình chuyển biến, cho nên được dòng thiền Lý Trần đề cập nhằm làm biểu tượng cho qui luật *hoàn vô đoan* (chiếc vòng không mối đầu) của tự nhiên. Bên kia Ngũ lĩnh, vị Thi Phật cũng có

cùng sự lựa chọn : thi tuyển *Les Saisons Bleues* (Mùa lam), Patrick Carré biên soạn, nhà xuất bản Phébus, Paris, 1989, liệt kê 52 đề thơ mùa xuân, 35 đề thơ mùa thu của Vương Duy mà chỉ có 6 đề thơ mùa hè và 10 đề thơ mùa đông.

*

Xuất phát từ luận thuyết căn bản *sắc không*, thơ thiền Lý Trần còn ưa thích nhắc đến hương thơm của hoa cỏ. Vấn đề không gian trong thi ca thiền môn là không gian trong sáng, yên tĩnh và thanh khiết, thanh khiết bình đạm đến vô

cùng vô tận. Bầu khí tượng *hư tâm* của đất trời là môi trường làm chất xúc tác để con người gạt lọc mọi suy tư trần tục, quên khuấy những ưu phiền lo lắng. Tính yên lặng của khung không gian nghệ thuật thiền học càng làm dậy lên mùi hoa, nhất là những loài hoa vô sắc:

Khách khứ tặng vô ngữ,

Tùng hoa mãn địa hương.

(Khách về sư không nói,

Đất ngát mùi hoa thông).

(Trần Quang Triều. *Đề Gia Lâm tự*. Đề chùa Gia Lâm)

Thực ra không phải chỉ hoa thông mới có hương thơm mà lá thông cành thông cũng sản xuất tinh dầu térébenthine. Cho nên cây thông cây tùng được trồng trong các thành phố để vừa tinh lọc không khí vừa ướp thơm môi trường. Bạc hành giả tiếp khách mà không nói, chỉ có mùi *tùng hương* nói hộ người. Mùi tùng hương trở thành một trường giao cảm giữa thi nhân, độc giả và không gian, cảnh vật. Hai con người lặng yên trong thơ (khách và tặng), hai đối tượng thường ngoạn ngoài đời (thiền sư và người đọc) đều im tiếng nhưng dạt dào, tuy

vô thanh mà hữu thức. Cái ma lực của thiên ngữ, cái mỹ học của vô ngôn qua bản lĩnh tạo từ lập ý của bậc thi tăng đã thổi vào thơ luồng sinh khí của một vũ trụ xúc cảm tận kỳ và khai phóng đến vô lượng vô biên. Mượn hương hoa, mượn ngoại giới, hầu hết các tác gia thiền Lý Trần đều để cao tinh thần hội nhập với vũ trụ trong trạng thái trầm mặc lặng tiếng đó. Bài *Xuân cảnh* (Cảnh mùa xuân) của vua Trần Nhân Tông:

*Khách lai bất vấn nhân gian sự,
Cộng ý lan can khán thúy vi.*
(Khách đến chơi không hỏi việc đời,
Cùng tựa lan can ngắm màu xanh mờ昧).

Một vị vua anh hùng, một người lãnh đạo tài giỏi, một tâm hồn lạc quan hào mại khi đứng trên cương vị và khi gánh trách nhiệm quốc trưởng thì viết nên những dòng thơ hoành tráng lúc yết Chiêu lăng mùa xuân:

*Ti hổ thiên môn túc,
Y quan thất phẩm thông.*
*Bạch đầu quân sĩ tại,
Vãng vãng thuyết Nguyên Phong.*
(Thị vệ như hùm gấu túc trực trước nghìn cửa,
Áo mũ các quan đủ cả bảy phẩm.
Người lính già đầu bạc còn đến ngày nay,
Thường kể lại chuyện đời Nguyên Phong)

nhưng khi quay về ẩn bóng thiên môn thì làm thơ không nói nên lời. Chỉ có tinh thần vô ngã, vô niệm, vô nhiễm, vô sinh, vô tạp, vô ý, vô ngôn, vô thanh, vô thường, vô dật, vô kỹ, vô lượng, vô sắc giới, vô câu vô thức của thiền học mới tạo được những nhân vật vừa là thi nhân đam mê vừa là cao tăng đại giác.

Hương hoa thoảng ngát thơ thiền. Đó là hoa sen trong ánh trăng:

*Hạo hạo Lăng già nguyệt,
Phân phân Bát nhĩ liên.*
(Trăng Lăng già vắng vắng,
Sen Bát nhĩ ngát hương).
(Lý Thái Tông. *Truy tán Tỳ Ni Đa Lưu Chi thiền sư*. Truy tán thiền sư Tỳ Ni Đa Lưu Chi)

hoặc trong không gian thanh khiết :

*Thanh sơn đê xứ kiến thiên khoáng,
Hồng ngâu khai thời văn thủy hương.*
(Non xanh nơi thấp thấy trời rộng,
Mùa sen đỏ nở nghe nước thơm).
(Trần Thái Tông. *Phổ khuyến phát bồ đề tâm*. Rộng khuyến mở lòng bồ đề)

Đó là mùi thơm của hoa trong gió thoảng:

*Khô mộc phùng xuân hoa cạnh phát,
Phong xuy thiên lý phúc thần hương.*
(Hoa rợp cành khô lúc gặp xuân,
Gió đưa hương thần lúc nghìn dặm).
(Viên Chiếu. *Tham đồ hiển quyết*. Chỉ rõ đạo thiền cho môn đệ)

Đó còn là hương hoa trầu tượng:
Nhị nguyện nạp nhập tuệ hương huân.

(Hai nguyện hít vào hương tuệ mùi thơm)
Bát nguyện khứu trước giác hoa tân.
(Tám xin được ngửi hương hoa giác ngộ).
(Trần Thái Tông. *Chí tâm phát nguyện*. Đốc lòng phát nguyện)

Hương hoa trong không gian là nơi đắc địa cho ánh sáng trực giác trong tâm hồn thiền giả khai thông sự hoà nhịp giữa châu thân và vũ trụ. Không gian rộng lớn bao la, mát mẻ tĩnh lặng, mở ra không giới hạn. Hương hoa lan toả rộng rãi, dịu dàng thanh khiết, tiết ra từ mỗi phân tử. Chính vì lẽ đó nên hoa trong thơ thiền không rực rỡ, không lộng lẫy, không mỹ lệ. Không có những cánh hoa của *Truyện Kiều*, của *Chinh phụ ngâm*:

*Hải đường lã ngọn đông lân.
Đoá trà mi đã ngậm gương nửa vành.
Phù dung lại đã bên sông bơ sờ.*

Xem sắc chỉ là không nên loài tam sắc túy phù dung không làm sao có chỗ trong thơ xuân mùi thiền.

Cùng xu hướng đó và theo nhãn quan đó, thơ thiền dùng mô-típ *hoa quế cây quế* khác hẳn thơ nho. Hệ thống ngôn ngữ, hình tượng thi ca thiền học tuy đa dạng, nhiều màu vẻ nhưng vẫn nhắm đạt đến cái ý vị của thiền tông là sự đậm bạc, khinh sắc đến tẻ lạnh, giá buốt. Bậc chân tu và người tâm đạo phải biết vượt qua cái đẹp tầm thường hữu hạn của hình sắc để đến cái đẹp đích thực, hằng thường của chân tâm. Cho nên *quế* hoặc *quế hoa* chỉ xuất hiện trong thơ thiền qua điển tích cây quế nơi cung trăng:

*Hàng Nga nhược thức hoa giai xứ,
Quế lân thiêm hàn chỉ má huu.*
(Nếu Hàng Nga biết được vẻ đẹp của hoa,
Thì ưa gì cây quế với cung thiêm lạnh lẽo)
(Trần Nhân Tông. *Tảo mai*. Hoa mai sớm)

*Vạn cổ nguyệt trung quế,
Phù sơ tại nhất luân.*
(Ngày xưa cây quế trong cung trăng,
Đều không ra khỏi vòng nguyệt)
(Tuệ Trung Thượng sĩ. *Tham đồ hiển quyết*. Chỉ rõ đạo thiền cho môn đệ)

*Nguyệt diện vình đan quế,
Đan quế tại nhất luân.*
(Cung trăng khiến cây quế đỏ tươi,
Nhưng cây quế vẫn ở giữa cung trăng)
(Nguyễn Y Sơn. *Hóa vận*. Biến hóa và chuyển vận)

Trong khi đó thì thơ nho thường dùng cây quế theo nghĩa con cháu đồng đức:

*Thừa gia chẳng hết nàng Vân,
Một cây cù mộc, một sân quế hòe.*
(*Truyện Kiều*)
*Móc mưa nhuần gội ơn sang,
Nền nhân cây đức rạng hàng quế lan.*
và:
*Vườn xuân phơi phới mưa sa,
Quế non Yên đã nảy ra một cành.*

(Phan Trần)

Đông hàng lông phượng gót lân,
Kìa nhà ngủ quế, nọ sân bát đồng.

(Nhị độ mai)

Rằng : Anh gặp khách cung tiên,
Đào yêu đã vịn, quế hiên mấy chồi.

(Lưu nữ tướng)

Đôi sinh quế tử lan tôn,
Một mai phục dưỡng gia môn đời đời.

(Phượng Hoa)

Trận đào vừa mách tin oanh,
Gốc du sớm đã nảy cành quế Yên.

(Bích Câu kỳ ngộ)

Phúc đào lú loát môn đình,
Quế hòe được sáu bảy cành nở bông.

(Ngọc Kiều Lê)

Đồng thời cao chiếm khôi khoa,
Rõ ràng chồi quế, rợp rả cành dao.

(Song tinh bất dạ)

Quế lan nay đã nảy cành,
Thu đi thu lại một ngành hoá ba.

(Thạch Sanh)

Công rằng : đan quế hai nhánh,
Bảng vàng thẻ bạc, đã dành làm nên.

[Nguyễn Đình Chiểu(?)]

Tất nhiên điều này không có nghĩa thi ca nho gia không biết đến điển tích *thêm trăng cung quế*.

Thơ thiền Lý Trần còn đề cập đến vài loài hoa hiếm và lạ. Hoa dương liễu được mô tả trong cảnh xuân về của vua Trần Nhân Tông:

Dương liễu hoa thâm diệu ngữ tri,

Hoạ đường thiêm ảnh mộ vân phi.

(Trong khóm hoa dương liễu rậm chim hót chậm rãi,
Dưới bóng thêm nhà mây lướt thướt bay)

(Xuân cảnh. Cảnh xuân)

Ngoài ra sương cũng có hoa và núi cũng nở hoa trong tâm cảnh không môn:

Dạ mộng Quan Âm nhập hoang thảo,

Thu giang thanh thiền lộ hoa hoành.

(Đêm mơ Phật Quan Âm vào chốn cỏ hoang,
Sông thu trong cạn tỏa hoa sương mọi nơi)

(Tuệ Trung Thượng sĩ. *Thoái cư*. Lui về)

Vũ trích nham hoa thần nữ lệ,

Phong xao đình trúc Bá Nha cầm.

(Mưa dội non hoa, thần nữ khóc,
Gió khua đình trúc, Bá Nha đàn)

(Viên Chiếu. *Tham đồ hiển quyết*. Chỉ rõ đạo thiền cho môn đệ)

Tử thơ cố ý dùng từ ngữ khác thường nhằm tạo ấn tượng mạnh bằng đôi nét phác thảo, gây cảm giác tức khắc trực quan.

*

Muốn làm một thiền sư đúng với ý nghĩa của chữ thiền sư thì tất nhiên không thể đồng thời cũng là một thi sĩ, một nghệ sĩ sống cuộc sống đam mê sắc tướng của chúng sinh tri kiến bình thường. Huống chi yếu chỉ thiền tông vốn là *vô ngôn, vô ý*. Huống chi bản thân Đấng Thế Tôn đã từng *tử thập cửu niên, vị thường thuyết nhất tự* (suốt bốn mươi chín năm chưa hề nói một tiếng). Nhiều công án thiền học nhắc đến chuyện *tăng vô ngữ*.⁽⁹⁾ Nhưng chính tình trạng và hoàn cảnh tưởng chừng tự phủ nhận đó của các thiền sư thi sĩ Lý Trần đã càng đòi hỏi bản lĩnh cao cường trong sử dụng ngôn ngữ để một mặt ký thác lòng thơ lai láng của thi nhân, mặt khác phổ thuyết diệu lý của đạo thiền.

Hoa xuân trong thơ thiền là hoa xuân biểu tượng bản chất và qui luật vận động của vũ trụ cùng nét đại hòa điệu của vạn vật trong đó có con người, thảo mộc, động vật; chúng trải qua sự nảy nở tốt tươi để rồi sẽ tàn tạ khô héo. Hoa vàng, hoa xuân, hoa thơm đều là hình ảnh của chân như ngay trước cặp mắt thiền. Qua hình ảnh chân như hiện thực đó, ý tứ thơ thiền Lý Trần hướng dẫn tâm hồn đồng điệu đến chốn tam muội chân như, đến cõi tịch diệt nhất như, đến bến bờ viên giác.

Thơ thiền Lý Trần từ bản chất là thơ ẩn sĩ, khổ hạnh. Đối với giới thượng ngọa, đó là loại thơ vừa cật vấn trí tuệ vừa quyến rũ tưởng tượng. Các thiền sư tuy đã rời khỏi gia đình – *xuất gia* – nhưng vẫn quay lại nói với người cùng thế kỷ nhiều hơn là nói với giáo hội. Thật ra bộ phận thi ca đó cũng có một số bài không được thi vị lắm. Đó là trường hợp các bài sáng tác nhằm mục tiêu sư phạm, ở đây vai trò thiền sư là chính, vai trò thi nhân hầu như không có. Đó là những bài gọi là thơ vì được bố trí, sắp xếp theo vần theo điệu, thể thơ. Và sắp xếp như thế để môn đồ dễ dàng đọc đi lặp lại, dễ *tụng*. Tuy nhiên có những dòng thơ, những bài thơ thiền Lý Trần thật sự hoa lệ, và đọc chúng, cứ phân vân không biết đây là tiếng nói thiền hay tiếng nói thơ.⁽¹⁰⁾ Ở đa số những trường hợp thi thiền hoà đồng này, thiền sư thi sĩ thường vận dụng những yếu tố tả thực ở mức độ tối thiểu và bố trí các hình tượng biểu trưng thành một toàn khối thuần nhất trong trật tự không gian và thời gian nghệ thuật thích hợp, ở đó chủ và khách, ngoài và trong, xa và gần là những mặt của một lăng trụ phát quang liên tục.

Trong dòng văn học dân tộc, giới thiền sư thi sĩ Lý Trần tạo thành một mẫu người rất giàu cá tính chỉ xuất hiện vào một giai đoạn nhất định bên cạnh mẫu người nho gia thi sĩ hiện diện trên suốt chiều dài lịch sử văn học chữ Hán. Hai mẫu nhân vật khác nhau. Nếu nhà nho có thiên hướng du lãng, phiêu bạt vì truyền chuyển, hoá độ, có khi vì biếm trích, lưu đày thì thiên hướng nhà thiền là cố định sở. Sau những tháng năm niên thiếu hành hương tầm đạo, thiền sư thường chọn cho mình một sơn phòng, một tự viện, một cảnh chùa, một am mây. Dĩ chí cố trường hợp thiền sư gắn bó cùng một ngọn núi và dùng luôn tên núi làm pháp hiệu. Nhưng hành giả vẫn hằng tiếp xúc với nho gia, đôi khi đáng chân tu đi tìm người học thức, hoặc ngược lại và thường hơn, môn sinh của Khổng đến với đệ tử của thiền. Và lại trong cùng một con người nhưng ở những giai đoạn khác nhau của cuộc đời trần thế, hoạn lộ có thể được khổ tu nối tiếp.

Văn chương thiền học Việt nam chịu ảnh hưởng văn chương thiền học Trung quốc. Chúng ta không được biết chi tiết hoàn cảnh viên tịch của các đấng chân tu đồng hương như đối với các thiền sư Trung hoa Trí Khải, Hoàng Nhãn, Lương Giới, Viên Chiếu, Huyền Thái, Huệ Tịch v.v.. Nhưng chúng ta biết chắc là chư vị Mãn Giác, Tuệ Trung, Viên Chiếu – của Việt Nam, vì Trung Hoa cũng có ít nhất hai thiền sư Viên Chiếu – đều đọc nhiều thi ca thiền tông Hán ngữ. Có trường hợp thơ ta mượn nguyên lời thơ bắc. Câu *Bản lai vô nhất vật* trong một bài kệ của Tuệ Trung Thượng sĩ nguyên là của thiền sư Huệ Năng, vị tổ thứ nhất dòng thiền Nam tông. Câu *Hành diệc thiên, tọa diệc thiên* của Thượng sĩ đã được chép trong *Chứng đạo ca* của thiền sư Huyền Giác đời Đường. Nhưng nếu Bồ Đề Đạt Ma đã dạy *trực chỉ nhân tâm, kiến tính thành Phật* [chỉ thẳng vào tâm con người để cho (con người) nhìn thấy bản thể và trở thành Phật]; nếu thiền sư Trí Khải đời Đường đã vĩnh quyết bằng hai câu trong bài kệ mười câu

Di văn không mãn cú,

Đồ nhiên muội lai sinh.

(Văn để lại đây thúng chỉ là không,

Và còn làm mê muội kiếp sống tới)

thì sá chi nguồn gốc căn nguyên hay bản quyền tác giả một đôi câu thơ thiền học.

Là thi ca tôn giáo, thơ thiền Lý Trần vừa mang bản sắc mỹ học vừa có chức năng giáo dục.

Gesang, wie du ihn lehrst, ist nicht Begehr,

nicht Werbung um ein endlich noch Erreichtes;

Gesang ist Dasein.

(Tiếng hát trong lời người dạy không phải là thị dục, cũng không là đi tìm điều gì cuối cùng có thể đạt được;

tiếng hát là tồn tại)

[R.M.Rike. *Die Sonette an Orpheus*. Erster Teil, III (Xonnét gửi thần Óóc-phê. Phần Một)]

Các thiền sư thi sĩ Lý Trần khắc họa tồn tại qua cảnh trí. Hiện thực, tồn tại là hình thức chuyển đạt nội dung triết học, tôn giáo. Mùa xuân hoa nở, trời xuân ngát hương là môi trường hiện hữu để chủ thể và khách thể tự hủy mà hòa đồng, để tự nhiên sống cùng và đi vào tâm hồn nghệ sĩ, để tâm hồn nghệ sĩ thăng hoa thành vũ trụ. Không phải vì cuộc sống vốn phù du nên con người không có mặt trên cõi thế trong thơ. Trái lại, cảm thức hiện hữu là một cảm thức rất mãnh liệt trong những dòng thơ thiền học. Càn khôn và nhân thân cộng hưởng. Phong cảnh quyện vào nội tâm và cảm xúc tan vào ngoại giới. Thiền học là giáo lý nội tại, thơ thiền là thi ca duy lý: trong bất cứ vật gì tầm thường nhất, thô lậu nhất cũng hằng có Phật.

Dục tham thi luật dĩ tham thiền,

Diệu thú bất do văn tự truyền.

(Tương thông cùng luật thơ cũng như tương thông với thiền,

Điều đã nói không được thì cũng chẳng thể truyền lại)

Thái Phục Cổ đời Minh nhận định như vậy về mối tương đồng giữa *thi* và *thiền*. Không thể truyền lại bằng lời, không thể chuyển qua bằng ý thì ghi lại thành *thi*, thì đúc lại thành *kệ*.

Là Phật tử, các thiền sư Lý Trần biết rằng mình sẽ trở về chốn không môn nhưng là người Việt, chư vị lại quá thương mến cuộc đời nên khi hành đạo, lúc thị tịch vẫn còn chút lòng lưu luyến. Chư vị, nhìn như vậy, rất người. Chư vị theo lời dạy Đấng Thế Tôn mà cố gắng diệt dục nhưng chư vị vẫn còn một chút đam mê cái đẹp của hoa, của xuân, cái đẹp thiên nhiên, cái đẹp nghệ thuật.

Chú Thích

(1) Ở quốc ngoại, có người cho rằng hai chữ “cụm từ” là kết quả nối tạo từ thiếu đúng đắn của trong nước vì ghép một yếu tố nôm với một yếu tố Hán. Quả là khi ghép tiếng với tiếng để tạo thành từ ghép nghĩa, chúng ta có thiên hướng chỉ ghép yếu tố Hán-Việt với yếu tố Hán-Việt, ghép yếu tố thuần Việt với yếu tố thuần Việt; vì vậy có người chống đối việc tạo ra những từ ghép nghĩa trong đó có yếu tố Hán-Việt kết hợp với yếu tố thuần Việt. Thực ra đây có lẽ chỉ là một xu thế có tính chất phổ biến chứ không phải một nguyên tắc tuyệt đối. Nó từng được ngôn ngữ Việt nam chấp nhận từ lâu. Chẳng hạn, *Đại Nam quốc âm tự vị* của Huỳnh Tịnh Của ghi nhận các từ *trùm trưởng*, *trùm áp*. Có người đề nghị thay *cụm từ* bằng *nhóm chữ*. Nhưng trong lĩnh vực ngữ pháp, thi pháp, cú pháp, *cụm* và *nhóm* không hoàn toàn đồng nghĩa, còn *từ* và *chữ* thì lại rất khác nhau. *Cụm từ* tiếng Anh là *wordgroup*, *combination of words*; tiếng Đức là *Wortgruppe*, *Wortblock*; tiếng Pháp là *groupe de mots*. Trong thuật ngữ thiền học, *bản lai diện mục* là một cụm từ, trong tiếng Đức, *Maedchen fuer alles* là một cụm từ. *Wordgroup* cũng có khi được dịch là *từ tổ*.

(2) Cheng Wing fu & Hervé Collet.- *Carrément Zen*. (Dứt khoát thiền). Moundarren. Millemont. 1997. :106.

(3) *Biệt kệ* là loại kệ làm khi vĩnh biệt cuộc đời, khi *thị tịch*.

(4) *Cơ phong* (cơ : máy móc, phong : mũi nhọn) cũng gọi là *cơ giáo* : giảng dạy tùy theo tình huống. *A Dictionary of Chinese Buddhist Terms* : Potentiality and teaching, opportune teaching, suited to the occasion. Từ điển này được in lại ở Đài Bắc năm 1975 với tên gọi Hán-Anh là *Hán-Anh Phật học đại từ điển. A Dictionary of Chinese Buddhist Terms*. Thành Văn xuất bản xã.

(5) *A Dictionary of Chinese Buddhist Terms*. :456.

(6) Lời có hết mà ý không cùng. (Nghiêm Vũ. *Thương Lăng thi thoại*).

(7) Văn đã hết mà ý vẫn còn. (Chung Vinh. *Thi phẩm, Tổng luận*).

(8) Mảnh lời có thể tả trăm ý. (Luu Vũ Tích. *Đồng thi Vũ Lăng tập ký*).

(9) Ví dụ công án về thiền sư Mục Châu, trụ trì chùa Long Hưng, môn đệ của thiền sư Hoàng Bá. Mục Châu hỏi một thiền tăng từ đâu đến. Thiền tăng chỉ quắc mắt, không đáp (*trùng mục, vô ngữ*).

(10) Trong *Poètes bouddhistes des Tang*, tidd, trang 11, Paul Jacob cũng phân biệt hai trường hợp *doctrine mise en vers* và *doctrine mise en poésie*.•

Giới thiệu

Vô hạn trong lòng bàn tay

Từ thuyết Đại bùng nổ đến Giác ngộ

Nguyên tác:

*L'infini dans la paume de la main,
Du Big Bang à l'Éveil*

Tác giả: **Matthieu Richard và Trịnh Xuân Thuận,**

Nhà xuất bản: Fayard/Nil, Paris 2000 ISBN 2-84111-174-1
474 trang, giá 140 FF

Đại ý :

Sự dị biệt giữa tôn giáo và khoa học được đánh dấu khởi đầu từ luận đề của Galilée và từ đó đã khiến nhiều người cho là hai thế giới này không thể nào gặp nhau được. Einstein khi đối chiếu Phật Giáo với các tôn giáo khác đã cho là: nếu có một tôn giáo có thể đáp ứng được những nhu cầu đòi hỏi của khoa học, thì chính đó là Phật giáo. Einstein muốn nói tới tính cách thuần lý và thực tiễn của Phật Giáo, khi ông so sánh thấy các tôn giáo khác chỉ dựa trên kinh điển và giáo điều.

Đúng như điều Einstein cảm nhận, Phật giáo là một tôn giáo có thể đối thoại với khoa học, cả hai không những không đối kháng mà còn bổ khuyết cho nhau trong việc tìm hiểu khoa học hiện đại và đời sống tinh thần của từng cá nhân cũng như trong nỗ lực về sự chế ngự thiên nhiên và kiềm chế bản ngã để tìm đường thoát khổ. Đó là nội dung chính của cuốn sách sẽ được giới thiệu sau đây. Tác phẩm này là một công trình đáng kể nhằm đóng góp vào sự tìm hiểu tương quan giữa Khoa học hiện đại và Phật giáo và được hình thành trong khuôn khổ một cuộc hội thảo tại Đại Học Andor-re, Pháp, giữa một Cư sĩ Phật giáo người Việt đã trở thành nhà Khoa học và một nhà Sinh học người Pháp đã trở thành Tu sĩ Phật giáo.

Tác giả :

Ông Trịnh Xuân Thuận, Giáo sư Đại học Virginia Hoa kỳ ngành Vật lý thiên thể (Astrophysique) và cũng là một Cư sĩ Phật giáo. Với hai tác phẩm khoa học là *La Mélodie secrète* và *Le Chaos et l'Harmonie* (nxb Fayard 1988 và 1998) ông là một tác giả nổi danh.

Ông Matthieu Ricard, Tiến sĩ Sinh học (Biologie), người Pháp. Sau nhiều năm làm việc về Di truyền học tại Institut Pasteur, Paris, ông đã để tâm nghiên cứu Phật giáo và

quyết định thoát tục, trở thành một Tu sĩ Phật giáo. Ông hiện tu tập tại một Thiền viện ở Schéchéen, gần Katmandou, Népal. Ông cũng là một tác giả nổi tiếng tại Pháp với tác phẩm *Le Moin et le philosophie*, (nxb NIL 1997) và nhiều tác phẩm khác.

Nội dung tác phẩm:

Sách gồm có 19 chương, hai kết luận của hai tác giả, phần chú thích, hai phần chú giải thuật ngữ Khoa học và Phật học và lời cảm ơn các cộng tác viên.

Chương 1: Đối thoại mở đầu nhằm xác định khảo hướng khác nhau của hai lãnh vực Khoa học và Phật giáo. Khoa học thì nhằm tìm hiểu những bí ẩn của cuộc đời và chinh phục thiên nhiên, trong khi Phật giáo nhắm hướng giải thoát con người ra khỏi những đau khổ bằng cách tìm hiểu bản chất chân thực của đời sống tinh thần và khuyến khích việc tu tập và thực hiện lòng từ bi. Đạo đức Phật giáo cũng đóng góp không những hữu ích trong nghiên cứu khoa học mà còn trong đời sống cá nhân của nhà nghiên cứu. Công trình nghiên cứu phải nhằm các công ích chung hơn là theo đuổi những tư lợi cá nhân, mà đạo đức cá nhân của nhà khoa học cũng không kém phần quan trọng. Nhiều đức tính cá nhân của Newton, Philipp Lenard và Johannes Stark được nêu lên như là trường hợp xấu điển hình. Lòng quả cảm của Einstein trong việc phản đối chế độ Đức Quốc Xã, chống thả bom nguyên tử và chế độ phân biệt chủng tộc được ca ngợi về mặt công ích, trong khi đời sống cá nhân của ông cũng có đôi điều đáng nói. Công trình nghiên cứu Hisato Yoshimura đóng góp về lãnh vực khoa học môi trường, tuy được nhiều giải thưởng cao quý của Nhật, nhưng phương cách thử nghiệm của ông được coi là vô nhân đạo. Tính vị tha và lòng trách nhiệm trong Phật giáo cũng là một định hướng cần thiết cho khoa học hiện đại: các công trình nghiên cứu và các thành quả khoa học không nên gây đau khổ cho tha nhân. Nhưng điều này thật ra quá khó khăn cho người nghiên cứu, ai có ngờ lý thuyết tương đối của Einstein lại áp dụng vào việc chế bom nguyên tử để tàn sát dân Nhật tại Hiroshima và Nagasaki. Mục tiêu của đạo đức không phải là kềm hãm lại các nghiên cứu khoa học, mà làm sao nêu lên được đức tính vị tha trong Phật giáo để làm nền tảng cho mọi hoạt động khoa học. Một thí dụ mới mẻ khác được nêu lên là việc lai tạo vô tính (le clonage). Nhiều tôn giáo khác đã phản đối việc nghiên cứu này chỉ vì lý do đơn giản hơn: giá trị thiêng liêng của Đấng Sáng Thế không còn nữa. Trong khi đó thì vấn đề này được Phật giáo nhìn dưới một khía cạnh phóng khoáng, ít giáo điều hơn, bởi vì trong Phật giáo không có vấn đề Đấng Sáng Tạo. Theo tác giả, cũng nên chấp nhận việc lai tạo vô tính, khi nó nhằm mục tiêu trị liệu y khoa và làm giảm đi những đau khổ của con người. Ở cuối chương sách có đặt vấn đề nên cải thiện cá nhân trong đời sống đạo đức hàng ngày, hơn là âu lo đến các căn nguyên của vũ trụ hay cấu tạo vật chất. Sự tìm hiểu về ngoại giới cũng chỉ là phương tiện giúp đỡ đưa đến sự giác ngộ và giải thoát cá nhân mà thôi. Tất cả suy luận của Phật tử đều phải dựa trên sự quan sát thực tại và những kinh nghiệm cá nhân, trực tiếp: vấn đề không phải tin một cách giáo điều mà cần có một nhận thức làm khởi điểm cho niềm tin.

Chương 2 đặt vấn đề có hay không sự khai nguyên vũ trụ. Đây là một bận tâm lớn cho các khoa học và các tôn

giáo. Sự hình thành và tiến hóa của vũ trụ được giải thích qua lý thuyết Đại bùng nổ (Big Bang). Theo cách nhìn của các nhà khoa học thì vũ trụ trước tiên được bùng nổ cách đây 15 tỷ năm, từ trong phân tử ở trạng thái cực nhỏ, nóng và dày bị dồn nén. Dần dà qua thời gian vũ trụ được bành trướng, liên tục tan loãng và đông lạnh. Trong khi đó căn nguyên của vũ trụ không là một đề tài lớn trong Phật giáo. Điểm chủ yếu người học Phật là nên chuyên tâm tìm hiểu thực tế về những gì đã và sẽ đến trong cuộc sống để từ đó tìm ra một chân lý tối hậu cho đời sống cá nhân mình. Nỗ lực tìm kiếm này không liên hệ đến sự khai sinh hay tận thế của vũ trụ. Sự tương phản này nêu lên được tính cách hư ảo của thế giới hiện tượng theo cách nhìn của Phật giáo. Những tư tưởng chính về triết học tính không và trạng thái vô thủy vô chung của vũ trụ được giải thích. Theo đó thì những ý niệm về khai nguyên và tận thế của vũ trụ là những vấn đề thuộc về chân lý tương đối mà thôi. Trong khi ta đi tìm kiếm giá trị tuyệt đối, thì vấn đề này không còn có ý nghĩa gì. Một điểm dị biệt được nêu lên là: khi nhà khoa học đề cập tới vũ trụ, phải được hiểu đây là một thực tại khách quan, độc lập với ý thức, trong khi đó Phật giáo không nhìn vũ trụ như một thành phần hoàn toàn độc lập với ý thức, mà đặt mối liên hệ này trong vòng luân hồi liên tục.

Chương 3 đề cập tới vấn đề có một nguyên lý tổ chức cho vũ trụ hay không. Câu hỏi là vũ trụ hoàn toàn vô nghĩa hay là trật tự của nó được sắp xếp một cách tuyệt hảo bởi một bàn tay vô hình nào đó, nhờ đó mà đời sống và ý thức mới có được. Theo quan điểm của Phật giáo thì vũ trụ là một luận điểm siêu hình và lý thuyết Đại bùng nổ chỉ giải thích được một giai đoạn trong một quá trình liên tục của vũ trụ. Thế giới hiện tượng và ý thức cộng sinh nhau và cũng không loại trừ nhau trong thời gian theo nguyên lý vô thủy vô chung. Chính vì thế mà vấn đề tìm ra lời giải thích cho sự dung hợp này không là điều không cần thiết. Vấn đề toàn năng và toàn trí của Thượng Đế trong việc sáng lập vũ trụ được hai tác giả thảo luận. Lập luận tin có Đấng Sáng Tạo thế gian rất đơn giản: vũ trụ cũng như một cái đồng hồ. Đồng hồ chỉ là công trình của người thợ làm đồng hồ, các bộ phận của đồng hồ tự nó không trở thành đồng hồ được. Lập luận khoa học ngược lại đặt vấn đề sự tạo lập thế gian của Thượng Đế nằm trong quy luật của thời gian hay ngoài thời gian. Điều quan trọng là thời gian thì tương đối, như Einstein đã tìm thấy. Như vậy Thượng Đế cũng phải chịu chi phối bởi quy luật thời gian. Điều này có nghĩa là Thượng Đế không còn toàn năng nữa. Nếu cho rằng Thượng Đế ở ngoài thời gian thì Thượng Đế cũng sẽ không còn cứu rỗi được chúng ta bởi vì hành vi của chúng ta bị hạn chế trong thời gian. Lý thuyết của Spinoza cũng được đề cập đến: nguyên tắc tạo lập vũ trụ chỉ chi phối ở giai đoạn phôi thai và Đấng Sáng Tạo cũng không thể được nhân cách hóa. Vấn đề đặt ra ở cuối chương sách là làm sao Phật giáo có thể dung hòa với các tôn giáo khác, khi Phật giáo coi Đấng Sáng Thế là một ý niệm siêu hình. Tuy Phật giáo không chia xẻ những ý niệm này, nhưng luôn tôn trọng những giáo lý của các tôn giáo khác. Phật giáo cũng không mơ ước trộn lẫn các ý niệm của các tôn giáo khác nhau để mong muốn lập thành một tôn giáo đại đồng. Nếu như trong thực tế đời sống hằng ngày ai cũng đều mong tìm cho mình một thức ăn thích hợp khẩu vị cho cơ thể thì người ta cũng nên tìm tương tự như vậy cho đời sống tâm linh. Điều quan trọng là làm sao người ta tu tập để hướng thượng và trở thành những người lương thiện và đầy tính từ bi.

Câu hỏi trong **Chương 4** là sự tương thuộc và tổng thể của thế giới hiện tượng, cụ thể là các vật chất trong thế giới hiện tượng được hình thành hoàn toàn độc lập hay là liên kết và tương thuộc nhau trong một tổng thể. Theo Phật giáo thì sự hình thành thế giới hiện tượng không bắt nguồn từ những nguyên nhân độc lập và những hoàn cảnh chuyên biệt. Sự cảm nhận này là một sai lầm. Kinh nghiệm thực tế của đời sống hằng ngày cho thấy vật chất là những thực tại độc lập khách quan, mỗi vật chất đều có một thực thể nội tại của nó. Nhưng đây là một cách nhìn quá đơn giản, mà không thấy được mối liên hệ nhân quả trong thế giới hiện tượng một cách tổng thể. Tất cả mọi yếu tố đều tương thuộc lẫn nhau, cái này sinh thì cái kia sinh, cái này diệt thì cái kia sẽ diệt. Ý niệm tương thuộc này liên hệ đến triết học tính không trong Phật giáo. Cũng xin đừng hiểu tính không là hoàn toàn phủ nhận thế giới hiện tượng hay chỉ là hư vô chủ nghĩa của Tây phương. Phật giáo nhìn thế giới hiện tượng như là sự diễn biến tương thuộc nhau và liên tục theo mối liên hệ nhân quả. Vấn đề tương thuộc này trong khoa học cũng được giải thích qua các luận thuyết của Einstein, Podolsky và Rosen (EPR), 1935. Những thí nghiệm của John Bell 1964 và gần đây Nicolas Gisin 1998 trong chức năng của quang tử đã soi sáng thêm vấn đề. Thí nghiệm về quả lắc của Foucault từ 1851 cũng đã đưa ra một ý niệm quan trọng: tất cả những gì xảy ra ở đây và hôm nay đều tùy thuộc vào toàn thể vũ trụ. Nguyên lý của Mach cũng bổ túc thêm là: khối lượng của một vật thể bắt nguồn từ những ảnh hưởng của vũ trụ. Hai khảo hướng khác nhau cùng đi chung một kết luận: sự tương thuộc lẫn nhau giữa con người và vũ trụ trong thế giới hiện tượng. Từ đó con người có một nhận thức mới, đó là ý thức về trách nhiệm đại đồng trước mối liên hệ này. Có ý thức này thì con người mới dẹp bỏ lòng ích kỷ, hướng về tha nhân cùng xây đắp một hạnh phúc chung và đặc biệt là không gây đau khổ cho kẻ khác, thực hiện từ bi. Đó là một chuyển hoá nội tâm đưa dần đến giác ngộ. Vũ trụ quan này được diễn đạt qua lời thơ của William Blake dùng làm tựa đề cho tác phẩm như sau :

*Voir un univers dans un grain du sable
Et un paradis dans une fleur sauvage
Tenir l'infini dans la paume de la main
Et l'éternité dans une heure*

*Ngắm nhìn vũ trụ trong một hạt cát
Và thiên đàng trong một cành hoa hoang dại
Nằm giữ vô tận trong lòng bàn tay
Và vĩnh cửu trong phút giây*

Chủ đề của **Chương 5** là tìm ra lời giải thích cho sự hiện hữu của các phân tử sơ đẳng (les particules élémentaires) trong Phật giáo và Khoa học. Phật giáo cũng quan tâm tới vấn đề khoa học này nhưng những lời giải thích hầu như không gây được những hậu quả sâu xa. Khi tìm hiểu về những thực tại hay hư ảo của cuộc đời vây quanh, vấn đề là phải làm sáng tỏ đâu là bản chất của những gì đã cấu tạo nên những viên gạch nền móng này. Để giải thích về tính cách tổng thể của thế giới hiện tượng một thí dụ được nêu lên: bản chất của ánh sáng. Nguyên tắc bổ sung (principe de complémentarité) của Niels Bohr được giải thích: ánh sáng vừa là làn sóng và vừa là phân tử. Ánh sáng không thể nào có một thực tại nội tại tuyệt đối hoặc là phân tử hoặc là làn sóng. Điều này tùy thuộc vào môi trường và

phương thức thử nghiệm. Đó cũng là ý niệm chính trong nguyên tắc bất định (principe d'incertitude) của Heisenberg. Khi nghiên cứu về điện tử (electron), thì ông cho rằng không thể nào xác định tuyệt đối được vị trí và tốc độ của điện tử. Những thành quả nghiên cứu của trường phái Copenhagen được tóm lược qua kết luận: những nguyên tử tạo nên một thế giới của những tiềm năng hay những khả năng hơn là những thế giới của vật chất và những sự kiện. Ý niệm về nguyên tử được vay mượn để giải thích về thế giới hiện tượng. Bohr cũng xác nhận sự khó khăn khi làm sao vượt qua được những sự kiện và những kết quả thử nghiệm: sự mô tả của chúng ta không nhằm soi sáng những đặc điểm thực tế của hiện tượng, mà phải tìm ra những tương quan của các khía cạnh khác nhau trong cuộc sống của chúng ta càng nhiều càng tốt. Những lập luận của Jacob, Schrödinger, Einstein và Stapp được giới thiệu, nhưng quan trọng nhất là của Nottale. Nottale xác nhận là Phật giáo từ 2500 năm trước đã tìm thấy sự hiện hữu của vật chất là tương đối, vấn đề là làm sao tìm ra những mối quan hệ trong thế giới này.

Chương 6 đề cập tính cách vô thường trong thế giới hiện tượng. Đây không chỉ là một đề tài để trầm tư mặc tưởng mà còn là một động lực giúp chúng ta sử dụng thời gian còn lại của đời mình hữu ích hơn. Sự tìm hiểu của chúng ta về thực tại tùy thuộc vào viễn kiến về thế giới và thái độ của chúng ta. Câu hỏi đặt ra: có hay không những thực thể thường hằng (les entités permanentes) trong vũ trụ? Nếu không có gì vĩnh cửu tại sao chúng ta lại có thể gọi những sự vật có một đời sống cố hữu (une existence intrinsèque) ? Những ý niệm vô thường trong đời sống được đề cập. Sự thay đổi này được thể hiện qua quy luật sanh lão bệnh tử, trong thay đổi của cảm xúc. Điểm tinh tế nhất phải nhận ra là trong từng phút giây của đời sống cũng có sự thay đổi. Những biến dạng của những phân tử và về cách nhận dạng các phân tử này qua cách sử dụng 18 loại quarks khác nhau được giải thích. Lý thuyết tiêu chuẩn (theorie standard) nhằm chứng minh tính cách bất tử của các phân tử, đặc biệt là dương tử (proton) được đề cập. Tính bất tử này phải hiểu khi so sánh với đời sống của con người, nhưng nó có thể biến dạng qua thời gian. Trong nỗ lực tìm ra một sự mô tả mới về những hiện tượng của vũ trụ thuyết siêu lực (theorie de superforce) được giải thích. Đây là một tổng hợp các giả thuyết trước đây. Theo đó thì những phân tử không phải là những phân tử sơ đẳng, mà chính là những chấn động trên những sợi dây được gọi là supercorde. Chính năng lượng của những chấn động này mới xác định được khối lượng của những phân tử. Đây còn là một luận điểm mơ hồ, cần được kiểm chứng bằng thực nghiệm.

Chương 7 đề cập tới vấn đề làm sao mà ta có thể hiểu thực tại của thế giới hiện tượng, khi nó được che đậy bởi những lớp màn chắn bên ngoài. Đối với khoa học thì vấn đề này được nhận chân bằng giả thuyết và thử nghiệm. Thật ra có ít nhà khoa học quan tâm sâu xa đến những nền tảng triết lý của những công trình mà họ đang theo đuổi. Những áp dụng thực tiễn trong đời sống về những thành tựu của lãnh vực cơ học lượng tử (la mécanique quantique) đã cho thấy vấn đề này. Chính d'Espagnat cũng xác nhận là khoa học có thể mô tả được những thực tại được thử nghiệm. Kết quả này cũng chỉ là những khái luận về một thực tại độc lập không ghi lại được trong không gian và thời gian. Một đặc điểm khác: đối tượng quan sát hoàn toàn lệ thuộc vào vị trí

và thái độ của nhà quan sát, điển hình là sự quan sát cầu vồng. Cầu vồng là một hình ảnh mà Phật giáo hay dùng đến để diễn tả tính cách hư thực và tương thuộc của thế giới hiện tượng. Ai cũng thấy cầu vồng chiếu sáng nhưng không ai có thể bắt lấy được, nên nó vừa là hư vừa là thực. Cầu vồng chỉ là một trùng hợp ngẫu nhiên của hai yếu tố: lớp màn mưa và ánh sáng mặt trời, nếu thiếu một, thì cầu vồng sẽ biến mất, nên nó tương thuộc. Vấn đề nhận chân ra thế giới hiện tượng có hai khía cạnh: bản chất tối hậu của hiện tượng và phương cách mà chúng ta cảm nhận được hiện tượng này. Khi ta nhận ra được đâu là bản chất tối hậu của hiện tượng thì sự dị biệt của thế giới hư ảo và hiện thực sẽ không còn nữa.

Chương 8 đặt vấn đề định mệnh để thảo luận, thí dụ như có hay không có định mệnh, định mệnh cá nhân và định mệnh tập thể, ý nghĩa về nghiệp (karma), đâu là mối liên hệ nhân quả và định mệnh. Một câu hỏi khác: nếu con người và bản ngã chỉ là hư ảo thì làm sao có thể chuyển hóa được cuộc sống trong hiện kiếp. Karma theo tác giả phải được hiểu là hành động. Những gì chúng ta suy nghĩ, nói và hành động sẽ tạo nên khuôn mẫu của cuộc đời chúng ta. Điều này bắt nguồn từ sự cảm nhận của chúng ta đối với cuộc đời, nó đến từ ý thức, kinh nghiệm cá nhân về đời sống. Dĩ nhiên sự cảm nhận này hoàn toàn khác biệt trong từng cá nhân. Một người đạt đạo rồi sẽ thấy những ràng buộc trong thế giới hiện tượng là điều hư ảo. Nghiệp cũng không phải là định mệnh, nó chỉ là một phản ảnh về mối quan hệ nhân quả, không chỉ trên hành động mà có ý hướng đưa tới hành động. Chúng ta không bao giờ hoàn toàn lệ thuộc vào định mệnh như những tù nhân, mà trong đó quá khứ và tương lai làm thành một khối liền chắc. Bằng tự do và ý thức người ta có thể chuyển nghiệp này. Chúng ta là kết quả của những quyết định mà chính chúng ta chọn lựa, dĩ nhiên là rất khó khăn khi nỗ lực thoát ra khỏi căn nghiệp. Ý niệm này được Nobert Wiener cha đẻ của khoa học cybernétique diễn đạt như sau: Chúng ta chỉ là những ổ xoáy nước trong một dòng sông vô tận. Chúng ta không là những bản thể trường tồn, nhưng những dấu vết sẽ còn lưu lại mãi.

Chủ đề của **Chương 9** là ý niệm về thời gian qua các lăng kính. Theo Galilée thì thời gian là một dụng cụ chủ yếu để xếp đặt và nối kết các sự đo lường về các chuyển động trong các đối tượng nghiên cứu một cách toán học. Nhưng Newton với quy luật về cơ học đã đưa ra một định nghĩa chính xác về thời gian. Theo Newton sự chuyển động các vật thể trong không gian xác định được vị trí và tốc độ của nó nhờ vào những khoảng khắc thời gian tiếp nối nhau. Qua định nghĩa này thì đặc điểm của thời gian là độc nhất, tuyệt đối và phổ quát. Lý thuyết này bị đánh đổ bởi lập thuyết tương đối của Einstein. Thời gian thì theo Einstein cơ giã và tùy thuộc không gian. Ngoài ra Einstein còn cho rằng không gian và thời gian không thể sống tách rời nhau, cả hai là một cặp kết hợp nhau. Einstein còn phát hiện thêm trong lý thuyết tương đối tổng quát của ông: Thời gian không những chậm lại bởi vận tốc mà còn chậm lại bởi trọng lực. Phật giáo nhìn vấn đề thời gian khác hơn. Thời gian vật lý chỉ là một phương cách để tìm hiểu về thế giới hiện tượng thôi. Ý niệm thời gian và không gian chỉ có trong thế giới hiện tượng và có mối quan hệ với những kinh nghiệm với những hệ thống đối chiếu với nó. Thời gian trôi là một điều không nắm bắt được trong phút giây hiện tại. Trong phút giây hiện tại thì quá khứ đã chết và tương lai thì chưa xảy ra.

Theo cách nhìn này thì làm sao mà hiện tại có thể hiện hữu hoặc ngưng đọng ở giữa cái không còn nữa và cái chưa thể xảy ra. Ý niệm về thời gian chỉ là chân lý tương đối trong thế giới hiện tượng mà thôi. Những ý niệm khác nhau về thời gian qua quan điểm của Heraclite, Saint Augustin, Aristote, Kant và Husserl được hai tác giả đưa ra giải thích. Nhiều kinh điển Phật giáo được trích dẫn trong chương này để giải thích về ý niệm thời gian. Phật giáo dùng thời gian như một quan điểm tâm lý nhằm chế ngự những nỗi lo âu về cái chết và khuyến khích người ta nên chuyên cần tu tập. Ý thức được thời gian trôi là quý giá nên người học Phật sẽ luôn luôn tập trung để tu tập, nhưng cũng không sống trong nỗi ám ảnh về cái chết, mà chỉ suy tưởng không ngừng về việc này nhằm chuẩn bị đón nhận nó đến trong thanh thản an lạc.

Chương 10 giải thích thuyết nhân quả theo Khoa học và Phật giáo. Lý thuyết tương đối của Einstein đã đưa ra nhiều luận điểm mới, mà theo đó nguyên tắc về nhân quả cũng cần được xét lại. Không có gì đi nhanh hơn ánh sáng và chính ánh sáng cũng là một phương tiện truyền thông nhanh nhất trong vũ trụ, theo Einstein. Hai biến cố chỉ có liên hệ nhân quả với nhau khi mà ánh sáng có đủ thời giờ mang biến cố thứ nhất đến biến cố thứ nhì trong khi sự cách biệt của thời gian làm tách biệt chúng ra. Điều này giải thích được mối liên hệ nhân quả của hai biến cố và đồng thời cũng giải thích được tốc độ của ánh sáng. Một thí dụ được nêu lên để soi sáng vấn đề. Một tia sét đánh trên hai đầu toa xe lửa đang chạy, ba người A, B và C quan sát hiện tượng này sẽ giải thích ba cách khác nhau, tùy thuộc vào vị trí mà họ đang theo dõi. Nếu A đứng yên trên sân ga thì A sẽ thấy tia sét đánh cùng một lúc phía trước và phía sau của toa xe; nếu B ngồi trong toa xe đang chạy thì B trước tiên sẽ thấy tiếng sét đánh phía trước của xe rồi liền sau đó sẽ thấy tiếng sét đánh phía sau. Lý do giải thích hiện tượng này là xe đang di chuyển, ánh sáng của tia chớp phía trước ít khoảng cách hơn tia sáng phía sau. Vận tốc của ánh sáng thì không thay đổi, nhưng ánh sáng đến phía trước thì cần ít thời gian hơn phía sau. Còn nếu C ngồi trên một xe chạy ngược chiều thì sẽ thấy ngược lại điều B chứng kiến. Thí dụ này cho thấy là những biến cố khi xảy ra liên tục của thời gian có thể bị biến dạng do những chuyển động. Theo đó thì kết quả có thể đi trước nguyên nhân. Những ý kiến liên quan đến thuyết tất định trong khoa học (le déterminisme scientifique) qua ý kiến của Heisenberg, Foucault, Aspect, Newton Laplace, Poincaré và Hegel được đề cập tới. Khó khăn lớn nhất của khoa học là không thể nào tiên đoán tương lai một cách chính xác bởi vì sự mô tả cũng như hiểu biết về điều kiện ban đầu của hiện tượng không bao giờ đầy đủ. Trong khoa học cũng không có sự tính cờ hay tất yếu, mà chính ra những nguyên nhân hay điều kiện thì vô kể mà ta không biết trước được. Theo Phật giáo thì thuyết nhân quả là điều hiển nhiên và quy luật được diễn biến qua bốn hình thái phát sinh như sau: một vật có thể sinh ra (1) bởi tự nó, (2) bởi sự vật khác, (3) bởi tự nó và bởi sự vật khác hoặc (4) không bởi tự nó hoặc không bởi sự vật khác. Dù dạng thái nào thì nhân và quả phải có một điểm nối kết nhau để tạo thành mối quan hệ, chớ không thể nào là những thực tại độc lập.

Chương 11 xoay quanh vấn đề mối quan hệ giữa tinh thần và vật chất qua Khoa học và Phật học. Theo khoa Sinh học thần kinh (la neurobiologie) thì tinh thần này sinh từ sự

tác động lẫn nhau giữa cơ thể và thế giới bên ngoài và là kết quả của một tổ chức cực kỳ phức tạp từ những phân tử bất động (les particules inanimées). Như vậy phải chăng là tinh thần chỉ là một sự phản ánh của vật chất. Trả lời câu hỏi này Phật giáo có một lối giải thích khác hơn. Có ba trạng thái của tinh thần: tinh thần ở trình độ thứ nhất thì thô sơ, chỉ thuần túy là sự vận động của não bộ, ở trình độ thứ hai thì tinh thần có khả năng phản tỉnh bằng suy luận và trực giác để quyết định vấn đề và ở trình độ thứ ba thì tinh thần đạt được sự hiểu biết thuần khiết không dựa trên phương thức phân biệt chủ quan và khách quan hay trên những tư tưởng suy lý. Đây là trạng thái cao nhất của tinh thần còn được gọi là sự minh mẫn. Ba trạng thái này không hoạt động độc lập mà ảnh hưởng nhau qua mối liên hệ nhân quả trong thể xác. Một trạng thái tinh thần này đều bắt nguồn từ một trạng thái tinh thần khác xảy ra trước đó. Từ nhân sinh ra quả là một quá trình này sinh được kết hợp qua mối liên hệ chủ yếu và những yếu tố phụ thuộc. Thí dụ hạt giống được sinh ra là kết quả của việc này mầm, đây là mối quan hệ chủ yếu, nhưng cũng đừng quên những yếu tố phụ thuộc là thời tiết và độ ẩm. Tinh thần nhị nguyên theo lý thuyết của Descartes cũng được đem ra so sánh với quan điểm của Phật giáo và nguyên tắc bổ sung của Niels Bohr cũng là một lối giải thích. Ý niệm về một thế giới vô hình và hữu hình cũng được đề cập tới. Phần quan trọng nhất của chương này là bàn về vai trò của tinh thần trong đời sống, đặc biệt là những kinh nghiệm về cận tử (near death experience) và một câu chuyện có thật về luân hồi của Shanti Dévi tại Ấn Độ được dẫn chứng.

Chương 12 đặt vấn đề so sánh giữa người máy (robot) và máy vi tính (ordinateur) với não bộ của con người. Vấn đề khả năng phản tỉnh của con người được đưa ra để so sánh với những tiến bộ của ngành sinh học hiện đại cũng như những luận điểm mới trong lãnh vực thông minh nhân tạo (intelligence artificielle). Theo các nhà sinh học thì bộ óc chỉ là một bộ máy suy nghĩ được cấu tạo bởi những hoạt động trong một hệ thống thần kinh tổng hợp. Những gì gọi là tinh thần đều đến từ những tổ chức càng ngày càng phức tạp hơn của não bộ. Những gì được gọi là ý thức, tư tưởng hay tình yêu và những cảm xúc trong cuộc sống đều là những kinh nghiệm sống trải qua. Trong khi đó thì Francisco Valera chú ý đến sự tương tác của não bộ và thế giới bên ngoài. Chính sự tác động thường xuyên của môi trường mới là quan trọng. Hoạt động của hệ thần kinh được đem ra so sánh với cấu trúc của một máy vi tính (ordinateur) và được xem như là cương liệu (hardware) trong khi tinh thần được coi như là nhu liệu (software). Điểm dị biệt chủ yếu vẫn là máy móc chỉ tính toán và làm việc theo những chương trình đã quy định do nhà thảo chương cung cấp không hơn không kém, mà nó không có ý thức phản tỉnh để trả lời câu hỏi tại sao mình có thể đưa đến kết quả như vậy. Điều đáng kinh ngạc ở đây là khả năng tính toán của máy móc vượt hẳn xa con người. Trong trận đánh cờ của vô địch thế giới Garry Kasparow và người máy Deep Blue trong năm 1997 đã cho thấy vấn đề này. Deep Blue thắng được là nhờ có thể nghĩ ra 200 triệu vị thế cờ trong một giây và từ đó tổng hợp ra được 10 thế cờ liên tiếp, trong khi bộ óc của con người với kinh nghiệm và sự tính toán, đặc biệt là trực giác chỉ tìm được vài nước cờ trước mà thôi. Nhưng cuộc thắng cờ cũng chỉ là sự tuân lệnh mù quáng của Deep Blue qua những chương trình đã soạn trước của các chuyên viên. Deep Blue cũng không vui khi thắng, không buồn khi thua, không hồi hộp khi tính toán và

cũng không nổi tiếng khi đi sai một thế cờ, vì Deep Blue đầu sao đi nữa cũng chỉ là máy mà thôi. Jean-Pierre Cheanguex cho rằng máy móc chưa có cảm xúc như con người vì chính ra con người chưa đủ khả năng tạo ra được một bộ óc phức tạp cho máy như hệ thần kinh con người. Bộ óc con người hiện nay là kết quả của một sự tiến hoá hơn một tỷ năm trong khi máy vi tính chỉ xuất hiện từ thập niên 50 của thiên niên kỷ trước. Alain Turing đã đưa ra cách thí nghiệm mới về sự thông minh của người máy. Ông cũng tiên đoán rằng trong tương lai người máy có thể đánh lừa được người đối thoại với mình trong 5 phút. Các nhà nghiên cứu trong lãnh vực này cho là một ngày nào đó không xa máy vi tính và người máy cũng sẽ có cảm giác thương yêu buồn giận như con người. Nhưng những câu hỏi nền tảng như: tôi từ đâu đến, sống để làm gì và chết sẽ ra sao thì người máy không thể tự hỏi và trả lời được. Một câu hỏi dễ hiểu nhất mà người máy cũng không biết được là thân phận mình sẽ ra sao khi cúp điện. Sự tiến hóa của ý thức qua hai dạng thái: ý thức sơ khởi và ý thức phản tỉnh, luận điểm này được hai tác giả bàn đến trong mối quan hệ với Phật giáo ở cuối chương. Những kinh nghiệm mà chúng ta có được về tinh thần, những khả năng mà chúng ta có thể hiểu được bản chất của tinh thần qua phương pháp nội suy hay chế ngự tinh thần bằng cách coi nó như một đối tượng nghiên cứu nội quan vẫn chưa được khoa học giải thích thỏa đáng. Những điều bàn đến chỉ nhằm phản ảnh được vấn đề trong chân lý tương đối mà thôi. Những suy lý, hy vọng hay lo âu đưa chúng ta tới quyết định này hay quyết định khác vẫn nằm trong phạm vi của thế giới vô minh và mê ảo. Chúng ta vẫn còn lằm lặt trong những luồng tư tưởng mà chúng ta cho là thực tại. Chính Giác Ngộ mới là kiến thức duy nhất vượt qua sự lằm lặt này, không có căn cứ trên ý niệm, vì ý niệm hoàn toàn bất lực trước những bản chất tối hậu của tinh thần.

Chương 13 đề cập tới ý niệm về tinh thần trong mối quan hệ với vũ trụ qua Khoa học và Phật giáo. Theo Phật giáo tinh thần và vũ trụ cộng sinh và cộng hưởng nhau, không thể nào có một cuộc sống riêng biệt, cả hai chỉ hiện hữu trong thế giới hiện tượng và chỉ có giá trị chân lý tương đối. Theo ý kiến của các nhà sinh học hiện đại thì tinh thần được trải qua hai giai đoạn từ không ý thức đến có ý thức. Phật giáo cũng không hẳn đi ngược lại lý thuyết về tiến hoá, nhưng qua sự tiến hóa của thế giới súc vật đến thế giới của con người thì khả năng phản tỉnh của con người là ở mức độ cao nhất, đặc biệt là khả năng cảm nhận hạnh phúc và đau khổ trong cuộc đời. Phật giáo chia thế giới làm ba loại: ước vọng, hữu hình và vô hình. Yếu tố quan trọng làm chuyển hóa đời sống con người là điều kiện tinh thần. Chính sự thù ghét, tham lam, ích kỷ làm cản trở sự chuyển hóa đó. Đó chính là màn chắn lại để cho chúng ta thấy không được bản chất thực của tinh thần. Sau đó ý niệm về giác ngộ được giải thích. Đó là giai đoạn đạt đạo, vượt qua khỏi vô minh và phiền não, thoát khỏi vòng lẩn quẩn luân hồi. Tuy nhiên vì tính từ bi, người đạt đạo vẫn có thể đầu thai trở lại thế gian để giúp người đồng loại. Vấn đề vai trò của tiềm thức và ý nghĩa của chiêm bao theo Tâm lý học được đem ra đối chiếu với Phật giáo ở cuối chương. Phật giáo hiểu tiềm thức theo nghĩa khuynh hướng (tendance) hay sự tiêm nhiễm (imprégnation) và chia làm ba loại. Loại thứ nhất là những tích lũy tiềm tàng và tạo cho chúng ta thành một thói quen, gây ảnh hưởng đến phương cách suy nghĩ và hành động. Loại thứ hai là những suy gẫm về những tính cách hư ảo của những khuynh hướng hay những động lực này. Những trầm

tư giúp chúng ta vượt thoát trạng thái nêu trên bằng cách tìm ra căn cơ của vấn đề. Loại thứ ba đặc biệt dành cho người có khả năng, biết dùng khuynh hướng này như một chất xúc tác làm chuyển hóa được tâm linh mình. Phật giáo chia trạng thái tỉnh đến ngủ mê làm 4 giai đoạn, giấc mơ là chỉ ở giai đoạn thứ nhì. Giấc ngủ mê được coi như là sự lặp đi lặp lại của cái chết, trong khi đó thì giấc mơ được coi như là sự lặp đi lặp lại của một trạng thái trung gian giữa chết và tái sinh.

Chương 14 đặt vấn đề quy luật khoa học để thảo luận. Quy luật khoa học được hiểu theo nghĩa là những lời giải thích khách quan và tổng quát về những mối tương quan của các hiện tượng và tìm ra những quy cách vận hành của nó. Những ý niệm về quy luật khoa học tại Tây phương từ thời Tiền sử đến Phục hưng được đề cập sơ lược. Đối với người Hy Lạp từ thế kỷ thứ VI trước Thiên Chúa thì thiên nhiên vừa là một đề tài suy tưởng và cũng vừa là lý thuyết. Thiên nhiên được sắp đặt bởi những quy luật mà loài người có thể hiểu được và cũng không là một vật cố hữu của Thượng Đế. Aristote đề ra nguyên lý nhân quả qua 4 dạng thức của nguyên nhân: hình thức, nội dung, hiệu năng và cứu cánh. Để trả lời câu hỏi tại sao trời mưa thì Aristote đã dùng phương thức cứu cánh để giải đáp. Trời mưa bởi vì loài người và cây cối cần nước mưa để sinh tồn và tăng trưởng, chứ không phải hội tụ của hơi nước và thuyết trọng lực như chúng ta biết hiện nay. Nhiều nhà nghiên cứu khoa học như Kepler và Newton, dù có niềm tin vào những quy luật của khoa học, nhưng cũng đồng thời ngợi ca Đấng Tối Cao trong việc tạo lập vũ trụ. Theo Phật giáo thì vấn đề quy luật nằm ở chỗ phân chia chân lý tương đối và chân lý tối hậu. Chân lý tương đối thì nhằm tìm hiểu thế giới hiện tượng qua quy luật nhân quả. Nhưng ngoài ra nghiệp báo (*karma*) cũng đóng một vai trò chủ yếu để giải thích những đau khổ và hạnh phúc. Tuy nhiên *karma* chỉ là một khía cạnh trong luật nhân quả và cũng không là một toà án tối cao để phân xử những hành vi của chúng ta. Chân lý tuyệt đối thì nhằm tìm hiểu những vấn đề tối hậu. Một câu hỏi khác được nêu lên là tại sao nền tảng của khoa học đều bắt nguồn từ Tây phương, mà không là Trung Hoa, dù nước này có nhiều phát minh sớm nhất như la bàn và thuốc súng. Lời giải thích cho vấn đề được đưa ra là không phải là người Trung Hoa không có khả năng phân tích những hiện tượng khoa học, nhưng họ có những nhu cầu ưu tiên tìm hiểu cho những vấn đề quan trọng khác như đạo đức, hạnh phúc hay cái chết. Ngoài ra theo họ thì thiên nhiên cũng không thể tách rời ra từng những thành phần biệt lập để nghiên cứu riêng biệt như tại Tây phương, vì mọi thành phần trong thiên nhiên hòa hợp với nhau theo một thể thống nhất. Phương thức suy lý làm nền tảng cho khoa học Tây phương cũng không được người Trung Hoa chú trọng. Thực ra phương pháp suy lý cũng có giới hạn của nó khi chỉ tìm hiểu một thành phần riêng lẻ mà quên đi tổng thể của đối tượng nghiên cứu. Những thành quả khoa học của thuyết 4 động lực cơ bản được giới thiệu ở cuối chương.

Chương 15 bàn tới những bí ẩn của toán học. Vấn đề đặt ra là toán học phải chăng chỉ là những sản phẩm của tri thức mà thôi hay còn tạo nên những biến thiên vô hình trong thực tại. Với niềm tin vào những quy luật khoa học, đặc biệt là toán học, làm nền tảng, hầu hết các nhà khoa học cho rằng chỉ có những quy luật của khoa học có thể giải thích được những quy cách vận hành lệ thuộc vào thiên nhiên.

Descartes und Leibnitz còn đi xa hơn khi kết luận rằng những giải thích không diễn đạt được bằng ngôn ngữ toán học thì không thể gọi là khoa học được. Những đề cao vai trò của toán học qua Galilée, Pythagore và Wigner được trích dẫn và giải thích. Những thành tựu Einstein trong việc không sử dụng hình học Euclide, những công trình của Riemann vào thế kỷ XIX về hình học cong và đặc biệt gần đây ý niệm mới về toán học của Mandelbrot (dimension fractionnaire) được tác giả giải thích. Bàn về bản chất của Toán học có hai quan niệm đối kháng nhau, theo trường phái của các nhà Constructivistes thì cho là toán học không có thực. Tất cả những ý niệm toán học đều là những sao chép từ những cảm tưởng như David Humes nói. Những dạng của hình học không thể tìm thấy trong các dạng của thiên nhiên. Trường phái duy thực của các nhà Réaliste thì ngược lại cho rằng chính toán học mới có một thực tại độc lập với tư tưởng của chúng ta. Bằng lý trí chúng ta có thể tìm kiếm và khám phá chân trời bao la của toán học. Dù chúng ta có ý thức hay không thì toán học là một phạm vi rộng lớn đã có sẵn. Những ý kiến về toán học của Descartes, Penrose và Hertz được dẫn giải. Vai trò của trực giác trong toán học được đem ra thảo luận bằng những thí dụ của Archimede và Poincaré. Những thành tựu của thiên tài toán học Ấn Độ Ramanujan được giới thiệu. Ngoài ra những khám phá mới của các nhà sinh học não bộ đã cho thấy mối tương quan giữa hoạt động của não thùy và trực giác toán học. Để giải thích hiện tượng thiên tài Einstein các nhà sinh học não bộ tại Canada trong năm 1999 đã cho là dung lượng hai não thùy thuộc về xương đỉnh của Einstein hơn một người bình thường là 15%. Còn Phật giáo thì nghĩ sao về toán học? Theo Phật giáo thì toán học chỉ là những ý niệm của con người áp dụng vào trật tự của thiên nhiên. Trật tự này là một phản ảnh về sự tương thuộc của những qui luật nhân quả. Theo Phật giáo thì những sự minh mẫn không nhất thiết là sự thông minh thuộc về toán học hay là các loại khác. Đó chẳng qua chỉ là sự tinh thức, một khả năng chủ yếu nhằm tạo cho tinh thần có một ý thức. Đặc điểm chiếu sáng của tinh thần này được so sánh tương phản với sự vô trí của đá cuội. Những ý niệm về toán học đã đem lại những dẫn chứng về mối tương thuộc trong thế giới hiện tượng, trong khi đó thì thi sĩ cảm nhận mối tương quan này qua thẩm mỹ và diễn đạt bằng một loại ngôn ngữ khác. Khả năng cảm nhận được sự hòa điệu của con người trong vũ trụ là một đặc điểm có sẵn trong tinh thần của chúng ta. Nhưng sự diễn tả qua những quy luật của toán học, những dạng thức, phương trình chỉ là một sản phẩm về ý niệm trong tư tưởng.

Câu hỏi chính của **Chương 16** là lý trí hay suy niệm có thể giúp chúng ta tìm hiểu thế giới như thế nào. Vấn đề đặt ra là người ta có thể so sánh hai phương thức thu thập kiến thức bằng khoa học và tôn giáo không phải dựa trên cơ sở nào để kiểm chứng những giá trị về những kiến thức do tôn giáo mang lại. Phật giáo nghĩ gì về kiến thức khi mà kiến thức thuần lý bắt nguồn từ những ý niệm trừu tượng, được quan sát, thử nghiệm và diễn đạt bằng ngôn ngữ khách quan của toán học. Một loại kiến thức dựa trên kinh nghiệm suy niệm của cá nhân có đáng được xem là thuần lý không. Theo Phật giáo thì thuần lý có nghĩa là một phương tiện kiến thức chính xác. Ý niệm này bao gồm mọi khía cạnh của luận lý, thực nghiệm cũng như suy niệm. Theo đó người ta phân biệt hai loại kiến thức một loại có giá trị theo quy ước hay tương đối và một loại có giá trị tối hậu hay tuyệt đối. Chỉ là giá trị tương đối khi nó giúp chúng ta hiểu biết ngoại hình

của sự vật và có giá trị tuyệt đối khi nó giúp chúng ta hiểu được bản chất của hiện tượng. Nhưng suy niệm cũng cần đến luận lý và lý trí như là dụng cụ phân tích. Suy niệm giúp chúng ta phát triển những điều tốt đẹp như thiện tính, tính từ bi. Kết hợp với kinh nghiệm suy niệm còn giúp chúng ta mở mắt thấy được những hậu quả tai hại của những hận thù và những thuận lợi khi ta có lòng kiên nhẫn trong đời sống hằng ngày. Cũng cần phân biệt ở đây về Kiến thức và Giác ngộ. Giác ngộ là một trạng thái cao cả nhất của kiến thức, khi mà người tu tập không còn phân biệt chủ thể và khách thể trong ý niệm và tri thức thuần lý nhường chỗ cho ý thức trực tiếp, trong sáng và bừng tỉnh. Tây phương thường giải thích Giác ngộ như là một trạng thái tâm lý của trực giác và thần bí, nhưng thật ra lối giải thích này không thể diễn đạt được hết ý niệm Giác ngộ trong thế giới suy niệm của Phật giáo, vì Giác ngộ vượt qua mọi giới hạn của những ý niệm thông thường. Còn Kiến thức khoa học thì sao? Một lý thuyết khoa học thực ra chỉ giải thích được một vài khía cạnh của thực tại, chứ không toàn diện. Định lý nổi danh về sự bất toàn (le théorème d'incom-plétude) của Gödel vào năm 1931 là một thí dụ điển hình. Gödel đã minh chứng rằng trong hệ thống số học vẫn có nhiều điểm không thể dùng luận lý xác định đúng hay sai. Người ta cũng không thể chứng minh một hệ thống mạch lạc và không tương phản dựa trên những công lý (những điều đề nghị ban đầu được chấp nhận mà không cần chứng minh). Theo Gödel người ta nên ra khỏi hệ thống và cũng phải đặt ra những công lý phụ để giải quyết vấn đề. Sự chính xác của toán học được phép nghi ngờ. Trong tinh thần đó không những mục tiêu của khoa học cần xác định lại, mà cả những phương tiện khảo cứu cũng luôn được kiểm chứng. Vấn đề được đặt ra ở cuối chương để thảo luận là những kiến thức thu thập được đến từ những kinh nghiệm suy niệm sẽ không có tính phổ quát, bởi vì nó là thuần túy cá nhân và cũng không kiểm nghiệm được. Tây phương thường có thành kiến về kiến thức đến từ suy niệm này và cho rằng tinh thần này không là một dụng cụ đáng hãnh diện và những kinh nghiệm này cũng không bổ ích. Thực ra kinh nghiệm nội tại là một điều không thể phủ nhận được. Sự tu tập giúp cho người ta chuyển hóa được con người với nhiều đức tính tốt như: vị tha, khoan dung, kham nhẫn, thanh thản, buông bỏ mọi ràng buộc và tăng thêm nghị lực. Kết quả này có đạt được hay không là do khả năng và lòng trí chí của từng cá nhân. Về lâu dài người ta mới có thể đánh giá kết quả những kinh nghiệm này một cách khách quan hơn.

Chương 17 tiếp tục tìm hiểu về thế giới qua sự tương quan giữa nhà nghiên cứu khoa học và đối tượng nghiên cứu. Những định kiến siêu hình của nhà khoa học có gây ảnh hưởng đến viễn kiến khoa học hay không và người ta có thể hiểu được thực tại với một kiến thức tuyệt đối hay không, đó là câu hỏi chính. Trong đó hai phương cách thu thập kiến thức của Khoa học và Tôn giáo được nêu lên: nhà khoa học thì nghiên cứu thế giới ngoại quan trong khi người tu học phân tích hiện tượng bằng suy tưởng hướng nội. Vấn đề không thể quên được nhà khoa học cũng là một con người với tính chủ quan và với những định kiến. Không phải ai thấy được hình ảnh của sự vật thì người ta có thể có khả năng giải thích được mà còn cần đến trí tưởng tượng và khả năng chuyên môn. Nhà nghiên cứu Tây phương thường có khuynh hướng đưa ra trước một giả thuyết là có một chân lý vững chắc đằng sau những giá trị biểu kiến để làm việc. Họ luôn luôn có một mục tiêu xác định, một giá trị để theo đuổi và

kiến thức về vấn đề đặt ra, nhờ đó mà họ có thể soạn lọc được những điều cần thiết cho công việc. Trong khi đó nhà nghiên cứu Đông phương nhờ thẩm nhuần văn hóa Đông phương nên có một phương cách khác hơn. Họ đặt ra chân lý trong một thế giới vô thủy vô chung và tìm ra mối quan hệ nhân quả và tương thuộc trong thế giới hiện tượng. Những kinh nghiệm của Einstein, Darwin, Hanson và Newton được đưa ra. Việc quan sát ánh sáng bằng mắt thường và viễn vọng kính được diễn giải làm thí dụ và đưa tới kết luận là chính sự quan sát giúp người ta đạt được ý thức vấn đề và giải thích vấn đề theo phương cách quan sát của mình. Làm thế nào người ta có thể đạt được một thực tại khoa học, câu hỏi này được giải thích theo trường phái duy thực (réalisme scientifique) và được Wallace tóm tắt như sau : người ta phải chấp nhận một số tiền đề sau đây để tìm hiểu khoa học: 1/ Thế giới vật chất hiện hữu độc lập với kinh nghiệm con người. 2/ Thế giới này có thể đạt được bằng ý niệm của con người (bằng toán học hay các khoa học khác). 3/ Trong muôn nghìn phương cách của hệ thống các ý niệm nhằm mô tả những hiện tượng quan sát thì chỉ có một cách duy nhất là đúng trong thực tế. 4/ Khoa học phải khám phá được lý thuyết duy nhất được cho là chân lý này. 5/ Nhà khoa học sẽ không thiếu được phương cách để nhận ra lý thuyết này. Trường phái duy thực này vẫn có nhiều hạn chế mà Phật giáo có thể bổ sung được. Theo Phật Giáo thì thế giới hiện tượng luôn luôn biến đổi qua thời gian và có mối quan hệ với ý thức của con người hơn là một thực tại độc lập. Ngoài ra không thể nào nhận chân ra một thực tại tuyệt đối, bản chất tối hậu của hiện tượng chỉ là một khía cạnh trong thể liên hợp của thế giới, không có sự cách biệt giữa nhà nghiên cứu và đối tượng nghiên cứu, cả hai bổ sung cho nhau. Theo Phật giáo thực tại tối hậu vượt qua mọi đặc điểm thông thường như hình dạng khuôn khổ và sức nặng v.v... mà khoa học tìm ra.

Chương 18 nêu lên vấn đề thẩm mỹ trong Khoa học và Phật học. Câu hỏi đặt ra là có một ý niệm thẩm mỹ trong nghiên cứu khoa học và trong Phật giáo không. Khi nói tới hoạt động khoa học, người ta liền tưởng đến những gì khô khan, lạnh lùng, thuần lý dĩ nhiên thiếu cảm xúc và thẩm mỹ. Thật ra trong việc quan sát hiện tượng thiên nhiên và đề xướng lý thuyết có một mối quan hệ với thẩm mỹ. Trong nét đẹp của các hiện tượng thiên nhiên và nét đẹp trừu tượng trong lý thuyết khoa học có 3 đặc điểm chính: cần thiết, đơn giản và chân lý. Những đặc điểm này được tìm thấy qua các kinh nghiệm của Newton, Copernic và Einstein. Theo Phật giáo thì ý niệm về thẩm mỹ bắt nguồn từ những bản chất sâu xa trong con người. Nói một cách đơn giản nhất thì nét đẹp là những gì đem đến cho chúng ta một cảm giác viên mãn, và tùy theo trường hợp cũng có thể gọi là hạnh phúc. Dĩ nhiên nét đẹp cũng có những mức độ khác nhau, tùy thuộc vào sự viên mãn. Có thể gọi là một nét đẹp tương đối khi nó đem lại cho ta những thoả mãn nhất thời, trong khi một nét đẹp tuyệt đối đem lại cho chúng ta một hạnh phúc vĩnh cửu. Một nét đẹp tâm linh được thể hiện rõ nét qua việc chiêm ngưỡng dung mạo Đức Phật. Nhìn Ngài sẽ gọi lên trong ta một hạnh phúc về sự Giác ngộ và khả năng có thể đạt đến sự tỉnh thức này. Dĩ nhiên sự cảm nhận hạnh phúc này tùy thuộc vào từng hoàn cảnh trình độ của từng cá nhân cũng như xã hội. Khi chúng ta sống càng hòa điệu với bản chất sâu xa của mình, thì chúng ta càng khám phá ra những nét đẹp nội tại trong chúng ta. Một nét đẹp tối hậu chỉ đạt

được khi nào chúng ta đã sống trong Phật tánh và đạt được Giác ngộ.

Chương 19, chương cuối cùng của cuốn sách, nêu lên vấn đề hành động theo Phật giáo. Tây phương thường cho là sự hành thiền là một biểu hiện tiêu cực, trốn chạy cuộc đời và làm sao đem lối sống từ trầm tư suy niệm này đến tích cực hơn. Phương châm của người học Phật là hãy tự chuyển hóa mình trước khi cải thiện cuộc đời, hạnh phúc cuộc đời đến từ trái tim vị tha và bất hạnh đến từ trái tim vị kỷ, nên dẹp bỏ mọi vị kỷ cá nhân, nó là thần dược làm giảm bớt khổ đau. Nhưng từ bi suông mà không hành động chỉ là đạo đức giả. Hạnh phúc của từng cá nhân đều có mối quan hệ với người khác và cũng không thể xây đắp hạnh phúc cá nhân mình trên sự bất hạnh của kẻ khác. Muốn thực hiện điều này dĩ nhiên đây là một sự nỗ lực lâu dài, có bước chuẩn bị, hành động trong ngắn hạn và trong trường kỳ. Phương cách có vẻ quá lý tưởng này được đưa ra thảo luận. Những câu hỏi được đặt ra là làm sao chờ đợi sự chuyển hóa trong trường hợp bạo tàn của Hitler, Stalin và Polpot, bất bạo động có còn là một giải pháp chính trị thích hợp cho trường hợp Tây Tạng nữa không, sự ngây thơ, yếu đuối và cả những sự tính toán kinh tế của các nhà lãnh đạo Tây phương trước thị trường Trung Hoa trong nỗ lực giải quyết vấn đề tù cải tạo tập trung, giải pháp cho Tây Tạng. Trở lại vấn đề hành động trong cuộc đời thì suy niệm có một giá trị đặc biệt. Nó giúp cho người tu tập tìm thấy một sự bình an trong tâm hồn đồng thời mối liên hệ đến thế giới chung quanh. Từ nhận thức này mỗi người sẽ có một thế giới quan khác và sẽ giúp mỗi người tìm ra một phương thức hành động thích hợp với hoàn cảnh cá nhân mình.

Ý kiến của người đọc :

Đây là một tác phẩm quan trọng chứa đựng nhiều vấn đề mà người đọc không thể nào đi sâu vào chi tiết trong khuôn khổ của một bài giới thiệu sách, nên chỉ xin được tóm lược trong những ý chính như sau:

Trước đây đã có những tác phẩm đề cập đến vấn đề này, nhưng tác phẩm trình bày ở đây là một công trình đầu tiên quy mô và nghiêm túc nhằm đối chiếu những thành tựu khoa học hiện đại với những luận điểm liên hệ theo Phật giáo. Qua 19 Chương sách hai tác giả đã cho thấy một kiến thức uyên bác về vấn đề chuyên môn và khả năng giải thích. Bằng một lối văn trong sáng hai tác giả đã diễn đạt thành công những ý niệm thật phức tạp, giúp cho độc giả không có kiến thức chuyên môn có thể theo dõi được vấn đề. Phần chú thích thuật ngữ Phật giáo và Khoa học giúp dễ hiểu những ý niệm cơ bản. Phần trích dẫn tài liệu có thể giúp người đọc có nguồn tài liệu tra cứu thêm. Với hình thức thảo luận và đối chiếu làm cho vấn đề sống động và sáng tỏ hơn.

Qua nội dung đề cập thì hai tác giả đưa ra nhiều điểm tương đồng và bổ sung giữa Khoa học và Phật giáo hơn là tương phản.

Để đi tìm một giới hạn đạo đức cho việc nghiên cứu khoa học, đặc biệt là việc lai tạo vô tính đang được bàn cãi tại các nước tiên tiến và hiện vẫn chưa chấm dứt. Nếu việc nghiên cứu này chỉ giới hạn trong phạm vi trị liệu y khoa thì sẽ được dễ dàng chấp nhận hơn. Đó cũng là ý kiến phù hợp với quan

điểm Phật giáo, khi công trình này nhằm làm vơi đi nỗi khổ của con người. Nhưng vấn đề ở đây không thuần túy trị liệu mà phức tạp hơn nhiều. Nỗi đau khổ của con người là một ý niệm tôn giáo hơn là định chuẩn khoa học (kể cả luật học). Do đó khó lòng thuyết phục dùng nó làm một định hướng cho tương lai. Trị liệu và lạm dụng trị liệu vào mục tiêu khác là một đề tài quen thuộc mà chưa ai giải quyết được. Về phía Phật giáo thì đến nay vẫn chưa có một công trình nghiêm túc nào để soi sáng vấn đề này.

Thực ra Einstein không cảm nhận luồng tư tưởng Phật giáo trực tiếp. Hai triết gia Schopenhauer và Spinoza đã ảnh hưởng sâu đậm vào thế giới quan của Einstein. Tư tưởng Phật giáo bàng bạc trong các tác phẩm của Schopenhauer và đặc biệt là Substanztheorie của Spinoza là một điều không thể phủ nhận và cũng khởi điểm suy tư của Einstein. Một điều đáng tiếc là luận đề của Spinoza không được đề ra thảo luận.

Nghi ngờ về khả năng chính xác tuyệt đối của toán học không phải là một khám phá của Gödel, thật ra trước đó Georg Cantor (1854-1918) với luận thuyết Mengenlehre đã đặt thành vấn đề gây nhiều ảnh hưởng sâu xa cho hậu bán thế kỷ XIX. Sự tương phản trong toán học tạo nên một cuộc khủng hoảng về nền tảng của ngành này, khiến nhiều trường phái toán học ra đời nhằm cố đưa ra những giải thích mới tiêu chuẩn hóa cho toán học. Đó là các trường phái Logizismus (J. G. Frege, B. Russel, A. N. Whitehead), Institutionismus (L.E.J. Brouwer) và Formalismus (D. Hilbert, H. Weyl). Cho đến ngày nay vấn đề cũng chưa được giải đáp thỏa đáng.

Triết lý về tánh không và vấn đề phân biệt chân lý tuyệt đối và tương đối là tư tưởng nền tảng của Phật giáo đã có mặt trong suốt cuộc thảo luận. Độc giả Tây phương với một khả năng phân tích thuần lý sẽ khó khăn vì tính cách hư ảo sắc không được diễn đạt qua những ẩn dụ đầy thi vị và màu sắc của Á Đông. Thiết tưởng trọng đề này cần đặt lại trong đối chiếu tương phản với chủ nghĩa Hu Vô (Nihilismus) của Nietzsches và đặc biệt là Thuyết hiện sinh vô thần (existentialistische Atheismus) của J. P. Sartre, thì sẽ đạt kết quả cao hơn.

Ngày nay nhu cầu tìm hiểu về Phật giáo càng ngày càng tăng lên, đặc biệt là tại Âu châu. Tác phẩm giá trị này là một đáp ứng kịp thời cho các độc giả mà điển hình là nó được liệt vào hạng thứ nhì trong loại sách bán chạy nhất (best-seller) trong năm qua tại Pháp. Ước mong sao trong tương lai một bản dịch Việt ngữ cũng sẽ ra đời nhằm giúp độc giả người Việt có cơ hội theo dõi vấn đề quan trọng này.

● **Đỗ Kim Thêm**

E-mail: kimthem_do@hotmail.com



Kinh nguyện cho ngày tang thương

*Một buổi sáng trời êm khuyen gió lộng
Vùng mây cao chào đón nắng vàng lên
Khắp muôn phương thanh thản tạ ơn trên
Đâu thể biết hung tin như bão nổi
Đám chim sất loạn cuồng bay ngược lối
Tung bụi mù máu lửa dấy đất bằng
Của nhóm người đồ đệ quỷ "Sa-Tăng"
Quyết xuyên vỡ hai tòa nhà tuyệt tác
Trong thoáng chốc sụp tan thành sa mạc
Giết dân lành già trẻ giữa ban ngày
Bao gia đình chồng chết vợ tan thây
Cả thế giới chết trân nhìn sự thế
Giường ánh mắt kinh hoàng tuôn suối lệ
Hỏi vì sao bọn khủng bố lộng hành
Dem thần linh độc đạo dựng chiến tranh
Khi nước họ còn khổ đau nghèo khó
Dân đói lạnh phải ăn từng củ cỏ
Vẫn mở thêm chút thịt bánh rau tươi
Có sá chi đến giá trị con người
Lũ cuồng tín mặc sinh linh ngã gục
Biến cuộc sống tẻ hỏn là hỏa ngục
Phản chúng ta thân khách trú tha phương
Lạc đến miền Bắc Mỹ nhận quê hương
Hộp Chủng Quốc tạm dung người bốn bể
Nhiều thế hệ đã đơm hoa bén rễ
Dấu xa rời còn đày ải làm than
Cố yêu thương gầy dựng góc thiên đàng
Và hộp nhất chung nhau lời kinh nguyện
Xin Thượng Đế chặn ngăn muôn tai biến
Xin quét tan quân xuân động mặt dầy
Xin an bình cho thế giới hôm nay*

● **Bửu Phối**

San Diego 11 tháng 9 tang thương

Đời dâu bé

Thu Trần



Ngày đau thương của đất nước, tôi vừa tròn mười sáu tuổi. Cái tuổi mười sáu hồn nhiên, đang vui sống êm đềm dưới mái gia đình, bên má, bên ba, bên đàn em thơ dại. Thoắt chốc, mọi việc đều thay đổi. Ba tôi, đầu đàn của gia đình mất tích từ dạo ấy. Tôi không biết ba tôi đã thất lạc, đã chết hay đã chạy thoát ra được nước ngoài. Má con tôi bơ vơ, trợ trợ.

Theo diện chính sách lúc bấy giờ, gia đình tôi và nhiều gia đình khác phải đi kinh tế mới. Chúng tôi vô cùng lẻ loi, bơ vơ lạ lẫm nơi chốn "khí ho cò gáy", bơ vơ xa lạ trước cái cuộc, cái cây. Hai em tôi, đứa mười hai, đứa lên mười phải nghỉ học, vì nơi đây quá hẻo lánh, hoang vu, làm gì có trường để chúng tôi tiếp tục "giỏi mài kinh sử". Với tuổi ăn chưa no, lo chưa tới, tôi phải già từ sách vở, tà áo dài trắng nữ sinh thơ ngây cùng má lao vào cuộc mưu sinh quá đỗi cay, khắc nghiệt khí trời rét lạnh, không điện, không nước, cuộc sống sao mà quá khó khăn! Bàn tay mướt mà, xinh xắn, giờ phồng rộp, chai cứng vì cầm cuốc, cầm rựa. Mái tóc thề óng ánh, mướt mà được trang điểm bằng những cây kẹp xinh xinh hình bướm, hình hoa, giờ khét nắng vàng hoe vì sức nóng thiêu đốt.

Má tôi, người đàn bà đài các, xinh đẹp nổi tiếng một thời, phải lao động quá nặng nề, vất vả, chăm sóc đàn con thơ dại, giờ đây quá gầy gò, đen đui, môi luôn mím chặt. Có nhiều đêm, má lạnh lẽu bên ngọn đèn dầu, và quần áo cho các con, đôi mắt bồ câu đen lầy đầm đìa dòng lệ.

Gia đình tôi bốn người lặng lẽ sống bên nhau. May thay, hơn nửa năm sau, một cô giáo trẻ đến nơi hẻo lánh này để dạy dỗ trẻ em trong vùng. Cô gốc người miền Trung, khoảng chừng

hai mươi hai tuổi, gương mặt trái soan, da ngăm đen, tóc thề chấm vai, giọng nói dịu dàng, êm ái. Các em tôi vui mừng hớn hở: Chúng em được học tiếp rồi! Cô giáo đã đến!

Nhà chúng tôi ít người, toàn đàn bà, trẻ thơ nên cô chọn để trú ngụ. Gia đình chúng tôi thêm một thành viên, lại có người giúp đỡ việc học hành. Ngoài giờ đến trường, cô giúp chúng tôi công việc nhà, có khi giúp má cuốc rẫy, trồng mì, trồng bắp. Từ cái nghề đứng trên bục giảng bài chuyển sang nghề nương rẫy là một vấn đề lớn đối với cô. Đồi vai mềm ngày nào chỉ mang "ba lô" đi trại hè cũng đã thấy khó chịu, bây giờ gánh từng gánh sắn, gánh khoai ngày này qua ngày khác. Cái lưng thon khi xưa ngồi ghế dựa, khi duỗi thẳng trên giường lót nệm êm bây giờ ngày nào cũng uốn cong, gập lại muốn gãy để nhổ mạ, cấy lúa, lượm cỏ. Ngày nào thấy con trùng bò dưới đất cũng vội vàng sợ hãi tránh xa, giờ những con đĩa lớn như ngón tay cái bám đầy chân hút máu chảy ròng ròng cũng ráng mà chịu.

Bước chuyển tiếp này tuy nhiều khó khăn, vất vả nhưng nó mang ít nhiều tính chất tự do. Khi mệt, chúng tôi có thể ngồi nghỉ. Khi cần việc khác, còn có thể tạm hoãn việc đang làm không sợ ai thúc đẩy, dõm ngo, kiểm soát hay nặng nhẹ.

Tới "xứ sở" mới mẻ này, má con tôi nhờ ơn trên cũng làm được vài mẫu rẫy. Những giàn bầu, giàn bí xanh mướt đơm đầy trái. Đem về, bên ngọn đèn dầu leo lét, cô dạy các em tôi học. Nhà tôi bớt dần không khí hịu quạnh, cô đơn. Thịnh thoảng má tôi nấu một nồi chè đậu hay nồi khoai lang gọi là đãi mấy cô cháu tôi. Cả nhà quây quần bên nhau, nói cười vui vẻ trong bầu không khí ấm cúng. Nụ cười dần nở trên gương mặt xinh đẹp của má. Gia đình tôi ấm êm, hạnh phúc từ dạo ấy.

Chúng tôi yêu mến cô giáo lắm! Cô dễ thương làm sao! Mỗi khi cô giảng bài, má lúm đồng tiền, tiếng nói, giọng cười của cô quá thân thương. Ngoài má, các em tôi quấn quýt bên cô như người mẹ thứ hai. Chúng tôi cảm như không thể thiếu cô.

Nhưng rồi, một ngày kia, cô nhận được tin gia đình từ phương trời xa, báo với chúng tôi cô phải già từ gia đình này. Không muốn xa chúng tôi nhưng cô không làm cách nào hơn được. Cha mẹ đã mòn mỏi chờ cô. Để tiễn, gia đình chúng tôi tổ chức một tiệc chia tay lần cuối. Nào có gì đâu, ngoài con gà mái nhảy ổ, một nồi chè khoai nước cốt dừa. Cả nhà chẳng ai ăn nổi, chỉ có

nước mắt lăn dài trên gương mặt từng người. Hai em tôi níu chặt cánh tay cô:

- Cô ơi, ở lại với chúng em nghe cô. Vắng cô, chúng em buồn lắm!

Nước mắt đầm đìa, cô ôm chầm lấy chúng.

Má tôi, gương mặt ủ ê, sắp xếp lại đồ đạc giúp cô. Riêng tôi, tay chân như không còn của tôi nữa, bủn rủn cả người mặc dù biết đó là lẽ đương nhiên, có hợp phải có tan.

Đêm cuối cùng, các em tôi đã ngủ. Chúng tôi dẫn nhau ra ngồi bên hông nhà. Bầu trời đầy sao, sáng vàng vạc, chứng kiến cuộc chia tay của chúng tôi. Cô dặn tôi sẵn sóc má, sẵn sóc các em. Mỗi ngày phải tiếp tục phụ má công việc nhà, dạy thêm các em. Má đã lớn tuổi, chỉ lo việc cơm nước, giặt giũ trong nhà, tôi phải là người đảm đang mọi việc lớn nhỏ. Cô cầm tay tôi, chậm dòng nước mắt đang lăn dài trên má, dặn dò tôi phải cẩn thận khi cày cuốc, bờ nương trơn trượt. Ban đêm của nẻo phải cẩn thận vì nhà quá ít người. Bao nhiêu lời triu mến thân thương. Cuộc chia tay sao mà đầy nước mắt!

Tôi không nói được lời nào, chỉ khóc và gật đầu, thề hứa sẽ thực hiện lời cô khuyên bảo. Cô thì thầm: "Nhớ nhé, em đừng quên lời cô dặn. Vì hoàn cảnh, cô nào có muốn. Cô sẽ viết thư cho em thường xuyên và sẽ không bao giờ quên gia đình này. Cô đem tặng tôi cây lược thường dùng và dặn có nó như có cô bên cạnh.

Cô đã đi rồi! Biết ngày nào chúng tôi gặp lại. Nhớ cô, tôi lại mang lược ra ngắm nghía. Cô lúc nào cũng là của tôi, hình ảnh cô ghi đậm trong tôi và mãi mãi. Tiếng ếch nhái, côn trùng hòa điệu càng khiến tôi nhớ cô vô cùng.

Và sau đó, thực hiện lời hứa tôi thường nhận được từ cô. Cô luôn nhắc nhở tôi phụ má, lo cho em. Cô gặp lại gia đình và có việc làm bên ấy. Dù xa xôi diệu vợi, cô lúc nào cũng nhớ đến chúng tôi, đến quãng đời êm đẹp đã qua và luôn mong có ngày gặp lại. Những lá thư xinh xắn, những dòng chữ mềm mại được tôi cất giữ trong chiếc hộp mây, nhớ cô lại mang ra đọc. Tôi mong cô được bình an, khỏe mạnh và cũng rất vui khi biết cô có cuộc sống ổn định nơi xứ người.

Theo thời gian, chúng tôi cũng lớn dần. Em trai tôi đã bé tiếng, em gái tôi đã trở thành thiếu nữ tự bao giờ. Tôi cũng đã là một thiếu nữ rần ròi, đầy nghị lực để bươn chải với đời. Má tôi đầu đã hai thứ tóc, không còn khỏe mạnh như xưa. Mọi việc nhà đều do tôi gánh vác. Có đêm dưới ngọn đèn dầu, chúng tôi ngồi nhắc đến cô mà lòng bồi hồi, xao xuyến.

Khó khăn mấy rồi cũng qua đi. Mái chòi xưa đã được sửa sang lại thành mái ngói, tường xây, bao bọc bởi một vườn cây sum xuê trái ngọt. Đó là thành quả của bao nhiêu năm nhọc nhằn, lao động. Bao giọt mồ hôi đã đổ xuống trên mảnh đất khô cằn này. Các em tôi đã lớn. Em trai tôi sắp vào Đại học, em gái tôi sắp lập gia đình. Riêng tôi vẫn còn "cu ky" thay má lo cho các em. Cái gì cũng thay da, đổi thịt, tươi tốt hơn xưa. Chỉ riêng tôi như đã hóa đá trong sâu thẳm của bao nhiêu kỷ niệm vui buồn, bao nhiêu lời cầu hôn tôi đều mất lấp, tai ngơ. Tôi bỏ má trở tội sao đành khi các em tôi đã có cuộc sống riêng hạnh phúc.

Ngày tôi được thấy nếp nhăn trên đôi mắt cũng là ngày tôi được tin ba tôi. Ba trở về từ Mỹ, đã tìm kiếm má con tôi bao lần, giờ mới gặp lại được. Trong cuộc di tản, ba may mắn được bạn xưa giúp đỡ. Vì quá gấp, không kịp về đón má con tôi. Má vui mừng biết bao. Dù không nói ra, tôi cũng biết má luôn ấp ủ trong lòng hoài vọng ngày nào đó gặp lại người chồng thân thương. Nửa nghi ngờ ba đã mất, nửa hy vọng ba trốn thoát được ra nước ngoài, lòng mong có ngày gặp lại luôn ray rứt người vợ trẻ. Tội nghiệp má biết bao!

Hôm đó, tôi một mình lên phố đón ba. Má ở nhà vì sợ gặp cảnh phũ phàng: ba trở về với vợ mới, con mới. Xa cách nhau quá lâu, ba lại bơ vơ một mình, chuyện gì cũng có thể xảy ra.

Xích-lô ngừng nơi nhà ba trú ngụ. Ở kia! ba tôi đứng đó. Tóc ba đã bạc, da đã nhăn nhưng bóng dáng ba thân thương của tôi cũng không mấy thay đổi. Hai cha con ôm chầm lấy nhau mừng mừng, tủi tủi.

- Má và các em đâu, sao không đi đón ba?

- Dạ, má chờ ba ở nhà. Mình về nhà ngay nghe ba, kẻo má mong.

Còn nỗi vui mừng nào hơn gia đình đoàn tụ. Thôi thì khóc cười lẫn lộn. Bao nỗi vui, buồn tuôn ra kể lể. Ba bảo: "Tội nghiệp má và chị em con quá. Thôi thì từ nay ba sẽ bù đắp lại những nhọc nhằn mà má và các con đã gánh chịu. Ba sẽ lo thủ tục bảo lãnh gấp để gia đình mình được sớm sống bên nhau".

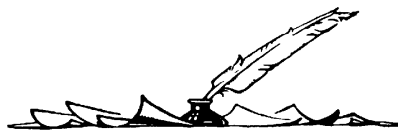
Riêng tôi, ngoài nỗi vui mừng gặp lại ba, còn canh cánh bên lòng nỗi vui to lớn khác: "Gặp lại người xưa, cô giáo yêu quý của tôi".

Thế mới biết, qua cơn mưa trời sẽ lại sáng, có tan rồi sẽ có hợp!

(Thu Tân Ty)

Lá Thơ Xuân

• Ngô Minh Hằng



Sáng nay chợt thấy mai vàng nở
 Ấm áp huy hoàng ánh thái dương
 Vạn vật tưng bừng, ò, lại Tết
 Thêm mùa Xuân nữa chốn tha phương
 Quê ơi, nổi nhớ trào lên bút
 Giục già lòng ta khúc đoạn trường
 Ta viết thơ này trong nước mắt
 Gửi về quê mẹ với niềm thương
 Bao nhiêu năm tháng xa xôi ấy
 Là bấy nhiêu sầu, nhớ cố hương
 Từ ta sống hận đời vong quốc
 Lắm bùn chi quản cái thân lươn
 Đắng cay túi nhục đời dâu bể
 Cóm áo đầy, no, vẫn chán chường
 Sang cả, mặc người xe với ngựa
 Chuộng đời đạm bạc, cảnh thú hưởng

Sáng nay chợt thấy mai vàng nở
 Ngó ngẩn lòng ta nhớ cố hương
 Cánh én chiều qua quên đậu lại
 Nên mùa Xuân chỉ có đủ hưởng!
 Cành mai nhụy thắm, xanh hoài niệm
 Câu đối hoa tiên đỏ vách tường
 Xuân đến cho lòng xa xót nhỏ
 Những mùa Xuân cũ ở quê hương
 Xuân xưa rực rỡ hoa đào nở
 Mai cũng vàng tươi ngập cả vườn
 Thanh quá xanh um, cành đỏ trái
 Thủy tiên, thược dược thoảng mùi
 hưởng

Mứt gừng, mứt bí thơm, cay, ngọt
 Tấp nập người đi chật phố phường
 Những tối thức khuya xem lược bánh
 Lửa hồng tỏa ấm, khói lam vường
 Giao thừa đốt pháo mừng Xuân tới
 Nghi ngút bàn thờ cảnh khói hương
 Áo mới hoa đào nguyên nếp gấp
 Thẹn thùng duyên dáng chị soi gương
 Chị cười, môi thắm màu son nhạt
 Má đỏ như tô lớp phấn hồng
 Ngày ấy tuổi ta còn nhỏ lắm
 Cuộc đời vẫn ngọt vị yêu thương
 Ngày Xuân, đôi mẹ nguyên phong
 pháo
 Cùng bạn đốt chổi ở cuối đường
 Có cô hàng xóm thua đôi tuổi
 Khác lớp những chung học một trường
 Hai đứa xuất hành đi chúc Tết
 Chúc Thầy năm mới được an hưởng

Cảm động, thầy mời phong kẹo lạc
 Và cười: "Học giỏi để làm gương!"
 Có lần hai đứa chơi chồng vợ
 Sinh lễ hoa cau nhật ở vườn
 Ta làm chú rể, vai phò mã
 Cô dâu, nàng thích gọi "Hiền Nường"
 Nàng cài lên tóc chùm hoa bưởi
 Làm cả cung đình cũng ngát hương!
 Thuở nhỏ, Xuân về ta có đủ
 Vì rằng Xuân ấy ở quê hương!

Sáng nay chợt thấy mai vàng nở
 Ta nhỏ quê ta, nhỏ lạ thường
 Mẹ hồi, nằm sào trong mạch đất
 Có nghe hồn lạnh những chiều sương?
 Bao năm con chẳng về thăm được
 Mộ mẹ hoang tàn, vắng khói hương
 Chị cũng đã về nơi chín suối
 Biển sâu chị gởi nắm tàn hương
 Nụ cười nát dưới chân cuồng tặc
 Xác chị nằm sâu dưới đại dương
 Cô bé nhà bên giếng đã lớn
 Néo đời vạn ngã, gió cùng sương
 Trò chơi ngày bé không thành được
 Cô trách đời sao lắm chuyện buồn
 Nhìn cánh hoa cau lòng cô lại
 Nhỏ người bạn cũ chốn tha phương
 Ngày trước anh cô là chiến sĩ
 Lừng lẫy danh vang khắp chiến trường
 Thuở ấy, nhìn anh, ta thán phục
 Ngực anh ngồi sáng những huy chương
 Bây giờ thân xác anh tàn phế
 Vì bồi lao tù chẳng xót thương
 Người vợ đỉnh chung từng xẻ ngọt
 Xa lòng, cách mặt, đứt tổ vườn
 Chao ơi, đau xót tình dâu biển
 Nước mắt, nhà tan, luống đoạn trường!

Sáng nay chợt thấy mai vàng nở
 Nhỏ cánh mai vàng chốn cố hương
 Ta trải lòng ta trên giấy trắng
 Tim hồng nhỏ lệ, khóc bi thương
 Viết gì cho mẹ trong mồ vắng
 Cho chị u sầu đáy đại dương
 Cho anh trong ngục tù tâm tối
 Cho lũ em thơ sống vỉa đường
 Cho cô hàng xóm tình xưa lỡ
 Đời khác lòng cô vạn vết thương!/?
 Từ buổi ra đi không hẹn ấy
 Tội tình mang nặng với quê hương
 Chí trai quanh quẩn vòng côm áo
 Nửa mảnh trăng sầu đội bóng gương
 Chao ơi, cúi mặt mà thêm thẹn
 Xuân đến, lòng đau, ứa lệ buồn
 Bao giờ ta trở về quê nhà
 Đi giữa cỏ bay, giữa trống dồn ???

Luận cổ suy kim để thích ứng với cuộc sống

Trần Trọng Khoái



Đất Thừa Thiên, miền Trung nước Việt, với nhiều câu chuyện về tôn giáo, văn hóa, chuyện vui, chuyện hài... thỉnh thoảng chúng tôi kèm theo sau những bài biên khảo về Thừa Thiên - Huế để chừa độ giả nhàn lăm. Giờ xin mạo muội viết ra 3 câu chuyện cần được khai triển, luận bàn, ngõ hầu thích ứng với cuộc sống hiện tại ở trong và ngoài nước.

* Ở thôn Phước Yên, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên, có nhà họ Cao rất nghèo, may thay giữa cuối thế kỷ XIX sinh ra một anh hài Cao Đăng Đệ (có khi gọi là Cao Đệ) rất cần mẫn thông minh và hiếu học. Năm Kỷ Tỵ (1869) triều Tự Đức thứ 21, ông dự kỳ thi Hương tại trường Thừa, dành cho thí sinh 4 tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên và Quảng Nam, lúc mang lễ chõng dự thi cũng như lúc đi xem bảng, do nhà nghèo nên cha mẹ và vợ ông chỉ lo được chút tiền và vật dụng rất nhỏ nhoi đạm bạc, kèm theo bầu nước và ít ngô khoai ăn đường lúc kéo bộ vào Huế. Sau lễ xướng danh với tên Cao Đệ đỗ Cử Nhân, ông vui mừng nghĩ ngợi từ đây gia đình sẽ vượt qua cơn đói khổ và quê hương nghèo khó thôn Phước Yên sẽ đón chào một sĩ tử đang nhẹ bước đăng trình, trong khi tin vui bay về làng, thân nhân và vợ ông vội vã báo tin mừng cho ông bà Cao Tánh là cha mẹ của tân khoa Cử Nhân. Lúc đó Mẫu Thân ông đang chiết mạ ngoài đồng mừng vui xúc động đến rơi nước mắt vì cơ trời khó hay, vận may hy hữu.

Sau khi được ân tứ vinh quy bái tổ, ông cần ra làm quan thường là chức

Tri Huyện để đền bù lúc rách áo thiếu cơm, nhưng bà vợ cùng quê rất đảm đang, tần tảo nguyện hết sức mình lo cho chồng ăn học để thăng hoa hơn nữa; nhờ vậy mà 8 năm sau ông đỗ Tiến Sĩ kỳ thi Hội năm Ất Hợi 1875. Qua sự việc này chúng ta thấy rõ gia đình hài hòa êm đẹp, vợ chồng nhất trí đồng tâm, biết yêu thương quý trọng nhau, biết san ngọt xẻ bùi với nhau thì hạnh phúc miên trường vĩnh cửu, đó là trường hợp thông thường mà mọi người cần trân trọng: "*Phụ mẫu ái tử chi tâm, vô sở bất chí*", hay ca dao Việt Nam có câu:

"*Vợ ngoan chồng được đi giày
Chồng khôn vợ được ghe ngày cày
trông*"

Chúng tôi còn hay biết một điều lý thú là sau kỳ thi Hội, ông Cao Đăng Đệ cùng với các tân khoa được vào Đình thí trước sân rồng, tại điện Thái Hòa vua Tự Đức, một vị vua uyên thâm cả Tam Giáo (Nho-Thích-Lão), trọng văn chương, chuộng hiền đức và mến người thành tín, đích thân ra câu hỏi để chọn nhân tài, trong đó có câu:

"*Luận Ngũ nhị thập thiên, hà thiên
vô "Tứ Viết";
Kim Cang bát bộ, hà bộ vô Nam
mô?"*
với đại ý:

20 chương trong sách Luận Ngũ thì chương nào không có chữ "Tứ Viết" để trích lời đức Khổng Tử dạy?

8 bộ trong kinh Kim Cang thì bộ nào không có chữ "Nam mô" ?

Nếu thí sinh học rộng, bao quát cả chương trình thì trả lời được, vì không có gì đi sâu vào triết lý của Nho và Phật học, bởi lẽ sách Luận Ngũ là một trong bộ Tứ Thư của Nho Giáo (Luận Ngũ, Mạnh Tử, Trung Dung, Đại Học) tương đối còn ít, chứ kinh Kim Cang gồm 8 bộ và rất nhiều thứ kinh khác là một trong tam tạng kinh điển của Phật Giáo, thì nhiều vô số kể (Kinh - Luật - Luận).

Một câu hỏi đơn giản, nhưng đòi hỏi kiến thức rộng của thí sinh, đó là điều tế nhị, chứng tỏ vua Tự Đức là nhà học vấn uyên thâm. Bởi lẽ đó nên không ai trả lời được, chỉ có ông Cao Đăng Đệ thành thật ghi vào quyển thi: "*Thần gia bần vô thủ khả độ!*" với nghĩa: Hạ thần nhà nghèo không có đủ sách này để đọc.

Vua Tự Đức chấm quyển khen Cao Đăng Đệ thật thà biết gì nói nấy, đáng là hàng thức giả; nên nhà vua chấm đậu và châu phê: "*Tri vi tri chi, bất tri vi*

bất tri, thị tri giả". Thế là khoa thi Hội năm Ất Hợi 1875 ông Cao Đăng Đệ được chấm đậu Tiến Sĩ hàng thứ 9 là hạng cuối, tương truyền Cao Tiên Sinh có cặp đối khôi hài nói về ông đậu cuối bảng:

"*Bảng trung nhi hữu Đệ,
Mục hạ cánh vô nhân*"

với đại ý trong bảng vàng có tên Đệ, dưới tầm nhìn chẳng còn ai.

Qua câu hỏi trên của vua Tự Đức làm cho các thí sinh bối rối không trả lời được, không rõ cho đến nay có bậc thức giả nào đáp ứng cho chăng ?

Qua sách Luận Ngũ thì các nhà thâm Nho có thể giải tỏa dễ dàng vì khá đơn giản, nhưng qua 8 bộ kinh Kim Cang thì hàng hậu bối chúng tôi ít ai biết, mà chung chung thường nghiên cứu hay đọc tụng quyển: Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Kinh là một phần kinh Kim Cang, ghép vào kinh A Di Đà + Hồng Danh + Vu Lan + Kim Cang Thọ Mạng với Phẩm Phổ Môn trong kinh Pháp Hoa, tạo thành bộ Tam Bảo là kinh các chùa hiện nay thường đọc tụng.

Vậy thì còn 7 bộ kinh Kim Cang là những kinh nào khác? Trong đó bộ nào không có chữ "Nam Mô" theo câu hỏi của vua Tự Đức trong khóa thi Đình năm Ất Hợi 1875 ? Nếu không có các kinh sách trên và "quần bất hỷ ngôn", sao vua Tự Đức là một học giả Việt Nam, một Cư sĩ Phật Tử Việt Nam dùng làm câu hỏi giữa trường thi để các thí sinh đại khoa "vô phương khả giải" ?

Thình cầu chư vị Giảng Sư Phật Giáo, Chư Tôn Học Giả vì sự tìm hiểu của hàng hậu bối mà hoan hỷ chỉ giáo, hay trả lời trên báo chí thật vạn hạnh cho chúng tôi.

Xin chân thành bái tạ.

* Chuyện hài đàm của người Thừa Thiên - Huế, hay chuyện cổ chấp của bà mẹ xưa: Kinh nghiệm của bậc làm cha mẹ cần giáo dục con cái từ thuở ấu thơ, còn việc hôn nhân của lớp trẻ chỉ đóng vai cố vấn và nên "tùy duyên", để các đương sự dễ tìm thấy hạnh phúc lứa đôi.

Chuyện kể tại làng Niêm Phò, gần làng Phước Yên của cụ Cao Đăng Đệ có 2 vọng tộc là Nguyễn và Hồ. Họ Nguyễn có người con trai thông minh hiếu học tên là Mạ kếm cụ Cao Đệ 10 tuổi; họ Hồ có cô con gái tên Quy ngây thơ khả ái, lớp trẻ thì hài hòa thông cảm trong việc giao tiếp, hai cụ thân sinh thấy vậy muốn kết thông gia, nhưng không rõ hai bà mẹ có sự hiềm khích gì nhau, đã không nhất trí với

chồng con, lại bày ra những câu hát ru con mai mỉa châm biếm nhau lắm chuyện. Có lẽ bà cụ cậu Mạ dựa theo câu ca dao:

"Sá chi thân phận con rùa,
Ở đình hạc cuối, ở chùa đội bia"

là phỏng theo lối điêu khắc ở cung đình, miếu mạo thường có đôi hạc chầu đứng trên thân rùa và những bia đá kỷ niệm ở chùa tháp, đền đài, cũng đặt để trên lưng rùa là loài vật sống rất lâu, tượng trưng cho sự trường tồn miên viễn, để sửa lại câu sau thành ra vẻ tòi tàn khinh miệt cô gái hiền lương:

"Sá chi thân phận con quy,
Ngày thì bùn lấm, đêm thì gió sủng!"

Thân mẫu cô Quy không phải tay vùa, cũng nhanh trí chế cá mại là loài cá con hay lẩn quẩn kiếm ăn ở ao hồ sông rạch, đâu biết gì bể rộng sông sâu qua câu hát đối:

"Cây khô mấy thuở mọc chồi,
Cá mại dưới nước, mấy đời hóa long!"

Hai cặp ca dao mang tên đôi trẻ bị 2 bà mẹ chê bai miệt thị đủ điều: Con quy chịu đựng vất vả, chầu chực phục dịch nơi đình miếu, chùa chiền không quản ngày đêm sương gió; chú cá mại còn con, mấy đời như cá gáy vượt vũ môn, để hóa ra rồng đàng vân tặc vũ ?

Tình trạng căng thẳng làm cho việc hôn nhân lớp trẻ không thành, sau ông Nguyễn Văn Mạ khá thăng hoa về khoa trường và hoạn lộ, ông liền tiếp đậu Phó Bảng 2 khoa Ất Dậu 1885 và Kỳ Sừ 1889 dưới triều vua Thành Thái, làm đến Thượng Thư là thân phụ của những người con hiển đạt, trong đó có Linh Mục Joseph Nguyễn Văn Thích, làm Giáo sư Tu thực nổi tiếng ở Huế, sau được mời dạy ở các Đại Học Văn Khoa Huế và Sài Gòn.

Về phần Cô Quy chồng con lỡ dở, phải trở về làng nương nhờ cha mẹ, lắm lúc buồn tủi vì mẹ tự đặt mình quá cao, nên cô Quy phải chịu phận hẩm duyên ôi, ân hận suốt đời!

* Nhận xét bài hát nói

"Gái Huế"

Mẫu:

Học trò trong Quảng ra thi
Thấy o gái Huế chân đi không rời
Chuyện đời ngồi nghĩ nức cười

Làn môi khoe mắt giữ người vẫn
nhân

Nói:

Khách hà nhân giả?
Đường ngựa xe xa mã rấp đua
chen

Mấy mươi năm nghiên bút sách
đền

Thi cử đến cũng một phen ra sức

Nào nghiên bút chông lều, nào cửa
tiền lũng thực

Vượt núi sông, nô nức đến kinh kỳ

Tưởng rồi đây áo gấm vinh qui

Thôngkinh sử lo gì không đỗ đạt

Thú thành thị khách còn ngỡ ngạc

Khách nào đâu muông mản lạc về
kinh

Rõ oái oăm con tạo khéo đa tình

Xui o gái Huế, chàng thư sinh gặp
gõ

Khách bỗng thấy tâm hồn rạn vỡ

Chân muốn đi ngỏ ngộ buốc không
đành

Ai nỡ nào hồ hững với gái đô thành

Thân tha thuật xinh hơn cảnh liễu
yếu

Mắt mờ mộng như dòng Hương
trong trẻo

Làn môi son như cội gheo kẻ râu
mày

Khách thấy mình không thuốc mà
say

Coi sáng sắc môi hay là thế thế

Châu Á gặp ghềnh, Chàm bẻ quế

Thành Xuân vũng vít muốn vin
hoa

Thôi vông đào, thôi lọng tía, thôi áo
gấm, thôi thẻ ngà!

Bao thức ấy há ăn qua nhan sắc
ấy?

Lều với chông xếp ngay vào xô
vậy,

Đường công danh khách đổi lấy
đường tình,

Phải chăng duyên nợ ba sinh ?

(Bửu Kế)

Hát nói còn gọi là ca trù, hay hát cô đào, thịnh hành ở đất Bắc, cận lai khá phổ biến khắp 3 miền về thi ca cổ nhạc. Chúng tôi trích dẫn bài "Gái Huế" với vài nhận xét đơn sơ, để chư vị độc giả thêm nụ cười tươi lúc trà dư tửu hậu.

Bài này do cụ Bửu Kế một nhà giáo cận đại mà những cụ môn sinh Quốc Học Huế cỡ tuổi chúng tôi đều biết. Cụ rất vui tính, có lẽ qua câu ca dao:

"Học trò trong Quảng ra thi
Thấy cô gái Huế chân đi không rời"

Nên cụ cảm hứng biên soạn với âm điệu rất hay, tinh tiết đúng tâm lý trẻ hợp với cảnh quang và lịch sử đất thần kinh, nhưng thời điểm về khoa cử Nho Học đã chấm dứt ở Miền Trung vào thập niên 10, thế kỷ XX dưới triều Khải Định, do đó ta có thể xét đoán về tác giả ngụ ý cười cợt một thiếu sĩ tử lãng mạn si tình mà xưa sau đã nói lên sắc đẹp phái nữ, đâu phải sóng gió cũng làm lấm kẻ đăm đuối say mê (sắc bắt ba đào dị nịch nhân) đúng với 4 câu lục bát dùng làm "mẫu đầu" bài GÁI HU có tính cách hài hước vui đùa.

Đành rằng quốc sắc thiên hương có sức quyến rũ lạ thường, đến độ vua Chiêm là Chế Mân muốn "bẻ quế" nên phải dâng 2 châu Ô và Rí là đất Quảng Trị, Thừa Thiên bây giờ cho các vua nhà Trần để làm sinh lễ cưới Công chúa Huyền Trân, bảo muội vua Anh Tôn, nhưng biết đâu họ còn có ý cầu hòa vì thế lực nhà Trần sau mấy lần đại thắng Mông Nguyên, làm cho các lân bang phải nể sợ kiêng vì mà tìm cách kết thân ? Chứ người sĩ tử đã mười năm đèn sách mà "vướng vít muốn vin hoa thành Phú Xuân" đến nỗi bỏ tất cả để đổi lấy "đường tình" thì đó là "SI TÌNH" ! Họ quên rằng trong đạo Nho mà các sĩ tử đương thời đang học hỏi tôn thờ, lấy HI U TÌNH làm trọng, mà thành đạt trên khoa trường là một cách báo hiếu khá cao (hiển thân chi vị hiếu); cũng như người con gái đương thời thường kỳ vọng người bạn đời được ghi tên vào bảng vàng bia đá theo ước nguyện ba sinh:

"Lấy chồng cho đáng tấm chồng
Thỏa công trang điểm má hồng
môi son"

Chuyện nàng Châu Long, vợ bé Dương Lễ nhận lãnh trách nhiệm chăm nuôi Lưu Bình bạn thân của chồng ăn học thành tài, nàng đặt điều kiện tiên quyết khi chàng vinh hiển sẽ chung hưởng hạnh phúc, chứ hiện tại "anh chúa thi đỗ thi chúa động phòng", nói lên ý chí sắt son của con người, nhờ vậy mà chung cuộc đạo lý nhân luân trong tình chồng vợ, nghĩa lương bằng được trọn vẹn khi Lưu Bình gặp hội long vân (phỏng theo chuyện Lưu Bình Dương Lễ tình bạn thiết tha). Trong Gia Huấn Ca, qua đạo lý "tu tề, trị

bình" nói về người con trai và "công dung, ngôn hạnh" là tứ đức của người con gái, cụ Nguyễn Trãi một chính khách lỗi lạc vừa là một học giả uyên bác đời Hậu Lê, dạy người nữ nên sống với chồng đại khái như sau:

"Khuyên chồng khuya sớm học hành,

Đỡ chồng chăm chút bên mình mẹ cha.

*Khi khôn lớn bước ra riêng bếp,
Gánh giang sơn thu xếp nặng nề.
Tùy nói kẻ chợ nhà quê,
Giữ bề cần kiệm, liệm bề nghi gia".*

Theo nguyện ước thông thường thì "bên chàng đọc sách, bên nàng quay tơ" với hậu ý nếu người chồng bận công việc hành chính, văn hóa hay chăm lo giời mài kinh sử thì người vợ quán xuyến về kinh tế, ổn định việc gia đình, họ vui vẻ với cảnh nghèo, lo cho nhau đợi ngày "áo gấm hồi hương, vinh quy bái tổ", chứ lớp người "vì hưởng nên phải đánh đường tìm hoa" hiện nay rất phổ biến, chúng ta cần xét lại, hay nêu ra để phẩm bình, phỏng có nên chăng ?

Chuyện lịch sử hay sự tích các danh nhân địa phương, chuyện ngụ ngôn, chuyện vui, chuyện hài... ở đâu cũng có nhiều. Chúng tôi người Huế nói chuyện về Thừa Thiên để rút kinh nghiệm sống, nếu được càng hay. Có thể 3 câu chuyện trên không tránh khỏi những lỗi lầm thiếu sót về chi tiết nhưng đúng nội dung xem như tạm ổn, cố đặt phần nào ý tại ngôn ngoại cũng được rồi. Chẳng hạn như thời gian, nơi chốn, tên người, tên vật... nếu có sự xê dịch đôi chút là do trí nhớ người kể, người viết không tinh tường, cần lấy ý là được, như ái nữ cụ Cao Đệ lấy chồng làng Nam Phổ, có người bảo là con cụ Thượng Cao, cũng có người gọi là con cụ Cao Đẳng Đệ cho thêm phần phong vị, vì cụ mới ra đời đã mang tên một sĩ tử lừng danh, hiển đạt trên khoa trường; hay cụ Thượng Mại người làng Niêm Phò, nhiều người viết là cụ Nguyễn Mại phụ thân Linh mục Nguyễn Văn Thích.

Thế cuộc đổi thay, những gì lỗi thời thường thay đổi cho hợp thời hợp cảnh, hợp lý hợp tình, nhưng tình thương của cha mẹ, đạo nghĩa giữa vợ chồng hay vấn đề lập chí tu thân để vượt lên với đời, làm rạng danh xứ sở, tồn tại qua bao thế hệ, thiết tưởng nên gạn đục khơi trong, cố gắng duy trì để bảo tồn phần nào tinh hoa của đất nước. •

Lời mở đầu cho Tam Quốc Chí Việt Nam

● PHẠM NGUYỄN LƯƠNG

CÓ TAM QUỐC CHÍ TẠI VIỆT NAM HAY KHÔNG ? CÓ BA NƯỚC ĐẠI CHIẾN TẠI AN-NAM HAY KHÔNG ?

Theo định nghĩa, một quốc gia hay một nước, chỉ có khi nước đó có lãnh thổ, có kinh đô, có quân đội riêng; nhất là có vua, có dân với sinh hoạt tự trị... Hiểu như thế thì rõ ràng từ năm 1527 đến 1802 tại An-Nam có ba nước rõ rệt.

Mạc-Đặng-Dung sau khi cướp ngôi nhà Lê năm 1527 đã đóng đô ở Đông Đô (Thăng Long cũ). Cha truyền, con nối, làm vua được 150 năm, gồm 5 đời vua ở Đông Đô, là:

Mạc Đăng Dung (1527-1529)
Mạc Đăng Doanh (1530-1540)
Mạc Phúc Hải (1541-1546)
Mạc Phúc Nguyên (1546-1561)
Mạc Mậu Hợp (1562-1592);
Ba vua Mạc đóng đô tại Cao Bằng,

là :
Mạc Kính Cung (1592-1625)
Mạc Kính Khoan (1623-1638), và
Mạc Kính Vũ (1638-1677).

Thấy nhà Mạc cướp ngôi nhà Lê, trung thần Nguyễn Kim chạy sang Sầm Châu, Lào, gây lực lượng, rồi cùng Trịnh Kiểm phò Hoàng tử Lê Duy Ninh chiếm lại được Thanh Hóa và Nghệ An làm đất căn bản. Lê Duy Ninh được tôn lên ngôi, tức là vua Lê Trạng Tôn (1533-1548).

Triều đình của ông vua đầu tiên đời Lê trung hưng đó, đóng đô tại làng Vạn Lại, thuộc Tây Đô, Thanh Hóa...

Nguyễn Kim và Trịnh Kiểm liên tiếp đem quân từ Thanh Hóa đi tấn công nước của vua Mạc để mong chiếm lại Thăng Long. Nhưng phải đến đời Thái sư Trịnh Tùng, con thứ của Trịnh Kiểm, quân Lê mới chiếm được Đông Đô và đuổi vua, quan nhà Mạc chạy lên Cao Bằng...

Sau khi Nguyễn Kim mất, Trịnh Kiểm có ý thoán nghịch nên dung

dưỡng cho cận tướng bày mưu đầu độc con trưởng của Kim là Nguyễn Ưông. Con thứ là Nguyễn Hoàng sợ hãi, bèn bàn cùng người thân là Thái phó Nguyễn Ứ Ty để xin chỉ nói với Trịnh Kiểm cho vào trấn thủ Thuận Hóa. Tại đây, Nguyễn Hoàng nhờ những tướng giỏi, tổ chức mọi việc để lập nước riêng ở Thuận Hóa. Hoàng lập hành điện lúc đầu ở căn cứ Ái Tử, Quảng Trị, sau dời về Phú Xuân (Huế) ...

Ba nước, ba nơi, có quân đội, kinh đô, tự trị riêng, dùng mọi thủ đoạn để thanh toán lẫn nhau: Quân Lê-Trịnh cố đánh quân Mạc để chiếm Thăng Long. Quân Nguyễn của Nam Hà, dùng mưu để lấy lòng chúa Trịnh cũng đem quân ra Bắc đánh quân Mạc... Ngược lại, quân Mạc cũng tìm cách diệt quân Lê-Trịnh để chiếm lại Thanh Hóa và Nghệ An.

Quân Mạc cũng vào đánh cả Thuận-Quảng: năm 1572, tướng Mạc Lập Bạo đem thủy quân Mạc vào đánh Hồ Xá và Lạng Uyển của Nam Hà. Nguyễn Hoàng phải dùng mỹ-nhân kế đánh đuổi quân Mạc để bảo vệ lãnh thổ...

Với thời gian và tình hình chính trị của cả ba nước, cuộc chiến khiến nước Mạc bị tiêu diệt vào năm 1677. Tuy nhiên giữa hai nước còn lại, trận chiến dai dẳng từ 1627 đến 1672 giữa Bắc Hà và Nam Hà vẫn bất phân thắng bại. Chỉ khi nhà Tây Sơn nổi lên từ năm 1771, chúa Trịnh Sâm mới đem quân Bắc Hà chiếm được Thuận-Hóa.

Khi nhà Tây Sơn hùng cứ, xưng đế, chiếm Qui Nhơn, Quảng Nam, Phú Yên. Nguyễn Nhạc đóng đô tại Đồn Bàn hay Hoàng Đế thành. Chúa Nguyễn phải chạy vào Nam, xưng vương và đóng đô ở Gia Định... Đất nước An Nam khi đó lại chia làm ba nước... Tây Sơn đánh cả Bắc Hà và Nam Hà rồi tiêu diệt cả họ Trịnh lẫn vua Lê. Nhưng rồi cuối cùng Nguyễn Ánh đánh thắng nhà Tây Sơn, thống nhất đất nước, đổi tên nước là Việt Nam từ 1802...

QUAN NIỆM VỀ TRUNG THẦN VÀ NGHỊCH TẠC TRONG TAM QUỐC CHÍ VIỆT NAM

Để diễn nghĩa Tam Quốc Chí Việt Nam, không gì bằng dùng ngay chính sử có được với những nhân vật có thật, cùng những sự kiện cụ thể đã xảy ra trong sử Việt... Tuy nhiên, các sách sử đã có nhiều điểm khác nhau: Cùng một sự kiện xảy ra cho cùng một nhân vật, bốn quyển sử Việt của bốn tác giả khác nhau đã diễn tả và viết tên nhân vật đó khác nhau! Vì thế, căn cứ vào sự kiện diễn tả bởi quyển sử này, sẽ hơi khác quyển sử kia. Có khi còn trái ngược!

Chúng tôi đã cố gắng tìm hiểu từ nhiều nguồn tài liệu khác nhau, từ những truyện trong nhân gian, những truyện truyền khẩu, đến các gia phả ghi lại những dòng họ đã trực tiếp góp phần trong các biến cố lịch sử thời ấy... để cố diễn nghĩa mọi việc sao cho càng sát với những gì đã xảy ra của thời kỳ "Tam Quốc" trong sử Việt!

Tuy nhiên chúng tôi biết rằng bộ Tam Quốc Chí Việt Nam này vẫn mang tính cách diễn tả lại nhiều đã sử xen lẫn với chính sử! Cho nên khi có những phương tiện khoa học tìm ra sự thật, hoặc có những nhân chứng rõ ràng, nhất là trong tương lai, khi có được một "Hàn Lâm Viện Việt Nam" nghiên cứu về Sử liệu đất nước, rồi xác định những gì là chính sử, hiện tại không ai có thể xác định một trăm phần trăm điều gì đã xảy ra trong sử Việt!

Để thoát cảnh bè phái, hoặc lấy tư cách là hậu duệ của dòng họ này, nhân vật kia, gây ra sự thiên kiến, cổ bênh vực dòng dõi, tự cho mình là chính phái, gọi người khác là tà phái, là giặc v.v... tác giả đã cố gắng đóng vai người kể chuyện trung lập, để diễn tả truyện của ba nước với ngòi bút không thiên vị tới mức tối đa... Vì thế, ba nước, ba vua riêng rẽ. Kẻ trung thành với vua của mỗi nước sẽ được coi là trung thần của vua nước đó; dù rằng các nước kia sẽ gọi trung thần đó là nghịch tặc!

Trong Tam Quốc Chí Việt Nam, độc giả sẽ thấy:

Nhà Mạc có những trung thần như Mạc Kính Điển, Nguyễn Ngọc Liễn, Mạc Đôn Nhượng...

Nước của vua Lê và chúa Trịnh có những trung thần như Nguyễn Kim, Trịnh Kiểm, Nguyễn Hữu Liêu, Hoàng Đình Ai...

Nước Nam Hà của các chúa Nguyễn có trung thần như Nguyễn Hữu Dật, Đào Duy Từ, Nguyễn Hữu Tiến v.v...

Mỗi trung thần đều đáng được đề cao vì họ hết lòng với vua với nước của họ!

Rải rác trong Tam Quốc Chí Việt Nam có nhiều gương anh hùng, liệt nữ, với những nếp sống gương mẫu của người xưa, rất đáng nêu gương cho hậu thế... Một số người Việt, từ xưa chỉ thích đọc những truyện của Tây, của Tàu. Họ cho rằng những danh nhân ngoại quốc mới có những điển tích thú vị. Họ thán phục những mưu thần, chước quỷ của những vị quân sư, hoặc những danh tướng của ngoại bang...

Đọc kỹ sử Việt của thời Tam Quốc Việt Nam độc giả sẽ thấy những anh hùng, liệt nữ của An Nam không thua kém các danh nhân thế giới mà nhiều vị còn trội hơn là đấng khác. Thật vậy, Đại đế Nã-Phá-Luân trong sử Pháp được coi là bách chiến, bách thắng, nhưng lại thua trận cuối cùng ở Waterloo, rồi bị quân đồng minh hồi đó bắt đi đày đến chết... Trái lại Hoàng Đế Quang Trung của thời Tam Quốc trong sử Việt không những luôn chiến thắng, lại chưa hề chiến bại hoặc chết trong tay kẻ thù.

Trong truyện Tam Quốc Chí Trung Hoa nhân vật Khổng Minh được coi là có mưu lược thần sâu, quỷ khóc... Thời Tam Quốc Chí Việt Nam có Nguyễn Hữu Dật, quân sư của chúa Nguyễn, mưu mẹo xuất chúng. Tiếng hét như sấm của Trương Phi trong truyện Tàu để liên tưởng đến danh tướng Nguyễn Hữu Liêu hét ra lửa trong sử Việt.

Về mặt gian hùng, nếu độc giả truyện Tàu cho rằng Thái sư Tào Tháo của vua nhà Hán là nhân vật gian hùng hơn cả, khi đọc sử Việt sẽ thấy Thái sư Trịnh Tùng của vua Lê trong thời Tam Quốc Việt không những quỷ quyết không kém, mà còn có nhiều hành động gian hùng hơn nữa.

Trong truyện Tam Quốc Chí của Trung Hoa ta thấy có truyện Lã Bố hí Điêu Thuyền rất sống động, trong Tam

Quốc Chí Việt Nam ta cũng có truyện Lập Bạo hí Ngọc Lâm ly kỳ không kém. Lập Bạo là tướng tài giỏi của nhà Mạc vào đánh Thuận Hóa, Ngọc Lâm là tuyệt thế giai nhân, ái thiếp của chúa Nguyễn Hoàng...

Vấn đề tìm các sử liệu đầy đủ cho Tam Quốc Chí Việt Nam không phải là dễ. Thật vậy, chúng tôi đã cố gắng làm sao để có những câu chuyện vừa sát với sử liệu, vừa dễ hiểu, thú vị cho người đọc; lại vừa có thể giúp độc giả vừa giải trí, vừa đọc biết thêm những nét chính đã xảy ra trong sử Việt vào thời đó.

Đọc Tam Quốc Chí Việt Nam người đọc sẽ thấy khá đầy đủ những bài thơ đặc sắc và nhất là những câu sấm "tiên tri" của Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm. Tác giả lại tìm cách giảng giải được trong hoàn cảnh nào Ôn-Như-Hầu Nguyễn Gia Thiều (1741-1789) đã hoàn thành tác phẩm "Cung Oán Ngâm Khúc"? Không những thế, độc giả sẽ ngạc nhiên về những dẫn chứng để có thể hiểu được những "chua chất" khi nói về khả năng sáng tác "Chinh Phụ ngâm" của Đặng Trần Côn?

Dù sao đi nữa, với một tác phẩm trường thiên như Tam Quốc Chí Việt Nam, nếu quyết lấy công tâm viết về những truyện của gần 500 năm trước, những thiếu sót về tài liệu cũng như những vụng về, sai lạc trong việc diễn nghĩa lịch sử để có thể có lỗi với người xưa, hoặc những sự việc thay vì đáng được đề cao lại làm ngược lại... đã khó thể tránh hết!

Tam Quốc Chí của Trung Hoa đã được tác giả La-Quán-Trung viết lại nhiều lần. Với thời gian lại được bổ túc bởi nhiều văn thi sĩ, mới được thấy thích thú và sống động như bản ta vẫn đọc hiện tại...

Chúng tôi cũng mong rằng với lần xuất bản này "Tam Quốc Chí Việt Nam diễn nghĩa" sẽ được những bậc cao nhân, hoặc những vị có tài liệu chính xác bổ túc cho, để truyện dài lịch sử Việt Nam này sẽ thêm phong phú và chính xác cho các lần tái bản. Để rồi, chúng ta sẽ có một tác phẩm không thua kém gì bất cứ những pho truyện lịch sử nào trên thế giới. Đó là một hãnh diện không những cho tác giả Phạm-Nguyên-Lương mà còn là một tự hào chung của dân Việt tại quốc nội cũng như hải ngoại... Mong lắm thay. •

Diễm ảo làng xưa

Hồi ký Võ Trường Sa



Niên khóa 1944-1945, chị tôi phải rời trường Văn La vì hết lớp.

Trường tổng đặt ở làng Võ Xá, chỉ cách làng ngoại tôi một bờ sông Nhật Lệ và thêm hai cây số đường bộ, nằm cạnh quốc lộ 1, có mở đến lớp Nhì (Cours Moyen 1)

Di Bào của tôi lấy chồng tại đây mấy năm về trước. Chồng của Di nghỉ nghề giáo viên đã lâu để chăm lo điền sản khá rộng lớn của mình. Chị em tôi tuy xa cách nhau nhưng đều xem như được ấm cúng vì ai cũng có một bà dì ruột bên cạnh.

Lần đầu tiên trường Văn La có cô giáo trẻ người Huế, cô Nguyễn Thị Liên, mới ra trường Sư Phạm. Tóc chải lọn trước trán, y phục dài các thời trang của kinh đô Huế, cô trở thành độc đáo. Học trò của cô không bị đánh bằng roi nữa, ngoại trừ chiếc thước kẻ đôi khi còn được sử dụng để khè vào bàn tay lười biếng nghịch ngợm. Cô có bộ mẫu thêu hình chim, bướm, hoa đủ màu sắc rất đẹp, đem làm học cụ cho lớp, làm ai cũng thèm thuồng. Tôi còn nhớ mặt vải cô gái nhỏ cùng học lớp Ba này (Cours Élémentaire) nhưng đã quên tên vì lúc bấy giờ tôi đầu màng đến chúng.

Một môn học mới ra đời. Những bài học Nông phổ dạy cách trồng tía, tăng gia sản xuất. Có lẽ chính quyền đã đo lường được viễn ảnh không sáng sủa về kinh tế nông nghiệp trong tình hình chiến tranh đang leo thang với sự bóc lột của Nhật. Thầy cô giáo không có kinh nghiệm chuyên môn, chỉ nói qua loa, chẳng mấy học trò hiểu. Giờ thực

hành ban chiều do một vài học trò lớn tuổi, con nhà nông chính gốc, thay thầy hướng dẫn.

Vừa học vừa chơi thoải mái. Vườn thực tập phía sau trường không bao giờ thu hoạch vì thiếu người gìn giữ hoa màu vốn đã quá khiêm nhường. Ngôi trường thật hoang vắng sau giờ học. Mấy con trâu bò không người chăn, lang thang gặm cỏ.

Tôi học với cô giáo mấy tháng nay trong niềm thương mến. Cô tận tụy dạy dỗ, kể nhiều chuyện lạ ở đế đô cổ kính mà chúng tôi xem như chuyện cổ tích hoang đường vì chúng nằm ngoài mơ tưởng bình dị của chúng tôi mà hầu hết chưa một lần ra khỏi lũy tre làng.

Những buổi đi "promenade" -du ngoạn- vào sáng thứ năm trên hai ngọn đồi hoang sau làng thật tuyệt vời. Hơn ba mươi đứa học trò thơ dại tung tăng giữa trời cao rộng, đuổi bướm, hái hoa dại đủ màu, băng qua rất nhiều lùm bụi thấp. *Động Chòi* có một số mỏm chen lẫn đất trồng hiếm hoi mà cần cỗi, chỉ trồng rất mấy vòng khoai sắn hay đám đậu mè ngắn cùn cùn, thu hoạch chẳng bao nhiêu. Người trồng chỉ mong lấy công làm lời và họ thường dựng chòi để trông coi hoa màu nên thành tên của động này. *Động Trọc*, đứng như tên gọi, chỉ là vùng đồi hoang vu tha ma mộ địa, cao hơn nhưng quá cần cỗi. Những sắc cây điển hình ở đây là cây chàm, cây chổi, cây gió, cuộn cuộn dây tơ hồng, mấy gốc cây mây tằm... và một số cây rừng lùn thấp cho trái ăn được. Những viên sỏi màu son, thoái hóa từ đá "latérit", kêu rào rào dưới chân, hòa lẫn với tiếng cười đùa tíu tít của cô giáo và học trò tìm hái từng trái sim chín mọng.

Những cánh hoa sim tím mong manh e lệ với lũ chim chào mào núi liến thoắng tìm mồi. Chim và người cùng háo hức mặt ngọt ý bụi, ngan ngát hương thanh thanh của trái sim tròn lẳn bé nhỏ này. Từng chùm trái mọng đen lánh rất mượt mà, ăn ngọt mà hơi chát. Những nét môi hồng đều chẳng mấy chốc biến chất thành màu tím hoa sim trên đường về.

Tết Ất Dậu đến rất buồn tẻ. Chiến tranh đang leo thang rõ nét. Nhật chuyển quân nhiều hơn. Cao xạ Nhật phòng thủ cầu xe lửa Long Đại nằm sát chân núi Trường Sơn, chỉ cách xa trường Đồi 7 cây số, đã nhiều lần nã đạn đại bác vào máy bay Đồng Minh, gây rúng động một vùng trời.

Nhiều học trò bỏ học sau khi nghỉ Tết. Cái đói đang rình rập đầu đây. Tôi vẫn là đứa trẻ vô tình. Mấy chum lúa của ông bà ngoại còn đầy. Bữa ăn chưa thấy thay đổi hay giảm khẩu

phần, nhưng tôi bắt gặp đôi nét lo âu qua lời nói của ông tôi với tiếng thờ dãi thậm thụt và lời than nhẹ nhẹ của bà ngoại về cảnh chợ búa ế ẩm. Thầy cô giáo buồn lo trông thấy vì vật giá leo thang kinh khủng khi đồng lương cố định.

Ngôi chợ Quán Hàn rất chắc chắn, nền rất cao không sợ bị ngập lụt nhưng bị dân chèn bắt tiện. Khu chợ lộ thiên kế cận rộng rãi, vào ra cả bốn phía và tha hồ cho bạn hàng xả rác mà khỏi phải lau chùi nền chợ. Người bán đóng thuế hoa chi cho nhà thầu. Nhà thầu chỉ cần thuê một người quét sơ sau khi chợ tan thế là xong.

Chợ nằm ở giao điểm tập trung của 5 làng nên rất đông khách. Hai dãy quán cóc lợp tranh, mỗi cái rộng độ 5 mét vuông. Quán có đáng ngồi chồm hổm như con cóc đang ngồi.

Bà ngoại và Di tôi có hai quán riêng biệt. Người ta kéo kệt gánh hàng ra chợ lúc vừa rạng mặt người. Tan chợ lúc mặt trời vừa xế bóng. Hàng hóa lại được mang về nhà an toàn. Hàng hóa của chợ này rất đa dạng, là một sự tập hợp từ sông, biển, đồng bằng và vùng cận Trường Sơn.

Gốc cây gạo cổ thụ có rất nhiều hoa lớn bằng cái chén, màu đỏ cánh sen rưng rức vào đầu Xuân trụi lá, luôn luôn hấp dẫn lũ trẻ. Hoa gạo bay và xoay nhẹ nhàng rất vui mắt mỗi khi có cơn gió lớn. Tôi cũng mê hoa gạo và mê luôn khu chợ cá bày quanh gốc cây gạo này với nhiều loài thủy tộc vừa vớt lên từ sông Nhật Lệ, còn đang sống, muôn màu muôn vẻ kiểu dáng và hình tích kỳ lạ. Dân chài không ngớt mang ngay sản phẩm vừa đánh bắt xong vào lúc chợ đang đông để được bán cao giá.

Nhiều loại trái cây đặc sản của rừng được bày bán theo mùa: hạt dẻ rất bụi, hạt sọt vừa dẻo vừa béo ngày ngày, mít nài, hạt dười ương, chôm chôm không tróc phải nhai luôn hạt, chùm dâu ngọt thanh, trái bứa tuyệt diệu, trái ẩng v.v... và trái hồng lớn bằng trái bưởi nhỏ, tròn lẳn màu hồng tươi, thường phải được nướng sơ trên lửa trước khi ăn để giảm bớt mù khò dính vào môi.

Chợ rất ồn ào náo nhiệt. Người mua và kẻ bán đều trả giá và nói thách. Cái cọ đôi co giữa người thu thuế và chịu thuế. Ngoài chiếc cân tạ trong sạp thịt heo, lon sữa bò hay chiếc ô bằng gỗ tiện dùng để đo lường lương thực hoặc chia từng mớ khoai sắn, kể cả tôm cá để thuận mua vừa bán.

Trong ngày nghỉ học, đôi lúc tôi phải ra chợ giữa buổi vì ông tôi đôi

bụng sớm. Khu vườn nhà có một khoảnh đất rộng để trồng rau, mấy hàng khoai lang, vòng khoai tía, khoai từ, gừng, nghệ v.v... Ông và cháu tương đắc gieo trồng, bảo trì các cây ăn trái, bờ mương, lũy tre. Lao động chân tay tiêu thụ nhiều năng lượng. Bánh ướt, bánh bèo tôi mang từ chợ về do bà ngoại mua, là nguồn năng lượng bổ sung cần thiết và hết sức ngon miệng.

Cả ngôi chợ hầu như chỉ dành cho đàn bà con gái. Đàn ông con trai ít ai bén mảng đến. Tôi chưa thấy ai nhậ nhện trong chợ này.

Cuối buổi chợ, chỉ còn lại một bà lão người Huế, mẹ của ông Bông, hàm cừ phẩm văn giai, làm nghề mộc khá phát đạt gần đây. Bà là bà nội của thằng Phẩm, bạn học cùng lớp với tôi. Bà ngồi trong dãy nhà ngang duy nhất của chợ với một số thúng mẹt trái cây đủ loại, mấy lọ kẹo bột, kẹo đậu phụng đường đen và một bếp lửa nhỏ leo lét để đồ bánh xèo có nhân giá sống, điểm thêm con tôm đất còn nguyên râu mắt. Bánh này rất dai, mỡ béo thơm lừng, mùi hành lá thoang thoang, chấm với nước mắm giấm ớt xanh sao mà hấp dẫn lạ lùng với bầy trẻ nhỏ tụ tập chơi đùa vô tích sự quanh quanh.

Cả một khu chợ rộng mênh mông vắng người trở thành sân đá banh, bóng chuyền, bóng ném, đánh đáo, đánh khăng... Những trái bóng được làm bằng trái bưởi tròn được lúi tro nóng cho mềm để đá, khỏi đau chân. Trái bóng bằng da là điều mơ ước không bao giờ có trong thời buổi ấy.

Theo tục lệ của làng Văn La, năm nào cũng có đám rước Thành Hoàng và lễ Kỳ Yên đầu năm. Tất cả đình, miếu, am đều được phát quang, dọn sạch cỏ, lau chùi bàn thờ, đồ thờ và trang hoàng bằng các khí mành lưu cữu từ xưa có sơn son thếp vàng.

Những ngọn cờ đủ màu, phần nhiều là màu đỏ, treo la liệt ở sân đình lót gạch bát tràng rất rộng. Các kỳ lão và chức sắc tụ họp ở nhà tả vu và hữu vu suốt mấy ngày.

Lễ rước bằng sắc của vị Thành Hoàng, do Vua ban từ thuở mới khai sáng, hết sức uy nghi và trang trọng, do vị Tiên Chi của làng dẫn đầu, có lọng che kiệu bàn hương án, đàn sáo và kèn thổi với đám quân hầu, toàn là trai tráng, vắc khí giới xưa bằng gỗ có cán sơn son thếp vàng hộ tống. Tiếng kèn phát ra âm thanh réo gọi thăm thẳm, có ma lực quyến rũ, thúc giục, lan đi rất xa làm sâu lắng lòng người. Tiếng trống cơm, trống con và trống đại rộn ràng chấn động kích thích đám trẻ con bu quanh và người lớn từ đầu

làng đến cuối ngõ. Tiếng xập xòà, chiêng ngân dài từ còi xa, âm u sâu muộn.

Đám rước thật linh đình, đi chậm chậm qua các nẻo chính có nhiều miếu thờ nghi ngút khói nhang, như đoàn quân đang trấn hoi. Ba ngày đêm cúng bái liên tiếp cầu cho quốc thái dân an.

Mấy chiếc lều tạm trong sân đình um khói. Đám trai tráng lo hạ bò, giết lợn, nấu xôi, trà thuốc cho quan viên. Các chức sắc luận bàn thế sự, đặt kế hoạch sắp tới cho làng. Không có bất kỳ phái nữ nào ở đây.

Sau lễ chính thức rất rườm rà kéo dài gần 3 giờ liền, với đủ nghi thức phong kiến cổ truyền, thể hiện qua viên Chánh Tế và Bồ Tế trong tiếng xướng lễ long trọng; chuông trống đồ hồi, ngân dài rồi nhỏ dần nhỏ dần. Cái im lặng bao trùm không gian mang một vẻ linh thiêng huyền bí trong suốt buổi tế lễ như được giải tỏa. Một vài chức sắc có liên quan đã lên tiếng sai bảo dân đình chuẩn bị cỗ bàn. Áo đen, quần trắng, khăn đóng là đồng phục duy nhất, ngoại trừ một số rất ít bà lão có vai vế trong làng và thuộc vào các gia đình khá giả, sắm được áo nhiễu, áo the, áo gấm, đi giày hạ.

Phẩm vật đã cúng xong được mang xuống một chái nhỏ để dọn ra đĩa, bày ra mâm. Tiếng dao thớt pha lẫn tiếng cười đùa nho nhỏ của người phục vụ. Những chiếc mâm tròn tiện bằng gỗ mít đầy ắp những đĩa, những tô, chén đĩa. Tùy phẩm trật và ngôi thứ để phân định ai được ngồi mâm trên, kẻ mâm dưới. Cái vinh dự của miếng ăn không thuộc về chất lượng của nó mà thuộc về tôn ti trật tự đã được phân định từ lâu trong hàng ngũ chức sắc. Và lại "một miếng giữa làng bằng một sàng trong bếp".

Những món ăn đơn giản. Thịt heo luộc, thịt bò tái, lòng heo; nước xáo hầm từ xương heo bò, ăn với xôi trắng nạm mấy hạt đậu phụng đãi vỏ đã được chia phần sẵn. Bọn trẻ con cũng được dự phần. Những chiếc nong phơi lúa được bày ra giữa sân đình. Mười đứa ngồi trong chiếc nong, như là một mâm, nhai ngồm ngoàm vui thích cùng một món ăn như người lớn nhưng số lượng kém hơn.

Một tuần lễ sau, đến lượt làng làm lễ cúng Hà Bá.

Cung sông Nhật Lệ chảy qua làng Văn La ở phía Đông, tạo nhiều thuận tiện cho dân làng dù nước mặn hầu như quanh năm. Miếu thờ Thần Sông nằm ở phía Tây của chiếc cồn nổi giữa sông, đối diện xóm Quán Hàn, có tiếng rất linh thiêng.

Ông tôi được cử làm Chánh Bái cuộc lễ năm này.

Quần điều, áo thụng xanh, khăn đóng bằng nhiễu màu nước biển, chân đi giày hạ. Chòm râu bạc dài phất phơ dáng vẻ tiên phong đạo cốt với chiếc gậy trúc cán chạm. Trong các lễ hội vui liên hoan, đám cưới v.v... ông tôi còn làm dáng hơn với áo dài cặp ba màu xanh trắng đỏ. Ông cho hay người già lão trên bảy mươi được quyền mang quần điều. Cái tuổi "cổ lai hi" cũng có đặc quyền.

Chi phí cuộc lễ này không nằm trong công nho của làng mà tùy thuộc vào lòng thành đóng góp của giới sử dụng sông nước làm phương tiện di chuyển. Cách dò trở giang, mưa bão sóng cồn, ma da, âm cung quân tướng và hà bá là những nỗi lo cho thuyền dò mỗi khi tách bến, nên không ai hẹp dạ.

Đình chợ được dọn rửa sạch, che chắn công phu thành rạp lớn và được trang hoàng lộng lẫy để làm đám cúng. Vua của loài thủy tộc được cung nghinh rất đặc biệt của đám dân chài và vạn dò ngang, dò dọc trong gần hai ngày đêm rộn rã.

Buổi lễ mà tôi cảm thấy rùng rợn nhất được cử hành lúc giữa khuya của đêm cuối cùng.

Bè được kết bằng bốn chiếc thuyền lớn, rục rở đèn nhang, có lan can trang trí bằng hoa, lá ngâu, như vảy con thường luồng uốn khúc. Chiếc bàn hương án rộng chiếu rọi bằng ánh sáng bập bùng. Một màu sáng lung linh huyền ảo trên sóng nhấp nhô. Chiếc long châu phát bằng giấy bồi nhiều màu, có vẽ nhiều nét hoa văn uốn lượn, dài khoảng hai thước, được đặt nằm trang trọng giữa lòng chiếc bè, có chừa trầu cau, vàng mã, giấy tiền và được gắn trên 2 thân cây chuối làm phao.

Bè tách bến trong cơn gió hiu hiu với đám chức sắc chọn lựa cùng một số thuyền đi hộ tống. Mặt sông đêm rộng mịt mù không bờ bến. Thuyền đi rất âm thầm. Những con thuyền ma quái leo lét ánh sáng ma trôi, tiến ra giữa dòng sông Nhật Lệ đang có sóng xao nhẹ. Tôi như đắm mình vào một cõi huyền hoặc, chơi vơi lẫn sợ sệt giữa tiếng chuông trống giã giã tiến đưa trên bè sông. Chiếc long châu được thả xuống dòng sông lạnh.

Ánh đèn le lói, đốm lửa nhang mập mờ trên chiếc long châu xuôi theo dòng nước, xa dần, xa dần và mất hút trong đêm đen. Bà đã thắng, Hà Bá đã về lại thủy cung.

Chánh Bái và các Phụ Bái đều mặc áo lễ rộng thùng thình, đội mào vuông có hai giải thông xuống vai, cử hành lễ

tất trong tiếng xướng danh: "... cúc cung bái..." vào giữa hồi chuông, trống giao thoa rộn rã cuối cùng, nhỏ dần rồi im bật.

Những ngày tế lễ trọng đại hàng năm kết thúc trong sự luyến tiếc của bọn trẻ chúng tôi. Trò chơi việc làng "i... ò... e" này lại được chúng tôi ứng dụng tiếp theo vào những ngày sau với tiếng kèn trống miêng, kèn lá chuối, ống đu đủ khá tung bưng.

Hồi còn theo cha mẹ ở xứ Chùa Tháp -Cao Miên- (1941), thỉnh thoảng tôi được cho đi coi hát "Lạc Khon", na ná như hát cải lương ở Sài Gòn. Gánh hát ở đây nghèo nàn nhưng khi ra tuồng, các đào kép xem ra cũng rất hấp dẫn, mặt hoa da phấn, áo mào xiêm y với đủ bộ tịch hỉ nộ ái ố, tạo được sáng khoái cho người coi bình dân. Những hôm hát tuồng "Chàng Tinh Đại Náo", lũ con nít đi xem "cọp" đông hơn bao giờ cả.

Y trang cổ xưa, đuôi chiếc xà-rông được cuộn lại và vắt sau lưng nom như loài vượn, điệu nhảy múa uyển chuyển với dàn nhạc Miên rền rĩ, lời ca ào ão, cảnh gươm đao chinh chiến, cung nỏ vung vút tên bay rất lòi cuốn. Thế là sau buổi hát, lũ trẻ lại bôi mặt, hóa trang tạm bợ bằng phấn viết, bao nhang, bắt chước diễn tuồng để cùng vui cười nghiêng ngả.

Cái khùng khiếp thật sự buổi ấy là trốn nhà đi xem thầy pháp người Tàu, người Mã Lai hành lễ. Giữa khung cảnh uy nghi đèn nến bập bùng, nghi ngút khói nhang, người ta lấy dùi sắt dài 50 phân nhọn lều đâm thấu vào má bên này xuyên qua bên kia. Đầu mũi dùi thò ra ngoài cả gang tay mà máu không chảy, người không tỏ vẻ đau. Chông sắt nhọn hàng trăm cái, cao mười phân găm tua tủa trên tấm phàn không làm rên la, bật máu, trầy sướt da, khi một người lớn chỉ đóng khổ nằm đè lên trên để biểu diễn quyền lực vô hình của đấng thiêng liêng trong buổi lễ đình tai nhức óc với trống xập xòa, thanh la và trống rền trời, giữa hàng cờ đu màu đang phất phơ bay.

Một vài sự tích trên được tôi bày lại cho chúng bạn nên nhiều cuộc chơi lại nối tiếp ngoài dài thích thú.

Ông ngoại tôi sống phong lưu từ nhỏ nên bây giờ lại còn phong lưu hơn. Làm vườn, trồng hoa, săn chim, câu cá, vài canh tổ tôm, thăm viếng hàn huyên với bà con, lo việc làng, việc họ và kỳ giỗ hầu như quanh năm.

Những ngày kỳ lớn tại nhà thờ họ Hoàng chỉ dành cho các bậc tiền bối từ ba đời trước trở lên. Ông tôi chuẩn bị từ nhiều ngày trước các áo quần lễ phục

cần thiết, lấy từ chiếc rương nhỏ sục nức mùi long não và tẩm gội rất cẩn thận trước một hôm.

Ông thường dặn bảo con cháu: vật cúng rồi ra mình sẽ dùng lại, chỉ có lòng thành là quý nhất. Cái tâm của Nho giáo bằng bạc trong cái đức nhân nghĩa lễ trí tín. Từ ngữ *tiêm tất*, nói trại ra từ "tuom tất" mà ông tôi hay dùng sao có nghĩa quá rộng: dọn bàn thờ tiêm tất, kỳ cọ rửa chén bát khí mảnh cho tiêm tất, nấu nướng cho tiêm tất, ăn mặc cho tiêm tất... tiêm tất...

Nhà thờ chính xa chừng 2 cây số, ẩn mình trong lũy tre xanh dày đặc, có sân rộng tiếp giáp một hồ sen không bao giờ cạn nước, hương đưa thoang thoang đầu hè, hoa màu trắng, màu phớt hồng như cựa mình nhẹ nhàng khi gió trở chiều. Ăn sáng xong, ông tia lại bộ râu mép cho tày. Đầu quần khăn nhiễu đen, chiếc áo lương bận ngoài áo lụa trắng và quần dài cùng màu, với sợi dây lưng vải xanh to bản và đôi giày hạ. Chiếc gậy bằng gỗ mun đều tiện tròn bịt bạc, chiếc dù đen giương lên, ông tôi chậm rãi rời nhà như tiên ông, thông dong trên quốc lộ 1 và rời trên mấy nẻo đường làng rợp bóng cây xanh, và thấp thoáng quanh nương là những cây rom thật lớn rất quen thuộc, cùng mấy con trâu đen hiền hòa đang nơi cỏ.

Lễ kỵ làm tại nhà thờ lúc nào cũng rất lớn và trịnh trọng vào đúng ngày "húy nhật". Họ Hoàng có mấy chục mẫu ruộng hương hỏa tại vùng huyện Lệ Thủy nên không kêu gọi sự đóng góp của con cháu. Một số bà con khéo tay được cất cử từ trước lo hạ heo bò, hông xôi, nấu nướng cỗ bàn và làm bánh đủ loại. Mâm cỗ mang về cúng đình, do các hậu duệ của bà con dâu, nguyên là Công Chúa triều Nguyễn, du nhập từ kinh đô Huế.

Theo lệ, sau khi lễ xong vàng mã được đốt. Tùy theo thứ bậc và niên kỷ, tất cả con cháu đều ngồi vào mâm để hưởng lộc của Tổ Tiên trong cảnh đoàn viên đầm ấm, râm ran tiếng cười. Bánh trái dùng tráng miệng được chia phần để có thể mang về cho con cháu bé ở nhà.

Tôi luôn luôn được phần hơn các cháu nội khác. Một vài khiêu nại to nhỏ về sự bất công bằng này lọt đến tai của ông. Ông tôi ra mặt bênh cháu ngoại, rằng:

- Cháu ngoại chỉ là một đời thôi, nên thương hơn một chút không hại. Cháu nội là vĩnh viễn.

Đã hơn bảy mươi tuổi nhưng đôi mắt còn rất tốt, ông không dùng kính lão. TỰ tay ông quét dọn am thờ và thấp nhang vào các ngày rằm, mùng

một. Cái am nhỏ được tạo lập từ nhà thế kỷ nay, theo kiểu chùa Một Cột, bằng gỗ, rộng độ 5 thước vuông và cách mặt đất gần 2 thước. Một tiền sảnh nối tiếp rộng 20 thước vuông, có hai dãy bàn thờ đối diện và một bàn thờ khác rộng hơn và thấp hơn ở giữa nhà. Mái lợp tranh, vách bằng tre gài được trét bằng đất trộn rơm và quét vôi trắng.

Bài vị chính viết bằng chữ Nho: *Hoàng Thị Tiên Bà*.

Theo lời ông và các cậu tôi tiết lộ, đây là nơi thờ một Bà Cô thuộc chi nhánh họ Hoàng đã mất từ lâu, rất linh thiêng trong nhiều dịp báo mộng, đã hiển hiện về nhiều lần và giúp con cháu thoát được nhiều tai ách.

Lễ vía của Bà rất trang trọng. Ông tôi dạy các cậu con cháu tôi múa bông bằng lồng đèn hình hoa sen nở. Sự diễn tập múa hát rất nhiều đêm để khởi đầu cho sự kiện mà tôi cho là trọng đại.

Hôm cử hành lễ vía gặp tiết hè có trăng sáng. Cánh trái của khu vườn rộng nhưng luôn luôn um tùm, cạnh lũy tre dày đặc không có ánh mặt trời xuyên thủng, thật rục rờ đèn nhang. Tất cả con cháu đều phải về dự lễ. Theo truyền thuyết, Mụ Cô Bà có quyền "bắt" các cháu nếu muốn và có quyền quở phạt những ai làm trái ý, do đó ai cũng sợ. Ông tôi cung kính hành lễ sau một hồi chuông ngân, tiếp theo là các cậu mợ và lũ cháu trong không khí rộn rợn ma quái.

Màn múa hát bắt đầu rộn rã với bài *bàn cây nhà lá vườn* do ông tôi soạn nhưng không có nhạc đệm. Điệu múa cung đình được biến cải lạ mắt. Đây là một biểu tượng chỉ có một lần trong một năm nên rất đông người từ mấy xóm lân cận đến xem.

Một chiếc ghế được đặt bên cạnh mặt am -vào lúc gần nửa đêm- Bà mợ dâu nhỏ tuổi nhất (mợ Ngõi) đã chay tịnh và giữ mình thật sạch sẽ mấy ngày nay, ngồi vào chiếc ghế theo lệnh của ông tôi. Ông tôi quỳ xuống trước bàn thờ. Nén nhang đưa cao lên trán. Lời khấn lâm râm.

Một không khí u uẩn, rờn rợn dâng lên. Hàng trăm người im bật, thôi cử động, theo dõi trong nỗi sợ không đầu. Chiếc khăn điều đã được phủ trùm kín lên đầu của đồng cốt, mợ tôi. Chiếc đầu yên lạng trong phút chốc bỗng lác lác, lác lác. Có tiếng ợ khan. Tiếng ngáp lớn rồn rảng và mấy tiếng lạ tai khác mà ở thế gian này chưa ai được nghe. Tốc độ lác lác tăng dần rồi từ từ chậm rãi và dừng lại.

Giọng nói có âm thanh hơi khác, một giọng rền rền xa lạ phát ra:

- Các người cần gì ở ta ?

Như từ một cõi hư vô, huyền ảo yêu ma hiện hình, một luồng khí lạnh truyền vào đám con cháu và những người xem đang cố nín thở lắng nghe.

- Bà lên, Bà lên ...

Nhiều tiếng xâm xì nhỏ to, kính cần, sợ sệt.

Ông ngoại tôi lại gần cô con dâu đang thoát hồn của mình, đang trở thành đồng cốt của Hoàng Thị Tiên Bà, vòng tay cúi đầu đạo đạt nguyện vọng xin Bà độ giúp cho con cháu một năm an lạc.

Bà phán nhiều điều. Ông tôi vâng dạ một cách thành kính đầy tin tưởng - không gian lặng ngắt, bao trùm các tâm hồn dương thế. Buổi lên đồng lâu khoảng một giờ. Tiên Bà đã giải đáp, dặn dò nhiều việc cần thiết. Đầu của đồng cốt bỗng quay nhanh trở lại rồi một cái rùng mình khá mạnh, chiếc đầu như chựng lại, không động đậy trong chốc lát. Mợ tôi tụt tay gỡ tấm khăn điều, thở phào một cách khó nhọc. Nét mặt thất thần dần dần hồi tỉnh nhưng chứa đầy nét mệt mỏi. Những giọt mồ hôi còn đang đổ xuống trên khuôn mặt ngấn ngụa lóng giữa hai thế gian âm, dương.

Phần hồn có tồn tại hay không ?

Một trăm phần trăm sự khẳng định này bằng thực tiễn, được lặp lại hàng năm, ai cũng hoàn toàn tin, nhưng không ai giải thích được. Thật ra không ai dám làm để hiểu rõ sự thật hơn. Mọi người đều kính sợ. Bà mợ dâu, Lê Thị Ngôi, là một trong 4 bà con dâu được các đấng linh thiêng chọn làm đồng cốt vì mợ có vía nhẹ (?). Đó là sự giải thích được mặc nhiên chấp nhận.

Không có một sự sắp đặt, tính toán nào về phía ông ngoại tôi hay ai khác. Không có một mờ ám, lợi dụng, ẩn khuất nào trong việc lên đồng chỉ để cầu mong gia đạo tránh tai ách, được an vui này. Sự lên đồng có tính cách gia đình này không vụ lợi cho bất kỳ ai khác và cũng không xúi bẩy hay lôi kéo sự quan tâm, mê tín của ai. Đó là sự tín nhiệm tuyệt đối không ai dám tìm hiểu, nhất là giữa con cháu của ông tôi.

Niềm tin xác quyết này đã giúp ích cho con cháu Tiên Bà tồn tại và thoát được nhiều tai ách, hoạn nạn lúc bấy giờ.

Tôi vừa vui thích trong nỗi kính sợ đầy tin tưởng và luôn luôn cúi đầu và dường như nín thở, khi có việc phải đi qua trước am của Tiên Bà.

(Trích Dòng Nhật Lệ)

Thơ



MẮNG CON QUỐC TIẾC XUÂN

Ai khuyên con quốc nó đừng kêu,
Xuân đã qua rồi cứ gọi theo
Sao cứ lo-co trong bụi rậm,
Lại còn eo-óc với trời cao!
Cỏ non nước đục chờ mi mãi,
Liều-yếu đào tơ chán kẻ yêu.
Đen-đũi chẳng nên năn-nỉ phận,
Mặc cơn mưa sớm, hạt mưa chiều.
(TÂN ĐÀ)

THƯƠNG CON QUỐC HỒN XUÂN

Những họa bài "Mắng Con Quốc Tiếc Xuân"

Quốc hồn chi cứ réo kêu
Hay xuân đã lạnh tuyết còn theo
Co chân lủ thủ xa rừng rậm
Rã cách chờn vờn biệt núi cao
Nước mắt còm lưng ôm nỗi nhớ
Nhà tan góc cổ gánh trời yêu
Loanh quanh sục sạo chưa yên phận
Toét mắt nhìn ra đã xế chiều...
(M V)
(San Diego vãng xuân)

KIỆP CON QUAY

Trời sinh ra kiếp con quay,
Quay tít mù xanh nghĩ cũng hay.
Lì-mít giang-sơn khi chóng mặt,
Đùng lặn thiên địa lúc rời tay.
Lãng-băng thân-thế đi đi đứng,
Nghiêng-ngả quan-hà, tỉnh tỉnh say.
Thân tố ví to bằng quả đất,
Cũng cho thiên-hạ có đêm ngày.
(T N ĐÀ)

PHẬN ĐỊA CẦU

Họa nguyên vận "Kiếp Con Quay" của Tân Đà

Quả đất quay tròn tít tít quay
Từng trông đã thấy lắm điều hay
Khi nhìn thế tục tay che mặt
Lúc ngó gian trần mặt giấu tay
Nọ lữ ham danh say chỗ đứng
Kia bè mết lợi đứng trông say
Người người lẫn quẩn tan vào đất
Tử tử sinh sinh tiếp tiếp ngày...
(M V)
(San Diego vào đông)

Liêu Trai

Chí Dị

Nguyên tác: **Bồ Tùng Linh**
Bản dịch : **Lê Nghĩa Chi**

Lời Tòà Soạn :

Bồ Tùng Linh (1640-1715) quê Chuy Xuyên tỉnh Sơn Đông, tên chữ Lưu Tiên, hiệu Liễu Tuyền (có sách chép Liễu Tuyền Cư Sĩ), đỗ Công Sinh niên hiệu Khang Hi (1662-1721). Sau bỏ con đường cử nghiệp. Dồn sức lực vào cổ vấn, bi phần cảm khái trước tình hình đất nước bị ngoại xâm. Trú thuật rất phong phú, thành một nhà riêng. Liêu Trai Chí Dị là một trong những tác phẩm để lại, rất nổi tiếng.

Liêu Trai Chí Dị là tiểu thuyết gồm 16 quyển, cộng 431 thiên (theo Tử Hải): ghi lại chuyện thần tiên, chồn tinh, ma quỷ, việc cũ, sự kiện có thật, v.v... Miêu tả những nông nổi ngoằn ngoèo, bày ra theo thủ tự rành mạch, tình cờ thuật lại những điều nghe thấy, rất đôn giản trong sáng. Cuối truyện thường thêm vào một lời bàn nhỏ ngày xưa rất thịnh hành.

Các bậc tiền bối như Tân Đà, Đào Trinh Nhất, Hiếu Chân đã từng dịch một số truyện trong cuốn Liêu Trai Chí Dị của Bồ Tùng Linh nhưng đa số là những truyện tưởng đối dài. Trong phần "Tự Ngôn" của bản dịch "Liêu Trai Chí Dị" sắp được ấn hành, dịch giả ghi: "... Nhằm mục đích trau dồi thêm kiến văn chủ Hán, nên chúng tôi cũng mạo muội dịch một số những truyện rất ngắn và dễ dịch để giới thiệu với độc giả các truyện trong "Liêu Trai Chí Dị" tiềm tàng nhiều ẩn ý và ẩn dụ, nên người dịch giữ nguyên văn phong nguyên bản (ghi chú của Tòà Soạn)

• VIÊN GIÁC

TỬ THẬP THIÊN

Vương Đại làm quan tu mã ở huyện Tân Thành tỉnh Sơn Đông có người quản gia, mà mọi người trong nhà gọi là Tố Phong (Giàu Đủ), chợt nằm mơ thấy một người chạy vào nói rằng:

- Ông còn thiếu 40 ngàn, nay trả đi.

Hỏi người đó, không thấy trả lời, liền vào bên trong nhà mà đi mất.

Rồi tỉnh giấc mơ.

Người vợ sinh được một đứa con trai, biết là oan nghiệt cũ. Bèn lấy ra 40 ngàn đặt ở một căn nhà. Phạm việc ăn uống quần áo thuốc men của đứa bé đều lấy ở đó chu cấp đầy đủ.

Đã được 3, 4 năm, nhìn thấy tiền trong nhà còn 7 trăm, bèn bảo bà vú bế đứa nhỏ tới, cười đùa ở bên. Nhân đấy mà nói với đứa bé rằng:

- Bốn mươi ngàn đã gần hết, người sắp đi rồi.

Lời nói xong, đứa bé bỗng nhiên đổi nhan sắc, đỉnh đầu nứt ra, mắt mở, lại rũ xuống, hơi đã đứt rồi.

Bèn lấy số tiền còn lại để mua đồ tống táng đứa bé. Như thế là vừa hết số tiền nợ.

Ngày xưa có một ông lão không có con, hỏi các vị cao tăng. Vị cao tăng nói rằng:

- Ông không thiếu người ta, người ta cũng không thiếu ông, làm sao ông có con được?

Nếu ta sinh được một đứa con trai tốt đẹp là báo đáp cái lộc của ta vậy; nếu sinh được một đứa con ngu đần là đòi lại cái nợ của ta vậy. Người sống chờ vui, người chết chờ buồn vậy.



KIỀU TRUNG QUÁI

Ông An ở huyện Trường Sơn tỉnh Sơn Đông, tính thích công việc nhà nông. Khoảng mùa thu, lúa mạch đã chín, cắt lúa đánh đống ở bờ.

Thời gian gần đây có kẻ trộm lúa, nhân đấy sai người tá điền lúc trời sáng trắng đẩy xe lên bãi đất chờ chuyển về nhà. Mà tự ở lại canh giữ, bèn gối đầu lên cái mác mà nằm. Một chốc thì mắt nhắm lại, chợt nghe tiếng người xéo trên lúa mạch xột xoạt, trong lòng nghi là có kẻ trộm. Nhắc đầu nhanh lên nhìn thấy một con quỷ lớn hơn trượng, lông tóc đỏ như con chồn độc ác, thân đi đã tới gần.

Hãi quá chẳng kịp tính toán, nhay người mạnh bạo đứng lên, đâm con quỷ. Quỷ rống lên như sấm mà chạy.

Sợ quỷ trở lại, vác mác mà về, gặp bọn người tá điền ở trên đường, nói cho biết những điều trông thấy, bèn ngăn không cho đi tới. Mọi người chưa tin lắm. Cách một ngày hôm sau, phơi lúa ở bãi sân, bỗng nghe thấy tiếng

động trên không, ông An sợ hãi nói rằng:

- Quỷ vật lại tới rồi!

Nói xong, bèn chạy, mọi người cũng chạy theo. Một lúc sau tụ lại. Ông An sai bày cung tên để chờ quỷ tới.

Ngày mai, quả nhiên quỷ vật tới. Những mũi tên đều bắn ra, quỷ vật sợ mà chạy trốn. Hai ba ngày sau không trở lại nữa.

Lúa đã xong, đưa lên kho. Rơm rạ nhiều, ông An sai chất thành đụn. Chính ông thân hành leo lên cao hàng mấy thước. Bỗng nhiên dao động sợ hãi mà nói rằng:

- Quỷ vật đến rồi!

Mọi người vội vàng lấy cung tên, quỷ vật đã đuổi kịp ông An. Ông An ngã, quỷ vật cắn vào trán ông mà đi khòì. Mọi người đều nhìn thấy miếng xương trắng như lòng bàn tay.

Ông hôn mê không biết gì. Mang ông về tới nhà thì mất.

Về sau chẳng thấy quỷ vật lại, không hiểu sự quái lạ ấy như thế nào.

HẮC THÚ

Nghe ông Thái công Lý Kính Nhất nói rằng:

- Khi tôi làm việc ở Thẩm Dương, có tụ tập ăn uống ở trên ngọn núi, trông thấy ở dưới chân núi có một con cọp tha con vật tới, lấy móng chân cào đất vùi con vật vào đó rồi bỏ đi. Sai người coi chỗ cào đất đó, thấy được con nai chết. Bèn lấy con nai chết đi mà che đậy cái hang ấy lại. Một khoảng thời gian sau, con cọp dẫn con thú đen tới.

Con thú đen đó lông dài vài tấc, con cọp gắng sức đi trước đường như mời một khách quý.

Con thú đen chăm chú xoạc chân dò xét.

Con cọp vào hang thấy mất con nai, nằm xuống không dám cử động một chút nào. Con thú đen tức giận sự lừa dối ấy, lấy móng mà đánh vào trán cọp. Con cọp lập tức chết, con thú đen cũng bỏ đi.

Dị Sử Thị nói rằng:

Con thú chẳng biết tên là gì, nhưng hỏi về hình dáng của nó lớn chẳng khác con cọp, mà làm sao đón rước lấy cái chết. Sự đến như vậy sao? Phạm vật đều có khắc tinh của nó, lý không thể giải thích được. Như con khỉ rất sợ con khỉ lông dài. Xa trông thấy nó, thì có bày cả trăm cũng la liệt mà quì, không dám chạy trốn. Nhưng con người, nín thở, nghe tiếng con vượn lông dài tới lấy móng mà lượng sự gầy béo của chúng, con béo thì lấy miếng

đá ghi trên đỉnh đầu, con khi con mang đá mà nằm chờ, sợ như con gà gổ, chỉ sợ sệt mà hèn yếu.

Con khi lông dài lường được điều đó, bèn lần lượt lấy đá mà ăn, bắt đầu thừa thì ném tứ tán.

Ta thường gọi bọn quan lại tham lam là khi lông dài, cũng lường dân chúng giàu nghèo, mà ghi điều đó để ăn hiếp. Dân nghe tới ăn hiếp chẳng dám ho he, tình cảnh đáng cười cũng như vậy. Ôi có thể thống khổ vậy!

SỐN THỊ

Thành thị trên núi Hoán Sơn, là một trong 8 cảnh của ấp này vậy. Tuy nhiên hằng mấy năm mới trông thấy một lần.

Công tử Tôn Vũ Niên và bạn bè cùng nhau một lần uống rượu trên lầu, chợt trông thấy trên đỉnh núi một tòa nhà lầu cao vọt lên, vút tới trời xanh, cùng nhau kinh hãi nghi ngờ. Nghĩ ở gần đây trong núi không có thiên viện.

Không lâu, trông thấy cung điện hàng chục tòa ngói biếc cột cao không trung, bắt đầu hiểu rằng đó là thành thị trên núi.

Chẳng bao lâu, một bức tường thành cao liên tiếp 6, 7 dặm, hẳn nhiên đó là thành quách vậy. Trong đó dường như có lâu đài, dinh thự, phường phố, hiện rõ rành trước mắt, ước khoảng ức vạn nhà.

Bỗng nhiên có một trận gió lớn nổi lên, hơi bụi mù mịt, thành thị như một chấm, rồi mất.

Gió đã yên, trời trong, hoá thành con quạ, chỉ có một toà lầu cao, thẳng tiếp tới sông ngân hà. Mỗi tầng có 5 cửa sổ đều mở, 1 dãy 5 nơi sáng, lầu ở ngoài trời vậy. Nhiều tầng phơ ra, lầu thật cao, sáng càng nhỏ lại, có tới 8 tầng, như những vì sao, lại ở trên nữa thì mịt mờ không thể đếm được tầng nữa. Mà ở trên lầu có người đi lại lữ lượt, hoặc đứng hoặc dựa, không có hình dáng nhất định.

Một thời gian sau, lầu dần dần thấp xuống, có thể nhìn thấy đỉnh, xuống dần như tòa lầu thường, lại xuống nữa như 1 tòa nhà cao, đột nhiên như đầu ngón tay, như hạt đậu, rồi không trông thấy gì nữa.

Lại nghe có người đi sớm trên đường trông thấy ở trên núi có khói, và như với thế gian không khác. Cho nên gọi là thành thị của quỉ vậy.

Chú thích :

Sơn thị: -chợ trên núi.

-thành phố trên núi.

Hoán sơn: -tên núi ở huyện Chuy Xuyên, tỉnh Sơn Đông.

TRẠCH YÊU

Cuộc biến loạn ở Tạ Thiên, dinh thự của bọn hoạn quan đều là chỗ ẩn núp của giặc. Ông Vương ở trong nhà suốt ban ngày. Bọn cướp tụ họp rất đông. Thành bị phá, quân sĩ tràn vào, quét sạch thầy bọn thảo khấu ở trên hè, máu chảy thành dòng ra tới cửa.

Vương vào thành, khiêng xác, rửa vết máu mà ở. Ban ngày đi qua, trông thấy quỉ, ban đêm trước giường ma trôi bay liệng, góc tường quỉ khóc.

Một ngày kia, Hạo Dịch, tới ở nhờ nhà ông Vương, nghe ở dưới giường có tiếng nhỏ, gọi liên hồi Hạo Dịch, Hạo Dịch! Rồi tiếng dần dần lớn, rõ ràng:

Ta chết rất khổ!

Nhân đấy mà tiếng khóc vang đầy sân.

Ông Vương nghe thấy chống gươm mà đi vào, lớn tiếng nói rằng: Nhà người chẳng biết ta cũng là người đi học sao?

Rồi nghe thấy cả trăm tiếng cười chê ở núi.

Vương thiết lập một đạo trường ở dưới nước và trên đất liền, nhờ nhà sư tới tế độ. Tối đêm ném thức ăn cho quỉ, thì trông thấy ma trôi rục rồ, tùy theo mặt đất mà xuất hiện.

Trước tiên là tình cảnh của họ Vương bệnh rất nguy cấp, hôn mê chẳng biết ai đã mấy ngày rồi. Đến đêm chợt dường như mỗi một lười biếng chợt tỉnh, người đàn bà lấy thức ăn dâng lên.

Vương nói rằng:

- Đưa tới chủ nhân mà chẳng biết việc sao, cho ăn ở ngoài sân, ta cũng tùy theo số đông mà cho ăn, ăn xong rồi, nên về đi, cho nên chẳng đợi nữa.

Do đấy mà quỉ bèn hết tiết, há chuông trống cồng lệnh, chiếc áo nhà sư quả là có ích vậy!

Di Sử Thị nói rằng:

Vật tà quái duy đức độ có thể qua được. Đương lúc thành bị hãm, ông Vương thể chính tiếng oai to lớn, nghe đều sợ sệt, mà quỉ bèn vui cười với ông Vương: Tưởng quỉ vật ngược lại không biết lệnh sao?

Bố cáo cùng thiên hạ: Ông là bậc đại nhân, lộ mặt người không lấy để dọa nạt quỉ, nguyện không lộ mặt quỉ để dọa nạt người vậy.

Chú thích:

Đức hạnh: -đạo đức, phẩm hạnh.

Kinh Dịch, Quẻ Tiết, Đại tượng truyện:

Quần tử dĩ chế số độ, nghị đức hạnh.

Bậc quân tử lấy làm số độ, bàn xét đức hạnh thật đúng.

-đức là cái được ở trong lòng, hạnh là cái nết được ở ngoài tỏ rõ.

Đại nhân: -người đức hạnh cao thượng.

Kinh Dịch, Quẻ Càn:

Phù đại nhân giả, dĩ thiên địa hợp kì đức.

Bậc đại nhân cùng với trời đất hợp với đức vậy.

Tuân Tử, Giải tế:

Minh sâm nhật nguyệt, đại mãn bất cực, phù thị chi vị đại nhân.

Sáng như mặt trời mặt trăng, lớn đầy tám cực, ấy gọi là bậc đại nhân.

THIỆP KÍCH TẶC

Có một nhà sang trọng nọ ở Tây Bi thuộc vùng Ích Đô của tỉnh Tứ Xuyên, giàu có vàng bạc rất nhiều, lấy một người thiếp khá xinh đẹp, mà người vợ lớn đối với nàng rất ngược đãi, thường vô cớ lấy roi đánh. Trái lại, nàng cung kính rất mực đối với người vợ cả.

Ông chồng thương nàng, thỉnh thoảng có lời an ủi vỗ về. Nàng chưa từng có một lời oán hận.

Một đêm, có hàng chục người vượt tường vào trong nhà, gõ đập nhà cửa bao đổ nát. Ông chồng và người vợ lớn sợ chết mất hồn, chẳng biết chống cự như thế nào.

Nàng dậy, im hơi nín thở, tìm tòi trong cửa, lấy được một cây gỗ sào chống nước, đẩy cửa đi ra.

Bọn giặc cướp rối loạn như cò rối. Nàng múa cây gậy gỗ kêu vù vù, đâm 4, 5 người nằm xuống đất. Bọn giặc bị tổn hại hết, sợ hãi chạy rối rít, vội vàng trèo qua bức tường, ngã lăn ra kêu ôi ối, sợ mất hồn vía.

Nàng chống gậy ở dưới đất, ngoảnh lại cười nói rằng :

-Bọn bay là vật vậy, chẳng đánh được mà cũng học đòi làm giặc cướp, ta không giết bọn bay, giết bọn bay cho đỡ bẩn ta. Thả tất cả cho đi khỏi.

Ông chồng kinh ngạc, hỏi sao mà tài vậy?

Trả lời rằng :

- Cha thiếp vốn là thầy về thương bồng, thiếp được truyền hết kỹ thuật, chống cả trăm người không sợ.

Người vợ lớn lại càng sợ hãi nhiều, mỗi việc đều hướng về sự không biết người, mà do đó có vẻ mặt tốt với người thiếp.

Nàng cuối cùng vẫn không một chút thất lễ với người vợ cả.

Những bà hàng xóm hoặc nói với nàng:

- Chị đánh giấc cướp như chó heo, có làm sao cúi đầu nhận bị đánh đau khổ?

Nàng trả lời rằng:

- Đó là cái số phận vậy, biết nói làm sao!

Người nghe đều tôn quý nàng là người hiền đức.

Dị Sử Thị nói rằng:

Nàng mang tuyệt kỹ, ở mấy năm mà người ta không hay, tới khi giải trừ hoạn nạn, cải hóa con chim ưng làm con chim cưu! (Ý nói cải hóa người vợ lớn thành người hiền lành), bắn con chim trĩ lấy đưa người vợ cả rồi cười, đeo giáo vừa đắc thắng, ngồi cùng xe với ông chủ cùng về nhà.

PHỤ TRI BẮC NGÃU ĐÀM NHẤT TẮC

Ông mở ở Tây Bi vùng Ích Đô, lấy một người thiếp rất đẹp. Nàng gặp sự bạo ngược của người vợ cả, hàng ngày thêm roi vọt buông xuống, cam chịu không một lời oán hận.

Một đêm bọn ăn trộm vào trong nhà, ông chồng và người vợ cả sợ hãi không biết làm thế nào.

Nàng ở nơi tối trong tay cầm một cây gậy, mở cửa đi ra, lấy gậy đâm giặc, đánh quỵ mấy đứa, còn lại đều chạy như chuột.

Nàng nói gần tiếng rằng:

- Bọn chuột nhất không đủ làm bản gậy đao của ta, tha cho chúng bay, sau chớ lại đây mà đón nhận cái chết. Bọn cướp đi.

Người chồng hỏi về sự tài giỏi của nàng.

Nàng trả lời rằng:

- Cha thiếp là người học quyền thuật ở Thiếu Lâm Tự, đã truyền dạy cho thiếp, nên thiếp chống được cả trăm kẻ địch.

Hỏi sao bị người vợ cả đàn áp mà không nói.

Nàng lại trả lời rằng:

- Dĩ nhiên đó là phận của tôi, nên không dám than thở.

Từ đó, người chồng và người vợ cả đều yêu quý nàng. Hàng xóm đều kính yêu. Hiện nay vẫn còn.

HẠ TUYẾT (Nhị Tắc)

Ngày mùng 6 tháng 7 năm Đinh Hợi, tuyết xuống rất lớn ở Tô Châu, người ta hoảng sợ không yên. Lễ cúng thọ ở miếu các bậc Đại vương. Đại vương bỗng phụ vào một người mà nói rằng:

- Như nay gọi *lão gia*, đều ở đằng trước thêm một chữ *đại*; các người không thấy rằng làm thần ta là nhỏ, sao lại làm tiêu mất một chữ *đại* vậy?

Mọi người nghe thấy đều sợ hãi, nên cùng kêu to: *Đại lão gia*, tuyệt lập tức ngừng rơi hẳn.

Do đó mà xem xét việc này, thần cũng thích nịnh hót, trị ở dưới đều hợp như thế được xe lớn vậy.

Dị Sử Thị nói rằng:

Sự biến đổi của phong hóa thế gian, người dưới càng nịnh hót, kẻ trên càng kiêu căng, tức là 40 năm hơn trong niên hiệu Khang Hi, gọi là chẳng giống xưa, rất đáng cười vậy. Cử nhân gọi là *gia*, bắt từ năm 1681 rồi. Tiến sĩ gọi là *lão gia*, từ năm 1691 rồi. Ty viện gọi là *đại lão gia*, từ năm 1686.

Ngày xưa, quan huyện yết kiến Tuần phủ cũng chẳng qua gọi là *lão đại nhân* mà dừng lại, nay thì cách xưng ấy đã bỏ lâu rồi.

Có người là chính nhân quân tử, cũng nịnh hót mà không có một lời nào khác. Vợ của quan sĩ đại phu gọi là *thái thái*, chỉ mới mấy năm nay. Ngày xưa, mẹ của sĩ đại phu mới gọi như vậy. Lấy vợ mà được xưng như vậy, chỉ thấy trong tiểu thuyết dâm đảng có *lâm thái thái*, *Kiều thái thái*, ở địa phương chưa từng nghe qua.



Ngày xưa thời nhà Đường, vua Huyền Tông muốn phong thêm quan hàm *Đại học sĩ* cho Trương Duyệt. Trương Duyệt từ chối, thưa rằng:

- *Học sĩ* không đi theo tiếng *đại*, thần không dám nhận.

Như nay thêm chữ *đại*, ai là người thêm chữ *đại* đây?

Mới bằng đầu do tiểu nhân nịnh hót, nhân đấy mà được sự vui lòng của bọn giàu sang; mọi người cứ như vậy mà không thấy mắc cỡ (xấu hổ).

Ta thiết nghĩ mấy năm nay, gọi là *gia* tất sẽ tới *lão*; mà xưng *lão* ắt sẽ tới

đại; chẳng biết tạo ra chữ *đại* thì tôn xưng như thế nào? như vậy chẳng có người nào tưởng tượng nổi!

Ngày mùng 3 tháng 6 năm Đinh Hợi, tuyết nhiều mấy thước ở phủ Qui Đức tỉnh Hà Nam, lúa đều lạnh chết cứng. Tiếc thay chẳng biết thuật của đại vương, đáng thương thay!

Chú thích:

Năm Đinh Hợi ở đây là năm thứ 46 niên hiệu Khang Hi (1707).

Niên hiệu Khang Hi từ năm 1662 tới năm 1721, dài 60 năm.

Gia (đúng ra phải đọc là Da): -cha, bố.

Lương Thu, Hầu Cảnh truyện:

Tiền thế ngô bất phục úc, duy a gia danh Tiêu.

Đời trước tôi không thể nhớ lại được, duy chỉ nhớ tên cha là Tiêu.

Nhạc Phủ Thi Tập, Mộc Lan thi, 1 :

Quân thú thập nhị quyển,
Quyển quyển hữu gia danh.

Sách quân mười hai cuốn,
Mỗi cuốn có tên cha.

Đỗ Phủ, Bắc chinh:

Binh sinh sở kiêu nhị,
Nhan sắc bạch thăng tuyết,

Kiến gia bối diện đễ,

Cấu nhị cước bất miệt.

Cuộc đời người gái đẹp,

Nhan sắc trắng hơn tuyết,

Thấy cha mặt sau khóc,

Chân dơ bẩn không dớ.

-gọi một cách tôn quý.

Tống, Lưu Khắc Trang, Hạ tân lang, từ:

Ký đắc Thái Hàng binh bách vạn,

Tặng nhập Tông gia giá ngự.

Gom được Thái Hàng quân trăm vạn,

Tặng vào xe ngự ông Tông.

(Ông Tông ở đây là Tông Dịch (1059-1128) thời Triệu Tống, quê ở Nghĩa Ô, tự Nhữ Lâm, Tiến sĩ niên hiệu Nguyên Hựu thứ 6, chống nhau với quân Kim, từng đoàn kết được nghĩa binh ở Lương Hà, Thái Hàng. Khi chết có tên thụy là Trung Giản, có Tông Trung Giản Tập).

Đại vương : -tên một vị thần.

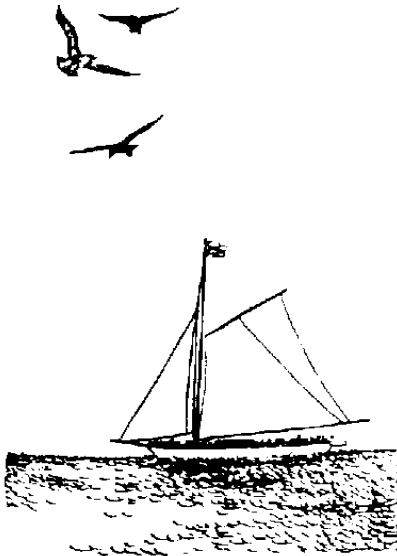
-đứng trước nhà vua nói một cách tôn kính.

-chức quan thống lĩnh binh mã thời đại nước Liêu.

Trương Duyệt (667-730), thời Đường, quê Lạc Dương, Hà Nam, tự Đạo Tế, lại có tự là Duyệt Chi, làm quan tả thừa tướng, được phong Yên Quốc Công, giỏi văn bia mộ chí, cùng nổi danh với Tô Đỉnh (670-727) tước Hứa Quốc Công, có Trương Yên Công tập, gồm 25 quyển. •

Trèm trèm phù sa

Nguyễn Tấn Hưng



Thắng thân mến,

Lâu quá rồi bọn mình không gặp lại nhau. Gần cả năm hơn kể từ ngày xa tàu lớn. Tao nghĩ mày đã rời tuần dưỡng hạm Vân Đồn, HQ 06, rồi phải không? Chẳng còn hộ tống những đoàn convoy đi Nam Vang? Còn thằng Thành chắc cũng đã rời tuần dưỡng hạm Chí Linh, HQ 11, để đảm nhận chức vụ mới! Nói chung là bọn mình đã, từ lâu, được đổi lên bờ, những Duyên Đoàn dọc theo duyên hải hay những Giang Đoàn trong vùng sông ngòi, kinh rạch! Phần tao cũng vậy, sau hơn hai năm hải hành dự ngày tháng để lãnh Hải Vụ Bộ Tinh, tao được (hay nói đúng hơn là bị) đổi về làm Chỉ huy phó Giang Đoàn 71 Thủy Bộ... Hy vọng số phần của tụi mày để thổ hỏn, chỗ riêng tao từ ngày về Thủy Bộ, chu mệt ới, mệt nghỉ mệt. Đụng trận liên miên, tính mạng như chỉ mảnh treo chuông thiết đó mệt ới. Để tao kể sơ sơ chuyện hành quân sống chết cho mày nghe...

Vàng thái dương từ từ ló dạng phía sau rặng cây cao. Những cây dừa lão lơ thơ rù lá, phát phơ trong gió ngó xuống cánh rừng trầm âm u tĩnh mịch ngút ngàn. Những tia nắng hồng thắm, ấm áp đầu ngày đang cố gắng xuyên thủng lớp sương mù nhạt nhạt màu sữa tươi, đóng dày đặc theo bờ kinh, lênh bênh trôi trên mặt nước. Một khoảng trống giữa dòng đục ngầu phù sa, vẽ lên một vệt vàng thẳng tắp về phía xa xa. Lẫn lộn trong đó những điểm chấm phá của những giề lục bình xanh, đen đang lăm lăm làm những cuộc hành trình lang thang vô định. Mùi hoa trầm vào dịp đang xuân thoang thoảng bay trong gió sớm ngọt ngào, quyến rũ. Thịnh thoảng một con vạc ăn đêm muộn màng vỗ cánh tung bay về tổ cũ, mong tìm giấc ngủ bình yên. Tiếng kêu thảng thốt, lạc hồn nghe buồn thú vị ruột...

Đoàn tàu đang chầm chậm lướt qua cây "Cầu Duyên," đúng là cây... cầu ván đóng đinh đầu tiên. Rồi lần lượt sẽ đến cây "Cầu Nợ", "Cầu Vợ," "Cầu Chồng," "Cầu Cái," "Cầu Con"... những cây cầu không tên, bắc qua những con rạch đổ vào kinh Trèm Trèm trong vùng Miệt Thứ, đã do nhân viên chiến đình gọi như vậy ngô hầu dễ dàng định vị trí. Riết rồi quen, mà chẳng biết tên thật của nó là gì. Thường thì tới khoảng "Cầu Vợ", "Cầu Chồng" thì sẽ có dựng lai rai, nhưng xuống tới "Cầu Cái" là mười lần như một, sẽ nổ lớn...

Chẳng cần nói đầu xa, chỉ mới trong tháng qua, đoàn tàu yểm trợ bộ binh tiến chiếm căn cứ hòa lực Rạng Đông của Việt Cộng đã bị tấn công dữ dội. Chẳng ai lạ gì về sự hiện diện của căn cứ hòa lực này, kể cả các căn cứ hòa lực Hòa Bình, Biện Nhị... nối tiếp theo, chỉ có điều là tất cả đều nằm trong vùng hầu như hoàn toàn do địch kiểm soát, nên khó tiêu diệt. Cơ sở đồn trú chắc chắn không khác gì những căn cứ hòa lực của quân ta. Cũng hằm trú ẩn và giao thông hào. Có lẽ chỉ khác chẳng là những ụ chứa súng kiên cố nằm phủ dưới tàn cây, bóng mát để khi bắn xong thì kéo súng vào trong, để phòng phi cơ ta khám phá, bay đến oanh tạc.

Lần đó, kể ra, phải nói đúng là ba mặt giáp công. Có nghĩa là B 40, B 41 thật từ hai bên bờ kinh và đạn súng cối từ trên trời rơi xuống. Lính biển tiếp cận chiến trường vùng này đều rành quá về thể đánh của Việt Cộng. Sát bờ

thì có bọn du kích, đặc công chuyên sử dụng B 40, B 41 nằm trong những ụ núp kiên cố, đắp gần mấy bụi tre già hay gốc quau to, bên trên có thả mấy lớp dừa tròn nguyên cây, phủ đất. Mặt tiền làm sẵn lỗ châu mai giống những lỗ châu mai của các lô cốt đồn bót Nghĩa Quân, Địa Phương Quân. Xa bên trong một chút là những ụ súng máy, đại liên thường đặt trên những mô đất cao. Có khi liều mạng đặt cao hơn một chút ở các ngọn da, đợt dừa chẳng hạn. Rồi xa hơn nữa là những khẩu súng cối 82 ly, nằm sâu trong rừng rậm.

Các chiến đình ta có điểm bất lợi là kẹt mấy hàng đày, không làm sao chạy thênh thang giữa dòng được. Lỡ chạy gần kia mà rùi chân vệt cuốn lưới, cắt lưới nếu tàu không tắt máy thì ròi dân cũng thừa ra Tòa án Quân sự. Từ chết tới bị thương nếu dân chúng được đỡ đầu bởi mấy ông Cha chánh xứ họ đạo. Mà đi cạnh bờ thì kể như thí mạng cùi, hên xui may rùi vậy thôi. Việt Cộng chỉ cần căng sợi dây cáp ngầm là tàu ta cứ theo dây mà chạy thẳng vô bờ. Không có mìn đặt sẵn thì cũng bị phục kích, khó thoát. Còn bọn chúng muốn xài sang thì thả mìn nam châm tại chỗ, chìm ngầm trong nước cũng chẳng sai chạy đi đằng nào.

Kỳ vừa rồi thì cũng khoảng giữa "Cầu Cái" với "Cầu Con", Việt Cộng dồn hết lực lượng tấn công đoàn tàu. B40, B41 đầu mà nhiều quá, có chiếc trúng cả chục trái luôn, bốc cháy mù trời. Nhưng có chiếc nhờ giàn lưới chống B 40, B 41 nên đầu đạn dẫu có chui vào cũng còn kẹt cái đuôi, lửa đỏ xung quanh tàu mà bên trong không hề hấn gì. Tuy nhiên, lại có chiếc nổ tung, gây làm đôi vì trúng mìn loại lớn. Đạn súng cối rơi như mưa bắc, tưởng như phủ trùm hết đoạn kinh, không ngừng nghỉ. Những cột nước dâng cao đồng loạt tưởng chừng dưới mặt nước có nguyên bày cá ông. Hết chiếc bên bờ này đến chiếc bên bờ kia, chiến đình trúng đạn quay mòng mòng... Phải sử dụng phóng lựu dây, M 79 dây, thay cho đại liên, nhỏ xuống đầu bọn nằm trong ụ bắn B 40, B 41 làm sao cho bọn nó không ngóc đầu lên được mới mong cứu nổi mấy con cá bị thương. Đó là phải nói trên trời đã có những chiếc A 37 thả bom napal lửa cháy ngợp trời, sức nổ tung cả bùn non lên tàu.

Đến lúc hải quân ta ủa bãi càn quét thì mấy tên tử thủ B 40, B 41 cũng đã

theo các địa đạo, giao thông hào đào hình chữ chi chạy tuốt vào trong sâu. Cũng chẳng phải dễ dàng thanh toán bọn này đâu, nếu chưa triệt hạ mấy khẩu súng máy, đại liên phía bên trong. Trước khi cấm mũi ủi bãi phải làm cỏ bọn đâm sau lưng này thì mới mong an toàn trên xa lộ khi đổ quân lên bờ. Thấy bọn nó rút từ ngọn dừa, đọt da như sung rụng ấy vậy mà lâu lâu cũng còn bị vài tên lì lợm lảng vảng bắn sè AK 47, chát chát chát... Kết quả, đại khái, thì cũng vài tên bỏ mạng trong ụ bắn B 40, B 41 và hiển nhiên vũ khí đạn dược chưa sử dụng kịp bị tịch thu vô số kể...

Ngắm nghĩ lại giữa cảnh bom đạn, chết chóc tình cảm con người dường như cũng phai nhạt, chết dần chết mòn theo. Quen rồi với những cái xác vô hồn không toàn vẹn. Quen rồi với những bạn và địch đã nằm xuống, làm xong nhiệm vụ những người trai thời chiến. Tất cả rồi sẽ trở về với cát bụi, nơi đó không còn thù hận, yêu thương, phê phán, khen chê. Chiến tranh đã làm cho con người sống với những giây phút riêng tư, những suy nghĩ cá nhân trở nên bất chợt. Lúc mất lúc còn, chập chờn như những giấc mơ trong thế giới vô hình nào đó. Chẳng ai không có một mái ấm gia đình ở hậu phương. Chẳng ai không có ông bà, cha mẹ, bạn bè và người thân. Chẳng ai không có... một người yêu, một người tình. Tàn nghĩ đến Phương Loan ở Mỹ Tho, cũng như Thắng nghĩ đến Hoàng Kim ở cư xá Lữ Gia hay Thành nghĩ đến Kim Oanh ở Cần Thơ với những triu mến, dấu yêu.

Song, đó chỉ là bến chính. Lính thủy thường có nhiều bến đậu khác do hoàn cảnh đẩy đưa. Vì lần vừa rồi, đám cũng miếu Bà Chúa Chè bên kia sông, sông Cái Lớn, bỗng dưng có người tìm đến tàu đang ủi bãi nghĩ ngơi cạnh một bên miếu, thông báo:

- Mấy anh ơi, Bà Chúa đang nhập đồng kêu em ra đây thỉnh ông quan to vô cho bà hỏi việc...

Đám nhân viên ngư ngác quay lại nhìn Tàn làm chàng rất đổi ngạc nhiên. Tại sao... Bà biết "quan to" có mặt trên chiếc chiến đĩnh này? Thêm một ngạc nhiên lớn nữa là cô em đến mời sao mà xinh ơi là xinh. Bộ đồ bà bà nâu, quần đen lèng xèng của dân quê không che giấu được vẻ diễm kiều, ngây thơ của cô gái miền bung biển ruộng rẫy nhưng có nước da trắng mát. Tóc dài buông lủng chấm ngang vai ôm khuôn mặt trái soan bầu bình.

Đường chân mày hình vòng cung tự nhiên đậm nét trên vàng trán thông minh. Sóng mũi thon gọn ngó xuống đôi môi chúm chím mọng đỏ như son. Tuy trong lòng vẫn dè dặt về vấn đề cán bộ đặc công Việt Cộng thường hay dò la móc nối các sĩ quan, Tàn cũng lặn khẩu Colt 45 dưới áo, bước lên bờ với hỏi:

- Chẳng hay cô nói thiệt hay nói chơi vậy?

- Em nói thiệt mà. Bà linh lắm. Anh hên đó nên Bà mới để ý mà kêu lên gặp mặt...

Trời đất, hồng quen biết gì hết mà tự nhiên gọi anh xưng em ngọt lịm. Còn kèm theo nụ cười duyên dáng, ngây ngô lộ hàm răng trắng đều như bắp. Tàn hỏi tới:

- Cô tên gì?

- Dạ, em tên Bé Tư...

- Nhà em ở đâu?

Cô gái đưa tay chỉ về phía vườn ruộng xa xa:

- Dạ, ở phía đằng kia kia, gần xóm đá... Thôi, anh theo em đi lại đằng miếu lẹ lẹ lên đi, để Bà chờ lâu quá Bà quở...

Chua chóa, con nhỏ ăn nói có duyên ớn. Lại còn cái liếc xéo cộng thêm cái bộ điệu lầy đương, ngưng ngoa ngưng nguẩy sao mà dễ thương lạ. Chẳng dặng dưng, Tàn nổi bước theo Bé Tư về nơi làm lễ cúng miếu. Bà phán, đại để, ... cuộc đời cậu đi làm ăn xa có quới hơn phù hộ cho nên sẽ được an toàn rời khỏi nơi đây sáu bảy tháng sau, tự thân nên làm lành lánh dữ thì Bà sẽ độ cho... Bà độ đầu chưa biết vì là chuyện tương lai, nhưng chuyện trước mắt là từ buổi chiều hôm đó Tàn đâm ra tương tư con Bé Tư để nhìn, để mến kia. Chàng thường xuyên kiếm cớ cho tàu ghé lại một bên miếu để hy vọng được gặp lại người đẹp một lần. Thật bất chợt như lần đầu. Nhưng, đã bao nhiêu lần rồi mà vẫn... bóng chim tâm cá, bản bật âm hao. Khuôn viên Miếu Bà trong những ngày không lẽ lợc có vẻ hoang vắng, âm u, hiu hắt buồn. Và, duy nhất chỉ một lần, chàng bạo gan lẳng lặng dẫn thân đến miếu đốt nhang khấn vái. Thật ra, không phải nhờ Bà ra oai cho gặp... người tình nhỏ yêu dấu một chiều, mà âm thầm cầu nguyện Bà phò hộ chàng tai qua nạn khỏi, sớm rời bỏ vùng đất nặc mùi thuốc súng, âm thịnh dương suy này.

Chuyện tin vào dị đoan tướng số của các nhà lãnh đạo, tướng tá trong Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa không

phải là không có. Cũng không phải là chuyện luận bàn trong lúc trà dư tửu hậu. Ngay cả Tổng Thống Ngô Đình Diệm, Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu cũng có các thầy tướng số, phong thủy, địa trạch riêng. Đối với Hải Quân, những vị Tư lệnh Vùng cũng không thoát khỏi những thông lệ này. Nhiều khi chỉ là đổi một trạm gác từ bên này sang bên kia hay gỡ bảng hiệu Bộ Tư Lệnh cất đi.

Chẳng cần nhìn đâu xa, ngay trước mắt Tàn, những lệnh lạc của các Chỉ huy trưởng Chấm của Lực lượng đặc nhiệm Thủy Bộ tại vùng cũng đầy huyền thoại. Bộ chỉ huy Chấm Một, thường viết gọn là đơn vị 211.1, đồn trú tại căn cứ Xèo Rô. Chỉ huy trưởng tiền nhiệm họ Nông, có thể đọc trại từ chữ Nùng, hậu duệ của Nùng Trí Cao cũng nên! Ông này sợ rắn! Lệnh ban ra cho nhân viên là ai giết một con rắn thì bị 8 trọng cấm! Chỉ huy trưởng đương nhiệm họ Bửu, thuộc dòng dõi hoàng tộc. Miên Hùng Ứng Bửu Vĩnh, như vậy là một trong những ông chú của vua Bảo Đại, Nguyễn Phúc Vĩnh Thụy. Ông này lại kỳ rít. Lệnh ban hành cho nhân viên cũng không khác gì mấy, ai giết một con rít thì lãnh 8 củ. Mà cái xứ rừng rú U Minh này kể cũng lạ đời, rắn rít đâu mà nhiều quá. Ngồi đánh domino quanh chiếc bàn con hay khòm lưng lẩn quẩn quanh bàn bi-da, thỉnh thoảng dòm xuống chân hay ngó xéo trên kèo nhà lại thấy rít đỏ, rắn đen thông dong lui tới. Lính tàu đánh giặc thâm niên thì Việt Cộng còn không sợ hưởng hồ gì sợ rắn với rít. Chỉ mỗi mình chỉ huy trưởng sợ thôi mới là quái dị. Mà không sợ cũng không được, vì mỗi khi mấy ông thấy rắn hay rít bị giết thì lúc đêm về, mười lần như một, căn cứ bị Việt Cộng pháo kích. Bởi vậy cho nên, kể cũng là một lý do chính đáng để tin vào tướng số dị đoan, Tàn nghĩ.

Lại chuyện gần đây hơn nữa, chỉ mấy ngày qua thôi, tuồng như có điềm lạ, Tàn than thầm. Đêm nào cũng vậy, cứ nghe chim cú kêu mãi. Đám thủy thủ canh gác thỉnh thoảng rẹt một tràng M 16 xua đuổi nó đi, hoặc có đứa nóng lòng bắn luôn cả phóng lựu M 79 định giết tại chỗ mà rốt cuộc chẳng làm nên trò trống gì. Cứ bay đi đâu đó một hồi rồi thì cũng bay trở lại. Đến nỗi Trung sĩ nhứt Tám, Trần Văn Tám, thuyền trưởng chiếc Tango báo cáo:

- Chỉ huy phó có để ý gì hông? Vòng vòng đây có con chim cú bắn hoài hỏng chết, tui nghi quá... chỉ huy

phó!

Tần cũng nghi lắm nhưng phải trấn an binh sĩ thuộc quyền:

- Mấy anh ra trận mà còn bày đặt tin dị đoan nữa hà? Chỗ nào lại không có chim cú?

Tám tử tốn:

- Đành rằng chỗ nào cũng có chim cú, nhưng ít khi nó kêu rờn rã mấy ngày liền. Mà hình như nó chỉ muốn kêu ngay trước mũi tàu của mình mới là lạ...

Cái thằng làm Tần thêm lo. Ông chỉ huy trưởng mới đổi về, tên Thuận trên Tần 4 khóa, nhất như cáy. Ngay cả chuyện luân phiên đi hành quân, tuần tiểu ông cũng lựa những chỗ không ngật lắm mà giành đi. Viện cố cần thời gian học hỏi, kinh nghiệm chiến trường. Nhưng, theo Tần nghĩ, có lẽ tướng của ông là tướng sát quân. Lần nào đi cũng đụng, nhân viên lớp chết lớp bị thương, chẳng khi nào không tí vết, sứt mẻ. Số của Tần thì có phần ngược lại, đi vào những chỗ phải nói toàn là hiểm địa, nhưng dẫu có đụng đi nữa cũng chẳng hề hấn gì. Bảo toàn lực lượng, như là mạng sống đoàn viên.

Tuy nhiên, đi đêm sợ có ngày gặp ma. Chẳng lẽ đến phiên mình nên con chim cú ngậm báo trước. Lại đúng phiên chỉ huy trưởng ở nhà. Cuộc hành quân phối hợp giữa hai Giang đoàn 70 và 71 Thủy Bộ, mỗi Giang đoàn đưa đi gần một nửa quân số, chiến đình yểm trợ bộ binh tiến chiếm căn cứ hỏa lực Rạng Đông của Việt Cộng lần thứ hai. Bên Quân Vận cũng biệt phái một chiếc LCU chở quân dụng, đạn dược...

Cố xua đuổi những ý nghĩ chết chóc trong đầu, Tần buột miệng nạt với đàn em:

- Mạng thằng nào cũng một viên đạn thôi, sao mà anh lo quá...

Lại một câu nói chót lưỡi đầu môi của mọi người, không riêng gì đoàn viên binh sĩ mà luôn cả những sĩ quan Thủy Bộ. Cái kết luận không phải bị quan mà là thực tế không khác gì nhau của những ai đang tham dự những cuộc hành quân kéo dài hầu như vô hạn định. Nhiều lúc Tần cảm nhận được những gian truân khổ ải của nhân viên thuộc quyền là có thật. Cuộc sống bấp bênh, trôi nổi, bèo bọt, không biết chuyện gì sẽ xảy đến ở ngày mai. Đêm ngày ăn ngủ không yên. Đang mơ màng chợt mắt thì một quả MK 3 chống đặc công nổ tung... ầm, làm tỉnh giấc. Không kể những

tràng M 16 của lính gác tác xạ vào những điểm nghi ngờ. Rốt cuộc rồi quan cũng như lính không ai dám ngủ dưới hầm tàu, phải giăng mùng ngủ trên boong, trên sàn dã chiến, gần mấy ụ súng. Một khi đã từng chứng kiến những cái xác chết thê thảm không toàn thân vì sức mìn tổng bẹp dí lên trần. Đêm về còn đỡ đỡ, ban ngày thì nóng như điên trong chiếc hộp bằng sắt thép. Thèm một mái tranh trong tầng cây bóng mát giữa trưa hè.

Chuyện ăn uống cũng kham khổ không kém. Ngoài lương khô thịt hộp Ration C ăn cầm chừng tiền lính nào đã đủ đâu vào đâu. Mười mấy ngàn một tháng cho lương thủy thủ mà một tô phở đã nằm bảy trăm rồi. Không đủ tiền ăn phở mỗi sáng thì tìm đâu ra tiền để gọi về nuôi vợ con, đối với những người có gia đình ở hậu phương. Nhiều lúc chỉ là mắm tôm cà pháo với đĩa rau muống luộc hay là một bát canh tập tàng với đủ thứ rau hái vội trên bờ với một mớ tép rang. Tần vẫn ăn chung với nhân viên chiến đình, tàu này sang tàu khác. Như một thông lệ bất thành văn, hề có mặt chỉ huy phó thì tổng khẩu trên tàu mang thêm dưa, chén vậy thôi. Trong hoàn cảnh chật vật đó, cũng như tất cả sĩ quan khác, Tần không bao giờ đòi hỏi món ngon vật lạ. Họa hần những lần tổ đãi như cuối tuần vừa rồi. Chẳng biết Tám và nhân viên tưng đình đã đào đâu đó ven bờ hai hang chuột, bắt về hơn những 50 con. Ông bà cha mẹ nội ngoại con cái cháu chắt gì gì chắc đều bị bắt hết, quay chào hết. Riêng cho Tần hai con vàng lườm và xì rươi để đã là một bữa tiệc lý tưởng có một không hai trong đời binh nghiệp.

Chính trong cảnh đói, khổ đó mà tính mạng lại cầm bằng như cò rác... mạng thằng nào cũng một viên đạn thôi... như Tần vừa nói, cho nên chuyện nhân viên bỏ tàu, đào ngũ cũng là chuyện thường tình. Nhiều chiến đình, cấp số 5, 6 nhân viên chỉ còn 2, 3 đứa. Thủy Bộ là một, Ngăn Chận là hai, tận cùng bằng số bị đi của Hải Quân thì còn đầy đi đâu được nữa. *Thủy Bộ đi trước, Ngăn Chận đi sau, số phần như nhau, thằng nào cũng xỉ lác lẹo...*, câu nói đã trở thành câu đồng dao. Có lẽ chính vì vậy mà để cứu vãn tình thế, Tư Lệnh Lục Lượng Thủy Bộ, Đô Đốc Hoàng Cơ Minh, đã ra lệnh... hề ai đi hành quân liên tục trong vòng một tháng thì sẽ được một tuần lễ và hai ngày đường đi

bờ... Kể cũng đỡ cho căn phần hăm hiu ăn gối ở nhờ nơi rừng rú...

Mặt trời đã lên cao. Bầu trời xanh ngắt không một gợn mây. Màn sương tan loãng đi nhường lại cái phong cảnh thường nhật hằng ngày, tưởng chừng như rất quen thuộc ngay cả với những kẻ mới tới, sống tạm một vài tuần. Bóng nắng che khuất bởi hàng lau lách, cỏ dại ven bờ cũng thu nhỏ lại. Con gió nhẹ thoảng qua, cành lá lao xao lấp lánh. Thịnh thoảng hiện ra một bến ghe trống trải, không người. Chiếc xuồng con động đập, nhấp nhô theo sóng gợn lăn tăn.

Nhân viên chiến đình đã cẩn thận mặc áo giáp nón sắt, còng súng bên vai ngay từ phút đầu. Nhiệm sở tác chiến. Đoàn tàu gần 20 chiếc như đang lừng lững tiến vào chỗ vườn không, nhà trống. Đã vượt qua cả "Cầu Cái" lẫn "Cầu Con" mà chẳng cần tốn một viên đạn. Hai bên bờ có vẻ im lìm lặng lẽ quá, không một ai qua lại chợ búa như mọi khi. Kể cả đám trẻ con cũng không chạy nhày rong chơi quanh quẩn bên những căn nhà mái tranh, vách đất. Trong thanh vắng, hoang vu chỉ còn nghe tiếng máy tàu rì rầm, ru ngủ lúc xa lúc gần...

Bỗng dưng... ầm, một tiếng nổ long trời lở đất. Cột nước tóe lên, dâng cao hơn nóc tàu và sức ép dường như muốn đẩy các chiến đình đang lênh bênh đội ngược lại. Chiếc LCU to lớn dềnh dàng, chở đầy quân trang quân dụng cho bộ binh bốc lửa, từ từ chìm xuống dòng phù sa. Còn thấy một vài nhân viên sống sót nhanh nhẹn phóng mình xuống nước. Trái mìn lớn quá. Súng nhỏ súng lớn tức thời nổ râm rang, tứ phía.

Hai mặt phản công. Mấy chiếc chạy trước quành lại, mấy chiếc sau trườn tới. Bắn xả vào hai bên bờ. Đạn M 16 súng cá nhân hòa trộn với tiếng đạn đại liên 30, đại liên M 60, *đuôi-sét* 12.7 như một bản nhạc hùng viết toàn các nốt cao. Lửa đạn tủa vào mảng rừng tràm thưa như pháo bông. Đạn M 79, bùng bùng bùng... điểm thêm những nốt nhạc trầm. Nhưng không bằng những quả đại bác 40 ly, cà-nông Bô-phô đơn, khắc ra đều đều từ mấy chiếc Monitor. Những cây pháo đại đang búng gốc các ổ du kích, đặc công tử thủ hai bên bờ... Vậy mà B 40, B 41 vẫn tiếp tục phóng ra chí chóc. Có trái bắn trật tàu, bay thẳng sang bờ bên kia, ầm..., gây ông đập lưng con. Bọn này kể cũng gan lì

thiệt...

Àm..., àm..., àm... liên tiếp mấy quả B 40, B 41 xối xả, trực xạ vào chiếc Tango bên kia bờ phải. Một trong những trái đó trúng ngay hầm máy, bốc cháy đỏ rực. Chiến đình khựng lại, bất khiển dụng, chết máy tại chỗ. Một nhân viên chiến đình bị hất bổng lên không, rơi tòm xuống nước, chìm ngụp. Tàu trôi theo sức nước, ọ qua ọ lại như nhày Tango, rồi tấp vô cột đóng đáy. Nằm im không nhúc nhích. Nhân viên lái tàu nằm ngoẻo một bên lồng cu không cục cựa, chẳng biết đã bị trúng đạn chết tại chỗ rồi hay chỉ bất tỉnh nhân sự trong giây lát. Việt Cộng cũng ngưng bắn vào tàu, hầu như không muốn phí đạn vào một xác tàu ma. Nhưng, bất thình lình, hùm... một cuộn khói đen xịt ra từ sau lái, xác tàu ma đã sống trở lại, đang lúi ra giữa dòng. Như vậy, còn một nhân viên sống sót trong hầm máy và đang đứng dưới sàn chồm lên quay tay lái. Một loạt AK 47 trả lời nhắm vào hình người đang ngoẻo trên lồng cu mà Việt Cộng đoán chắc là người điều khiển con tàu, máu tươi bắn ra tung tóe khắp khung thành. Càng lấy làm lạ hơn là, xuất phát từ phía trước mũi, những trái M 79 bắn cầu vồng thay súng cối 81 ly lại bắt đầu nhả ra, bung bung bung... Tức khắc, một loạt B 40, B 41 đáp lời... Con tàu lắc lư, run run, khựng khựng mấy cái rồi tà tà ùi thẳng vào bờ... Biết nhân viên của mình tối thiểu cũng có hai đứa còn sống sót, Tần hét vang trong máy vô tuyến:

- Mười hai, Mười hai... đây Mười trả lời...

- Mười hai, Mười hai... đây Mười trả lời...

Sau vài lần... đầu kia vẫn giữ im lặng vô tuyến...

Tần la phóng đại:

- Mười Hai, Mười Hai... anh rút ra, nghe rõ trả lời... Mười sẽ tới cứu anh... Mười sẽ bắn yểm trợ cho anh rút ra, nghe rõ trả lời...

Chẳng nghe thằng Mười Hai trả lời trả vốn gì hết, có lẽ nhân viên vô tuyến bị thương hay chết rồi, nên Tần ra lệnh cho chiếc Monitor của mình tiến tới, tập trung hỏa lực vào các ổ B 40, B 41 ven bờ. Trước khi bọn đặc công nhảy lên tàu, nhảy lên chiếc Tango, dùng làm bàn đạp tấn công mấy chiếc khác. May thay, Tần còn thấy rõ ràng từng trái lựu đạn ném tay được thả ra sát bờ kinh từ phía sát mũi của chiếc Tango. Àm, àm, àm... cây lá rạt một bên lòi ra lỗ châu mai,

đang tua tua nhả đạn về phía tàu. Tiếng chạm vào sắt thép vỏ thành tàu nghe... keng, chèo, chèo... Một quả Bô-pho bắn thẳng vào lỗ châu mai... đùng, lửa đỏ ngập tràn phía bên trong, đụn khói đen bốc lên hình tai nấm. Tiếng súng nhỏ AK 47 im bật. Tiếng B 40, B 41 im bật. Chỉ còn súng cối từ xa thình thoảng bay tới. Và, trong giây lát, tình hình có phần lắng dịu trở lại...

Chiếc Monitor của Tần từ từ cắm mũi cạnh chiếc Tango, chàng nhảy lên tàu chăm sóc nhân viên. Trời, xác thằng Hạnh, thằng Bang, thằng Vàng, thằng Mai "tứ quý" bê bết máu trên sàn, hầm máy trong tư thế thật là thảm thương, chân tay co quắp, cong queo mà còn bị cháy xém một bên. Tần rung rung buồng tiếng thờ dài, nén xuống nỗi đau đớn khi vuốt mắt những thằng em thân tình, những đồng đội một thời từng sống vui, sống khổ cùng nhau. Lăn về phía trước, rất ngạc nhiên khi thấy thằng Tám, Trung sĩ nhứt Tám, máu me đầy người... đang run run cầm quả lựu đạn đã rút chốt, Tần lên tiếng:

- Tám, mày bị thương rồi hả Tám... Chỗ nào mà máu me tùm la tùm lum vậy...

Tám đóng chốt trái lựu đạn, mừng rỡ:

- Chỉ huy phó ơi, rất quá ông thầy ơi...

Cứ sợ Tám sẽ hận mình bỗng nhiên nhảy qua chiếc Monitor sáng nay thay vì đi chiếc Tango của nó như thường lệ, hùm... cũng tại nó bàn cái chuyện chim cú kêu hoài qua đêm, nhưng không... trong tiếng kêu mệt mỏi đó còn những thân thương dành cho Tần như mọi ngày! Nhưng, lạ quá, tại sao hộp cấp cứu cá nhân lại đổ tung tóe dưới sàn tàu? Vải băng lại quấn đầy mình Tám? Tần hỏi:

- Ai băng bó cho mày vậy?

Tám un dung trả lời trong khi Tần cầm tay đỡ đứng dậy:

- Tui băng mình ên, chỉ huy phó. Tui xịt luôn chai thuốc đỏ, trùng chỗ nào hay chỗ đó...

Vỡ lẽ, Tần cười:

- Như vậy chắc mày bị miếng B 40 thôi. Có đau chỗ nào không?

- Thấy rất rất trước ngực đây, chỉ huy phó...

Tần ôm Tám:

- Giỏi... Tao gắn lon Thượng sĩ tại mặt trận cho mày...

Chiếc Zippo, mệnh danh là tàu phóng thủy hỏa, tàu xịt lửa xịt nước, đã vào vị trí. Mục tiêu là cánh rừng tràm,

được ven bờ trước mặt. Cạnh mấy bụi tre gai thật lớn. Mấy chục thùng xăng đặc đã khai ra trộn với xăng lỏng và máy bơm xăng bắt đầu chạy. Vòi lửa xịt xa hằng cả trăm thước. Đốt rừng. Đốt hết cho lòi ra mặt chuột Việt Cộng. Lá tràm dễ bắt lửa, thân tràm đầy nhựa bùng lên từng hồi, lan nhanh ra trong chớp mắt. Chẳng bao lâu, đám cháy đã lớn hằng cây số vuông. Biển lửa. Khói đen bốc lên ngợp cả vòm trời. Lăn hồi, lòi ra cả căn cứ địa của địch nằm trong phía sâu. Mèn ơi, căn cứ hỏa lực Rạng Đông nằm đây mà năm nay chẳng ai hay biết. Thành lũy bề thế, chắc chắn tưởng không thua gì các căn cứ Charlie, Delta của mình...

Tiếng máy liên lạc phối hợp giữa bộ binh, không quân và hải quân còn nghe rõ mồn một trên máy PRC 25 của các chiến đình... Chẳng bao lâu, các chiến đấu cơ đủ loại F 5, A 37, Skyraider có mặt trên không phận ven kinh Trèm Trẹm. Bom thả trong sâu, rồi trong sâu nữa giữa cánh rừng tràm menh mông. Àm, àm, àm... nơi này, phía kia. Những đóm lửa hồng tươi, những cuộn khói bốc lên cao như điều lên gió. Nhắm chặn đường rút lui, chém vè của địch? Lại thấy đạn phòng không tủa lên như pháo Tết. Từng đợt từng đợt lấy lệ rồi cũng tắt ngúm... Xong, kể từ nay những khẩu 122 ly, 130 ly sẽ không còn cơ hội hoạt động, sử dụng nữa. Nếu không tháo gỡ mang đi thì cũng bị hủy diệt hay tịch thu. Các quận lỵ quanh vùng như Kiên An, Kiên Hưng, Thới Bình... không còn xảy ra những cảnh hải hùng vì pháo kích mỗi chiều về hay mỗi đêm khuya.

Tiếp đến, trực thăng ào ào đổ tới. Tiếng đạn dây... hùm hùm hùm như cọp rống nghe biết đã. Trực thăng vận, đổ quân. Cả tiểu đoàn luôn thuộc Trung đoàn 32, Sư đoàn 21. Sẽ làm thịt bọn Pháo Cộng cho sạch cỏ phen này. Khỏi cần dọn bãi, bảo vệ bãi. Gì chớ trực thăng đổ quân thì dễ dàng thôi, cứ nhắm những lỗ trống do bom nặng cân tạo thành mà từ từ hạ xuống thấp là xà mật đất, không cần phải đập. Gì chớ nhảy trực thăng thì hầu như lính bộ binh cũng đã được huấn luyện nhuần nhuyễn rồi.

Lo thu dọn chiến trường thôi. Xác của các đoàn viên, thủy thủ đã hy sinh đền nợ nước cùng những thương binh nặng cũng như nhẹ đã được lần lượt cấp tốc chuyển sang chiếc Alpha, loại tàu nhỏ tương đối có vận tốc nhanh, để đưa về lại căn cứ Xẻo Rô, bộ chỉ huy Chấm Mọt. Nghĩ đến cảnh rên la trong

bệnh xá vì mổ xẻ cấp thời, thiếu phương tiện dụng cụ, cũng như một vài ngày sau tiếng khóc than của người thân đến nhận xác chồng, xác con sao mà thảm nào...

Hoàn tất nhiệm vụ giao phó xong xuôi đầu đó, Tám mò đến bên Tần, giọng buồn buồn:

- Rồi sao chỉ huy phó, mình ăn ngủ, đóng đô tại đây cho đến khi có lệnh mới hả?

Đang theo dõi đám lính của mình đang nhảy lên thanh toán mấy thằng đặc công bắn B 40, B 41 còn sót lại, Tần chẳng cần quay nhìn gương mặt bí xị của Tám bâng quơ trả lời:

- Ủa, mình nằm đây án ngữ, coi bộ binh đánh giặc. Mấy thằng Vẹm cùng đường ngu ngốc có chạy về phía này thì mình tóm cổ nó luôn.

Tám lo bồn phận:

- Vậy thôi để thằng em lục lọi coi có gì ăn được thì ăn dần bụng, chỉ huy phó. Đã trưa rồi trưa trật rồi...

Cởi nón sắt máng lên càng súng Bô-pho, Tần moi gói Cool trong túi, rút ra một điếu châm lửa hút, kéo một hơi dài nhà khói như khói tàu. Kiểm điểm lại thì ngoài chiếc LCU của Quân Vận chìm tại chỗ, Giang đoàn 70 Thủy Bộ hai chiếc chìm, Giang đoàn 71 Thủy Bộ một chiếc chìm một chiếc cháy. Được coi như là những tổn thất nhỏ cho một chiến thắng lớn. Rồi, sẽ có công việc làm cho các tàu trực vớt với các toán người nhái. Dưới sự hộ tống, yểm trợ của các Giang đoàn 42, 43 Ngăn Chặn...

Xa hơn nữa, những ngày sắp tới thì sẽ ra sao đây, Tần bâng khuâng nghĩ ngợi. Lại tiến chiếm các căn cứ hỏa lực Hòa Bình, Biện Nhị... Liệu Bà Chúa Chè có còn độ cho chàng như lần này không? Mà sáu tháng hơn đã trôi qua rồi, sao lời tiên tri của Bà chưa chịu linh ứng? Chàng vẫn tu thân, làm lành lánh dữ kia mà... chẳng lẽ bắt chàng mỗi gối chồn chân nơi đây mãi?

Bất chợt, Tần nhớ thương hình bóng Bé Tư quá đỗi. Người đã đem đến cho chàng một ước mơ vô vọng nhưng thêm vào đó một niềm tin để cuộc sống hưng phế thăng trầm trong thời buổi chiến chinh này có ý nghĩa. Đẹp đẽ, hiền lành, thùy mị, duyên dáng. Có phải Bé Tư chính là hiện thân của nàng Công chúa Chè thời Gia Long tấu quốc? Có lẽ nàng không cho chàng gặp lại để chàng còn bình thản lúc ra đi? Vì, gặp lại, biết đâu nặng nợ

mà chàng phải chọn nơi này làm quê hương thứ hai? Thôi thì, cứ hãy để chàng ra đi nhưng lòng vẫn nhớ, như những vần thơ nhón nhơ xuất hiện trong đầu. Chàng xé giấy thuốc viết vội:

*Phù sa Trèm Trèm đôi bờ
Ra đi có kẻ đợi chờ dáng ai
Hương trầm hẳn khác hương lái
Đường trường xa vẫn miệt mài vó
câu*

*Phù sa Trèm Trèm về đâu
Ra đi có kẻ nhỏ màu mắt trong
Tàu lui, đời vẫn xuôi dòng
Mấy ai hiểu được cõi lòng ly tan*

*Phù sa Trèm Trèm đôi đàng
Người đi kẻ ở muôn vàn đắng cay
Trèm Trèm nước chảy chẳng hai
Mai về xứ Mỹ nhỏ hoài người
thường...*

Tiếng súng... bộ binh đánh giặc vẫn ì ùng từ xa vọng lại. Trong khu rừng trầm ngút ngàn, hoang vắng...

Ê Thắng, mầy đâu có ngờ rằng trên đời này có nhiều chuyện khó tin nhưng mà có thật hả? Chính tao, tao còn sống sờ, chứng hững thì nói gì đến mầy. Vì sau trận thử hùng với Việt Cộng đó, trời bất dung gian đảng, tao được đổi về Sài Gòn học khóa Tham Mưu trung cấp đó mầy. Cầm công điện đọc mà tay tao bắt run... Ấy da, nói mầy đừng cười, lúc đụng trận say mùi thuốc súng mình làm gan theo phản xạ tự nhiên giành quyền sống, đứng sống lưng chỉ huy, đạn có con mắt nó tránh mình... chỗ thật ra thằng nào mà hồng sộ chết? Phật còn nói, không riêng gì con người, con nào ngo ngoe được đều sộ chết, kể cả những con vi trùng mà mầy... Thì ra Bà Chúa Chè đã độ tao và đã tiên tri số phận tao rất đúng mầy ời. Ông chỉ huy trưởng tao còn muốn dụ dỗ... anh ở lại đây đi, tôi đề nghị anh lên nắm chỉ huy trưởng... Thôi, tao xin bái bai...

Ủa, mà rốt cuộc rồi... tao không được gặp con Bé Tư lần cuối mỗi là khổ đời đó chó. Ôi, một lần chạm mặt nhau mà một đời tiếc nuối thường đau... Ý da, mầy đừng nói chuyện tao

Hoài Nghi



*Vực gò héo lá khô cây
Hồn tôi hoang mạc mang đầy
vết nhân*

*Cây hạnh ngộ tuổi bằng nước
mắt*

*Trái tim em quận thất niềm
riêng*

*Hữu duyên mà cũng vô duyên
Gặp như không gặp nhỏ quên
từng chiều*

*Phiến đá môi ngàn điều muốn
ngỏ*

*Tôi vào đời khốn khó trăm bề
Có em vào cõi đam mê
Còn gì để tiếc, để chia với người*

*Vội gió cát quen rồi tân khổ
Hoài nghi kia còn đó, chưa quen
Thôi đừng nổi lửa nghe em
Cháy hay không cháy oan khiên
vẫn thừa*

• hahuyênchi

nhỏ thường Bé Tư là xạ ngen Thắng, tao rành mầy quá và biết rõ là mầy đang nghĩ gì, hi hi... có thật đó mầy ời...

Thắng nè, mầy thấy tao viết được hông mậy. Bài này gởi về báo Lướt Sóng thuộc Bộ Tư Lệnh Hải Quân của mình là Ban Biên Tập chọn đăng liền đó mầy. Mèo khen mèo dài đuôi một chút ngen...

Thôi, cuối thư chúc mầy gặp nhiều điều may mắn, vạn sự như ý... Hẹn gặp lại mầy một ngày rất gần...

Bạn mầy,
Tần.

Đầu Xuân, kể chuyện sân khấu

Hồ Trường An

Vào thuở tiền chiến, cuối thập niên 30, phong trào cải lương đang thời kỳ nở rộ: gánh lớn, tuồng hay, đạo diễn giỏi, đào kép rành nghề, bài bản cổ truyền vẫn còn giữ nếp tinh hoa, bài bản mới xuất hiện thiết dôi dào phong phú. Trong khi đó, bên kia trời Âu, sau cuộc Đệ Nhứt Thế Chiến, thì lửa Đệ Nhị Thế Chiến đang sủa soạn chầm ngòi.

Cậu Ba Oanh Liệt vốn là con nhà giàu. Tía của cậu là ông Hội Đồng Trần Hào Hớn là bực điền chủ ở Vĩnh Long, cho cậu ăn học tới bậc Thành Chung rồi bắt cậu về nhà phụ giúp anh cậu trông coi lúa thóc, ruộng vườn. Anh của cậu Ba Oanh Liệt là cậu Hai Hào Hiệp chỉ học tới lớp Nhứt rồi vì tối dạ nên xin ở nhà coi sóc trong ngoài. Ba năm sau, cậu cưới cô Bảy Kim Hạnh, con ông Hương Cả Lê Văn Thiêm ở Cầu Ngang (Trà Vinh). Cô Bảy giỏi dẫn, hiệp sức với chồng gây dựng giang san cơ đồ nhà chồng càng thêm vững vàng bành trướng. Cậu có anh hiền, chị dâu biết điều nên cậu Ba Oanh Liệt xin cha cho mình đi giang hồ cho biết giang san cấm túc của tổ quốc mền yêu. Cậu đi theo gánh Tân Hiệp Ban, một gánh hạng B tức là gánh bực trung. Bởi cậu biết soạn tuồng, lại giỏi chữ Nho, giỏi thơ Đường Tống, rành bài bản xưa, nên soạn tuồng Tàu thiết văn huê bóng bầy. Lại nữa, cậu sáng dạ, biết kỹ thuật sân khấu, nên tuồng của cậu hấp dẫn, tình tiết lý thú và bố cục khít khao làm đẹp lòng khán giả sành điệu lắm.

Bà Hội Đồng Hớn rên rí:

- Tui banh da xé thịt dê thặng Ba Liệt để rồi nó đi theo phường trời sông lạc chợ, sống cuộc đời gạo chợ nước sông. Thiết tình tui không để mình đứm mông nghiệp dầy như vậy!

Ông Hội Đồng Hớn an ủi vợ:

- Ở đời họa phúc khó lường. Bầy giờ nó lều bều hủ hòng. Nhưng biết đâu mai sau nó tu bị mần ăn.

Cậu Ba Oanh Liệt đi theo gánh hát cải lương không mong làm kép "hường dện" để đóng cặp với cô đào hực hỡ như thần nữ giáng tiên trên sân khấu. "Hường dện" là tiếng kêu trại tiếng "hồng diện" tức là kép hóa trang mặt hường, mỗi đồ để đóng vai chánh với diện mạo khôi ngô tuấn tú. Cậu Ba có khuôn mặt và thân vóc đều đẹp, giọng nói thanh tao. Tuy nhiên cậu chỉ say mê việc soạn tuồng chứ không ham chường mặt trên sân khấu.

Thuở ấy, gánh Tân Hiệp Ban có giàn đào rất xôm. Đào chánh là cô Hai Kiều Loan, đẹp vừa phải, nhưng giỏi hóa trang, ca thiết muối, diễn xuất đủ màu mè sành sỏi. Cô đào nhì là cô Bảy Mộng Nga đẹp trội hơn, ca hát rựa ràng, đóng tuồng một tám một mười với cô Hai. Tuy nhiên vì ra nghề lâu năm, danh vọng sẵn có nên cô Hai được khán giả yêu mến hơn cô Bảy. Còn cô đào ba là cô Chín Kiều Nga giọng hơi yếu, nhan sắc hơi lu, Tuy cũng có cách ca hát già dặn kỹ thuật, tuy biết diễn vai thương, vai lẳng, vai độc tròn trịa, nhưng cô khó mà tiến xa. Đôi lúc vì quá mệt mỏi, cô Hai Kiều Loan nhường vai chánh cho cô Bảy Mộng Nga để thủ vai đào nhì. Cũng đôi lúc cô Chín Kiều Nga thay vai đào nhì cho cô Bảy Mộng Nga, nhưng cô Chín chưa hề thủ vai chánh bao giờ.



Khi cậu Ba Oanh Liệt về hiệp tác với gánh Tân Hiệp Ban thì có soạn tuồng "Trần Nhứt Chánh Hội Tam Thế". Ba bà vợ của ông Trọng Ngươn họ Trần là: Bạch Điệp (do cô Hai đảm nhiệm), Hồng Điệp (do cô Bảy đảm trách) và Huỳnh Điệp (do cô Chín đảm đương). Vai cả ba đều là vai chánh. Ai

dè cô Chín Kiều Nga gặp vai hạp với khiêu trào lộng của mình, át hẳn hai vai kia, làm tung bùng và ấm nóng sân khấu, gây từng tràng cười hào hứng cho khán giả.

Buổi trình diễn đầu tiên tại rạp Moderne, sau đó tới rạp Thành Xương, rồi vào Chợ Quán trình diễn ở đình Tân Kiểng, và sau hết trình diễn ở rạp Palikao trong Chợ Lớn.

Vào đêm thứ tư tại rạp Moderne, sau khi văn hát, cô Bảy Mộng Nga được cậu Tô Chánh Tánh, một nghiệp chủ ở Cần Thơ đem xe hơi tới rước đi dạo mát ở Lăng Tô rồi sau đó đi ăn cháo bào ngư. Trong chiếc quán lá vách ván, đốt đèn măng-sông sáng quắc, cô Bảy Mộng Nga nhìn bóng trắng treo trên cành nhân bên ngoài, bảo bạn lòng:

- Con Chín Kiều Nga nhỏ vóc, khó mà chế ngự sân khấu. Kể ra nó cũng có chút tài nghệ, nhưng khó mà tiến xa. Khi nó ca, vì thiếu hơi nó phải gói ghém làn hơi, không dám hát xả láng như chị Hai Kiều Loan và như em.

Cậu Tô Chánh Tánh vốn có vai kiến thức về nghệ thuật trình diễn, bảo:

- Về thanh sắc, cô Chín thua xa cô Hai Kiều Loan và em. Nhưng cổ giỏi hóa trang, khéo hát huê dạng nên chẳng những cổ luyện lấy giỏi, lại còn dòn hơi khéo, bảo tiếng mòng điệu nghệ, nên vẫn làm vừa lòng khách mộ điệu. Đã vậy cổ giểu tươi, biết điệu nghệ rù quyến khán giả.

Cô Bảy Mộng Nga hẳn học:

- Coi bộ thẳng cha thầy tuồng cảm lẫn cảm lóc con đào mền kia. Để rồi anh coi, hẳn sẽ soạn tuồng có vai cho em Chín giểu cợt, làm nũng làm eo với khán giả theo kiểu "đo ni đóng giày" tài nghệ của em. Chừng đó, chị Hai Kiều Loan và em sẽ lãnh vai chẳng có chỗ nào diễn xuất hết.

Cậu Tô Chánh Tánh nhìn người yêu lộng lẫy trong chiếc áo dài màu gạch tôm, an ủi:

- Em đừng quên vai Hồng Điệp rất hạp với em. Bởi thầy Ba Oanh Liệt biết em thạo bản "Đảo Ngũ Cung" nên có soạn bài đó cho em hát trong màn "Bái Tân Nguyệt" (lạy trăng mới).

Cũng đêm đó, cô Hai Kiều Loan cùng ông bầu Tân Hiệp Ban vào Chợ Lớn ăn mì. Cô Hai khéo diện, chiếc áo dài xanh như đêm thăm thẳm cùng sườn bộ nữ trang nạm kim cương sáng lấp lờ làm cho cô trội hơn các cô đào cải lương trẻ đẹp hơn cô. Ông bầu ăn mì vịt tiềm uống rượu Sainte Négresse pha Limonade, còn cô Hai ăn mì xù cải dùng sâm bửu lượng cho mát đi mát vị.

Cô Hai Kiều Loan đành hạnh:

- Em muốn thủ vai Huỳnh Điệp. Anh làm sao cho em mắt mặt thì làm.

Ông bầu Tân Hiệp Ban thống thiết:

- Trời ơi, em chơi cái điệu này thì giới cải lương và báo chí sẽ phi nhỏ anh cho mà coi.

Cô Hai Kiều Loan bùng thụng bùng thịu:

- Vai Bạch Diệp không đánh bóng cho em chút nào.

Ông bầu Tân Hiệp Ban nói:

- Qua vai Bạch Diệp, em có ca hai bản "*Tử Đại Oán*" và "*Tây Thi*" là hai bản ruột của em. Nếu vai này giao cho cô Chín Kiều Nga thì làm sao để cổ ca diễn?

Cô Hai Kiều Loan nhõng nhẽo:

-Mặc kệ nó chứ. Anh phải dặn thầy Ba soạn giả cho vai Huỳnh Điệp ca thêm hai bản "*Tử Đại Oán*" và "*Tây Thi*". Nếu thấy cãi lời anh, anh mua cho thầy vé xe đò để thầy xách va-li lui về Vĩnh Long coi sóc vườn ruộng.

Ông bầu Tân Hiệp Ban vỗ về cục cưng của mình:

- Từ đây, anh sẽ không cho gánh mình diễn tuồng "*Trần Nhứt Chánh Hội Tam Thế*" nữa. Và anh sẽ dặn thầy Ba Oanh Liệt soạn tuồng khác, giao cho em những vai thiết bảnh để em có dịp trở tài ca diễn, có dịp mặc y quan hực hồ choáng lộn. Em mà xúi anh làm lếu, báo chí xúm lại sủa vang rân thì tụi mình chỉ có nước đào lỗ mà chui.

*
* * *

Và cũng đêm đó, thầy Ba Oanh Liệt trải chiếu lên sân gỗ, giảng mừng rồi nằm đợi giấc ngủ. Tách cà-phê hồi chiều làm thầy trần trọc luôn. Bên cạnh thầy là mừng của anh kếp chánh với cái nghệ danh là Năm Mỹ Cảnh. Anh ta tuy giảng mừng sẵn nhưng đâu có chịu ngủ liền. Anh ta ra ngoài tìm mấy cô bán quà khuya cho khách lấy đêm làm ngày để ve vãn cười cợt với họ. Tối nay, sau khi vãn hát, anh không được bà nghiệp chủ trong Chợ Quán lái xe đến rước đi ăn bánh đập ở chợ Thái Bình rồi chở về nhà bà ta để hủ hí. Anh ta đã thua bạc cháy túi đêm hôm trước rồi, cho nên tối hôm nay, sau khi lãnh tiền hát xong, anh ta chia phần nửa để trả nợ, còn phần nửa để thủ sẵn cho cũ cà-phê hủ tít sáng mai.

Trong lúc một số đào kép và công nhân trong gánh hát tùm năm tùm ba để bình xập xám hoặc đánh xệp thì cô Chín nhóm lửa "*rề-sờ*" để sắc thuốc. Đây là thang thuốc điều hòa kinh nguyệt do cậu Ba Oanh Liệt hốt cho cô, mỗi tuần uống một lần.

Cô Chín Kiều Nga nằm cạnh siêu thuốc, nói chuyện đời với mụ Năm Út, một cô đào mụ, tuy tuổi chỉ ngoài 40 nhưng giỏi hóa trang bà già, đóng vai mụ thương, mụ độc, hề mụ rất xuất sắc. Năm Út góa chồng, còn tươi tắn, thanh cảnh, nhưng không chịu tái giá. Mụ ta có bụng thương yêu Chín Kiều Nga, thường đem kinh nghiệm trong trường đời mà khuyên răn cô Chín.

Nhắm ngủ không được, cậu Ba Oanh Liệt trời dậy men tới chỗ Năm Út và Chín Kiều Nga. Cậu bảo Năm Út:

- Chị Năm đóng mụ quản gia của tiểu thơ Huỳnh Điệp xuất sắc lắm. Ngày mai có vài ông viết báo tới coi tuồng "*Trần Nhứt Chánh Hội Tam Thế*", tui có ý kiến này: Chị Năm không cần hóa trang làm bà già tuổi ngoài 60. Chị thử làm trung niên mỹ phụ, tuy bận áo xanh quần tía, nhưng đậm mặt hường, đeo nữ trang, thử thay đổi non diện vóc dáng coi sao. Chị hãy còn óng ả, muốt rượt như vậy mà đóng vai già hoài coi chán quá!

Năm Út cười dễ dãi:

- Tui thì sao cũng được. Hóa trang mụ già coi vậy mà công phu lắm trong khi đó mặt tui chưa có nếp nhăn, cặp má hãy còn núng trái quít. Dậm mặt ngọc với má hường môi son coi vậy chứ dễ ợt.

Cậu Ba Oanh Liệt bảo:

- Tối mai ký giả Thành Tấn báo Tin Điện sẽ đến coi tuồng mới của gánh mình. Đương sự là kẻ sành điệu, có óc quan sát tinh tế. nh sẽ viết bài phê bình tỉ mỉ. Tui mong chị Năm và cô Chín sẽ được ảnh chiếu cổ tới để viết bằng lời ưu ái về tài ca diễn của cả hai.

Cô Chín Kiều Nga cười buồn:

- Có thể ở vai Huỳnh Điệp, em diễn khá đạt, chứ còn phần ca hát, em làm sao so bì với chị Hai và chị Bảy?

Cậu Ba Oanh Liệt khuyến khích nồng nhiệt:

- Cô nói vậy chứ lóng rày cô có làn hơi dồi dào hơn châu xưa. Khi hát bài "*Nam Ai*", cô chuyên hơi và nhồi chữ thiết điệu nghệ. Còn hát bài "*Phụng Hoàng*" cô láy nghe được lắm. Thiết tình, tui không hiểu vì sao làn hơi cô khác hẳn châu xưa, khi lên cao xuống thấp không mất tiếng, tức là tiếng chẳng những không mỏng, mà trái lại còn dày hơn tiếng lúc cô hát ngang ngang.

Cô Chín Kiều Nga ngơ ngẩn:

- Ờ, em không hiểu tại sao.

Năm Út như chợt nhớ ra:

- Lạ hén, con Chín lóng rày bớt xanh, thần sắc càng lúc hực hồ. Sắc mặt nó mà hồng hào thì ăn tiền lắm đa, chưa chắc cô Hai, cô Bảy vượt xa nó về bóng sắc dung nhan.

Thấy mới có 11 giờ hơn, cậu Ba Oanh Liệt rủ Năm Út và cô Chín Kiều Nga đi ăn cháo bình dân. Gần Khám Lớn có quán cháo trắng ăn cặp với cá kho, thịt kho, dưa mắm, củ cải dầm tương, cá muối chiên, trứng vịt muối...

Năm Út từ khước, nên cô Chín Kiều Nga cũng không dám nhận lời đi bỏ lè với đờn ông.

Khi cậu Ba Oanh Liệt trở về mừng thì cô Chín rút thuốc ra tở chờ thuốc hơi nguội một chút mới uống. Đêm đó, mưa rơi tầm tã. Khi trở về mừng, Chín Kiều Nga cứ trần trọc hoài, dù tiết trời dịu mát để vỗ giấc ngủ. Cô cứ nghĩ tới cậu Ba Oanh Liệt luôn. Cậu bảnh trai nên cô Hai Kiều Loan và cô Bảy Mộng Nga cứ ưa xum xoe bên cậu. Tuy nhiên cậu có vẻ nghiêm khắc, dè dặt, xa cách họ nên riết rồi họ cũng chán vì chung quanh họ có nhiều tay phong lưu tài tuấn lắm bạc nhiều tiền đeo đuổi. Và lại cô Hai là vợ bé ông bầu nên vì sợ chồng ghen nên cô không dám công khai ve vãn cậu.

Đối với Năm Út và Chín Kiều Nga, cậu tỏ ra ân cần, dịu ngọt, tử tế. Biết cả hai tin Trời tuồng Phật, cậu khuyên họ nên niệm sáu chữ "Nam Mô A Di Đà Phật" lúc rảnh rang. Cậu lại chỉ họ cách niệm: hít vào lồng ngực một hơi dài rồi vừa niệm lục tự hồng danh vừa thở ra cho đến lúc không khí thoát cạn hai lá phổi. Và cứ vậy, hít không khí vào phổi rồi tiếp tục vừa niệm vừa thở ra. Cậu lại khuyên họ nên niệm lúc sáng tinh mơ để tiếp nhận không khí trong lành.

Năm Út và chín Kiều Nga đồng nhận thấy dù họ niệm Phật hãy còn tán loạn, nhưng nhờ hít thở không khí ban mai nên thần sắc họ rạng rỡ như gương báu, làn hơi họ dồi dào nên họ ca khỏe khoắn, dễ dàng và tron ngọt. Và về riêng phần cô Chín, từ hai tháng nay cứ cách tuần cô uống thang thuốc do cậu Ba bổ cho cô nên kinh nguyệt cô không còn sai lệch nữa. Da dẻ cô bớt xanh. Châu xưa, da cô tuy trắng nhưng bệch bạc và xanh xao. Có lần cô Hai Kiều Loan nói giỡn với cô Bảy Mộng Nga:

- Nè Cô Bảy, cô thấy da con Chín trắng bủng trắng beo như da con cá con hay không?

Cô Bảy Mộng Nga cười thích thú:

- Riêng em, em thấy da nó giống da bụng con thằn lằn hay giống da con cá bống cát cạo vẩy nhưng chưa ướp nước mắm.

Trong giới ca kịch cải lương, chuyện chèn ép, chuyện lấn lướt, chuyện đội trên đạp dưới, chuyện lén ám khí hại ngầm xảy ra thường xuyên liên tục. Đó là không kể chuyện thay

chồng đổi vợ, chuyện mèo mả gà đồng. Bởi đó, thuở xưa ông bà mình cho rằng xướng ca vô loại và còn kèm theo cái câu:

*Trồng trầu trồng lộn với tiêu
Con theo hát bội mà liều con hư*

Cô Chín Kiều Nga lao vào nghề hát xướng đó không phải là do cái hoài bão của mẹ cô hoặc do niềm đam mê của cô. Số là mẹ của cô là mẹ Hai Kim Cải vốn là vợ của nhà phú nông bị phá sản nên phải làm nghề in gạch. Khi mẹ đau dây dưa trót tháng, biết mình không sao tránh khỏi bị Ngọc Hoàng giữ sổ nên mẹ phó thác cô con gái độc nhút của mình là Chín Kiều Nga cho em gái mình là mẹ Ba Kim Tiên. Mẹ Hai biết rằng lũ con chồng bày đũa của mình không tha thiết gì tới đứa em khác mẹ của họ. Mẹ Ba Kim Tiên từ khi nhận nuôi cháu thì cưng cháu như trứng mỏng, huấn luyện cháu thành đào hát. Dè dặt, khi Chín Kiều Nga vừa được làm đào nhì, đào ba trên sân khấu trung ban thì mẹ đau bệnh chi không biết, vóc võ mình gãy, khô riết mà chết. Trên giường bệnh, mẹ cầm tay Năm Út dặn:

- Năm nay con Chín đã 17 tuổi rồi. Qua vốn bạc phận đoán mạng nên không thể sống để dựng vợ gả chồng cho nó. Sau khi qua nhắm mắt theo ông bà rồi, em nên chớ che khuyển bảo nó.

Bởi vì trước kia Năm Út và Ba Kim Tiên vốn là bạn nối khố nhau. Năm Út không hẳn vì mê nghệ thuật mà dẫn thân vào nghiệp cầm ca. Số là mẹ Năm khi còn mơn mớn đào tơ, mê anh kép chánh Tư Tạo của gánh Đồng Tâm Ban nên bỏ nhà theo thần tượng của mình. Sau khi thành hôn với Tư Tạo, Năm Út được chồng dạy nghề. Ba Kim Tiên trước kia là tình nhân của Tư Tạo, không hiểu sao lại tâm đắc với Năm Út, hết lòng bao che giúp đỡ Năm Út. Bởi mẹ Năm có tư cách, có phẩm hạnh, tuy lấy chồng xướng ca vô loại, tuy đêm đêm dậm mặt đóng tuồng nhưng biết giữ gìn hạnh kiểm khít khao, không ai có thể chê trách bình phẩm mẹ được. Tư Tạo thất lạc vào tuổi 40. Năm Út vẫn không bỏ nghề, tuy không còn làm đào chánh, đào nhì như xưa, nhưng vẫn nổi chí chồng giữ nghiệp cầm ca. Vung lời ủy thác của Ba Kim Tiên, Năm Út hết lòng săn sóc cô Chín Kiều Nga, thường đem lời hơn lẽ thiệt răn dạy cô thiếu nữ mà mẹ coi như con ruột của mình:

- Cháu ôi, nghề xướng ca vốn bạc bèo. Nếu mình có hiển vinh cách mấy đi nữa thì cũng chỉ có một thời. Sở dĩ đi còn nấn ná ở giới cầm ca là muốn nổi

chí dương Tư Tạo của cháu đó thôi. Còn được hát xướng đi mới có cảm tưởng gần gũi vong linh của anh. Nay mai, khi cháu được duyên ưa phận đẹp, được sống đời hiền phụ, từ mẫu thì đi sẽ tìm cảnh già lam, cạo tóc tu hành. Cháu phải biết điều này: Hễ muốn có chồng tử tế thì mình cũng phải tử tế, phải biết giữ gìn phẩm giá khít rim. Và cháu phải bỏ nghề trước khi bị nghề bỏ. Vào nghề thì khó, bỏ nghề cũng khó không thua, nhứt là mình không có nghề gì khác hơn là nghề ca hát cho người ta mua vui.

Cô Chín Kiều Nga tuy thường thủ vai lẳng lơ, đánh đá hoặc những vai độc ác trên sân khấu, nhưng lòng cô hiền như bột sắn bột khoai, mát như sương sâm, sương sáo, sương sa. Khi tía cô chết, cô tưởng chừng nửa cuộc đời cô theo cha cô chôn dưới đáy huyết. Rồi khi má cô nhắm mắt lia đời, cô tưởng chừng tất cả cuộc đời theo mẹ xuống tận Diêm đài. Ai ngờ cô lại được di cô tung tiu, hoạn dương, dạy nghề. Nhưng rồi di cô chứa tới ngũ tuần đã thành con ma Đạm Tiên giữa lúc bóng sắc hây còn chói chan, giữa lúc tài ca diễn chưa tới lúc giảm sút phong độ. Cho nên từ khi được Năm Út bao che khuyển dỗ, cô coi mẹ chẳng khác đi và mẹ của mình.



Không biết nghĩ sao, có lần Năm Út bảo cô Chín:

- Cháu à, di thấy thầy Ba soạn tuồng này có biệt nhãn với cháu lắm đó. Nếu thấy ngó ý cưới cháu thì cháu bằng lòng ngay đi. Đây là kẻ đứng đắn, tốt bụng, đáng cho cháu trao thân gởi phận lắm đó.

Cô Chín Kiều Nga buồn rầu:

- Rất đối chị Hai và chị Bày mà thấy còn không ngó ngang tới, huống chi một kẻ thua tài kém sắc như cháu đây thì thấy để bụng yêu thương làm sao được?

- Ậy! Di xem củ chỉ điệu bộ thấy, di không làm đâu. Cháu không có tài sắc

hơn "họ", nhưng cháu có nét na. Mà Chín à, di thấy lông rày cháu tươi đẹp hơn châu xưa, mặt có hồng quang phát hiện. Nếu cháu không lấy lừng trên sân khấu thì cháu sẽ lấy chồng sang, chồng bánh. Thầy Ba tuy là kẻ soạn tuồng hát, nhưng đó là chuyện để thấy vui chơi, chớ thiệt ra thấy là kẻ giàu sang, có ăn học. Để rồi cháu coi, cháu sẽ làm dâu một đại gia.

Đêm đó, cô Chín Kiều Nga cứ suy nghĩ về cậu Ba Oanh Liệt luôn. Thiệt tình, tuy cô cũng yêu nghề, nhưng lúc nào cũng tâm niệm rằng hễ là đàn bà thì phải biết nắm bắt hạnh phúc gia đình. Cô sẵn sàng bỏ nghề để làm nội trợ cho một người đàn ông mà cô yêu kính. Chỉ có khuôn viên và mái nhà để cô quanh quẩn trong đó làm người chủ phụ thì cô mới an tâm. Các cuộc lưu diễn làm cô thấy rõ cả một quá khứ lạc hướng, một hiện tại lêu bêu và một tương lai chông chênh. Cô thường vái trời cho cô tránh xa sân khấu vào tuổi ba mươi. Cô thừa biết tài nghệ cô chẳng làm khán giả say sưa ngây ngất. Cô rời xa ánh đèn sân khấu, cũng chẳng ai thất thèo luyến tiếc. Cô chỉ là áng hương phơn phớt đến họ để rồi tan mau, không gây một dư hương nồng đậm lâu dài.

Ở các chiếu bạc, các con bạc hung hăng sát phạt nhau. Trời ơi, bọn này lấy đêm làm ngày, không thềm ngó xa, ngó về cái viễn ảnh tàn tạ vì bệnh lao phổi. Kép Vân An vốn là kép nhì, mê đánh bạc hơn mê kiếm nhơn tình nhơn ngãi. Đây là một ngôi sao đang lên. Tối tối, sau khi vãn hát, anh ta được các cô me tây giàu sụ lái xe đến đón đi ăn mì cháo rồi về nhà họ để hành lạc. Sáng sáng, anh ta về rạp hát, mặt mày bèo nhèo đã dượt, nhưng bóp phờ đầy nhóc tiền bạc. Tiền đó, anh thường nướng sạch bách ở sòng bạc hoặc trên chiếu bạc. Tháng rồi, kép Vân An ho ra máu, tuy bớt thức đêm đánh bạc, nhưng vẫn đánh đi với bọn phụ nữ mê kép đẹp.

Mưa đêm từng đợt trải âm thanh rào rào trên mái ngói. Trong bóng tối cách xa các chiếu bạc, chỗ ghé bố của thầy Ba Oanh Liệt có đóm lửa lóe lên. Mắc mớ gì vào giờ khắc này, thầy chưa chịu ngủ, mà còn hút thuốc? Đêm mưa để gọi cho cô Chín Kiều Nga nổi cảm cảnh về thân phận tha hương. Nhưng có sống cuộc đời trôi nổi bình bồng là tại cô không có cơ ngơi, không điểm tựa nào khác hơn mẹ Năm Út. Còn thầy vốn con nhà điền chủ, có ăn học, mắc mớ chi thầy lại dẫn thân vào cuộc sống vô định sở như vậy? Làng hia mào phấn son có mãnh lực tàn ác, có thể lôi cuốn một

chàng trai tân học lìa xa cuộc sống nhưng lựa như vậy hay sao? Càng suy nghĩ chừng nào, cô càng yêu thương ngậm ngùi thầy chừng ấy.

*
* *

Vở tuồng "Trần Nhứt Chánh Hội Tam Thế" được ký giả Thành Tín báo Tin Điện viết bài khen ngợi. Chín Kiều Nga lần Năm Út được ông ta nhận xét tài diễn xuất bằng những lời ưu ái. Rồi đó, nó được trình diễn một tối ở đình Tân Kiểng trong Chợ Quán, trình diễn một tối ở rạp Palikao trong Chợ Lớn để rồi trở về rạp Thành Xương gần ga xe lửa Sài Gòn để trình diễn hai đêm liền. Khi gánh Tân Hiệp Ban mở cuộc lưu diễn ra miền Trung thì nó bị bãi bỏ luôn, để thay thế bằng tuồng khác, tức là vở "Tái Sanh Duyên" để cho cô Hai Kiều Loan trở tài xuất sắc với vai Mạnh Lệ Quân, và cô Bày Mộng Nga cũng chơi trội trong vai Tô Yến Tuyết. Còn cô Chín Kiều Nga thủ vai Lưu Yến Ngọc, vô thưởng vô phạt, không có chỗ nào để cô diễn tài trào lộng của mình.

Thầy Ba Oanh Liệt cự nự với ông bầu:

- Vở "Trần Nhứt Chánh Hội Tam Thế" được báo chí khen ngợi, sao ông dành dẹp nó qua một bên?

Ông bầu Tân Hiệp Ban đành thú thiệt:

- Cô đào chánh chề vai Bạch Diệp, nên cố bảo rằng cổ không còn hứng thú đóng vai đó nữa.

Thầy soạn tuồng cảm tức nhưng không nói gì. Ít lâu sau, ông bầu gánh đại ban Phước Hứa nhân chuyến gánh hát Tân Hiệp Ban về lưu diễn ở đình Phú Thạnh gần Chợ Đũi, đến xem tuồng "Tái Sanh Duyên", thấy cô Bày Mộng Nga có bóng sắc chói chang, có giọng hát ngọt lim lim nên ông ta bỏ một số tiền lớn ra chuộc cô về gánh mình.

Vắng cô Bày Mộng Nga, ông bầu đôn cô Chín Kiều Nga làm đào nhì. Còn Năm Út được làm đào ba, không làm đào mụ nữa. Đào mụ giao cho bà Bày Thuộc từ một tiểu ban về cộng tác. Vóc mình Năm Út hây còn thanh cảnh, khuôn mặt trẻ hẳn ra, giữ địa vị đào ba rất vững. Song gánh hát như hàm răng bị nhổ một cái răng, nên những cái răng còn lại bị sệu sạo, lung lay. Cậu Ba Oanh Liệt soạn tuồng không còn phong độ xưa. Cậu tuyên bố:

- Bây giờ tới lúc tui về nhà cưới vợ là vừa.

Và cậu cầu hôn cô Chín Kiều Nga. Độ rày, cô đẹp đẽ hơn xưa, hồng hào và xán lạn hơn bao giờ. Cô nhận lời làm vợ cậu và bằng lòng theo cậu về Vĩnh Long. Lúc đó, ông bà Hội Đồng Hớn đã gầy yếu, mòn mỏi nhiều lắm. Khi cô Chín vừa cần thai thì hai ông bà cách nhau ba tháng tuần tự mãn phần; bà chết trước, ông chết sau. Gia tài chia ra, cậu Ba trích ra phân nửa ruộng đất bán rẻ cho anh rồi qua Mỹ Tho mở nhà máy chà gạo và làm đề-bô nước đá lẫn nước ngọt.

Gánh Tân Hiệp Ban vào quãng thời gian chiến tranh Đông Dương giữa Pháp và Việt Minh, sống lầy lắt tới năm 1949 rồi rã tại Dầu Tiếng thuộc tỉnh Thủ Dầu Một. Xác gánh chơ về đình Tân Kiểng. Ông bầu trở về với vợ cái con cọt, mở tiệm چاپ phở ở Chợ Đệm thuộc tỉnh Tân An. Cô Hai Kiều Loan đầu quân cho gánh Đồng Tiên Hội trụ diễn ở rạp Aristo; kếp chánh là Vân Lâu, em kế của Vân An, còn đào chánh là Bày Mộng Nga. Vì tinh sắc phai mờ đôi chút nên cô cam phạm làm đào nhì. Nhưng tài nghệ diễn xuất cô vẫn trội hơn tài nghệ diễn xuất của cô Bày Mộng Nga. Cho nên cô vẫn được báo chí nhắc nhở ca ngợi. Bởi đó, ông bầu gánh Đồng Tiên Hội đôn cô lên một nấc, không hẳn là đào chánh, nhưng trong bày tuồng trình diễn suốt tuần lễ, cô Hai được làm đào chánh hai tuồng.

Cô Hai Kiều Loan được ông trời ban cho cái tài, nhưng còn ban cho cô hai cái tật. Cô không nghiện rượu, nghiện thuốc phiện. Trong tú đờ tuồng là tui, sắc, tài, phiến, cô chê cái thứ nhứt và cái thứ tư. Cô rớt vào vòng lâm lụy cái thứ nhì tức là thói mê trai và cái thứ ba là thói mê bạc. Tối nào mà không ăn nằm với trai là cô bèo nhèo đã dươi. Ngày nào mà cô không chà lét quét xảm cái đít của cô trên chiếu bạc là cô buồn chày buồn thiêu. Bởi vậy, không có người đờn ông nào dám cặp xách với cô lâu. Bởi đó, không có đồng tiền nào ở lì trong túi cô, hề không biến trong cuộc chơi đánh xệp thì cũng mất ở trong chiếu bài tứ sắc, bài xá ỏ. Cô miệt mài trong cuộc dâm dục mà quên đi nhan sắc bắt đầu lu lít, hao mòn. Cô vung vãi tiền bạc trong cuộc đờ đen, không hề nghĩ tới cảnh nghèo đói mai sau.

Sau đó, bỗng dung cô Hai mất tiếng. Khi cô nói thì giọng cô khấp khấp như giọng vịt xiêm. Khi cô hát, giọng cô lên cao thì tét, xuống trầm thì nghệt, đặng vùn không nổi, mà hạ thổ cũng không kham. Do đó, cô đành tạm giải nghệ để tìm phương chữa trị. Hai năm sau, cô trở lại sân khấu, dung

nhan u ám, bóng sắc kém hao, giữ ngôi vị đào nhì ở các gánh trung ban vì nhờ còn tài diễn xuất. Cô đã bỏ thói bài bạc, nhưng không bỏ thú trắng hoa được. Cho nên cô nổi danh là mụ Vô Hậu của giới cải lương. Sau cùng, cô được một tên Pháp làm quản lý trong hãng chế biến nước ngọt, la-ve BGI cưới làm vợ để cô có chỗ dung thân sau khi rời xa vĩnh viễn sân khấu.

Riêng cô Bày Mộng Nga, sau gánh Tân Hiệp Ban, cô tiến vùn vụt như pháo thẳng thiên trong kịch giới. Rồi khi cô Hai Kim Loan giải nghệ để lấy chồng Tây, cô như một mình một chợ thao túng trong giới sàn gỗ màn nhung. Có một hãng phim mời cô đóng vai chánh trong hai phim, nhưng từ kịch nghệ bước qua điện ảnh, cô như con cá mắc cạn. Lối diễn xuất thô đậm sắc thái của cô chỉ hợp với sân khấu, và trở nên hơi lố lằng trên màn ảnh.

Ngành ca kịch cải lương từ sau Hiệp định Genève, tức là từ đầu bình minh của nền Đệ Nhứt Cộng Hòa mất đi rất nhiều tinh hoa căn bản. Các bài bản cổ truyền đòi hỏi người ca ở phần huê dạng, ở làn hơi phong phú, ở cách sắp chữ bấy giờ lại được thay thế những bài bản mới do nhạc sĩ Mộng Vân sáng tác như: *Giang Tô, Phong Nguyệt, Thủ Phong Nguyệt, Sơn Đông Hưởng Mã, Chí Hòa Trường Hận, Vạn Huê Trường Hận, Kiều Nường, Lạc Xuân Hoa* rất dễ hát, tiết điệu xốc nổi réo rắt, nhưng không điệu nghệ. Bởi vậy lớp đào kếp đồng thời với cô Bày Mộng Nga dù có đủ cách huê dạng, đủ thủ điệu nghệ nhưng không có dịp để hát những bản *Tử Đại Oán, Tây Thi, Xuân Nữ, Văn Thiên Tường, Nam Ai, Nam Xuân, Phụng Hoàng, Lý Ngựa Ô Bắc* là những bản khó hát. Các cô ca sĩ không thiện nghệ khi hát những bản đó dễ đâm hơi, không thể bào giọng mòng mịn màng, không biết nổi hơi, luyện láy, nhồi chữ để làm mê mắt khách tri âm.

Và độc hại cho cô Bày Mộng Nga biết bao: Bản *Vọng Cổ* trước có 16 nhịp, bỗng kéo qua nhịp 32 đợt một, rồi nhịp 32 đợt hai. Cô quen ca theo lối 16 nhịp, khi sang qua 32 nhịp cô xuống giọng không muối, sắp chữ không đẹp, luyện láy không mềm mại thiết tha, ngân nga không dài... Ai ca *Vọng Cổ* nhịp 32 muối mặn là ăn khách. Các bài bản xưa trở nên lỗi thời. Tài diễn xuất không cần thiết mấy.

Thế là cô Bày Mộng Nga phải giải nghệ vào tuổi 40. Chồng cô là nghiệp chủ Tô Chánh Tánh có rạp chiếu bóng ở chợ Cái Răng (Cần Thơ), nhưng rạp bị cháy nên đương sự phải lên Sài Gòn làm thơ ký cho một hãng xuất nhập

càng với số lương ba cọc ba đồng. Cô Bảy phải đi chuyển âm cho các vai chánh trong phim tàu Hồng Kông, phim Nhứt Bồn, rồi phim Ấn Độ để đỡ gánh nặng mưu sinh cho chồng.

Lâu lâu, nhóm nghệ sĩ cũ có tổ chức vài đêm hát hội, cô cũng được ban tổ chức cất giao những vai đã từng gây sáng chói cho tên tuổi cô.

Chiều hôm nọ, vừa ở phim trường Mỹ Phụng ở Phú Nhuận bước ra, cô Bảy Mộng Nga, leo lên xe buýt để ra chợ Bến Thành, tạt qua quán Ngã Tư Quốc Tế để gặp ông Vạn Ứng, một tay tổ chức hát hội rất thạo nghề. Cô vừa chuyển âm cho đào Lý Lệ Hoa trong cuốn phim tình cảm. Hôm qua, vì bị cảm cúm nên cô nghẹt mũi, phải hốt thang thuốc Bắc để xông. Giọng cô khàn nên cô phải uống nước trái La Hán, rồi uống nước cam pha mật ong, ngâm cam thảo. Trước khi đến phim trường, cô mang theo ống long não và thủ sẵn gói kẹo ho. May thay, tiếng cô vẫn thanh, vẫn mỏng, tiếng của tuổi thiếu nữ không hề suy giảm vì tuổi tác, không hề vướng đục vì cơn cảm cúm tạm thời. Nhưng cô cảm thấy mệt mỏi chán đời quá. Con đường phụng sự nghệ thuật của cô đã xuống dốc, không còn có cơ hội nào để ngoi lên. Nếu không nhờ các tổ chức hát hội thì khán giả đã quên cô rồi. Nhưng số khán giả thích hát hội tức là những kẻ hoài cổ, còn thương tưởng tới lớp nghệ sĩ cũ mèm như cô chẳng được bao nhiêu người.

Ngã Tư Quốc Tế là nơi tụ họp, hẹn hò của giới cải lương. Ngoài các ông bầu gánh, bà bầu gánh, các tay soạn già, các kẻ cho giới đào kép vay tiền, các đào kép, các công nhân sân khấu, các nhạc công, còn có các ký giả chuyên viên về kịch trường, các ông chủ báo, các tay lấy quảng cáo cho báo... Ở đây có bán các món nhậu thiết ngon, đủ các loại rượu ở Bình Đông, các loại rượu nhập cảng. Tuy bàn ghế ở đây nhộp nhúa, tuy chén đĩa ly tách không mấy sạch sẽ, nhưng thực khách lẫn ẩm khách ra vào nườm nượp.

Khi bước vào quán, cô Bảy Mộng Nga gặp ông Vạn Ứng đang ngồi nhậu Cognac pha soda với thầy cụ soạn già trạc tứ tuần, hồng hào, phì mĩ. Còn cô Hai ốm yếu, xanh xao, nhưng mặt không vệt nhăn, nét thanh tú hây còn. Thầy cụ soạn già nói trước:

- Ông Vạn Ứng muốn đưa tuồng "Tái Sanh Duyên" của tui lên sân khấu. Cô Hai thủ vai Mạnh Lệ Quân, còn cô thủ vai Tô Yến Tuyết.

Cô Bảy không nói gì. Sau đó cô hỏi:

- Con Chín mạnh giỏi không? Lâu quá, em mới gặp thầy. Vợ chồng thầy bấy lâu ở ẩn, lo làm giàu. Bây giờ thầy chán cuộc sống hiu quạnh ở tỉnh lỵ chưa?

Ông Vạn Ứng nói:

- Phải chi có cô Chín Kiều Nga thì quý vị sẽ sống lại thuở xưa, hồi Tân Hiệp Ban còn lẫy lừng.

Thầy cụ soạn già cười man mác:

- Vợ tui thì không bao giờ trở lại sân khấu. Từ khi lấy chồng, nó không hề đi coi hát cải lương, hát bội, hát bóng.

Cô Hai Kiều Loan buồn rầu:

- Làm sao mình có thể sống lại nguyên vẹn ngày xưa? Sắc vóc mình đã mất đi cái tươi đẹp, dù nó chưa tàn héo lộ liễu. Tâm hồn mình đã mang ít nhiều thương tích, dù không già cõi khô cằn, nhưng đâu còn tươi mát, phơi phơi như xưa? Kép Năm Mỹ Cảnh về sau mập ú, tắt tiếng, nhưng không chịu đóng vai kép độc, kép lão, đành lui về chợ Cần Giuộc cưới vợ rồi mở quán cơm bình dân. Kép Vân An chết vì lao, mộ phần hiện ở đất thánh An Nam tỉnh Vĩnh Long, gần cầu Kinh Cụt.

Ba Oanh Liệt ngậm ngùi:

- Bởi vậy con đờn bà của tui không muốn dây dưa với kịch giới. Nó bảo rằng bây giờ nó cũng đã bộn tuổi rồi, đóng vai nhí nhanh trẻ trung coi chướng lẩm. Và lại nó cứng lủ con bốn đứa, tối ngày cứ vất vả bận bịu với tụi nó không hở tay. Qua vụ hát hội này, tui xin mời quý anh chị xuống Mỹ Tho viếng nhà tui tui cho biết.

*

* *

Qua một xuất hát hội tại rạp Nguyễn Văn Hào ở Sài Gòn, một xuất tại đình Cống Bà Xếp ở Gia Định, một xuất tại rạp Văn Cầm ở Phú Nhuận, cô Hai Kiều Loan rủ cô Bảy Mộng Nga đáp xe lửa đi Mỹ Tho để viếng vợ chồng Ba Oanh Liệt.

Cô Hai Kiều Loan từ khi lấy chồng Tây, cảm thấy mình hạp với chồng nên không đi ngang về tắt nữa. Và lại cô còn trẻ trung gì nữa mà có thể rủ quyến đờn ông trẻ trung, đẹp trai? Chồng cô tuy dị chủng, nhưng có thể làm cô thỏa mãn thú gối chăn, và là cái điểm tựa cuối cùng của cuộc đời cô, cho nên cô đại gì mà để mất cái phao độc nhứt trên biển đời đầy tai ương dọa dẫm.

Còn cô Bảy Mộng Nga cũng thừa hiểu rằng trong việc hôn nhân, cái ái tình đôi lứa làm sao nguyên vẹn như thuở ban đầu. Bao năm qua, vợ chồng cô chia ngọt sẻ bùi với nhau, cái tình ái sôi nổi biến dạng dần dần thành cái

nghĩa bền chặt. Lũ con lần lượt ra đời, càng làm cái nghĩa đó thêm keo sơn, thêm thâm thúy. Vợ chồng là phải đồng cam cộng khổ với nhau, hễ có hột muối là chia hai cho nhau, vậy lẽ nào gặp được cục đường thì của ai nấy lùm hay sao?

Cô Hai Kiều Loan mua sầu riêng, măng cụt, lôm chôm, dâu miền dưới để làm quà cho vợ chồng Ba Oanh Liệt. Cô Bảy Mộng Nga mua các món quà mà cô cho là hiếm quý ở tỉnh lỵ như bánh xu xê, bánh cốm, bánh dầy, chả lụa, chả quế (món Bắc), tré, kẹo cau, mè xừng (món Huế) mà cô biết rằng ở tỉnh lỵ không có bán.

Trên xe lửa, hai cô đào hát lưỡng tuổi kia cứ đoán già đoán non về nhơn diện và vóc dáng cùng hoàn cảnh hiện thời của cô Chín Kiều Nga. Nào là cô Chín đang tàn tạ dung nhan, tóc muối tiêu xơ xác, vóc mình nếu không mập ú thì cũng lệt lệt khó coi. Nào là cô ăn mặc tồi tàn vì phải làm lụng việc nhà đầu tắt mặt tối như con tở, con đòi. Hèn chi chồng cô bảo rằng cô phải lúc thúc ở nhà, không dám chường mặt ở bất cứ cuộc hội họp tiếp tân nào. Vốn có óc liên tưởng sa đà, óc tưởng tượng phong phú. Cô Hai lẫn cô Bảy cứ theo dết trong đầu toàn chuyện không may, chuyện bất hạnh cho cô Chín. Và chỉ nghĩ tới chuyện đó, cô Hai cảm thấy mình đáng sống hơn, may mắn hơn. Cô mở chiếc bóp lấy phấn hồng xoa cặp má thêm tươi, lấy thỏi son tô lại cặp môi thêm đậm. Cũng vậy, chỉ nghĩ tới những chuyện đó, cô Bảy Mộng Nga chợt thấy số phần dành cho cô một hậu vận để thờ hơn hậu vận cô Chín, thấy định mạng dọn cho cô một cảnh đời lúc nào cũng sáng sủa hơn cảnh đời cô Chín. Bởi Ba Oanh Liệt khiêm tốn, ăn mặc xập xệ, chỉ tiết lộ cho hai cô biết qua loa gia thế mình: Nhà đông con nên tui hết buồng chuyện này bắt chuyện khác để mưu sanh.

Hai cô không ngờ Ba Oanh Liệt là tay làm áp phe cự phách, có cơ nghiệp bành trướng, cơ sở vững vàng. Hai cô cũng không ngờ cô bạn đồng nghiệp năm xưa đã trở thành một chủ phụ đờm đượng, làm cho cuộc sống lứa đôi đẹp đẽ ngắn nấp.

Nhà của cặp Ba Oanh Liệt và Chín Kiều Nga cất trên mảnh vườn nửa mẫu trồng cây ăn trái. Đó là cái biệt thự cất theo kiểu tân thời, sơn màu thiên thanh. Phòng khách chưng bày nửa cổ nửa kim, nửa Tây nửa Tàu. Ngoài bộ xa-lông bằng gỗ cẩm lai còn bày tủ khám xà-cử, tủ kiếng thiết lớn đựng đầy các món ngoạn hảo bằng sứ, bằng pha lê, bằng ngà voi, bằng thau, bằng

đồng, bằng bạc... Trên tường bên trái có treo cặp kiếm gác chéo, chuôi kiếm và vỏ kiếm cẩn ngọc san hô, hồ phách và chạm trổ tinh xảo. Trên tường bên mặt có treo tấm da cạp căng rộng. Phía dưới tấm da cạp là chiếc đầu nai có cặp sừng cong vút.

Cô Chín Kiều Nga có vóc vạc thanh tao mỏng mảnh, sắc mặt hiền dịu, trong sáng và phiêu hốt. Vào lứa tuổi 40 ngoài, cô lộ vẻ cao sang. Giọng cô êm dịu và có ngân vang ngọt ngào:

- Em mời hai chị ở chơi với vợ chồng em vài ngày cho phi lòng mong nhớ. Em tuy lánh xa sân khấu, nhưng vẫn theo dõi mọi hoạt động của kịch giới qua báo chí.

Cô kêu lũ con hai trai hai gái ra chào khách. Đứa nào cũng có khuôn mặt sáng láng, vóc vạc thanh tú. Đứa con trai đầu lòng da đen dòn, cao lớn hơn lũ em, mặt mày bặm trợn, hùng tráng. Hai đứa con gái kẻ trắng trẻo, đứa lớn có cặp mắt bồ câu đen láy, đứa nhỏ có cặp mắt phụng lông lánh. Đứa con trai út trắng trẻo, tuấn tú, dễ thương, ai thấy cũng muốn hun. Ở trong nhà, con trai mặc đồ lính thủy, chơn đi dép. Còn con gái thì mặc áo đầm bằng vải in bông xanh, chơn đi guốc lóc cóc.

Cô Chín kêu chị bếp lên dọn làm vịt nấu cháo, thịt vịt trộn bắp chuối rắc rau răm, đậu phộng. Cô dọn nướng tôm càng để cuốn bánh tráng, dưa leo, rau sống và chấm mắm nêm. Trong khi chờ đợi bữa ăn trưa, cô mời khách uống nước dừa xiêm trộn đá cục, ăn khóm ướp nước đá cho mát. Sau đó cô dẫn khách thăm thú sân trước bày hòn non bộ, các chậu bông *hortensia*, thổ lan, kim đồng, ngọc nữ, mai tứ quý, mai chiếu thủy, hương tiều muội, bạch ngọc, sơn chi. Cô cũng dắt khách ra vườn để coi cây ăn trái. Ở đây có chuối xiêm, chuối lá ta, chuối cau, mận hồng đào màu hương tươi, mận xiêm màu cẩm thạch, mận bánh bao màu trắng, mận da người màu nâu đỏ. Ngoài ra còn có cam sành vỏ dày, cam hồng mặt vỏ mỏng, quít đường, bưởi trắng, bưởi hương, măng cầu xiêm, bồ quân, xoài cát, xoài ang-ca, ổi xá lỵ, ổi cừ nguyệt, mít nghệ...

Khung cảnh êm đềm, thơ mộng và trù phú nơi đây rất hợp với người nữ chủ non xinh đẹp, thơ thới, diễm đạm. Cô Chín Kiều Nga làm việc nhẹ nhàng, ung dung, nhưng lúc nào cũng miệt mài, cần mẫn. Cử chỉ của cô rất gọn nhẹ, dáng điệu cô rất đài các, vậy mà đầu đầu cũng gọn gàng, sạch sẽ, ngăn nắp. Nụ cười tươi rạng lúc nào cũng nở trên cặp môi cô. Hình ảnh cô đào hát

cải lương không còn phảng phất trên nhơn diện, vóc dáng, cử chỉ, lời ăn, tiếng nói của cô nữa. Cô đã lột xác thành nàng tiên của gia đình.

Sau bữa ăn trưa, cô Chín dọn bếp chưng chuối xiêm với bột báng nước cốt dừa để xé xé khách ăn chơi cho ngọt giọng. Cô dạy cô tớ gái đi ra chỗ đóng máy mua cá mè để bó lá ổi nướng than, mua cá duồng nấu ngọt với cà chua và rau cần tàu.



Buổi tối hôm ấy, trăng mọc sớm, cô Chín ngỡ ý với chồng dọn tiệc ở ngoài sân. Ngọn đèn măng-sông treo trên cành cây bằng lăng trồng trong bồn giữa sân. Cá mè nướng cuốn bánh tráng, rau sống chấm tương hay chấm mắm nêm tùy ý. Cá duồng nấu ngọt chan lên bún đem rau xắt ghém, rưới tương điểm ớt. Cả bốn vừa dùng bữa cơm tối, vừa nhắc nhở chuyện xưa, thời họ còn xuân sắc. Cô Hai Kiều Loan và cô Bảy Mộng Nga không sao cầm được nước mắt. Họ tiếc thương thời vàng son của mình, rồi họ ái ngại nhìn cái viễn ảnh sầm buồn đan kín tương lai. Cô Chín Kiều Nga cũng khóc, nhưng mặt cô như huê tươi nguyệt rạng, khỏe mắt cô long lánh, môi cô thoang nhẹ một nụ cười. Không ai đoán nổi giọt nước mắt của cô. Nhưng cô Hai và cô Bảy thừa biết rằng cô Chín không hề tiếc thương quá khứ. Bởi cô Chín nào có thời huy hoàng trong kịch giới? Bởi cô ta có một hiện tại hạnh phúc tràn trề, được chồng yêu, được con cái quẩn quít. Vậy thì giọt nước mắt kia có lẽ chỉ để hoài

niệm thời dĩ vãng coi cút, lạc loài trong thời kỳ dĩ hát đúng hơn.

Sáng hôm sau, Năm Út tới viếng. Bây giờ bà ta đã thành Sư cô Diệu Hỷ. Khuôn mặt bà chói ngời ánh sáng tâm linh, da mặt chưa nhăn, hàm răng còn chắc. Hỏi ra cái am do bà trụ trì là do vợ chồng Ba Liệt Oanh bỏ tiền ra xây cất. Bây giờ thiện nam tín nữ đến niệm hương, nghe Sư cô thuyết pháp rất đông, tiền cúng dường thiệt hậu hĩ. Với tiền đó, Sư cô làm van làm phước và in kinh, đúc tượng.

Cô Hai Kiều Loan và cô Bảy Mộng Nga xin đến am để dâng hương và cúng dường. Am tọa lạc trên mảnh đất trũng kỳ huê dị thảo, có tre vàng, trúc biếc, trác bá diệp rườm rà, bằng lăng đơm bông tím rịm, mộc lam đơm bông trắng phau, lại có thêm mười cội huỳnh mai để bán bông trở vào dịp Tết. Mái am lợp ngói lưu ly, tường gạch trét xi-măng và quét vôi màu vỏ trứng, nền lót gạch bông. Chánh điện có cột sơn son, có rồng đaoanh thép vàng, tượng Phật bằng đồng đen, tranh ảnh vẽ Phật và Bồ Tát được mua tận bên Đài Loan, Hương cảng.

Hôm cô Hai Kiều Loan và cô Bảy Mộng Nga trở về Sài Gòn thì vợ chồng Ba Oanh Liệt và Sư cô Diệu Hỷ tiễn họ tại ga xe lửa Trung Lương. Một chiếc xe ba bánh do anh tớ trai đạp theo đám người tiễn khách. Trên xe, có hai chiếc bội tre thiệt lớn đựng đầy quà cáp, nào là vịt cà cưỡng, cam, mận, bưởi, chuối cau, xoài cát và một hũ mắm tôm chua trộn đu đủ.

Sư cô thừa lúc vợ chồng Ba Oanh Liệt đang nói chuyện với viên xếp ga, bảo cô Hai và cô Bảy:

- Con Chín giờ đây lo chuyện gia đình, chuyện Phật sự. Nó thành thiệt coi quang đời đi theo nghề hát như giặc chiêm bao, mà hể tình chiêm bao rồi thì khó gặp lại chiêm bao cũ. Con đường nó đi đã có chồng nó vạch ra rành rề rồi. Riêng hai em, giờ đây vẫn còn ràng buộc bởi làng phấn son hia mào. Hai em vẫn còn sáng chói trong lòng một số khách mộ điệu. Những kỳ hát hội vẫn còn giúp hai em tiếp xúc với họ. Vậy hai em hãy vui vẻ, phấn chấn lên. Tổ nghiệp vẫn chưa bỏ hai em. Hai em nên huấn luyện lớp hậu sanh ca diễn để báo ơn Tổ nghiệp. Có vậy, hai em mới khỏi bị Tổ nghiệp chê rằng ích kỷ, không chịu truyền nghề cho lớp em cháu đi sau hai em. Ôi, ở đời mỗi người có một nghiệp. Nghiệp đã dọn cho mình một con đường, mình phải đi nốt để trả nghiệp, không nên trốn lánh, hoặc đi tắt hay đi vòng bằng thái độ lánh nặng tìm nhẹ. •

Tâm sự của con chó già

Minh Trang



Tôi sinh ra đời năm 1973, được ông chủ đặt cho một cái tên rất bình dân và rất Việt Nam: Ba Tô. Tính cho đến nay, năm 1998, tôi đã được 25 tuổi, tương đương với một con người thọ 90 tuổi. Cuộc đời của tôi thật là sôi nổi, vui sướng cũng lắm mà buồn phiền cũng nhiều. Hôm nay đã gần đất xa trời, sống xa chủ, tôi giải bày những tâm sự của tôi với các bạn cho vui bớt nỗi cô đơn:

Lúc ra đời mới được có một tháng, vẫn còn đang bú mẹ thì tôi đã phải xa lìa mẹ tôi. Lý do vì tôi có bộ lông đẹp và có nhiều tướng tốt! Sở dĩ tôi biết tôi có nhiều tướng tốt là vì khi mới về nhà ông chủ, mọi người trong nhà đã đổ xô ra nhìn tôi, rồi bình luận loạn xạ:

- Ái chà, chó lông vàng, mặt đen, đốm tứ túc!
- Coi tướng lực lưỡng quá, ngực nở, bốn chân thật to và chắc!
- A ha, nó có "bốn mắt"! (Tôi có hai đốm đen trên mắt)
- Cái mõm thật là to, ngữ này chắc là sủa lớn lắm đây!
- Tướng này cần lộn thì phải biết!
- Trông nó giống con gấu quá, cái đầu to bè bè!

Ông chủ cạy miệng tôi ra, chỉ cho mọi người xem:

- Con chó này đốm lười nhá!
- Thằng Tý con ông chủ liền thắc

mắc hỏi:

- Đốm lười là sao vậy bố?

Ông chủ giải thích:

- Chó đốm lười là chó khôn và trung thành với chủ. Nó cũng "chữa bệnh" hay lắm. Ai mà bị ghê, đưa cho nó liếm là hết ngay!

Ông hàng xóm nhắc bồng tôi lên và nhìn vào háng tôi:

- Ái chà, cu cậu là chó đực, có đốm ở háng nữa chứ! Ngữ này thì "hào hoa" phải biết!

Thôi thì đủ thứ bình luận hết. Thật tôi không ngờ tôi lại có nhiều tướng tốt đến như vậy! Có lẽ chính vì thế mà tôi đã phải xa lìa mẹ tôi và các anh em thật là sớm, lúc mới được có một tháng tuổi! Nhưng cũng may cho tôi vì nhà ông chủ tôi chỉ cách nơi mẹ tôi ở có vài con đường: tôi ở xóm trên còn mẹ tôi ở xóm dưới. Sau này lớn lên, lúc chạy đi chơi rộng ngoài đường, tôi vẫn thường gặp lại mẹ. Bà thường đến khuyên nhủ tôi nhiều điều, mà sau này, những lời khuyên đó đã giúp ích cho tôi rất nhiều trong cuộc sống.

Có lẽ những lời nhận xét của mọi người về tôi là rất đúng, bởi vì khi đến tuổi trưởng thành, tôi bắt đầu trở mã và phát tướng "đẹp trai" hơn lúc bé rất nhiều. Người tôi to lớn, vạm vỡ, tiếng sủa rất lớn, bộ lông thì vàng mượt, có pha sắc nâu, mõm ngắn, mặt đen. Tôi có khuynh hướng phát triển bề ngang nhiều hơn, bốn chân của tôi thật to, ngực nở và chắc nịch. Có lẽ vì thế mà tôi hơi bị "lùn"! Nhiều người nói tôi giống con gấu, thật đúng lắm lắm! Nhờ có bộ mã "đẹp trai", hào hoa phong nhã mà tôi có bạn gái thật là nhiều, trải dài từ làng trên xuống xóm dưới, biết bao nhiêu nàng mê tôi lẫn lộn! Nhưng càng yêu nhiều thì càng khổ nhiều, tôi sẽ kể cho các bạn nghe những khổ lụy vì tình của tôi!

Sau khi ra mắt mọi người trong nhà xong, việc làm đầu tiên của ông chủ là cạy miệng tôi ra, nhổ một bãi nước miếng vào đó. Ông ta giải thích rằng làm như vậy để tôi khỏi có đi lạc! Còn bà chủ thì bẻ một cọng chổi chà, đo cái đuôi ngắn cũn cỡn của tôi, rồi ngắt cọng chổi, đem liệng ra ngoài đường. Bà ta nói rằng làm như vậy để tôi khỏi có ị bậy ở trong nhà, khi ị thì sẽ ra ngoài đường... ị! Lúc ấy tôi mới được có một tháng tuổi nên

được ông bà chủ cho uống sữa bò. Độ một tháng sau, tôi bắt đầu ăn cơm và rồi tôi lớn lên rất nhanh, khoảng tám tháng sau, tôi đã trở thành một chàng thanh niên cường tráng, khỏe mạnh. Phải nói rằng tôi có phước được về làm tôi tớ cho ông bà chủ, bởi vì suốt cuộc đời niên thiếu của tôi là những chuỗi ngày dài tràn đầy hạnh phúc. Ông bà chủ rất thương tôi, cho tôi ăn uống rất no đủ, thậm chí rất dư thừa nữa là khác. Ở nhà có cái tô bị mẻ miệng, thế là ông chủ cho tôi làm cửa riêng. Phần ăn hàng ngày của tôi được đựng trong đó chó không đến nỗi phải đổ xuống đất như những con chó nhà nghèo khác! Khi đến tuổi choai choai, sức ăn của tôi nhiều hơn, ông chủ lại sắm cho tôi cái thau nhựa lớn hơn để tôi ăn cho vừa sức. Đến mùa mưa lạnh, bà chủ dọn cho tôi một cái ổ để ngủ cho ấm: bà lấy cái áo nhà binh đã cũ rách của ông chủ ra, lót trong một thùng giấy lớn và để ở phía trước nhà. Vào những đêm mưa gió bão bùng, trời lạnh như cắt, tôi chui vào đó ngủ thật là ấm áp, sướng mê toi! Những dịp cuối tuần, bà chủ thường nấu nướng nhiều món ăn rất ngon cho cả nhà ăn, tôi tha hồ được hưởng "sái", ngồi chầu rìa dưới gầm bàn mà xương đủ loại cứ vất tới tấp xuống dưới đất, lượm ăn không kịp! Tôi thích nhất là món phở và bún bò vì hai món này có nhiều xương. Cứ mỗi lần bà chủ nấu các món này là tôi trúng mảnh: xương gặm cắn các mấy ngày cũng chưa hết! Ông bà chủ cũng thường bắt ve cho tôi nữa. Mỗi khi thấy người tôi dơ vì đi vùi đất cát ở ngoài đường thì hai ông bà lại tắm cho tôi bằng xà bông bột. Tắm xong, họ cõt tôi vào gốc cây sa-bô-chê trên sân xi măng phía trước nhà, để tôi phơi nắng cho khô lông. Ông chủ có chiếc xe Jeep, đến mùa hè ông chở vợ con đi tắm biển và dĩ nhiên là tôi cũng được đi theo!

Phía sau nhà ông chủ có một khu vườn, nơi đó ông ta có trồng mười mấy bụi sả. Ông thường nói với mọi người trong gia đình:

- Mình trồng sả một công đời chuyện: khi bị cảm, nhổ vài cây sả, nấu nồi nước xông là khỏi! Ngoài ra, đó cũng là "thuốc" trị bá bệnh của loài chó. Mỗi khi bị trái gió trở trời, chúng thường ăn lá sả là hết bệnh!

Lời nói của ông chủ rất trùng hợp với những lời dạy của mẹ tôi. Sau này khi lớn lên, có lần tôi tình cờ gặp bà ta ở ngoài đường, bà đã truyền lại kinh nghiệm tự chữa bệnh cho tôi như sau: "Bất cứ khi nào bị bệnh, con hãy tìm lá sả mà ăn. Hết bệnh ngay lập tức!" Chính bản thân tôi cũng đã thí nghiệm "thuốc" lá sả vài lần, thấy rất hiệu nghiệm. Khi ăn xong, tôi thấy trong người nóng râm ran, bụng sôi ề ề, rồi tôi đi ngủ. Khi ngủ dậy, tôi vội phóng ra đường, thải ra vài ... bãi, thế là xong! Cơ thể tôi lại mạnh khỏe, hoạt động bình thường trở lại! Chính vì vậy mà tôi rất mang ơn vợ chồng ông chủ, đã nuôi nấng tôi thật là chu đáo, ngoài việc cho tôi ăn uống rất đầy đủ, lo chỗ ngủ cho tôi, rồi lại còn lo luôn cả việc thuốc thang chữa bệnh cho tôi nữa!

Nói tóm lại, thời ấu thơ và thanh niên của tôi là tràn đầy hạnh phúc, cả về phương diện vật chất lẫn tinh thần. Tôi được xem như một thành viên trong gia đình của ông bà chủ gồm có ba đứa con, thằng Tý lớn nhất 10 tuổi, thằng Tèo 5 tuổi và con Thúy 2 tuổi.

Thế nhưng bỗng vào một ngày kia, vào khoảng tháng ba năm 1975, người ở đâu kéo đến nhà ông bà chủ thật là đông. Họ sống chen chúc trong nhà tới mấy chục người, nằm ngủ la liệt, bò lê bò càng ở dưới đất, nằm ngủ luôn cả ngoài sân, kể bên cái "giường" của tôi. Họ bàn tán xôn xao, vẻ mặt ai nấy đều nhuốm màu rất sợ hãi. Hình như họ bàn tính chuyện rủ nhau đi trốn đến một nơi nào xa xôi lắm. Chắc là có một thứ ma quỷ gì rất ghê gớm tràn về thành phố làm cho người ta phải sợ hãi mà bỏ chạy hàng loạt như vậy? Sau đó thì mọi người lại tất bật xách gói ra đi, không hiểu họ đi đâu? Riêng ông bà chủ thì cũng rất là lo sợ, cứ thì thầm bàn tán suốt đêm!

Rồi một hôm nọ, tôi thấy ông chủ xếp đồ đạc vào chiếc ba lô, vẻ mặt buồn và lo lắng vô hạn. Ông ta đi biến luôn kể từ hôm đó, cả năm trời cũng không thấy về nhà. Con Thúy lúc đó mới có hai tuổi rưỡi, nhớ bố, nó cứ thường khóc hoài. Nó cứ hỏi: "Mẹ ơi, bố đâu rồi?". Cứ mỗi lần nó hỏi, bà chủ lại đáp: "Bố đi học đại học, con à!". Con Thúy lại hỏi: "Chùng nào bố về?". Bà chủ lại đáp: "Sắp về

rồi!".

Tôi nhớ đến giữa năm 1980, ông chủ mới trở về. Gặp lại ông, tôi mừng vô hạn, chạy đến liếm tay, chồm lên liếm ngực và mặt ông. Nhưng lần này gặp lại ông, tôi thấy ông lạ quá: người ông ốm nhom, già cằn cõi và đen cháy như củ tam thất! Trước đây ông rất là trắng trẻo, mập mạp và đẹp trai chớ đâu có đến nỗi đen và quá xấu xí như bây giờ? Quái lạ, ông đi học "đại học" gì mà ghê gớm đến như vậy? Tôi "nói" thật là nhiều nhưng những tiếng nói của tôi chỉ là những tiếng ư ừ, hi hí mà tôi biết chắc ông chủ không thể nào hiểu được "ngôn ngữ" của loài chó chúng tôi! Trái lại, khi ông bà chủ nói chuyện, tôi nghe đều hiểu hết, chỉ tiếc là tôi nói... tiếng người không được mà thôi! Ông chủ xoa đầu tôi thật nhiều. Ông vỗ vỗ vào người tôi rồi nói với bà chủ:

- Con Tô dạo này sao ốm quá!

Bà chủ trả lời:

- Mọi người ai cũng ốm hết, đâu riêng gì nó. Có gì ăn đâu mà mập cho được! Riêng em bị sụt hết tám kí-lô!

À quên, để tôi kể cho ông chủ nghe những chuyện xảy ra ở nhà khi ông chủ đi học "đại học". Từ khi ông chủ đi, cuộc sống tự nhiên bị đảo lộn tất cả. Gia đình mình bị nghèo đi rõ rệt, đồ ăn thức uống không còn dồi dào như xưa nữa. Gạo trở nên rất hiếm hoi, chỉ dành cho người ta ăn thôi, còn loài chó như tôi thì phải ăn khoai mì dài dài! Thật ra, theo tôi biết, mọi người trong nhà cũng không có đủ gạo mà ăn, phải ăn cơm độn với khoai mì! Không hiểu khoai mì ở đâu mà nhiều thế, tôi đi lang thang trong xóm thấy nhà nào cũng đua nhau xắt những củ khoai mì thành từng lát rồi đem phơi khô. Khi nấu cơm, họ bốc những lát khoai mì đó bỏ chung vào nồi để ăn độn! Chỉ tội cho những người già và trẻ em rằng yếu ăn không nổi vì khoai mì nấu chung với cơm vẫn còn cứng lắm! Đã vậy ăn khoai mì nhiều thì "nóng", ị mắc đít, con Thúy cứ kêu khóc cả ngày! Riêng đối với tôi thì sao cũng được, có cơm thì ăn cơm, còn không thì cứ khoai mì, khoai lang ăn cả đời cũng được. Bao tử của tôi tốt lắm, hơn nữa tôi biết thân phận mình là... chó, đâu dám đòi hỏi gì nhiều. Được bà chủ cho ăn ngày hai bữa khoai là phước lắm rồi! Ăn uống thì khổ cực, còn đồ

đặc trong nhà thì bà chủ đem ra chợ trời bán gần hết! Bà ta đem bán hết quạt máy, ti-vi, tủ lạnh, máy cát-xét, tủ, giường, bàn ghế v.v... Đến nỗi trong nhà chỉ còn lại có một cái giường cũ dành cho bà chủ, còn ba anh em thằng Tý, Tèo và con Thúy thì ngủ dưới đất! Chưa hết, bà ta còn đem bán luôn cả quần áo nữa. Toàn bộ quần áo mới phải lần lượt theo nhau ra chợ trời, những người trong nhà chỉ còn mặc toàn quần áo cũ, vá víu. Tệ nhất là cái áo lính cũ của ông chủ cho tôi để lót ổ chó, làm chỗ ngủ cho tôi hằng đêm, cũng bị một người quen của bà chủ đến xin. Nghe bà chủ nói người này trốn ở vùng kinh tế mới về! Còn cái thau nhựa dành cho tôi ăn cơm thì cũng đã bị bà chủ thu gom đem bán ve chai cùng với nhiều thứ lặt vặt khác trong nhà. Thế là toàn bộ "gia tài" của tôi gồm chiếc áo lính cũ và cái thau nhựa cũng đi mất! Tôi chẳng còn gì nữa hết ngoài bộ lông dính trên người và tấm lòng trung thành vô hạn với chủ.

Cuộc sống vật chất trở nên nghèo nàn và nhiều chuyện tinh thần khác cũng đổi thay luôn. Tôi còn nhớ một hôm có một người đàn ông ăn mặc luộm thuộm, người vô cùng hôi hám, dơ dáy, bên hông đeo một chiếc cặp da, đến gõ cửa nhà mình. Tôi tưởng là người ăn xin nên sửa tới tấp và xua đuổi ông ta ra khỏi nhà. Thực phẩm dạo này đã thiếu thốn rồi mà còn đến ăn xin thì còn gì cho... chó như tôi! Thế nhưng bà chủ vội vã chạy ra quát nạt tôi và mời ông ta vào nhà với vẻ sợ hãi, lo âu. Ông này ngồi nói chuyện với bà chủ một hồi rồi ra về. Kể từ đó có nhiều người đàn ông tương tự như vậy cứ thường ghé nhà mình, lúc vào ban ngày, lúc vào ban đêm. Tôi vẫn cứ sửa và xua đuổi họ và bà chủ thì cứ quát nạt, ngăn cản tôi. Lạ quá, cứ theo như "công thức" cha truyền con nối của dòng họ chó của tôi thì những người ăn mặc rách rưới, dơ dáy là những người xấu, cần phải xua đuổi, còn những ai ăn mặc sang trọng là người tốt, chỉ cần sửa lấy lệ. Chính ông bà chủ trước đây cũng đã huấn luyện cho tôi điều này. Vậy mà bây giờ bà chủ không cho tôi sửa những người này. Tôi nghe bà ta gọi họ là "cán bộ"! Chắc đây là những con người có quyền thế ghê lắm!

Có một lần, một thằng cán bộ đã

đến nhà nói với bà chủ:

- Nay chị Sương, tôi muốn chị đổi cho tôi con chó lấy sáu ký gạo được không?

Bà chủ đáp:

- Dạ không được đâu anh Tám. Tôi chỉ có một mình nó để giữ nhà.

Thằng cán bộ nói một cách đều cang:

- Nhà chị còn đồ đạc gì nữa đâu mà giữ! Gạo thóc bây giờ đang hiếm, đổi quách nó đi kiếm mấy ký gạo cho con ăn, có phải hơn không?

Bà chủ vẫn cố bảo vệ tôi:

- Dạ, anh Tám thông cảm. Con chó này nó khôn, tôi thương nó lắm!

Thằng cán bộ đưa cặp mắt nhìn tôi một cách thèm thuồng:

- Tôi khoái con này vì nó đứng hàng thứ nhì trong "nhất mực, nhì vàng, tam khoang, tứ đốm"! Làm chả chia, rựa mận thì hết ý!

À thì ra thằng cán bộ này muốn ăn thịt tôi! Nghe hẳn nói như vậy, tôi tức giận run người. Tôi lừ mắt nhìn hẳn rồi thừa lúc hẳn không để ý, tôi phóng tới tấp vào bắp chân hẳn một phát. Nhưng may cho hẳn, nhờ rút cẳng lại kịp nên tôi đã tấp hụt, tuy vậy cũng làm hẳn bị trầy da rướm máu. Bà chủ lập tức cầm cây chổi chà đập túi bụi vào người tôi và la lớn: "Ba Tô, Ba Tô". Cẩn xong, tôi bỏ chạy ra ngoài đường. Lúc ngoái cổ nhìn lại, tôi thấy thằng cán bộ đang vén ống quần ka-ki lên, để lộ khúc cẳng gầy đét ra cho bà chủ xúc dầu!

Sau này cũng thằng cán bộ đó lại tới nhà mình thường xuyên hơn. Mỗi lần đến, hẳn lại "ăn vạ", về mặt nhân nhó, vén quần lên cho bà chủ băng bó và xúc dầu! Tôi nghe bà chủ nói hẳn tên là Tám Sanh, cán bộ, Trưởng Ban Kinh Tế Mới của Phường Phước Tân. Tên Tám Sanh lại tiếp tục gạ gẫm:

- Chị đổi cho tôi con chó lấy mười ba ký gạo được không?

Bà chủ không dám từ chối thẳng nhưng bà ta lắc đầu.

Tên Tám Sanh bèn nói bằng giọng giận dữ:

- Mười ba ký gạo là cả một tháng lương thực của tôi đó. Tôi dám "chơi đẹp" với chị như vậy mà chị tiếc con chó với tôi à? Chưa nói tới cái tội nó cắn trộm tôi lần trước!

Bà chủ phải năn nỉ tên cán bộ:

- Anh Tám thông cảm cho... em.

Em nuôi nó lâu rồi nên không muốn xa rời nó!

Lần đầu tiên tôi nghe bà chủ xưng "em" với thằng cán bộ. Tên Tám lại tiếp tục dọa dẫm:

- Đúng ra nó là con chó hung dữ, dám cắn cán bộ Phường là tôi có thể xin lệnh trên để đem nó đi... xử lý. Nể mặt chị, tôi còn để cho nó sống tới giờ này đó! Chị phải biết... điều!

Nói xong hẳn móc trong túi xách ra một quyển sổ, hý hoáy viết gì đó rồi xé một tờ đưa cho bà chủ:

- Đây là giấy mời, ngày mai đúng tám giờ sáng chị phải lên Phường gặp tôi để... "làm việc"! Nhà chị thuộc diện nguy quân, nguy quyền, có chồng đi cải tạo cho nên "được" có tên trong danh sách đi xây dựng vùng kinh tế mới! Căn nhà của chị sẽ do nhà nước quản lý!

Nghe hẳn nói xong, bà chủ mặt tái mét, cắt không còn hột máu. Không hiểu "kinh tế mới" là gì mà bà chủ lại sợ đến như vậy? Bà chủ ơi, nếu đi thể được, tôi sẵn sàng đi thể cho bà! Bà có biết là tôi cảm động quá nên đã khóc không? Nước mắt của tôi đã ứa ra khi thấy bà dám liều lĩnh từ chối mười ba ký gạo của thằng cán bộ để bảo vệ tôi, cho tôi được sống! Tôi biết mười ba ký gạo, vào thời điểm đó là rất quý vì ai cũng đói dài dài. Vậy mà bà đã dám từ chối! Bây giờ nếu cần hy sinh cả tánh mạng của tôi cho gia đình bà, tôi cũng sẵn sàng!

Kể từ đó, tôi thấy thằng Tám Sanh năng lui tới nhà mình hơn. Nhìn cái điệu bộ của nó là tôi biết nó muốn... thả dè bà chủ! Tôi cũng đã từng đi "dè" nhiều rồi nên tôi biết! Thằng Tám là người nhỏ con, lùn xùn, ốm nhách như con khỉ. Đã vậy hẳn còn xấu trai nữa chứ, răng thì hô, vàng khè, mặt chuột, tai dơi. Trong khi đó bà chủ là người cao lớn, xinh đẹp, đứng cao hơn thằng Tám tới nửa cái đầu! Hẳn có giọng cười rất "dè" và đều cang, tiếng cười cứ rí rí, rí rí trong cuống họng, nghe như loài rắn rít gió vậy! Có vài lần tôi thấy thằng Tám kêu bà chủ đi "làm việc" vào ban... đêm. Bà chủ mặc bộ quần áo mới, trang điểm rồi tất tả ra đi. Thấy cảnh tượng đó, tôi rất là buồn vì trứng đã giao cho ác! Nhưng thật là may khi bà chủ trở về, tôi không hửi thấy mùi của thằng Tám! Tôi còn nhớ trước

đây ông chủ đã giảng cho thằng Tý, thằng Tèo rằng loài chó có thể phân biệt được mấy ngàn mùi khác nhau và nghe được siêu âm. Đúng là như vậy đó, ông chủ. Tôi có thể ngửi một mùi, xong rồi đưa vào "bộ nhớ" của tôi là nhớ luôn tới chết cũng không quên! Tụi cán bộ có một mùi chung là dơ dáy, hôi hám nên rất dễ nhớ. Đặc biệt là trong cái mùi hôi hám đó, tôi còn ngửi thấy mùi bạc ác và bất nhân, bất nghĩa nữa! Thế cho nên khi bà chủ về nhà, tôi chỉ cần ghéch mũi lên hửi là biết là bà ta đi đâu đó, chó không phải đi gặp thằng Tám. Sau này, có lần ông bà chủ đã cãi lộn kịch liệt vì ông chủ nghe lời đồn là bà chủ có đi lại với thằng Tám. Thừa ông chủ, tôi xin lấy tư cách... chó ra để xác minh rằng bà chủ không hề có... ngủ với thằng Tám! Tiếc là tôi không nói được tiếng người nên khi nghe ông bà chủ cãi lộn, tôi không làm sao thanh minh cho bà ta được. Oan cho bà ta lắm, tội nghiệp cho bà ta lắm, ông ơi!

Kể từ khi thằng Tám Sanh đòi ăn thịt tôi, tôi đâm ra căm thù và luôn đề phòng tụi cán bộ. Ấy vậy mà lại thêm một lần nữa tôi suýt chết vì chúng, tất cả cũng chỉ vì cái tật ham gái! Trước khi kể về tình tiết này, tôi phải kể cho các bạn về sự kiện tôi được gặp cha tôi vì nó có liên quan đến việc tôi thoát chết khỏi bàn tay của tụi cán bộ cộng sản răng hô, chuyên ăn thịt chó. Số là hôm đó tôi đang chạy rông chơi ngoài đường với thằng bạn thân cùng xóm của tôi, tên là Mi Nô. Bỗng thằng bạn gọi tôi:

- Ê, Ba Tô, cha của mày kia!

Tôi ngạc nhiên:

- Cha của tao? Đầu nào?

Thằng Mi Nô hất mỏ về phía cuối đường, chỉ cho tôi:

- Đó, ổng đang đứng đó!

Tôi nhìn theo hướng chỉ của Mi Nô thì quả nhiên thấy một "ông" chó thật to lớn, lông xám tro, tướng hùng dũng, oai phong như một con gấu. Tướng tôi đã to con rồi mà tướng ổng còn to hơn nữa! Lúc đó tôi đang còn phân vân không biết đó có phải là cha của mình hay không, vì từ bé đến lớn, tôi chưa bao giờ được thấy mặt ông ta. Thấy tôi có vẻ hồ nghi, thằng Mi Nô nói:

- Cha mày có biệt hiệu là "Kì Già", tổ sư bồ đề cắn lộn ở xóm dưới đó.

Bất cứ con chó nào nghe đến danh tiếng ổng đều khiếp vía, bỏ chạy!

Tuy vậy tôi vẫn còn hồ nghi:

- Cha tao lông màu xám, còn tao lông màu vàng...

Thằng Mi Nô giải thích:

- Mày có lông vàng giống mẹ mày. Còn cái tướng "gấu" của mày thì giống ổng y chang, chỉ có điều mày hơi lùn hơn ổng một chút!

Mi Nô vừa nói xong thì nhanh như một mũi tên xẹt, "ông" Ki đã phóng tới ngay trước mặt chúng tôi, đứng xoạc cẳng ra và ghéch mặt lên... kên "xi-po"! Ông đưa mũi ngửi hai đứa tôi, mắt nhìn chúng tôi trừng trừng như muốn nói: "Hai thằng nhóc này ở đâu tới đây? Tại sao dám vào lãnh địa của tao? Có biết tao là ai không?".

Tôi sợ quá, co rúm người lại, đuôi quặp vào giữa háng, đầu cúi gằm xuống, không dám nhìn ông. Ông Ki ngửi tôi một lát, rồi như đã nhận ra tôi, ông cất giọng ồm ồm, nói:

- Thằng con của cha. Cha đã nhận ra con. Hôm nay cha sẽ truyền cho con một vài miếng võ để hộ thân. Cha biết con có cái tật ham gái, có ngày sẽ bị tụi cán bộ bắt ăn thịt! Trước hết, cha truyền cho con một miếng võ để cản lộn, con sẽ trở thành vô địch. Đã là chó đực thì phải cản lộn, không cản lộn thì không phải là chó đực! Tiếp theo cha truyền cho con một miếng võ rất độc, dùng để tấn công người. Miếng võ này rất là ác hiểm, có thể làm chết người, cho nên con chỉ dùng khi nào tính mạng bị lâm nguy mà thôi!

Nói xong, ông ngửi vào đỉnh đầu của tôi. Lại quá, tự nhiên tôi thấy người hơi tê tê, rồi cảm thấy chất "võ" nó ngấm dần vào người tôi. Một lát sau, ông ta ngừng và nói:

- Xong rồi. Vậy là từ nay con đã có hai miếng võ độc đáo để hộ thân. Thôi con hãy đi đi, chúc con nhiều may mắn!

Đúng như lời ông nói, kể từ đó tôi trở thành vô địch cản lộn ở xóm trên. Danh tiếng Ba Tô trở nên vang lừng, không có anh chó nào dám ra mặt thách đấu. Sẵn trốn đó, tôi đi "thả dè" loạn xạ. Hầu như em nào "muốt" cũng đều phải qua tay tôi! Khi đã hưởng thụ chán những "bông hoa" trong xóm rồi, tôi nổi máu giang hồ, muốn tìm thêm của lạ. Thế là tôi bắt

đầu đi rà qua xóm bên cạnh. Một hôm, đang đi lang bang trên con đường Mạnh Tử, bỗng tôi thấy một em thật là muốt. Em này thuộc giống chó Nhật, người bé nhỏ, lông trắng muốt, mũi đỏ, coi xinh xắn hết biết! Tôi bèn bang tới làm quen liền nhưng em hãi quá, chạy tọt vào trong nhà. Coi bộ em thuộc con nhà quý phái vì nhà em thật là to lớn, kín cổng cao tường. Tuy nhiên tôi vẫn không nản chí, ngày nào tôi cũng đến châu rìa ngay trước cổng nhà em để xin tí... tình yêu! Nhưng kệt một nỗi là nàng bị xích cả ngày, chỉ có đến chiều tối mới được người nhà dắt ra ngoài đường hóng gió đôi chút, rồi lại bị dắt về nhà xích lại! Nhà của nàng tường rào rất kín, không có cách nào chui qua lọt, còn hai cánh cổng sắt thì như cánh cửa tù, lúc nào cũng đóng kín mít. Tôi có ý tìm hiểu thì được biết tên nàng là Mi Mi. Ôi cái tên thật là tình tứ và đáng yêu làm sao!

Tôi vẫn kiên nhẫn bám trụ cho đến một hôm tôi bỗng thấy cái hàng rào kẽm gai nhà nàng có một lỗ hổng lớn bằng cái thau ngay sát mặt đất, thật là thuận tiện cho việc chui rào. Quái lạ, ai lại làm sẵn lỗ cho mình chui vậy? Mừng rơn, tôi vội vàng chui qua lỗ chó thì thấy ngay người yêu đang mòn mỏi chờ đợi tôi ngay trước sân nhà. Nàng bị xích vào gốc cây măng cầu, nhắc thấy tôi, nàng hí lên vô cùng mừng rỡ! Tôi phóng ngay tới bên nàng, tuôn ra hàng tràng những lời yêu đương nóng bỏng và chuẩn bị... trèo lên người nàng. Lúc ấy vì quá đam mê nên tôi đã hoàn toàn mất hết cảnh giác, quên tuốt luật hết những lời căn dặn của cha tôi. Tôi có ngờ đâu, ngay lúc ấy, có một vài bóng đen đang từ từ tiến đến ngay sau lưng tôi. Thế rồi vụt một cái, một cái thông lọng đã tròng vào cổ tôi, xiết chặt lại. Tôi hốt hoảng vùng vẫy thật mạnh để tẩu thoát nhưng càng vùng vẫy thì thông lọng càng xiết chặt. Cùng lúc ấy tôi nghe nhiều tiếng nói láo nháo:

- Xong ngay, kéo nó ra sau nhà, trấn nước!

- Mẹ nó, phải mượn con chó cái nhà thằng Bảy để nhử nó cả tuần lễ mới được đấy!

Tôi bị lôi xềnh xệch ra phía sau nhà, cái thông lọng xiết thật chặt làm tôi muốn ngạt thở. Thôi thế là hết, cuộc đời của tôi kể từ nay là bế mạc!

Tôi đã ngửi ra mùi "cán bộ" của bọn này nhưng khi biết được thì đã quá muộn! Tôi quá hối hận vì đã không nghe theo lời khuyên của cha tôi nên bây giờ mới ra nông nổi như vậy! Rồi bỗng nhiên tôi nhớ đến ông bà chủ, đến mấy đứa con của ông, đến các bạn bè của tôi và các "người yêu" của tôi, nước mắt của tôi tuôn ra đầm đề. Tôi đã khóc trong nỗi niềm uất ức và tuyệt vọng. Trời ơi, tôi còn yêu đời lắm, tôi chưa muốn chết! Ông bà chủ ơi, xin hãy cứu tôi. Ôn nghĩa của ông bà đối với tôi là trời là bể, là vô hạn, tôi chưa đem sức khuyến mã ra đền đáp được gì thì bây giờ tôi phải lia đời. Đau đớn cho tôi biết chừng nào! Bọn đồ tể cán bộ lại thi nhau bàn tán:

- Để tớ đập cho nó một búa vào đầu là xong, khỏi cần trấn nước!

- Không được, đập đầu nó bị ứ huyết, ăn mất ngon. Cái đầu của nó phải nấu cháo đậu xanh mà lì!

- Phải đẩy, trấn nước rồi chọc tiết. Món tiết canh là quan trọng nhất!

- Chuẩn bị nồi nước sôi nhanh lên, để cạo lông!

- Nói khê chứ, con chó này là của nhà mẹ Sương ở đường kế bên đấy!

Trong giây phút thập tử nhất sinh đó, bỗng nhiên tôi nhớ lại toàn bộ những lời dạy của cha tôi lúc ông truyền cho tôi miếng võ để thoát thân: "Khi con bị sa vào bẫy của bọn bắt chó, tốt nhất là con hãy giả chết. Con hãy há miệng ra, thè lưỡi ra, đùn nước dãi ra, mắt trợn trừng và nằm bất động, làm như là đã chết thật rồi vậy. Làm như thế thì những thằng đánh bẫy con sẽ không để phòng nữa, chúng nó sẽ rời tay. Tụi nó thường dùng một khúc cây có cột sợi dây thông lọng để bắt con. Khi bị thông lọng siết cổ, con không nên vùng vẫy nhiều vì càng vùng vẫy, nó càng siết chặt, sẽ ngạt thở. Tiếp theo đó, con hãy rình chờ cơ hội. Nếu thằng đồ tể đang ngồi gần con, tay cầm dao hoặc búa thì con hãy tấp vào tay nó thật mạnh rồi vùng lên, bỏ chạy. Nếu nó đang đứng thì hãy tấp vào... dái của nó, rồi bỏ chạy. Đây là chỗ hiểm, nếu con tấp trúng thì nó sẽ gục ngay tại chỗ, không thể nào rượt đuổi con được. Mấy thằng khác phải lo cấp cứu đồng bọn, con sẽ có cơ hội để tẩu thoát...". Thế là tôi liền áp dụng ngay tức khắc kế sách thoát hiểm của cha tôi. Bọn đồ tể lại nhao nhao:

- Nói giầy thủng ra, nó chết rồi!
- Thế cũng được, đỡ phải trấn nước!
- Nào, đưa tớ con dao lê để chọc tiết.

Một tên đồ tể ngồi xuống cạnh tôi tháo sợi dây thông lọng ra khỏi cổ. Tôi vẫn nín thở nằm im cho hắn tháo. Tiếp theo, hắn cầm con dao lê sáng loáng chuẩn bị để cắt cổ tôi. Hắn nói với đồng bọn:

- Năm hai chân sau của nó thật chặt, nhắc bổng lên. Hứng cái thau nhựa vào!

Đúng vào lúc này, bất thình lình tôi vùng dậy tấp thật mạnh vào bàn tay cầm dao của thằng cán bộ. Hắn chỉ kịp la lên "Ồi giời ơi" rồi buông dao. Theo phản ứng tự nhiên, một tên đứng bên cạnh đá mạnh vào người tôi. Bị trúng cú đá, tôi hơi loạng quạng nhưng cũng đủ kịp nhanh nhẹn phóng tới, tấp luôn vào... háng của hắn một phát. Tên này ôm háng ngã lăn ngay ra đất, kêu thật lớn: "Ồi giời ơi". Thế là tôi vùng lên chạy một mạch ra phía trước nhà, chui qua lỗ hàng rào, thoát về nhà.

Chết hụt lần đó, tôi tồn tới già, tuyệt đối không còn dám léng phéng đến những xóm lạ, nơi có nhiều tụi cán bộ ở nữa. Nhờ vậy mà hôm nay tôi mới còn đây để kể cho các bạn nghe về cuộc đời của tôi!

Tôi nhớ sau khi ông chủ đi học "đại học" được khoảng hai năm thì lương thực bị khan hiếm quá, tôi thường xuyên bị đói thê thảm. Có nhiều ngày tôi chỉ được ăn có một bữa, gồm vài củ khoai lang hoặc khoai mì, đa số đã bị sùng hoặc bị thối. Tôi phải thường xuyên chạy rông ngoài đường, đi... bới thùng rác để "cải thiện" thêm! Đằng sau nhà mình có một khu vườn. Hồi còn lái xe Jeep, ông chủ đã làm một cái hồ cá thật lớn, nuôi cá trê, cá lóc, có trồng sen và có hòn non bộ thật là đẹp. Trong vườn ông chủ trồng thật nhiều các loài hoa, như hoa hồng, hoa thược dược, hoa mười giờ. Đặc biệt tôi thích nhất là giàn hoa thiên lý và giàn bầu. Vào những ngày hè oi bức, tôi thường ra sau vườn nằm nghỉ mát dưới giàn thiên lý hoặc giàn bầu, mát rười rượi, thật là đã quá! Nhưng về sau này, khi ông chủ đi học, bà chủ đã kêu người tới bán trọn vẹn số cá trong hồ. Toàn bộ sen đều nhổ bỏ và

cái hồ cá cũng bị đập phá tan hoang. Giàn thiên lý và toàn bộ các chậu hoa trong vườn cũng bị phá bỏ. Khu vườn biến thành một mảnh đất trống và bà chủ đã nai lưng ra, cùng thằng Tèo và thằng Tí, cuốc đất lên vồng để trồng khoai lang, khoai mì! Tôi thấy tụi cán bộ thường tới nhà nói bà chủ phải "tặng gia sản xuất"! Phía sau vườn chỉ còn lại có giàn bầu nhưng thường xuyên bị khô héo vì thiếu nước. Cái máy bơm nước bà chủ cũng đem bán mất rồi! Bà ta không đủ sức gánh nước để tưới nguyên giàn bầu lẫn mười mấy luống khoai. Thằng Tèo và thằng Tí thì còn nhỏ quá cũng không giúp gì được cho mẹ...

*
* *

Thế rồi đến năm 1980, ông chủ "tốt nghiệp đại học" trở về nhà. Lần này tôi thấy ông ốm nhom và đen thui như cột nhà cháy. Tính tình ông cũng thay đổi khá nhiều. Hồi trước ông thường ca hát, yêu đời, ưa lấy xe Jeep chở vợ con đi tắm biển. Còn bây giờ thì ông lảm lì ít nói, suốt ngày cứ cặm cụi ở khu vườn sau nhà để cuốc đất, trồng khoai lang, khoai mì. Cái xe Jeep của ông đã biến đi đâu mất. Bây giờ thì tôi chỉ thấy ông cong lưng ra đập xe ba gác! Kỳ lạ quá, ông đã "tốt nghiệp đại học" thì cuộc sống phải khá hơn chứ sao lại nghèo khổ hơn?

Cuộc sống cứ thế mà trôi qua, tôi cứ "trường kỳ kháng chiến" với khoai lang, khoai mì, bo bo, dài dài cho đến năm 1985 mới tạm được ăn cơm trở lại. Lúc này thằng Tèo đã lớn, 20 tuổi, bị kêu đi nghĩa vụ quân sự. Nó học xong trung học, đi làm cho công ty cầu đường được hai năm thì có tên trên "bảng vàng", vinh dự trúng tuyển nghĩa vụ quân sự! Ngày nó đi, bà chủ khóc rất nhiều. Tôi cũng bịn rịn đi theo nó đến tận Ủy Ban Nhân Dân phường để đưa tiễn. Thằng Tèo là người bạn rất tốt và rất thân với tôi. Lúc còn nhỏ nó thường cõng trên lưng tôi, giả làm cao bồi chặn bò, bắn súng miệng pằng pằng! Sau năm 1975, có nhiều lúc tôi đói thê thảm, nó đã nhin bớt phần khoai của nó, chia cho tôi thêm vài củ. Ôi khoai lang của người mới ngon làm sao,

ngọt lịm, ăn thật là sướng! Khoai lang dành cho chó đa số là bị sùng, ăn cay xè. Còn khoai lang thối thì đầy những mối mọt. Nhưng biết nói sao, thân phận tôi là chó, chủ cho gì ăn nấy, đâu dám đòi hỏi gì nhiều?

Đến năm 1990, một hôm tôi thấy một ông ăn mặc sang trọng, cõng chiếc xe Honda Nữ Hoàng, tới nhà tìm ông chủ. Lập tức tôi sửa và xua đuổi ông ta. Tôi đã thuộc lòng bài học sau năm 1975 như vậy: ăn mặc dơ dáy, hôi hám là cán bộ, là người có quyền thế, chỉ sửa dè chừng vì ông bà chủ sợ những người này. Còn ăn mặc sạch sẽ là không phải cán bộ, cứ sửa xả láng! Hai điều này hoàn toàn ngược lại với bài học tôi đã được ông bà chủ dạy hồi trước năm 1975! Thế nhưng sau đó ông chủ vội vã chạy ra quát mắng tôi. Và rồi ông ta vồn vã lên tiếng:

- Chào anh Ba Trung! Mời anh vào!

Ông Ba Trung mặc bộ quần áo Jean của Mỹ loại đắt tiền, đeo kính râm Thái Lan, đầu chải brillantine thơm lừng. Ông ta vừa dựng chiếc xe cúp Nữ Hoàng vừa nói:

- Coi chừng con chó giùm tôi. Tượng nó coi dữ dần quá!

Ông chủ xua đuổi tôi một lần nữa rồi hai người bước vào nhà. Tôi cũng đi theo vào để... nghe lóm xem họ nói những gì! Như tôi đã kể cho các bạn hồi nãy, tôi nghe tiếng người thì hiểu hết, chỉ có cái nói thì tôi nói không được mà thôi! Chắc có lẽ vì cái lưỡi của tôi dài quá cho nên phát âm tiếng người không được?

Ông chủ rót trà mời khách, đồng thời ông đưa gói thuốc Hoa Mai ra:

- Anh tới bất ngờ quá làm tôi chuẩn bị không kịp! Mời anh hút tạm điếu Hoa Mai!

Ông Ba Trung cầm gói thuốc Hoa Mai lên rồi lại liệng đánh phạch lên mặt bàn:

- Thuốc lá gì mà hai đầu giống nhau, không biết hút đầu nào hết!

Ông chủ tái mặt vội kêu con Thúy:

- Thúy ơi, con chạy ra đầu ngõ, quán bà Gác, mua cho ba gói thuốc cán đi ...

Rồi ông hỏi ông Ba Trung:

- "Gu" của anh là loại gì?

Ba Trung đáp có vẻ sành sỏi:

- Tôi chuyên chơi loại "Ang-Lê" thôi. Ba số 555 hoặc Dunhill!

Ông chủ nói với con Thúy:

- Con lấy cho ba gói Dunhill nghen. Cú ghi sổ rồi ba sẽ ra tính tiền!

Lúc này Ba Trung mới nhập đề:

- Hồ sơ của anh tôi đã lấy sổ thứ tự xong rồi. Bây giờ anh phải làm thêm một sổ giấy tờ bổ sung nữa, sau đó sẽ chuyển vào Sở Ngoại Vụ ở Sài Gòn, khi nào có giấy báo phỏng vấn, tôi sẽ cho anh hay...

Ông chủ hỏi thăm dò:

- Chờ có lâu không anh?

Ba Trung đáp lơ lửng:

- Còn tùy trường hợp nhưng chắc là phải mất cả năm...

Ông chủ lại hỏi:

- Còn cái nhà này của tôi thì sao?

Ba Trung đáp tỉnh bơ:

- Thì nhà nước... quản lý chớ làm sao! Ổi dào, qua được nước Mỹ rồi thì anh mua mười cái nhà cũng được, tiếc gì căn nhà này!

Ông chủ còn đang ú ớ chưa biết nói sao thì Ba Trung tiếp tục thuyết giảng:

- Anh phải làm các loại giấy sau đây: Trước tiên là giấy... "tình nguyện" hiến nhà cho nhà nước, rồi giấy xác nhận là không có thiếu nợ nhà nước (!), giấy chứng nhận hạnh kiểm tốt (!), giấy... "tình nguyện" đóng góp cho quỹ phúc lợi của Ủy Ban tỉnh, thị xã và phường, giấy cam kết với Mặt Trận Tổ Quốc khi làm Việt kiều hồi hương sẽ đóng góp cho quỹ xây dựng tổ quốc... rồi giấy...

Ông chủ chớ với vì hàng chục loại giấy tờ mà Ba Trung vừa kể. Ông đưa gói thuốc Dunhill ra mời:

- Thôi trăm sự nhờ anh, chớ giấy tờ của nhà nước thì tôi không rành! Không biết có hy vọng gì không anh?

Ba Trung rút một điếu Dunhill, mỗi lửa, xong xuôi hẩn tỉnh bơ bỏ luôn gói thuốc vào túi áo:

- Điện của anh, Nhà nước gọi là điện HO, tức là những người "được" học tập cải tạo từ ba năm trở lên, nhà nước "nhân đạo" cứu xét cho đi Mỹ! Thời gian học tập của anh là 5 năm sáu tháng, anh có nhiều hy vọng!

Nói xong Ba Trung đứng dậy:

- Thôi tôi đi đây, bữa sau ghé lại tôi sẽ đưa cho anh các mẫu đơn để điền. Có thắc mắc gì anh cứ nhắn với thằng Sáu Nhỏ, đệ tử của tôi, nó sẽ cho tôi hay...

À, thì ra tên đó là cán bộ! Nhưng lạ quá, sao bây giờ tụi cán bộ lại ăn mặc khác hồi trước, chơi toàn đồ Jean Mỹ, đi xe gắn máy sang trọng? Tiêu chuẩn đánh giá con người cứ thay đổi hoài hoài làm tôi cảm thấy mệt quá! Nhưng buồn nhất là tin gia đình ông chủ sắp đi Mỹ. Không biết nước Mỹ ở đâu, có xa không, ở đó có sướng không mà gia đình ông chủ nỡ bỏ căn nhà này ra đi. Ông chủ ơi, ông nỡ bỏ tôi hay sao? Tôi đã phục vụ gia đình ông được 17 năm rồi. Ông ra đi, tụi cán bộ sẽ tiếp thu căn nhà này, tụi nó sẽ bắt tôi làm thịt!

Đến năm 1993 thì cả gia đình ông chủ lên đường đi Mỹ. Trước khi đi độ một tháng, ông đã đem tôi tới chợ Xóm Mới, gửi tôi tại nhà chú Quang, em ruột của ông. Ông dặn chú Quang thật kỹ:

- Cả nhà anh đều rất thương con Ba Tô. Tiếc là anh không đem nó đi được. Chú chăm sóc nó cẩn thận giùm anh. Nó đã ở với gia đình anh suốt 20 năm nay, xa nó anh tiếc lắm!

Ông chủ ơi, nghe ông chủ nói xong tôi cảm động quá, đã ứa nước mắt ra khóc! Phải rồi, tôi đã sống với gia đình ông chủ suốt 20 năm trời, sung sướng có mà gian khổ cũng thật nhiều. Nhưng dù gian khổ thế nào đi nữa, tôi cũng không bao giờ bỏ chủ. Tôi thường nghe ông chủ nói: "Khuyến mã chí tình", câu này thật rất đúng!

Hôm cả nhà ông chủ ra phi trường Nha Trang để bay vào Sài Gòn, tôi được một vinh dự rất lớn là được đi theo đưa tiễn cả nhà! Ông chủ nhờ một người bạn đạp xe ba gác, bỏ sáu cái vali lên xe và tôi cũng được lên ngồi kè để giữ đồ! Khi đến phi trường ông chủ xoa đầu tôi rồi nói:

- Ba Tô, mai một tao sẽ về lại thăm mày, dẫn mày đi tắm biển!

Mọi người trong nhà đều xoa đầu tôi, nói lời tạm biệt. Ai cũng ứa nước mắt, còn riêng tôi thì tôi khóc thật nhiều. Tôi biết ơn ông bà chủ là những người chủ rất tốt. Nhất là bà chủ đã quyết tâm bảo vệ tôi đến cùng khi thằng cán bộ Tám Sanh đến đòi đổi tôi lấy 13 ký gạo để về làm thịt, hồi năm 1977. Thằng Tèo bây giờ đã 28 tuổi, thằng Tý 23, con Thúy 21. Tôi đã từng đem sức khuyến mã

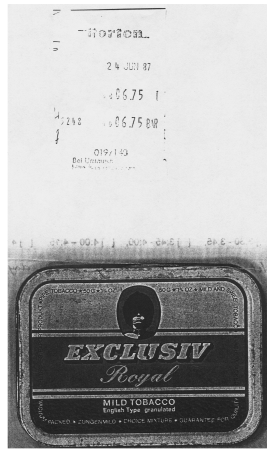
ra làm "ngựa" cho tụi nó cỡi khi còn nhỏ. Tụi nó cỡi trên lưng tôi rồi nắm hai tai tôi giật giật làm như giầy cương cỡi ngựa vậy! Tụi nó cũng rất tốt, dám san sẻ bớt phần khoai lang cho tôi khi tôi đói. Có những lúc tôi bị bệnh, bà chủ dám cho tôi uống thuốc Tylenol là loại thuốc quý hiếm vào những năm trước 1985. Tụi nhỏ đê ngửa tôi ra, chận cây dũa bếp ngang miệng, nhét viên thuốc vô và chế chút nước, tôi nuốt đánh ực, thế là xong! Thật không ngờ thân phận làm chó như tôi mà mỗi khi "cầu thể bát an", lại được chữa bệnh bằng thuốc của Mỹ, thật là vinh dự quá, dù có chết cũng được mãn nguyện!

Ông chủ ơi, kể từ ngày gia đình ông chủ ra đi, tính đến nay đã được 5 năm, không ngày nào mà tôi không nhớ tới mọi người. Mấy ngày đầu tôi đã bỏ cơm vì quá buồn bã! Được cái chú Quang, em ông, cũng rất tốt. Chú dọn ổ cho tôi nằm và cho tôi ăn uống rất đầy đủ. Bây giờ tôi đã già lắm rồi, không còn lanh lẹn như hồi còn trẻ nhưng trí óc tôi vẫn còn rất sáng suốt. Ở Việt Nam bây giờ thay đổi nhiều lắm. Tụi cán bộ bây giờ ăn mặc rất sang trọng, xúc nước hoa thơm lừng, chớ không phải dơ dáy hôi hám như cách đây mấy chục năm. Nhưng cái mùi bạc ác, bất nhân, bất nghĩa thì vẫn còn y nguyên, tôi vẫn còn hửi được rất rõ qua từng thăng! Nhờ vậy mà tôi mới phân biệt được chúng với thành phần Việt kiều vì hai giới này đều ăn mặc sang trọng như nhau!

Các bạn thân mến, tôi vừa kể cho các bạn nghe về cuộc đời... chớ má của tôi. Hôm nay tôi đã gần đất xa trời, không bao lâu nữa sẽ trở về với cát bụi. Tôi tự hào là đã sống xứng đáng cho ra con chó, khuyến mã chí tình, tuyệt đối trung thành với chủ. Chỉ tiếc là sau 5 năm chờ đợi mà tôi vẫn không thấy người nào trong gia đình ông chủ trở về. Con rơi con rớt của tôi thì rất nhiều, trải dài từ làng trên xuống xóm dưới. Trong số đó, tôi thương nhất là con Mi Sa, con gái tôi, sinh năm 1985. Tôi đã gặp nó và kể cho nó biết hết về "cuộc đời ái tình và sự nghiệp" của tôi. Sau khi tôi chết, nó sẽ thay mặt tôi kể tiếp cho các bạn nghe về bọn cán bộ mà nó đã từng biết, cũng như về cuộc đời làm... chó của nó... •

Bầu gieo tiếng dữ

Phong-Hưng Lưu Nhơn-Nghĩa



Tôi có thói quen viết nhật ký và hồi ký, viết từ những năm còn đi học, ngồi đầu viết đó, cố moi trong trí nhớ những mảnh vụn tạp nhạp của cuộc đời quá khứ, để một mình đọc. Những mảnh vụn tiền hậu bất nhất, nhớ đâu viết đó, rời rạc. Viết để tiếc nhớ và nguyên rủa cái thằng tôi với những lỗi lầm không thể tha thứ được.

Không rõ cái nghiệt ngã nào mà tôi sinh ra đúng thời đó, và ghét cay đắng những người cùng thời, vì họ vừa nghèo vừa mang đủ thứ bệnh tật trong người.

Thuở đó vào năm 1950, học sinh được nghỉ ngày thứ năm và chủ nhật. Thay vì rong chơi tôi bị bắt ngồi chong ngóc giữ tiệm. Tôi ngồi như trời trồng, chịu đựng cực hình nên xem khách như kẻ thù, nhứt là những người Miền từ trong sóc ra chợ. Họ nhẫn nại lựa cái lưởi cày trong cà-ròn cả buổi, làm tôi mất kiên nhẫn ngay từ đầu. Lựa rồi trả giá, rồi đưa tiền rách, không lấy thì miệng eo éo "cắt ùm chai" (tiền vậy mà không xài). Ông bà già tôi lúc nào cũng có cách giải quyết ổn thỏa, còn tôi chỉ lập đi lập lại một câu "đi đi, mua một cái lựa một ngày". Miệng tôi thì lầm bầm: "đồ chết đốt".

Buổi sáng đó, tôi đang bực dọc thì có một người Miền bước vào nhìn chăm chăm cái thùng kiếng. Ông ta mở cái thùng kiếng, tẩn mẩn cái hộp nhôm dùng đựng thuốc gỏi. Trong thùng kiếng có bốn cái hộp nhôm. Ông ta táy máy, lựa chọn, ngắm nghía, mặt ngẩn ra. Thời đó, thuốc lá chưa thông dụng, thuốc gỏi thường được gói trong giấy nhựt trình hay lá chuối khô, có được hộp nhôm đựng thuốc gỏi là quý lắm. Người Miền đó mặc áo bà ba đen, quần xà-lòn, đi chân đất gót chân nứt nẻ, mặt ghè dán một giề bình lịch trông ghê tởm. Lựa chán, ý chừng không tiền, nên bỏ đi ra. Tôi vào kêu ông già tôi ra, đề quyết ông ra ăn cắp cái hộp nhôm (đã không tiền còn mò mẫm làm tôi phải mất công coi chừng!). Ông ta nhẫn nại, lộn túi ra, ông già tôi nhìn thùng kiếng, còn nguyên bốn cái hộp nhôm xếp khít khao. Hỏi lý do tôi trả lời cọc lốc: "Thằng Thổ ua ăn cắp!". (Thật ra ông chỉ có tội bắt tôi phải dòm chừng). Người Miền tỏ ra bất mãn nhưng nhịn nhục, tay gãi đầu bết bết đi ra.

Tôi rời quê ra tỉnh học năm 11 tuổi, quay lưng bỏ quên quê cha đất tổ, rẻ rúng người đồng hương, lên mặt vì ta ở thành thị văn minh. Tôi quên mất cái chuyện hộp nhôm và gương mặt nhăn nhó của người Miền năm 1950. Câu chuyện đó không để lại một dấu vết nào trong trí nhớ của tôi.

Khoảng 37 năm sau, ngày 24 tháng 6 năm 1987, câu chuyện lặp lại với vài chi tiết trùng hợp hay hay. Lần này không phải là hộp thuốc nhôm rẻ tiền, dùng đựng thuốc gỏi hôi rình, mà là câu chuyện bắt đầu bằng hộp thuốc pipe Exclusive Royal của Hòa Lan thơm mùi rượu.

Buổi sáng kể trên, dậy trễ, tôi vào tiệm bánh mì ở khu phố Pforzheim ăn sáng và uống tách cà-phê cho qua cơn ghiền. Sờ túi thấy hết thuốc, tôi vào siêu thị Horten gần đó

mua một hộp thuốc. Vai đeo cái cặp da cũ (vật bất khả ly thân), tôi đi nửa mơ nửa tỉnh trong đám người buôn chai, gió thổi áo mưa ngấn xốc xếch phùng phình. Tinh thần và thể xác kiệt quệ sau ca đêm làm ở hãng cưa, phải xếp hàng chờ, tôi mất kiên nhẫn bỏ ra, nhưng bị cơn ghiền hành hạ, tôi trở vào mua cho được hộp thuốc.

Ra khỏi siêu thị, đi lệch thẹo định tìm băng ghế trống ngồi hút vài cối. Đang đi tôi chợt cảm thấy cái bóng từ sau choàng qua vai tôi, trước mắt tôi là một tấm thẻ nhỏ, dính gọn trong lòng bàn tay rộng vừa đủ cho tôi thấy, đồng thời một giọng nói ôn hòa nhỏ nhẹ: "Thưa ông, tôi là Detektiv siêu thị Horten, xin ông cho tôi thi hành nhiệm vụ của tôi, xin ông cảm phiền". Giọng nói vừa ôn tồn vừa đầy uy quyền đủ để tôi nghe, từ ngũ dưng rất tế nhị diễn tả cuộc điều tra bắt trộm. Tôi chợt tỉnh, bước song song với hắn vào căn phòng nhỏ bên hông tiệm. Hắn bật đèn, kéo ghế mời tôi ngồi, nhã nhặn xin tôi tự tay mở cặp cho hắn xem. Tôi tự tin, lôi ra quyển nhật ký màu đỏ và hộp thuốc pipe Exclusiv Royal của Hòa Lan. Hắn nhỏ nhẹ xin coi biên lai, gương mặt hắn tự nhiên thân thiện, như đang tiếp khách quý. Tấm biên lai tôi vò trong túi áo khoác còn đó, may mắn làm sao. Hắn đứng dậy nhã nhặn cảm ơn, xin lỗi rối rít, chúc tôi được một ngày vui. Diễn tiến từ đầu tới cuối không đầy năm phút.

Tôi bình thần bước ra, tâm lý thăng bằng, cơn ghiền đã qua, trở lại chính siêu thị Horten lên lầu uống cà-phê. Tôi nhấp tách cà-phê nóng và thổi làn thuốc thơm ướp rượu. Sau bao năm bầm dập, tinh cảm chai lì, biến cố vừa qua không làm tôi xao xuyến, sợ sệt hay nổi giận. Tôi dở cuốn nhật ký ghi vài hàng về biến cố, mới khám phá ra gần 3500 trang nhật ký tạp nhạp không có chuyện hộp thuốc gỏi năm 1950. Tôi cảm cú viết sợ quên mất câu chuyện đáng suy gẫm và khám phá hai điều vô lý.

Trong thùng kiếng ở tiệm ông già tôi, chỉ có bốn hộp thiếc xấp khít khao, lúc người Miền đi ra còn bốn hộp, tôi có ác ý vu oan cho y, chỉ vì y là người Miền, là thằng Thổ, đồ chết đốt đáng ghét. Để đáp lại, người Miền kia nhịn nhục, gãi đầu nhăn nhó bước đi. Mà dù có giận, y làm gì được tôi lúc đó? Tôi là dân chợ, y là dân sóc mẹ! Đó là điều vô lý thứ nhất xảy ra năm 1950 tại chợ Xà Tôn (Tri Tôn).

Trong siêu thị Horten ở Pforzheim, Tây Đức, thuốc lá và diêm để trong tủ kiếng đóng kín, chỉ có nhân viên bán hàng đứng sau quầy mới lấy được thuốc bán cho khách hàng và thu tiền ngay. Tủ thuốc để ngay chỗ cửa ra vào, khách mua trả tiền ngay tại quầy, chứ không cần qua cửa tính tiền. Tôi chỉ trở vào mua một hộp thuốc và trở ra chợ không đi ngang bất cứ kệ bày hàng hóa nào mà tên Detektiv lại nghi tôi ăn cắp. Hắn không xét tôi như ông già tôi xét người Miền kia, nhưng hắn làm tôi tự tay mở cặp ra trình cho hắn. Tôi đoán quyết người Miền kia ăn cắp, tên Detektiv chỉ "thi hành phận sự". Tại sao hắn nghi tôi? Vì tôi là dân da vàng ở một xứ quá nghèo qua? Đó là điều vô lý thứ hai!

Hai điều vô lý trùng hợp khá thú vị, chỉ có chi tiết đảo ngược. Năm 1950, tôi là chủ từ của động từ nghi oan, ông già người Miền là túc từ trực tiếp của động từ trên, từ cái hộp thuốc nhôm. Ngày 24.6.87, tên Detektiv Đức là chủ từ của động từ nghi oan, tôi là túc từ trực tiếp, từ hộp thuốc pipe Exclusive Royal. Tên Detektiv và hộp thuốc nhắc tôi nhớ lại chính cái thằng tôi với cái hộp thuốc nhôm ngày trước. Tôi gieo tiếng dữ cho người Miền kia, tưởng đã qua, cho qua luôn. Nào ngờ bây giờ tôi bị thằng Detektiv gieo tiếng dữ lại. Tôi đã gieo tiếng dữ 37 năm trước, 37 năm sau gặt lại. Vậy là huê nhe!

Tôi ngồi nhấp cà-phê, vừa bập bập cái pipe, vừa suy gẫm sự đời, vừa loay hoay viết lại câu chuyện trong tập hồi ký này.

Viết đến đây đã quá nửa đêm rồi, cơn mưa giông và cơn sốt nhỏ rãng làm tôi nhớ những ác nghiệp đã gieo, tự nhiên nước mắt chảy một mình, khi vừa nhớ lại năm 1952, thằng bạn cùng xóm và tôi hè nhau ăn hiếp một thằng bé Miên ở đường Bảo Hộ Thọại, gần thành lnh trạm kiểm soát Châu Đốc.

Bọn tôi giấu xe đạp nó mượn của ai đó, nó sợ cuống cuồng, khóc tức tưởi khi khám phá ra bọn tôi giấu xe nó. Bọn tôi hăm dọa đánh nó, anh nó là lính tình cờ chạy ngang can ra. Thái độ quân tử và hiền lành của anh lính đó, làm tôi cảm phục cả đời. Mà thôi, tôi cũng gặt rồi. Năm 1962, mua cái Puch mới chạy được một vài tuần thì bị mất cắp, phải đạp xe đạp đi học thêm vài năm nữa. Còn bao nhiêu ác nghiệp gieo trong kiếp này nhớ không hết, biết chừng nào gặt cho xong. Lần nhận nước con chồn dưới sông khiến nó chết đi sống lại nhiều lần, lấy làm khoái chí! Mấy mươi năm cái mũi tôi sứt sùi! Lần lấy báng súng động vô mặt một thanh niên để tóc dài chạy xe Honda ằm ì trên đường Nguyễn Huệ. Hai hàm răng của tôi nhúc nhối mấy tuần nay! Tấm biên lai và hộp thuốc tôi còn giữ.

Tấm biên lai đề rõ ràng siêu thị Horten giá 6,75 Đúc Mã đề ngày 24.6.87, là chứng chỉ tốt nghiệp khóa Nhân Quả nhân tiền của tôi.

*Đời xưa quả báo thì chầy
Đời nay quả báo một giây nhân tiền*

*
* *
*

Cái bánh chuối hấp và Điều thuốc Longbeach

Sau buổi cơm chiều cuối tuần, tôi có thói quen đi nhân tàn sau vườn, xách nước tưới cây, nhổ vài cọng cỏ dại, cắt những tàu cau khô, xem buồng chuối lớn tới độ nào, để ý xem những con bò sát sệt soạt dưới đám lá khô. Để đánh bật mùi nước mắm và món ăn mỡ dầu trong miệng, tôi dùng vài điều thuốc lá, số lượng thuốc lá tăng hay giảm tùy thời gian quanh quần trong vườn.

Khi tôi thở hơi thuốc trắng đục, thường thức một mình cái an nhàn thì cùng thời gian đó, buổi trưa, giờ ở Úc trước Việt Nam ba tiếng, ở chợ quê tôi bắt đầu vang tiếng rao bánh chuối hấp. Tiếng rao bánh chuối có từ lúc tôi còn nhỏ. Người bán bánh chuối hấp là bạn học lớp Tư, không nhớ tên, em thằng No cũng bạn học tôi, con bác hai Chơi. Gần đây hỏi bà già, tôi mới biết tên chị Bé Lớn (để phân biệt với người em là Bé Nhỏ), tôi chợt nhớ lớp Năm, năm 1950, bên dãy bàn con gái có đứa tên Bé Lớn. Sau năm lớp Tư, Bé Lớn thôi học ở nhà giúp gia đình và từ đó chợ quê tôi bắt đầu có tiếng rao bánh chuối hấp của Bé Lớn. Tiếng rao thật dài buổi gần xế trưa nhắc người ta ăn thêm cho vui miệng sau buổi cơm trưa vài giờ. Tiếng rao hạ thấp và ngắt lại khi ghé ngang nhà quen mời bánh. Tôi ít về quê, chưa ăn bánh chuối hấp của Bé Lớn lần nào.

Xế trưa đó, khoảng năm 1971, đang ngồi trong nhà thì Bé Lớn bung bánh đi ngang nhà vừa rao vừa đưa mắt mời. Bé Lớn đứng trước thêm nhà, rỏ bánh nặng bên hông, áo bà ba đen thò, đầu quấn khăn rằn đỏ. Người tôi đang căng phòng cao ngạo giai cấp, cấp bằng, sĩ quan, lại sống nhiều năm ở thành thị, quen mắt với các thiếu nữ cao sang điếm trang khéo léo, trắng da nhờ có phấn giời, tôi nhìn gương

mặt đen sạm của Bé Lớn mà nổi lên thứ cảm giác nhờn tòm, tưởng tượng đến cái bánh chuối nhỏ nhệch nhom nhộp nểp rề tiền, cảm giác ghê tòm nổi lên mặt thành cái biu môi khinh miệt. Bé Lớn nhìn tôi nhẩn nhục, cúi đầu quay đi, tiếp tục rao "Bánh chuối đây".

Tiếng rao bánh chuối buổi xế trưa qua các dãy nhà quanh chợ là âm thanh của nhạc giun để đứt đoạn, hay tiếng gà mẹ bươi rác kiếm ăn gọi con. Hình ảnh đứa bé gái ròi thiếu nữ nước da đen rám nắng, ròi thiếu phụ có tuổi ồm o luôn luôn mặc quần áo đen bạc màu là bức tranh trắng đen buồn nản, bối cảnh chợ quê nghèo.

Sau này, thắm thía bầm dập ở tuổi tri thiên mệnh, có dư chút thì giờ ngồi nghe bà già tôi kể chuyện. Bé Lớn nghỉ học từ nhỏ, ở vậy nuôi cha mẹ già tới ngày khuất núi. Hình ảnh người con gái nghèo không có nhan sắc, thiếu học, bung rỏ bánh chuối hấp đi ngang nhà tôi đẹp hơn thầy Tử Lộ đội gạo nuôi mẹ trong cuốn Quốc Văn Giáo Khoa Thư. Tiếng rao bánh chuối hấp bây giờ tôi mới hiểu và thường thức nổi, đó là bài hát chan hòa lòng hiểu thảo, bản nhạc thiếu tiết tấu, từ ngữ thiếu bóng bẩy, không thơm chuối ba hương, không mềm xoi nếp một, không ngọt đường mía lau, không bao la như biển Thái Bình ... Bản nhạc Bé Lớn chỉ có ba notes (âm giai) cũng cường độ và trường độ. "Bánh chuối đây". Tiếng rao bánh vang dội trong tâm khảm tôi mấy năm rồi. Mỗi cái bánh 500 đồng Việt Nam. Tôi táy máy bấm máy tính, trời ơi, cái bánh tính ra là sáu cents tiền Úc, mỗi lần tôi rít lên một điều thuốc Longbeach là tôi đốt ba cái bánh chuối của Bé Lớn, ngày ngày tôi đốt sáu mươi cái bánh chuối của người bạn học nghèo hiểu hạnh, nghèo hơn tôi nhưng hiểu thảo hơn tôi. Bà già tôi kể, Bé Lớn chưa từng vay mượn và giựt dợc ai bao giờ. Tôi ký cốp gởi bảy mươi dollars cho Bé Lớn để chuộc lại cái biu môi khinh miệt. Bé Lớn sinh làm con nhà nghèo từ nhỏ, bán buôn phải chiều khách, lúc bung rỏ bánh quay đi chắc chỉ thất vọng phần nào, có dám hờn oán ai. Bé Lớn quen sống nhẩn nhục, phận cỏ nội hoa hèn, đâu có để tâm bị tổn thương vì cái biu môi khinh miệt của chính người bạn học cũ. Bé Lớn đã quê cái biu môi ngay khi quay lưng đi, nhưng tôi còn nhớ, còn mang và còn bị thương nặng để trả cái nghiệp cao mạn chồng chất. Ngày nay lại ý có chút tiền, định dùng bảy mươi dollars, công vài giờ làm việc, để chuộc lại thái độ nhẩn tâm khinh người? Thái độ đó đã động lại thành ác nghiệp, trả bằng món tiền bảy mươi dollars thì quá rẻ, mà Bé Lớn đâu có đòi.

Chưa kịp gởi bài này, có người bà con ở Việt Nam qua cho biết Bé Lớn bị cataracts mờ mắt không thấy đường. Từ đây, chợ trưa bắt tiếng rao bánh chuối.

Thầy Tử Lộ một thời đội gạo nuôi mẹ, có tài trí nên được làm quan "có xe song mã có vàng đầy kho". Bé Lớn đốt nát, suốt đời gói bánh chuối bán nuôi mẹ, khi mẹ cha đã mất, còn đôi mắt thấy đường tiếp tục gói bánh sống lương thiện khoảng đời còn lại, trời lại che mắt. Trời có mắt không?

Dân gốc gác xứ tôi không thấy ai ác đức quá đáng, không thấy ai giàu ba họ, người khó ba đời đếm không hết !

• Phong Húng Lưu Nhón Nghĩa



Tiếng chuông chùa trên dòng Cửu Long

Phạm Thăng

Sông Cửu Long đã được Nhóm Bạn sông Cửu Long nói nhiều, nhất là sau khi có cây Mỹ Thuận là cầu thứ hai nối liền hai bờ của nó.

Sông dài 4425 cây số, phát nguyên từ “*nóc nhà thế giới*” là Hy Mã Lạp Sơn của quốc gia Phật Giáo Tây Tạng, chảy trên 6 quốc gia khác cùng mang màu sắc Phật giáo: Trung Quốc, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Cao Miên, Việt Nam.

Từ lúc còn là dòng suối len lách qua ghềnh đá của dãy Hy Mã Lạp Sơn, dòng nước nguồn đã nghe âm thanh trầm trầm của chiếc tù-và chùa Phật theo Mật Tông ở Tây Tạng để kể đó mang tên Lạc Thương Giang chảy trên miền Vân Nam xứ cộng sản, sông có được nghe tiếng chuông mõ của nhiều cổ tự xứ cộng sản? và khi ra khỏi xứ Vân Nam, dòng sông đã được in bóng nhiều tháp chùa dát vàng lá sáng chói của xứ Miến Điện... rồi đến xứ Thái, xứ Lào để vào xứ Việt, tạo ra Đồng bằng Miền Nam Việt Nam. (*Tác giả chưa có dịp qua các xứ cộng sản nên không dám nói nhiều về sông Cửu Long bên đó, nhưng chắc chắn dòng sông thiêng này đã có mang âm hưởng của chuông mõ rồi. Tác giả chỉ góp nhặt những điều hiểu biết nhỏ về sông Cửu trên vài quốc gia láng giềng và xứ Việt mà tác giả có đi và sống, bắt đầu từ xứ Thái, xứ Lào*).

Giống như nhiều quốc gia Châu Á, đạo Phật ở Lào quốc đóng một vai trò quan trọng trong đời sống dân chúng, vì thế khắp trên đất nước nhiều núi non, cao nguyên, ít ruộng đồng này có rất nhiều chùa. Địa hình quốc gia Lào lại nằm dài theo con sông nên các ngôi chùa với hai mái chõng lên nhau, uốn cong bốn góc, mà màu sắc chính là vàng, đỏ với nhiều viền xanh... in hình trên bóng nước là hình ảnh quen thuộc của người dân Lào hiền hòa. Nhiều nhà khảo cứu về đạo Phật tại Lào, sau khi tìm hiểu so sánh với các tượng Phật trên các quốc gia lân cận như Thái Lan, Miến Điện, có chung xác định là đạo Phật du nhập vào Lào qua hai giai đoạn:

- Giai đoạn thứ nhất, khoảng năm 600 Phật lịch (thế kỷ thứ I) đạo Phật Đại Thừa theo ngã Ấn Độ truyền sang và Phật giáo Lào sử dụng văn tự Nam Ấn Độ để ghi lời Phật dạy.

- Giai đoạn hai, từ thế kỷ XIV, Vua Chậu Phà Ngừm cho truyền đạo Phật Tiểu Thừa từ Cầm Pu Chia vào Lào để sau đó Phật giáo trở thành quốc giáo.

Nhiều công trình Phật giáo đồ sộ được xây dựng như tháp Thất Luân được xây dựng lại năm 1566 trên ngôi tháp cũ, là nơi thờ “sợi tóc của Phật Thích Ca”. Vát (chùa) Phanôm, Vát ông Tự cũng được xây dựng lên ở thời kỳ này. Nhiều nhà Sư trí thức uyên thâm xuất hiện cùng với chùa chiền dọc theo sông Cửu đã bắt rễ vào lòng xã hội quốc gia

nhỏ bé này, ăn sâu vào tư tưởng, tình cảm con người Lào. Bản làng nào cũng có chùa. Ngôi làng lớn được chia ra nhiều xóm nhỏ có đến hai ba ngôi chùa, vì chùa ở Lào, vừa là nơi tu hành còn là trung tâm văn hóa (ngôi trường dạy học), nơi dân làng đến sanh hoạt giống như ngôi đình ở Việt nam. Bản làng nào mới xây dựng chưa có chùa, vắng bóng sư sãi, sớm chiều thiếu tiếng trống chùa, thì người dân cảm thấy hoang vắng tẻ lạnh. Dân Lào, từ lúc lọt lòng đến nhắm mắt đều gắn bó với ngôi chùa và quý Sư Sãi: vừa sanh ra, cha mẹ đã mời quý Sư xem số, đặt tên, ban cho lá bùa hộ mệnh đeo cổ; chập chững biết đi đeo theo mẹ lên chùa dâng cơm cho Sư; biết chạy giỡn thì theo bạn bè đến sân chùa râm mát để đùa vui chạy nhảy. Đến bảy tuổi, chùa là trường học chữ do các vị Sư dạy. Cậu nhỏ đến tuổi thanh niên phải cạo đầu vào chùa tu hành như một vị sư Tùy theo lòng mộ đạo, cậu ta có thể xuất gia luôn hay chỉ tu đúng hạn kỳ thời gian rồi trở về nhà sống cuộc đời thường. Nhưng cậu đã được “trưởng thành” có tên do nhà chùa đặt cho và nhất là được trang bị tinh thần những đức tánh tốt.

Cửu Long Giang chảy vào thượng Lào đã có nhiều ghềnh thác sủi bọt uốn lượn giữa vách núi, dòng nước trong xanh vẫn trôi xuôi mặc cho thời gian có thay đổi trên đôi bờ. Thế kỷ 18, Nước Lào bị phân chia thành ba tiểu vương quốc nằm dọc theo sông từ miền Bắc đổ xuống là Tiểu quốc Luông Prabang, đến đoạn giữa xứ Lào lúc dòng Cửu Long uốn cong như thước thợ là Tiểu quốc Viên Chanh rồi đến Tiểu quốc Chăm Pát Sắc... Ba tiểu vương quốc nhỏ xíu lại nhiều cổ tự như Vát Mai của Luông Prabang là nơi thờ tượng Phật bằng Ngọc Bích màu xanh nguyên khối to lớn, quý giá, rồi Vát Xiêng Thông, Vát Paké, Vát Sisaket, Vát Phou Sỉ, Thất Luông, Vát Bản Phong, Vát ng Tu, Vát Khào, Vát Phou, Vát HoPhaBang, Thất InHang... chạy dài từ thủ đô Viên Chanh đến Paksé, Savanakhét... những ngôi chùa không có vẻ huyền bí để người dân lánh sợ mà rất gần gũi và giúp ích dân làng bằng những hồi chiêng, tiếng trống theo giờ khuya, trưa, sớm. Người dân Lào thắm vào hồn và sống hàng ngày với âm thanh đó, những âm thanh êm dịu lâng lâng trên sóng nước Cửu Long, khi ồn ào khi êm dịu, từ hàng bao thế kỷ nên họ có một tâm hồn bình dị, ít tranh đua.

Đến khoảng Viên Chanh, dòng Cửu Long bị đọng nhiều cồn cát nên vào mùa khô người dân có thể xắn quần đi bộ ngang sông để qua bên kia bờ xứ Thái. Họ có thể đi bộ vào mùa này nhưng đến mùa lũ, những khúc gỗ mục từ thượng nguồn trôi băng băng hung hãn trên con sông ngày thường hiền hòa. Thời gian này, người dân Lào thích ngồi trên sàn nhà cao cẳng, lơ đãng nhìn dòng nước đục ngầu, tay bóc nắm xôi ăn với măng le xắt nhỏ trộn chua ngọt, mặc cho thời gian trôi...

Giờ đây, xứ Lào hiền hòa, cô lập giữa hai nước Việt, Thái ồn ào, đã qua thời nhàn nhả đó vì cách đây mấy năm đã có cây cầu Mittaphap bắt ngang sông Cửu Long, từ thị trấn Thà Đưa phía Lào nối liền với thị trấn Nông Khai của Thái. Còn dấu cảnh tượng xinh đẹp của chiếc đò chèo đưa người qua sông, không còn thấy hình ảnh các cô *phủ sảo* Lào, các cô *phủ đĩnh* Thái xinh đẹp trong chiếc *xin* (*sà rong*) màu mè ôm sát thân người, e lệ nhìn thấy hình bóng của mình in trên dòng sông *Mè Khoông* (*Mè Kong*, Cửu Long). (*Phủ sảo*, *Phủ đĩnh*= cô gái). Sông Cửu Long vắng bớt những con đò đưa thiện nam, tín nữ Lào qua bản Thà Bò của Thái Lan mỗi lúc ngôi chùa của bản nhỏ này đang vào Bun (*lễ hội*) và ngược lại. Dầu là hai quốc gia có chia ranh giới nhưng trên thực tế, dân chúng hai bên bờ vẫn đi chùa lễ Phật, tham gia hội hè khi chùa Thái hoặc chùa Lào ven sông có ngày lễ

Hội. Đức Phật là chung của chúng sinh, tiếng trống, chiêng chùa xứ Lào, Thái vẫn cùng âm thanh, và giọng nói hai dân tộc phát âm gần giống nhau... Bớt đi hình ảnh con đò ngang, nhưng dòng sông vẫn không buồn, vì dù thế giới vẫn minh có cầu đúc to rộng làm giao thông dễ dàng, nhưng sông Cửu không bao giờ thiếu những *chiếc ghe ngo* của các ngôi chùa ven sông đến dự lễ đua ghe mỗi khi chùa đang vào hội, tạo âm thanh vui nhộn cho cuộc “đua ghe ngo” mà bao nhiêu thế kỷ qua đã thấm vào dòng nước cũng như dòng sông vẫn chuyên chở mỗi buổi sáng chiếc xuồng nhỏ của vị Sư Sãi đi khất thực, vì bản làng tụ quanh ngôi chùa trên bờ sông, rạch, không có sự giao thông xe cộ.

Sông Cửu Long chảy giữa đôi bờ hai xứ Thái Lào, hai xứ lấy đạo Phật làm quốc giáo, nên được lung linh in bóng những mái chùa cong vút màu sắc, từ bản làng nhỏ xa xôi trên miền Bắc mà tên tuổi ít được người biết tới đến những tên quen thuộc như Thà Bò, Nông Khai, U Đon, Na Khôn Pha Nom, Mục Đa Hân v.v... của Thái, đối diện với Huôi Xài, Viên Chanh, Thà Khệt, Pắc Xế v.v... của Lào. Đâu đâu cũng có chùa thân thương nằm nép mình dưới những cây hoa Chăm Pa (hoa sứ, hoa đại), cây dừa... Dòng sông Cửu thương mến những ngôi cổ tự Thái, Lào đó, không hề ganh tị với những ngôi chùa nổi tiếng mà không nằm trên đôi bờ của mình... để lại hoan hỉ xuôi dòng đến xứ Cam Pu Chia theo đạo Phật.

Người dân Miên có nếp sống như người Lào, nên chùa Phật gắn bó với đời sống. Vốn là một sắc dân tôn sùng Phật Pháp, họ cho rằng đem cửa cái cúng vào chùa, dâng lên các Sư Sãi thì sẽ làm được gấp mười, nên khi có tiền, họ trích một số lớn cúng dường và nuôi quý vị Sư. Họ cầu mong “gieo nhân lành sẽ gặt quả tốt” cho kiếp này và kiếp sau.

Sông Cửu chảy êm ả giữa ruộng đồng phì nhiêu xứ Cao Miên, đến đây nếu kể ra sông đã qua hàng nghìn ngôi cổ tự từ thượng nguồn, để đến kinh đô Phnom Pênh trú phú, nơi có chùa Bà Pênh trên ngọn đồi nhỏ, mà nhà Vua lấy tên để đặt cho Thủ đô: Thủ đô Pnom Penh (đồi Bà Pênh) khi dời đô xuống đây.

Qua bao ghềnh thác ở Khône, sông Cửu Long chảy qua Stung Treng, Xom Bô, Kroa Chê... và đến thủ đô Phnom Penh (Nam Vang) ngày nay, dòng sông có thêm phụ lưu chảy ngược về hướng Bắc, đó là sông Tonlé Sap, tạo ra Biển Hồ nổi tiếng, nơi giữ lưu lượng nước cho sông Cửu khỏi chảy hùng hổ về Nam Việt Nam, và hai phụ lưu, một tên Tiền Giang để đối với một phụ lưu nhỏ vừa khai sinh tại Phnom Penh tên Hậu Giang. Cả hai nhánh sông mang phù sa bồi đắp dần dần thành miền Nam nước Việt với chín cửa sông đổ ra biển Nam Hải, vậy là sông có tên là Cửu Long giang nhờ 9 cửa sông này.

Lịch sử thủ đô Nam Vang có truyền thuyết này: Cách đây hơn 5 thế kỷ, thủ đô Nam Vang còn là vùng đầm lầy nằm cạnh bốn nhánh sông kể trên hội tụ nên dân địa phương gọi là Sông Bốn Mặt. Lúc đó có bà lão tên Pênh, trong buổi ra sông lấy nước uống, Bà thấy một khúc gỗ mục lớn đang tấp gần Bà. Bà rón rức kéo khúc gỗ vào để chẻ làm củi. Nào ngờ khi chẻ đôi, Bà phát hiện trong khúc gỗ mục có một tượng Phật khá lớn bằng vàng. Biết là tượng Phật xưa bị cây rừng bao phủ, rồi qua cuộc đời vô thường, tượng Phật bị rừng già bao phủ, đến ngày hữu duyên lại từ rừng sâu xứ thượng nguồn nhờ sông Cửu Long mang về, Bà nghĩ mình có phúc duyên nên cung kính đem tượng Phật về thờ. Tin đồn lan nhanh, dân chúng đến cùng Bà Pênh xây chùa lá trên ngọn đồi để lễ bái. Chẳng bao lâu, nơi đây trở thành đông đúc, khi nhà Vua nghe tin lành liền dời kinh đô từ U Bôn về đây, lấy tên chùa Đồi Bà Pênh mà đặt tên

thủ đô mới. Hiện nay ngôi cổ tự trên đồi Bà Pênh vẫn khói hương nghi ngút. Du khách đến thủ đô Nam Vang không quên đến chiêm ngưỡng ngôi chùa cổ trên đồi danh tiếng này.

Phụ lưu Tonlé Sap chảy về Bắc, tạo cái Hồ mênh mông, có thị trấn Xiêm Rệp nổi tiếng nhờ có khu đền đài Đế Thiên, Đế Thích. Đền đài hùng vĩ gồm một khu lớn có nhiều đền thờ Thần theo đạo Bà La Môn và thờ Phật từ thời Angkor phồn thịnh. Sau đó bị quân Xiêm tấn công, Vua và dân chúng chạy lánh nạn để rừng rậm xâm chiếm phủ vây cả khu đền. Hơn 7 thế kỷ trôi qua trong quên lãng, khu đền mới được phát hiện trở về với dân chúng và nhân loại.

Đế Thiên, Đế Thích là đền đài, chùa núi làm bằng đá xanh với sức người dân, còn tồn tại mãi hình dáng tượng Phật bốn mặt, miệng lúc nào cũng mỉm cười bác ái, nên các tháp chùa Miên tạc Phật bốn Mặt trên ngọn tháp... Đâu đâu cũng là số Bốn linh thiêng cũng như tên sông Cửu Long tại thủ đô Nam Vang được mang tên là Sông Bốn Mặt và chính nơi này, hàng năm, nhà Vua Cao Miên trịnh trọng làm “Lễ đưa nước” để nước sông Cửu chứa trong Biển Hồ chảy xuôi về miền Nam nước Việt, mở đầu “Mùa nước nổi” tại đây. Vào mùa này, tôm cá từ Biển Hồ về nuôi sống dân Việt cũng như mang phù sa màu mỡ bồi đắp ruộng vườn châu thổ Cửu Long. Người dân vùng này quen thuộc với mùa nước nổi đó, nhưng cứ vài năm, lưu lượng nước sông quá nhiều đã gây cảnh ngập lụt nguy hiểm, và mới đây, do các quốc gia thượng nguồn đắp bờ, ngăn nước, xả nước không đúng qui cách, phá rừng bừa bãi, nên Đồng bằng sông Cửu Long hứng chịu thảm họa... và hai năm qua, vì những đập nước từ xứ Tàu, khi chặn nước, lúc xả nước, đã làm hệ sinh thái của dân Việt vùng đồng bằng sông Cửu bị ảnh hưởng trầm trọng. Năm vừa qua, lũ lụt đã tàn phá mùa màng, kéo trôi nhiều nhà cửa, giết hại sinh mạng các cụ già, nhiều trẻ em... và năm nay, lũ lụt lại đến sớm, gieo tai ương khủng khiếp đến vùng đất mang danh chín con rồng ôm trái châu của chúng ta...

Mặc cho bàn tay con người tham lam khuấy động, dòng sông rời Sông Bốn Mặt chảy vào đất Việt mà trước kia là Thủy Chân Lạp của Cao Miên. Sau nhiều lần Cao Miên dâng đất cho chúa Nguyễn để tạ ơn bảo hộ, và nhờ công khai phá của tiền nhân ta nên vùng Thủy Chân Lạp trở thành Miền Nam nước Việt có cư dân đông đúc và theo dòng người lưu dân, chùa Việt Nam được dựng lên chen lẫn với ngôi chùa của người Miên xưa (người Việt gốc Miên), để in bóng xuống dòng sông của Nhà Phật.

Lời kinh công phu sáng, tối, hòa cùng âm thanh của chuông mõ, trống chiêng trong các cổ tự Việt như Tây An, Châu Long, Hội Phước, Phước Hậu, Long Hòa... hòa với âm thanh của chùa ng Mệt, chùa Samrong Ek, chùa Kiéang v.v... nhiều lắm dọc theo sông Tiền khi chảy qua Sa Đéc, Vĩnh Long, sông Mỹ Tho chảy ngang Mỹ Tho, sông Ba Lai, sông Hàm Luông chảy bọc tỉnh Bến Tre, sông Cổ Chiên chảy ngang Trà Vinh, sông Hậu chảy qua Châu Đốc, Long Xuyên, Cần Thơ... Dòng Cửu Long đã gieo vào tâm hồn người dân miền Châu thổ lòng nhân ái thuần hậu...

Bóng dáng ngôi chùa Việt hay Miên, bóng dáng quý vị Thiên sư, Cao tăng đắc đạo trong chiếc y vàng đã in bóng trên dòng sông Nhà Phật mà tiếng thom được lưu lại muôn đời mặc cho lòng người tham lam chia ranh, chặn nước...

... (Để đền ơn hai xứ Thái, Lào, nơi tôi làm việc bốn năm, để nhớ công miền đồng bằng sông Cửu, nơi đã sinh và nuôi dưỡng tôi —

(Calgary tháng 10 năm 2001)

Đoạn cuối cuộc tình

(Mến tặng Vũ Quang Anh Tuấn)

Trà Nguyễn



Lệ nh hất tung mái tóc đen dài óng mượt ra sau gáy, tay phải ôm chồng sách, tay trái thả thong dong như làn tóc vừa đong đưa theo gió.

Mùa Thu, gió Duy Tân chỉ gợn lên nhẹ, như không muốn làm giao động buổi trưa êm ả của con đường thơ mộng. Nàng thả dọc theo bóng mát những hàng cây thẳng tắp, mơ màng nghĩ đến một ngày mai nào đó nhưng xung động xã hội, những biến chuyển của đất nước sẽ làm mất đi sự bình thản của tâm hồn và nét đẹp hồn nhiên của tuổi học trò.

Ý nghĩ đó đến với Lệ nh từ khi nàng chập chững bước vào ngưỡng cửa Đại Học với nhiều ngỡ ngàng nhất là trong một trại hè nàng được nghe bài thuyết trình của một vị Thượng Tọa từ Pháp về với đề tài "Thanh Niên Trước Cuộc Đời và Xã Hội". Ý niệm xã hội này còn là một cái gì mờ mờ lung lung đối với con người bình dị Lệ nh. Nàng không hợp với những trừu tượng của triết học, những lắt léo mâu thuẫn của chính trị, lại càng không ưa tính khô khan của khoa học. Cảnh vật thiên nhiên tươi đẹp như một con suối chảy róc rách qua những hòn sỏi trắng, tiếng chim hót trên cành là hình ảnh và âm thanh thích hợp với người con gái lãng mạn ấy. Chính vì thế mà mỗi khi ra khỏi

giảng đường nàng thích đi bộ một quãng xa cho con người thư thái và để cảm thụ những giây phút êm đềm vốn ít ỏi của một thành phố nhiều biến ngẫu.

Thoáng chốc vài cơn gió xoáy làm cho lá me rơi là tả xuống mặt đường và bám trên vai áo trắng. Lệ nh mỉm cười vu vơ, chợt nhớ đến hai câu thơ của một người nào đó:

*Lá nâu rụng nhẹ xuống thềm
Cánh non mỏng tựa lụa mềm che em.*

Nàng so sánh với những câu của nhà văn Alphonse Daudet trong bài Ngày Khai Trường (La rentrée des classes):

"Je me rappelle tous les ans, le ciel de l'autome

*...
Les feuilles mortes tombent une à une sur les épaules des statues blanches dans le jardin de Luxembourg"*

và dường tượng thấy cái đẹp của vườn Lục Xâm Bảo với những chiếc lá thu vàng rơi từng cánh trên vai những pho tượng trắng phau cũng thì vị như những phiến lá mỏng bay nghiêng hay những cánh phượng vĩ đỏ rực màu chia tay trước cổng trường.

Với tính tình trầm lặng nhưng đa cảm của Lệ nh chọn ngành văn chương sau khi rời ghế Trung Học. Nàng yêu thi văn từ lúc nào không biết, có lẽ chịu ảnh hưởng của người cha, một Giáo sư văn chương nổi tiếng, mà cũng có lẽ một phần do sự chuyển đổi từ tâm hồn đến thể chất, nói theo Bác sĩ Sigmund Freud đó là một sự đột biến tâm sinh lý quan trọng trong một đời người. Hiện tượng ấy, với tác dụng hưng phấn, có thể mở rộng cánh cửa cho những tài năng xuất chúng mà cũng có thể làm chậm mức độ phát triển đối với một số người. Dĩ nhiên ngoài trường hợp ức chế tâm sinh hay nổi loạn tư tưởng, con người chung chịu ảnh hưởng bởi môi trường xung quanh, hoàn cảnh gia đình, xã hội và mang nặng cái thực tính của mình đã hình thành lâu từ nội tâm đến ngoại cảnh.

Lệ nh hấp thụ một nền giáo dục gia đình gương mẫu, mang huyết thống của người mẹ dịu hiền và có nét đẹp tự nhiên không cần trang điểm. Những yếu tố đó tạo cho nàng một phong thái khoan thai, một tâm hồn đa cảm.

Tiếng máy nổ sè sè của chiếc Velo Solex sau lưng làm cho người nữ sinh viên thích đi bộ giặt mình.

- Lệ nh, Lệ nh. Thuận gọi rồi rít.
- A, Thuận. Lâu lắm không gặp. Đạo này ra sao? Mẹ em thường nhắc anh đó.

Thuận xuống xe dắt song song với nh, trong lòng hân hoan vui sướng.

- Chắc nh đang học Luật?
- Không. nh vào Đại Học Sư Phạm và đang theo Văn Khoa. Còn Thuận đang làm gì ở Sài Gòn?

Câu hỏi bất chợt vô tình làm cho Thuận hơi buồn nhưng rồi chút mặc cảm cũng vụt thoáng qua khi nhận thấy ánh mắt chân tình của người bạn vẫn như thuở nào.

- Thuận học Kiến Trúc nửa chừng...
- Thuận đừng nói đùa, học sinh giỏi Châu Văn Tiếp mà học nửa chừng? nh không tin.

Lúc ấy, hai năm cuối Trung Học, Thuận và Lệ nh là hai học sinh xuất sắc của trường, một người giỏi văn chương, một người giỏi toán. Cả hai đều nể nang nhau và dành cho nhau những tình cảm đặc biệt. Họ thường đánh vũ cầu với nhau và tặng nhau một vài món quà đơn giản. Ngày phát phần thưởng cuối năm, Thuận mang đến nh một quyển sách nhỏ nói là để chúc mừng phần thưởng danh dự. Ngược lại, nh tặng Thuận một trái mận chín đỏ ối nói là chỉ có một trái duy nhất.

Ngày cuối tuần anh thường đạp xe tới nhà thăm "Di Tu", mẹ của Lệ nh, mà không dám thú nhận là rất muốn gặp người ấy. Anh hồi tưởng lại những giây phút bối rối đỏ mặt khi "Di Tu" hỏi ngật "Sao con đến thăm Di hoài vậy?". Tuổi học trò, bên cạnh những năm tháng miệt mài đèn sách để tạo cho mình một lối đi tương lai, còn có những ưu tư riêng, những giấc mơ thầm kín và những xao xuyến bất chợt. Anh còn miên man với kỷ niệm thì Lệ nh hỏi lại:

- Tại sao Thuận nói học Kiến Trúc nửa chừng, giải thích cho nh đi.

- Vì Thuận đã đăng vào Hải Quân.

Lệ nh trở mắt nhìn khi nghe anh trả lời ngắn gọn. Nàng ngạc nhiên hơn khi liếc mắt nhận thấy anh có vẻ rần rỏi khỏe mạnh hơn vẻ đẹp thư sinh ngày nào. Nàng đoán ra có một cái gì không ổn với người thanh niên hoạt bát yêu đời mà nàng đã dành nhiều tình cảm sâu đậm. Chưa tìm ra giải đoán thích hợp, Lệ nh tiến lên bước song song với Thuận cười nói vui vẻ trong

lúc anh bận hai tay giữ chiếc Velo Solex mà một thời được mệnh danh là xe tình ái.

Hai người chuyện trò hồn nhiên, sánh bước bên nhau một khoảng đường dài. Con đường Duy Tân rợp bóng tui không mang về huyền ảo như một Hàn Thuyên với ánh điện vàng nhạt từ những biệt thự sang trọng tỏa ra về đêm hay rộng thênh thang như đại lộ Cường Để với nhiều cây cổ thụ sầm uất, chiều hôm ấy vắng và nên thơ lạ. Lá me không rơi xào xạc mà chỉ vấy lên như một đám bụi mờ. Những kỷ niệm êm đềm thoáng hiện trong trí Thuận. Nào là buổi cắm trại bên bờ suối giành giết hái sim ăn tím môi... nào là buổi thi đua leo núi vui nhộn... Anh nhớ lúc Lệ nh rú anh vào chùa lễ Phật thì mọi người nhốn nháo đi tìm. Lúc trở ra giải thích, có người cắc cớ nói: "Cô cậu trốn đi đâu, làm gì chỉ có trời biết".

Trong giờ sinh hoạt tập thể, vốn là một Kha trưởng Hướng Đạo, Thuận được yêu cầu biểu diễn thắt nút. Mọi người theo dõi, bỗng một trại viên vọt miệng:

- Anh Thuận sử dụng sợi dây nylon thiện nghệ ghê. Còn sợi dây tình ái anh thắt làm sao?

Anh còn đang lúng túng trước câu hỏi kỳ cục thì Kim Long, đứa em gái tình nghịch của Lệ nh, đã mau miệng:

- Nếu anh không biết thắt, để chị Lệ nh hoặc em chỉ cho.

Cả bọn nhốn nháo thì từ đâu thầy hướng dẫn trại xuất hiện:

- Có việc gì ồn ào thế các em?

Một người thuật lại, một người nào trong góc chợt hỏi:

- Thưa thầy, thầy thì sao?

- Tôi bị thắt lâu rồi, bây giờ mất tự do dân chủ. Một sợi dây thắt cổ, hai sợi dây xích xiềng hai chân.

- Em về mét cô.

- Chết! Đừng mét. Càng mét cô càng khoái chí rồi đúc thêm một sợi lòi tới nữa thì tôi chịu đời sao nổi.

Cả nhóm phá lên cười như ong vỡ tổ.

Tất cả hình ảnh thân quen ấy quay về sống động trong óc Thuận. Anh mong con đường nhỏ kéo dài vô tận để song bước với Lệ nh mãi.

- Kể cũng gần bốn năm rồi Thuận nhì. Bạn bè cùng trường ít khi gặp, phần nhiều mất liên lạc. Nay gặp lại Thuận thật mừng. Mình có nhiều chuyện để nhắc lại nhưng có lẽ phải

để dịp khác vì nh phải về kẻo trễ nhiều mẹ trông.

- Vàng, chúng ta sẽ gặp lại, nhờ nh nói "thăm Di Tu" mạnh. Nếu được cho phép, Thuận sẽ đến thăm như thường đến thăm di hời ở Phước Tuy.

Lệ nh hiểu ngầm, chớp mắt cảm động nên níu kéo phút chia tay.

- Còn bao lâu nữa Thuận đi?

- Thuận nộp đơn khóa đặc biệt đi Mỹ học. Đã thi Anh văn, chờ kết quả. Tuần sau gặp lại nh sẽ cho biết rõ hơn.

- Tuần sau cũng ngày này. Nhớ đón nh trước cổng Văn Khoa.

- Đứng hẹn! Mà không dắt xe cưỡi bộ nữa đâu nhé.

Nàng cười nhẹ, không trả lời, chỉ vẫy tay tạm biệt.

Bà giáo Cương ngồi ở ghế xa-lông phe phẩy chiếc quạt. Tuổi ngũ tuần bà yên phận vui sống với gia đình, yêu chồng, thương con và ít khi màng đến thế sự. Chiếc áo cánh bằng lụa mỏng để lộ hai cánh tay trần, da thịt mịn màng cho biết bà thuộc gia thế phong lưu. Tóc đen nhánh vấn cao để lộ chiếc cổ cao tròn lẳn thể hiện phong cách của bậc nữ lưu. Bà có hai đứa con gái, mỗi cô đẹp một vẻ nhưng tính nết hoàn toàn khác biệt. Lệ nh giống mẹ ở nét mặt phúc hậu, tính trầm lặng, thích đọc sách, yêu thi văn, trong khi Kim Long lại ồn ào náo nhiệt. Hai chị em rất thương nhau mà cũng kè nhau như cơm bữa. Một hôm cô chị đang thưởng thức Đường Thi thì cô em học bài lớn giọng làm cho cô chị bực mình cau nhàu:

- Long lại trâm bùa chú nữa rồi. Đọc thầm trong bụng có được không?

Cô em vốn học Khoa Học và đang theo chứng chỉ Thực Vật Đại Cương (Botanique Générale) nên phải học tên cây cỏ bằng danh từ khoa học tức tiếng Latin. Có đêm nằng lăm râm mãi những tiếng nghe như tiếng Phạn:

Mimosa Pudica - Cây Trinh Nữ

Ylang Ylang Cananga Odorata - Hoa Ngọc Lan hay hoa Công Chúa

Cestrum Nocturnum - Dạ Lý Hương

Ocimum Basilicum - Rau răm, v.v...

- Em phải học thuộc lòng danh từ khoa học, mỗi cây phải xếp loại thuộc họ nào, giống nào, rồi chữ cuối mới xác định loại đó. Em mà không nhận diện được *cỏ chó đẻ* và *hoa cứt lợn* là mất hai điểm đó chó bộ.

- Thế cây me kêu là gì?

- Là Tamanindus Indica.

Long nghịch ngợm giải thích: Chị có biết tại sao cây me đàng sau có chữ

Indica không? Đó là giống từ xứ Ấn Độ. Cái xứ ngủ sớm đẻ nhiều, tức là nhiều đàn bà mang thai. Bà nào mang thai mà không thèm chua. Vì thế xứ Ấn Độ trồng nhiều me để thỏa mãn nhu cầu của các bà.

- Chịu! Lệ nh lắc đầu.

Cô em được thể nói tiếp: Trái me chua có nhiều công dụng lắm. Này nhé, ở miền quê mỗi khi có dịch cúm, khi nóng, khi lạnh, mê man, đau lưng nhức mỏi. Chợ thì xa, chèo ghe đi mua thuốc tới mốt mới về, người bệnh than đau cái lưng, sung cái đầu gối. Làm sao đây? Thì trèo lên cây me quơ một mớ cho bệnh nhân ăn càng nhiều càng tốt. Thế là nó giảm cái gân, hết long cái cốt. Bà ngày ăn cháo, sáu ngày ăn cơm là dứt bệnh chứ lo gì.

- nh nghĩ nếu chẳng may rớt kỳ thi chúng chỉ kỳ này Long đi quảng cáo cao đơn hoàn tán chắc kiếm ăn được đấy.

-Chưa hết. Me còn công hiệu thần kỳ khác: ăn me trước mặt ông thổ kèn. Chị biết đó, ở nhà quê, mỗi khi có đám tang người ta thường rước ban nhạc ngũ âm về. Trước là để tế người chết, xác nằm trong hòm mà hồn còn quán quít bên người thân, dàn nhạc trỗi lên những khúc bi ai nghe buồn đứt ruột. Người nhà đã buồn nghe càng khốc rống hơn, hồn người chết biết được họ thương tiếc mình, cảm thấy đỡ tủi thân. Sau là để giúp vui cho thập phương bá tánh, những người đến phúng điếu tang gia. Thường thì ban trống kèn đến từ xa, khăn gói quà mượp đầy đủ không thiếu món nào, nhất là ông thợ kèn, vì họ phải ở lại nhà gia chủ, có khi ba bốn hôm mới về. Ban đêm, nghe tiếng trống chầu thùng thùng, ba hồi ba dùi, nhiều người đến chia buồn ngồi lại với nhau nhâm nhi xì đế. Nổi hứng họ hùn tiền lại yêu cầu dàn nhạc biểu diễn. Có khi là một vài bản như Nam Ai, Xàng Xê, có khi là một đoạn trong vở tuồng hát bộ. Tùy theo số tiền thưởng, ban nhạc sẽ chơi nhiều hay ít. Trước khi bắt đầu, ông thợ kèn chuẩn bị các *bết* kèn, bày ra trên chiếu ba bốn cái, thủ hơi từng cái một. Cái to bằng ngón tay út, cái vừa bằng đầu đũa, cái nhỏ giẹp gọi là *bết* lá mạ. Ông gấn từng cái vào kèn tống hơi thủ trước. Cái to kêu trầm buồn ào ão. Cái nhỏ kêu ai oán xé tim. Xong! Ông đánh trống thủ dùi: lắc cắc... cà lum tum... cà lum tum. Ông đờn cò thủ cung: èo eo... èo eo... eo...èo. Ông kèn trịnh trọng trỗi: tồ te, tồ tí te... tí te, tồ... te. Ông sửa lại thế ngồi sao cho

vừa thổi kèn vừa nhịp chập chả. Đôi chập chả bằng đồng thau nhỏ bằng cái đĩa con, cái ngựa mặt trên ván, cái úp có một sợi dây ông kèn xoắn vô ngón chân cái, kẹp chặt lại, tiện việc vừa thổi kèn vừa vỗ chập chả.

Lệ nh thích thú nghe em diễn tả dàn nhạc ngũ âm thường được gọi là nhạc đám. Nàng giả bộ ngây thơ hỏi:

- Còn ăn me công hiệu thế nào?

Long cao hứng đi một tràng dài:

-Đợi đến khuya, lúc ban nhạc được thưởng nhiều tiền, chiếc rổ mỗi lúc một đầy hơn, ông trống múa dùi bay bướm, ông đờn cò nhịp song lang chất hơn, còn ông kèn thì hứng chí lấy hết gân cốt, phùng mang trợn mắt tấu lên những khúc bi ai réo rắt thì chợt thấy thằng nhỏ cầm trái me ăn. Ban nhạc đang hồi ăn thua, đến đoạn hấp dẫn, ông trống, ông cò lúi cúi với trống đờn của mình, chỉ có ông kèn ngồi chễm chệ trên chiếu là thấy rõ thằng nhỏ ăn me, nó cắn từng miếng, không nhai mà cháp cháp. Thế là ông chày nước miếng, nhắm mắt lại thổi mạnh hơn, trong bụng chửi thầm "hết bản này mày biết tay tao, con nhà ai mà mất dạy". Ngặt nổi đầu phải nhắm mắt mà không chày nước miếng. Thà đừng thấy. Hề có thấy là có chày nước miếng. Cái đó nói vẫn hoa một chút gọi là sự bài tiết tâm linh. Khúc nhạc chưa hết, bài bản vẫn còn, ông kèn tập trung vận khí, bí quá ông dành đệm với ông dùi: cà lum tum, tùm, cà lum tum, tùm, tùm...

Khách mộ điệu ít ai để ý, ông trống nhạc trưởng biết mà làm ngơ chỉ tội nghiệp ông đàn cò ngồi kể bên là lãnh đủ. Dứt màn trình diễn, ông kèn nổi quạ nháy xuống đất thộp cổ thằng nhỏ quát: "Mày con ai sao chơi mất dạy thế!". Có đám biết bị chơi xỏ, ông kèn nổi nóng rượt thằng ăn me chạy thục mạng...

Về khuya, khách ra về hết, người nhà bụng dọn cháo gà mời ban nhạc ăn, ông kèn còn ầm ức, kêu chủ nhà ra dặn: "Ngày mai đừng để mấy thằng ăn me làng vàng trước mặt tui. Đuổi nó đi chỗ khác chơi. Đồ mắc dịch!".

Nghe hai chị em cười dòn, bà Cương bước vào hỏi:

- Có chuyện gì vui mà hai đứa ồn ào quá vậy?

- Kim Long nó kể chuyện trên trời dưới đất đó mẹ ơi!

Bà hiểu tánh của hai con, giận nhau đó rồi làm hòa nhau đó. Bà giáo để ý sự về muộn của Lệ nh, đợi đến lúc vui mới âu yếm hỏi con:

- Chiều nay con về hơi trễ, có phải đi thư viện không?

- Dạ không. Con gặp người quen, bạn học cũ của con hồi ở Phước Tuy đó mẹ.

- Ai vậy?

- Anh Thuận thường gọi mẹ bằng "Dì Tư" đó.

- à ha!

Cô em chằm chọc:

- Hèn chi đi hỏi tên khoa học của cây me.

- Đừng có nói bậy nha. Lệ nh liếc mắt lườm em.

- Em có nói chị là dân xứ Ấn đâu mà chị túc.

Bà Cương chưa hiểu hết câu chuyện. Tại sao là cây me. Tại sao là dân Ấn Độ nên nhìn hết đĩa này đến đĩa kia.

Chợt Lệ nh phá tan bầu không khí im lặng:

-Tình cờ anh Thuận gặp con. Tụi con đi bộ trò chuyện suốt hàng me dài. Con đang đọc sách thì Long nó lại đọc thần chú danh từ khoa học. Sẵn dịp con hỏi tên cây me thì nó trả lời là Indica Indicus gì đó, lại càng ba trợn cất nghĩa giống me trồng nhiều ở Ấn Độ là để cho đàn bà sanh nhiều đủ ăn.

Bà giáo hiểu ra phá lên cười. Là một người đàn bà mầu mực, bà chăm sóc chồng con từ li từ tí. Với trực giác bén nhạy bà hiểu tâm tình thầm kín của đứa con gái đầu lòng hơn ai hết. Một hôm soát lại sách vở của Lệ nh, bà thấy có một quyển sách nhỏ như mới đặt vào kệ. Kéo ra nhìn kỹ hai chữ Tố Tâm, thì ra là một quyển tiểu thuyết xuất bản từ hồi bà con xuân trẻ. Dở sách ra bà ngạc nhiên khi thấy Lệ nh gạch đi những câu thơ trong đó:

Quân tại Tướng Giang đầu

Thiếp tại Tướng Giang vĩ

Tướng tử bất tướng kiến

Đờn ầm Tướng Giang thủy

Lật trang kể bà lặng người khi đọc bút tích của con viết thêm:

Nhân đạo hữu giang thâm

Vị để tướng tử bạn

Giang thâm chung hữu để

Tướng tử vô biên nạn

Thực ra bà giáo thừa biết bốn câu sau mà Lệ nh ghi ra là bốn câu đầu của nguyên một bài thơ cổ bên Trung Quốc ca ngợi mối tình nồng nàn say đắm của đôi tình nhân ngăn cách. Tình yêu ấy sâu sắc và bao la đến độ

tác giả so sánh với sông sâu. Sông sâu bao nhiêu còn có đáy chứ lòng tương tư nhớ nhung bạn thì vô biên! Mặc dù cách trở, kẻ đầu sông Tương, kẻ cuối sông Tương, không được gặp mặt nhau, hai người cùng uống nước sông Tương để tưởng nhớ nhau. Bà hiểu người con gái đẹp thùy mị của bà đã dành trọn vẹn tình cảm cho một người. Tình cảm ấy trong trắng mà sâu đậm, âm thầm mà nồng nhiệt. Nó mạnh nha từ những kỷ niệm ban sơ, bằng ánh mắt tha thiết, bằng những bối rối vụng về khi gần bên nhau, để rồi trở thành những dấu ấn không phai nhạt trong tâm khảm của những kẻ mới chớm yêu. Bà khẽ thở dài hình dung trở ngại trước mặt. Ông giáo Cương là một nhà mô phạm nghiêm khắc, một mẫu mực nho gia còn sót lại trong chế độ bảo thủ.

Suốt tuần lễ Thuận nôn nóng, trông cho ngày chóng qua mau để gặp lại Lệ nh. Những ngày chót anh bận đủ thứ việc. Nào là thu dọn sách vở, quần áo, dụng cụ cần thiết trong ngành học. Nào là chạy tới chạy lui bổ túc giấy tờ trước khi nhập trại. Anh buồn bã nói thầm: "... Rồi một thời gian ngắn nữa thôi mình sẽ rời căn phòng nhỏ này, căn phòng chia xẻ với mình nhiều khó khăn vất vả trong những năm tháng tự lập và chắt chũa bao nhiêu kỷ niệm vui buồn. Mình sẽ bắt đầu một hành trình mới".

Tất cả đã chuẩn bị ngăn nắp. Tài liệu Kiến Trúc, sách báo hội họa, Thuận sẽ để lại cho người bạn ở chung. Anh chỉ mang theo những cảm nghĩ và hình ảnh đẹp đã hằn sâu trong đầu óc mà anh chiêm ngưỡng trân quý. Anh biết đã tự dối lòng khi hãy còn luyến tiếc những tháng năm đam mê nghệ thuật. Anh làm sao quên được những buổi học đầy hứng thú về quá trình lịch sử Kiến Trúc, từ hình tượng Gothic cổ điển đến những kỹ thuật hiện đại thiên xảo. Một ngày nào đó anh cũng sẽ trầy vi tróc vẩy như các bậc đàn anh khi thành lập đồ án. Cũng như mọi sinh viên khác, Thuận chưa đủ tư cách để tỏ lòng khâm phục Michael Angelo, Leonardo Da Vinci, với những tuyệt tác phẩm để lại cho người đời chiêm ngưỡng trong các thánh đường nguy nga tráng lệ La Mã. Ngược lại anh tôn sùng William Van Allen với tòa nhà chọc trời Chrysler được hoàn tất vào năm 1930, hiên ngang đứng giữa Manhattan với 1038 feet. Về đêm, vòm tháp trên cùng lung linh viển ảo như những ánh đèn cày

trong giáo đường. Anh so sánh trường hợp thành công của Pablo Picasso, một họa sĩ danh tiếng lừng lẫy gốc Tây Ban Nha và của Kiến Trúc sư Charles Edouard Jeanneret, một người gốc Thụy Sĩ. Cả hai ông đều tạo thành tích lỗi lạc tại Pháp; rồi đặt vấn đề - phải chăng Pháp là Trung tâm Văn hóa Nghệ thuật, là nơi quy tụ nhân tài? Liệu hai người này, một người ở tại xứ Tây Ban Nha, một người sinh sống tại Thụy Sĩ, không đến Pháp thì có tạo được sự nghiệp to tát với tầm vóc quốc tế không? Riêng về ngành Kiến Trúc, Thuận tìm hiểu kỹ hơn, Charles Edouard Jeanneret sau khi qua Paris đổi tên lấy họ mẹ, Lê Corbusier; mới 30 tuổi ông đã nổi tiếng vang dội với óc cách mạng táo bạo, khám phá một hướng đi mới trong nghệ thuật kiến trúc (Modernism) và sau khi chết để lại một thành tích vĩ đại, trên 60 buildings nổi tiếng ở Âu Châu và khắp thế giới, đáng kể nhất là thành phố Chandigarh ở Ấn Độ. Càng nghĩ nhiều, Thuận càng thất vọng. Mơ ước chưa thành, hoài bão dang dở! Trước mặt anh chỉ còn một mớ hành trang và con đường đi tới.

Trước giờ hẹn, Thuận chăm sóc lại diện mạo của mình. Mực đen Pelikan và sơn đầy tay phải tẩy sạch, tóc tai gọn ghê, áo trắng dài tay bỏ trong quần nghiêm chỉnh. Anh cần để lại cảm nghĩ tốt cho gia đình Lệ nh trước khi ra đi, không như những lần trước quần áo xốc xếch, tay chân lấm lem mà mỗi khi đến thăm đều trở thành đề tài để Giáo sư Cương phê bình chỉ trích.

Có mặt tại Văn Khoa trước giờ hẹn, Thuận dắt xe đến một gốc cây ngồi trên yên chờ đợi. Giây phút chờ đợi sao trôi qua chậm thế! Chàng nói thầm trong lúc đưa mắt quan sát từng lớp người lũ lượt tuôn ra. Kìa, những cô áo xanh áo đỏ. Không, phải nhìn kỹ những cô áo trắng. Chưa bắt gặp mục tiêu, anh gạt mình quay lại bởi có một bàn tay êm ái vừa đặt lên vai mình. Bốn mắt sáng rực, nụ cười chan chứa.

- Thuận chờ lâu chưa?

- Độ nửa giờ, nhưng cũng đủ mỏi mắt đó.

Chàng đẩy xe bên cạnh Lệ nh một lúc rồi nói:

- Chiều nay Thuận có nhiều chuyện để nói. Trước hết mời người đẹp lên xe cho, ở đây không có hàng me đâu. Mình sẽ đến một nơi thú vị không kém.

Lệ nh không có ý kiến, nhẹ nhàng ngồi lên yên sau, tà áo dài vén ra phía trước mặc cho chàng đưa đến nơi đâu. Chiếc Vélo Solex ẻo lả lạng qua nhiều góc đường, tà áo bay bay... Không bao lâu hai người đến con phố nhỏ Dakao. Thuận cẩn thận khóa xe bên lề đường, diu Lệ nh vào một quán nhỏ có cái tên ngộ nghĩnh: Thạch Chè Hiến Khánh. Sau khi chọn một chiếc bàn nhỏ bên trong, Lệ nh cúi xuống thích thú đọc từng cụm thơ mà chủ nhân in ra chữ to, lồng dưới mặt kính. Đây đó hai ba bài thơ đủ mọi thể loại. Mái tóc nàng rũ xuống che khuất nửa khuôn mặt làm Thuận nhìn ngây ngất. Chàng yên lặng ngắm khuôn mặt thanh tú của bạn quen cả giới thiệu quán nổi tiếng với đủ thứ chè thạch. Chợt Lệ nh ngẩng lên cười hỏi:

- Thuận cũng thích đồ ngọt à? nh tưởng con trai các anh chỉ thích những món cay đắng; còn đồ ngọt chỉ để cho bọn con gái tụi em.

- Thịnh thoảng thôi. nh biết đó, tụi anh đứa đi dạy kèm, đứa may mắn kiếm được vài giờ tại một trường Trung Học với giá rẻ mạt, cốt đủ ăn để theo đuổi việc học, làm gì biết những chỗ ăn uống sang trọng. Lâu lâu có dư chút đỉnh bạn bè mới rủ nhau tới đây. Ngoài chén thạch chè thơm còn có dịp thưởng thức những bài thơ hay lạ.

Một thoáng buồn đến trong lòng Lệ nh, nàng nhìn xuống mặt bàn rồi chọn cho Thuận một chén chè đậu xanh lạnh và phần mình một chén thạch màu. Thuận xắn từng miếng nhỏ cho vào miệng nghe ngọt lịm. Ngọt bởi hương vị đậu xanh đượm mùi lá dứa và cũng ngọt bởi cử chỉ chăm sóc của Lệ nh. Nàng chưa ăn vội, còn mãi nhìn ngắm chén thạch trong vắt đậm những vân màu hồng, tím, xanh lơ lửng đẹp mắt.

- Sao Thuận lại bỏ học nửa chừng để đăng vào quân đội?

- Thực ra không phải bỏ. Thuận ôn tồn giải thích. Thời cuộc bấp bênh, chiến tranh lan rộng, cộng sản tấn công khắp nơi, lệnh Tổng Động Viên đã ban hành. Như nh biết, thanh niên lứa tuổi như Thuận trước sau gì cũng phải thi hành bổn phận thì chuyện dở dang đèn sách đâu phải dành riêng cho ai. Sẵn có khóa Sĩ Quan Hải Quân đặc biệt, Thuận suy nghĩ kỹ và quyết định đăng vào vì thấy phù hợp với khả năng của mình. Mục đích chiều nay là báo cho nh biết Thuận đã được chọn chính thức rồi. Đã khám sức khỏe, chờ

ngày nhập trại để thụ huấn căn bản quân sự trước khi du học.

- Rồi Thuận sẽ học ở đâu? Trường nào bên Mỹ?

- Theo chương trình, khóa sinh trúng tuyển sẽ được gửi đi học ở trường O.C.S tức Officer Candidate School tại Newport, RI, trước và sau đó sẽ đi huấn luyện chuyên môn tiếp tại Oakland, CA.

Lệ nh nhìn anh bằng ánh mắt thông cảm lẫn xót thương. Chiến tranh đã cướp đi tương lai của tuổi trẻ, từng đợt, rồi từng đợt người già từ sách vở để ra đi. Trường hợp của Thuận cũng thế. Nàng mơ màng nghĩ đến ngày mai xa cách...

Người phục vụ vừa mang ra một bình trà cúc và hai cái ly nhỏ. Thuận với tay rót cho Lệ nh rồi cho mình. Anh cầm ly của nàng xoay tròn, thổi nhẹ cho bớt nóng và trao tận tay.

- Phần nh thì sao? Bao giờ ra trường để thành cô Cử? Văn Khoa có gì vui kể cho Thuận nghe với.

- Còn lâu. nh cũng chỉ học nửa chừng.

- Có phải ngưng học để khoác áo không đấy?

Biết Thuận muốn ám chỉ một cái gì, Lệ nh đáp ngay:

- Không khoác chỉnh y mà cũng chưa khoác áo vu quy đâu.

Nàng kể cho Thuận nghe những chuyện vui ở giảng đường, về Giáo sư Lâm Tấn Phác tức thi sĩ Đông Hồ. Khi giảng đến bài thơ nào cụ thích là cụ ngâm luôn. Cụ đúng là một thi sĩ lãng mạn hơn là một Giáo sư Đại Học. Đi dạy, cụ luôn mặc áo dài khăn đóng, lúc cao hứng là ngâm thơ trước hàng trăm sinh viên theo dõi. Miệng đồn rằng có một tiểu thư họ Điền nào đó hâm mộ cụ lắm. Về sau cụ ngắt xiêu trên bục giảng và mất đi trong niềm luyến tiếc của mọi người.

Thành phố vừa lên đèn cũng là lúc Thuận đưa Lệ nh về nhà. Gió buổi tối man mát. Thuận cho xe trở lại hàng me để chiều lòng Lệ nh. Hàng cây trong một tuần hai lần kỷ niệm. Chàng nghe lòng băng khuâng những cảm giác lạ như vừa cho nhau vừa mất mát. Rồi cũng đến cuối đường, con đường vắng lặng chứng kiến cảnh âu yếm của đôi tình nhân. Họ choàng lấy nhau, trao đổi nhau những nụ hôn thêm khát đề nên từ bao nhiêu năm. Nàng run rẩy trong vòng tay xiết chặt, ngộp thở dưới làn môi nóng bỏng, nhắm mắt tận hưởng giây phút mê mê... Họ rời nhau mà không nở như

muốn níu kéo khoảng khắc hiện hữu bên nhau.

Lệ nh khuất sau cánh cửa mà Thuận vẫn còn ngây ngất hương tóc người tình...

*
* * *

Trong suốt chương trình học tại Newport, RI, Thuận dần hết nghị lực trong việc huấn luyện đây vớt và. Sức lực và mồ hôi đổ ra hàng ngày làm cho anh không còn có thì giờ suy nghĩ viễn vông. Anh nhớ Lệ nh lắm nhưng không viết thư, ngoài lý do thì giờ eo hẹp, anh muốn dành cho nàng một ngạc nhiên lớn khi về nước gặp lại. Chỉ có một lần gần cuối chương trình học, anh dẫn lòng không được mới bày tỏ tâm sự bằng mấy câu thơ:

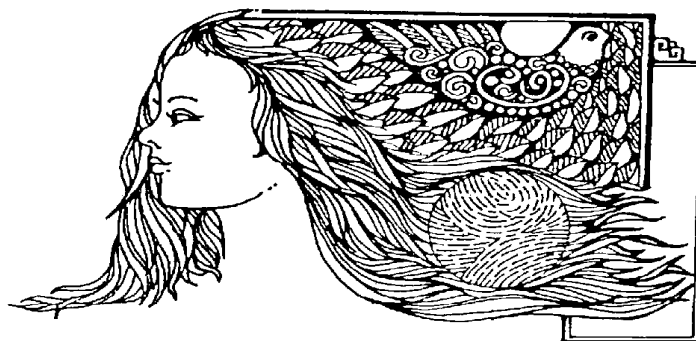
*Vời vợi nhớ thương ai
Mong một ngày gặp lại
Đem hoa cùng cỏ dại
Đan ngập lối chân ai*

Cuối năm 1970, sau khi hoàn tất khóa Amphibious Training tại căn cứ Hải Quân ở Oakland, CA, Thuận về nước lên tàu nhận nhiệm vụ. Lúc bấy giờ chiến cuộc khốc liệt hơn, cộng sản xua quân ào ạt vào Miền Nam bất kể dư luận quốc tế. Chúng hy sinh hàng hàng lớp lớp thanh niên Miền Bắc được nhồi sọ bằng hận thù, những kẻ bị lừa bịp và mù mịt về một Miền Nam hài hòa sung túc. Thuận làm tròn nhiệm vụ như bao thanh niên thời chiến. Trong lúc hành quân truy lùng địch, anh bàng hoàng hay tin Lệ nh lấy chồng. Bức thư dài có đoạn như sau:

"... Từ lúc anh đi em như người hụi hễ. Quanh em có nhiều người sẵn duối mà sao em chỉ nghĩ đến anh... Cuộc đời đưa đẩy và nhiều bất trắc làm cho mình không thực hiện được như ý muốn. Như anh đó, ngành Kiến Trúc đây hứa hẹn phải ngúng ngang để trở thành một quân nhân hải hồ. Thì em đây cũng gặp nhiều ngang trái... Nếu anh thông cảm cho Cô lái đò (Thỏ Nguyễn Bính) bỏ thuyền, bỏ lái, vì mòn mỏi trông ngóng khách tình quân mà không thấy trở lại, thì anh cũng nên hiểu cho em. Tàu anh ra khơi còn có ngày cặp bến chỗ thuyền em tách bờ không mong có ngày trở lại. Em xin giữ mãi những hình ảnh đẹp mà anh dành cho em. Hãy chôn chặt dùm em những kỷ niệm dấu yêu... Th. ời!" •

* TÙY ANH

GỌI HỒN XUÂN, GIỮA MÙA ĐÔNG XỨ NGƯỜI

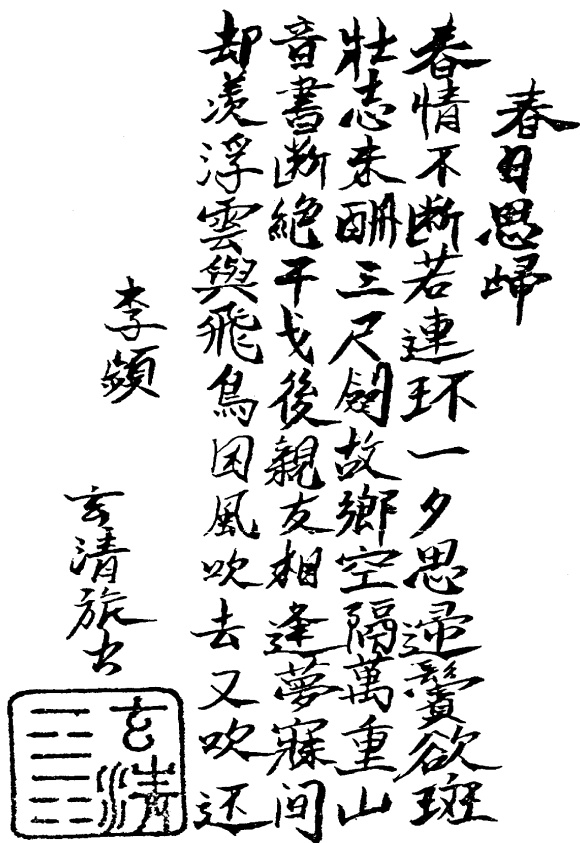


1. Em về theo lượng đất trời
Vời niềm hoài cổ, nhẹ đời chia xa
Cho anh gửi nỗi nhớ nhà
Biết đâu thêm chút mặn mà men Xuân!
Còn riêng dâu bể trầm luân
Anh mang theo gót phong trần tha phương
Nơi nào oan khuất còn vương
Thấp giùm anh một nén hương, tạ đời!
Nơi nào ân nghĩa chưa vơi
Vái giùm anh một lần thôi, tạ người!
Rồi em, rạn vỡ môi cười
Rồi Xuân, mai cũng vàng tươi sắc màu.

Một mai, rằng lại mai sau
Bao nhiêu chuyển hóa cơ cầu trả vay!

2. Này em, khi trở lại đây
Mang cho anh những tháng ngày bỏ quên
Tình quê theo ngọn triều lên
Chơi vơi cuối bãi, lênh đênh giữa dòng
Hồn quê vương vất đầu sông
Vớt cho anh chút mặn nồng yêu thương
Hứng cho anh giọt sương vương
Anh soi vào cội vô thường thế nhân
Để còn nhớ những ân cần
Để còn mong một đôi lần về thăm!
Hay là lỡ cuộc trăm năm
Lông vòng tay đợi, xa tầm mắt trông?





Quê hương xa cách núi sâu muôn trùng
 Thú tử sau chiến cũng không
 Người thân bè bạn tưởng phùng trong mộng
 Chim bay mây nổi chổi từ
 Gió đi gió lại cũng như nổi sào

Chú thích:

Xuân tình: -cảnh tình của ngày xuân, ý hứng của ngày xuân, tình xuân.

Văn Uyển Anh Hoa, Đường Thái Tông, Nguyệt hối, thi:

Phi khâm hoan thiếu vọng,

Cực mục sáng xuân tình.

Vạch áo thích trông ngóng,

Tình xuân hết mắt vui.

-tình yêu nam nữ.

Ngọc Đài Tân Vịnh, Nam Tề, Vương Dung, Vịnh ti bà,

thi:

Ti trung truyền ý tự,

Hoa lý kiến xuân tình.

Trong nhạc mang tư tưởng,

Trong hoa thấy tình yêu.

Liên hoàn :-liên tiếp nhau, việc nối tiếp nhau.

Chiến Quốc Sách, Tề sách, 6:

Tần Chiêu vương thường khiển sứ giả di Quân Vương Hậu dĩ ngọc liên hoàn, viết: Tề đa trí, nhi giải thủ hoàn bất? Quân Vương Hậu dẫn chùy phá chí, tạ Tần sứ viết: Cẩn dĩ giải hĩ.

Tần Chiêu vương thường thúc tiêu khiển cùng sứ giả để lại Quân Vương Hậu lấy vòng ngọc liên nhau, nói: Người nước Tề hiểu biết nhiều, mà thủ giải vòng này được không? Quân Vương Hậu lấy cây dùi nhọn phá vòng liền nhau, rồi cảm ơn sứ Tần, nói: Bẩm đã giải xong rồi.

Liên hoàn mã: Ngựa nối liền nhau.

Liên hoàn kế: Mưu kế liên tiếp nhau.

Tráng chí: -chí nguyện to lớn, chí lớn, tráng tâm.

Văn Tuyển, Tam Quốc, Ngụy, Tào Tử Kiến, Dữ Ngô Quý

Trọng thư:

Tả cố hữu miện, vị nhược vô nhân, khả phi ngô tử tráng chí tai.

Ngòanh trái liếc phải, nói rằng dường như không người, há chẳng phải chí nguyện to lớn của Ngô chẳng!

Mạnh Hạo Nhiên, Tống mạc thị... , thi:

Tráng chí thôn hồng hộc,

Dao tâm bạn tích linh.

Chí lớn gồm hồng hộc,

Động lòng bạn tích linh.

Vài thành ngữ liên quan.

Tráng chí lừng vờn: chí lớn lên mây, ý nói chí lớn bao la cao vút lên trời mây. Hình dung chí hướng rộng lớn bao la.

Hán Thư, Dương Hùng truyện, hạ:

Vãng thời Vũ Đế háo thần tiên, Tướng Như thượng Đại Nhân Phú, dục dĩ phong, đế phân phiêu phiêu hữu lãng vân chi chí.

Thời trước Hán Vũ đế thích thần tiên, Tư Mã Tương Như dâng lên bài phú Đại Nhân, muốn lấy gió, nhà vua trở lại với dáng hờn hờ có chí lên mây.

Tráng chí vị thù: Chí lớn bao la chưa thực hiện được.

Tống, Ngô Tiềm, Nam hương tử, từ:

Tráng chí thế nan thù,

Đan quế hồng cử hữu vân thu.

Chí lớn trong đời khó thực hiện,

Quế đỏ sen hồng lại vào cuối thu.

Thù: -mời rượu, chủ mời khách.

-báo ơn, lấy thơ văn tặng nhau.

Xuân nhật tư qui

Xuân tình bất đoạn liên hoàn

Nhất tịch tứ qui mấn dục ban

Tráng chí vị thù tam xích kiếm

Cố hương không cách vạn trùng san

Âm thú đoạn tuyệt can qua hậu

Thân hữu tưởng phùng mộng mị gian

Khước tiện phù vân dĩ phi diều

Nhân phong xuy khủ hựu xuy hoàn

(Lý Tân)

Dịch xuôi:

Ngày Xuân nhớ về

Tình cảnh ngày xuân chẳng hết dường như nối tiếp nhau,

Một đêm nghĩ về mà tóc đã muốn loang lổ rồi.

Chí lớn chưa toại nguyện thanh gươm ba thước,

Quê hương cũ xa cách một khoảng không gian muôn ngàn núi non.

Thú tử cắt đứt kể cả sau chiến tranh,

Thân thích bạn bè gặp nhau trong mộng.

Từ chổi như mây trôi và chim bay,

Nhân vì gió thổi đi thổi lại mà nổi buồn dâng mãi.

Dịch thơ:

Tình xuân chẳng dứt tiếp nhau

Một đêm về nghĩ trắng phau mái đầu

Thanh gươm chí lớn chưa đâu

Lý Bạch, Thù tam bổ khuyết huệ dục..., thi :

*Thù tặng phi quýnh giỗi,
Vinh ngôn vinh bội thân.
Thơ tặng ngắn không rõ,
Lời thề đeo mãi vào.*

-thực hiện nguyện vọng.

Câu thứ 3 bài trên, tác giả dùng ý này.

Cổ hương: quê nhà, quê cũ.

Tuân Tử, Lê luận:

Qua cổ hương, tắc tất bồi hồi yên, minh hào yên.

Đi qua quê nhà, ắt thì hồi hộp, kêu gào vậy.

Lý Bạch, Tĩnh dạ tư:

Cử đầu vọng minh nguyệt,

Đề đầu tư cổ hương.

Ngẩng đầu trông trăng sáng,

Cúi đầu nhớ quê nhà.

Âm thư: -thư tín, thư từ.

Tống Chi Vấn, Hán giang,:

Linh ngoại âm thư đoạn,

Kinh đông phục lịch xuân.

Ngoài ngọn thư từ dứt,

Qua đông lại trải xuân.

Liễu Tông Nguyên, Đăng Liễu châu thành lâu ký chương
định phong liên tứ châu, thi:

Cộng lai bách Việt văn thân địa,

Do tự âm thư đại nhất hướng.

Gồm vào trăm Việt nơi mình vẽ,

Do ở thư từ pha một quê.

Can qua: -(can là cái mộc, qua là cái kích, cái mác) Cái
mộc, cái kích là dụng cụ dùng trong chiến tranh thời xưa -
binh khí.

Kinh Thư, Thuyết mệnh, trung:

Duy y thường tại tử, duy can qua tỉnh quyết cung.

Chỉ quần áo ở trong sọt, chỉ binh khí ở trên thân mình.

-chiến tranh.

Sử Ký, Chủ Phụ Yển truyện:

*Nãi sử Lưu Kính vãng kết hòa thân chi ước, nhiên hậu
thiên hạ vong can qua chi sự.*

Bèn sai Lưu Kính tới kết ước hòa thân, sau đó thiên hạ
quên việc chiến tranh.

-múa võ.

Kinh Lễ, Văn Vương thế tử:

*Xuân hạ học can qua, thu đông học vũ thuộc, giai ư
đông tự.*

Mùa xuân, mùa hè học múa võ, mùa thu mùa đông học
văn chương ca múa, đều ở nhà phía đông.

Thanh, Tôn Hi Đán, Tập giải:

Can qua, vũ vũ. Vũ thuộc, văn vũ dã.

Can qua: múa võ. Vũ thuộc: văn chương ca múa vậy.

Mộng mị : -ngủ mơ, ngủ mộng, tỷ dụ thời khắc ở ý niệm.

Văn Tuyển, Nam triều, Lương, Tạ Linh Vận, Thù tông đệ
Huệ Liên, thi:

Mộng mị trở qui châu,

Thích ngã lận dĩ lao.

Thuyền về ngủ mơ chửa,

Tiết mệt khiến thân ta.

Khuốc: -rút lui.

Chiến Quốc Sách, Tần, 1:

Khí giáp binh, nộ chiến lật nhi khuốc.

Bỏ giáp binh, đánh nhau tức giận sợ run mà rút.

-xong, bỏ hết.

Đỗ Phủ, Khúc giang, thi:

Nhất phiến hoa phi giãm khuốc xuân.

Một cánh hoa bay giãm hết xuân.

-chối, không nhận.

-phó tử :-tương phản, trái ngược.

Lý Bạch, Bà tử vấn nguyệt, thi:

Nhân phan minh nguyệt bất khả đắc,

Nguyệt hành khuốc dĩ nhân tướng tùy.

Trăng sáng người vin không thể được,

Trăng đi ngược lại người đi theo.

-hoàn thành.

Đỗ Phủ, Nhất bách ngũ nhật dạ đối nguyệt, thi:

Chuốc khuốc nguyệt trung quế,

Thanh giang ứng cánh đá.

Cây quế nơi trăng bỏ,

Ánh trong có rất nhiều.

Phù vân: -mây nổi trong không gian.

Hoài Nam Tử, Nhân gian:

*Cập chí kỳ cân cốt chi dĩ tựu, nhi vũ cách chi kí thành
dã, tắc đoạt dục huy huệ, lãng hồ phù vân.*

Đến lúc gân xương thành tựu, mà lông cánh đã mọc vậy,
thì giương cánh bay lên như mây nổi.

Từ đấy, người ta lấy chữ Phù vân để thí dụ sự vật,
tùy theo câu văn mà hiểu như sau:

-sự tình không quan tâm và chú trọng tới.

Luận Ngữ, Thuật nhi:

Bất nghĩa nhi phú thả quý, ư ngã như phù vân.

Làm điều bất nghĩa mà được giàu sang, đối với ta như
mây nổi (nghĩa là ta không để ý tới).

-tỷ dụ về nét chữ phiêu dật.

Tấn Thư, Vương Hi Chi truyện:

*Luận giả xứng kỳ bút thế, dĩ vi phiêu nhược phù vân,
kiều nhược kinh hồng.*

Wang Hi Chi bàn luận xứng với phép viết của ông, lấy
làm là lướt như mây trôi, mạnh mẽ như chim hồng sợ (ý nói
nét chữ đẹp nhẹ nhàng).

-biến ảo vô định.

Đỗ Phủ, Khúc Trương Tôn thị ngự:

Lưu thủy sinh nhai tận

Phù vân thế sự không.

Nước chảy tới bờ hết

Mây trôi việc đời không.

Lý Bạch, Đăng Kim Lăng Phụng Hoàng Đài:

Tổng thị phù vân năng tế nhật

Trường An bất kiến sử nhân sầu.

Chỉ vì mây nổi mặt trời khuất

Không thấy Trường An khiến người buồn.

Phù vân triều lộ: Mây nổi hạt móc sớm. Thời gian chuyển
dịch, nhân sự vô thường.

Chu Thư, Tiêu Đại Hoàn truyện:

*Ta phù! nhân sinh nhược phù vân triều lộ, ninh sĩ trường
thằng hệ cảnh, thật bất nguyện chi. Chấp chúc dạ du, kinh
kỳ tấn mại.*

Than ôi! đời người như mây nổi hạt móc buổi sớm, chịu
chờ đợi sợi dây dài trời buộc và hoàn cảnh, thật không phải
là chí nguyện về việc đó. Cầm đuốc chơi đêm, giạt mình vui
thích tiến lên.

Tiểu sử tác giả : Lý Tàn, đời Đường, tự Đức Tân, quê
Thọ Xương, Lục Châu, còn nhỏ đã tài giỏi, niên hiệu Đại
Trung thứ 8 (854) đỗ Tiến sĩ, làm quan, chết khi đang tại
chức, nên ông già bà cả làm miếu thờ quanh năm ở Lê Sơn.
Có Kiến Châu Thủ Sử Tập, nay còn lại 3 quyển.

(trích: XUÂN THU Thi Tuyển)

● HUYỀN THANH LỬ

HOA LỬA

để tưởng niệm anh

Hồ Tấn Anh



T háng chín năm nay (2001) có hai đám lửa đã làm cho lòng tôi rung động. Đám lửa nhỏ phát sinh từ thân xác của Huynh Trưởng Gia Đình Phật Tử Hồ Tấn Anh tại Đà Nẵng ngày mồng hai tháng chín để đòi hỏi nhân quyền và tự do tôn giáo cho đồng bào, quê hương mình và đám lửa mênh mông gây nên bởi hai chiếc máy bay đâm đầu vào Trung Tâm Thương Mại Thế Giới (WTC) ở Manhattan, New York.

Hai vụ này có nhiều điểm quan trọng, xem qua thì giống nhau nhưng nhìn kỹ thì khác nhau rất nhiều.

Anh Hồ Tấn Anh và những người đã phóng máy bay vào Trung Tâm Thương Mại Thế Giới (WTC) đều chấp nhận hy sinh cuộc sống của mình cho lý tưởng, nhưng anh Phật Tử Hồ Tấn Anh cũng như chị Nhất Chi Mai, năm 1967, đã tự mình chọn lấy cái chết; trong khi đó thì Mohammed Atta, Abdulaziz al Omari và đồng bọn là những người đã được các vị lãnh tụ tôn giáo dạy dỗ, huấn luyện để biến đổi họ thành những người cuồng tín

không ngại hy sinh thân xác của mình để giết những người không cùng tôn giáo mà họ xem là kẻ thù.

Hai sự khác biệt căn bản trên đã đem lại những kết quả hoàn toàn bất đồng: Anh Hồ Tấn Anh chỉ đem lại cái chết cho chính mình trong khi những người bị tôn giáo làm cho mù quáng đã cố tình kéo thêm chết chóc của những người họ xem là kẻ thù dù đó là quân nhân, dân bà, trẻ con hay bất cứ một thành phần nào khác của xã hội.

Như vậy cũng có nghĩa là Mohammed Atta và đồng bọn là những người vì u mê, cuồng tín nên trở thành những người dã man không còn nhân tính. Trong khi đó thì chị Nhất Chi Mai, anh Hồ Tấn Anh và những chiến sĩ bất bạo động khác tự thiêu để đòi hòa bình và tự do tôn giáo là những người sáng suốt biết rõ mình muốn làm gì.

Để dẫn chúng tôi xin trích vài đoạn trong bài ***Chết Mỗi Được Ra Lời*** của Giáo sư Lý Chánh Trung, một người Công Giáo, đã viết khi hay tin tự thiêu của chị Nhất Chi Mai:

"... nghe tin có một nữ sinh đã tự thiêu cho Hòa Bình, phản ứng đầu tiên của tôi là xúc động nhưng nghi ngờ: Chẳng biết người chết có bình thường hay không?... Tất cả nghi ngờ đã tiêu tan ngay khi đọc lời *"tự thuật sau cùng"* trong đó người chết tính trước những gì sẽ làm ngày tự thiêu một cách giản dị, hồn nhiên như người ta tính chuyện đi chợ:

- Tôi viết tất cả 10 bức thư để lại;
- Ngày mai tôi sẽ lo lắng một mình tôi buổi lễ tự thiêu;
- Tôi sẽ mua 10 lít xăng;
- Phía trước mặt tôi, tôi đặt hai bức tượng: Đức Mẹ Maria với hai bàn tay đưa ra; Đức Quán Thế Âm với đôi mắt dịu hiền;
-

Cầu xin cho tôi đủ can đảm bình tĩnh mà ngồi yên trong lửa đỏ.

Tôi sẽ quý xuống niệm Phật và thầm gọi Việt Nam.

Không, người chết không có bất thường chút nào... Chị Mai đã lặng lẽ làm một việc mà chị thấy phải làm để nói lên được những điều mà chị cảm thấy phải nói, chỉ có thế thôi".

Tôi mừng tin là Huynh Trưởng Hồ Tấn Anh cũng như chị Nhất Chi Mai vì yêu Đạo Phật, vì thương đồng bào, vì thấy tham vọng và hận thù hoành hành khắp quê hương nên không thể ngồi yên mà tụng niệm và nghe thuyết pháp.

So sánh với ngọn lửa lên tận trời cao vì mấy chục tấn dầu hỏa và cả ngàn thước khối những nhiên liệu dễ cháy của hai lầu cao cả mấy trăm thước của Trung Tâm Thương Mại Thế Giới ở Manhattan thì ngọn lửa của vài chục lít xăng và thân xác gầy mòn của người Phật Tử ở Đà Nẵng quả thật vô cùng bé nhỏ.

Nhưng trên địa hạt nhân bản, đạo đức thì "ngọn lửa tình người" Hồ Tấn Anh, Nhất Chi Mai vượt hẳn "ngọn lửa hận thù" của Mohammed Atta và đồng bọn.

Năm 1987, hai mươi năm sau khi chị Nhất Chi Mai tự thiêu; Xuân về tôi có viết:

*"Hai mươi năm qua rồi
Mỗi Tết về mai vàng vẫn nở
Mỗi ngày qua buồn khổ vẫn nhiều
Trên đất nước thân yêu
Nói quê nhà triu mến"*

Tôi đã hỏi chị Mai và giờ đây tôi xin hỏi anh Hồ Tấn Anh nữa:

*"Chị Mai ơi!
Anh Hồ Tấn Anh ơi!
Tôi phải làm sao để
Hoa lửa ấm không trở thành tro lạnh"
và
"Nhìn sao sáng long lanh
Ngôi sao nào là vong linh của anh,
của chị
Xin chiếu xuống lòng tôi
Xin đem lại cho tôi
Một nguồn tin mới"*

Tiếng vọng thời gian

Vân Nương Lê Ngọc Chấn



Thế rồi những mùa đông tuyết phủ cũng qua đi, trả lại những tia nắng ấm cho mùa Xuân chào đón ngàn hoa nở rộ khắp công viên như hòa vui cùng khách qua lại rộn ràng tấp nập trên đường phố giữa nơi đô thị đầy bon chen, đua nhau tiến bước. Dòng đời vẫn chảy trôi. Sóng người lớp lớp không ngừng hòa cùng tia nắng Xuân như những sợi tơ vàng rắc xuống trần gian một niềm vui nhẹ nhàng thanh thoát. Thật sung sướng cho những ai vô tư.

Tôi từ nơi xa tới hội nhập xứ này vào giữa mùa đông tháng giá. Những cánh tuyết rơi rắc như những nụ hoa Mai trắng nõn, trông dịu dàng duyên dáng vậy mà làm con người giá buốt vào tận tâm can. Một cái lạnh ngộp thở cho ai mới tới từ vùng nhiệt đới, kinh hoàng tưởng như không chịu nổi

cái lạnh, đã làm tôi nuối tiếc ánh nắng hè bao trùm những hàng Phượng Vĩ hoa đỏ trĩu cành, hay như hồi xưa còn ở ngoài Bắc, nhớ hàng Cây Bàng xòe ra như cái tán, lá Bàng to bản, khi già ngả màu vàng lấm tấm đỏ tươi đỏ sậm rụng xuống ngập đường. Người ta bảo lá Bàng đỏ quạch như thế là vì đã thu hút hết những sợi nắng dấy lên tóc lửa của mặt trời. Hồi đó tôi đâu có để ý, bây giờ nhớ lại mới thấy mình sao ngu quá. Sao hồi đó không biết thưởng thức cảnh lá Bàng rụng đẹp về cuối thu miền Bắc. Bây giờ sang xứ người chỉ còn cảnh tuyết trắng phủ khắp núi đồi buồn hiu buồn hắt, những thôn xóm xa xa chìm ngấm trong sương mù đầy đặc lạnh lùng băng giá đến rợn người.

Mùa Đông với cây cỏ núi đồi vẫn lạnh lùng ngun ngút hoang vu cả một vùng thôn xóm như chẳng biết mùa Xuân đã về tới! Chẳng lẽ cái hoang vu có hình có tướng xâm nhập vào tận tâm thức con người ta hay sao? Ngoại vật đã không chuyển hóa hồi còn biết làm gì ngoài đọc và viết? Hết sáng lại chiều, hết chiều lại tối... cứ thế mà hành hạ thân xác hao mòn theo năm tháng ...

* *
*

Sau một cử nắng ngoài trời đang chuyển gió, mây vần vũ báo hiệu một cơn mưa sắp ập tới, tôi vội vàng quay vào phòng vớ vội một cuốn sách đọc không cần lựa chọn. Tôi đi tìm người tìm cảnh ở một nơi nào đó trong truyện, nghe người ta đối thoại cứ vị thủ như mình cũng hòa nhập với cảnh với người ở nơi chốn ấy. Ủ mình đâu có đơn côi nhỉ? Xin cảm ơn người viết sách, xin cảm ơn anh Facteur đã lặn lội nắng mưa đưa tới tận tay tôi những cuốn sách quý! Cảm ơn Thúy Quỳnh, cô sinh viên mỗi lần ở Bordeaux về lại mang cho tôi những tác phẩm mới ra lò! Những thế giới xa xôi vẫn đây áp trong phòng tôi đó. Tôi sống chấp chờn giữa thực và hư; muốn quên cái thực mong đắm mình vào cõi hư, tìm một cảnh sống mơ hồ để góp vui chia buồn với những ai trong truyện. Giữa căn phòng vắng lặng vẫn có những

hoạt cảnh thật linh động chứ phải không sao ?

Phải chăng vì cuộc sống nơi xứ lạ thiếu cội nguồn nên con người cứ lấp la lấp lửng, lúc nào cũng cảm thấy như thiếu thốn một cái gì? như một giống cây bị bứng đi khỏi mảnh đất hợp thổ ngơi cho dù đã được chăm sóc tận tình. Cây dù có đơm hoa kết trái cũng giảm bớt hương thơm vị ngọt! như ta hái một trái cây xanh nó cũng có thể tự động chín muồi nhưng vẫn giảm phần ngon ngọt như trái chín cây.

*
* *

Có những đêm ngoài vòm trời sương khói bao trùm vây bủa, một vài căn nhà dưới xóm tỏa ra ánh đèn yếu ớt chập chờn trong đêm tối như những đốm ma trời, có tiếng gió thổi dài như cảm thông với nỗi buồn của ai đó! Cũng có những tiếng nói cười rộn rã gia đình tụ họp sau một ngày làm việc. Cũng có những giấc ngủ ngon của tuổi trẻ hồn nhiên hay trần trọc trong đêm khuya của những người già khó ngủ.

Ồi, tôi cứ nhìn ra ngoài vòm trời vắng lặng tối đen mà tưởng tượng bao nhiêu hình ảnh, sinh hoạt của chòm xóm chung quanh như một cách tiêu khiển. Cứ thế cho đến khi chìm vào giấc ngủ với những giấc mơ khi tỉnh dậy còn nuối tiếc một bóng hình thân thương mình vừa bắt gặp, hoặc một khung cảnh rất mơ hồ không thể kiếm dạng được. Nó chỉ thoát ra trong giấc ngủ, rồi khi tỉnh dậy lại chui tiệt mất vào tiềm thức, dẫu rằng thực tế đã vượt xa ngàn trùng biên giới mà hình ảnh vẫn còn lưu trữ trong trí não con người để rồi một giây phút nào đó lại khơi dậy đến ngõ ngàng như một sự ràng buộc! phải chăng vì thế mà tâm trí con người không được nhẹ nhàng thoải mái? Tôi chợt nhớ lại mấy câu thơ của Nguyễn Trãi:

... Chắc chi thiên hạ đời này
Mà đem non nước làm rày chiêm bao

Đã buồn vì trận mưa rào
Lại đau vì nỗi ào ào gió thu ...

Thì ra con người ở vào thời đại nào cũng vẫn có tâm tư bất ổn giữa cảnh

nước tình nhà. Ôi! tôi đã làm rầy chiêm bao cho dẫu thời gian đã mọc rêu trên những khung cảnh đậm ấm một thời nơi quê hương yêu dấu. Cõi thế thật éo le! Chưa vui xum họp đã nảy mầm chia ly! Hỡi bầu trời cao rộng có nghe thấu âm thanh từ cõi thế này không? Những tiếng thở dài gom lại có lẽ còn hơn tiếng sấm động làm lung lay trái đất! hay như lời Phật dạy: "Nước mát chúng sinh còn nhiều hơn biển cả". Tuy quá khứ chẳng bao giờ tìm lại được nhưng ít ra trong giấc ngủ tôi vẫn có thể bắt gặp những hình ảnh thân thương vẫn cất trong ký ức, trong não bộ.

Tôi muốn phủ lớp bụi thời gian tìm lại những ngày vui một thuở. Tôi muốn quay về quá khứ, nổi lại dĩ vãng với lòng nhẩn nại trước sự tồn vong tương đồng hay dị biệt! Biểu tượng của nếp sống giữa niềm tin hay thất vọng, hưởng thụ hay chịu đựng... quay cuồng như những cánh lá mùa thu âm thầm rơi rụng hết mùa này sang mùa khác. Tôi cần nhiều nghị lực thay vì hốt hoảng, lúng túng trước một quãng đường dốc hoặc giữa bậc thang để tiến về phía trước. Và tôi cần phải quên đi những nỗi đau thương để ổn định lại nếp sống bình thường. Tôi luôn cố gắng nhưng cảm thấy thật khó khăn! Khí lực mà Thượng Đế đã an bài, người trần thế làm sao cưỡng nổi? Trái đất, vàng trăng và bầu trời như đã gắn liền nhau bởi khối sương bao vây dày đặc. Những hàng cây nghiêng bóng bên đường nhịp theo ngọn gió đẩy đưa, rì rào ản ngữ đầy mộng du thần thoại! Tôi ngồi gom những mảnh thời gian đem chắp nối lung tung lộn xộn không còn lớp lang thú tự rõ ràng minh triết... lắm lúc đâm ra giận dữ với cả chính mình!

*

* *

Tôi sẽ trở về thành phố Sài Gòn sớm nắng chiều mưa của tôi. Cái thành phố vừa ban mai nắng gay nắng gắt, nắng và mờ hôi! vậy mà buổi chiều đã có những cơn mưa mù trời mù đất, ngập đường ngập phố! Trẻ con túa ra đường chạy nhảy ồn ào, đua nhau tắm mát.

Sài Gòn với tiếng rao lanh lảnh của những người gánh quà rong trong các ngõ hẻm.

Sài Gòn với những con đường tràn ngập xe cộ, người đi kẻ lại tấp nập từ sáng đến chiều...

Sài Gòn buổi tối với tiếng gõ "Sực tắc! Sực tắc!" của những xe mì hoành thánh của mấy chú Ba Tàu...

Sài Gòn, Sài Gòn còn biết bao chi tiết đây áp hình ảnh, đây áp kỷ niệm một nếp sống quây quần đùm bọc của Quê Hương vẫn tiềm tàng trong trí não chẳng hề phai.

Trái đất cứ xoay quanh hai vầng nhật nguyệt kéo theo bốn mùa luân chuyển thay đổi thời tiết cho đỡ nhàm chán, cho con người có sức chịu đựng, xóa bớt phiền muộn để sống, để nuôi hy vọng một ngày mai tốt đẹp.

Lòng nhớ Quê Hương cứ ám ảnh tôi hoài với những câu hỏi tại sao? tại sao? hết ngày này sang ngày khác, hết tháng nọ đến tháng kia, bất chợt mùa Xuân về lúc nào không biết! Tôi nhìn ra khu vườn dưới tia nắng ấm đầu mùa những đợt tuyết đã tan, đã thấy vươn lên những mầm cỏ non xanh như màu lá mạ quê tôi! Cây cối đã loáng thoáng trở lộc non trên cành, những nụ hoa đang bắt đầu khoe sắc khoe hương như quyến rũ mấy con ong con bướm lượn lảng xằng dây đó. Đàn chim se sẻ bay chuyền thấp thoáng ngoài lùm cây mang lại vẻ sinh hoạt linh động dưới vòm trời điểm mây trắng mây hồng. Cảnh vật như bừng tỉnh sau mấy tháng Đông chìm lặng ngủ vùi. Con người cũng cảm thấy tâm hồn lắng dịu, giao hòa cùng hương trời khí đất.

Tôi bắt đầu nhận được những cánh thiệp Xuân, những số Báo đặc biệt về mùa Xuân từ phương xa bay tới. Tôi hân hoan đón nhận với sự biết ơn anh đưa thư biết chừng nào! anh đâu có ngờ hàng ngày tôi vẫn mong anh như trẻ con mong Mẹ đi chợ về để được Mẹ dúm cho chiếc bánh. Anh mang tới cho tôi những nét chữ thân thương của bà con, bạn hữu ở bốn phương trời mịt mù tí tấp kia, anh mang lại cho tôi biết bao niềm vui mà anh đâu ngờ tới! Có lần tôi đã ví anh như một Thiên Thần hàng ngày mang thông điệp tới nhà nhà suốt một vùng thôn xóm nơi tôi cư ngụ với vẻ mặt tươi cười rạng

rỡ. Tôi cũng tươi cười rạng rỡ khi đón nhận những cánh thiệp Xuân với cảnh Đào, cảnh Mai đầy hoa nở, với những tràng pháo dài thậm thụt, góp vui cùng lũ trẻ đang bịt tai nhắm mắt trong lúc thằng anh đang châm lửa đốt. Những thiệp Xuân bay tới từ Quê Mẹ in trên lụa bạch cảnh đình chùa, làng mạc bên lũy tre xanh, có chú mực đồng cười trên lưng trâu thổi sáo... Ôi quê hương tôi đó! Quê hương tôi hiền dịu biết bao, những nét chữ thân thương làm tôi thêm xúc động nhớ về những mùa Xuân xa xưa xum họp thuở nào! Nhớ cảnh Chợ Tết nhộn nhịp với những đống dưa hấu chất cao nghều nghệu, bưởi bồng, cam quýt bày biện chạy dọc một hàng dài trông thật quyến rũ. Thôi thì thỏa chí người mua tha hồ lựa chọn.

Chao ôi! Còn Chợ Hoa Nguyễn Huệ đủ màu đủ sắc, đẹp như cảnh Non Bồng Nước Nhục dưới hạ giới, thu hút người dân Sài Gòn dù không mua cũng phải tới chiêm ngưỡng cảnh Hội Hoa Xuân mỗi năm chỉ có một lần. Khu Vườn Hoa Nguyễn Huệ từ cột đồng hồ chạy suốt tới bờ sông mỗi dịp Tết phải gọi là rừng hoa cho người ta đổ tới lựa chọn một cành Mai vừa ý, một đôi Quất xum xuê hoa trái, một đôi Thuộc Dược màu đỏ thắm hay màu hồng phấn duyên dáng, một đôi Cúc màu hoàng kim hay màu Thổ Hoàng... Tôi thả hồn bay bổng về khu Lăng Ông bên Bà Chiểu khói hương nghi ngút, nơi hồi xưa gia đình chúng tôi thường tới lễ đầu năm, hái lộc cầu may... Vậy mà, vậy mà! tôi giật mình bàng hoàng tỉnh cơn mộng mị giữa vùng thôn trang khuya khoát càng tăng thêm vẻ hoang vu tịch mịch.

Năm nay cuốn lịch mới Chùa Khánh Anh in ngôi chùa sắp hoàn thành. Hòa Thượng Viện Chủ đang cho xây cất thêm một cảnh Già Lam trang nghiêm ngay bên cạnh Thành Phố ánh sáng nổi danh của nước Pháp.

Tôi hy vọng và cầu nguyện năm mới sắp tới sẽ mang lại cho nước Việt Nam của tôi một tương lai sáng sủa hơn, một thể chế Tự Do và nhất là người dân Việt Nam sẽ có một cuộc sống no ấm, thanh bình và hạnh phúc.

(Vào Xuân Thế Kỷ 2002)

Tìm về bến giác

(Phóng sự khóa tu học thứ 13
tại Göteborg - Thụy Điển)

Trần Thị Nhật Hưng



Khi nói đến hai chữ "Thụy Điển", tôi liền tưởng ngay đến Thủ Tướng Ingvar Carlsson, vị cứu tinh không những đối với hai vị Thượng Tọa Thích Tuệ Sỹ và Thích Trí Siêu nói riêng mà còn đối với Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất nói chung không bị mất đi hai nhân tài lỗi lạc.

Thượng Tọa Thích Trí Siêu, sinh năm 1943, tốt nghiệp 3 bằng Tiến Sĩ Triết Học, Sử Học và Bác sĩ Y khoa tại Đại Học Madison ở Wisconsin, Hoa Kỳ; Giáo sư Đại Học Vạn Hạnh, tác giả của hàng chục cuốn sách về lịch sử Việt Nam, lịch sử Phật Giáo vào những thời kỳ chưa có nhà nghiên cứu nào khai phá. Đó là lịch sử khởi nguyên dân tộc ta với những tư liệu viết từ thế kỷ II, III, V, đặc thù về Triết học và Tư tưởng Việt Nam.

Thượng Tọa Thích Tuệ Sỹ cũng sinh năm 1943, Triết gia, Học giả, Giáo sư Đại Học, một Luận sư Trung quán. Nói theo nhận định của Thi hào Bùi Giáng: "Sở tri của ông về Phật Học

thật quảng bác vô cùng". Thêm nữa, "ông mang một nguồn thơ Việt phi phạm, trùm lấp hết chân trời mới cũ từ Đường Thi Trung Hoa tới Siêu Thực Tây Phương". Tác giả của nhiều bộ sách ấn hành trước năm 75 tại Sài Gòn gây chấn kích trong lòng người đọc như "Trung Quán Luận", "Tô Đông Pha, một Phương Trời Viễn Mộng".

Vào năm 1984, cả hai vị Thượng Tọa cùng bị bắt chung với 19 Tăng, Ni, Cư Sĩ. Bị xử tử hình trong phiên tòa năm 1988 mà nhân dân Sài Gòn gọi là vụ án "Thập Nhị Tăng Ni Già Lam Tự". Nhờ cuộc vận động quốc tế của Ủy Ban Bảo Vệ Quyền Làm Người Việt Nam, từ Liên Hiệp Quốc đến các chính giới Âu, Mỹ, Úc, Á, án giảm xuống 20 năm khổ sai. Công đầu trong vụ cứu tử này chính là do Thủ Tướng Thụy Điển Ingvar Carlsson. Thủ Tướng đã ra lệnh cho Ngoại Trưởng Sten Andersson đi ngay sang Hà Nội can thiệp...

Năm nay khóa tu học Âu Châu thứ 13 tổ chức tại Thụy Điển không khỏi nhắc nhở tôi và những người Phật Tử Việt Nam niềm tri ân sâu xa đến vị Thủ Tướng, ân nhân của chúng tôi.

Cũng như bao khóa tu học trước, tôi hăm hở đến Thụy Điển với một niềm hân hoan rộn ràng khó tả. Thụy Điển hoàn toàn mới lạ đối với tôi. Ngoài niềm phấn kích muốn tìm tòi học hỏi hiểu biết về nước này, tôi còn mang một tâm trạng mới lạ khác nữa đó là sự hiện diện lần đầu tiên của Bảo tại khóa tu học, đứa con trai nuôi duy nhất của tôi năm nay vừa 30 tuổi.

Sở dĩ tôi muốn nhắc đến Bảo trong bài này không chỉ vì muốn nói về sự liên quan đặc biệt giữa tôi và Bảo, mà qua đó, còn nêu bật giá trị của khóa tu học đã may mắn giúp tôi hiểu đạo hơn và đưa Bảo tìm được bến giác.

Giữa tôi và Bảo dường như có sự liên hệ tiền kiếp run rui kiếp này cả hai cứ ràng buộc nhau qua những nhân duyên đưa đẩy mà cả tôi và Bảo không nghĩ trước được.

Hồi đó, lập gia đình đã 5 năm, tôi vẫn chưa có con. Đang chữa trị, dùng một cái vô thường 75 đến, Hữu, chồng tôi, khăn gói vào tù, tôi vừa 23 tuổi.

Ngày Bắc Nam thống nhất trong bê bàng cũng là ngày tôi biết nhiều và liên lạc được với toàn bộ họ hàng nhà chồng ngoài Bắc. Những tình cảm đau thương, gian khổ mà nếu năm 1975 người dân miền Nam thuộc thành phần tư sản, "ngụy quân, ngụy quyền" bị đẩy lên vùng kinh tế mới, thì năm 1954 miền Bắc, các vùng rừng thiêng nước

độc cày lên sỏi đá như Yên Bái, Cao Bằng, Lạng Sơn, Lào Cai v.v... Cộng Sản đã đầy những thành phần trí, phú, địa hào bị ghép tội "phản động", trong đó có thân nhân gia đình Hữu chìm xuống tận cùng đất đen, không một cơ hội nào ngoi lên được.

Chính nơi đây, Bảo được sinh ra, cất tiếng khóc chào đời chịu mọi nỗi gian khổ vất vả trong cuộc sống.

Bảo thứ giữa trong bảy anh chị em (3 trai, 4 gái) và là con người em trai của Hữu.

Hồi nhỏ, công việc thường nhật của Bảo: chăn trâu, học hành lom bõm vài ba chữ mà còn dốt và tinh nghịch phá phách nhất nhà. Vì thế Bảo bị ăn đòn như cơm bữa.

Liên lạc được với miền Nam, hay tin chúng tôi không có con, nhà đơn chiếc (Hữu đi tù, nhà chỉ còn tôi và cụ Tắt, bố chồng tôi. Cụ Tắt lúc đó 70 tuổi, không anh em họ hàng thân thích), người em trai của chồng tôi nắm lấy cơ hội "tống" Bảo cho làm con nuôi tôi. Phần ở trong Nam, Bảo có cơ hội học hành (dù sao vẫn hơn miền núi). Phần để cho tôi hủ hỉ đỡ buồn trong những ngày xa vắng Hữu. Phần cho Bảo gần ông nội (cụ Tắt), một nhà nho cục kỷ nghiêm khắc để dạy bảo Bảo.

Một tấm ảnh của Bảo lúc đó 6 tuổi được gởi vào trình diện. Nét e ấp, ẹo người của Bảo nép bên... váy mẹ, trông Bảo rất hiền lành (thấy dzậy mà không phải dzậy!), tôi rất thích nhưng vẫn phải từ chối không dám nhận. Lý do: Sau 1975, Hữu đi tù, tôi bị đẩy ra ngoài cuộc sống, vất giò tìm kế sinh nhai, cơm không đủ no, ngày 2 bữa vỏ bụng rau bình bịch, Hữu lại nghèo, tôi lấy gì nuôi Bảo ?!

Trước cuộc sống bế tắc, vài năm sau, một mình, tôi buộc lòng tìm cách vượt biên.

Ngày tôi ra đi định cư tại Thụy Sĩ cũng là lúc Bảo được cử vào Sài Gòn với nhiệm vụ trông nom săn sóc ông nội. Lúc đó Bảo vừa 11 tuổi.

Có lẽ gian khổ quen, bẩm sinh lại tấy máy tinh nghịch phá phách (tiềm năng của người tháo vát nhanh nhẹn), Bảo bắt kịp nhanh với đời sống trong Nam. Hằng ngày ngoài giờ học, Bảo đi chợ, quét dọn nhà cửa, nấu nướng, giặt giũ cho mình và ông nội. Tài chánh, có tôi ở hải ngoại, lẽ dĩ nhiên không còn là vấn đề.

Phải nói, số Bảo rất đặc biệt. Trong Nam, Bảo gặp nhiều kỳ duyên. Những nhân tài miền Nam từ văn cho tới võ, nhất là dịp lúc Hữu cùng đa số sĩ quan ào ạt từ tù trở về, Bảo may mắn được nhận cho thọ giáo.

Mười tám tuổi, Bảo khả dĩ đủ vốn liếng hộ thân; kiến thức rộng, biết viết văn, làm thơ, thông thạo Anh văn và võ giỏi.

Về võ, Bảo có thể dùng cùi chỏ đập bể một trái dưa xanh. Kẹp hai ngón tay đập nát một quả cau. Đá vào thanh sắt chân không gãy mà sắt cong v.v... và v.v... Hồi đó, Bảo được mời đi biểu diễn nhiều.

Nhưng tiếc rằng Bảo chỉ giỏi tài mà chưa giỏi tâm. Sống trong xã hội nền luân lý đạo đức suy đồi. Loài người chỉ đầy hận thù, dùng man trá lừa đảo đập lên nhau để sống. Tại trường Bảo được học chủ thuyết Karl Marc, Lenin, đánh cho Mỹ cút đánh cho ngụy nhào, chủ nghĩa xã hội bách chiến bách thắng, đảng Lao động Cộng Sản vinh quang và bác Hồ kính yêu vô vàn đạo đức (già).

Trong khi tại nhà, Bảo hiếm khi "thấy" Phật một cách lén lút trong các ngày giỗ, Tết, Rằm, mùng Một. Cho nên, được đào tạo và sống trong môi trường như vậy, mọi tài năng của Bảo, Bảo đã thi thố vào những điều vô bổ. Dù Hữu, ông nội (cụ Tất rất mộ đạo Phật - Phật, Chúa lúc đó còn bó tay) nên cả hai cùng nhau kéo Bảo cũng không đủ sức lôi Bảo ngược dòng trào lưu đang cuộn cuộn chảy.

Thế rồi, như chúng ta đều biết, dù người có tài có tâm chẳng nữa, trong xã hội Cộng Sản Việt Nam bấy giờ, lý lịch mới chính là "khuôn vàng thước ngọc" để đo đếm tài năng. Với gốc gác xét tới ba đời của Bảo, lại thêm Bảo không có hộ khẩu tại Sài Gòn, Bảo coi như thuộc thành phần sống ngoài xã hội. Tương lai Bảo vô cùng mờ mịt. Một lần nữa Bảo mơ ước... tung bay.

Ngày Bảo vượt biên đến Bidong, Malaysia, cũng là lúc có lệnh đình chỉ định cư đến các nước thứ ba.

Thụy Sĩ từ lâu đã không nhận người ngoại trừ duy nhất hai trường hợp: vợ chồng hay con cái tuổi dưới vị thành niên.

Hữu cũng vượt biên trước đó một năm. Tôi đã trải qua một cuộc giải phẫu lớn. Chúng tôi vẫn không có con.

Vịn vào tình trạng này và hoàn cảnh đặc biệt của tôi và Hữu đã phải xa nhau hơn 13 năm, ngày gặp lại cả hai đã mon men "Bà nửa chừng xuân, ông sồn sồn tóc bạc", chúng tôi làm đơn xin chính phủ Thụy Sĩ xét trường hợp nhân đạo nhận Bảo làm con nuôi.

Hơn 6 tháng sau, Bảo đến Thụy Sĩ. Ngày đón Bảo tại phi trường, lòng tôi lâng lâng vui sướng, hồi hộp với một cảm giác thật lạ. Tôi được làm mẹ dù đứa con tôi không diễm phúc sinh ra.

Nhưng tình mẫu tử vẫn là thứ tình cảm thiêng liêng tiềm ẩn trong tim mọi người đàn bà để có cơ hội bộc phát một cách tự nhiên và tình yêu thương chân thành thì không thể phân biệt do sanh hay dưỡng dục. Nhiều khi tôi trầm nghĩ, có phải là định mệnh đã đưa Bảo đến với tôi, không qua đường thai nghén, mà do - nói theo thuyết đạo Phật - do nhân duyên kết hợp mà thành. Từ cái này đưa đến cái kia.

Từ ngày có Bảo, không khí trong nhà rộn ràng vui tươi hơn. Bảo lớn, nhưng trong con mắt tôi, tâm hồn tôi, Bảo vẫn như là đứa bé tôi mới sinh ra. Tôi nâng niu chiều chuộng Bảo, xem Bảo như con búp-bê trai, tôi mua sắm quần áo, giày dép, bắt Bảo mặc để cho tôi ngắm, rồi tôi cười. Niềm vui dâng tràn trong tôi. Tôi thấy cuộc đời thành ý nghĩa. Và hạnh phúc cũng giản đơn chỉ là sự thanh thản an vui trong tâm hồn.

Hằng ngày tôi và Hữu đi làm. Bảo lo học tiếng Đức. Cuộc sống êm đềm trôi.

Mặc dù tiếng Đức, Bảo mới i tờ, nhưng trò chuyện với Bảo, xem bài vở Bảo học, tôi đoán Bảo có tiềm năng tiến xa theo cấp số nhân. Tôi khuyến khích, thăm dò và khuyên Bảo học đại học.

Sinh viên tại Thụy Sĩ chỉ 6% so với người bản xứ; so với người tỵ nạn còn ít ỏi hơn, đếm trên đầu ngón tay. Đa số đi làm ngay hoặc học nghề. Nhiều người khuyên Bảo (ngay cả người Thụy Sĩ) đừng phiêu lưu mơ tưởng chuyện cao xa ở Đại Học phí thời gian lại tốn kém, hãy nắm cái nghề cho vững chắc rồi tìm cách đi lên không muộn.

Riêng tôi, tôi nghĩ khác. Con đường trước mắt ta chưa đi sao lại ngại. "Đường đi khó, không khó vì ngăn sông, cách núi. Mà khó vì lòng người ngại núi, e sông". Cho dù đường đi khó, nhưng có con đường nào dẫn đến vinh quang mà dễ dàng đâu? Bảo cũng đồng ý với tôi như vậy.

Trong nhà, Bảo thủ thì gần gũi với tôi hơn Hữu. Thấy "mẹ con tôi" ý hợp tâm đầu, Hữu cũng vui, để mặc cho tôi tự do lo liệu chăm sóc Bảo. Dường như Bảo cũng tin tưởng ở tôi nên nhất nhất chuyện gì Bảo cũng kể với tôi, thậm chí cả những chuyện riêng tư với các cô bạn gái. Bảo tâm sự, Bảo thích cô này hàm răng, Bảo yêu cô kia mái tóc, Bảo mê cô nọ làn da, Bảo si cô đó dịu dàng, Bảo mến cô nớ vóc dáng v.v... và v.v... và Bảo mơ làm sao lấy được tất cả! Tôi cười cười: "Nếu con sắp xếp

được thời gian và chinh phục làm sao cho các cô đều đồng lòng sống chung một nhà, mami cũng chịu tất. Mami đang cần 8 cô để vũ". (Tôi yêu văn nghệ. Mỗi lần tìm các cô cho một màn múa, tôi nản nỉ hết hơi, hết sức, rất mệt). Bảo ngỏ lời với các người đẹp, nhưng chả em nào chịu vào "ban múa" của má anh. "Nếu em không múa thì... hát cho 7 em khác múa vậy". Rồi Bảo tặc lưỡi than, Bảo thiếu... phước, sinh nhằm thế kỷ, không sinh đúng thời (xưa) hay ở các nước có truyền thống được lấy nhiều vợ như... Phi Châu Camerun chẳng hạn!

Tôi hay đùa vui với Bảo nhưng trong thâm tâm nghiêm chỉnh mà nghĩ, tôi biết Bảo là anh chàng hiếu sắc (hiếu sắc thì nam nhi nào chả mê gái đẹp -điều này cũng thông cảm thôi-) nhưng nếu không tinh táo, không có trí Bát Nhã để rơi vào mê lầm khốn đốn, nên tôi vẫn luôn nhắc nhở, cảnh cáo Bảo:

Vũ vô thiết tỏa năng lưu khách.

Sắc bất ba đào dị nịch nhân.

(Dầu không khóa, mưa lưu được khách.

Chẳng sóng to, sắc đắm tài danh)

Trở lại việc học hành của Bảo, đúng như tôi dự đoán. Nhờ Bảo có một trí nhớ đặc biệt (đọc một cuốn sách một lần nhớ, hiểu ngay) lại thêm siêng năng chăm chỉ hiếu học, sau một năm tiếng Đức. Bảo dễ dàng ngồi ở ghế Đại Học chẳng những thông dong còn là một sinh viên giỏi.

Sau 10 năm, Bảo chuẩn bị trình luận án Tiến sĩ cùng lúc Bảo có một việc làm tốt.

Tiếc thay, sự thành công dễ dàng của Bảo, đúng như một trong mười điều tâm niệm Đức Phật dạy: "*Làm việc chỗ mong chóng thành. Vì chóng thành thì lòng sanh kiêu mạn*".

Bảo đã rất kiêu mạn, tự phụ về tài học, đặt mình quá cao, choáng váng say chiến thắng, tâm không định vững nên rơi vào vọng động mê lầm của "tham, sân, si" đưa những kiến thức thế gian thu lượm được từ trường học, sách vở, ngoài đời sống tưởng là tuyệt vời lạc vào vô minh dẫn tư tưởng kiến giải hành động đều trong nhận thức sai lầm của tà tri, tà kiến.

Bảo chỉ luôn trông cậy vào tài năng rồi cứ mãi mong ước tìm kiếm những điều tuyệt hảo nhất trong cuộc sống để thỏa mãn lòng dục: Tiền tài, danh vọng, sắc dục...

Bảo đã để cái tâm lang thang, quên mất tiêu "*tri túc, tiện túc, đāi túc, hà thời túc. Tri nhàn, tiện nhàn, đāi nhàn, hà thời nhàn*" và Bảo cũng quên

luôn! "Có tài mà cậy chi tài. Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài". Cuối cùng, khi sở nguyện chưa thành, Bảo không bao giờ thấy tâm hồn thanh thản, an lạc vì "cầu bất đắc khổ". Bảo khổ là điều hiển nhiên.

Ngoài ra, nếu trước đây, hồi còn ở quê nhà, Bảo bắt kịp đời sống trong Nam, thì bây giờ tại Thụy Sĩ, với việc học hấp thụ chóng như vậy, Bảo cũng hội nhập nhanh nếp suy nghĩ, cách sống, nền văn hóa tại đây. Một nền văn hóa hoàn toàn trái ngược với phương Đông mà theo tôi, bên cạnh những ưu điểm từ phương cách tổ chức, phương pháp làm việc có tính cách khoa học kỹ thuật đem hiệu quả tốt để phục vụ nâng cao đời sống vật chất con người thì chính điều này, nếu không có trí tuệ soi xét với thiện tâm vững chãi cũng dễ dẫn dắt con người rơi vào tham dục, để ngũ dục sai sử; hưởng thụ vật chất tối đa, sống ích kỷ hết mình cho mình và vì mình. Rồi từ đó vô tình tự trói buộc mình trở thành những tên nô lệ vào những tham luyến để mãi mãi không bao giờ tìm thấy sự an nhiên tự tại và đồng thời biến những người xung quanh làm nạn nhân gây nhiều điều ác mà không biết.

Bảo thì cho rằng, thiện ác chỉ trong một sát na. Tùy từng góc cạnh, từng con người (vì mỗi người là một cảnh giới) và từng thời đại để có cái nhìn và cảm thọ giống hoặc khác nhau tuy cùng đứng trước một sự việc. Nếu thích hợp thì cảm thấy vui sướng hạnh phúc hưởng thụ thỏa thuê. Còn ngược lại thì sẽ cho cõi đời này là những nỗi chán chường. Cũng bàn tay mặt, ở phía này nhìn tới nó là tay phải. Ở phía khác nhìn lại nó trở thành trái. Đứng, sai, thiện, ác do quan niệm ý niệm của con người.

Cũng sự hiểu thảo nhưng mỗi nơi thể hiện một cách khác nhau. Một bộ lạc tại hòn đảo ở Úc, cha mẹ già đưa lên cây rung, rớt xuống thì con cái xúm nhau mần thịt, không rơi đem về nuôi tiếp. Á Châu thì nuôi nấng phụng dưỡng. Âu Mỹ gọi cha mẹ già vào Viện Dưỡng Lão. Nước Nhật coi con số 9 là xui trong khi Việt Nam số 9 được ăn tiền (bài cào). Ngay như trình tiết của người con gái, Á Châu trang trọng giữ gìn đánh giá "chữ trinh đáng giá ngàn vàng", thì Tây phương giá trị không được một xu. Hễ yêu nhau thì trai gái cứ "sống thử" với nhau trước. Hợp thì kết hôn. Không thích nữa thì chia tay. Ngay lúc đã lập gia đình, tìm thấy bóng sắc mới thì về nhà ly dị. Hết sức đơn giản.

Bảo dẫn chứng nhiều nữa. Bảo nói hoàn toàn không sai, nhưng tôi muốn

xác định vị trí và hướng nhìn của Bảo trong cuộc sống này, nên thay vì trả lời, tôi đặt lại câu hỏi. Nếu Bảo lập gia đình, Bảo có thích lấy người vợ nhà nọ "sống thử" hết người đàn ông này sang người đàn ông khác? Trong công việc làm, Bảo bận rộn, đi vắng, vợ Bảo giải khuây đi xi-nê với bạn trai? Còn con gái Bảo sau này mới 14 tuổi biết uống thuốc ngừa thai, tiếp bạn trai trong phòng riêng ngay chính nhà cha mẹ? Nếu Bảo không muốn, tức là Bảo đã xác định chỗ đứng cái nhìn của Bảo từ hướng nào rồi. Rõ ràng Bảo còn bản chất và cách suy nghĩ của người Việt Nam vì Bảo là người Việt Nam, cho dù có đổi quốc tịch Thụy Sĩ, có nhuộm tóc vàng vẫn không chối bỏ bản sắc của dân tộc nên không thể quay lưng dứt bỏ một cách tàn nhẫn chính mình để chạy theo một đời sống hoàn toàn mới mà chính mình hoàn toàn không thích hợp.

Tôi còn nhấn mạnh cho Bảo hay rằng, mình nên hãnh diện, vui sướng được may mắn nằm giữa hai khía cạnh trong một cuộc đời, như kẻ lưng chừng trời nhìn được tứ phía trong đó có hai phương Đông và Tây để có cái nhìn rộng hơn và tự lựa chọn. Lựa chọn một cuộc sống thế nào dung hợp hai nền văn hóa Âu, Á. Hội nhập, hòa đồng xã hội mới để không bị lạc lõng nhưng vẫn duy trì cái hay cái đẹp từ những sắc thái, đặc thù của dân tộc Việt Nam hầu đem lại cho mình hạnh phúc một cách thiết thực mà niềm vui sống đó không gây buồn phiền đau khổ cho người khác.

Nghe tôi nói, Bảo ư hử qua chuyện cho tôi vui lòng. Nhưng mơ hồ tôi đoán Bảo hấp thụ và thích hợp đời sống Tây phương hơn. Do đó, giữa tôi và Bảo với thời gian, hai người dường như đầu lung nhìn về hai phía. Càng dôi xa xăm, lòng càng cách biệt nhau. Thành thoảng, Bảo có quay đầu ngoảnh lại trong chốc lát cũng chỉ khi nghe tiếng gọi của tôi. Tôi không hoàn toàn trách Bảo, nhưng tôi buồn và lo sợ Bảo sẽ sa lầy ngập lặn trong những thú vui hưởng thụ vật chất Tây phương mà hậu quả tai hại của nó sẽ phá vỡ hệ thống gia đình vốn lỏng lẻo tại đây. Trách nhiệm của "tình mẫu tử" luôn mong con toàn hảo, tôi luôn nhắc nhở, càng kéo Bảo trở về truyền thống dân tộc thì Bảo càng công kích tôi bảo thủ, lạc hậu. Đứng trước tình trạng đó, tôi biết làm gì đây, khi khả năng của tôi, như kẻ không biết bơi đứng nhìn người chới với giữa dòng nước, tôi chỉ biết ngậm ngùi đau xót lặng lẽ quay lưng.

Rồi tất cả những cố gắng để níu kéo Bảo chỉ khiến tôi mệt mỏi, chán chường, thất vọng, buông xuôi... Cuối cùng, chính tôi cũng rơi vào nỗi khổ của "cầu bất đắc khổ" (muốn Bảo như mình) và "oán tẩn hội khổ" (khi phải nghe, thấy, gặp, sống với những người không như mình).

Trong nhà, Hữu bình an như vại. Chàng chẳng nói gì. Có hai lý do: Thứ nhất, Hữu muốn để Bảo thành thời tâm trí lấy cho xong bằng Tiến Sĩ. Thứ hai, thấy tôi đã nói, chàng không nói. Hữu giải thích, nhà có hai người. Một người là, một người vuốt, để Bảo còn... thờ chú! Ngoài ra ý chàng còn muốn để tôi thi thố... tài năng "uốn nắn" Bảo trở thành người có lý tưởng đem sự học phục vụ xã hội, tổ quốc, nhân loại (độ chúng sinh), đó mới là sự nghiệp thiết thực, vẻ vang tôi và Hữu đều mong ước. Bằng Tiến Sĩ không là cứu cánh mà chỉ là phương tiện để thực hiện những điều to tát trên. Nếu thành công đương nhiên chàng hưởng... ké. Nào là con ông bà Hữu (rõ ràng tên chàng) thuộc dòng họ Nguyễn (cũng họ tên chàng) chứ có nêu tên tộc tôi đâu. Còn nếu Bảo hư thân mất nết, chắc chắn không chỉ chàng mà cả bàng dân thiên hạ sẽ đổ thừa... "con hư tại mẹ"! rồi rồi tên tôi ra... nguyên rủa!

Trách nhiệm của tôi... to tát, nặng nề như vậy, nhưng Hữu không hỗ trợ... "hùa" cùng tôi răn đe Bảo, nên tôi cũng ghét chàng luôn! Thế là, một lần nữa, tôi lại rơi vào "cầu bất đắc khổ" (kéo chàng theo đồng minh của mình không được) và "oán tẩn hội khổ" (hằng ngày phải thấy thêm "bản mặt" mình ghét).

Thế rồi, Khóa Tu Học Âu Châu kỳ thứ 13 tại Thụy Điển do Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Âu Châu tổ chức lại đến. Ngoài niềm hăm hở gặp lại Thầy, bạn, những khuôn mặt thân thương tôi quen biết từ vài năm trước; sống lại nếp sống Việt; học hỏi thêm nước mới, tôi còn tránh khỏi đụng độ với hai... "nội thù" đã đem cho tôi "oán tẩn hội khổ".

Tham dự khóa tu học kỳ này, tôi không "ham chơi" chỉ lo ca múa hát hò như những lần trước mà không hiểu sao tôi lại chú tâm tìm hiểu kỹ càng giáo lý của Đức Phật qua lời quý Thầy giảng.

Trong lớp, ngồi hai bên tôi là, hữu (như áp tải tù nhân) có Hữu và Bảo. Tất cả cùng lắng nghe:

- "Hãy chấp nhận sự tương đối của cuộc sống mới mong cầu sự an lạc hạnh phúc được. Vì Đức Phật đã dạy:

"đời là bể khổ". Tùy nhân duyên hay nghiệp lực từ cái này sinh ra cái kia. Tham dục để đáp ứng nhu cầu của ngũ dục mãi mãi khiến con người không bao giờ biết đủ để chính điều đó quay lại hại chính mình". Và

- "Người Phật tử lấy thân, tâm làm gốc. Vì đó là nhân khổ của ba ác (thân, miệng, ý). Chỉ cần một niệm phát khởi Bồ đề tâm:

- Ngưng ác hành thiện.
- Ác ngưng tức tâm tịnh.
- Tu thiện tức khổ diệt hết.
- Khổ diệt hết, tức tăng phước.
- Tăng phước tức làm quả cho thường lạc.
- Tâm tịnh tức làm nhân cho cõi tịnh.

Dụng tâm như thế lâu ngày thuần thực cho đến trong... mộng cũng không quên.

Quý Thầy còn giảng nhiều nữa, tôi nghe ngây ngất như người vào vườn trà, nhưng tôi không còn là kẻ "cuối ngựa xem hoa" như trước đây để chỉ nghe phảng phất mùi hương, mà tôi tự hái lấy trà nắm chặt trong tay để thường thức tận tường hương thơm ngào ngạt của nó.

Cuối giờ, tôi còn hỏi:

- Bạch Thầy, người Phật tử biết sống đạo nhưng xung quanh phải tiếp xúc, va chạm với người không biết sống đạo sẽ gây phiền não cho mình thì mình phải làm sao?

Thầy giảng:

- Người Phật tử luôn có hạnh nguyện cứu độ chúng sinh. Nhưng nếu cố hết sức vẫn không hóa giải được thì qui vào nghiệp. Nghiệp mình và nghiệp người. Hãy bình tâm trả nghiệp coi như nhân quả đang xả.

Nhưng,

Chúng sinh gặp nghịch cảnh thì cho là nghiệp.

Người tu gặp nghịch cảnh thì cho là hạnh nguyện.

Tôi len lén nhìn sang Bảo, dò xét tâm ý Bảo. Nét mặt Bảo vẫn bình thản. Tôi biết, những lý thuyết Thầy giảng, đối với Bảo là con một sách, Bảo đã nằm lòng, chẳng những nhuần nhuyễn giáo lý của Đức Phật mà ngay cả Thánh Kinh của Thiên Chúa Giáo cùng các tôn giáo khác, Bảo đều đọc qua, hiểu hết nhưng... quên chưa thực hành đấy thôi. Nay, tuy đến đây lần đầu, không khí xung quanh đầy đạo vị, thân cận thiện hữu trí thức, nhắc nhở lại lời Phật dạy, tôi hy vọng tâm Bảo ít nhiều cũng "phảng phất mùi hương". Và rồi chính sự xuất hiện của 3 em bé (tôi

giới thiệu sơ dưới đây) mới thực sự đánh động tâm Bảo:

- Bé Nguyễn Tống Julia Đại, 13 tuổi. Em có khuôn mặt tươi sáng, mắt phụng, mày ngài. Trong em như tiên đồng ngọc nữ. Hằng ngày tại khóa học, em có nhiệm vụ rung chuông thúc chúng nhắc nhở mọi người (khoảng 600 người) từ lầu trên cho tới tầng cuối tụng kinh, ăn cơm, học giáo lý. Em thức sớm (khoảng 5 giờ sáng) khi mọi người còn ngủ (đúng 6 giờ sáng mọi người phải có mặt tại Chánh điện tụng kinh), em ngủ trễ khi tất cả mọi người đã vào phòng (23 giờ bắt buộc mọi người đi ngủ). Thì giờ rảnh em phụ các bác, các chị bán hàng lấy quỹ cho chùa, bưng cơm rót nước hầu quạt quý Thầy... Công việc tuy nhẹ nhàng nhưng em ý thức trách nhiệm rất cao với nguyện ước độ chúng sinh tạo công đức cúng dường Tam Bảo.

- Bé Tô Hiến Hào, 3 tuổi. Nếu chúng ta từng thấy trong những bức tranh các em bé miệng cười toe toét ngời, bỏ quay xung quanh Đức Phật Di Lặc, thật dễ thương đó chính là hình ảnh bé Tô Hiến Hào. Bé dễ thương thu hút cái nhìn của mọi người là điều hiển nhiên. Bé càng... dễ ghét hơn khi bỏ lên Chánh điện miệng luôn bi bô: "Mô Phật, mô Phật, con đi tu tâm!". Đã đành có người lớn dạy em mới nói, nhưng tướng pháp như tiên đồng và hiện tượng em không thích ăn thịt (hễ ăn thịt là em ói) chỉ ăn chay, chắc chắn em có căn tu của một vị cao tăng, nếu không muốn nói của một vị Phật trong tương lai. May mắn cho bé và cả cho các Phật tử như chúng ta, thân sinh ra bé nét mặt hiền hòa rất có tâm đạo và hoan hỉ nếu lớn lên bé muốn đi tu.

- Bé thứ ba gây chú ý nhiều đến Bảo, đó là bé Đồng Hoàng Việt, 9 tuổi.

Bấy lâu, Bảo vẫn tự hào có trí nhớ... đặc biệt. Nhờ vậy đọc và học rất nhanh. Đến đây "đụng" với Đồng Hoàng Việt, Bảo như gặp "kỳ phùng địch thủ" Bảo thực sự ngỡ ra "cao nhân tất hữu cao nhân tri" (núi cao còn có núi cao hơn) vì rõ ràng hồi 9 tuổi Bảo đã không thông minh như Hoàng Việt.

Bé Hoàng Việt từ 4 tuổi do nhân duyên đưa đẩy bé đã học kinh Phật. Đến nay bé thuộc lòng tất cả các loại kinh, trong đó, đặc biệt nhất Kinh Lăng Nghiêm rất khó, rất dài (xin trích một đoạn ngắn): "... **ba ra tát đà na yết rị a sắc tra nã, ma ha yết ra ha nhã xà, ty đa bãng tát na yết rị, tát bà xá đô lô nê bà ra nhã xà, hồ lam đột tất phạp nan giá na xá ni, bí sa xá tất**

đác ra, a kiết ni ô đà ca ra..." lại đọc rất nhanh, thậm chí người lớn rành tiếng Việt cầm tập kinh đọc theo vẫn không kịp, không nhận ra mặt chữ.

Thầy Như Điển trụ trì chùa Viên Giác Đức Quốc đã giới thiệu bé với mọi người. Việt đã "biểu diễn" đọc bất cứ kinh gì do Thầy yêu cầu. Ngoài đời, Việt học rất xuất sắc. Tuy còn bé nhưng tác phong Việt nghiêm chỉnh đĩnh đạc và có nhận thức khác người. Bé hiện là đệ tử của Thầy Như Điển. Nguyện ước của bé lớn lên muốn đi tu để cứu độ chúng sinh.

Ngoài ra tại khóa học, Bảo còn có nhân duyên tiếp xúc với hai đệ tử và học trò của Thầy Như Điển. Thầy Hạnh Tấn và Thầy Đồng Văn. Cả hai đều đã xong Phó Tiến Sĩ và Tiến Sĩ. Vấn đề tôi muốn nêu ở đây không phải bằng cấp của hai vị đó mà là tâm. Thay vì dùng tài năng sở học để "vinh thân phì gia", điều này không xấu vì người ta bỏ công sức thì được quyền hưởng rất đương nhiên và công bằng. Nhưng tự ép mình tu hành, tự lựa chọn một lý tưởng xuất trần vượt lên trên mọi hưởng thụ vật chất thường tình để gánh vác trọng trách cao cả mưu cầu an lạc cho chúng sinh đó mới là điều đáng nói, đáng kính trọng.

Thầy Phước Nhon đã từng giảng: "Cũng nắm tay, nhưng nếu dùng để đâm lung người đang nhức mòi giá trị sẽ khác dùng để đâm vào mặt người. Tất cả điều khiển hành động thiện, ác để có giá trị nhiều, ít, tốt, xấu đem an lạc hay phiền não cho mình cho người xuất phát đều từ tâm. Nên tu tâm, dùng tâm để hướng dẫn tài năng thì mới qui vậy. Cụ Nguyễn Du đã chẳng bảo: "*Chữ Tâm kia mỗi bằng ba chữ Tài*" ."

Sau khóa học, nhìn Bảo thích thú thân thiện với các bé thiện tâm, hoan hỷ gần gũi nhiều bạn đạo, hứa hẹn nhau sẽ gặp lại ở những khóa tới, lòng tôi vui. Đường như đã có hạt Bồ đề nhen nhúm trong tâm Bảo. Tôi hy vọng với thời gian hạt giống kia đủ nhân duyên sẽ nảy mầm xanh ngọn.

Riêng tôi, tôi soi lại chính mình. Những gian truân cay đắng trên đường đời tôi gánh chịu, phải chăng đó là nghiệp tôi phải trả hay hạnh nguyện để thử thách cho tôi? Có lẽ cả hai. Khi nhận ra điều đó, tôi bình thản. Bấy giờ tôi mới ngộ rõ giá trị nhiệm màu của Phật Pháp mà bấy lâu tôi cũng như đại đa số Phật tử lơ là không tìm hiểu.-•

Truyện Kiều, một tác phẩm siêu hình

Vũ Kỳ



... Mai sau dù có bao giờ
Đốt lò hương ấy, so tờ phím
này...

... Trông ra ngon cỏ lá cây,
Thấy hiu hiu gió thì hay chị về...

... Nàng rằng: tiền định tiên tri
Lời sư đã dạy, ắt thì chẳng sai...

... Rằng hồng nhan, tự thuở xưa,
Cái điều bạc mệnh, có chùa ai
dầu.

Kiếp này duyên đã phụ duyên
Dạ dài còn biết, sẽ đền lai sinh...

... Chiêu hồn, thiết vị lễ thường
Giải oan, lập một đàn tràng bên
sông...

Trong tác phẩm Kiều, Nguyễn Du có chủ ý, gần như một định kiến rằng nhân vật chính là Kiều nương phải luôn luôn trực diện với bạc mệnh, hồng nhan, hồn mai phách quế, âm giới, tiên cảnh, trời xanh, trời già, trăng thẹn, trăng thề, nỗi đoạn trường, kiếp lai sinh... kể làm sao cho hết, vô

số điệp ngữ chọn lọc ẩn dấu cái ám ảnh khôn nguôi bên trong tiềm thức của tác giả về những gì siêu thực, siêu hình, huyền linh, ảo mộng...

Trong lần hiển linh thứ nhất, tạ lòng sơ ngộ, sau một trận gió cuốn cò, rung cây đổ lộc ào ào thoảng mùi hương bay, trên bãi tha ma vắng lạnh Đạm Tiên hiển hiện, người đầu không thấy chỉ thấy những dấu giày in rành rành trên rêu làm cho ba chị em Kiều thất kinh mà nhận chân cái hấp lực vô hình giữa âm dương không cách biệt khi "tĩnh lại gặp tĩnh", giữa những đấng tài hoa mà "thác là thể phách, còn là tinh anh" đó vậy.

Tối đến, dưới ánh trăng, Kiều thiu thiu ngủ bên trện thì:

... Thoắt đầu, thấy một tiểu Kiều

Có chiều phong vận, có chiều
thanh tân

Sương in mặt, tuyết pha thân

Sen vàng lãng đãng, như gần như
xa.

Vẫn lại là Đạm Tiên... Cái bóng ma luôn luôn hiện diện của nàng. Thực là đẹp, đẹp một cách liêu trai, ma quái, rợn người!...

Gạt một bên cách diễn xuất các tình tiết, cảnh ngộ, tâm tư nhân vật bằng vô số hình tượng, âm thanh, sắc điệu diễm tuyệt ở đỉnh cao nghệ thuật tốt vời mà có lẽ nhờ thiên tài xuất chúng của mình, Nguyễn Du sáng tác mà không phải mất công nhiều điển tuyệt lời thơ, tô vàng ý ngọc do đó mà người có được cảm hứng nhất khí để dâng tuôn trào một dòng trong tác phẩm trường thiên ấy. Tôi vẫn nghĩ rằng Nguyễn Du đã một hơi không ngừng nghỉ khẩn chiếm từ câu đầu đến câu cuối vì người đang bị một chấn động tình cảm mạnh mẽ bởi cuộc đời Kiều qua nguyên tác của Thanh Tâm Tài Nhân, lại nữa, trong tiềm thức cá nhân tác giả, sẵn chín muồi bao ý niệm về siêu hình, siêu việt, về lẽ huyền vi của vận số, về thiên đạo của Hóa công.

Trước hết, truyện Kiều đối với thi sĩ Tiên Điền là một ứng nghiệm bất định của một chân lý tối cao tuyệt đối, là định đề chủ quan của tác giả: Thuyết Định mệnh hay Thiên mệnh.

... Ngâm hay muôn sự tại trời

Trời kia đã bắt làm người có thân

Bắt phong trần phải phong trần

Cho thanh cao mới được phần
thanh cao

Và đó cũng là nền tảng siêu hình rất phức hợp của tác phẩm cấu tạo bởi tâm thức của một con người là tác giả luôn luôn bị ám lực của bao nhiêu ý tưởng siêu thực nào: trời đất, gió trăng, hồn ma, phách quế v.v... mà người đọc tức khắc cảm xúc liền bằng trực giác hồn nhiên đầu tiên trước khi đi sâu vào tác phẩm.

Trước hết, xin định nghĩa thế nào là siêu hình, là siêu hình học? Theo từ điển bách khoa Larousse thì siêu hình học là môn học về sự nhận thức, sự hiểu biết về những sự vật vượt lên **trên** hay **đi ra ngoài** cái hiện tượng, thực chất hữu hình mà thông thường ta chỉ thu nhận được bằng các cảm giác thể lý của con người mà thôi.

Đó là môn học có tham vọng lý giải, tìm đến sự hiểu biết về nguyên nhân, nguyên lý đầu tiên dẫn đến sự cấu tạo bản chất sự vật. Theo tân từ ngữ triết học của Giáo sư Henri Beriac thì sự nhận thức về những sự vật vô hình, những hiện tượng tâm linh vượt lên trên hình tượng thể chất ấy rất hạn chế và có khi không thể nào đạt đến cho nên ta chỉ có thể cố gắng nhờ một lý trí đặc biệt hoặc một trực giác cảm thông màu nhiệm mà tìm hiểu các nguyên lý đầu tiên hay tính chất sự vật, bản thể của nó hoặc thần tính các Đấng thiêng liêng, các Đấng sáng tạo (Chúa, Phật,...) và điều ấy ta cũng chỉ đạt đến một phần nào mà thôi...

Về triết học, có hai loại siêu hình học: Siêu hình học tổng quan, là sự nhận thức về những nguyên lý chung cho mọi sự vật và sinh vật. Siêu hình học riêng biệt (linh hồn, Chúa, Thượng Đế, Vũ trụ...). Siêu hình học - về triết Đông Phương- còn gọi là Hình nhi Thượng học: môn học nghiên cứu cõi trừu tượng, vô hình, phần tinh thần, đạo lý, nguyên lý và mục đích của sự vật, của vũ trụ. Kinh Dịch nói: *Hình nhi thượng dã vị chi đạo* nghĩa là từ cái hình chất trở lên gọi là **Đạo**. *Hình nhi hạ dã vị chi khí* nghĩa là từ cái hình chất trở xuống gọi là **Khí**, ... Áp dụng vào cuộc đời Kiều với các khái niệm siêu hình học nêu trên:

Trước hết, ta hãy xét đến cuộc đời quá ư chìm nổi, gian truân suốt 15 năm sóng gió của Kiều: thanh y: hai lượt; thanh lâu: hai lần và còn bao

hiều khổ đau, tử nhục vật vãnh nữa. Trong cuộc sống giang hồ của nàng, nàng quyết phải ngoi lên mà đánh thất bại. Từ cái đêm trinh nữ mở miệng nói lên lời thề non hẹn biển của mối tình đầu, Kiều đã báo trước số phận của mình cho người yêu và cho chính mình nữa:

Anh hoa phát tiết ra ngoài

Ngìn thu bạc mệnh một đời tài hoa...

Cho nên dù Kiều có vùng vẫy thế nào đi nữa trong suốt đời mình, nàng cũng không thoát ra được cái bẫy số mệnh... và càng vùng vẫy càng sa thêm vào dây oan nghiệp của lưới trời. Ta không mất công dẫn chứng bằng một nghìn lẻ một tình tiết trong tác phẩm. Đến ngon lành như cái oai phong, dũng lược của chàng Từ Hải, tưởng rằng dưới vũ trụ này có một, thế mà cũng do cái xuất chúng kỳ tài này của chàng cộng thêm lời cổ vấn đại đột của Kiều mà làm cho nàng tính sai một nước cờ định mệnh dẫn đến cái chết tức tưởi của họ Từ và nàng tử huyệt và sự kết liễu đời mình:

Trông vời con nước mệnh mông

Dem mình gieo xuống giữa dòng trăng giang...

... Âu là do thiên mệnh vậy và định mệnh khắc nghiệt thiệt! Đúng như lời giải thích của Nho gia về thiên mệnh: Con người ta trên đời lưu hành trong thiên nhiên, trong vũ trụ phải tuân theo một chỉ định huyền linh u uẩn và rồi Nho gia căn cứ vào Kinh Dịch mà cho rằng mọi biến chuyển không ngừng phải theo nguyên tắc tổng lược là đạo trời (thiên đạo) hay mệnh trời (thiên mệnh). Con người ta trên đời lưu hành trong cái đạo biến hóa ấy của trời đất, khác nào như đàn cá lặn lội ở giữa vùng nước chảy, tuy lúc nào cũng có năng lực vùng vẫy chạy nhảy nhưng vẫn cứ phải trôi theo dòng nước siết. Súc trôi theo dòng nước ấy tức là thiên mệnh vậy.

Khổng Tử trả lời về sự biến dịch của trời đất: Từ thiên địa đến vạn vật sinh sinh hóa hóa khôn cùng, đều nằm trong thiên lý. Do đó có chân lý *thiên định vạn vật nhất thể*. Thiên lý là cơ nguyên điều hòa sự vận hành, chứa đựng ý chí rất lớn mạnh của Trời, điều động sự biến dịch của vũ trụ và mọi hiện tượng trên đời. Ý chí ấy gọi là Thiên Mệnh: Đó là sự phán quyết của

Trời biểu lộ trong những hiện tượng của con người và của trời đất. Tin có trời nên Khổng Tử nói rằng: *Bất tri mệnh vô dĩ vi quân tử dã* (không biết mệnh trời thì không lấy gì làm quân tử). Thiên hành kiện quân tử dĩ tự cường bất túc: đại để là phải biết trau dồi khí lực, cố gắng phi thường, người quân tử mới mong theo kịp mệnh trời.

Thuyết thiên mệnh là một quan niệm siêu hình - siêu thực, phiêu dạt phiêu bồng, chỉ có thánh nhân, chẩn đoán theo ngũ hành bát quái mới thấu được Dịch Kinh mà xét định. Thực là mông lung lắm vậy. Nguyễn Du nhắc đến hoài trong sáng tác của mình. Đối với người trần tục chúng ta thiếu kiến thức về lẽ huyền vi của trời đất thì tưởng như đó là một nhận xét và một giải thích về một hiện tượng khá minh bạch, tất nhiên nhưng suy gẫm kỹ, đó chỉ là một giải thích, một lý luận, không giải bày chút gì hết về thiên mệnh. Trước vận nước điêu linh, vận nhà đen tối, đời mình thê thảm (thường nói về những cảnh huống điêu linh, tàn tạ trong đời) ta quen nói: đó là mệnh trời vậy. Một khẳng định không cần chứng minh và không có lời kiểm chứng - không mất tiền mua, không dựa trên cơ sở nào (affirmation gratuite) và cũng là một lối giải thích lười biếng (explication paresseuse). Bây giờ Tây phương vạn năng nhưng phiến diện không đi vào nổi cái huyền diệu, u uẩn của phương Đông nên mượn cái cụ thể hiện sinh - ví dụ cái thuốc tác- cây kim trên mặt kính đồng hồ - cái làn sóng, cái vi-ba vô hình, tia ánh sáng để đo lường vô hiệu cái vô cùng tận của không gian, thời gian vô cực, bề sâu, bề dày thăm thẳm vốn là của cái thần lý thâm thẳm trong tâm học Đông phương...

Về Thiên mệnh của Nho gia, con người khoa học Tây phương mượn cái vũ trụ vật chất cân đo được của mình mà đồng hóa một phần nào với thuyết tất định khoa học hiện đại, phương Tây cũng tin vào sự vận hành có điều lý, có trật tự, có qui luật của vũ trụ, chỉ khác là Nho gia căn cứ vào Dịch Kinh mà phán rằng mọi luân lưu, biến dịch không ngừng phải theo nguyên lý tổng lược là Đạo Trời (Thiên đạo) hay Mệnh Trời (Thiên mệnh). Thực là một thuyết huyền bí, u uẩn, khó thẩm định và khó ứng dụng vô cùng chỉ dành

riêng đặc quyền cho bậc Thánh mà thôi.

Chữ mệnh của thi hào trong tác phẩm Kiều là một điệp khúc siêu hình vấn vương ý thức và tâm lực Nguyễn Du. Nói như nhà nho, đó là điều bất khả thắng ngôn (không thể nói hết); bất khả thắng số (không thể đếm xiết); bất khả tư nghị (không thể bàn bạc được) điều ấy quả quá đỗi lạ lùng lắm vậy!

Cũng như về một chữ Thiên, một khái niệm thời thượng và một hành động rút từ Phật lý mà bây giờ kẻ thức giả và không thức giả có thể viết nên bao nhiêu kinh sách nhưng vẫn không giải thích hết cái nội lực tâm ý thâm thẳm và khí đạo hiển nhiên theo Đông phương trong một sinh vật đặc cách là con người. Cũng lại là một hiện tượng tâm linh nữa mà con người vụng về cố trần tục hóa để giải bày cho vừa tầm đại chúng thế nhân.

Nhà khoa học hết lòng đem ánh sáng cụ thể hữu hạn đem rọi vào cái thần học u minh của muôn nghìn u diễn nhưng rồi cũng đến thú nhận nổi bất lực to lớn của mình. Ba nghìn thế giới ta bà của Phật lý, họ đành xem một cách hạn chế như những yếu tố căn nguyên giống như trong hạch lý học của Tây phương (physique nucléaire), còn về phân tích cảm nhận của tâm hồn con người để nhập Đạo (Phật), họ đành xem nào hành, nào thức, nào xúc, nào thụ, nào ái, nào thủ v.v... không khác chút nào với nền phân tâm học Tây phương giống như của Sigmund Freud. Mới đây tôi có đọc một cuốn sách của một nhà sư Tây Tạng là Ringou Tulkon Rimpotché được dịch ra Pháp ngữ bởi Inès Wonteus và Corine Segers nhà xuất bản Nil (Pháp), nhan đề là: "**Nhờ anh vui lòng cắt nghĩa đùm tôi về Phật giáo**", với lời tựa đề của Mathieu Rivard (Khoa học gia trở nên Thiên sư). Ringou Tulkon trốn thoát khỏi Tây Tạng khi Trung Cộng xâm chiếm đất nước ông, hiện đang dạy về Phật lý ở Âu Châu và viết nhiều sách về Phật để truyền bá một hệ tư tưởng mà ông cho rằng còn quá âm u, bí hiểm với nhiều người Tây phương bởi họ không thấm nhuần được chút nào với thần lý, tâm học Đông phương mà cứ nói vấn vớ, giải thích càn. Cũng như về Thiên, về vô minh, vô thượng của Phật, về cái

ý niệm thiên mệnh của Khổng, không thể lấy cái lý, cái thức mà luận giải, mà phát hiện mà phải đắm mình trong cái giác, cái thần - những sự vật của siêu hình siêu phàm mới ngộ đạo... Chính cái phần Siêu Hình của Thiên, của Phật làm ta vốn mảy trần mắt tục không bao giờ bắt được cái Giác cái Thần của Thiên, của Phật. Cũng đã nghĩ như Thiên sư Tây Tạng nói trên, cho nên trong Luận Cương về Văn Hóa Việt Nam, tôi có viết: "Từ hồi còn trẻ, tôi vốn có định kiến là các nhà học giả Tây Phương dù có nghiên cứu uyên bác đến đâu đi nữa vẫn không bao giờ bắt được cái sâu thẳm mà cũng là cái chấp chèn cao vời vợi của nền triết Phương Đông. Vì họ không làm sao có được cái Hồn chủ nghĩa (của Tàu, của Việt Nam...) cái Thần nhập Lý, cái Thức trực giác và cái Tâm linh Ứng của con người Á Đông ta. Do đó họ có Thức mà không Giác, có Tâm mà không Ứng với Triết thuyết Đông Phương. Và tất cả cái Hồn, cái Thần, cái Giác, cái Tâm ấy chính là một tổng hợp cần mật và huyền diệu trong tiềm thức trang bị cho nền cấu trúc của Siêu Hình học Phương Đông.

Xin lặp lại: Đời của Kiều long đong lắm nỗi. Đó là do mệnh trời mà nàng không cưỡng lại được đó vậy. Nhưng theo thiên ý, có thể có một lối giải thích ngược lại là chính vì nàng không hiểu được, không nắm vững được mệnh trời với qui luật biến dịch của nó nên nàng phải chịu khổ đốn hoại. Mới đến tuần cập kê mà nàng đã vô ý nổi lên rên rỉ thiên thiên bạc mệnh rồi! Theo quá trình tu thân để đạt thiên mệnh trong sách Trung Dung của Khổng Tử thì Kiều mới ở giai đoạn "ngộ thập hữu ngũ chí ư học" (ta mười lăm tuổi là để chí học tập), nàng chưa trải qua cái thời kỳ "tam thập nhi lập- Tứ thập nhi bất hoặc" (ba mươi thì chí lập đã vững- bốn mươi không ngờ vực) để đến thời đắc đạo là "Ngũ thập nhi tri thiên mệnh" (năm mươi biết được mệnh trời) thì làm sao mà nàng tri Mệnh được hồng tránh né đau khổ và hoạn nạn.

Không phải vì thiên mệnh, chịu qui luật của thiên mệnh như Nguyễn Du đã phán mà Kiều khổ, sống vui dập đầu thương. Mà theo thiên ý người viết chính vì nàng không tri thiên

mệnh nên phải chịu một cuộc đời luân lạc, khổ đốn đó. Tri mệnh là điều khó. Con người dần dần được rèn luyện trong kinh nghiệm, được giáo dục bởi sự biến thiên, tuần hoàn của Tạo Hóa mới thông đạt thiên mệnh. Chính Khổng Tử chẳng đã thấy Đạo mình không đặc dụng ở sinh quán của mình là nước Lỗ bèn bỏ đi chu du các nước Tống, Tề, Sở, Vệ, Tần trong 13 năm nhưng cũng không hành đạo được mệnh trời! Ô! Lâu quá! Thừa trễ quá đối với Kiều. Đợi đến tuổi tri thiên mệnh là 50 mới hành động thì tan nát cả một đời hoa nên nàng Kiều xót nỗi vội vàng tuân theo cảm tính đạt dào và lý trí nông cạn mà bòn chòn, nóng nảy yêu đương rồi bán mình làm người con chí hiếu để mắc mưu họ Mã rồi Tú Bà, rồi Sở Khanh rồi vô tình giết Tú Hải v.v... và v.v.... Nhưng nếu Kiều chờ đến thời điểm tri thiên mệnh theo lời Khổng Tử thì nàng chắc chắn sẽ là một cô gái già chỉ còn ngồi hời tiếc thời hoa xuân nở nhụy đã qua mà oán trách "ngài vạn thế sử biểu". Và chúng ta cũng không có được sáng tác phẩm quốc bảo Kim Vân Kiều của Nguyễn Du đâu nữa.

Vậy Kiều khổ không phải vì thiên mệnh mà Kiều khổ vì vội vã hành động, không biết chờ thời gian đến của thiên mệnh!



Rải rác trong truyện Kiều, tư tưởng thiên mệnh ấy của Nho gia, Nguyễn Du đã bình dân hóa, giản lược tối đa và hạ thấp thuyết ấy đến xuống thành một tiếng Trời đơn sơ, nôm na gọn gàng mà ý nghĩa thực siêu hình, huyền bí, muôn mặt làm cho con người phải chấp nhận mọi sự việc trên trần gian và cho rằng định mệnh tiền định, số

mệnh - hiểu giản dị là thiên mệnh - đã do Trời an bài từ trước.

... Có trời mà cũng có ta...
 ... Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa
 ... Trước sau cho vẹn một lời Duyên ta mà cũng phúc trời chi không...
 Biết thân chạy chẳng khỏi Trời
 Cũng liều mặt phấn cho rồi ngày xanh.

Đến cái câu: "Khi nên trời cũng chiều người" tuy nôm na đơn giản qua của miệng dân gian là thế mà cũng bắt gốc rễ ở tư tưởng cao siêu, bác học của tiên nho với vấn đề thiên mệnh: "Thiên chi sinh vật, tất nhân kỳ tài nhi đốc uyên, cố tài giả bồi chi, khuyh giả phúc chi" (Trung Dung). Có nghĩa là: Trời sinh ra muôn vật, nhân cái tài lực của từng vật mà đôn đốc thêm vào, cho nên vật nào có thể vun đắp được thì vun đắp vào cho tốt lên, vật nào nghiêng lệch thì làm cho đổ nát đi".

Hai giai đoạn của đời Kiều bị chi phối bởi Thánh trong Trung Dung: Trước, nàng tan nát đời hoa vì cơn gia biến thì trời vui dập thêm làm cho đổ nát. Sau, nàng hứng được cái quả tốt của những hành động quá vãng của mình thì trời vun đắp thêm lên cho nàng sống lại đề huề đoàn tụ với những người thương, người yêu... Chứ Trời mà Kiều và người bình dân, kẻ thức giả thường thường kêu lên, nhắc đến là một thiên thể tối cao, siêu hình, vô thủy vô chung đó vậy mà Nguyễn Du nhắc đến hoài trong tác phẩm như một điệp khúc yêu thương của Thiên tạo. Cuộc đời của Kiều quả thực chỉ có những "ngày dài mà không phải là ban ngày" như thi hào Pháp Jacque Prévert đã nói: "Il y a des jours où ce n'est pas le jour" ...

Những là oan khổ lưu ly
 Chờ cho hết kiếp, còn gì là thân?
 Nhưng may thay còn có cái Tâm cứu vớt nàng! Chính vì:
 Lấy tình thâm trả nghĩa thâm
 Bán mình đã động hiếu tâm đến trời...

mà Kiều sống sót để hưởng bình an và chút hạnh phúc rớt lại sau này...

Do thiên mệnh quá bí hiểm và khác nghiệt đối với Kiều nên Nguyễn Du giảm khinh sự trầm trọng ấy bằng giải kết cuộc đời oan nghiệt ba chìm bảy nổi của Kiều bằng một chữ Tâm. Ở đây, thêm vào cái chân lý khổ để theo Phật lý tiết ra từ chiều dài của tác phẩm, Nguyễn Du là triết gia chủ xướng một hợp thuyết gồm 2 hệ tư tưởng siêu hình vĩ đại của Đông Phương: Nho và Phật.

...Làm cho (Kiều) sống thác dạo đây

Đoạn trường cho hết kiếp này mới thôi

(vừa thiên mệnh vừa nghiệp chướng)

*... Khi nên trời cũng chiều người
Nhẹ nhàng nợ trước đèn bồi duyên sau...*

(mệnh và nghiệp)

Và đây chung kết của triết thuyết của thi hào rất ư là thủy chung trung hậu, có trước có sau, ai cũng thờ phào, nhẹ nhõm, cả nhân vật trong sách Kim Vân Kiều và độc giả bốn phương tứ đại là chúng ta. Đêm thi chung bóng đèn khuya, tiệc tùng đàn hát; chiều thì nắm tay nhau dạo gót huê viên. Một mối tình tay ba hợp nhất Kim + Vân + Kiều. Rõ là: "Hoàng thiên bất phụ hảo tâm nhân". Đó là happy end, nếu nói theo lối Mỹ. Mệnh và Tâm kết hợp, chấm dứt một cuộc đời đầy khổ lụy, sầu não. Cái siêu hình thượng tri xuống rồi tác phúc cho hình nhi hạ nhân sinh đó vậy.

Cũng xin nói thêm về chữ Tâm trong Kiều. Đây cũng lại là một ý niệm siêu hình không với đến được của thể nhân, thân phàm mắt tục. Theo Khổng Tử, đạo của Người lấy hai chữ Chí Thiện làm cực điểm. Chí Thiện là đức của bậc nhân. Theo Ngài, cái phần tinh anh trong tinh thần con người gọi là Tâm. Tâm là thần minh trong vạn vật, là tia sáng của Trời phú cho để ta hiểu biết các sự vật. Người ta có cái phẩm gia tôn quý là cũng nhờ có cái Tâm, bỏ nó đi thì con người khác chi khối vật chất vô tri vô giác. Bởi thế người quân tử bao giờ cũng phải giữ cái tâm cho mình mãi để đạt thiên lý, cảm thức thiên mệnh. Một vòng khuyên buộc chặt Tâm với Mệnh.

Chữ Tâm, chữ Nhân trong Kiều đã được rút hẹp cho vừa tâm mọi người mà vẫn nằm trong nội dung cao siêu và to lớn của cái Tâm, cái Nhân triết lý, theo thiên mệnh thiên lý của đạo Khổng vậy. Và cái tâm ở đây mới đích thực là căn nguyên cho cái hiện sinh tươi sáng của đời nàng. Theo Phật giáo, Tâm là nguồn gốc của mọi sự. "Nhất thiết duy tâm tạo" - Tất cả đều do tâm- Cái tâm siêu hình ấy nàng đã biểu hiện ra sao? Qua tác phẩm, nàng đã hành động theo sợi chỉ vàng đạo lý của Nho gia: Hiếu, Trung, Nhân, Tín, Nghĩa; từ mỗi nghịch cảnh của cuộc đời mình. Nhưng quan trọng hơn hết, Tâm là kim chỉ nam, là lẽ sống của đời nàng làm cho nàng bao phen bị ngập lụt trong vũng bùn của sa đọa, ngoài ý muốn, trong cảnh vô vọng của một cuộc đời hấp hối thể mà nhờ đó nàng cũng ngoi lên được để hướng cảnh:

*... Tâm thành đã thấu đến Trời
Bản mình là biển cứu người là nhân*

*... Phong lưu phú quý ai bì
Vườn xuân một cửa để bia muôn đời.*

Tất cả là do đức chí hiếu của nàng, phát xuất từ trung tâm ý lực là cái tâm của nàng đó vậy. Một nguồn gốc siêu hình trở lên từ hữu thức con người của nhân vật Kiều. Xin nhắc lại: Trong cơn gia biến, nàng gạt lệ ra đi, đành chịu phận hẩm hiu để cứu vãn gia đình nàng, cha mẹ già, em dại bằng một sự cân nhắc, ví von rất hay, tuyệt vời qua tâm hồn nghệ sĩ đa cảm của nàng và ngòi bút diễm lệ của thi hào:

*Côi xuân tuổi hạc càng cao
Một cây gánh vác biết bao nhiêu cảnh,*

*Lòng tỏ dù chẳng dứt tình
Gió mùa âu hắt tan tành nước non.*

*Thà rằng liều một thân con,
.....
Hoa dù rã cánh, lá còn xanh cây...*

Gia biến bất ngờ như cơn gió lốc nổi dậy... Cha già như thân cây cổ thụ cần đứng vững trước bất cứ bão táp với cường độ nào để dẫn sinh lực nuôi cả thân cây và cành lá sum sê tươi tốt; đó

là cảnh gia đình Vương viên ngoại với mẹ già, em trẻ. Còn Kiều, nàng tự ví mình như một đóa hoa xinh đẹp nở rộ trên cây, nhưng mong manh, yếu đuối dù có phải rã rời tan nát trước làn bão tố cay nghiệt, âu đó cũng là điều hiển nhiên và hợp lý lắm vậy cũng như kiếp bạc mệnh hồng nhan của nàng. Nàng đành chịu hy sinh trước cảnh gia biến giáng xuống cho gia đình...

Thực là tuyệt mỹ, hình thức ẩn dụ, hoán dụ qua lối diễn xuất bằng hình tượng nghệ thuật của Nguyễn Du. Nhân nói về cái Tâm của Kiều và để chỉ nói về chữ Hiếu của Kiều mà một nhà đại nho gọi là Đại Hiếu, xin mở một cái ngoặc:

"Giáo sư Đàm Quang Hưng, hiện ở Houston, Hoa Kỳ, căn cứ vào một cuốn Kim Vân Kiều cổ viết bằng chữ Nôm do người con lớn ở Sài Gòn gửi cho ông vào năm trước, để đưa ra lời kể thuật và bàn luận sau đây: "Cuốn Kiều này do ông Lâm Nhu Phú (còn đọc là Lâm Nọa Phu), một viên chức làm việc trong triều đình nhà Nguyễn, dưới triều vua Tự Đức, người ở đất Tiểu Lô thuộc Châu Hoan tức là vùng Nghệ Tĩnh bây giờ viết tại mái tây trong dinh thự của bộ Công ở Cổ Đô Huế, vào ngày 19 tháng 8 năm Canh Ngọ, niên hiệu Tự Đức thứ 23 tức là vào năm 1870, đúng 50 năm sau khi cụ Nguyễn Du mất và trước đây đúng 120 năm". Giáo sư Đàm Quang Hưng nói tiếp: "Để có một cái mốc thời gian, chúng tôi xin nhắc lại là vua Gia Long nhà Nguyễn mất năm 1819 và cụ Nguyễn Du mất năm 1820, sau vua Gia Long một năm, cách nay đúng 170 năm.

Phần đầu bản chép tay này có một bài tựa của ông Lâm nói về Truyện Kiều. Ông nói hồi còn nhỏ tuổi, ông có đến chơi một nhà quen và có được nghe về Truyện Kiều của cụ Nguyễn Du, nhưng đến năm 1870 ông mới tìm đọc cuốn Kiều cho kỹ thì ông thấy Truyện Kiều thực là một truyện tình diễm tuyệt, phải là một người từng trải như cụ Nguyễn Du và là một người có văn tài trác tuyệt như cụ Nguyễn Du mới viết ra nổi.

Ông Lâm gọi Thúy Kiều là đại hiếu. Kim Trọng là đại tình. Hoạn Thư là đại đố. Từ Hải là đại đạo.

Ông nói: Khúc đầu của truyện Kiều nói về Thúy Kiều yêu Kim

Trọng là cái tình yêu tự nhiên của trời đất mà ông gọi là "*thiên địa chi tình*", khúc giữa của truyện Kiều nói về việc Thúy Kiều yêu Thúc Sinh, khuyên Thúc Sinh về thăm vợ cả là cái tình của hiền nhân, thánh nhân mà ông gọi là "*hiền nhân, thánh nhân chi tình*", khúc cuối nói về việc Thúy Kiều yêu Từ Hải ra hàng triều đình nhà Minh để cho dân chúng đỡ lầm than chết chóc là cái tình của người làm việc tốt, của người sĩ quân tử mà ông gọi là "*vi thiện vi sĩ quân tử chi tình*".

Ông cũng nói tình cảm là chuyện tự nhiên của con người, đặc biệt là đàn bà. Trừ những người như cây khô, tro tàn (khô mộc, tử khô) còn thì ai cũng mắc phải vòng tình ái, dù là quân tử, tài nhân hay tinh sĩ cũng thế thôi. Duy chỉ có điều, nếu người đàn bà khi đã bị lưu lạc giang hồ, mà biết hướng dẫn tình cảm của mình cho cẩn thận thì cuộc đời sẽ đỡ khổ hơn nhiều lắm. Thúy Kiều, vì không biết hướng dẫn được tình cảm của mình cho nên đã phải gánh chịu nhiều nỗi oan khổ liên miên. (Chính nàng bị ràng buộc bởi quỹ đạo của thiên mệnh! - lời người viết).

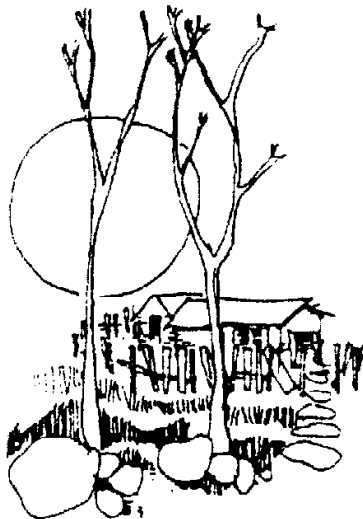
Sau đó ông Lâm đã nêu lên ba nghi vấn:

Thứ nhất: Hoạn Thư là một người đàn bà ghen. Mà từ xưa tới giờ, đàn bà ghen thì hay hành động theo lối "*vội giận mất khôn*" chứ có ai lại đủ bình tĩnh để tính toán mọi thủ đoạn mưu mô, giống như một tướng lãnh tài ba, suy mưu tính kế trong một trận giặc bao giờ. Vậy thì Hoạn Thư có thực là một người đàn bà bình tĩnh, tài giỏi đến mức như đã được cụ Nguyễn Du mô tả trong truyện Kiều hay không?

Thứ nhì: Thúy Kiều chỉ là một kỹ nữ, còn Từ Hải là một viên tướng có tài. Khi Từ Hải dứt áo ra đi tung hoành, Thúy Kiều có xin đi theo thì Từ Hải cương quyết không cho đi theo, thành ra Thúy Kiều đành phải ở lại nhà. Đến khi Từ Hải thành công, cho quân sĩ đến đón Thúy Kiều về chung hưởng phú quý thì mọi việc đều do một mình Từ Hải quyết định cả. Lúc đó Thúy Kiều đã lớn tuổi rồi (yên hoa tàn cuộc), đâu còn ở tuổi thanh xuân, nhan sắc mặn mà, đủ tài nhõng nhẽo để thuyết phục nổi một tướng

quân oanh liệt? Vậy có thực là Thúy Kiều đã khuyên được Từ Hải ra hàng triều đình nhà Minh như cụ Nguyễn Du đã mô tả trong truyện Kiều hay không?

Thứ ba: Về việc báo ân báo oán, có thực là Thúy Kiều đã dám lấy 100 cuốn gấm, 1.000 cân bạc của chồng mới là Từ Hải để cho anh chồng cũ là Thúc Sinh ngay trước mặt anh chồng mới hay không? Mà anh chồng cũ Thúc Sinh là một anh chồng sợ vợ cả quá mức, làm cho Thúy Kiều phải treo tường trốn đi, có đáng được thưởng như thế hay không? Thúy Kiều lại lấy 1.000 cân vàng của Từ Hải để thưởng cho Sư bà Giác Duyên. Sư bà vì sợ uy thế của gia đình họ Thúc, đã đuổi nàng ra khỏi "Chiêu Âm Am" thì liệu có đáng được thưởng như thế không?



Lại nữa, Tú Bà, Bạc Bà là những người làm ăn bằng nghề bán phần buôn hương. Đó là nghề nghiệp của họ. Họ phải mua kỹ nữ về hành nghề, đó là công việc làm ăn của họ. Liệu trong một xã hội phong kiến ngày xưa, việc mở thanh lâu là hợp pháp, thì việc hành quyết Tú Bà, Bạc Bà có hợp lý không? Hay là cụ Nguyễn Du đã để cho Kiều hành xử quyền hạn của mình theo sự tức giận mà không có một chút lý trí nào bên trong? Thúy Kiều bằng lòng "*bán mình chuộc cha*", Tú Bà bằng lòng bỏ số tiền 400 lượng vàng cho Mã Giám Sinh mua Kiều về, như vậy là "*thuận mua vừa bán*" thì tại sao Thúy Kiều lại bắt Tú Bà phải chịu tội tử hình? Bạc Bà cũng chỉ dùng một kỹ nữ mới trong viện của mẹ thì việc này

có đáng cho Bạc Bà chịu tội tử hình hay không?

Có lẽ rằng trong đời người ta, hỷ, nộ, ai, lạc, sầu, oán, ó, là các tình đời mà con người khó ai có thể tránh khỏi thì Thúy Kiều chỉ là một kỹ nữ tầm thường, làm sao mà tránh cho được?

Đó là những nghi vấn do Lâm tiên sinh viết trong bài tựa của ông khi ông chép cuốn Kiều của cụ Nguyễn Du. Ông chép cuốn Kiều vào đúng 50 năm sau khi cụ Nguyễn Du mất. Như vậy bản chép tay này có thể coi như rất gần với chính bản về phương diện thời gian".

(Đàm Quang Hưng: "Giải đáp một số nghi vấn trong Truyện Kiều qua một bản Kiều Nôm cổ").

Từ Thiên mệnh, Kiều thường nhắc đến Trời mà quan niệm rằng tuy đó là một thực thể siêu hình nhưng luôn luôn hiện diện bên mình để chỉ đạo mọi sự việc thế gian và cho bản thân mình nữa. Rồi từ Trời, Nguyễn Du biến thành trăng, vừa hợp với bản chất lãng mạn của thi nhân vừa bày tỏ được tâm sự của nhân vật mà cũng là của mình nữa. Nguyễn Du cho Kiều luôn luôn nhắc đến trăng, lại một thực thể siêu hình khác, rất thực tại, xa xôi mà cũng gần gũi với Kiều và thế nhân chúng ta hơn hết. Trăng là yếu tố thành viên đại diện cho trời; có Trăng là có Trời. Nhìn lên trăng, nhớ đến trăng, một mảnh trời hữu hạn, hữu hình, để thăm thì to nhỏ, tức là nàng thưa thốt, than thở với trời vô cực vô biên về số phận hẩm hiu. Lưu lạc của mình, trong cảnh gia đình, lúc yêu đương vào thời gian chưa cơn gia biến đến cuộc đời gian truân, chìm nổi nơi lâu xanh trong ảnh dọa đày ở tha hương, thương cha nhớ mẹ, nhớ em, tưởng nhớ người yêu, Kiều đã hơn một lần, giữa đêm thâu, nhìn ngắm ánh trăng mà ngổn ngang trăm mối bên lòng:

*Giông nga chênh chếch dòm song
Vàng gieo ngấn nước, trăng lồng
bóng sầu
Hải đường thả ngọn đông lân,
Giọt sương gieo nặng, cành xuân
la đà
Một mình lặng ngắm bóng nga*

Rộn đường gần với nỗi xa bồi bồi

.....

Trăng thề còn đó trở trở

*Dám xa xôi mặt mà thừa thốt
lòng...*

Trăng diễm tình, trăng gợi ý, trăng khiến sầu, trăng gieo ấn tượng, trăng tương tử, trăng hoài niệm, trăng tủi hận, bao nhiêu trăng trong số phận đời Kiều. Trăng với nỗi lòng Kiều là một. Trăng là một biểu tượng siêu hình trong tri giác thường trực của Kiều:

*Còn vàng trắng bạc, còn lời
nguyên xưa...*

Nguyễn Du là một thi hào. Cuốn Kiều là một đại thi phẩm trường giang về tình cảm. Nàng Kiều tiếp vật xử thế, ứng xử toàn bằng trực giác tình cảm, ngay cái màn đầu ngộ biến, cân nhắc và giải quyết giữa tình và hiếu, nàng nhất quyết tuân theo hiếu cũng theo bề sóng tình cảm lai láng dang cao. Do đó, ta có thể nói Nguyễn Du thuộc văn phái trữ tình lãng mạn. Cuốn Kiều là một tác phẩm lãng mạn và nhân vật Kiều là con người lãng mạn. Vì thế trong cơn mê cơn tỉnh, Kiều chỉ thấy có trăng và trắng. Và Nguyễn Du cũng say đắm trăng mà diễn tả một cách thi vị và thú vị vô cùng trong tác phẩm:

*... Hiên tà gác bóng nghiêng
nghiêng...*

*... Còn vầng trăng bạc, còn lời
nguyên xưa...*

*... Lầm đường theo bóng trắng tà
về tây...*

*... Vẽ non xa, tẩm trắng gần, ở
chung...*

*... Đêm thu khắc lậu canh tàn
Gió cây trút lá, trắng ngàn
ngậm gương...*

*... Nửa rèm tuyết ngậm, bốn bề
trăng thấu...*

*... Ngoài hiên thỏ đã non đôi
ngậm gương,*

*... Vàng trắng ai xé làm đôi?
Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm
trường...*

*... Đêm thu gió lọt song đào
Nửa vành trăng khuyết, ba sao
giữ trời...*

... Mây xanh, trăng mới in ngàn...

*... Sân thu, trăng đã vài phen đứng
đầu...*

*... Bi hoan mấy nỗi, đêm chày
trăng cao...*

*... Đêm thâu đằng đẵng, nhật cài
then mây...*

*... Khi xem hoa nở, khi chờ trăng
lên...*

*... Trước còn trăng gió, sau ra đóa
vàng...*

*... Những là cười phán cợt son
Đèn khuya chung bóng, trăng
tròn sánh vai...*

... Dưới trăng quyện đã gọi hè...

*... Một niềm quan tái, mấy mùa gió
trăng.*

Nguyễn Du không ưa nói đến nắng dù là nắng sớm mong manh, nắng chiều lãng đãng. Tuyệt nhiên không có cảnh:

*... Nắng chia nửa bãi chiều rồi
Vườn hoang trinh nữ khep đôi lá
rầu...*

*... Ôi! Nắng vàng sao mà nhỏ
nhung
Có ai đàn lẻ để tổ chùng...*

(Huy Cận)

Họa chẳng suốt cuốn truyện chỉ có chút "nắng quáng, đèn lòa", *Rõ ràng ngồi đó chẳng là Thúc Sinh?*, vì nắng thuộc về dương cảnh, thiêu đốt mộng mơ, không gây được trạng thái tâm linh cho con người lãng mạn về siêu thực, siêu hình. Và dù khoa học tột đỉnh có trần tục hóa ả trăng thô bạo thì trăng vẫn luôn là hình tượng cao xa vời vợi của hóa công siêu phàm tuyệt đích, ru con người và nhất là con người thi nhân Tố Như vào cõi tiên giới, âm cảnh của thế giới bay bổng tưởng tượng nào...

Ca dao Việt Nam hát:

Trông trăng mà thẹn với trời...

Nguyễn Du viết:
*Thấy trăng mà thẹn những lời non
sông...*

Cũng lại trăng nhưng đây có phải là nỗi lòng u uất vĩnh kiếp khó dồn nén của một cô Kiều, suốt một cuộc đời nát tan, ê chề tuyệt vọng, sau lời thề thốt với chàng Kim? Hay chính cái đau thương bất biến thường trực của

tâm hồn Nguyễn Du bị dẫn vật bởi một thẹn lòng khôn nguôi, hơn thế nữa, bởi một uất ức nào đó đối với chính mình mà Người không giải tỏa được?

Kiều không thẹn với mình vì nàng cảm nhận đời mình đây ngang trái, bất trắc, sóng gió dập vùi không do cái hành, cái tác của mình mà do cái mệnh, cái nghiệp, những ý niệm siêu hình vượt ra khỏi thế giới xúc cảm của nhân sinh, nàng không thẹn với mình vì không do ý thức và ý chí hành động của mình, khi nàng từ một "áng phong lưu đến một cuộc sống phong trần" mà đó là do định mệnh, nghiệp chướng nàng không cưỡng lại được.

*Còn lời trong bạc, còn lời nguyên
xưa...*

*... Thấy trăng mà thẹn những lời
non sông...*

Đọc các câu thơ trên, ta hãy quên đối tượng là Kiều đi bằng tâm thức trừu tượng hóa rất triết lý của con người. Mà chỉ còn nghĩ đến người trong cuộc là tác giả và chỉ nghĩ đến tác giả thôi, ta mới thấy đó chính là Nguyễn Du nói về mình thẹn... thẹn bề bàng... Nguyễn Du thẹn cực độ... tiếng thẹn hiểu nghĩa tối cao đẳng cấp... Nhưng Nguyễn Du thẹn về cái gì? Về một lời nguyên nào? Đến ngàn thu sau cũng không ai biết.

Một trạng thái tâm thần viên mãn. Đây còn là một nghi vấn nữa trong văn học. Xin các bậc thúc giả giải dùm cho soạn giả. Vàng trắng và lời nguyên đều là hình tượng của ngoại cảnh và nội tâm ám ảnh thi nhân đến giờ cuối cuộc đời.

*Sớm nỡn nỉ bóng, đêm ân hận lòng
(Kiều)*

Mà Nguyễn Du thẹn với ai? Thẹn với sông dài, non cao? Trước mắt thi hào; chớ không phải đối diện nhân vật trong tác phẩm là Kiều, chỉ có vàng trắng, trăng lũng lũng, biểu hiện trời xanh, đất rộng, thiên nhân huyền linh mà Kiều thẹn. Nguyễn Du thẹn với điều gì u uất, hồi nhà Nho tài hoa, đa cảm, đa sầu của chúng ta là Nguyễn Du? Một mình mình biết, một mình mình hay...

*Vẽ non xa, tẩm trắng gần, ở chung
hay:*

... *Đêm thu gió lọt, song đào
Nửa vầng trăng khuyết, ba sao
giữa trời...*

Nguyễn Du không những thẹn với trăng mà còn sợ trăng... Sợ gì? Không ai rõ. Chỉ có trời biết! Tôi không cường điệu với một lý luận mơ hồ nào về phân tâm học, về tâm lý học nào. Nguyễn Du run lên nỗi sợ ấy. Rồi mình tự an ủi với một lời nhẹ nhàng nhưng vô hiệu:

*Xưa nay nhân định thắng thiên
cùng nhiều...
Có trời mà cũng tại ta
"Chứng mình có đất, có trời
Bấy giờ vượt bể, ra khơi quản gì".*

Nỗi thẹn, nỗi sợ của thi hào trong suốt tác phẩm, nếu có, hẳn là nỗi sợ về một cõi siêu hình nào đó mà vốn là một tâm hồn nghệ sĩ cao độ lãng mạn, nhà thơ vẽ vời, thêu dệt, làm thành một định kiến, ám ảnh rợn người đến trong kiếp chết... Ta suy diễn thêm...

Ông nghề Nguyễn Mai, thuộc thế hệ thứ 10, cháu của Nguyễn Du nói rằng câu:

*"Bất tri tam bách dư niên hậu
Thiên hạ thủy nhân khắp Tố
Nhu..."*

là lời khẩu chiếm của thi hào trước khi mất.

Nhưng đến năm 1943, học giả Đào Duy Anh phát hiện 2 câu ấy trích trong bài Độc Liễu Thanh Kỳ sáng tác khi Nguyễn Du làm quan ở Bắc Hà khoảng 1804, tức là 16 năm trước khi mất! Chú thích (1). Đó không phải là một loạn mệnh (lời di chúc của người hồng phối lúc gần chết, khi thần trí đã rối loạn) mà lời nhà thi hào nói lúc còn đang làm quan mình mẫn, để ứng vào tâm trạng bất đắc chí và bất như ý của mình. Vua Gia Long ngày xưa đã từng lấy làm quái dị về thái độ cực kỳ lạ thường đó của Nguyễn Du: "Trẫm dùng người tài, không phân biệt kẻ Nam người Bắc. Ai có tài đức thì Trẫm trọng dụng. Có sao khanh lại u sầu, bi ưu, ít nói suốt năm suốt tháng như thế?". Nhà vua lấy làm lạ là phải lẽ, hợp với lương tri thông thường của nhân thế. Làm sao ông hiểu được cõi

mộng thần di, hồn dịch, không khai phóng được thế giới siêu hình của vị di thần kia được! Dù ơn mưa móc, lộc cao bổng trọng của thánh đế đã tưới nhuần thân thể Liệp hộ Tiên sinh. Còn có giai thoại, trước lúc lâm chung, người nhà sờ thân thể thi hào và nói: Đã lạnh cả rồi! Thi hào gượng trả lời: "Thôi thế là được!". Được cái gì?... Hay là đã chấm dứt nỗi thẹn vô hình và siêu hình kia ư?

Cái lý nhị nguyên "Trung thần và Nhị quân" có trở thành một hội chứng dai dẳng làm tê liệt cuộc sống tinh thần, đạo đức trong hiện tại của nhà nho hoài cổ này không? như thói đời thường gán cho ông? Tôi không chắc. Và phải có một cái gì trầm trọng và nghiêm trọng hơn thế nữa để Nguyễn Du phải thẹn thẹn hoài đến lúc tắt cuộc đời mình!



Để vừa thấy thi tài diễm tuyệt của Người, chỉ tả cảnh mà đạt đến tình, nói đến chất mà thấm đến hồn, diễn cái hình nhi hạ mà đạt đến hình nhi thượng; tôi không ngần ngại mượn thân bút của Nguyễn Du để viết vài dòng kết đề. Và cũng để thấy rõ chỉ diễn tả một chi tiết tình ái mà tác giả cũng tô đậm sắc điệu siêu hình vào.

Trong khung cảnh êm đềm của một đêm xuân đậm ấm, chàng và nàng đã làm một lễ giao duyên thiêng liêng, đây cung kính, có sáp nổi đài sen, hương quyện ở sóng đào và rồi, cả hai tài tử, khách giai nhân:

*Tiên thê cùng thảo một trường,
Tóc mây một món, dao vàng chia
đôi,
Vàng trắng vàng vạc giữa trời*

Đình ninh hai miệng, một lời song song.

Còn có mặt phẳng nào đẹp hơn tờ giấy hoa tiên trên đó, Kim Kiều cùng chung xác nhận lời thề chung thủy đến răng long đầu bạc.

Thực không có bài tính chia nào đẹp và tinh vi hơn chiếc dao vàng cắt nửa món tóc thề óng mượt để rồi mỗi người trân trọng giữ một nửa làm kỷ vật muôn vàn yêu quý!

Bầu trời ánh sáng lung linh là cả một hình tròn vô cực, trong ngần mà trời đất được thể hiện bằng vầng trăng - lại một hình tròn nhỏ hơn cùng một tâm điểm - ngự trị giữa bao la, như vô tình lặng lẽ chứng giám lời thề sông núi của một mối tình đầu trang nhã.

Không có một đường song song nào lý tưởng hơn lời đồng thanh phát xuất từ hai cửa miệng, nói lên nỗi rạo rức sâu sắc, thiết tha của hai con tim hòa âm đều một nhịp.

Thực là toán học được văn chương hóa, ái tình hóa tuyệt mỹ vậy! Ta cảm thông với cái huyền linh siêu hình trong thân bút của Nguyễn Du.

Trong bốn câu thơ vồn vện thể mà chữ dùng cũng đến đẹp hoàn toàn, đẹp như ái tình của một cô trinh nữ, đẹp như hồn rạo rức của một kẻ hào hoa phong nhã xuất chúng là chàng nho sĩ họ Kim đang xao xuyến trước mặt kẻ đương là hoàng hậu của lòng mình!

Cũng có tiên, có thê, có mây, có vàng, có trăng, có trời, những ý niệm siêu hình rất đẹp trong những sự vật đẹp! Hãy để ý đến những con số: 1 (câu đầu), rồi 1, 2 (câu 2), rồi 2, 1 (câu thứ tư)

Rõ đúng là:
*Mình với ta tuy hai mà một, (1 và 2)
Ta với mình tuy một mà hai... (2 và 1)*

Đúng là điệu hát của Ái Tình như Rabinnadrag Tagore đã nói: "*Luôn luôn hai mà luôn luôn một, đấy là điệu hát của tình yêu, (Toujours un et toujours deux, c'est là le chant de l'amour)*". Đó cũng là sự phối nhất rất siêu hình trong phân tâm học.

Ngoài ra, bốn câu thơ còn gợi cho ta được một tương quan thiêng liêng vô hình khá mãnh liệt, luôn luôn hiện diện, tồn tại giữa con người bé nhỏ và vũ trụ mông mênh là hai thái cực; đó

chính là một thứ cảm giác đặc biệt, rất siêu hình theo tâm học Đông Phương để rồi sau này, trên bước đường luân lạc của Kiều, Nguyễn Du tiếp diễn hình ảnh trên trong một tâm tư đối lập, gây nên một rung động siêu hình khác, to lớn bao trùm nỗi bất rút, thẹn thùng khôn nguôi của Kiều, trên dặm đường vô định của nàng vì lỗi lời thệ hải minh sơn với tình quân khi nhìn lên vàng trăng đã là chúng nhân của một sự dang dở. Từ đó biến thành một hội chúng dằng dặc thiên nhiên về một sự trừng phạt siêu hình nào của trời đất đối với mình.

*Đêm khuya ngất tạnh mù khơi
Thấy trăng mà thẹn những lời non
sông!*

Thúy Kiều không viết thuật tự truyện, cũng không viết hồi ký cho mình. Nguyễn Du mũi lòng tự nguyện viết tiểu sử cho nàng và đồng hóa với nàng bằng một trực giác cảm thông mật thiết - nói theo triết học - trong tiến trình sáng tác làm cho tác phẩm trở nên sống động, linh hoạt mà buồn thảm vô cùng. Cái thấm thía sâu lụy tràn lan ấy gây ấn tượng cho độc giả rằng chính Nguyễn Du có tâm ý viết về cuộc đời của chính mình, một cuộc đời với tâm sự âm u đầy ẩn tình sâu kín phủ dưới một tâm thức siêu linh phong nhã.

Nhan đề cuốn truyện "**Đoạn Trường Tân Thanh**" (Tiếng mới dứt ruột) kết hợp với nội dung của nó tác động trọn vẹn nỗi sầu thấm đến cõi lòng độc giả biến nhân vật chính là Thúy Kiều thành một "siêu nhân" ở cái dạng thức và mực độ trầm luân hoạn nạn vui đập tột cùng bể khổ và làm ta liên tưởng đến lời bất hủ của văn hào đã xướng ra chủ thuyết siêu nhân ấy: "Trong tất cả những điều người ta viết, tôi chỉ giữ lại cái gì mà con người đã viết với máu lệ của họ mà thôi". (Friedrich Nietzsche) (*De tout ce qui est écrit, je ne retiens que ce que l'on écrit avec son sang*).

Luận về cuộc đời khổ hận của Kiều, tôi liên tưởng đến tư tưởng xác đáng của nhà văn Tây Ban Nha Miguel Unamuno "*Tôi đau khổ tức là tôi đang sống (hiện sinh)*"; tư tưởng ấy khác xa với nguyên lý định vị đầu tiên

của triết gia Descartes: "*Tôi đang suy tư tức là tôi hiện có*". Và Unamuno cũng là tác giả một tác phẩm nổi tiếng: "*Nỗi bi thảm về cuộc đời*" (*Le sentiment tragique de la vie*) với chủ thuyết - "Cuộc đời mỗi người (cũng giống như lời chỉ dẫn trên toa thuốc về cách dùng của một dược phẩm) phải được lác đều và lác mạnh trước khi sử dụng" (*La vie: bien agiter avant de s'en servir*). Kiều ba chìm bảy nổi lênhênh để rồi cuối cùng được sum họp vui vầy với mẹ cha, các em và người yêu của mình. Quả thực, đời nàng phải bị lác quá nhiều và quá mạnh mới đến được hậu phúc tràn đầy đó vậy. Và lại, theo thuyết của một triết gia thời thượng hiện tại là Martin Heidegger thì chính do nhiều giai đoạn trầm luân kéo dài của nàng qua định vị của thời gian (*l'être et le temps - Martin Heidegger*) tạo nên bản chất đặc biệt của Kiều gắn liền với cuộc hiện sinh. Và đau khổ đồng hóa với cuộc hiện sinh cũng chính là sự hiện hữu của sinh vật liên quan đến dòng thời gian đó vậy.

Nguyễn Du chủ xướng một hợp thuyết qua luận đề của tác phẩm Kiều, đại chúng hóa hai chữ Mệnh và Tâm, những nguyên tắc siêu hình vĩ đại chỉ đạo thiên lý và nhân luân, theo tâm học Đông Phương. Mà cũng lấy cuộc đời bất trắc của Kiều lý giải cái hữu thể hiện sinh chỉ được minh chứng bằng chiều thời gian siêu việt gắn liền với thực tại theo nền triết Tây Phương.

Thi hào, trong nhiều bối cảnh và cơ hội thích đáng, bằng vô số hình tượng nghệ thuật chọn lọc, với tất cả cái say đắm của văn tài mỹ lệ thiên phú của mình, đã diễn tả nào trăng, nào trời, nào hồn mai, phách quế, nào chiêu hồn, giải nghiệp, nào nỗi đoạn trường, kiếp lai sinh v.v... những yếu tố siêu hình, nằm trên tầng vô thượng vượt lên trên hình chất ngoại thể chất chứa trong một tác phẩm trường thiên lãng mạn - một thứ lãng mạn siêu hình mà Nguyễn Du diễn đạt với tất cả thi tài diễm tuyệt xuất chúng của mình. Hơn hết các sáng tác Việt Nam cổ điển và cận kim hiện đại Truyện Kiều đi sâu vào nguồn suối duy linh của dân tộc và vùng biển thẳm tâm học Đông Phương như ở nền tư tưởng siêu hình của tác phẩm. -

(Tháng 7.2001 - Bruxelles)

Chú thích:

(1)- Người trong dòng họ nói về dòng họ mình lắm khi khó tin hơn người ngoài. Thí dụ ông nghề Nguyễn Mai, thuộc thế hệ thứ 10 của Nguyễn Du bảo rằng: "Bất tri tam bách dư niên hậu. Thiên hạ tùy nhân khắp Tố Như" là lời khẩu chiếm của thi hào trước khi mất. Đến năm 1943, học giả Đào Duy Anh phát hiện rằng hai câu ấy trích trong bài Độc Tiểu Thanh Ký sáng tác khi Nguyễn Du làm quan ở Bắc Hà khoảng 1804, tức là 16 năm trước khi mất! Xin trích lại chuyện cô Tiểu Thanh, trích trong Thơ chủ Hán Nguyễn Du (nxb Văn Học, in lần thứ hai, 1978). Tiểu Thanh là người con gái có tài, có sắc, sống vào đầu đời Minh. Nàng họ Phùng, lấy lẽ một người cùng tên Phùng, vì tránh tên chồng nên gọi là Tiểu Thanh. Vợ cả ghen, đưa đi đày ở ngôi nhà trên núi Cô Sơn, cạnh Tây Hồ, chẳng bao lâu buồn mà chết. Nay ở Cô Sơn (Chiết Giang) vẫn còn mộ. Tiểu Thanh đã làm tập thơ ghi tâm sự mình. Nàng chết rồi, vợ cả vẫn ghen, lấy đốt đi. Còn sót một số bài, chép lại gọi là Phàn Dư Cảo, theo nghĩa tập thơ còn sót lại, không trọn vẹn, sau khi bị đốt. Nguyễn Du thương tiếc những trang thơ bị cháy: Người có số mạng đã đành, đến như văn chương (không là bằng xương bằng thịt) cũng bị giết! Cũng trong bài thơ Độc Tiểu Thanh Ký, Nguyễn Du tỏ sự đồng cảm với Tiểu Thanh, dịch là: "Những mối hận cổ kim khó mà hỏi trời được. Ta tự coi như người cùng một hội với kẻ mắc nỗi oan lạ lùng vì nét phong nhã".

Trong phim Hồng Lâu Mộng, nghe thấp thoáng trong đối thoại, ở những tập sau chót có nhắc tới câu thơ nào đó của cô Tiểu Thanh này, gọi Phùng Tiểu Thanh. (Sơn Nam, Một Mảnh Tình Riêng - 1993)

(2) Phong cách sống (trong đời sống bình thường), phong cách diễn đạt sự việc và phong cách suy nghĩ, nếu hài hòa, nhập làm một thì quả là đạt mục đích của nghệ thuật. Bởi vậy, ta gặp nhiều nhà văn, nhà thơ bỗng đứng tự sát, vô cớ, nhưng với cái cố riêng của họ. Ở Việt Nam, dường như chẳng mấy ai tự sát vì nghệ thuật, Nguyễn Du, Bùi Hữu Nghĩa để mặc cho cơn buồn thấm hành hạ; lúc hấp hối không trăng trời nửa lời, họ người thân đến bảo sờ vào chân. Khi nghe bảo "đã lạnh rồi", hiểu ngầm cái chết đã đến từ dưới chân, cái chết ấy từ từ đi ngược lên đầu thì nói khẽ: "Thôi, ta đi đây". (Sơn Nam, Một Mảnh Tình Riêng - 1993). •



Vũ khí sinh học đã được nhắc đến trong sấm ký Nostradamus?

ĐOÀN VĂN THÔNG

Nostradamus là nhà tiên tri lừng danh thế giới. Ngay từ thời ông còn tại thế thì những suy đoán, tiên tri của ông đã được mọi người từ vua quan cho tới dân chúng Pháp kính phục vì rất chính xác. Nostradamus mất năm 1566. Ông đã để lại hậu thế một tập sách tiên tri vô tiền khoáng hậu. Đó là tập Sấm Ký hay còn gọi là tập Thế Kỷ. Thật ra, sách Sấm ký của Nostradamus gồm 10 tập, mỗi tập gồm 100 đoạn thơ, như thế toàn bộ tập Sấm ký của Nostradamus có tới 1000 lời tiên đoán tương lai. Nhà tiên tri này đã cho biết những sự kiện sẽ xảy ra trong thời ông còn sống cho đến sau khi ông qua đời. Tiên tri của ông bao gồm tới 6000 năm. Trong 1000 câu thơ tiên đoán tương lai ấy, Nostradamus đã đặt những khổ thơ mô tả các sự kiện sẽ xảy ra trong tương lai rải rác chớ không đặt theo thứ tự thời gian. Do đó nếu cố công theo dõi, đối chiếu ta có thể thấy các sự kiện thế giới xảy ra thường chính xác cả từ mô tả hình ảnh và nơi chốn cũng như thời gian nhà tiên tri đã cho hậu thế biết về nhiều lãnh vực từ chiến tranh do con người gây ra và từ các thiên tai dịch họa. Ví dụ như các khổ thơ nói về cuộc đại khủng bố xảy ra tại New York và Ngũ Giác Đài thì quả thật không có lời lẽ mô tả nào chính xác cho bằng, sự kiện này đã được nhiều báo Việt ngữ trong hai tuần qua đăng tải rõ ràng. Tuy nhiên điều làm mọi người đang lo lắng hồi hộp là vũ khí sinh học có thể được kẻ khủng bố sử dụng hay không và Nostradamus có nhắc tới sự kiện này trong Sấm ký của ông hay không ?

Qua tập Sấm ký, ta thấy Nostradamus đã tiên đoán sự xuất hiện của sao chổi, của hạn hán lụt lội và nhất là các dịch bệnh. Trong đoạn thơ thuộc khổ thơ 62 có đoạn nhà tiên tri mô tả như sau:

....
*Một cuộc tàn sát khủng khiếp
lên con người và súc vật
Sự trả thù tức khắc phát sinh
Từ hàng trăm bàn tay
Lúc ấy, sao chổi vút qua kéo theo
đói và khát*

Cuộc khủng bố xảy ra trên đất Hoa Kỳ tuy khủng khiếp nhưng chưa thật sự làm cho các quốc gia trên thế giới hết lòng đoàn kết cùng Hoa Kỳ chống lại nạn Khủng Bố, có nước còn ngậm ngừng, hàng hai. Phải đến khi những cuộc khủng bố làm cho "người và súc vật bị tàn sát" thì khi đó mới rúng động thế giới. Vì sao vậy? Khổ thơ 62 cho thấy nhà tiên tri Nostradamus đã nhắc tới loại vũ khí nguy hiểm làm mọi sinh vật bị tàn sát khủng khiếp. Chỉ khi đó thế giới mới thấy rõ mối nguy cơ không còn biên giới nữa và khi đó mới có sự kiện: *Sự trả thù tức khắc phát sinh từ hàng trăm bàn tay !*



Tuy nhiên khổ thơ trên trong Sấm ký chưa hoàn toàn rõ ràng về sự kiện vũ khí sinh học đã sử dụng trong khủng bố. Nhiều khổ thơ rải rác trong tập Sấm ký đã nói tới loại vũ khí này từ mơ hồ tới rõ ràng. Khổ

thơ 55 mô tả tác hại ghê gớm của loại vũ khí gây tật bệnh mà nhà tiên tri Nostradamus đã cho biết như sau:

*Trận chiến được sắp đặt chuẩn bị
ngay tại phương Tây,
Bệnh dịch lan tràn ghê sợ đến độ
Người già, con trẻ cho tới súc vật
cũng không tránh khỏi hủy diệt ..*

Ta còn gặp các khổ thơ khác nói tới sự kiện nêu trên như khổ thơ 75 trong tập Sấm ký còn mô tả cả loại vũ khí sinh học gây bệnh:

*Bệnh Dịch phát r a
Từ những cái vỏ lớn...
Dù có tới gần để cứu giúp
Thì cũng vô phương chữa trị*

Câu thơ này cho thấy rõ ràng là loại vũ khí hóa học, vi trùng gây bệnh được tích chứa trong những vỏ bọc và khi các vỏ bọc ấy được thả ra sẽ vỡ tung và bắn khắp nơi các loại vi trùng hay các hóa chất độc hại có khả năng truyền bệnh và hủy diệt sự sống vô cùng khủng khiếp. Sự khủng khiếp ở đây được mô tả : dù có tới gần thì cũng chỉ là để cứu giúp mà thôi chớ không thể chữa trị. Có nghĩa là vô phương cứu chữa. Các tuyên bố của chính quyền Hoa Kỳ mấy ngày nay đều cảnh báo là kẻ khủng bố có thể sử dụng vũ khí sinh học, vi trùng hay cả vũ khí nguyên tử loại bỏ túi, xách tay, rõ ràng cho chúng ta thấy mối nguy cơ về hiểm họa tận diệt rất dễ xảy ra, điều mà cách đây gần 500 năm, nhà tiên tri Nostradamus đã thấy trước và đã vô cùng xót xa lo lắng cho hậu thế. Chúng ta mong mỗi những tiên tri ấy chẳng bao giờ xảy ra. Phát ngôn viên của Ngũ Giác Đài đã không chịu tiết lộ là Hoa Kỳ có đủ các loại thuốc ngừa hay trị các chứng bệnh hiểm nghèo một khi nước Mỹ bị khủng bố bằng loại vũ khí sinh học hay không. Trong khi đó thì luôn luôn Bộ Trưởng Tư Pháp Mỹ đưa ra lời cảnh báo là Hoa Kỳ trong những ngày tháng tới, nhất là khi quân Mỹ tung các đòn sấm sét vào Afghanistan thì quân khủng bố sẽ đáp ứng ngay việc tấn công bằng vũ khí sinh học lên đất Mỹ. Bà Margaret Hamburg, chuyên gia hàng đầu về nạn khủng bố các thứ vi trùng, hóa

chất độc hại đã tuyên bố rằng: cuộc tấn công của quân khủng bố vào đất Mỹ bằng vũ khí vi trùng là mối đe dọa thật sự chứ không phải là chuyện giả tưởng!

Hiện nay giới hữu trách Hoa Kỳ cho biết là có 3 loại vi khuẩn có khả năng tung ra bởi quân khủng bố là loại gây bệnh Than hay Thán thư (Anthrax), loại gây bệnh Dịch hạch (Plague) và loại gây bệnh đậu mùa (Smallpox). Hãy tưởng tượng một khi các loại vi trùng vi khuẩn này lan tràn thì con người sẽ nhận hậu quả ra sao vì sự lây lan rất mau lẹ.

Một thách mắc lớn lao khác là sự liên minh của hai siêu cường Nga và Mỹ; sự liên minh ấy bền chặt hay lỏng lẻo. Nếu lỏng lẻo thì thế giới khó có thể chống trả hoàn toàn sự tấn công của liên minh Hồi Giáo khi họ kết hợp lại. Trong Sấm ký Nostradamus ta có thể gặp các khổ thơ mô tả sự kiện này như sau:

*Rồi một ngày liên kết
giữa hai siêu cường lại với nhau
Khiến sức mạnh họ gia tăng
chưa từng thấy
Và làm cho vùng đất có tên là
America lên tới đỉnh cao.*

Tuy nhiên theo Sấm ký Nostradamus thì sự liên minh Nga Mỹ sẽ không lâu, chỉ khoảng ba năm bẩy tháng thôi vì sau đó Nga vì bị áp lực mạnh của người Hồi Giáo ngay chính quanh nước họ khiến họ phải rút khỏi liên minh. Khổ thơ dưới đây trong tập Sấm ký đã cho biết điều đó xảy ra như sau:

*Hai nước lớn liên kết nhau,
họ nắm giữ quyền lực
và luật lệ thế giới trong ba năm
bảy tháng
sau đó lại bị các chú hẩu chống
lại.*

Xét về mặt lịch sử thì quanh nước Nga có vô số nước thuộc Hồi Giáo đã độc lập, số lượng người Hồi tại đây lên tới cả trăm triệu. Theo khổ thơ 95 này của Sấm ký Nostradamus thì sau 3 năm bảy tháng Nga quay về chống trả những bất ổn tại ngay xứ họ còn Hoa Kỳ lại

phải chống trả địch thủ từ Á Châu. Chúng ta nên nhớ là ở vùng Trung Á có vô số các nước Cộng Hòa của người Hồi Giáo đã độc lập khi Nga Xô bị tan rã.

Hiện nay Hoa Kỳ chưa thật sự ồ ạt tấn công toàn diện phe khủng bố, tuy nhiên khó mà tránh một cuộc chiến tranh tàn khốc nếu hai bên đều không biết tự chế.

Theo Sấm ký Nostradamus thì nếu con người không chịu suy nghĩ, vội vã vì thù hận, vì danh dự, vì tự cao, vì nóng giận mà không tự chế thì thế chiến thứ ba tàn khốc sẽ xảy ra không phải chỉ tại Hoa Kỳ mà cả Âu Châu và những nước liên hệ khác. Địa Trung Hải cũng là nơi chiến trường đẫm máu. Nước Ý bị cuốn vào chiến tranh. (Sự kiện mới đây một nhân vật quan trọng của nước này đã tuyên bố những lời về Hồi Giáo đã gây hiểu lầm tai hại cũng là một trong những nguyên nhân gây cảm thù trả đũa). Sau hết xin quý vị hãy nghe một đoạn Sấm ký nói về giai đoạn trước khi nổ ra cuộc chiến tranh cùng lời nhắc nhở và lời than của chính nhà tiên tri Nostradamus:

*Có nhiều nhân vật quan trọng
muốn hòa giải
với những lãnh tụ đầy quyền uy
đã gây chiến với họ.
Nhưng không ai chịu nghe ai.
Hồi Thượng Đế tối cao, phải
chăng Ngài không muốn nhân loại
sống yên bình?*

Để tạm chấm dứt bài viết này, chúng tôi xin nêu ra những điểm chính xác lạ lùng của tập Sấm ký Nostradamus để quý vị phân tích tìm hiểu. Ngoài đoạn thơ mô tả chính xác cuộc tấn công khủng bố ở New-York và Ngũ Giác Đài ra còn có một khổ thơ rất chi ly chính xác mô tả hai tòa cao ốc có hàng chục ngàn người làm việc bị sụp đổ như sau từ khổ thơ 97 và khổ thơ 83.

Khổ thơ 97 mô tả New-York bị tấn công vào buổi sáng:

*Vào lúc bình minh,
Bầu trời bùng cháy ở vĩ độ 45
Lửa khói bao trùm thành phố Mới
mở to lớn
Những ngọn lửa bốc lên trời cao..*

Hình ảnh hai tòa cao ốc ở New-York chứa đầy nhân viên làm việc bị sụp đổ qua mô tả của khổ thơ 83 như sau:

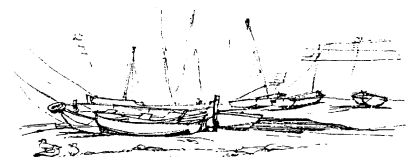
*Như một trận địa chấn ghê rợn,
Những sân khấu khổng lồ đầy ắp
người sụp đổ xuống
Đất Trời tối đen như mực.
Khiến những kẻ vô đạo cũng
phải cầu nguyện*

Nếu chúng ta đọc từng câu thơ của Sấm ký sẽ thấy sự mô tả chính xác đến độ phải rợn gai ốc.

Một khổ thơ khác trong tập Sấm ký Nostradamus mô tả chính xác không kém về hình ảnh rất rõ ràng cho thấy nhóm khủng bố của người Hồi Giáo cực đoan với những hành động bí mật nhưng đầy khủng khiếp hiện nay của họ như sau:

*Những người Hồi Giáo cực đoan
đang đến,
Họ giấu vũ khí trong tấm áo
choàng rộng thùng thình
Họ xâm nhập và đốt cháy đến
hai lần
Họ có những người thông thái
nhưng không tôn trọng
Bất cứ luật pháp nào.*

Qua những câu thơ trên trong khổ thơ số 33 thì rõ ràng nhà tiên tri Nostradamus mô tả qua những lời thơ và hình ảnh vô cùng chính xác nhất là câu đốt cháy 2 lần. Phải chăng là đốt cháy 2 vị trí quan trọng trên đất Mỹ, đó là Ngũ Giác Đài và hai tòa nhà ở New-York. Ngoài ra hai câu cuối lại càng chính xác hơn nữa đó là sự kiện và phương thức khủng bố vừa qua phải nói là từ những đầu óc thông minh tuyệt chúng mới có thể nghĩ ra và cũng những phương thức này chỉ thực hiện thành công một khi kẻ nghĩ ra phương cách đã không tôn trọng bất cứ luật lệ quốc tế nào. (hãy để ý câu: Họ là những người thông thái nhưng không tôn trọng bất cứ luật pháp nào!).



Thời đại của siêu nhân?

Phan Ngọc



Mấy năm gần đây, những tiến bộ căn bản về sinh học kết hợp với tin học và kỹ thuật sinh sản dưới sự trợ giúp của y học, không những làm cho quan niệm của con người với người sống sâu xa đảo lộn mà còn thay đổi những biên giới trước kia xem như vĩnh cửu. Sự kết hợp này còn mở cửa đến những chân trời mới lạ trên lãnh vực y học mà một số người đánh giá như đầy hứa hẹn và một số khác nhận diện như những cơn sấm sét báo hiệu giông tố gió bão.

Một trong những công trình nghiên cứu căn bản sinh học (bí mật đời sống, cơ chế hóa học của sự di truyền, thuật di thể cho phép can thiệp trực tiếp vào tất cả số di thể chứa đựng trong mỗi người, chứng minh sự cấu tạo đứt đoạn của di thể, phát minh phương pháp phóng đại di thể theo đó người ta có thể dùng một đoạn di thể tạo ra vô số di thể khác tùy theo ý muốn) - là công trình thực hiện bản đồ di thể gồm từ 50.000 đến 100.000 di thể (tháng 6.2000 Sở Nghiên cứu Di thể Quốc gia Hoa Kỳ loan báo giải mã được 95% bộ di thể người), tìm ra di thể nào ấn định màu da màu tóc, xương hàm, chiều dài tay chân v.v... Mặt khác, khoa học còn có thể nhận ra di thể nào dính dáng đến các bệnh di truyền nan y, như thể hướng đến mục tiêu cung cấp dụng cụ chẩn đoán chính xác, thuốc men mới, phương pháp điều trị cụ thể hữu hiệu. (Tháng 4.2000, tạp chí Mỹ Science thông báo các nhà khoa học Pháp đã

thành công điều trị 2 đứa bé bắt buộc phải sống mãi trong phòng kín vô trùng từ lúc lọt lòng, vì mắc bệnh di truyền gọi là hệ thống miễn nhiễm suy yếu, bằng cách chích di thể điều chỉnh vào cơ thể 2 bệnh nhân).

Trên phương diện sinh sản với sự giúp đỡ của y học, hai kỹ thuật tinh vi được mọi người rất mực chú ý:

1. Kỹ thuật chẩn đoán tiền ghép:

là một cuộc khám nghiệm di thể trên 1 phôi thai gồm 8 tế bào. Mục đích là tìm nơi phôi thai di thể nào liên quan đến bệnh di truyền và nếu có thì xem xét di thể ấy có khả năng truyền bệnh đến thế hệ sau hay không trước khi ghép phôi thai vào tử cung của người mẹ.

Sử dụng phương pháp này có lợi hơn phương pháp chẩn đoán xuyên tử cung, do đó tránh khỏi hư thai hoặc phá thai với mục đích điều trị. Cho đến giờ, chẩn đoán tiền ghép chỉ giới hạn ở những bệnh hết sức đặc biệt và hiếm có như bệnh phổi có chất nhầy trong phế nang, những bệnh cơ bắp, những quái tượng nhiễm thể.

Nhưng lựa chọn phôi thai không mang bệnh tật có thể dẫn đến lạm dụng. Dần dần các nhà khoa học sẽ khám phá chức năng của những di thể khác. Các loại Test chẩn đoán sẽ có mặt trên thị trường và sẽ lan rộng đến những bệnh di truyền khác ít trầm trọng hơn như bệnh máu không đông, ngay cả đến những thành phần cá tính di truyền như diện mạo, thái độ, tư cách v.v...

2. Sinh sản vô tính:

Theo kỹ thuật này, người ta ghép 1 tế bào trứng thành vào 1 noãn bào không có nhân và để cho phôi thai này nở đến kỳ hạn. Kỹ thuật sinh sản vô tính được áp dụng thành công nơi các động vật có vú như con trầu DOLLY ở Tô Cách Lan (1997), con hươu, 1 loại sinh vật gần giống như con người nhất ở Mỹ (2000) đã hé mở đến nhiều triển vọng mới trên địa hạt khoa học căn bản và làm chủ người sống.

Người ta có thể tạo ra những động vật có gia tài di truyền biến đổi, giúp động vật sản xuất chất đạm như nhân tố làm đông máu cần thiết cho sự điều trị bệnh máu không đông. Một triển vọng khác là người ta sửa đổi nội tạng của loại động vật vừa nêu trên sao cho hợp với loài người, do đó trở thành kho dự trữ mầm ghép cho những người bệnh đang chờ ghép.

Thế nhưng bước tiến nhảy vọt kỹ thuật ở Tô Cách Lan, Mỹ mặc nhiên đặt ra những bài toán đạo đức hết sức quan trọng. Ai ai cũng tự hỏi sinh sản vô tính có chính đáng không vì trong tương lai người ta sẽ áp dụng phương pháp ấy với con người. Viễn ảnh tạo ra dòng người vô tính là một viễn ảnh ghê sợ nhất, vì sinh sản vô tính nêu lên vấn đề vĩnh cửu và vô tận. Phải chăng nó là giai đoạn cuối cùng không thể vượt qua trong cuộc phiêu lưu làm chủ sự sinh sản của nhân loại? Trước một tương lai đầy bấp bênh như thế thì xảy ra vụ PETER SLOTERDIJK, một triết gia Giáo sư Đại học KARLSRUHE Đức.

3. Vụ PETER SLOTERDIJK

Trong một buổi tham luận về triết học tại Bayern Đức, ông đã gây nên không ít xôn xao khi ông nêu lên một ý kiến cho rằng người ta "có thể vận dụng khoa di truyền học để làm một cuộc tuyển lựa tiền sản, hơn thế nữa để quy hoạch rõ ràng các đặc tính của loài người hầu khuất phục loài người dựa trên những nền tảng mới". Liền sau đó, cơ quan ngôn luận Đức kết án triết gia đã đánh thức những ma quái xưa cũ như chương trình tạo nên lớp người mới khỏe mạnh cao siêu hơn người khác, loại bỏ những người bạc nhược yếu đuối kém thông minh dựa trên sinh học chủng tộc. Một chương trình ra đời vào thời Quốc Xã. Cũng triết gia JÜRGEN HABERMAS tưởng rằng phái nhân bản dân chủ Đức thuộc Đại học Frankfurt cũng lên tiếng nghiêm khắc phê phán PETER đã vượt qua làn mức không thể tha thứ. Thật sự triết gia PETER đã nói lên những gì để gây nên một cuộc tranh luận sôi nổi đến nỗi nó vượt qua khỏi ranh giới quốc gia?

Trước nhất, ông khai triển đề tài sau đây: chúng ta đang đứng trước buổi bình minh của thời đại mới, đặt trên nền tảng "hậu văn học, hậu kinh thư, tất nhiên hậu nhân bản". Sự nhận định này nói đúng theo lời chỉ trích của triết gia NIETZCHE theo đó những nhà lãnh đạo tinh thần, những nhà giáo dục được giao phó nhiệm vụ nhồi nhét vào đầu con người những giá trị đạo đức truyền thống. Được đánh giá như những lý tưởng cao cả, thật sự theo PETER những giá trị ấy chỉ nhằm vào việc thuần hóa các bản năng mọi rợ và những xung năng nổi loạn vì có mối liên quan mật thiết giữa "sự kính trọng

Thánh hiền, nghiêm trang ngồi đọc Kinh thư và tâm hồn an bình". Cũng như NIETZCHE, PETER mỉa mai chủ nghĩa nhân bản mà chủ đề tiềm tàng là làm sao cho con người thoát khỏi sơ khai và chính đề ẩn là đọc sách Thánh hiền sẽ làm cho phong tục tập quán thuần khiết hơn. Vì vậy, muốn làm cho loài người khác hơn loài thú, muốn cưỡng ép loài người vào khuôn phép (theo lời của FOUCALILT, vị thầy khác của PETER), người từ thời thơ ấu đã bị nhồi vào đầu óc những tác giả vĩ đại mà đức độ, thực chất của họ chỉ có tác động xoa dịu như những loại thuốc an thần. Nhưng trước làn sóng văn hóa đại chúng, TV, Internet loại thuốc an thần ấy trở nên vô dụng và cần có những bài thuốc khác hữu hiệu hơn. Cũng như HEIDERGER, PETER xem nhân bản là "tác nhân của điều gọi là vô tư tưởng từ 2000 năm nay". Nhân bản là con số không to tướng, không chứa đựng một tư tưởng cao siêu nào. Thanh toán nó là một điều không đáng trách. Trái lại từ đồng gạch vụn của nó, mới có thể xuất hiện "loại người mới".

Từ những lập luận trên triết gia đề cập đến đề tài thứ hai bằng những câu hỏi: Nếu như những giá trị luân lý "già hiệu" cũ, những loại sách gối đầu giường dạy Nhân Nghĩa Lễ Trí Tín đều thất bại trước sức xuyên phá của nền thông tin đại chúng và không còn có đủ khả năng quản lý xã hội "hậu văn học" thì trong tương lai, nguyên tắc tổ chức "bãi người" là nguyên tắc nào? Triết gia nói tiếp: Người ta dùng những phương tiện nào để chế ngự con người nếu như nhân bản thật sự là một trường học dạy cách thu phục con người thất bại? Ai có thể thuần hóa con người nếu như vấn đề ai huấn luyện các nhà giáo dục để họ truyền dạy điều gì không được phân tích rõ ràng, cho dù người ta đã mang ra thử nghiệm không biết bao nhiêu phương pháp giáo dục? Vậy thì cuối cùng có nên đánh thẳng vào mặt "vô tư tưởng chủ nghĩa nhân bản"? Có nên điều tiết loài người bằng bài bản khác hơn bài bản giáo dục truyền thống?

Và triết gia đi đến đề tài thứ ba, một đề tài gây ra không ít bàn tán sôi nổi: "Phải có đủ can đảm để sử dụng những tiềm lực của phương pháp vận dụng di truyền học hầu tiến đến giai đoạn cổ ý, có ý thức thu phục loài người". Hãy nghe ông nói tiếp: "khoa học đang phát triển trong chiều hướng

thuận lợi. Người ta không thể vì lý do gì để cho một quyền lực khác cao siêu hơn hành động thay mình. Nhưng phải tham dự trò chơi tích cực hơn và đề ra những quy luật mới liên quan đến kỹ thuật nhân chủng học. Rõ ràng là những giai đoạn sắp đến mà nhân loại phải trải qua là những giai đoạn sẽ định đoạt thân phận loài người. Những gì sẽ quyết định nếu như nhân loại và những thành phần quan trọng của nhân loại sẽ có đủ khả năng tạo ra những thủ tục tự làm cho thuần tính, nếu như kỹ thuật nhân chủng học của tương lai sẽ quy hoạch rõ ràng các đặc tính di truyền, nếu như toàn thể nhân loại đều đồng ý từ bỏ ý thức "sinh ra vì số mệnh để nhận thức sinh ra theo ý muốn và tuyển lọc tiền sản" ?

Nói tóm tắt PETER công nhận những câu hỏi nêu trên đã gây nhiều bối rối. Nhưng đối với ông, những câu hỏi ấy không dựa trên một nền tảng đạo đức nào, cũng như trên ý thức hệ nhân quyền lỗi thời. Thế thì "giữ gìn loài người trong những bãi và thành phố" phải chăng là một "việc làm tương tự như điều khiển một sở thú"? và những gì mà người ta nặn óc tìm tòi thực sự chỉ nhằm vào "quy tắc điều động các bãi người". Đơn giản chỉ có thế!

Trước kia, các ý thức hệ chuyên chế độc tài từng tuyên bố đấng tạo hóa đã chết, con người đã chết. Vậy thì có nên cùng triết gia PETER dễ dàng ký giấy khai tử các đạo đức nhân bản không? Nhân bản với 2 nguyên tắc đạo đức căn bản: Không nên xem con người là đồ vật, là công cụ; lại nữa không vì lý do gì gây thêm đau khổ cho loài người càng đau khổ thêm. Nguyên tắc tôn trọng tự do của con người và nguyên tắc diệt đau khổ. Đặt vấn đề cách khác, có nên đồng ý công cụ hóa con người để tiến đến một xã hội siêu nhân dưới tay có những kẻ bần tiện phục vụ? Thay vì đặt trọng tâm vào con người với sự thật trần trường tốt xấu, tiến đến mục đích tối hậu phát huy phẩm chất con người; ý thức sống trọn vẹn đời sống và thân phận con người, cho dù mai kia khoa học có thể dẫn đưa nhân loại thoát khỏi thân phận ấy?

Công cụ hóa con người đặc biệt lôi kéo theo 2 vấn đề quan trọng bậc nhất: Cho phép hay không cho phép hài nhi ra đời, kế hoạch ngoài năng tính.

Nên hay không nên ra đời?

Hài nhi là một biểu tượng mâu thuẫn của nền hiện đại và những kỹ thuật tiền sản mới. Hài nhi là một con người sớm được công nhận và hài nhi sinh ra hai lần: Với tư cách là bào thai trong bụng mẹ, nó đã là một người bé nhỏ nhìn thấy được, nó cũng có cảm xúc và đã có một lịch sử nho nhỏ. Nó chưa có thể can thiệp dân sự, nhưng đã có một lý lịch về mặt y học. Tất cả vấn đề đều nằm ở điểm này. Nếu như cuộc khám nghiệm phát hiện di tật, không thể chữa khỏi, nếu đời sống hài nhi là một mối lo âu cho cha mẹ, nó có thể trở về với hư vô. Sự phá thai với mục đích điều trị sẽ định đoạt số phận của nó. Y học đã dẫn đưa cha mẹ vào một khu vực đầy ghê rợn có thể xảy ra nhưng không có điều gì bảo đảm. Nếu thầy thuốc cho biết có điều bất thường, cha mẹ sẽ đứng trước sự tiến thoái lưỡng nan: Nên hay không nên vút bỏ đời sống do mình tạo ra?

Trong thời gian dài, đạo đức và tôn giáo đều đồng ý phải hy sinh bào thai để cứu người mẹ. Nhưng tiến bộ khoa học đã làm cho quy luật này thay đổi. Hầu hết các bệnh tật của sản phụ đều được chữa khỏi, cho nên bây giờ bào thai phải gánh chịu những gì không được chắc chắn lắm. 9/10 phá thai vì sức khỏe đều dựa trên lý lẽ sẽ có một đứa con mang tật. Nhưng sự chẩn đoán di tật không phải là một chẩn đoán chính xác 100%. Vì khoa học càng tiến bao nhiêu thì sự quyết định càng giống như cuộc số số bấy nhiêu. Cho dù 95% trẻ sinh ra bình thường, làm sao không kể đến 5% trẻ sinh ra phải chịu khổ suốt đời.

Nhưng tất cả đều tương đối. Một người có thể sống với một chân giả hoặc với một bàn tay có hình dáng như một còng cua. Nhưng cha mẹ hoặc người chung quanh có chịu không? Điều bất hạnh lớn nhất cho đứa bé là không được đón nhận nồng hậu cha mẹ? Có thể diễm nhiên chấp nhận cho đứa bé chết nếu như nó không sinh ra đúng tiêu chuẩn? Ai có thể phủ nhận điều mong muốn của cha mẹ có một đứa con nắm chắc phần may mắn trong cuộc sống sau này? Cho nên tôn trọng nhân bản là làm thế nào để phòng ngừa việc điều trị bệnh tật, dị tật ở giai đoạn bào thai hầu ngày kia thầy thuốc không còn có phận sự giết chết hài nhi như giết chết bệnh tật.

Kế hoạch ngoài năng tính:

Louise Brown, cô gái sinh ra từ ống nghiệm năm 1978 tại Anh đã đánh dấu một thời đại mới chẳng? Một mặt tiến bộ y học cho phép điều trị sự hiếm muộn. Mặt khác, nhân loại đã tách rời nguồn gốc con người ra khỏi giới tính. Sự liên kết cha mẹ trên lãnh vực chủng tính đã rạn nứt. Sự liên kết này chẳng những để lại nhiều hậu quả nặng nề mà còn đưa đến những việc làm, những quyết định gọi là vô ý thức.

Vào thập niên 60, luật pháp cho phép ngừa thai, đến thập niên 70 cho phép phá thai (chế độ CS cho phép phá thai từ đầu). Sinh sản dưới sự trợ giúp của y học xuất hiện qua cửa ngõ thụ thai nhân tạo. Luật pháp đã cho phép tiêu diệt bào thai có thể công nhận quyền tạo nên bào thai không? Đã cho phép chống lại đời sống, tại sao ngăn cấm tạo nên đời sống?

Năm 1981, cô bé Amandine cũng sinh ra từ ống nghiệm tại Pháp. Trong vòng 10 năm, nhiều tin tức sốt dẻo nối tiếp những tin tức sốt dẻo khác. Sự đông lạnh các phôi thai hé lộ cho thấy người ta có thể thực hiện được nhiều điều đồng thời gây nên nhiều hoang mang! Phôi thai dành cho đôi vợ chồng không phải là tác giả trẻ sinh đôi sinh ra cách nhau vài năm, thuê tử cung, chọn lựa năng tính, một bà ngoại mang thai dùm, làm mẹ ở giai đoạn tắt kinh, phụ nữ thụ thai với tinh trùng và trứng của con gái và rể, của con trai và dâu. Những gì có thể thí nghiệm về quan hệ mẫu tử, phụ tử đã được thí nghiệm trên thân thể người phụ nữ sẵn sàng bằng lòng hợp tác.

Năm 1985, JACQUES TESTART, cha đẻ Amandine thông báo chấm dứt những công trình nghiên cứu có thể dẫn đến sa đà như chọn lựa cá tính bào thai, sửa đổi di thể, sản xuất song thai trở thành ngân hàng cung cấp mô tế bào, phương pháp sinh sản vô tính. Nhà sinh học dự đoán sinh y học và khoa di truyền sẽ gặp nhau và ông từ chối "sản xuất những đứa trẻ như người ta chọn lựa ở cũi chó theo màu tóc, màu da, chiều dài tay chân, hình dáng hai tai v.v...".

Năm 1996: con trầu Dolly ra đời tại Tô Cách Lan theo phương pháp sinh sản vô tính.

Năm 1998: nhà sinh học Mỹ RICHAR. D SEED loan báo sẽ thành lập bệnh viện với mục tiêu trên.

Năm 2000: con hầu TETRA (anh em họ với con người) ra đời tại Mỹ cũng theo phương pháp sinh sản vô tính.

Viễn ảnh tạo nên loài người dòng vô tính theo phương pháp sinh sản vô tính gây ra nhiều nỗi lo âu và người ta tự hỏi có điều gì ghê gớm đang xảy ra hoặc sắp xảy ra? Thụ tinh nhân tạo đã pha trộn lợi ích với nguy hiểm. Nhưng việc đem trứng ra khỏi thân thể con người sẽ phát sinh lạm dụng lạm quyền. Từ trước đến giờ, chưa có một thể hệ nào có khả năng dám đông lạnh, dự trữ, thay đổi cá tính con cháu mình. Vậy thì có quyền lực nào cân bằng quyền lực chế ngự con người khả dĩ đi đến điều gọi là ưu sinh học?

Nền ưu sinh học "dân chủ nhân tử"

Ở những xã hội Tây phương, quyền có một đứa con hoàn hảo là một ám ảnh. (Không riêng gì ở Tây phương, ở Đại Hàn hai nhà khoa học đã thành công tạo nên "phôi thai cũng theo phương pháp sinh sản vô tính, ở Việt Nam Bệnh Viện Sản Khoa Từ Dũ đã thành công tạo nên một đứa bé bằng ống nghiệm năm 1999)". Điều này có thể đưa đến một nền ưu sinh học được công nhận vì nó dựa trên kỹ thuật chứ không phải trên đạo đức.

Như trên đã nói, chẩn đoán xuyên tử cung và hơn thế nữa "chẩn đoán tiền ghép để giúp khoa tiền sản loại bỏ những di thể xấu, tất nhiên những bào thai bệnh tật, khuynh hướng này không mới mẻ gì. Đã từ lâu vào tiền bán thế kỷ XX, một số quốc gia Âu và Mỹ Châu đã dùng phương pháp triệt sản (thắt hoặc cắt vòi tử cung) đối với những người bệnh nan y, để cuối cùng giữ lại những con người khỏe mạnh xét dưới khía cạnh di truyền. Nhưng trong hiện tại, người ta nhìn thấy rõ ràng bóng dáng của nền ưu sinh học dân chủ vẫn minh với bộ mặt con người. Các nhà khoa học cho phép đôi vợ chồng tự do lựa chọn con cái khỏe, đẹp theo ý muốn. Phải chăng sự chẩn đoán tiền ghép dẫn đến một sự "định nghĩa mới về nhân loại" Dựa vào sự phát minh sáng chế của mình, con người trở thành nhà sáng tạo ra mình. Chắc chắn con người sẽ không dừng lại ở ngưỡng cửa ưu sinh học hào tâm hào ý như thế, là gương mặt hiện đại của sinh mệnh, khoa nghiên cứu di thể và các định luật điều khiển di truyền đang chờ đợi thời điểm thuận tiện để gây ra nhiều hậu quả khôn lường?

"Người ta sẽ hướng về con cái của mình theo tâm lý muốn có một chiếc ô-tô mới. Người ta mua một chiếc ô-tô, sau đó vứt bỏ nếu không vừa ý". Sự

tiên đoán này không có vẻ gì hồ đồ vì nó xuất phát từ FRANCIS COLLINS nhân sinh học có trách nhiệm về chương trình nghiên cứu gia sản di thể ở Viện Nghiên cứu Sức khỏe Quốc gia (Mỹ). Trong vòng 20 năm, có lẽ 10 năm người ta sẽ hiểu biết phận sự của một số lớn di thể, vì vậy trên phương diện kỹ thuật, không có điều gì ngăn cản người ta chọn lựa thai nhân tạo theo thể căn cước di thể của nó. Cũng như người ta có thể chọn lựa một đứa con có vóc dáng lực sĩ hoặc có khả năng văn học nghệ thuật. Cũng không có ai ngăn cấm người ta ghép vào bào thai một di thể ấn định gương mặt trái soan của bà ngoại bà cố đứa trẻ như người ta đã ghép một di thể lạ vào thảo mộc trên lãnh vực nông nghiệp để khỏi sử dụng thuốc trừ sâu bọ cỏ hoang đắt giá, hoặc giữ hoa quả tươi lâu hơn. Và khi mà một trẻ con hoàn toàn sinh ra từ những ống nghiệm như từ một cái nón ào thuật, không có ai có thể ngăn cản người ta sẽ tạo nên hằng hà trẻ con khác giống như sao y bản chính theo kỹ thuật sinh sản vô tính.

Phương pháp sinh sản vô tính và kỹ thuật di thể là những kỹ thuật đòi hỏi nhiều phương tiện tài chánh có thể biến người nghèo và người giàu thành hai chủng loại khác nhau như nhà sinh học Mỹ LEE SILVER lo sợ? Có điều chắc chắn là trước kia nằm trong kế hoạch gia đình, hôm qua phải chết vì cha mẹ không muốn nhờ kỹ thuật siêu âm, hôm nay trẻ con là kẻ chiến thắng của sự hiếm muộn. Ngày kia trẻ con sẽ được lựa chọn trước khi có hình dáng con người, trước khi hưởng được sự an lành trong bụng mẹ. Trẻ con sẽ có tự do nào?, có hưởng được quyền hoài nghi? Quyền khác biệt với người khác?

Sinh sản vô tính và thuật di thể còn đặt ra một bài toán khác cũng không kém phần quan trọng. Sự tách rời năng tính (giới tính) ra khỏi sinh sản, ra khỏi nguồn gốc con người là một việc làm trầm trọng. Tạo thai nhân tạo không những dính líu đến những đôi vợ chồng hiếm muộn và nền "y học phục vụ lòng ham muốn" mà còn thể hiện những đòi hỏi vô ý thức chưa từng có và không được đạo đức, xã hội đáp ứng. Tại sao trước đây người ta rằm rộ yêu sách năng tính tối đa với sinh sản tối thiểu, thì bây giờ ngược lại sinh sản tối đa và năng tính tối thiểu?

Chung quy, xâm lấn vào địa hạt sinh sản của nhân loại trước sau chỉ là mưu toan làm chủ một bí ẩn, bí ẩn

năng tính, gốc gác năng tính của loài người; làm chủ những gì liên quan đến những kinh nghiệm do sự khác biệt người nọ với người kia mà có. Thật vậy, những câu hỏi liên quan đến năng tính, dòng dõi có nghĩa là liên quan đến bản thể con người, đến tương quan với người khác là những câu hỏi chính đáng xác thực. Mỗi người đều sinh ra trong sự khác biệt, khác biệt về năng tính, về thể hệ, với tiềm lực vừa thương yêu vừa xung khắc. Và muốn có một chỗ trú ngụ trên mảnh đất đầy chông gai này- vì không có mảnh đất nào khác- con người không thể không cần đến thế hệ mai sau để truyền đạt những gì con người đã kinh qua.

Thần Thánh không có Thượng đế cũng không, sau cùng những ý thức hệ chống nhân bản cũng biến mất, chỉ còn lại sự khác biệt về năng tính, còn lại người nữ người nam, một bí ẩn triệt để, một trong những bí ẩn khó khám phá nhất. Phải chăng vì có sự gián đoạn trong công việc truyền lại những kinh nghiệm đã trải qua nên mới có những cuộc thí nghiệm thái quá ?

Một tầm nhìn tổng quát cho thấy chống nhân bản là tấn công thẳng thừng vào sự quan hệ thân tộc dòng dõi- nguồn gốc của sự khác biệt - vào các loại tình cảm thanh cao như lòng mẫu tử, phụ tử, vào sự nối tiếp giữa các thế hệ đến việc xóa bỏ khác biệt qua phương pháp sinh sản vô tính. Làm như thế là diệt khổ hay tạo thêm đau khổ ? Vượt qua làn mức thiên nhiên hay xúc phạm trực tiếp đến nhân loại như "phạm tội chống nhân phẩm" với tất cả những biểu tượng hữu hạn như sinh lão bệnh tử, sinh ly tử biệt, quan hệ nam nữ, tuổi đời ?

Sau khi các nhà vật lý, đứng đầu là ALBERT EINSTEIN giải thích sự thành hình vũ trụ, đến lượt các nhà sinh học khám phá bí mật đời sống. Những phát minh kỳ diệu và những bước tiến vượt bực về mặt sinh y học đã mang đến nhiều kho báu cho khu vườn nhân loại. Nhưng trước ngõ cụt, bề trái của tiến bộ về cơ chế đời sống hé lộ cho thấy nhiều bóng tối đang lo ngại. Cuộc chinh phục đời sống, người sống càng đi xa bao nhiêu thì nhân loại tiến dần đến một biên giới không có đường thối lui bấy nhiêu. Nếu vượt qua ranh giới ấy, tất cả có thể nghiêng ngã đổ vỡ và nhân loại sẽ trở về với thần thoại nguồn gốc nguyên thủy giữa đêm tối. •

Làng tôi



*Hùng-Mỹ là tên gọi làng tôi
Tiếng thóm hùng kiệt tự bao đời
Lưu danh muôn thuở còn ghi dấu
Cùng với thời gian tỏa sáng ngời!*

*Tôi nhỏ làng tôi suốt cuộc đời
Từ ngày cất bước thuở xa xôi
Xa hàng tùng bách soi bóng nước
Xa chiếc cầu tre nối đôi bờ*

*Xa con ngõ hẹp quanh lối xóm
Xa bóng hàng cau đứng bên vườn
Giàn trầu mẹ bón còn xanh muốt ?
Rặng liễu sau hè gọi nhỏ thưởng*

*Cánh đồng thóm ngát lúa thóm hưởng
Tiếng sáo vi-vu trong nắng hường
Có đàn cò trắng bay về tổ
Xào-xạc tìm nhau mọi nẻo đường*

*Tôi nhỏ quá làng tôi êm-ả
Lúa đầy sân sau hai vụ chiêm, mùa
Trai gái trong làng vang điệu hát
Hội lễ về, quần áo se sua*

*Chuông Chùa Tĩnh ngày ba lần đổ
Sáng trưa chiều nghe tiếng chuông ngân
Thức tỉnh hồn mê về bốn giác
Hồng-trần rũ sạch, hết gian truân*

*Sớm khuya vang vọng tiếng chuông linh
Lời kinh huyền-diệu dưới trăng thanh
Ấp ủ thế-nhân đầy gian khổ
Ban rải hồng-ân xuống dân lành*

*Tôi nhỏ làm sao bến đò xưa
Ngày đêm đưa khách nối đôi bờ
Tú thời bát tiết không ngừng nghỉ
Ông lái-đò luôn đón khách chờ*

*Bao năm lưu-lạc ở quê người
Nỗi nhỏ làng quê dạ chẳng nguôi
Chiều chiều tựa cửa nhìn mây trắng
Trăn-trở niềm thương giữa cảnh đời !...*

*Mong được ngày nào trở lại quê
Lâng lâng lòng gửi nhỏ nhưng về
Gặp lại người thân, bao xa cách...
Thỏa nguyện hồi-hưởng, vẹn mọi bề*

• **Thiện-Lâm PHẠM-VĂN-MỘC**

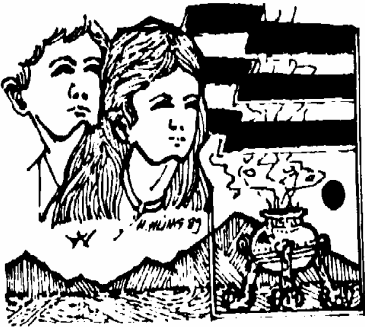
Lời thề cao quý

(để kính dâng: Hương hồn Nhà chí-sĩ
NGUYỄN-THẾ-TRUYỀN)

... Nguyễn-Tất-Thành và tôi có rất nhiều kỷ niệm lịch sử ràng buộc thời thanh niên lý tưởng.

Tôi là bạn chí thân của Nguyễn-Ái-Quốc nhưng tôi không bao giờ được biết Hồ-Chí-Minh...

(Nguyễn-Thế-Truyền)



Có những lời thề nào đẹp cho bằng khi còn tuổi thanh niên bồng bột, hăng hái, ý thức đấu tranh lên đường theo tiếng gọi của hồn thiêng sông núi, để nguyện hiến thân làm đuốc soi đường cho ngọn lửa quật khởi vùng lên đòi độc lập, tự do của dân tộc.

Có những lời thề nào quý cho bằng một trái tim chung thủy, cô đơn ở lại trên đời sau khi vĩnh biệt thân xác người yêu dưới nắm mồ lạnh lẽo vô tình.

... Và cũng có những lời thề khả kính, truyền cảm vào tâm hồn chúng ta, khi nhìn thấy tuổi già mà còn xúc động chứa chan trước người quá cố để vẹn tròn trung hậu, tín nghĩa đối với bạn bè, đáng được ghi vào lịch sử của mỗi tình tri âm thời đại.

Thời tiền chiến (1939-1945), vào khi ngọn lửa đấu tranh, giành độc lập của các quốc gia bị trị Á-Phi đã bắt đầu nhen nhúm, chờ dịp bùng lên đốt cháy các thế lực xâm lăng của các đế quốc... Trong khung cảnh lịch sử chính trị của đất nước Việt-Nam lúc bấy giờ thật là sôi động, vì các hoạt động của các nhóm sĩ phu yêu nước, muốn đưa dân tộc Việt-Nam đi vào con đường chuyển biến mới của trào lưu quốc tế. Tuy nhiên, vì cần đến các thế lực quốc tế bên ngoài hỗ trợ như văn hóa, tư tưởng cách mạng, chỉ viện quân sự, cho nên một số trí thức Việt-Nam chọn lấy con đường bên ngoài hải ngoại để

làm đất dụng võ đấu tranh cho nền tự do, độc lập nước nhà.

Trong lớp người tuổi trẻ hiện ngang, chí lớn ấy có năm nhân vật <1> được coi như là tiêu biểu cho các xu hướng tư tưởng chính trị đa nguyên, bắt nguồn từ những nhận thức khác nhau. Và dĩ nhiên, sự kết hợp đó chẳng qua là một giai đoạn tối cần trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng nước nhà. Thời kỳ trăng mật của nhóm "Ngũ-Long" <2> đó kéo dài từ năm 1919 cho đến cuối năm 1923, khi hai tờ báo "Người Cùng-Khổ" và "Việt-Nam Hồn" được năm người cùng cộng tác và dùng chung bút hiệu dưới cái tên là Nguyễn-Ái-Quốc <3>. Và cũng kể từ mùa Đông cuối cùng năm ấy đã hoàn toàn bắt đầu lộ dạng, đánh dấu sự rạn nứt, biệt ly của mỗi tình đồng chí, vì ý thức chính kiến khác nhau về đường lối đấu tranh quang phục quê hương dưới gót sắt của giặc xâm lăng...

Theo thứ tự thời gian, kẻ còn người mất. Kẻ thành công đến tuyệt đỉnh vinh quang, người bị sa chân vào trong chốn ngục tù hoặc chỉ có thành nhân hay thân bại danh liệt. Thế rồi định mệnh lại sắp đặt, hai người còn lại đều cùng có mang những mẫu tự đầu của tên họ gần giống như nhau. Một người từng mang tên "Nguyễn-Tất-Thành" thì đã trở thành làm Vua một cõi giang san, từ vị tuyến 17 trở lên đến cực tuyến đầu đất nước. Trái lại, còn một người thì sống ẩn dật, thanh bần, quanh năm với chiếc quần đùi trong gác trọ ọp ẹp ở phương Nam. Người này mang tên là Nguyễn-Thế-Truyền.

Trong khung cảnh lịch sử chính trị miền Nam Việt-Nam lúc bấy giờ, Nguyễn-Thế-Truyền là một nhân vật khá quen thuộc ở mọi tầng lớp đồng bào nhờ có bản tánh bình dân, bộc trực. Nếu một cái tát tay "khí khái" vào mặt viên quan Tổng-Đốc họ Vi ở bến đò miền Bắc năm xưa còn được lưu truyền vào trong lịch sử giai thoại nhân dân địa phương đạo nào, thì cũng chính lá thư đầy hào khí <4> phản kháng thế lực Pháp-Mỹ, để yêu cầu bằng nhà Ngô ra khỏi đất nước miền Nam Việt-Nam, đã đủ nói lên được cái bản tính can cường, bất khuất của tiên sinh.

Và cũng để hiểu rõ ngọn nguồn lịch sử được mai táng bao năm dưới nắm mồ lạnh lẽo, vô tình. Chúng ta hãy bình tâm khách quan, để vô tư xem lại một đoạn chứng tử tranh đấu, do chính tay của tiên sinh hạ bút nói về chân dung đích thực của một con người mang tên là Nguyễn-Ái-Quốc.

... Nguyễn-Ái-Quốc là con người như thế đấy. Những anh Nguyễn tham

vọng cái gì? Tham vọng giải phóng anh em của anh bị rơi vào vòng nô lệ, bị bóc lột dã man bởi bọn Thực-dân tham tàn. Có tham vọng nào cao quý hơn thế không? Ở trong nước Nguyễn-Ái-Quốc sống hạnh phúc giữa những người thân của mình. Lúc còn ít tuổi, anh đã trông thấy người Pháp chặt đầu đồng bào mà anh không hiểu vì sao? Cấm giạn, anh ra đi, đi xa khỏi cảnh bất công ấy để có thể kêu lên ở nơi khác: Công-Lý! Tạm biệt gia đình. Tạm biệt Tổ quốc. Thế là anh trải qua những gian nguy của di cư và sống khổ cực, chỉ có sự ủng hộ duy nhất trên thế giới đối với anh là lý tưởng của anh, nhiệt tình của anh và niềm tin ở sự giải phóng đồng bào đau khổ của anh. Ngày nay, anh đấu tranh kiên quyết bên cạnh những người anh em châu Phi và châu Âu <5> ...

Thế rồi thời gian trôi qua, vì lý do chính kiến đổi thay cho nên sự hợp tác của nhóm "Ngũ-Long" lần đã đi vào tình trạng tình chung lý chia, đồng sàng dị mộng, và chung cuộc tránh sao cho khỏi cảnh tượng hồ tan keo rã. Tuy nhiên, mẫu số chung vẫn là quyết tâm tranh đấu trường kỳ nhằm quang phục quê hương bên cạnh lời thề dưới trăng mai kiếm hây còn. Một mối tình chung chung yêu nước thiết tha không bao giờ đoạn tuyệt. Chính vì vậy mà Nguyễn-Thế-Truyền luôn luôn bao giờ cũng dành cho Nguyễn-Tất-Thành một thế đứng trong tình bằng hữu, trả lại cho Nguyễn-Tất-Thành trở về vị trí của bầu bạn chí thân thuở còn đồng chung viên gạch hồng sưởi ấm giữa mùa Đông.

Hiện nay, thì tất cả nhân vật trong nhóm "Ngũ-Long" đã trở nên người thiên cổ. Tuy nhiên, cái chết cuối cùng của Nguyễn-Thế-Truyền hãy còn nhiều niềm ẩn ức lạ kỳ, mà tác giả với tư cách là một **bi-thư tâm-phúc** của tiên sinh đã từng cùng nhau cộng tác đấu tranh từ những năm xưa, nay muốn bày tỏ ra đây những lời thương tiếc, để gọi là tưởng niệm lại chút tình tri ngộ.

... Năm nay, Xuân lại về trên đất nước vẫn còn đầy hỗn mang nhưng hoa kia cứ vô tình nở, làm gieo nhiều kỷ niệm quá khứ vui buồn trong tâm hồn con dân dòng máu Việt-Nam.

Nghĩa trang mọc thêm nhiều nấm mộ.

Lịch sử ghi dấu nhiều về người chết.

Cụ Nguyễn-Thế-Truyền là một trong những người đã ra đi trong lạnh lùng, cô đơn, sau khi chấp nhận cuộc

đời dài gần ba phần tư thế kỷ. Mực đã chảy nhiều về Cụ. Tiếc thương cũng nhiều mà dùng cũng không phải ít! Dấu sao, sự việc Cụ lia bỏ chính trường và cuộc đời trong lúc tuổi đã già mà sự nghiệp dở dang. Cụ chết trong hoàn cảnh tầm thường, nhưng tâm hồn vẫn còn "bạch-đình" lại là một điều khó tìm thấy trong thành phần chính khách lão thành như Cụ.

Trong hàng ngũ chính khách quốc tế đã có rất nhiều người từ bỏ chính trường, nhưng không từ bỏ cuộc đời để tìm thú vui tâm thần, nghỉ ngơi, trút sự mệt mỏi để hưởng tuổi già sau bao năm tận tụy đấu tranh phục vụ quê hương. Ngược lại, ở trường hợp Nguyễn-Thế-Truyền, Cụ đã từ bỏ cuộc đời trong khi đôi vai còn đeo gánh nặng chính trường, mà tưởng chừng khi thác xuống tuyền đài hãy còn mang nặng nợ. Và nếu cái chết của văn hào Nguyễn-Tường-Tam, để lại cho lịch sử phê phán theo như di chúc của tiên sinh <6>, thì cái chết của Nguyễn-Thế-Truyền hôm nay, đã để lại trên trang giấy trắng học trò bằng mấy hàng chữ nguệch ngoạc "*bó chiếu làm hòm*". Cùng với gia tài của Cụ để lại, sẽ là một nấm mộ hoang tàn không khói nhang, hiu quạnh.

Cụ bình tĩnh lạ thường trước khi vĩnh biệt.

Ngày 19 tháng 9 năm 1969, vào lúc 3 giờ 33 phút, Cụ đã khép kín thiên thu đôi mắt chứng nhân bảy mươi ba năm trường làm thân phận con dân một nước da vàng nhược tiểu. Sự thiệt thòi lớn lao này, như là một cái tang chung cho cả giới chính khách Việt-Nam và quốc gia dân tộc.

Chắc chắn Cụ Nguyễn-Thế-Truyền cũng không ngờ mình "*phải*" chết... Nhưng Cụ đã "*phải*" chết trong sự xúc động tột cùng của tuổi già. Cái chết mang ý nghĩa Thủy-Chung cho nên trước khi chết, Cụ khóc rất nhiều. Đôi mắt Cụ sưng lên, nhưng không còn một giọt lệ nào, vì đã cạn khô khi Cụ đã phải khóc bao lần cho thân phận quê hương, đất nước.

Trong đời Cụ, Cụ hay dùng hai tiếng "Bạch-Đình" để chỉ sự nghiệp của mình. Lại khi dấn thân làm cách mạng, Cụ thường hay nói đến hậu quả của một sự việc hơn là kết quả. Đối với Cụ, lịch sử là một bức tranh công phu được tô bồi bằng những nét vẽ đứt quãng. Do đó, những người có dịp gần gũi ít khi ai nghe Cụ nói đến sự thành công hoặc thành nhân, mà chỉ thường nghe Cụ nói nhiều về sự cố gắng. Quan niệm cố gắng của Cụ y như là một bản nhạc âm thầm hòa tấu, khơi động tiềm

thức quật khởi đấu tranh của dân tộc Việt-Nam.

Cụ thường nhắc đi, lặp lại nhiều lần câu nói:

- Có cửing mới đứng đầu gió.

Khi buồn, thì Cụ cũng làm thơ và viết lách. Sách của Cụ viết khá nhiều, nhưng chỉ có hai quyển mà phải trong vòng mười năm mới tìm được phương tiện xuất bản. Đó là quyển "Lên Án Kút-Xếp" và "Lá Bài Di-Cu". Về thơ, thì Cụ lấy làm đặc ý nhất là bài tựa đề "Thân-Dân". Và Cụ viết:

Người thân Mỹ

Kẻ thân Nga

Người thân Pháp

Kẻ thân Hoa

Có ai thân Việt?

Xin cho tôi biết!

Có ai thân Dân?

Xin cho tôi gần!

Quả thật, cuộc đời cách mạng đã hơn bảy mươi tuổi đầu thế mà Cụ vẫn cảm thấy hãy còn cô đơn. Vì không tìm thấy ai chính là người thân Dân Việt-Nam, cho nên Cụ mới kêu gào.

Thuở sinh tiền, ở vào thời kỳ đầy đủ phong độ sung sức của một thanh niên trí thức Việt-Nam hoạt động đấu tranh nơi hải ngoại cùng với các bạn đồng chí như Phan-Chu-Trinh, Phạm-Công-Tắc, Nguyễn-Hải-Thần, Bourguiba (Tunisie), Fassi (Maroc) v.v... Cụ Nguyễn-Thế-Truyền lại còn có một người bạn chí thân - đó là Nguyễn-Ái-Quốc - người mà được Cụ đỡ đầu, nhận sắc, đề tên cho quyển sách "Le procès de la colonisation Française" (Lên Án Thực Dân Pháp). Nhưng kể từ khi Nguyễn-Tất-Thành không còn là Nguyễn-Ái-Quốc nữa, thì Cụ lại có một địch thủ lợi hại: đó là Hồ-Chí-Minh.

Đã bao lần, Cụ tâm sự với các hãng thông tấn báo chí quốc tế: ... *Nguyễn-Tất-Thành và tôi có rất nhiều kỷ niệm lịch sử ràng buộc thời thanh niên lý tưởng. Tôi là bạn chí thân của Nguyễn-Ái-Quốc nhưng tôi không bao giờ được biết Hồ-Chí-Minh...*

Trường hợp đó của Cụ trên thế gian này là thường sự. Đời của Cụ còn nhiều bí mật. Bí mật cho đến nỗi người ta phải tạo ra thật nhiều huyền thoại, với mục đích cố để làm cho Cụ phải có phần ứng chấp thuận hay đính chính ngay chẳng hạn. Nhưng Cụ Nguyễn-Thế-Truyền vẫn cười, và nụ cười bao giờ cũng gắn liền với nét mặt vô tư, trầm tĩnh.

Tính giản dị của Cụ là ở chỗ đó, cả đến ngay nơi ẩn chốn ở của Cụ cũng thế. Hằng ngày Cụ thường ở trần, cho dù là mùa Đông lạnh lẽo, thế mà Cụ vẫn phe phẩy quạt giấy. Được hỏi bí

quyết về sức khỏe, Cụ nói nhờ bị lưu đày ở đảo Madagasca với Đức Hộ-Pháp Phạm-Công-Tắc trong những sáu năm trường chịu đựng nhiều khổ cực, cho nên bây giờ đã quen và dẻo dai đi.

Bước chân tranh đấu của Cụ in vết nhiều nơi ở dưới vòm trời Âu-Phi-Á.

Huyền thoại viết về Cụ cũng đã nhiều nhưng thực thoại của Cụ mới chính là điều cần thiết, là kích thước chiều sâu của công trình đấu tranh cách mạng của người chí sĩ Bạch-Đình.

Cụ sinh năm 1896 (theo lời Cụ kể với tôi khi vừa được Nguyễn-Tất-Thành lúc bấy giờ là Chủ-Tịch Hồ-Chí-Minh từ Hà-Nội gửi lời chúc Xuân) tại làng Hành-Thiện, Nam-Định miền Bắc Việt-Nam. Lớn lên du học tại Pháp từ năm 1920, tốt nghiệp tại trường đại học Toulouse và đại học Sorbonne với hai mảnh bằng Kỹ-sư hóa-học và Cử-nhân khoa-học. Năm 1927 Cụ về nước, và 14 năm sau tức là năm 1941 thì bị Pháp bắt lưu đày sang Mã-Đảo (Phi-Châu) cho đến năm 1946 mới đem về quản thúc tại Sài-Gòn và được trả tự do vào năm 1947. Thế hệ trẻ chỉ biết nhiều về Cụ, kể từ khi Cụ về nước lần cuối cùng và sống ẩn tích mai danh trong hẻm đường Trần-Bình-Trọng sang đến Phan-Đình-Phùng. Hầu hết bạn bè đều mục kích kiếp sống đạm bạc của Cụ. Tuy nhiên, đã bao người trong lúc bấy giờ cũng may mắn được Cụ tận tụy đỡ đầu, và trưởng thành trên con đường sự nghiệp chính trị thành nhân chi mỹ.

Khi còn sinh tiền, những người bạn đường trẻ tuổi hơn Cụ đã sớm ngã ngựa trên con đường tranh đấu cho tự do, lý tưởng, đều đã được Cụ ngầm ngùi tiếc thương, nhắc nhở trong nhiều trường hợp khác nhau như: Nguyễn-An-Ninh, Tạ-Thu-Thâu, Huỳnh-Phú-Sổ, Phạm-Công-Tắc, Hồ-Nhật-Tân, Cao-Triều-Phát, Vũ-Tam-Anh, Thích-Quảng-Đức v.v... Kể từ khi đất nước qua phân đôi miền Nam-Bắc, làm đau thương huynh đệ tương tàn, gây nên cảnh nời da xáo thịt (bì oa chủ nhục). Cụ Nguyễn-Thế-Truyền đã ra tranh cử liên danh Tổng-Thống hai lần vào ngày 9-4-1961 <7> và ngày 3-9-1967 <8>. Qua cả những lần vận động sự ủng hộ cử tri, Cụ đã cực lực đá kích cả hai chính quyền Sài-Gòn - Hà-Nội, đã áp dụng chính sách trị dân theo con đường bá đạo "*mãi quốc cầu vinh*". Cụ cảnh cáo chế độ độc tài đảng trị cũng như gia đình trị, không chóng thì chầy sẽ làm thui chột khả năng đóng góp phong phú của đồng bào. Và Cụ cũng đề ra một đường lối thực thi, áp dụng

chính sách dân chủ đa nguyên, để tự cứu dân tộc hầu tránh được thảm họa "dịch chủ tài nô" đang xảy ra trên đất nước.

Ý kiến, tư tưởng, ý chí và hành động của Cụ trước sau vẫn như là một. Cũng như lập trường cố hữu kể từ ngày Cụ chủ trương sáng lập tờ "Việt-Nam Hồn" cùng "Việt-Nam Độc-Lập Đảng", đấu tranh cho nền độc lập Việt-Nam nơi hải ngoại. Và cho đến sau này, tờ "Thân-Dân" nhật báo ở quê hương.

... Hôm nay thì **Cụ Nguyễn-Thế-Truyền** không còn nữa...

Cụ đã bất ngờ vĩnh viễn ra đi tuy với tuổi già mà bản thân hãy còn tráng kiện, quắc thước.

Trong đời Cụ, có ba vấn đề trọng đại để Cụ có dịp nghiền ngẫm, khi về ẩn dật trên căn gác trọ cuối cùng ở Phú-Nhuận nóng cháy da người. Đó là Cách-Mạng, Tinh-Yêu và Tinh-Bạn.

Đối với Cách-Mạng - Cụ đã già từ cuộc đời quan lại, để hòa mình vào với cuộc sống của nhân dân. Chối bỏ khung cảnh lộng tía, tàn xanh, mũ ni che tai, vinh thân phì da với ảnh hưởng của Thực-Dân (Cụ từng là Chủ-Tịch Hội-Đồng thành phố Hà-Nội trào Pháp thuộc), để đồng cam cộng khổ với đồng bào nghèo đời tự do, độc lập cho cả nước. Cụ quả thực xứng đáng là một nhà chí sĩ Bạch-Đình, được ví ngang hàng với một Phan-Bội-Châu, Phan-Chu-Trinh, Huỳnh-Thúc-Kháng v.v...

Đối với Tinh Yêu - Cụ đã vẹn lời nguyên với một vợ hiền.

Và đối với Tinh Bạn - Cụ cũng đã âm thầm nhỏ lệ tiếc thương cho thân xác của một người bạn tri âm quá cố, mà người đó không ai khác hơn là Nguyễn-Tất-Thành.

Nếu nói theo chuyện *tinh nghĩa* Á-Đông, thì cuộc đời còn lại của Nguyễn-Thế-Truyền không thể không có hình ảnh của Nguyễn-Ái-Quốc ở trong tim. Một giai thoại lịch sử chính trị Việt-Nam thương tâm thời đại, dạo ấy, đã làm xúc động tâm hồn của nhiều người. Và ngược dòng thời gian, nếu nước mắt người xưa đã từng tiếc thương, cảm phục nghĩa khí tình bằng hữu của các nhân vật quần hùng đào viên kết nghĩa <9> bao nhiêu, thì hôm nay, dưới vầng trăng lạnh leo khuất sau đám mây mờ ở chân trời hải ngoại, cũng hãy còn ghi lại những dấu tích kỷ niệm giữa nhân vật chính trị đã từng **uống máu ăn thề, vẹn toàn trung hậu**. Và cùng nhau cương quyết hi sinh **giữ tròn tín nghĩa** cho cái biệt danh NGUYỄN-ÁI-QUỐC mà chính họ đã khai sinh.

Hơn thế nữa, với chừng ấy ưu tư, sầu muộn trong những ngày tàn cuộc đời của Nguyễn-Thế-Truyền, thì Nguyễn-Tất-Thành và Nguyễn-Thế-Truyền có thể được coi như là hai con voi già đặc biệt của lịch sử "Việt-Nam Hồn" và "Việt-Nam Độc-Lập Đảng" còn sót lại sau bao năm trường chinh phục quốc. Nguyễn-Thế-Truyền biết bạn cũng như đã hiểu mình. Nhưng không giống như trường hợp của đôi người bạn triết nhân, nghệ sĩ Bá-Nha - Tử-Kỳ. Vì sau cùng, bên cạnh đó Nguyễn-Thế-Truyền còn biết thêm có ta, có *dịch*. Do vậy, niềm suy tư của Nguyễn-Thế-Truyền trong trường hợp nào cũng mang theo song hành hai ý nghĩa khác nhau của cuộc đời. Là vừa thương nhớ bạn (đối với một Nguyễn-Tất-Thành theo hàn vi, lúc còn lận đận công danh bên cạnh viên gạch hồng sưởi ấm giữa mùa Đông). Và vừa tủi thân (trước một Hồ-Chí-Minh thành công với sự nghiệp tột đỉnh vinh quang). Điều này đã làm cho trái tim chung thủy của Nguyễn-Thế-Truyền, đã phải vỡ tan thành nhiều mảnh. Chính vì vậy mà những "Lời thề cao quý" trong mục đích hi sinh cao cả, để phục vụ chung cho sự nghiệp cách mạng của nhóm Ngũ-Long cũng đành phải để lại cho các sử gia nghiêm túc sau này rọi đèn soi xét công minh.

Còn trái lại về phần cá nhân Nguyễn-Thế-Truyền thì đã quyết định chọn dành một phần lớn, nếu không muốn nói là trọn vẹn về tình cảm của con tim, để hiến dâng cho tình bằng hữu thân thiết nhất của cuộc đời mình. Vì thế, sau hơn hai tuần cô đơn âm thầm chịu tang Tinh-Bạn. Nguyễn-Thế-Truyền đã can đảm quyết định tuyệt thực quyền sinh theo bạn đi vào cõi thiên thu, kết thúc một giai thoại bằng hữu cao quý, ly kỳ của đôi người bạn thiết tuổi già. <10>

Hỡi những ai còn lưu lại ở tâm hồn về hình ảnh đẹp của nhà chí sĩ bạch-đình Nguyễn-Thế-Truyền, hãy cùng chúng tôi nghĩ rằng:

Trong đời người, người ta chỉ có thủy chung với một lý tưởng cách mạng.

Trong đời người, người ta chỉ có thủy chung với một vợ hiền.

Trong đời người, người ta chỉ có thủy chung với một người bạn tri âm.

Và đó là trường hợp của Nguyễn tiên sinh...

Chân thành trả lại Sự Thật về cho lịch sử

• An-Tiêm MAI-LÝ-CANG
Paris Xuân Nhâm-Ngọ - 2002

Chú thích:

<1>- Phan-Chu-Trinh, Phan-Văn-Trưởng, Nguyễn-Thế-Truyền, Nguyễn-Tất-Thành, Nguyễn-An-Ninh.

<2>- Hai vị học giả uyên bác Trần-Văn-Ân và Hồ-Hữu-Tường là những nhân chứng lịch sử thời bấy giờ đã xác nhận tất cả mọi hoạt động của nhóm "Ngũ-Long" ở Paris. Tường cũng nên nhắc lại là trường hợp của Trần-Văn-Ân vì một mục vẫn giữ sĩ khí cương quyết đấu tranh, bất hợp tác với chế độ nhà Ngô nên phải chịu án lưu đày gần mười năm nơi Côn-Đảo cùng với Hồ-Hữu-Tường. Còn Hồ-Hữu-Tường cũng là người từng tỏ ra có khí phách can đảm, đã từng lên án thủ thuật chính trị nhằm tiêu diệt các đảng phái đối lập được mệnh danh là "Rê Cánh Hoa Mai" của Ngô-Đình-Nhu tại miền Nam Việt-Nam.

<3>- Nhóm này thường họp nhau ở tại căn nhà số 9, ngõ Compoinet thuộc quận 17 Paris.

<4>- Bức thư ngỏ của Nguyễn-Thế-Truyền gửi cho Tổng-Thống Pháp Coty và Tổng-Thống Mỹ Eisenhower ngày 30-4-1956... **Mười chín năm sau, do sự ngẫu nhiên của lịch sử - thì cũng ngày này tháng đó - cả đất nước miền Nam Việt-Nam đã hoàn toàn sụp đổ.**

<5>- "Thời Thanh Niên Cửa Bác Hồ", trang 132-133. Xuất bản năm 1976 tại nhà in Thanh-Niên, thành phố Hồ-Chí-Minh.

<6>- Trước khi bị đưa ra Tòa-Án Ngô-Đình xét xử sau cuộc đảo chính của Vương-Văn-Đông thất bại ngày 11-11-1963. Nhất-Linh Nguyễn-Tường-Tam đã tự quyền sinh để chọn lấy Công-Lý nhân dân.

<7>- Chung liên danh Hoa-Sen với Hồ-Nhật-Tân.

Hồ-Nhật-Tân nguyên là một chiến hữu của Giáo-chủ Huỳnh-Phú-Sổ. Từng là thủ lĩnh của tổ chức Việt-Nam Thanh-Niên Ái-Quốc Đoàn. Hành nghề Đông-Y-Sĩ tại nhà thuốc Tồn-Nhỏn ngay khu chợ Nguyễn-Tri-Phường Chợ-Lớn.

<8>- Chung liên danh Sao-Trắng với Nguyễn-Hòa-Hiệp.

Nguyễn-Hòa-Hiệp nguyên là Chỉ-Huy-Trưởng Đệ-Tam Sư-Đoàn kháng chiến Nam-Bộ. Chủ-tịch Việt-Nam QĐĐ miền Nam. Cùng với Luật-sú Trần-Văn-Tuyên tham chính năm 1965.

<9>- Quan-Công, Trường-Phi, Lưu-Bị thời Tam-Quốc.

<10>- Nhân chứng quan trọng không thể không có về trường hợp cuối đời và cái chết của Cụ Nguyễn-Thế-Truyền này là Bác-Sĩ Hồ-Văn-Nhật và tác giả. BS Nhật là người đã viết phần "Hậu Tự" trong quyển sách "Lên Ân Kút-Xếp". Riêng tác giả là người hiện còn lưu giữ nhiều tư liệu và đặc biệt là tờ di-chức giản dị được ký thác của tiên sinh.

(Bài này nằm trong phần Phụ Bản trong tác phẩm "Người Việt-Nam Ở Nước Ngoài" của tác giả.) •

Bạo lực Cộng sản và dân chủ nhân quyền

"Ai thắng ai? "

Hiếu Đệ



Mùa Xuân năm nay có vụ người Thượng nổi loạn ở sáu tỉnh Tây Nguyên khiến cộng sản Hà Nội phải huy động các lực lượng công an và quân đội kéo lên đàn áp. Miền thượng du Bắc Việt người thiểu số cũng đồng loạt kéo xuống Hà Nội đòi lại ruộng đất. Tình thế trở nên căng thẳng. Quốc lộ Tây Nguyên và Miền Trung lại đóng cửa không cho đồng bào qua lại. Người Thượng ở Tây Nguyên bị cản quét tháo chạy qua các tỉnh biên giới Campuchia xin tỵ nạn. Trong khi đó Việt Cộng, một mặt vẫn đuổi theo truy kích cưỡng bách họ trở về Việt Nam.

Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ phải can thiệp với nhà cầm quyền Hà Nội để những người Thượng này không bị áp lực trả về nước. Thế giới ai cũng công nhận người Thượng Tây Nguyên ở Việt Nam đã không được đối xử công bằng. Các dân tộc thiểu số ở đây có mức độ sinh sống thấp nhất nước. Về phương diện tinh thần lại bị ép chế một cách quá đáng. Nhất là những người theo đạo Thiên Chúa và Tin Lành bị cấm đoán rất gắt gao. Đất đai là phương tiện sinh sống của họ bị tước đoạt để biến thành những đồn điền cao-su, cà phê, hoặc cấp cho những người di dân từ miền Bắc. Nhiều nhà thờ của họ đã bị nhà nước phá bỏ và tín đồ bị buộc phải cam kết bỏ đạo. Hiện nay có 24 người được tạm thời định cư ở Hoa Kỳ.

Họ là những nhân chứng của vụ nổi loạn trên.

Ở thế kỷ 20, trong thời kỳ Cộng Sản Việt Nam đóng cửa bức màn tre, bức màn sắt, những vụ nổi loạn của người dân bị đàn áp đến cùng. Lenin có nói: "bạo lực là cô đỡ đẻ ra cách mạng xã hội chủ nghĩa". Ngày nay người ta có để ý theo dõi những phiên tòa xử những người Thượng nổi loạn ở trên. Người ta thấy Cộng Sản Hà Nội nhượng bộ một cách rõ rệt. Không thấy có án chung thân khổ sai và tử hình. Như vậy, chúng tỏ Cộng Sản đã suy yếu và bắt đầu nhượng bộ. Dĩ nhiên bước vào thế kỷ 21 cái cảnh nửa đêm đến nhà dân gõ cửa, bắt người bị bắt cho đi mò tìm không còn hiệu lực nữa. Họ không còn thách đố "để coi ai thắng ai" nay đã lỗi thời rồi. Từ vụ nông dân nổi dậy ở Thái Bình, Xuân Lộc, Yên Nỗ, và đến vụ đàn áp Tôn Giáo ở Thánh địa Hòa Hào, Phật tử Huế, giáo dân Nguyệt Biều. Người dân trong nước không còn sợ đảng nữa, ngược lại đảng cộng sản phải sợ nhân dân.

Bắt đầu từ nay những trò bạo lực không còn kết quả nữa, bắt buộc Cộng Sản phải lao vào sân chơi mới: sân chơi dân chủ và nhân quyền. Nếu nhảy vào sân chơi này thì họ chơi sao lại Cộng đồng người Việt tự do nước ngoài.

Thông Tấn Xã Việt Cộng cho hay trong Hội Nghị Phát Triển Kinh Tế Xã Hội Tây Nguyên ở thành phố Ban Mê Thuột ngày 15 tháng 7 vừa qua. Thủ Tướng Phan Văn Khải chỉ thị cho chính quyền các tỉnh Tây Nguyên cấp phát ruộng đất cho những gia đình đang thiếu đất canh tác và tiến tới khẩn hoang cấp đất cho những gia đình người Thượng. Vì việc tranh giành số hữu đất đai được xem như là nguyên nhân chính việc nổi dậy chống chính quyền một cách mạnh mẽ khiến Hà Nội phải đưa quân đội lên trấn áp. Chính sách nhà nước về việc khai khẩn vùng rừng núi trong thập niên qua để trồng cà-phê, tiêu và cao-su, làm gia tăng số người Kinh đổ dồn lên Cao Nguyên sinh sống chiếm dần đất đai của người Thượng.

Phan Văn Khải còn cho biết về những kế hoạch như xây Bệnh Viện, Trường Đại Học Nông Nghiệp cho vùng Tây Nguyên và hứa sẽ tài trợ ngân sách nhằm điện khí hóa nông thôn. Chính phủ dự trù thành lập một Hội Đồng điều hành để phát triển hiệu quả cho vùng Tây Nguyên. Trong năm nay Hà Nội đã bị thế giới chỉ trích nặng nề về việc đàn áp một cách ác liệt những người Thượng nổi dậy. Ngay

đến Đại Sứ Hoa Kỳ Peterson cũng than phiền chính quyền tỉnh Gia Lai thay vì tìm cách giải quyết vấn đề trong tinh thần xây dựng thì lại tập trung nỗ lực vào việc trấn áp, đe dọa, khủng bố áp dụng thủ đoạn bạo lực cổ hủ khiến người Thượng phải vượt biên giới sang tỵ nạn ở Campuchia.

Kiểu đấu tranh giai cấp tiêu diệt tư sản dưới thời Lê Duẩn, Đỗ Mười khiến hàng triệu người vượt biên lấy cái chết để tìm sự sống ở những năm sau tháng Tư Đen không còn đem lại thắng lợi cho phía cộng sản nữa. Nhất là ngày nay không một quốc gia nào tự đóng cửa trước thời đại phát triển của thế giới. Tất cả mọi nền kinh tế của các nước lớn nhỏ đều không ngừng tiến lên. Người ta không thể quay lưng trước sự diễn tiến trên, không thể đứng lại một chỗ chứ đừng nói chi đến cách ly với thực tại là một hành động điên dại chẳng khác nào mình tự hủy.

Trung Quốc và Đài Loan vừa rời cũng gia nhập vào Tổ Chức Mậu Dịch Thế Giới (WTO) sau nhiều năm đàm phán. Rồi đây Cộng Sản Hà Nội cũng phải đi theo con đường của đàn anh thôi. Cho nên ngày 25.7.2001, hơn 30 Tăng Ni Hoa Kỳ, Tây Tạng, Tích Lan, Cam Bốt, Lào, Việt Nam và hàng trăm Cư Sĩ gồm đủ sắc tộc hướng dẫn bởi Văn Phòng II Viện Hóa Đạo, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại, thực hiện một cuộc cầu nguyện cho Tự Do Tôn Giáo tại Việt Nam trước trụ sở Quốc Hội Mỹ. Nêu cao khẩu hiệu "Cầu nguyện cho Tự Do Tôn Giáo tại Việt Nam. Yêu cầu Cộng Sản Hà Nội trả tự do cho nhị vị Hòa Thượng Thích Huyền Quang và Thích Quảng Độ".

Ngay lập tức từ Quốc Hội chính phủ Hoa Kỳ, liền đáp ứng tích cực cho buổi cầu nguyện này. Ông Elliot Abrams thuộc Hội Đồng An Ninh Quốc Gia, Cố vấn của Tổng Thống Hoa Kỳ về vấn đề Tự Do Tôn Giáo, Nhân Quyền và Dân Chủ ra tiếp phái đoàn và hứa sẽ làm hết khả năng có thể đưa lại một giải pháp tốt đẹp cho hai vị Hòa Thượng Thích Huyền Quang và Thích Quảng Độ và phục hồi quyền sinh hoạt của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất. Dân Biểu Ilena Ros Lehtinen, Chủ Tịch Ban Nhân Quyền của Ủy Ban Đối Ngoại Hạ Viện; Dân Biểu Christopher Smith, Phó Chủ Tịch Ủy Ban Đối Ngoại Hạ Viện, cho biết sẽ trình lên Đạo luật Nhân Quyền Việt Nam và sẽ được chuẩn y cùng với bản Thương Ước song phương Việt-Mỹ vào tháng 9.2001, Đạo Luật HR 2368, trong đó gồm 4 điều minh định rõ rệt chính quyền CSVN phải thi hành ngay:

1. Thả hết các tù nhân chính trị Tôn Giáo từ các trại tù và các hình thức quản chế tại gia đã áp dụng trong thập niên vừa qua.

2. Buộc CSVN phải tôn trọng quyền Tự Do Tôn Giáo, gồm cả quyền tham dự vào các hoạt động Tôn Giáo và định chế, mà chính quyền Việt Nam không được tham dự và can thiệp vào.

3. CSVN không vi phạm quyền con người đối với các thành viên của các nhóm dân tộc thiểu số ở Cao Nguyên Trung Phần hay bất cứ ở đâu tại Việt Nam.

4. Chấm dứt việc tham gia của các viên chức nhà nước và các giới liên hệ vào việc buôn bán con người. (Khoản này ám chỉ các vụ lường gạt, buôn bán phụ nữ Việt Nam qua các ngã biên giới Trung Hoa, Cao Miên và Ai Lao đang diễn ra tại Việt Nam).

(Nghị quyết này cũng can hệ vào một điều khoản đòi Bộ Trưởng Tài Chánh thi hành luật lệ hiện hành ràng buộc Hoa Kỳ đặc biệt quan tâm tới những vi phạm nhân quyền thô bạo và có hệ thống khi đưa ra quyết định ủng hộ hay chống đối việc trợ giúp đỡ tài chánh cho chính phủ ngoại quốc bởi các cơ quan tài chánh quốc tế, khoản này ám chỉ đến các khoản viện trợ hay cho vay nhẹ lãi của Ngân Hàng Thế Giới và Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế. Cả hai cơ quan này đều chịu sự chi phối rất lớn của chính phủ Hoa Kỳ).

Nghị quyết còn cho phép sự trợ giúp của Hoa Kỳ nhằm yểm trợ những cá nhân và những tổ chức cố võ cho nhân quyền và tranh đấu cho dân chủ bất bạo động ở Việt Nam.

Nghị quyết này: 1) Ngăn chặn sự phá sóng của Việt Nam nhắm vào Đài Phát Thanh Á Châu Tự Do; 2) Chương trình trao đổi giáo dục và văn hóa của Hoa Kỳ (với Việt Nam); 3) Giải quyết tình trạng tỵ nạn cho những công dân Việt Nam hội đủ điều kiện của các chương trình tỵ nạn ở Hoa Kỳ.

Nghị quyết còn đòi hỏi Hành Pháp Mỹ báo cáo hàng năm với Quốc Hội xem Chính phủ Việt Nam đã có những tiến bộ đáng kể nào nhằm thỏa mãn những điều kiện nhân quyền đã được ghi trong Nghị quyết.

Dựa vào Nghị quyết 2833 ai cũng thấy rõ định hướng đổi mới về kinh tế chính trị tại Việt Nam phải theo chiều hướng nhằm gia tăng sự tôn trọng trên căn bản nhân quyền và tự do dân chủ.

Chính phủ và Quốc Hội Hoa Kỳ từ nay sẽ trợ giúp thẳng cho dân chúng Việt Nam chứ không phải qua tay Đảng và Nhà Nước như những thập

niên trước nữa. Cuộc chiến đấu vì lý tưởng tự do dân chủ cho Việt Nam đang bước vào một giai đoạn mới có tính cách quyết định.

Đứng trước quyết định Nhân Quyền, Cộng Sản Hà Nội giẫy lên như đĩa phải vôi. Báo Nhân Dân, cơ quan ngôn luận của Việt Cộng, bình luận "Đạo luật nhân quyền về Việt Nam nội dung của nó xuyên tạc tình hình, can thiệp thô bạo vào công việc nội bộ của Việt Nam, đi ngược lại Hiến Chương Liên Hiệp Quốc và các nguyên tắc cơ bản về Công Pháp Quốc Tế, ngoan cố theo đuổi chính sách nguy hiểm áp đặt điều kiện chính trị đi kèm với quan hệ kinh tế, thương mại là một âm mưu thâm độc mà một số thế lực cực đoan thiếu thiện chí ở Mỹ quen sử dụng với các nước". Cộng Sản Hà Nội làm như chẳng ai biết rõ là họ đương chà đạp quyền làm người của nhân dân Việt Nam.

Chiến dịch đàn áp Tôn Giáo của Việt Cộng đã bắt đầu co cụm lại - không phải họ muốn làm gì thì làm. Đứng trước làn sóng đấu tranh mãnh liệt của Cộng đồng người Việt hải ngoại vận động quốc tế làm áp lực buộc CSVN phải chấm dứt những thủ đoạn đàn áp, khiến chính phủ Hà Nội phải nhượng bộ. Trong mấy ngày qua họ cử cán bộ đến tiếp xúc với Cha Lý, đề nghị Cha phải làm đơn xin đảng khoan hồng để được thả trước ngày 2 tháng 9. Thái độ của Cha Nguyễn Văn Lý vẫn cứng rắn không chịu sự trả giá của họ. Cha vẫn một mực đấu tranh nêu cao khẩu hiệu "Tự Do Tôn Giáo Hay Là Chết" khiến cho họ phải đa phần lúng túng.

Về phía Phật Giáo, Hà Nội cử Hòa Thượng Thích Quảng Liên đi gặp Hòa Thượng Thích Huyền Quang đề nghị hai Giáo Hội sát nhập lại nhau bằng giải pháp hòa hợp hòa giải. Hòa Thượng Huyền Quang có nói là: Tôi với Hòa Thượng cùng một Bổn Sư đầu có gì bất đồng mà hòa giải. Sở dĩ có hai Giáo Hội là do Đảng đề ra, nếu muốn sát nhập thì đảng phải cử cán bộ cao cấp mời Hòa Thượng Thích Quảng Độ chính thức nói chuyện với chúng tôi". Chắc hẳn Việt Cộng không bao giờ chấp nhận giải pháp này.

Những người am hiểu tình hình Việt Nam nhận định rằng: Hà Nội muốn nhân ngày Quốc Khánh, 2 tháng 9, làm một cử chỉ đẹp của họ gọi là thực hiện chính sách khoan hồng để huênh hoang với thế giới, là ngày nay họ đổi mới, có nhượng bộ cho các thành phần tranh đấu đòi Tự Do Dân Chủ trong nước. Từ nay họ không phải muốn làm

thì thì làm. Thật ra kẻ cướp mà không dùng bạo lực thì làm sao cướp bóc của cải của người dân được nữa chỉ có nước đẹp nghề đi chỗ khác cho yên nhà lợi nước là vừa.

Nếu Việt Cộng nhảy vào sân chơi mới là Dân Chủ và Nhân Quyền thì họ không lại Cộng đồng người Việt nước ngoài là điều chắc chắn. Cho nên họ bắt đầu tung những chiêu độc để giành dân, lôi kéo Việt kiều về phía của họ. Họ muốn biến những người Tỵ Nạn Cộng Sản trở thành Cộng Sản để dễ dàng cướp tiền của và cướp trí tuệ cũng như những thân nhân của mình trong nước.

Đã hơn phần tư thế kỷ Việt Cộng đã thất bại trong việc chiêu dụ Cộng đồng người Việt tỵ nạn về với họ, đến đời treo lá cờ Việt Cộng và ảnh Hồ Chí Minh ở giữa chợ hay các trường học cũng chẳng được. Việt Cộng là người trong rọ, Cộng đồng người Việt tỵ nạn có mặt ở khắp các nước trên thế giới. Chúng ta tuy không có lãnh thổ và quân đội nhưng chúng ta là một quốc gia Siêu Việt, tuy mặc dầu sống rời rạc nhưng ý chí chiến đấu vẫn là một khối vững chắc không gì lay chuyển nổi. Từ lâu rồi cộng sản trong nước cứ tưởng chúng ta là một bãi cát rời; thật ra chúng ta có rất nhiều Hội đoàn và Đoàn thể. Về văn học nghệ thuật ở các nước dân chủ tự do người Việt tỵ nạn phát triển rộng rãi hơn trong nước. Chúng ta đang có đủ điều kiện thành lập một Viện Văn Hóa và Khoa Học Kỹ Thuật của người Việt tỵ nạn ở nước ngoài. Từ Viện Văn Hóa này làm cơ bản tiến tới bầu lên một Viện Đại Biểu người Việt tự do để sinh hoạt chính trị như Quốc Hội của một nước. Sau này kế hoạch Kiềm vận của Việt Cộng muốn tiếp xúc với người Việt tỵ nạn ở nước ngoài để chiêu dụ trí thức và chuyên gia kỹ thuật về nước xây dựng lại nền kinh tế đang phá sản của Việt Cộng. Họ phải cử đại diện đến gặp Viện Đại Biểu. Họ không phải đưa cán bộ tình báo nằm vùng sang đánh phá hoạt động gây chia rẽ trong hàng ngũ Cộng đồng người Việt như từ trước tới nay.

Bước vào sân chơi mới này, tới đây Việt Cộng Hà Nội phải coi Cộng đồng người Việt tỵ nạn hải ngoại là một cái cầu để tiếp xúc với các nước trên thế giới và nhân dân trong nước mọi lãnh vực kinh tế, xã hội, chính trị và văn hóa chứ không còn là con bò sữa đã từng nuôi dưỡng chế độ độc tài của họ sống lây lất trong 26 năm qua. Bây giờ sửa soạn kế hoạch rước nó về làm thịt một cách dễ dàng như họ tưởng. •

VƯỢT CẠN



Trên chuyến tàu tốc hành cuối tuần từ phía Tây chạy qua Đông Đức cũng khá đông khách. Sau khi vất vả lách tìm được chỗ ngồi, may mắn thay tôi gặp và ngồi cạnh những người từ VN mới qua xin tỵ nạn.

Là người đã xa quê hương lâu, tôi hỏi thăm tình hình cuộc sống bên nhà, những đổi thay “dầu bể” mà đã hơn chục năm sau ngày chia tay gia đình ở phi trường Tân sơn nút. Các anh, các chị thì hỏi thăm tôi về cuộc sống mới mẻ và hoàn toàn bỡ ngỡ khi mới tới phương Tây. Hàn huyên chuyện trò khá sôi nổi, khoảng cách giữa chúng tôi gần gũi lại, như những người bạn đường thân thiết không hẹn trước, những câu chuyện đã để lại trong chúng tôi những ấn tượng khó phai. Đó là nội dung của bài phóng sự này.

Viết về những chuyến vượt biển tìm tự do của người Việt, những trang sách đầm tình người và nước mắt đã quá nhiều. Nhưng những chuyến đi từ VN như hiện nay, bằng đường hàng không, đường cạn thế này thì vẫn còn là vấn đề quá mới mẻ và hàm chứa nhiều vấn đề bức xúc; bức xúc với cộng đồng người Việt hải ngoại và chính những nạn nhân ở trong cuộc! Mỗi người ra đi với một mục đích khác nhau, nhưng trong phạm vi bài viết, chúng tôi chỉ đề cập tới cái giá phải trả trong mỗi chuyến đi, tuy vậy chắc rằng cũng chỉ đạt được phần nào, trong trăm nghìn sự thực muốn nói, có thể...

Không một ai trong chúng ta muốn rời bỏ quê hương của mình để đến một vùng trời xa lạ. Nếu không

có một mục đích phiêu lưu sinh tử, vì sao họ buộc phải rời bỏ mái ấm gia đình, vòng tay bè bạn,..v.v...và khi đến đây, phải xót xa ngậm ngùi, đau đớn và ray rứt nhớ lại quãng đời đã sống nơi quê nhà.

Qua phần mở đầu, bỏ qua những người đàn ông bạo dạn ăn nói, tôi bắt chuyện với cô T.giọng nhỏ nhẹ, với mái tóc dài và làn da trắng, cô cho tôi biết quê cô ở Thái bình. Nhìn cô, khó có thể hình dung với sức vóc như vậy mà cô đã vượt qua bao nhiêu cây số đường rừng, chứng kiến nhiều cảnh hãi hùng thương tâm...nơi biên giới từ Tiệp qua Đức. Thêm nhiều chi tiết cho câu chuyện, em C. và X.người Hà bắc kể: sau khi từ VN qua Nga, những “mơ mộng”ban đầu thai nghén từ trong nước dần tan vỡ.

- Vì sao vậy? Tôi hỏi

- Anh có biết không, tôi được “thiên đường của cộng sản” trước đây, bọn em bắt đầu dở khóc dở cười. Họ (chỉ những kẻ đưa người) dẫn chúng em tới nhà một người đàn ông, nói phải chờ ở đó hai ngày. Thực ra là họ cố tình bỏ rơi chúng em. Điều đáng nói là trong nhà không có gì để ăn, do vậy phải lén trốn ra ngoài tìm mua đồ ăn. Sau đó, chúng em tự bỏ tiền mua vé đi từ Matxcova- đến Ukraina mới có người dẫn tiếp. Chẳng ké tiếp, vượt rừng qua Tiệp. Tại đây bọn em và đoàn người bị công an biên phòng Nga bắt, toàn bộ bị khám xét, cởi hết áo quần bất kể nam nữ, với mục đích thu tìm tiền bạc, sau đó là được thả ra muốn đi đâu thì đi. Một phụ nữ khác, tên H.N đi theo con đường từ Tiệp qua Ba lan, sau đó mới vào Đức kể: Những chủ đường dây là những quán Bar trá hình. Ngoài “dịch vụ” đưa người kiếm tiền, họ với nhiều thủ đoạn ngon ngọt dụ dỗ chiếm đoạt thân thể phụ nữ. Cô đã tự bôi xấu nhan sắc mình để tránh thảm kịch...

Thường là những chặng đường cuối cùng vào Đức, họ bị chuyên chở trên những xe đông lạnh hay xe chở hàng hóa; có những chuyến tất cả phải nằm, trên phủ bạt kín, nếu cựa quậy là bị đánh chửi thẳng tay. Có những chuyến chạy tới vài ngày, lạnh đói tới ngất xỉu .v.v...

Người đàn ông ngồi trước mặt tôi tên là Nghiêm xuân Tứ nói rằng, sang được tới Đức là điều khó tin, trong lúc vượt rừng nhiều thanh niên sinh trưởng ở các thành phố như Hà nội là không lết nổi, bọn dẫn đường vừa nắm tay lôi kéo, vừa chửi bới bằng thứ ngôn ngữ của nước họ, vừa đánh đập các anh tới ngất xỉu. Đoàn đi hơn một chục người bị bỏ đói, một ngày một đêm mà mỗi người được chia năm cái bánh Biscuit để ăn, tôi nghe kể mà như chuyện hoang tưởng. Từ VN, anh nói là phải nộp trước nửa tiền gần 2000 đô-la và khi sang tới Đức đưa nốt, tổng số là hơn 4000 đô-la.

Thật khó mà hình dung hết những chặng đường gian lao mà họ đã trải qua, bởi chẳng ai muốn nhắc lại (một cách kỹ càng) những tấn kịch đau thương của họ. Nhưng điểm chung, từ mục đích chán chường nơi xã hội VN mà họ đang sống là một xã hội bị thống trị bởi một chính quyền cộng sản độc tài, đảng trị, luôn chà đạp Nhân quyền, đàn áp Tôn giáo v.v..., muốn tìm một vùng đất mới có Tự do và Dân chủ. Mở đầu là sự lừa phỉnh của những đường dây dắt mối từ bên nhà; trên những chặng đường đã trải qua nhiều người đã bị chết, xác vùi đại vô tuyết lạnh thay cho nắm mồ... giữa sự đau đớn cùng cực, có người đòi về, nhưng tiếng kêu đó chỉ có trời mới thấu ! Đau lòng nhất, là cảnh bán nhà và nợ nần chồng chất của gia đình họ tại VN. Còn sa vào “bẫy người” của bọn đưa người ngoại quốc thì những cảnh như hải tặc Thái lan gây ra trên biển thì nay cũng diễn ra trên đất liền! Hơn 20 năm đã qua, đảng CSVN có biết chẳng những người dân Việt, máu vẫn đỏ và mạng vẫn bỏ như để trả cho “món nợ lưu vong”.

Chúng tôi mong rằng ai đọc qua bài viết này, hãy nói với những người VN quen biết, rằng hãy thương mình với sự chín chắn và cảnh giác trước những cám dỗ về một viễn cảnh “thiên đường”. Trước khi quyết định với sự dẫn thân tương tự như trên.

Hannover, đầu năm 2002

**Nguyễn Minh Hiền và
Phạm Tuấn Hoàng, thực hiện.**

Sự thật trong vụ Pháp giúp Nguyễn Ánh khôi phục miền Nam

VÕ THU TỊNH

• Bối cảnh lịch sử

Ở Tây Sơn, miền Trung, năm 1771, anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ nổi dậy, chiếm được Phú Yên, Khánh Hòa, Bình Thuận ở phía Nam và Quảng Nghĩa phía Bắc. Trịnh Sâm liền sai Hoàng Ngũ Phúc (tước Việp quận công, tức quận Việp) đem quân vào Nam lấy danh nghĩa trừ quyền thần Trương Phúc Loan và diệt loạn Tây Sơn. Thấy thế quân Trịnh quá mạnh, chúa Định vương Nguyễn Phúc Thuần (23 tuổi) bắt Trương Phúc Loan đem nạp, xin hàng.

Quân Trịnh chiếm Phú Xuân. Yếu thế, Nguyễn Nhạc sai người đem thư và vàng lụa đến dụ quận Việp xin hàng, xin nộp đất Quảng Nghĩa, Qui Nhơn, Phú Yên và xin làm tiền khu đi truy đánh Chúa Nguyễn. Tháng 4/1776, Nguyễn Nhạc tự xưng là Tây Sơn Vương, nhưng lại sai sứ ra xin chúa Trịnh cho trấn thủ Quảng Nam. Chúa Trịnh chấp thuận. Để gây cảm tình với Chúa Nguyễn, Nguyễn Nhạc gả con gái là Thọ Hương cho Thế tử. (Chúa Định không có con trai, nên lấy cháu là Nguyễn Phúc Dương làm Đông cung Thế tử).

Ứng hộ Chúa Nguyễn, có Hoa kiều là Lý Tài đem bộ hạ đến đón Thế tử trốn về Gia Định, tôn làm Tân Chính Vương, và tôn Định vương làm Thái Thượng Hoàng, giữ đất đai phi nhiêu trong Nam để lo việc phục quốc.

Nhạc bèn sai Lữ và Huệ vào đánh Gia Định. Tháng 4 năm 1775, Gia Định bị thất thủ, Định vương và Nguyễn Ánh chạy về Biên Hòa, Tây Ninh, Châu Đốc rồi tới Hà Tiên. Tại đó, gặp Đức cha Bá Đa Lộc vào khoảng tháng 4 hay tháng 5 năm 1776. Nguyễn Huệ bắt được Thái Thượng Hoàng Nguyễn Phúc Thuần và Tân Chính Vương Nguyễn Phúc

Dương đem giết. Nguyễn Phúc Ánh trốn thoát.

John Barrow trong 'Voyage en Cochinchine' kể lại rằng: «Bấy giờ (tháng 10-1777) Hoàng tử trẻ tuổi (Nguyễn Ánh), vợ Hoàng tử, và con trai Hoàng tử còn thơ ấu và một em gái của Hoàng tử đã trốn thoát do sự giúp đỡ của Đức cha Bá Đa Lộc. Nhờ có đêm tối, họ chạy được ra rất xa kinh thành (thị trấn Long Xuyên) và trú ẩn trong một khu rừng. Nơi đó trong nhiều tháng họ sống dưới những chùm lá... Đức Cha sai Linh mục Paul Hồ Văn Nghị, không quản nguy hiểm tới tính mạng, hàng ngày đem lương thực đến tiếp tế». Sau đó, Nguyễn Ánh và gia quyến chạy ra Phú Quốc, rồi đến trú ẩn tại đảo Thổ Châu (Poulo Panjiang).

• Vậy Đức cha Bá Đa Lộc là ai ?

Bá Đa Lộc là Pierre Pigneaux de Béhaine, Evêque d'Adran, sinh năm 1741 tại Origny-Sainte-Benoite ở Thiérarche, tỉnh Aisne (02). Họ ông là Pigneaux, tên thánh là Pierre, mà sử ta gọi là Bá Đa Lộc (do chữ Pierre của Pháp, tức là chữ Pedro của Bồ Đào Nha, người Tàu phiên âm là *Pe-To-Lu*, viết ra chữ Tàu mà đọc theo giọng Hán Việt là Bách Đa Lộc, rồi Bá Đa Lộc). Sau ông tự thêm vào tên họ mình hai chữ 'de Béhaine'. Còn chức 'Evêque d'Adran' (Giám mục Adran là một giáo xứ ở Trung Đông đã bị người Thổ Nhĩ Kỳ chiếm từ lâu) được Giáo hội Pháp phong cho ông năm 1770, để có đủ tư cách lãnh chức vụ Đại Lý tòa Thánh cho ba nước Cochinchine (Xứ Đàng Trong), Cao Miên và Chiêm Thành (để tránh sự chống đối của Giáo hội Bồ Đào Nha, vì lúc bấy giờ tại Viễn Đông, có hai Giáo hội thuộc Thiên Chúa giáo Vatican là Giáo hội Bồ Đào Nha và Giáo hội Pháp đang cạnh tranh nhau trong việc truyền giáo).

Giáo xứ của ông đặt tại Chantaburi (thời ấy thuộc Cao Miên, nay thuộc Thái Lan) rồi vì loạn lạc nên dời về Hòn Đất, rồi Cần Cao thuộc Hà Tiên. Tổng trấn Hà Tiên, Mạc Thiên Tích, người Tàu lai Việt (Minh Hương) là một trung thần của các chúa Nguyễn, đã giúp Đức cha Bá Đa Lộc tập hợp được chừng 500 giáo dân tại Cần Cao.

• Nguyễn Ánh hưng binh

Mùa xuân 1778, Nguyễn Ánh rời cù lao Thổ Châu về đất liền, được nhóm Đông Sơn của Đỗ Thanh Nhơn và Võ Tánh (là những tướng lĩnh tài ba) ủng hộ đánh lấy lại từ Hà Tiên ra đến Nha Trang. Năm 1780 Nguyễn Ánh xưng vương, (song vẫn dùng niên hiệu Cảnh Hưng của vua Lê Hiển Tông ở Hà Nội), có 80 chiến thuyền, tập hợp chừng 30.000 quân, phong Đỗ Thanh Nhơn làm Ngoại hữu Phụ chính, Thượng tướng công.

Tu viện của Đức Giám mục Bá Đa Lộc ở Hà Tiên bị giặc Cao Miên cướp phá, phải dời về gần Biên Hòa. Ông giới thiệu với Nguyễn vương Ánh 4 người tư nhân ngoại quốc: hai thủy thủ người Pháp tên Joang và Manuel (ta gọi là Mạn Hòe) người này được chỉ huy một chiếc tàu bọc đồng với chức Khâm sai Chuông cơ; hai người Tây Ban Nha là Jannario và Manoe.

Năm 1781, Nguyễn Ánh thấy Đỗ Thanh Nhơn cậy công lộng quyền, bèn lập mưu mời đến dự tiệc rồi cho đao phủ xông ra giết. Vì thế nhóm Đông Sơn bỏ đi và đánh lại Nguyễn vương. Có tướng bỏ theo Tây Sơn như Đỗ Nhân Trập. Riêng Võ Tánh, 7 năm sau (1788) mới quay lại với Nguyễn Vương chống Tây Sơn.

• Nguyễn Ánh bại trận liên tiếp

Năm sau, tháng 3 năm 1782, Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ đem 100 chiến thuyền vào đánh Gia Định, Chiến thuyền bọc đồng do Manuel điều khiển bị đốt cháy, Manuel tử trận. Vì thiếu tướng lĩnh tài giỏi, Nguyễn Ánh đại bại, 30.000 quân tan vỡ hết. Nguyễn vương Ánh phải chạy về Ba Giồng rồi ra lánh ở đảo Phú Quốc.

Sau khi thắng trận, Nguyễn Nhạc rút quân về Qui Nhơn, đặt hàng tướng Đỗ Nhân Trập làm trấn thủ Sài Côn. Đầu tháng 10 năm 1782, có Châu Văn Tiếp, một cựu tướng của Định vương Nguyễn Phúc Thuần, tụ tập một số quân giữ núi Trà Lang thuộc tỉnh Phú Yên, đi đường bể tới Cần Giờ, hợp với quân các đạo đánh đuổi quân Tây Sơn, rồi cho người ra Phú Quốc đón Nguyễn Ánh về. Bá Đa Lộc cũng trở về Nam Việt khoảng cuối tháng 10 năm 1782, ngụ tại Mạc Bắc, Trà

Vinh, để trấn an tinh thần giáo dân, và chuẩn bị để chạy nữa.

Rồi không bao lâu, được tin quân Tây Sơn sắp trở lại, vào cuối tháng ba năm 1783, Bá Đa Lộc bỏ trốn, dọc đường được tin Nguyễn vương lại bị đại bại, mất gần hết đoàn chiến thuyền còn lại, nên ông chạy thẳng sang Chanthaburi ngày 21-8-1783. Còn Nguyễn Ánh lại chạy ra **Phú Quốc**, Nguyễn Huệ đuổi theo đến Phú Quốc, Nguyễn Ánh chạy sang đảo Côn Nôn (cù lao Koh Rong ở vịnh Xiêm La), Huệ đem thuyền vây Côn Nôn ba vòng. Nguyễn vương và gia đình cùng tướng sĩ phải nhịn đói nhiều ngày, hái rau, đào củ chuối để ăn. May có trận bão lớn mùa hè nổi lên, làm đắm nhiều thuyền của Tây Sơn, Ánh thừa dịp xuống thuyền chạy sang cù lao Cô Cốt, rồi về lại **Phú Quốc**. Huệ đặt phò mã Trương Văn Đa, con rể Nhạc, trấn thủ Gia Định, rồi rút quân về Qui Nhơn. Lần này, Nguyễn Ánh phải trú ẩn tại Phú Quốc (lần thứ ba) hơn một năm trời từ khoảng tháng 8 năm 1783 đến tháng 9 năm 1784.

• Nguyễn Ánh cầu cứu ngoại bang

Ở vào thế cùng, đất liền bị Tây Sơn chiếm hết, quân sĩ tiêu tan, chiến thuyền cháy sạch, nên Nguyễn Ánh nghĩ đến chuyện cầu cứu ngoại bang. Mà cầu cứu nước nào ?

-**Tây Ban Nha** : Mùa thu 1783, Nguyễn Ánh sai Joang (người Pháp) và Manoe (người Tây Ban Nha) đi thuyền sang Lữ Tống (Manille) thủ đô Phi Luật Tân, lúc đó thuộc địa của Tây Ban Nha để cầu cứu với nước này. Chẳng may, dọc đường bị Tây Sơn bắt giết. Sau chiến hạm Tây Ban Nha được tin, đi tìm Nguyễn vương, hỏi Bá Đa Lộc không chỉ, nên không gặp được.

- **Anh quốc** : Theo tài liệu của Bá Đa Lộc, năm 1779, hai chiến hạm Anh quốc cũng đi tìm giúp Nguyễn Ánh, để dọn đường thiết lập bang giao thương mại tại Xứ Miền Trung sau này, nhưng không gặp được, nên việc không thành.

- **Xiêm La** (Thái Lan): Nguyên tháng 11 năm 1781, vua Xiêm là Trình Quốc Anh (gốc Tàu, sử Tây phương gọi là Taksim) sai hai tướng là hai anh em Chắt Tri (Chakkri) và Sô Si đem quân sang đánh Cao

Miền. Nguyễn Ánh sai Chuồng cơ Nguyễn Hữu Thoại (Thoại Ngọc Hầu) đem 3.000 sang cứu vua Cao Miên. Bỗng ở Vọng Các (Bangkok) bị biến loạn, vua Xiêm bắt giam cả vợ và con của hai anh em Chắt Tri, Sô Si. Hai tướng Xiêm liền xin hưu chiến, **giao kết với Nguyễn Hữu Thoại, thể sẽ cứu nhau khi hoạn nạn**. Rồi kéo quân về giết vua Trình Quốc Anh, xong, Chắt Tri tự lập làm vua xưng là Rama I (Phật vương), Sô Si làm phó vương và dòng Chakkri làm vua Xiêm cho đến bây giờ. Nay gặp nhắc lại lời thể ấy, Nguyễn Ánh xin vua Xiêm cứu viện. Năm 1784, Rama I cho mời Nguyễn vương từ Thổ Châu sang Vọng Các, tiếp đãi rất hậu, rồi cho 20.000 quân cùng 300 chiến thuyền sang giúp để chiếm lại Gia Định. Năm sau (1785), đạo quân Xiêm bị Nguyễn Huệ đánh bại tan tành. Hai vạn quân Xiêm bị chết, chỉ còn vài ba nghìn sống sót lên bộ chạy về nước. Nguyễn Ánh và gia quyến, quần thần được vua Xiêm cho cư ngụ và cấp cho ở riêng một vùng đất tại ngoại ô Vọng Các. Nhưng khi 2 vạn quân Xiêm sang giúp ta, đã ý thế, cướp hiếp tàn ác, lòng dân oán giận, Nguyễn vương không còn tính chuyện nhờ quân Xiêm nữa. Các tướng sĩ lục tục kéo sang, riêng Lê Văn Cầu đem 600 nghĩa quân đến giúp, người thì làm ruộng nuôi quân, người thì ra các đảo đóng chiến thuyền, người thì lên về Gia Định mộ quân đội khôi phục.

Lúc bấy giờ có quân Miến Điện sang đánh Xiêm La, các tướng của Nguyễn vương, như Nguyễn Văn Thành, Lê Văn Cầu đem quân bản bộ đánh đuổi được. Quân ta lại có công tiêu trừ giặc Mã Lai quấy nhiễu vùng ven biển. Nên vua Xiêm càng trọng đãi vua tôi nhà Nguyễn, nhưng không tính chuyện đưa quân giúp Nguyễn vương vì tự xét không đủ sức chống lại Nguyễn Huệ, chỉ muốn giữ vua quan ta ở lại Xiêm để nhờ thôi.

- **Bồ Đào Nha** - Không ngờ, ngày 23 tháng 10 năm 1786, Nữ hoàng Bồ Đào Nha (Portugal) gửi quốc thư đến vua Xiêm, với tặng vật 20 khẩu súng, 100 cây vải tốt, nói rằng đáp lời yêu cầu của Hoàng tử Cảnh, xin phép đến đón Nguyễn vương đi khôi phục lãnh thổ, đã có 56 chiến thuyền đang đợi tại Goa. Vua Xiêm rất không bằng lòng, Nguyễn vương

thấy thế, không dám nhận, viết thư từ chối và tạ ơn Nữ hoàng.

• Cuối cùng Nguyễn Ánh cầu viện Pháp

Nguyên trong lúc còn ở Xiêm, thấy vua Xiêm không muốn giúp quân cho mình nữa, Nguyễn Ánh nhớ đến Bá Đa Lộc là người đã cứu giúp mình tận tình, nên hai lần cho đi mời nhờ giúp. Bá Đa Lộc nói phải đem Hoàng tử Cảnh theo, làm tin, cho dễ bề thương thuyết.

Bá Đa Lộc cùng Hoàng tử Cảnh (sinh 1780: lúc đó 5 tuổi), bái biệt Nguyễn vương, ngày **25 tháng 11-1784**, rời cù lao Thổ Châu tức Poulo Panjang (là một trong 3 điểm liên lạc giao hẹn sau này giữa Nguyễn Ánh và Bá Đa Lộc: Poulo Panjang, Poulo Way, Chanthabouri), mang theo ấn tín, cùng một số tùy tùng văn võ. Phái đoàn ghé bán đảo Malacca, ở lại đó một tháng rưỡi, vì việc riêng của Bá Đa Lộc.

Rồi tháng **3-1785** đến **Pondichéry**, một đô thành của Ấn Độ thuộc Pháp, và bị kẹt lại đó gần một năm rưỡi (từ tháng 3-1785 đến giữa năm 1786) vì Bá Đa Lộc phải vận động gay go với nhà cầm quyền Pháp ở đây xin cứu viện cho Nguyễn vương. Tổng trấn Pondichéry là Coutenceau des Elgrains phản đối, cho rằng một ông vua đánh với giặc suốt 8 năm (từ 1777 đến 1784) mà không thắng được thì lý do phải là không có tài năng, hoặc không được lòng dân. Dem lính Pháp đến đánh ở một nơi xa xôi phải tốn kém rất nhiều mà cũng không ích lợi gì.

Bá Đa Lộc gửi thư cho Thượng thư Bộ Hải quân Pháp ở Paris bày tỏ ý kiến về việc xin cứu viện, rồi nằm ở Pondichéry chờ trả lời. Lúc đó kênh Suez chưa khai thông, thuyền đi Pháp phải vòng quanh Phi Châu, nên thư từ rất chậm trễ.

Thấy nhà cầm quyền Pháp tại Pondichéry chống lại việc cứu viện Nguyễn vương một cách quyết liệt, trong hoàn cảnh bơ vơ với một cậu bé trong tay, mà Paris cũng chưa chắc tán thành, Hội thánh Thiên Chúa giáo cũng không bằng lòng hành động của mình, Bá Đa Lộc bị chán nản. Ông không biết phải làm sao nếu Triều đình Pháp nghe theo lời Tổng trấn Pondichéry từ chối không nhận giúp. Có lẽ đã nhớ lại

một việc xảy ra trước đó 5 năm, Bá Đa Lộc liền viết một bức thư, đề ngày **8 tháng 7-1785** (ba tháng sau khi bị Tổng trấn Pondichéry phản đối), cho Thượng Nghị Viện Macao (thị trấn Trung Hoa thuộc Bồ Đào Nha) đại khái như sau: «Tháng tư năm 1780, tôi có nhận được một bức thư của ông M.O. Franc. Xavier de Castro, Tổng trấn đương thời của Macao, nhờ tôi can thiệp với vua Xứ Đàng Trong (Cochinchine) cấp giấy cho Tổng trấn Goa (một đô thị Ấn thuộc Bồ Đào Nha lúc đó) để thành Goa hưởng những điều kiện thuận lợi về thương mại, thì đáp lại, Tổng trấn Goa sẽ cung cấp cho vua Xứ Đàng Trong những viện trợ cần thiết để khôi phục đất nước. Nhưng lúc nhận được thư ấy, tôi đang chạy loạn, tỵ nạn tại Cambodge, cho nên không thể nào thỏa mãn lời yêu cầu của ông ta [...] Gần đây, lúc sắp sửa xuống tàu qua vịnh Xiêm La, tôi gặp lại vua Xứ Đàng Trong đang chạy loạn, Người nhờ tôi giúp tìm cứu viện. Tôi đề nghị với Chúa Nguyễn gửi cho tôi con trai duy nhất của Người để làm tin. Và hiện Hoàng tử ấy đang ở với tôi [...] Lúc đó, ngoài Pondichéry ra, tôi không thể đi đâu được, cho nên thoát tiên tôi đến nhờ người Pháp ở đây, song thấy họ ra mặt không thích tôn giáo, mà tôi lại chỉ muốn tìm nhờ một nước theo đạo Công giáo thôi, nên tôi quyết định trước Chúa là sẽ nhờ nước Bồ Đào Nha. Người Anh, năm ngoái có đến tìm Hoàng tử để giúp [...] và năm nay, họ nhiều lần thương lượng với tôi giao Hoàng tử cho họ. Chắc ông hiểu rõ vì sao tôi không thể thỏa mãn họ được. Chỉ có lý do tôn giáo, mới có thể tha thứ cho tôi, trước Chúa và trước mọi người, vì đáng lẽ chọn nước của mình, tôi lại chọn một nước khác để nhờ. Vì lẽ ấy, tôi đề nghị trao lại cho quý ông việc cứu viện này, sự hiện diện của nhà vua Xứ Đàng Trong, của con trai nhà vua, cùng bảy, tám vị đại thần, là những điều kiện để thực hiện dễ dàng việc khôi phục đất nước, và không những để có thể đền bù các phí tổn của công việc này, mà còn để thiết lập ở Xứ Đàng Trong một cơ sở thương mại làm vinh danh nước Bồ Đào Nha cũng như làm lợi cho thành Goa nữa». (L. Cadière, *Nguyễn Ánh et la Mission- Documents inédits des Missions Etrangères de Paris*, trong *Bulletin*

des Amis du vieux Hué, trang 27, 28, chú thích số 53).

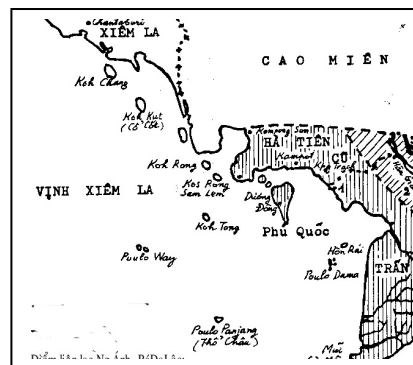
Nhưng đến **năm 1786**, Tổng trấn mới của Pondichéry là David Charpentier de Cossigny tuy không hoàn toàn đồng ý với Bá Đa Lộc, nhưng cũng cho rằng việc cứu viện Xứ Đàng Trong là đáng xét đến. Nên cho phép Bá Đa Lộc, Hoàng tử Cảnh, một Hoàng thân, và 3 thị vệ đi không tiền trên tàu buôn *Malabar* đến tháng 7 năm 1786 sang Pháp, để trình việc này lên Pháp hoàng Louis XVI (1754- 1793).

Tổng trấn de Cossigny cũng thương lượng với Tổng tư lệnh Hải quân Pháp tại Đông Ấn Độ là Chevalier d'Entrecasteaux, phái thuyền trưởng tàu *Le Marquis de Castries* là De Richery và phụ tá là De Berneron, đại úy Régiment de l'Isle de France, đi đến Xứ Đàng Trong cứu xét tình hình để có thể chấp nhận dự án của Bá Đa Lộc, và nếu cần thì liên lạc với Nguyễn Ánh, đón về Pondichéry tổ chức cứu viện. Đồng thời cũng cho phép các nhân viên phái đoàn còn lại, đáp tàu *Le Marquis de Castries* trở về đảo Thổ Châu.

Bá Đa Lộc viết một bức thư nhờ De Richery và De Berneron chuyển lại cho Nguyễn vương hiện đang ở tại Chanthabouri, hẹn sẽ có người đón đưa tới Pondichéry.

Ngày 1-9-1786, hai vị sĩ quan này trao thư ấy cho Paul Hồ Văn Nghị và đưa linh mục này đến Thổ Châu cùng 12 người tùy tùng, để lại một số lương thực đủ dùng ba tháng, rồi chạy thuyền sang Manille, hẹn **cuối tháng 12-1786 sẽ quay lại đón Nguyễn Ánh tại Thổ Châu đưa đến Pondichéry**. Linh mục Paul Nghị cùng tùy tùng, đóng tại chỗ một chiếc thuyền để đi sang đảo Poulo Way là nơi liên lạc thứ hai giữa Nguyễn Ánh và Đức cha Bá Đa Lộc. Nhưng tại đây không gặp ai cả, lại xuống thuyền đến điểm hẹn thứ ba là tư thất của nhà Truyền giáo Pháp M. Liot, Giám đốc Chủng viện tại **Chantaburi** (Xiêm). Paul Nghị không dám đi vào Bangkok, vì sợ bị vua Xiêm biết, nên nhờ Bảo Ngọc hầu (theo L. Cadière, tức là Phạm Văn Nhơn, hay Nguyễn Văn Liêm) đem thư của Bá Đa Lộc đến cho Nguyễn Ánh đúng vào ngày 21-10-1786, tức là 2 ngày trước quốc thư của Nữ hoàng Bồ Đào Nha gửi đến vua Xiêm xin đón Nguyễn Ánh đi

Macao, như ta vừa thấy trên đây. Nguyễn Ánh từ chối không nhận lời giúp của Nữ hoàng Bồ Đào Nha, bề ngoài sợ méch lòng vua Xiêm, nhưng thâm tâm là muốn đợi cơ hội trốn đi Pondichéry nhờ Pháp là quốc gia mà Hoàng tử Cảnh đang đến cầu viện, và Bá Đa Lộc, vị ân nhân cố cựu đang tận lực vận động giúp mình.



Kế hoạch đưa Nguyễn Ánh đến Pondichéry đã gặp nhiều chống đối trong giới người Pháp tại Pondichéry. Tử tước (vicomte) de Souillac, năm 1785, thay thế một thời gian Coutenceau des Algrains trong chức Tổng trấn Pondichéry, ngày 31-8-1786 đã phúc trình cho Tổng trưởng Hải quân (Paris) rằng «nếu vua Xứ Đàng Trong mà đáp chiến thuyền này và đến Pondichéry, thì chúng ta bắt buộc phải đài thọ sinh sống cho vua và gia đình và các chi phí tranh đấu khôi phục đất đai».

Vào khoảng cuối tháng 12-1786, theo lời hẹn của De Richery, Nguyễn Ánh đem gia đình xuống bờ biển Chanthabouri đợi thuyền đến đón mà không thấy. De Richery đi Manille, rồi mãi lo việc buôn gạo, nên thay vì vào tháng 12-1786, thì mãi đến 21-2-1787 (tức là hai tháng sau) mới đến Poulo Panjang đón Nguyễn Ánh. Đến đó tất nhiên không gặp Nguyễn Ánh. Kế hoạch đón Nguyễn vương đi Pondichéry không thành tựu được, vì De Richery chệnh mảng, hay vì sĩ quan này cũng không tán thành kế hoạch đón Nguyễn Ánh đến Pondichéry như De Souillac trên đây?

• **Bá Đa Lộc cùng Hoàng tử Cảnh đến Pháp tháng 2- 1787**, cập bến Lorient trên bờ biển Đại Tây dương. Phái đoàn cầu viện ở lại 10 tháng tại Pháp, từ tháng 2 đến tháng 12 năm 1787.

Ngày 5-5-1787, Giám mục Bá Đa Lộc được vào triều kiến Pháp hoàng Louis XVI, trước sự hiện diện của Bộ trưởng Ngoại giao là Bá tước De Montmorin và Bộ trưởng Hải quân là nguyên soái De Castries. Ông trình nhà vua lý do nên cứu viện Nguyễn vương Ánh tóm tắt như sau:

- Nguyễn Ánh là vua chính thống nước Cochinchine, được đa số nhân dân ủng hộ,

- Cuộc hành quân khôi phục đất đai chỉ cần một số quân lực vừa phải,

- Một căn cứ Pháp tại Cochinchine là một phương tiện chắc chắn để ngăn chặn ảnh hưởng của nước Anh tại Ấn Độ, để bành trướng ảnh hưởng của Pháp tại các biển Trung Hoa, và làm bá chủ về thương mại trong vùng này.

Trước đó, năm 1785 Bộ Hải Quân có nhận thư của Bá Đa Lộc, đầu năm 1786 có sai ông Sominiac de Lamothe, một Kỹ sư đã ở lâu bên Viễn Đông, cứu xét. Viên Kỹ sư phúc trình tán thành việc cứu viện Nguyễn vương. Lại thêm cậu bé Hoàng tử Cảnh (8 tuổi) diện mạo khả ái, khiến Hoàng hậu Marie Antoinette cảm mến tình cảnh đáng thương, có ý muốn giúp đỡ.

Nhưng trong triều một số đại thần e ngại:

- Hành quân tốn kém quá, Pháp vừa thất bại ở Hòa Lan, tài chánh thiếu hụt không kham nổi.

- Cochinchine cách xa căn cứ quân sự ở đảo France của Pháp (đảo Maurice, nay thuộc Anh), khi chiến tranh, nếu Anh đóng eo biển Malacca, Hòa Lan đóng eo biển La Sonde, Pháp sẽ bị cô lập tại Cochinchine.

Bàn luận mãi suốt nửa năm, cuối cùng 'phe của Hoàng hậu' thắng. Bộ trưởng De Montmorin đại diện cho Pháp, và Giám mục Bá Đa Lộc đại diện cho Nguyễn Ánh **ký bản Hiệp ước tương trợ Pháp Việt tại điện Versailles ngày 28-11-1787.**

Và Bá Đa Lộc được Pháp cử làm 'Ủy Viên của Hoàng đế Pháp tại xứ Đàng Trong'.

Hiệp ước gồm có 10 điều, tóm tắt như sau:

- Pháp sẽ giúp cho Nguyễn Ánh 4 chiếc tàu chiến, 1.200 người, 200 pháo binh, 250 lính Phi Châu thuộc địa của Pháp và đạn dược đầy đủ, pháo binh tinh nhuệ.

- Khi nước ta loạn lạc, Pháp sẽ giúp đỡ xứng với sự cần dùng mỗi lúc, nhưng không quá số đã định trong Hiệp ước này.

- Ta nhường cho Pháp hải cảng Đà Nẵng và đảo Côn Lôn.

- Pháp được tự do đi lại, tự do buôn bán, trả thuế xuất nhập cảng theo giá như người bản xứ. Tàu binh, tàu buôn ngoại quốc muốn đến nước ta phải treo cờ Pháp và có giấy thông hành Pháp cấp.

- Pháp có thể lập trên lục địa nhà cửa, cơ sở mà họ xét cần dùng cho việc tàu bè giao thông, buôn bán, cho việc sửa chữa, làm ra tàu bè. Về việc cảnh sát ở hải cảng sẽ có tờ giao ước riêng định.

- Ta sẽ bảo hộ sự tự do, sự an toàn thân thể và đồ đạc cho người Pháp. Khi có sự tranh tụng, phải xử đoán mau lẹ và công bình.

Cuối cùng: 'Hiệp ước này sẽ được vua hai nước phê chuẩn, trong hạn một năm, hoặc sớm hơn nếu có thể'. (Chú ý: không thấy Hiệp ước bản đến tự do truyền giáo đạo Thiên Chúa),

• **Triều đình Pháp lại đổi ý, không muốn thi hành Hiệp ước** - Nhưng sau đó, vào ngày 2-12-1787, tức là 5 ngày sau, triều đình Pháp lại đổi ý, không muốn thi hành Hiệp ước. Bộ Ngoại Giao gửi mật lệnh cho Công tước De Conway, Toàn quyền các thuộc địa Pháp ở Ấn Độ nên tùy nghi định đoạt hoặc trì hoãn việc giúp Nguyễn Ánh, hoặc bỏ hẳn việc ấy đi. Lại cẩn thận chỉ thị cho De Conway giữ kín đừng cho Bá Đa Lộc biết.

Triều đình Pháp đã chịu ảnh hưởng phe đối lập, nhất là vì lý do tài chánh thiếu hụt. Chính De Conway tại Pondichéry cũng phải đi vay tiền để trả lương binh sĩ.

• **Ngày 8-12-1787 Bá Đa Lộc và Hoàng tử Cảnh được vào triều kiến từ giã Pháp hoàng** và sau đó đáp chiếc tàu buồm *Dryade* về nước. Đi theo có tàu *La Méduse* chở theo một số lính để tăng cường ngạch pháo binh đảo France và thành Pondichéry. Còn có hai chiến tàu khác chở lương thực và tiền bạc dùng cho cuộc viễn chinh. Khi thuyền ghé đảo Bourbon (Réunion), đảo France (Maurice), cũng như khi đến Pondichéry, Bá Đa Lộc gặp nhiều nhà buôn Pháp kinh doanh tại các nơi ấy và cho họ biết nội dung

bản Hiệp ước có khoản 'tự do buôn bán', 'độc quyền buôn bán', và 'an toàn cá nhân' tại Xứ Đàng Trong, nên nhiều nhà buôn ham lợi đã giúp tiền cho Đức cha để 'giành chỗ' trước.

• **Tại Pondichéry, Toàn quyền De Conway tỏ ra dè dặt và lúng túng vì tuân theo mật lệnh mà không được phép cho Đức cha Bá Đa Lộc hay.** Để trì hoãn, ông lấy có tàu chở lương thực và tiền bạc viện trợ chưa đến, thật ra hai chiếc tàu ấy chẳng bao giờ đến. Hai người cãi vã, tranh đấu, thư từ, qua lại phản đối và cả hai đều gửi nhiều khiếu nại, báo cáo về Triều đình. Tại Paris, Hội đồng Hoàng gia Pháp họp ngày 4-10-1788 chuẩn y đề nghị của De Conway, nghĩa là **vua Louis XVI không phê chuẩn Hiệp định Versailles trong thời hạn 1 năm nói ở điều 10.** Bản văn này chỉ đến tay Nguyễn Ánh vào tháng 6 năm 1789.

Nhưng vì các thương gia Pháp ở các đảo Bourbon, France và ở thành Pondichéry tỏ ra bất bình, các báo chí địa phương cũng hùa theo để chỉ trích, nên De Conway sai De Kersaint đem hai chiếc *Dryade* và *Bengale* đến Xứ Đàng Trong xem xét tình hình. Bá Đa Lộc xin đi theo để đón Nguyễn sang Pondichéry, De Conway không cho, chỉ cho De Kersaint chở 1.000 khẩu súng mà Nguyễn vương đã bỏ tiền ra nhờ Đức Cha mua hộ.

Phái đoàn De Kersaint khởi hành đi Cochinchine ngày 18-5-1788, đã trao cho Nguyễn vương 1.000 khẩu súng, đến 13-3-1789 trở về Pondichéry, mang theo những bản địa đồ và tin tức khá mơ hồ về giá trị Xứ Đàng Trong Như thế là vì phái đoàn đến gặp lúc Nguyễn Ánh đang đánh nhau với Nguyễn Lữ (Tây Sơn), khi được, khi thua, đến tháng 9 năm 1788 mới vào chiếm được Gia Định, nhưng tướng Tây Sơn Phạm Văn Tham còn giữ đất Ba Thất, mãi đến tháng 2 năm 1789 mới chịu đầu hàng; và vì loạn lạc, đồng ruộng lúc ấy còn bị bỏ hoang. De Kersaint đã gặp Nguyễn Ánh trong tình trạng quân sự bất ổn và kinh tế suy kém ấy. De Conway căn cứ vào nhận xét của De Kersaint, nên cho rằng cuộc viễn chinh bất lợi, rồi ngày 15-3-1789, gửi phúc trình về Paris rằng «*dự tính của Giám mục Ba Đa Lộc là những giấc mơ của một đầu não*

bồng bột», vậy nên bãi bỏ việc cứu trợ.

Nhưng đồng thời, nhân viên tàu *Dryade* lại cho Bá Đa Lộc biết rằng Nguyễn vương đã lấy lại được 5 tỉnh cực Nam xứ Gia Định. Bá Đa Lộc liền vội vàng biên thư cho Toàn quyền De Conway khẩn cầu xin cho ‘một đạo quân nào đó’ (một cách tượng trưng) đi Xứ Đàng Trong phụ với Nguyễn vương để hoàn tất cuộc chiến thắng; và hứa rằng sẽ quên hết những gay gắt vừa qua giữa hai người. Nhưng De Conway từ chối.

• **Bá Đa Lộc quyết định tự lực tổ chức cuộc cứu viện**, nghĩa là không cần đến quân lực, tài chính của Pháp nữa. Giám mục đang có trong tay: tiền của gia đình ông cho riêng (15.000 quan Pháp) và các số tiền của nhóm thương gia Pháp ở đảo France, Bourbon và thành Pondichéry giúp, cùng tiền và hóa vật của Nguyễn vương trao cho từ trước để mua súng nầy còn dư lại. Ông dùng tiền ấy mua một chiếc tàu buồm và súng đạn.

Rồi lấy tư cách là ‘*Ủy viên của Pháp hoàng tại Xứ Đàng Trong*’ chính thức yêu cầu De Conway cấp phương tiện chuyên chở Hoàng tử Xứ Đàng Trong về nước. Viên Toàn quyền phải cho Ủy viên Giám mục và Hoàng tử cùng phái đoàn lên chiếc tàu chiến *La Méduse* về Gia Định.

Nhưng Đức cha đã âm thầm dự được một số sĩ quan và thủy binh Pháp phiêu lưu theo ông đến Xứ Đàng Trong tham chiến và làm giàu. Nhóm binh sĩ nầy kín đáo đi theo chiếc tàu buồm riêng mà Giám mục đã mua, rồi theo tàu chiến *La Méduse* nhổ neo rời Pondichéry đi Gia Định ngày 15-6-1789.

Báo *La Gazette de Pondichéry* ra ngày 15-6-1789 đã tường thuật như sau: «*Triều đình tuyệt đối từ bỏ cuộc dự định Cochinchine và cấm chỉ ông De Conway thi hành. Song không bao giờ tình hình lại tốt đẹp hơn để hoàn tất cuộc trung hưng ông vua bị phế, khi ông ấy đã tái chiếm được 5 tỉnh cực nam quốc gia đó. Chúng ta đã bỏ lỡ, trong dịp nầy, việc đặt chân vững chãi và quý báu lên một vương quốc mà chỉ trong vòng bốn, năm năm sẽ đem cho nước ta một nền thương mại độc quyền hơn hai triệu quan, và đặc biệt*

là những phương tiện để buôn bán với Trung Hoa mà khỏi phải qua thành Canton để chịu nhiều phiền phức. [...] Ác cảm của ông ta đối với Giám mục D'Adran và đối với các đồng bào ông trong thị thành nầy, là những lý do thúc đẩy ông đến việc ác độc ấy. Chẳng sớm thì chầy, ông sẽ được hưởng đền bồi, song cái tai hại mà ông gây cho quốc gia sẽ không sao sửa chữa nổi». (P. Heduy, *Histoire de l'Indochine*, trg 37)

Hai chiếc tàu của phái đoàn Bá Đa Lộc và Hoàng tử Cảnh cập bến **Gia Định ngày 24 tháng 9 năm 1789**. Cuộc ra đi cầu viện nước Pháp đã kéo dài 4 năm 7 tháng (25-11-1784 đến 24-9-1789) không kết quả.

Như vậy triều đình Pháp, hay quân đội Pháp đã không giúp gì cho Nguyễn Ánh trong việc tái chiếm vùng Gia Định cũng như trong việc hoàn thành chiến thắng, thống nhất đất nước.

Những binh sĩ Pháp tình nguyện tháp tùng Bá Đa Lộc có tất cả 14 sĩ quan và 80 thủy binh. Một số người về sau vì lương ít, hay vì bị các quan Nam đố kỵ, nên bỏ đi cầu may nơi khác.

Số còn lại, **với tư cách cá nhân**, chỉ giúp Nguyễn vương trong ngành công binh, huấn luyện binh sĩ, chứ không trực tiếp tham chiến như luận bàn tham mưu chiến lược, hay chỉ huy hành quân.

Người đáng ghi nhớ là Đức cha Bá Đa Lộc: ngoài việc trông coi Giáo xứ, ông còn lo việc dạy dỗ Hoàng tử Cảnh, dịch ra Hán văn cho Nguyễn Ánh những sách về chiến lược Tây phương. Bá Đa Lộc cũng bị các quan Việt nghi kỵ và gièm pha không ít, vì các đại thần sợ Đông cung theo Công Giáo. Chính Đức Cha Bá Đa Lộc trong một bức thư **ngày 30-1-1895** cho Hội Truyền giáo Quốc ngoại đã kể lại như sau: «*Năm nay tôi gặp phải một vụ rất tế nhị. Có tới 19 vị đại thần trong vương quốc nầy lo lắng cho nền tôn giáo quốc gia, đã họp nhau lại, trình vua rằng nên cẩn thận, không nên để cho tôi tiếp tục việc giáo huấn Thái tử lâu thêm nữa (trong một cuộc thảo luận riêng với nhau, họ quyết định rằng nếu nhà vua không nghe thì họ sẽ diệt trừ tôi)*. Đức vua nổi giận,

liệng xuống đất những biểu can gián của họ. Rồi Ngài nhắc lại tất cả những công trạng của tôi phục vụ quốc gia, nhất là phục vụ vua, mẹ vua, vợ vua, con trai vua, và tất cả hoàng gia. Ngài dọa ra tay làm gương bằng cách trừng phạt nặng nề những kẻ cầm đầu cuộc âm mưu nầy. [...] Đứng vào địa vị họ (các đại thần Việt) và theo tôn chỉ của họ, tôi cũng phải đồng ý rằng họ hành động cần thận. Nếu ở bên Pháp các vị đại thần thấy một ngoại nhân đạo Hồi Hồi hay Tả đạo được ủy nhiệm giáo dục Thái tử và được lòng tin của vua, thì họ sẽ nói gì? Họ sẽ có làm động trời động đất để xua đuổi người ấy không? [...] Tôi chỉ có cách hay nhất là ra đi khỏi hãn nước nầy. Nhà Vua và Thái tử sẽ tự do hơn và có thể bảo vệ các giáo dân mà không làm phiền lòng ai. Đại đa số đàn bà (ám chỉ chế độ đa thê) và nhất là việc thờ cúng Tổ tiên, mà Triều đình ở La Mã đã cấm đoán quá mức, sẽ luôn luôn là những trở ngại rất khó vượt qua». (Hoàng Cơ Thụy, *Việt sử khảo luận*, trang 912, trích Philippe Heguy và Guy-Marie Oury).

Bá Đa Lộc qua đời vì bệnh lỵ tại Thị Nại, giữa một trận chiến ngày 9-10-1799, thọ 58 tuổi.

• **Đến 1802, ở Việt Nam, Nguyễn Ánh thống nhất đất nước, lên ngôi, vương hiệu Gia Long**, thì bên Pháp, vua Louis XVI bị Cách Mạng lật đổ năm 1792, Đệ nhất Cộng Hòa Pháp thành lập từ 1792 đến 1804, rồi chuyển sang Đệ nhất Đế Quốc với Napoléon đệ nhất (1804-1814). Khi Napoléon thất thế, dòng dõi nhà vua cũ trung hưng, chiến tranh đã yên, dưới thời Louis XVIII (1814-1824), tháng sáu năm 1817, có tàu binh Pháp *Cybèle* đến cửa Đà Nẵng, thuyền trưởng là Bá tước De Kergarion, thông báo với triều đình ta rằng Pháp hoàng sai sang đòi thi hành những điều ước của ông Bá Đa Lộc ký năm 1787 về việc nhượng cửa Đà Nẵng và đảo Côn Lôn.

Gia Long sai quan trả lời rằng **những điều ước ấy nước Pháp trước đã không thi hành, thì nay bỏ không nói đến nữa**. □

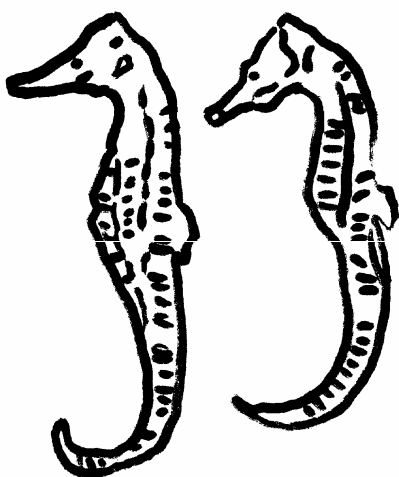
(Paris hè 2001)



• Quỳnh Hoa

Những vị thuốc mang tên Ngựa

Bước qua năm Ngọ chuyện đầu tiên phải kể ngay là chuyện Ngựa. Thủy Tổ của loài ngựa ngày nay là giống Ngựa Cổ có từ 10.000 năm nay trên trái đất. Loài ngựa này nhỏ con, chân ngắn, có tên là *Equus caballus ferus Pallas*; ở Mông Cổ người ta vẫn còn nuôi và bảo vệ giống ngựa này.

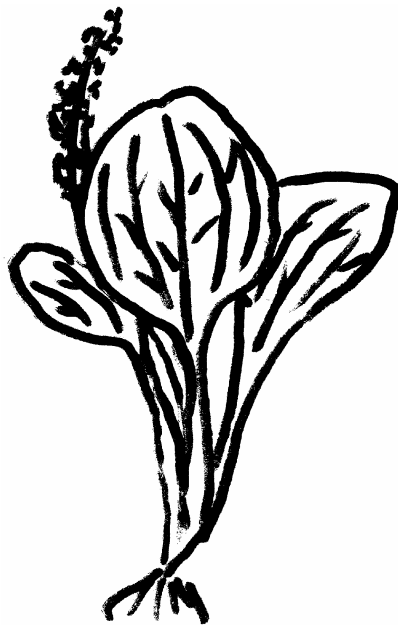


Nói đến Ngựa trên mặt đất thì cũng cần kể đến Ngựa ở biển: Cá Ngựa hay Hải Mã. Tên khoa học là *Hippocampus*, thuộc họ Hải Long Syngathidae. Cá ngựa sống ở nước mặn có đầu hình giống đầu ngựa nên

được gọi là Hải Mã, Ngựa Biển hay Cá Ngựa. Thân dài từ 15 cm đến 30 cm, màu trắng hay vàng đôi khi có màu xanh đen. Cá ngựa màu trắng hay vàng thường được dân Trung Hoa làm thuốc bổ dương. Hải Mã có tính ôn vị ngọt không độc, bổ dương. Cho đến nay vẫn chưa có tài liệu nào cho biết thành phần hóa học tác dụng dược lý của vị thuốc này. Người ta dùng Hải Mã làm thuốc dưới dạng thuốc rượu ngâm với đại hồi và quế; ngoài ra còn dùng dưới dạng thuốc sắc, thuốc bột, thuốc viên.

Ngựa, Hán tự được viết là: Mã, nên cũng cần phải kể đến các cây thuốc mang tên Mã :

Mã Đền: Gọi tên Mã Đền vì loại cây này thời cổ xưa hay mọc ở vết chân ngựa kéo xe. Đây là loại cỏ sống lâu năm, thân ngắn, lá mọc thành cụm ở gốc, phiến lá hình trứng có gân dọc theo sống lá. Hoa có cán dài mọc thành bông nâu, hạt (đúng ra là quả) màu nâu.



Mã Đền có tên khoa học *Plantago Major* thuộc họ Mã Đền *Plantaginaceae*. Toàn cây chứa Glucoside là aucubin hay vinantin. Lá Mã Đền có chứa nước, Phosphor, kali, Calcium, Magnesium, Carotin, Vitamin C, Vitamin K. Mã Đền tính hàn, vị ngọt, không độc, có tác dụng thanh nhiệt, lợi tiểu, tiêu đàm. Người ta dùng lá Mã Đền nấu với rễ tranh, mía lau, bông hạt ngô làm nước giải khát.

Lá Mã Đền có khả năng sinh nhiệt thấp và thông tiểu nên giúp loại thải

các chất độc; những người mập phì có thể dùng để giảm trọng lượng cơ thể.

Hạt Mã Đền (đúng ra là quả) phơi khô bỏ vỏ, lớp bên trong có polyuronid ngâm vào nước nóng nở ra thành chất nhầy dùng làm nước giải khát có tính thanh nhiệt, thông tiểu, nhuận tràng.

Hạt Mã Đền kết hợp với cam thảo, hạnh nhân để trị ho làm dịu niêm mạc.

Một số nhà nghiên cứu của Mỹ còn cho rằng chất nhầy của lá và hạt mã đền có khả năng ngoại hấp Cholesterol làm giảm Cholesterol huyết.

Mã Tiên: *Strychnos nux vomica L.* Họ Mã Tiên *Loganiaceae*. Cây mọc thẳng đứng có vỏ xám, lá mọc đối có lá kèm, phiến lá hình bầu dục hai đầu hơi nhọn, gân lá hình lông chim, hoa nhỏ màu hồng. Quả mọng hình cầu to bằng quả cam có chứa cơm màu trắng nhiều hạt hình khuy áo phơi thẳng đứng, quanh có nội nhũ sừng. Hạt Mã Tiên được dùng làm thuốc, làm nguyên liệu trích chất Strychnin. Hạt Mã Tiên có chứa alkaloid Strychnin, chất béo, manan, galactan, loganin. Mã Tiên được dùng trong cả Tây Y và Đông Y. Với liều nhỏ Mã Tiên có tác dụng kích thích, liều cao gây co giật và dẫn đến chết người vì ngạt thở. Vì vậy được xếp vào loại thuốc rất độc, khi sử dụng phải hết sức cẩn thận theo chỉ định của Bác sĩ.

Từ thời xưa, Tây Y dùng Mã Tiên làm thuốc kích thích thần kinh trung ương, tăng cường cơ, dùng chữa tê liệt, trị các chứng giãn cơ tim, mệt tim, đái dầm, yếu sức, dưới dạng thuốc rượu, thuốc cao; Nitrat Strychnin (chỉ được sử dụng với liều thấp nhất) để uống hay tiêm chích.

Đông Y dùng Mã Tiên kết hợp với quế chi, thương truật, địa liền, mộc hương để trị tê thấp, đau nhức, sưng khớp dưới dạng thuốc hoàn.



Giới Thiệu Sách Mới Xuất Bản

• Phù Vân phụ trách



Bhutan Có Gì Lạ?

Tác phẩm thứ 32 của Thượng Tọa Thích Như Điển, Viện Chủ Chùa Viên Giác, do Trung Tâm Văn Hóa và Xã Hội Phật Giáo Việt Nam tại Đức Quốc xuất bản tháng 10.2001:

Bhutan là một quốc gia, nhưng tọa lạc ở nơi nào trên thế giới? Người ta hầu như chỉ mới biết Bhutan, một quốc gia Phật Giáo, qua Hội Chợ Thế Giới Expo 2000 tại Hannover và với nhân duyên nào phải đoàn của Chi Bộ Phật Giáo Việt Nam tại Đức được qua thăm viếng và triều kiến với Hoàng Hậu của nước này ?

Chúng ta đã biết rằng: "tất cả các pháp đều do nhân duyên sanh và tất cả các pháp đều nhân duyên diệt". Đó là chân lý ngàn đời của vạn pháp mà chư Phật trong quá khứ đã dạy, chư Phật trong hiện tại đang dạy và chư Phật trong vị lai cũng dạy như thế mà thôi! Qua đó, tác giả cho chúng ta biết nhân duyên hội ngộ với Bhutan như sau: "... Đầu vào giữa năm 1999 có một người Bhutan đến chùa và tự giới thiệu là Kunzang Thinley, người đứng đầu Viện Bảo Tàng Thimphu, thủ đô của Bhutan, muốn gặp tôi để trình bày một số vấn đề nhân Expo năm 2000 tại Hannover. Hôm đó có Frank Sanzenbacher tức Thầy Hạnh Hảo, người Đức. Ông ta nói tiếng Anh rất trôi chảy, mặc dù ông ta cũng nói được tiếng Đức. Ông ta trình bày rằng: Để hoàn thành một tòa nhà tại khu triển lãm Expo Hannover trong năm 2000 thì chính phủ phải gọi sang Đức 20 người thợ và chỉ định ngôi nhà này và trang trí bên trong phải cần 6 tháng như thế, mà nói ăn chốn ở lại không có. Do vậy, ông ta có ý nhờ chùa Viên Giác giúp giùm, vì đường đi từ chùa đến khu triển lãm chỉ cần 10 phút đi bộ là đến. Dĩ nhiên là tôi rất vui

mừng. Vì biết rằng Bhutan không giàu có mấy, vả lại là một quốc gia Phật Giáo tại Á Châu rất ít người biết đến, ngay cả tôi. Do vậy mà tôi đã đồng ý không điều kiện là cứ tự nhiên đến ở và ngay cả ăn uống, tắm giặt trong suốt thời gian xây dựng ấy và chùa Viên Giác sẽ không lấy một lệ phí nào cả. Dĩ nhiên là ông ta rất vui mừng.

Qua trao đổi tôi thường hay nhấn mạnh rằng: Tuy Phật Giáo của quý quốc có khác về lễ nghi và truyền thống với Phật Giáo Việt Nam, nhưng trong thâm tâm tôi thì không có phân biệt giữa Tiểu Thừa và Đại Thừa hay giữa Đại Thừa với Kim Cang Thừa, mà chỉ có một Thừa duy nhất- đó là Phật Thừa mà thôi. Ông ta có vẻ vui khi nghe tôi đề cập như thế. Cũng chính quan điểm khởi đi từ lòng tôi như vậy, cho nên chùa Viên Giác tại Hannover đã đón rất nhiều chư Tăng Ni, Phật Tử khắp nơi trên thế giới không phân biệt Nam Bắc Tông hay Phật Giáo Nhật Bản, Đại Hàn v.v...

Sau đó, tác giả còn có dịp tiếp xúc với Ông Bộ Trưởng Xây Dựng và được ông này nhân danh chính phủ Bhutan trao tặng những tấm Thangka có giá trị. Rồi trong buổi khai mạc Hội Chợ Expo ngày 1.6.2000, tác giả còn tiếp xúc với ông Bộ Trưởng Ngoại Giao và ông Đại Sứ Toàn Quyền của Bhutan đã đề cập và được chấp thuận về việc xin thăm viếng quốc gia này vào năm 2001...

Vậy "**Bhutan Có Gì Lạ ?**", Bhutan tọa lạc nơi nào, có gì lạ? Vì quốc gia nhỏ bé thanh bình ở trên cao độ 3.000 mét chẳng? Vì nụ cười của Hoàng Hậu thật tươi đẹp thanh thản chẳng? Vì những Tu viện trang nghiêm cổ kính và đầy huyền bí chẳng? Vì những vị Thánh linh, những nhục thân Bồ Tát hay vì được diện kiến với các vị Đại Sư, với Ngài Phó Tăng Thống của quốc gia này? Hay là khi đến Tu Viện Punakha, mình lại tưởng như đang sống trong thế giới Tây Phương Cực Lạc?

Những chi tiết và những điều mới lạ và huyền nhiệm khác, xin dành những ngạc nhiên cho độc giả trong tác phẩm của Thượng Tọa Thích Như Điển.

Sách dày 190 trang với nhiều hình ảnh thật đẹp. Liên lạc với Chùa Viên Giác. Giá thành 10 Đức Mã kể cả cước phí gởi.

Chân Trời Hạnh Phúc

Tuyện dài của Dư Thị Diễm Buồn, Bảo Linh xuất bản tháng 10.2001. Tựa Uyên Thao. Bia Đỗ Cung. Phụ bản: Đỗ Cung và Vũ Thái Hòa. Trình bày và kỹ thuật: Bảo Linh.

"... Cảm giác đầu tiên là cái cảm giác mát mẻ dịu dàng mà gần năm mươi năm trước đây đã hiện đến với tôi khi đặt những bàn chân trần trên con đường đất mịn len lách dưới những bóng cây xum xuê của vùng Hồng Ngự. Rồi những dòng chữ dẫn tôi trở lại với những đêm bạn bè xúm quanh nồi cháo cá tại Tân Châu, những lúc cảm thuyền bên cù lao Long Kiến lắng nghe một giọng hò đầu đó cất lên lan dài trên mặt nước Cửu Long...

Đó là âm vang mà "Chân Trời Hạnh Phúc" đã khua động và kéo dài trong tâm tưởng tôi...

Tôi không thấy mình đọc sách mà có cảm giác đang ngồi nghe một người tỉ tê tâm sự. Những lời tâm sự không ngừng thúc đẩy tôi hồi tưởng về những ngày xưa cũ rồi chìm ngập trong những ngổn ngang u uẩn của riêng mình..." (trích Tựa của Uyên Thao).

Theo tôi, đây không phải là một truyện dài với những hư cấu bằng những dữ kiện thêm thắt tiểu thuyết hóa, mà là một truyện ký ghi trung thực cuộc đời của tác giả và gia đình- một "chân trời hạnh phúc" thực sự từ hồi tác giả còn ở quốc nội trong hoàn cảnh chiến tranh tao loạn của đất nước, cho đến khi vượt biển và đến định cư an toàn tại Hoa Kỳ.

Tác giả đã khẳng định: "**Phải, cô ấy nói đúng! Gia đình chúng tôi là một gia đình hạnh phúc mà chồng tôi đã mang thứ quý giá có một không hai mang đến. Nhưng hạnh phúc vẫn có giá rất mắc! Tôi phải gìn giữ, phải trả bằng thiện chí, bằng nghị lực.**"

Ngoài ra tác giả còn xác nhận là một truyện ký khi ghi rõ ở đầu cuốn sách: "**Viết để tưởng nhớ người em họ tử nạn trên đường đưa người đi tìm tự do. Viết cho người bạn đời và gởi nhờ các con tôi ở mai sau.**"

Là truyện dài đầu tay, chúng ta không nên quá nghiêm khắc để tìm kiếm những nét già dặn về kỹ thuật sáng tác và những mới lạ về văn phong, mà chúng ta nên để cho trái tim của mình hòa nhịp với những rung động nồng nàn về tình tự quê hương chan hòa trong tác phẩm của Dư Thị Diễm Buồn.

Tác giả viết rất đều tay, hy vọng chúng ta sẽ còn được đọc thêm nhiều cuốn "Chân Trời Hạnh Phúc" tiếp theo để chúng ta tạm quên những phiền não trên cuộc đời ô trược.

Sách dày 216 trang, không ghi giá bán. Liên lạc với tác giả: 1250 Army Trail Rd., Açison, Ill 60101 - USA . Tel. (630) 628 81 67 hoặc email: dtduon@hotmail.com

VỀ NGUỒN

Thi tập thứ ba của Lê Phong Sơn. Thiên Ngân xuất bản. Tranh bìa, trình bày và phụ bản của Nguyễn Hữu Nhật.

Về Nguồn, rút từ nội dung của bài thơ "Mười Hai Bài Về Nguồn"- 12 đoạn bốn câu lục bát, về với quê hương (đoạn 1), về với đất trời (đoạn 3), về với tâm hồn (đoạn 7); còn những đoạn khác tác giả không nhắc nhở đến ta về nguồn với cái gì. Cả bài thơ tựu trung, theo tôi, tác giả có ý nhắc nhở chúng ta- những người lưu lạc tha phương, phải nhớ về nguồn cội, nhớ về cố hương, nhớ về tình tự dân tộc? hoặc tác giả cho rằng đã mang thân phận làm người thì chúng ta cũng phải về nguồn tức là trở về với chính mình, với chính cái bản lai diện mục của mình; với tâm hồn, với cái chân bản thiện của mình...? Mong rằng những điều tôi cảm nhiệm không đi ngoài sự mong muốn diễn đạt của tác giả!

Về nguồn, về với quê hương
Có nhân bản thiện yêu thương tình người

...
Về nguồn, về với đất trời
Anh em vui với những lời yêu thương
...
Về nguồn, về với tâm hồn
Con người cùng sống bảo tồn lẫn nhau

Nhà thơ Lê Phong Sơn muốn mang Thơ vào Đạo hay muốn mang Đạo vào Đời- người có cái tâm, nhưng muốn đạt được mục tiêu thì phải cần có lực nữa. Mong rằng qua thời gian, nhà thơ sẽ nghiên cứu thêm nhiều triết lý của các tôn giáo để có thể trau chuốt được những vần thơ thật đẹp về Đạo và Đời.

Đặc biệt trong thi tập này, sau *Thường Ca* và *Gió Núi*, có một số bài thơ dài theo thể tự do, còn hầu hết là những bài thơ ngắn theo thể lục bát.

Thi tập dày 152 trang, trình bày đẹp, trang nhã, ấn phí 18 Mỹ Kim. Liên lạc với:

Mr. Lê Đình Tài
Nhà xuất bản Thiên Ngân
Barnstengst 51A
25361 Helsingborg / Sweden
email: lephongson@minmail.net

Bảng thơ "Khúc Giao Hưởng Tình Thơ"

Thơ Phương Hồ và Tuệ Nga, tác giả ấn hành, qua hai giọng ngâm nổi tiếng một thời là Hoàng Hương Trang và Đoàn Yên Linh với sự phụ diễn của Bảo Cường (sáo trúc), Tường Vi (đàn tranh)

và Vân Sơn phụ trách về kỹ thuật âm thanh.

Thật khó tìm được trong cõi nhân gian phù phiếm này một đôi uyên ương thì si như Phương Hồ và Tuệ Nga, hợp lòng hợp ý, trọn vẹn trọn duyên, "*hợp cánh hòa thanh minh minh ngữ, chung cảnh hiệp sắc uyển uyển hương*". Dù lo toan cuộc sống, dù con cháu đầy đàn, dù thăng trầm dâu bể, dù thiên nhai hải giác nơi đâu, họ vẫn dành riêng một cõi cho thơ, không bon chen, không tranh thủ, không góp mặt ồn ào nơi trường văn trận bút, nhưng thơ hai người vẫn được đông đảo bạn bè yêu thích bởi tính chất nhân hậu dịu dàng, bởi ý tình sâu lắng thủy chung qua những vần thơ tình cảm trao nhau, những vần thơ thanh tịnh ý thiền, những vần thơ nhớ nhung yêu thương bè bạn...

Dù họ không đi trọn đường đời cho đến rằng long đầu bạc bởi quy luật khắc khe sinh-lão-bệnh-tử vô thường, nhưng những gì họ để lại cho đời, cho con cháu cũng đậm đà dịu ngọt có giá trị nhân bản lẫn văn học... đã làm nên một "*Khúc Giao Hưởng Tình Thơ*":

Dạt dào cảm xúc mênh mang
Tình thơ giao hưởng cung đàn nở duyên
Trăm năm hạnh phúc bình yên
Vần thơ phưởng ý vô biên ngọt ngào
Vĩ bằng đọ với trăng sao
Lời thơ mặc khải ngàn câu ân tình
Thở lòng hẹn với ba sinh...

Các bạn yêu thơ Tuệ Nga và Phương Hồ, yêu giọng ngâm truyền cảm của Hoàng Hương Trang và Đoàn Yên Linh muốn có băng thơ "*Khúc Giao Hưởng Tình Thơ*", xin liên lạc với:

Trần Tuệ Nga
20370 SW Lela Lane
Aloha, OG 97006-6525 / USA

Viết Về Nước Mỹ 2000 (tuyển tập I) và 2001 (tuyển tập II)

Tuyển Tập những bài viết tham dự Giải thưởng Việt Báo năm 2000 và 2001: Trình bày: Van Le. Kỹ thuật: Huy Nguyễn. Mỗi tuyển tập dày 640 trang, trên 100 bài viết của 90 người tham dự. Ấn phí: 20 Mỹ kim. Liên lạc: Việt Báo, 9393 Bolsa Ave.#E, Tel: (714) 418-5099, fax: (714) 418-0705, Email:

E-mail@vietbao.com
hay
gtvb@vietbao.com

"*Viết Về Nước Mỹ*" là bộ sách nhiều tập, nhiều ngàn trang, do hàng ngàn người Việt tại Hoa Kỳ cùng viết, cùng đọc, cùng góp phần thực hiện.

Được biết từ đầu tháng 5/2000, hệ thống Việt Báo- gồm hai nhật báo Việt Báo Nam và Bắc California, Việt Báo Online, các tuần báo Việt Báo miền Nam và Người Việt Tự Do- công bố việc tổ chức "Giải thưởng Việt Báo Viết Về Nước Mỹ", với phần thưởng khiêm tốn: chỉ có 25.000 Mỹ kim cho cả năm đầu tiên.

Mục đích của giải thưởng giản dị: tạo cơ hội cho mọi người Việt có cơ hội chia sẻ với nhau những kinh nghiệm đặc biệt trong quá trình hội nhập vào dòng sống nước Mỹ, bằng cách viết lại chuyện của chính mình, gia đình mình.

...
"Tôi viết bài tham dự không phải mong trúng thưởng. Chỉ là thấy muốn viết, cần viết, phải viết, mong mọi người cùng viết...". Một nhà giáo lão thành đã viết như vậy và ông còn nhắc nhở thêm: **"Thế hệ thứ nhất, những người mang gia đình vượt sóng gió tới Mỹ, nay đang vào tuổi già. Nhiều người đã quên hoặc bị quên. Nhiều người đã mất. Nhiều người sắp mất. Rồi bao nhiêu công sức, kinh nghiệm bị quên lãng. Những thế hệ đang tới, sắp tới, biết lấy gì để nhớ, để hiểu về chính ông cha họ và cộng đồng của họ. Tôi tin nhiều người, thật nhiều người, sẽ viết ra những gì họ còn nhớ. Mau lên, kéo không còn kịp nữa."**

Cộng đồng người Việt tại Âu Châu cũng rất đông đảo, cũng vẫn liên tục đấu tranh với cuộc sống để vươn lên, để hội nhập vào xã hội của người bản xứ- mà dù muốn dù không cũng là quê hương thứ hai cách quê nhà của mình hơn nửa vòng trái đất. Sự đấu tranh để vươn lên và hội nhập đó không phải lúc nào cũng thuận lợi và dễ dàng. Có người thất bại, có người thành công. Nhận thấy lợi ích thiết thực của "Giải thưởng Viết Về Nước Mỹ" để trao đổi cho nhau những kinh nghiệm sống ở xứ người, nên Chùa Viên Giác và Báo Viên Giác cũng tổ chức "Giải thưởng Viên Giác Viết Về Âu Châu" cho năm 2003, dựa theo một số hình thức của hệ thống Việt Báo tại Hoa Kỳ. Chúng tôi mong rằng, những vị trách nhiệm về "Giải thưởng Việt Báo" cũng phát tâm hoan hỷ cho. (Viên Giác)



Kỷ niệm ngày đi thăm chùa Viên Giác

Tạp ghi của Lê Bảo Lâm



Theo thông lệ, các Ban Biên Tập, Kỹ Thuật và Ấn Loát của báo Viên Giác (BBT VG), tiếng nói của người Việt tỵ nạn phát hành tại Đức, họp thường niên nhằm mục đích tạo cơ hội cho những văn thi hữu cùng cộng

Anh chủ bút, Phù Vân, được Thượng Tọa chủ nhiệm trao cho một trọng trách rất quan trọng là lo chuyện tổ chức cũng như mời những thành viên trong các Ban và mời thêm 2 văn hữu cộng tác thường xuyên với tờ báo về tham dự.

Khoảng gần một tháng trước đó, thư mời được anh Phù Vân gửi đến các văn thi hữu. Ngọc Tuyết, một cộng tác viên của Trang Hoa Phượng báo Viên Giác, lần đầu tiên cũng nhận được thư mời về Hannover để tham dự buổi họp đặc biệt này.

Do đó, tôi cũng nhận lãnh một việc không kém phần quan trọng là làm "tài xế" lái xe đưa Ngọc Tuyết đi Hannover tham dự buổi họp. Ngày thứ sáu 19.10, sau khi ăn trưa và làm đồ ăn chiều để lại cho các con xong, Ngọc Tuyết và tôi lên đường. Xui là vừa từ nhà ra xa lộ, thì chúng tôi bị kẹt xe phải chờ mà sốt ruột. Sau hơn nửa tiếng đồng hồ xe chỉ chạy với tốc độ 5 km/giờ thì xa lộ từ từ hết kẹt xe và tôi bắt đầu chạy rút. Sau 6 tiếng đồng hồ thì chúng tôi đến chùa Viên Giác vào lúc 20 giờ 15. Nhận phòng ngủ xong, chúng tôi đi dạo tà tà đến chùa. Tại đây chúng tôi gặp anh chủ bút Phù Vân và bạn anh, cũng là một cộng tác viên của báo Viên Giác. Sau những giây phút thăm hỏi và trò chuyện, chúng tôi chia tay nhau về ngủ và hẹn gặp nhau lại ngày mai 20.10 tức là ngày chính thức để họp báo Viên Giác.

Gần 9 giờ sáng, Ngọc Tuyết và tôi

sĩ Tôn Thất Hứa, anh Phù Vân, anh Đan Hà, anh Như Thân và chú Phát. Phần tôi, tuy không là cộng tác viên báo Viên Giác, nhưng qua vài lần đi chùa tôi cũng có quen với Phù Vân. Dù vậy, tôi tự biết là đã đến giờ tôi phải rút lui có trật tự để quý vị trong Ban Biên Tập dễ làm việc. Khi tôi vừa trở gót định rời thư viện thì anh Phù Vân kêu tôi lại. Anh tế nhị mời tôi ở lại tham dự sau khi trình bày sơ qua với văn hữu hiện diện (mà tôi cũng quen) với lý do tôi đã là tài xế của Ngọc Tuyết thì trước sau gì tôi cũng biết những diễn tiến của buổi họp này, nên tôi cũng được cái hân hạnh "đóng vai một văn hữu chưa bao giờ viết cho Viên Giác" ngồi tham dự cũng như đóng góp ý kiến của một "độc giả" trong buổi họp. Xin cảm ơn Thượng Tọa chủ nhiệm, anh chủ bút cùng tất cả quý văn thi hữu đã cho tôi vinh dự đặc biệt này.

Đúng 9 giờ, anh chủ bút thay mặt Thầy chủ nhiệm bắt đầu khai mạc buổi họp. Sau nghi lễ khai mạc, anh chủ bút giới thiệu các văn thi hữu hiện diện với nhau, sơ lược qua lý do cùng mục đích của buổi họp thường niên báo Viên Giác năm 2001.

Đúng 9 giờ 15, Thượng Tọa chủ nhiệm đến chủ trì buổi họp. Mục đích chính của buổi họp là:

1. Tạo cơ hội gặp gỡ giữa các văn thi hữu với nhau
2. Duyệt lại ưu khuyết điểm tờ báo trong năm 2001, và
3. Đề xướng cũng như tìm những



Họp Báo Viên Giác ngày 20.10.2001 tại Thư Viện Chùa Viên Giác Hannover

tác viên của báo Viên Giác gặp gỡ nhau cũng như để kiểm điểm lại những ưu khuyết điểm về sinh hoạt của tờ báo trong năm qua. Năm nay, buổi họp được tổ chức vào hai ngày 20 & 21.10.2001 tại chùa Viên Giác, Hannover.

có mặt tại Thư Viện chùa, nơi họp báo. Chúng tôi chào hỏi những văn thi hữu quen có lạ có hiện diện tại đây như chị Hồng Nhiên và anh Phạm Hồng Sáu, chú Sanh, cô Nga, Bác sĩ Trương Ngọc Thanh, Kiến Trúc Sư Từ Hùng Trần Phong Lưu, Dược sĩ Quỳnh Hoa, Bác

phương thức cải tiến cụ thể và khoa học hầu làm cho tờ báo về kỹ thuật cũng như nội dung ngày càng phong phú hơn.

Tất cả những chi tiết liên quan đến buổi họp được anh Từ Hùng làm biên bản rõ ràng nên tôi không đề cập ra

trong khuôn khổ tạp ghi này... Sau gần 3 giờ họp (bên cạnh những tách cà phê và trà đầy hương vị Việt Nam đã được Ban Tổ Chức chu đáo chuẩn bị), chúng tôi tạm nghỉ và tất cả được Thầy chủ nhiệm mời ăn trưa tại chùa.

Bữa cơm chay thanh đạm trong một bầu không khí vui nhộn, cởi mở, thân thiện giữa các văn thi hữu với nhau đã lưu lại cho tôi nói riêng nhiều kỷ niệm nho nhỏ khó quên...

Ăn trưa xong, chúng tôi trở lại phòng họp và tiếp tục bàn thảo cho đến 17 giờ 30 thì bế mạc. Thầy chủ nhiệm hy vọng năm tới các văn thi hữu báo Viên Giác sẽ về tham dự đầy đủ hơn.

Để kết thúc buổi họp Ban Biên Tập báo Viên Giác năm 2001, Thầy chủ nhiệm đã "li-xì năm mới" cũng như tặng kinh sách cho tất cả những văn thi hữu và cộng tác viên hiện diện làm kỷ niệm. Tôi không những được hưởng ké "li-xì" mà còn được mời tham dự bữa cơm chiều do Thầy chủ nhiệm khoản đãi Ban Biên Tập và cộng tác viên. Lại một lần nữa tôi được "ăn cơm chùa"... Xin cảm ơn Thầy.

Theo như anh Phù Vân và các chú, bác, anh chị em cho biết, theo như thông lệ hàng năm sau khi ăn cơm chiều xong thì sinh hoạt tán dóc, kể chuyện tiểu lâm v.v... cho đến khuya mới nghỉ, thì năm nay vì lý do đặc biệt tại chùa có Lễ Cầu Siêu cho Huỳnh Trường Hồ Tấn Anh đã tự thiêu vì Đạo Pháp và vì tranh đấu cho tự do tín ngưỡng vào ngày 02.9.2001 tại Quảng Nam, Việt Nam, cũng như cho những nạn nhân sau vụ không tặc khủng bố tại New York & Washington DC vào lúc 20 giờ cùng ngày; nên chúng tôi phải có mặt tại chánh điện chùa Viên Giác.

Đúng 20 giờ, Thượng Tọa trụ trì cử hành đêm cầu siêu cùng với hàng trăm Phật Tử tham dự với một nghi lễ hết sức trang nghiêm.

Sau lễ cầu nguyện chung cho những nạn nhân vụ không tặc tại Mỹ, một nghi thức rất trang trọng và đặc biệt dành cho Huỳnh Trường Hồ Tấn Anh đã được đại diện các Gia Đình Phật Tử hoàn thành một cách rất chu đáo đầy cảm động trước bàn thờ nghi ngút hương đèn với di ảnh của HT Hồ Tấn Anh. Tôi thầm nghĩ dưới lòng đất lạnh chắt "Anh" cũng được an ủi phần nào qua sự hy sinh cao cả của anh vì Đạo Pháp...

Rồi hết ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác đến với riêng tôi. Sau

khoảng 1 giờ cầu siêu trong chánh điện, chư Phật Tử mỗi người được phát cho một ngọn nến. Người này kẻ kia châm lửa cho nhau. Hàng mấy trăm ngọn nến đốt sáng làm cho không khí trở nên ấm cúng và trang nghiêm hơn. Thượng Tọa Thích Như Điển trụ trì chùa Viên Giác hướng dẫn đi đầu, kế tiếp là chư vị Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni, tiếp theo là chư Phật Tử tham



Đêm thắp nến cầu siêu ngoài trời tại chùa Viên Giác ngày 20.10.2001

dự sắp hàng hai với ngọn nến trên tay nổi gót rời chánh điện xuống các bậc thang cấp tuần hành trong chùa trực chỉ hướng Phật đài Đức Quán Thế Âm Bồ Tát bên ngoài trong khuôn viên chùa. Tất cả đi trong trật tự, kẻ này người kia mời lửa cho nhau mỗi khi ngọn nến bị gió đêm thổi tắt. Những ngọn nến làm đêm tối lạnh bỗng bừng sáng hẳn lên và chúng tôi thấy lòng cũng ấm cúng hơn có lẽ một phần do hơi nóng của ngọn nến tỏa ra và phần khác quan trọng hơn vì chúng tôi hân hạnh được gởi đến HT Hồ Tấn Anh đóm lửa sưởi ấm thân xác anh đang nằm dưới lòng đất lạnh.

Quý Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni, Phật Tử và những người cùng tham dự quy tụ chung quanh Phật đài Đức Quán Thế Âm Bồ Tát và kỳ diệu hơn những ngọn nến được để theo thứ tự gần nhau trên bờ hồ kết thành một vòng hoa tỏa lên ánh sáng như là một biểu tượng cho "vòng điệu hoa" dành riêng cho HT Hồ Tấn Anh. Tôi thành thật ngợi khen ý kiến rất hay và thâm thúy của Vị nào hay Phật Tử nào đã nghĩ ra cho đêm thắp nến này. Tuy đêm có hơi lạnh nhưng tất cả đã tham dự đêm thắp nến cầu nguyện ngoài

trời cho HT Hồ Tấn Anh cho đến giây phút cuối cùng dưới sự chứng giám của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát hiền lành được phản chiếu dưới hồ nước như là một hiện thân thật...

Tôi đã đến viếng chùa Viên Giác nhiều lần, tưởng rằng lần này chỉ trên cương vị là một "tài xế" cho Ngọc Tuyết nhưng không ngờ trong chuyến đi này tôi đã may mắn trải qua những

giây phút yên tịnh, trang nghiêm và cảm động nhất tại chùa Viên Giác, đã mang về Nam Đức những kỷ niệm khó quên để thấy lòng se lại và xót xa cho những người đã nằm xuống tại quê mẹ Việt Nam mến yêu vì đã hy sinh cho Đạo Pháp, cho tự do tín ngưỡng nói chung điển hình là vụ tự thiêu của Bà Nguyễn Thị Thu tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo, và của Huỳnh Trường Hồ Tấn Anh bởi vì chỉ muốn có được hai chữ "Tự Do".

(Vào Đông 11.2001)



Vài cảm nghĩ trong
ngày vía Đức

QUAN THẾ ÂM BỒ TÁT

Diệu Minh



Hôm nay là ngày vía Đức Quan Thế Âm Bồ Tát. Lâu lắm ngày vía mới lại trùng vào ngày chủ nhật. Vì thế Sư trụ trì quyết định tổ chức ngày huân tu; tụng và lạy Chú Đại Bi.

Thông báo đến với quý Đạo Hữu, Phật Tử trong chùa, trong đó có tôi. Thật vui khi biết có được trọn một ngày tu, nhưng sao lại lo quá! Gia Đình Phật Tử Chánh Niệm cũng sinh hoạt trong ngày ấy; làm sao có đủ chỗ cho cả người lớn và các em trong cái Chánh Điện khiêm nhường của chùa Linh Thú? Thật rõ khổ cho cái tính hay lo không ranh giới của tôi. Vì rằng sau đó mọi việc đều êm xuôi một cách thỏa đáng chứ không như tôi sợ hãi.

Cái tính lắm cảm và mất bình tĩnh của tôi cũng làm cho những người chung quanh bực mình và khó chịu không ít. Thôi xin sám hối vậy.

Một đề nghị thật mới và thú vị của Sư trụ trì lần đầu tiên, tôi cảm thấy hay hay, đó là đề nghị mỗi người tự mang theo thức ăn trưa của mình. Từ lâu chùa vẫn lo lắng việc này, nhưng hôm nay Sư muốn tập cho mọi người vừa tu huệ mà cũng góp phần tu phước. Việc tự lo cho mình trong buổi huân tu là một dịp tốt để thể hiện điều trên. Tuy thế, Sư cũng chuẩn bị một nồi khổ qua hầm to tướng hấp dẫn phòng bị cho các vị Ưu Bà Tát không biết nấu ăn. (Dĩ nhiên là mọi người khác cũng được thưởng thức).

Việc tổ chức diễn ra thật chu đáo ngoài sự suy nghĩ của tôi. Đúng 10 giờ sáng, trên Chánh điện tất cả đều tề tựu đông đủ. Bàn Phật hoa trái đủ màu, những chiếc ly thủy tinh trong vắt ánh hiện lung linh màu sắc của những cây nến thơm được cắm một cách cẩn thận. Khung cảnh thật trang nghiêm và ấm cúng. Tôi yên lặng nhìn ngắm. Đã nhiều năm đến chùa, tôi ít khi có được một sự an tĩnh trong những lần quỳ trước Chánh điện, có lẽ vì cái tánh khắc khoải quá đáng trước mọi việc của tôi. Đôi lúc quá nhiệt tình trong công tác Phật sự tôi đã quên đi những việc cần nên tránh để khỏi gây cho mình và cho người những phiền não vô ích. Ấu đó cũng là nghiệp dĩ! Tu là chuyển nghiệp -quí Thầy thường dạy. Ráng mà tu và mong rằng cái nghiệp lo tùm lum của tôi sớm chấm dứt.

Chương trình sáng hôm nay là tụng thần chú Đại Bi và lạy 200 lạy, mỗi lạy một chữ trong chú Đại Bi. Phần còn lại tiếp tục vào buổi chiều.

Bây giờ nhiệt độ bên ngoài khoảng 10 độ C. Tuy có nắng nhưng khí trời vẫn lành lạnh. Những cành hoa 2 bên đường dẫn vào chùa nghiêng ngả một cách đáng thương dưới cơn gió mùa thu. Những nụ hoa vừa chớm chưa kịp nở đã vội héo hắt trông thảm hại, chẳng bù vào vài tuần trước đây rạng rỡ khoe mình trong sắc thắm. Thật vô thường! Những chiếc lá trên cành cũng đã ngả màu vàng úa và rơi là tã trên sân chùa. Mấy hôm nay chắc quý Sư cô phải cực khổ để quét sân, vì lá rơi nhanh và nhiều hơn.. Tôi chợt lo ra trong giây phút ấy. Lại lắm cảm! Tôi tự trách và vội vã nhiếp tâm trở về chánh niệm.

Tiếng tụng kinh trầm bổng hòa cùng tiếng mõ đều đặn tạo nên một cảm giác nhẹ nhàng, lâng lâng. Những lời chú tuy không hiểu hết nghĩa nhưng nó vẫn thâm nhập một cách êm ái và tuôn chảy trong tôi một nguồn an lạc

vô biên. Thế mới biết thế nào là thâm nhập kinh tạng. Nhớ một lần Hòa Thượng Phước Huệ đã giải thích và ví những lời chú khó hiểu như một viên thuốc tể, trong đó không cần biết người ta đã biến chế như thế nào, quan trọng là chữa lành cơn bệnh. Từ đó tôi không còn thắc mắc về ý nghĩa kinh nữa. Cứ tụng hoài thì sẽ thâm nhập. Việc đó đến nay tôi đã cảm nhận được.

Bây giờ ngồi đây, trong đạo tràng, tôn tượng Đức Quan Thế Âm Bồ Tát hiện ra trước mắt như một hình ảnh thực. gương mặt Ngài rạng rỡ, Ngài đang lắng nghe và đang rải lòng từ bi xuống cho chúng tôi. Chúng con những đứa con lạc loài vẫn còn đau khổ triền miên với những phiền não, lo âu, với những ganh tị, giận hờn. Chúng con biết rằng, tất cả chúng con đều có được những gì Ngài có, nhưng vì vô minh dày đặc che lấp ánh sáng kia nên đối cảnh hôn mê khỏi lòng chấp nhiễm, trong pháp bình đẳng lại sanh tướng ngã, nhờn, lại do ái kiến làm gốc, thân miệng làm duyên trong nẻo luân hồi gây nên đủ tội (Lời sám hối trong Sám Pháp Đại Bi). Tình thương của Ngài bao la không bờ bến, trong mỗi chúng con cũng có được lòng thương đó, nhưng vì ích kỷ không muốn ban phát mà lại chỉ thích cầu xin, dù một chút tình thương của kẻ khác, rồi vui buồn, hờn giận với những sự mong chờ đó. Ngài đã lắng nghe bằng tâm từ bi không phân biệt, còn chúng con cũng nghe, nghe thật nhiều từ mọi phía nhưng với cái tai bệnh hoạn. Những âm thanh khen ngợi con đón nhận bằng tất cả nhiệt tình và đẩy ra xa âm thanh nào không hợp với nhĩ căn con dù rằng đó là một lời xây dựng bổ ích. Chúng con đã tận tình nhận lãnh những cảm thọ và biến nó thành một phần đời sống của mình và cho đó là ta. Với cái kiến thức thô thiển tưởng là đã đủ, đã hay, lấy cái trí thế gian để mà biện luận hơn thua, mà quên rằng Thế trí biện thông là một trong bát nạn mà Đức Phật thường cảnh dạn. Một lúc nào đó chợt tỉnh, con nhận ra sự ngu xuẩn mê lầm, lúc ấy chỉ biết khóc để cảm thương cho sự tu tập ít ỏi của mình và tội phận kém hèn vì vẫn làm lui trong đêm dài tăm tối.. Dù đã được nghe, được học thật nhiều lời Phật dạy, mà con đường tiến tu vẫn còn trước mắt chưa thực hiện được mây may.

Buổi sáng đạo tràng tu học đã tụng được 21 biến Đại Bi và 200 lạy. Sư trụ trì cho nghỉ để ăn trưa và chiều tiếp tục phần còn lại.

Hai dây bàn đã được đại chúng dọn sẵn với đủ món ăn do sự đóng góp của tất cả quý vị tham dự hôm nay. Thật là trăm hoa đua nở, Ni Sư tán thán. Thật vậy, đủ thứ, nào: mì xào, đậu hủ chiên sả ớt, kiem chả, khổ qua hầm v.v... và v.v... Đúng là ngày trở tài nấu ăn của các Phật tử. Thế mà mọi người vẫn khiêm nhường từ chối vào Ban Trai Soạn mỗi khi nhà chùa đề nghị. Thật tiếc lắm thay! Công quả, bố thí, cúng dường cũng là một phép tu. Tôi nghĩ thế.

Sau bữa ăn trưa là buổi kinh hành. Tia nắng vào giữa trưa tuy không gay gắt nhưng cũng đủ làm ấm áp mọi người. Đoàn kinh hành yên lặng đi quanh tứ động tâm và Đức Quan Thế Âm Bồ Tát lộ thiên vừa niệm Nam Mô Đại Từ Đại Bi Quan Thế Âm Bồ Tát. Chúng tôi bước từng bước chậm rãi theo sau Ni Sư và quý Sư Cô. Mọi người đều nhiếp tâm niệm Phật, tôi chắc rằng ai nấy cũng đều an lạc trong giờ phút đó, giờ phút của mọi trần cảnh lắng xuống vắng bật, giây phút an trú trong hiện tại. Cùng lúc đó tôi chợt thấy sự màu nhiệm của những bước đi trên đất, và đôi chân khỏe mạnh là một hạnh phúc vô vàn.

Sau buổi kinh hành chúng tôi trở về Chánh điện để tiếp tục lạy phần còn lại của bài chú Đại Bi. Đối với tôi, việc lạy Phật tử trước đến nay vẫn là một điều không dễ thực hiện. Trở ngại đầu tiên là chân tôi bị đau thường xuyên vì mọc nhánh, và kèm theo đó có lẽ là tính hơi lười biếng của tôi. Sáng hôm nay thực hiện được 200 lạy là một kỳ công chưa từng có. Bây giờ lại lạy tiếp tục. Sao mà ngán quá! Đầu tôi choáng váng và mồ hôi ra ướt đầm. Hơn nữa, giờ này Chánh điện sao mà nóng thế? Bởi người đông hay tại lòng tôi đang nóng? Tại sao Sư cho lạy nhiều như thế? Để làm gì? Càng nghĩ đầu óc tôi càng rối loạn. Trong khi ấy, trước tôi là hai bác Phật tử lớn tuổi nhất đạo tràng, tuy không đứng lên quỳ xuống nhưng vẫn quỳ yên lạy với một tâm chí thành; còn bên cạnh nữa, cô bé bị bệnh tâm thần, cô này hiểu ít và hầu như không nói suốt ngày, nhưng rất siêng năng theo gia đình đến chùa. Công việc quét lá đa thường hay dành cho cô bé, vì có việc làm đỡ phải lo cô đi rong. Hôm nay cũng như mọi lần cô bé cùng với đạo tràng tu tập. Cô đứng lên quỳ xuống lạy nhịp nhàng theo từng lời kinh, điềm nhiên và tự tại. Tôi chắc rằng cô sẽ không có những ý nghĩ vớ vẩn như tôi. Những hình ảnh trên làm

cho tôi phải khởi tâm tâm quý, xấu hổ vì sự dài dãi của mình. Đồng thời bên tai tôi lại vang vang 2 câu thơ:

Vui với thế gian, vui rồi khổ

Khổ để tu, khổ sẽ hóa vui

Tôi vội điều hòa hơi thở và đứng lên. Lạy mà không xuống theo thì cũng dễ lo ra lắm! Nghĩ thế, tôi liền chuẩn bị để xuống theo đại chúng. Lúc này tôi nghe rõ mồn một lời tôi xuống cùng với những tác động nhịp nhàng của mỗi lạy. Tôi nhìn thật sâu vào Đức Quan Thế Âm Bồ Tát và lạy xuống. Lạy này con xin sám hối bao nhiêu tội lỗi của con gây ra từ nhiều kiếp, lạy tiếp theo đây con nghiêng mình trước đức hạnh của Ngài, lạy cho bản ngã của con được tiêu diệt, lạy để những sân si giận hờn trong con không còn nữa, lạy để thấy lòng từ bi của Ngài bao la vô tận, lạy để cảm đội ơn Ngài đã cho chúng con biết thế nào là vô úy...

Tôi đã lạy trong niềm an lạc vô biên cho đến khi buổi lễ lạy chấm dứt lúc nào không hay.

Ngày huân tu đã hoàn mãn, mọi người trong đạo tràng đều vui mừng vì có được một ngày lợi lạc. Những dịp như thế, chúng tôi lại được gần gũi để cùng nhau sách tấn tiến tu.

Chúng con xin đề đầu cảm tạ ân đức của Ni Sư trụ trì và quý Sư Cô đã tạo duyên lành cho chúng con tu tập. Chúng con nguyện luôn tinh tấn.

Kính lạy Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, chúng con nguyện học theo hạnh của Ngài, để mỗi cá nhân chúng con sẽ là một sự Vô Ngại, tự chuyển hóa mình thành những đóa hoa để trang điểm tự thân, để hòa cùng với mọi người một cách viên dung vô ngại theo tinh thần Hoa Nghiêm.

Chúng con sẽ tập quán chiếu như Đức Quán Tự Tại để thấy rõ sự vô thường, vô ngã, để thấy năm uẩn là không, để thấy cơ thể này bị tiêu diệt từng sát na mà cố gắng tu tập. Những sợ hãi này của con không đến từ bên ngoài mà nó ở trong con, nó chính là con, con không chạy trốn được. Chỉ có sự hành trì mới cứu được con. Lạy Phật tử bi gia hộ.

Nam Mô Đại Từ Đại Bi Quan Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát



XUÂN TẠ ƠN ĐỜI

Cho tôi ngồi đây. Dàng hai bàn tay

Cho tôi ngồi đây. Cảm tạ ơn đời Vườn cây đó. Trái ngọt lành biết mấy

Đã cho tôi. Người đã cho tôi ...

Trái màu xanh. Này nhé. Thuở đời mơi

Tôi đã ngậm vú mẹ đời thơm ngọt

Trái màu tím. Thưa. Là tím nhạt

Tím lòng tôi màu tím hoa tim ...

Người yêu ơi. Muôn thuở em đi tìm

Màu tím nhạt để lòng em thương nhớ

Trái màu đỏ. Thưa Mẹ. Là trái cấm

Mẹ cũng cho con. Ướt đầm lòng son

Dàng hai tay níu chặt ôm tròn

Tham lam thế. Đã vừa tay bé nhỏ ...

Tôi ngồi đây. Ca mặt trời rạng rỡ

Ồi thiên nhiên.Ồi rừng xanh lửa đỏ

Trái ngọt lành hơi mẹ hái cho con

Con cưng yêu của Mẹ. Con quỳ dâng

Lời cảm tạ Mẹ đời nuôi nấng

Xác thân này. Không một chút ăn năn

Xác thân tôi. Thưa Mẹ: Chỉ là thừa ?

Sự có mặt cũng không cần thiết nữa

Tôi xin ngồi đây như một con mèo nhỏ

Rất ngoan hiền gửi lại tiếng kêu thương ...

• VI KHUẾ

Mở toang cửa địa ngục



Hứ thân Huỳnh Trung Chánh

K hông hẹn mà ba người bạn nổi khổ, sanh sống ở ba tiểu bang khác nhau, sau 25 năm xa cách, đã trùng phùng trong chuyến hành hương Trung Quốc. Cả 3 là bạn đồng khóa Sĩ quan Đà Lạt và cùng mang cấp bậc Trung Tá, và tuy cùng định cư tại Hoa Kỳ, nhưng thể thức ra đi của họ có những duyên nghiệp khác hẳn nhau. Phương may mắn di tản kịp thời sang Mỹ từ năm 1975, và đã tạo nên sự nghiệp vững vàng tại tiểu bang Virginia. Thanh học tập cải tạo 5 năm, vừa về nhà thì vợ chồng liền được đảm con bảo lãnh sang Houston, Texas. Luân kém may mắn hơn, chịu đựng đến 8 năm cải tạo, rồi phải mòn mỏi chờ đến khi chương trình ra đi theo diện tù cải tạo (H.O.) ra đời thì mới đưa được gia đình sang miền Nam California sinh sống. Kể trước người sau đến xứ người lập nghiệp, cơ hội khác nhau, tiền bạc tích lũy nhiều ít cách biệt... nhưng tựu trung thì ai cũng an cư lạc nghiệp, nhà cửa ấm cúng và cũng thừa tiền an hưởng lúc tuổi già. Sau khi tay bắt mặt mừng, rồi rít thăm hỏi chuyện gia đình, nhà cửa..., họ hào hứng nhắc nhớ lại quãng thời gian đọc xa xưa, rồi bùi ngùi hồi tưởng đám bạn bè kẻ còn người mất, kẻ bệnh tật ngặt nghèo, người tình duyên lỡ dở... Cả ba tự nhận họ thuộc vào hạng có phước có phần, bản thân mạnh khỏe, gia đình yên ổn, con cái nên người..., ngoài ra, họ còn may mắn ý thức được việc tu dưỡng thân tâm và nhân đó mới tham dự chuyến hành hương này để

vừa thưởng thức cảnh đẹp xứ người, vừa đáp ứng được lòng tôn kính với chư Bồ Tát. Cả ba hân hoan theo phái đoàn lần lượt chiêm bái Ngũ Đài, Nga Mi, Cửu Hoa và sau cùng vượt biển đến Phổ Đà sơn. Cả bốn đại danh sơn đều được mọi người quy ngưỡng, nhưng địa điểm nào được chấm là đặc biệt nhất, là điều mà ai cũng phân vân và đó cũng là câu hỏi mà Ban Tổ Chức đã yêu cầu Phật tử góp ý. Trong suốt chuyến đi, sáng dậy sớm lên đường, tối寐 mới nghỉ ngơi, ba lão già oải gân rắng sức theo cho kịp phái đoàn lại vừa phải phân tâm lo lắng cho vợ vợ hom hem cũng đã hụt hơi nên dù gặp nhau hằng ngày, mà chẳng mấy khi họ có thời giờ rảnh rỗi hàn huyên tâm sự. Mãi đến khi lên máy bay về Mỹ, ba người bạn già mới có dịp ngồi xúm xít bên nhau tán gẫu chuyện đời, rồi vô tình câu hỏi của Ban Tổ Chức được nhắc lại.

Thanh khơi mào :

- Bốn đại danh sơn đều linh thiêng màu nhiệm, phong cảnh mỗi nơi mỗi khác mà đều hùng vĩ tuyệt vời, chiêm bái nơi nào tôi cũng cảm thấy xúc động vô bờ, nên khi phải chọn lựa xếp hạng là một quyết định rất gian nan. Suy đi nghĩ lại, tôi đã chọn Cửu Hoa sơn, còn hai anh thì thế nào ?

- Tôi cũng nhận thấy có duyên đặc biệt với Ngài Địa Tạng. Luân đáp.

- Lạ quá! tôi cũng giống y chang như hai anh. Đúng là tư tưởng lớn gặp nhau rồi! Chúng mình đều hướng về Cửu Hoa sơn, nhưng lý do thầm kín thì có lẽ mỗi người mỗi khác. Ủ nhỉ! sao mình không trình bày nỗi niềm riêng của mình cho bạn bè cùng chia sẻ cho vui? Phương góp ý.

Luân cũng lên tiếng :

- Hi! hi! Nên lắm! phải lắm! Thế nhưng ai là người phải kể trước đây? Phương đã đề nghị thì phải xung phong làm gương sáng cho anh em noi theo mới đúng?

Phương biết tranh cãi với hai bạn cũng vô ích, nên cười hi hi nhận chịu. Anh mơ màng đưa hồn quay về với chuỗi ngày niên thiếu xa xưa, rồi bắt đầu vào chuyện:

- Tôi sanh ra tại cù lao Phổ, nay là xã Hiệp Hòa, Biên Hòa. Đây là một địa điểm lịch sử và là một trong những cơ sở tiên khởi của ông cha ta trên con đường khai phá miền Nam, nhờ vậy đã có những ngôi cổ tự xây dựng lâu đời như chùa Đại Giác và Chúc Thọ. Thuở nhỏ tôi thường theo bà nội đi chùa Chúc Thọ tụng kinh Địa Tạng, và tại

đây, hơn một lần tôi đã nghe cô bác nhắc nhở đến giai thoại Thủ Huỳnh (1), một giai thoại đã tạo ảnh hưởng sâu đậm cho niềm tin kính của tôi đối với Ngài Địa Tạng. Theo truyền thuyết thì ông Thủ Huỳnh, tên thật là Võ Thủ Hoàng, nguyên là một viên thơ lại tại dinh Trấn Biên vào buổi giao thời Gia Long phục quốc. Nương vào thời kỳ chính trị bất ổn, kinh tế xáo trộn, Thủ Huỳnh mặc sức làm giàu bằng đủ mọi hình thức. Ông lạm dụng quyền thế, gian lận của công, sách nhiễu tiền bạc, cướp đoạt tài sản của dân chúng, ngoài ra, ông cũng không từ nan những thủ đoạn kiếm tiền khác như đầu cơ tích trữ, cho vay nặng lãi, lường công bóc lột tá điền, tổ chức bài bạc lấy xâu... Sau 20 năm càn cù làm việc, gầy dựng nên một tài sản kếch sù, ruộng đất cò bay thẳng cánh, Thủ Huỳnh mới từ dịch an hưởng đời sống phong lưu của bậc đại trưởng giả. Thủ Huỳnh không con nối dõi, chỉ có người vợ yêu tâm đồng ý hiệp, sớm hôm bàn kế hoạch làm giàu và lấy chuyện tích lũy tiền của làm niềm vui. Thế nhưng, bỗng dưng người vợ yêu lâm bạo bệnh rồi từ trần. Thủ Huỳnh cực kỳ đau khổ, nhưng thương vợ thì y chỉ có phương cách là tổ chức đám tang linh đình, đốt giấy tiền vàng bạc, lầu kho thật nhiều với hy vọng người vợ yêu có thừa tiền của để hồi lộ và tiêu pha tại chốn âm ty. Vợ chết được mấy tuần thì Thủ Huỳnh bỗng chiêm bao nghe tiếng vợ kêu gào rùng rợn khóc la, như đang bị ngục tốt dùng cực hình tra khảo. Thủ Huỳnh thoát nghĩ chỉ vì quá thương tưởng vợ nên sanh mộng寐, và mộng寐 sẽ biến dạng lần theo thời gian. Không ngờ tiếng kêu la của vợ cứ tái diễn hằng đêm, khiến Thủ Huỳnh lo sợ thất thần ăn ngủ không yên. Thủ

Ghi chú :

(1) Sự tích Thủ Huỳnh và chùa Chúc Thọ được truyền tụng trong dân gian và có ghi lại trong Đại Nam nhất thống chí, Gia Định thành thống chí của Trịnh Hoài Đức và nhiều sử liệu khác. Các giai thoại Thủ Huỳnh về đại cường tướng đối giống nhau, nhưng về cách thức mà Thủ Huỳnh đã viếng địa ngục thì có ít nhất là ba thuyết khác biệt:

a) Thủ Huỳnh được Hà Bá sông Đồng Nai đưa đi.

b) Thủ Huỳnh được đồng cốt tại chợ Mãnh Ma, Phan Rang, đưa đi gặp vợ đã chết. Vợ Thủ Huỳnh đang làm thị nữ cung Diêm Vương, vận động xin cho chồng giấy phép thăm viếng các địa ngục; và

c) Thuyết đã ghi trong tập truyện này.

Huồng hoàng hốt tìm lương y chạy chữa bệnh tâm thần, mặt khác, ông ta cũng nghĩ đến việc cầu cạnh đám thầy cúng và đồng cốt, hạng người tự nhận có khả năng liên lạc với cõi âm để nhờ họ dùng lễ lộc cúng vái quỷ thần chuộc tội cho vợ. Do đó, nghe ai chỉ bày đồng cốt hay thầy cúng nào cao tay ấn, ông ta liền ân cần triệu thỉnh, tiền bạc chẳng nệ hà tốn kém, nhưng thời gian kéo dài cả năm, lễ lộc liên miên mà những cơn ác mộng hằng đêm vẫn không thay đổi. Nguyên trước kia Thủ Huồng cũng có đến chùa đôi lần, nhưng nhận thấy chốn này chẳng sanh lợi lộc chi cả - bị kêu gọi cúng dường tốn hao thì có - chưa kể còn bị nghe dạy dỗ "ăn hiền ở lành" chán phèo, nên ông ta tránh né chùa chiền. Mãi đến khi lâm vào bước đường cùng, Thủ Huồng buộc lòng phải tìm đến chùa Từ Ân, Gia Định, lạy lục khẩn cầu Hòa Thượng Phật Ý Linh Nhạc (2) cứu giúp. Sau khi nghe Thủ Huồng thuật lại cơn ác mộng, Hòa Thượng ôn tồn phán dạy: "Vợ chồng con mang tâm địa giống nhau lại thương yêu quấn quít chẳng rời, đồng vợ đồng chồng tạo tác ác nghiệp chung, do đó tâm ý tương thông nhau khiến con cảm ứng được tiếng kêu than của vợ vọng lên từ cõi địa ngục. Trường hợp này chỉ là một trong những hình thức của thần giao cách cảm, tuy hiếm hoi nhưng vẫn xảy ra". Hòa Thượng hướng dẫn Thủ Huồng đến chiêm bái tượng Địa Tạng

Vương Bồ Tát (3), rồi phán dạy tiếp: "Đây là tượng Bồ Tát Địa Tạng. Ngài là vị Bồ Tát mang đại nguyện là đời đời kiếp kiếp cứu độ hết thảy chúng sanh cho đến khi địa ngục trống không thì mới thành Phật, vì lẽ đó, Ngài được tôn xưng là vị Giáo Chủ cõi U Minh, ai muốn thoát cái khổ địa ngục thì phải chiêm bái Ngài, hành hạnh nguyện của Ngài. Con hãy quan sát kỹ tượng Bồ Tát, tay trái Ngài nâng hạt minh châu, tay phải Ngài cầm tích trượng. Minh châu tượng trưng cho trí tuệ, dùng minh châu soi sáng cõi u minh cũng có nghĩa là phát triển trí tuệ sáng suốt hầu thấy rõ con đường chánh đạo để tu tập mà xa lìa địa ngục. Tích trượng có gần mười hai khoen tượng trưng cho giáo lý 12 nhân duyên. Tích trượng là cây gậy dùng để phá tan địa ngục, phá địa ngục không phải bằng vũ lực mà là dựa trên giáo lý nhân duyên tu tập. Cách phá hay nhất là không tạo nhân địa ngục thì sẽ không sanh quả địa ngục. Còn nhược bằng

đã lỡ gieo nhân địa ngục, thì phải thành tâm sám hối, bố thí, trì giới... tạo nhân lành, để giữa mai cho mòng dần cái quả địa ngục... rồi cứ thế mà liên tục thực hành thì cái quả địa ngục mới có ngày hoàn toàn biến dạng. Giờ đây nhà chùa có thể giúp đỡ con bằng cách hướng dẫn con lễ bái, cúng dường, tụng niệm kinh Địa Tạng bổn nguyện... hoặc giả nếu như con phát tâm từ bi nhà chùa cũng sẵn sàng thiết lập đại thủy đàn chẩn tế để con hành hạnh bố thí hồi hướng cho vợ con thì càng tốt. Tuy vậy, con nên nhớ rõ rằng chính con phải tự cầm tích trượng phát tâm đồng mãn sám hối, bố thí, trì giới, nhân nhục... để phá địa ngục thì địa ngục mới thật sự tiêu tan. Con và vợ con đã có thần giao cách cảm, con phát tâm thì vợ con cảm ứng, nên cái khổ địa ngục của vợ con chắc chắn sẽ vơi dần...". Nghe Hòa Thượng nhắc nhở lý nhân duyên nghiệp báo, Thủ Huồng lo sợ cuống cuống. Ông ta thừa hiểu tội ác của mình ngập đầu ngập cổ, như vậy nếu rơi vào chốn địa ngục thì chắc chắn sẽ bị cực hình đau đớn gấp trăm, gấp ngàn lần cái khổ mà vợ đang gánh chịu nữa. Thủ Huồng vội vã thỉnh cầu Hòa Thượng thương xót tổ chức hướng dẫn tụng niệm cúng dường Bồ Tát Địa Tạng và thiết lập trai đàn thủy lục để bố thí cầu nguyện cho vợ, ngoài ra, ông ta cũng kính thỉnh tượng Địa Tạng về nhà, ngày đêm lễ bái, thành tâm sám hối thì không tái phạm lỗi lầm nữa. Trong chiêm bao, tiếng rên la kêu gào của vợ bắt đầu giảm dần, hai tháng sau, thì dường như đã dứt hẳn khiến Thủ Huồng cảm thấy có thể ăn ngon ngủ yên được rồi. Một hôm Thủ Huồng chiêm bao thấy vợ thân thể bèo nhèo tiều tụy hiện về cho biết nhờ chồng lễ bái, cúng dường Bồ Tát Địa Tạng và lập đàn phát chẩn tế hồi hướng nên tội nghiệp giảm thiểu dần, giờ đây nàng không còn bị hành hạ ốm trụ đồng lúa tại ngục Bảo Trụ hay bị cây lưỡi tại ngục Canh Thiệt nữa. Nàng đang được quý tốt dẫn giải sang ngục gông cùm để chịu tội tiếp, nàng năn nỉ quí tốt cho ghé nhà một phút thông báo tin mừng cho chồng rồi chạy đi ngay. Thương vợ quá, hồn Thủ Huồng tức tốc chạy theo. Ông thấy vợ bị hai con quỷ hung dữ nanh dài lôi kéo, tuy run sợ nhưng cũng leo đèo theo sau dù phải giữ một khoảng cách khá xa, chớ chẳng dám đến gần. Thủ Huồng cứ thế mà len lỏi đi theo xuyên qua bao địa ngục khủng khiếp, thấy cảnh tội nhân bị móc mắt, cắt lưỡi, phanh thây, kẻ bị bỏ vào vạc

(3) *Tượng Bồ Tát Địa Tạng phổ biến nhất là tượng Bồ Tát trong dáng xuất gia, cạo đầu, mặc áo cà sa, tay cầm tích trượng có 12 khoen, tay trái nâng hạt minh châu, ngồi trên lưng bạch khuyển tên Đê Thính (cũng còn gọi là linh khuyển tên Thiện Thính hoặc Đê Thính). Tượng Bồ Tát Địa Tạng tạc phẳng phất theo hình dáng của Ngài Kim Kiều Giác (giống như trường hợp tượng Bồ Tát Di Lặc tạc theo Ngài Bồ Đại Hòa Thượng), với những thâm nghĩa như sau:*

- Đầu tròn áo vương là hình ảnh giải thoát, muốn giải thoát khỏi địa ngục thì phải dẫn thân tu tập như một tu sĩ.

- Hạt minh châu tượng trưng cho trí huệ. Trí huệ bùng nổ thì vô minh tan biến, cũng như ánh sáng chói rọi thì bóng tối không còn nữa. Do phát triển trí huệ hành giả mỗi đón nhận được chánh pháp để dẫn thân tu tập.

- Tích trượng có 12 khoen tượng trưng cho giáo lý 12 nhân duyên. Giáo lý căn bản để phá địa ngục là giáo lý nhân duyên, thâm nhập giáo lý này thì không còn gieo ác nghiệp nữa thì làm sao bị đọa xuống địa ngục.

- Bạch khuyển (con chó trắng tức trung tín nơi thiện pháp) Đê Thính (nghe chân thật): tượng trưng lòng trung kiên thấy nghe pháp chân thật để phát triển thiện nghiệp.

Tinh thần tự lực thể hiện rất rõ rệt qua hình tượng của Bồ Tát Địa Tạng, theo đó thì chính hành giả phải tự mình nâng hạt minh châu trí tuệ, vung tích trượng mười hai nhân duyên để phá tan cái địa ngục do chính mình đã xây cho mình.

(2) *Thiền sư Phật Ý Linh Nhạc (1725-1821): Sư là đệ tử xuất sắc của Hòa Thượng Thành Đẳng Minh Lương, chùa Đại Giác, dinh Trấn Biên. Sư đã tiên phong đi theo di dân vào huyện Tân Bình, Gia Định, lập chùa Từ Ân hoàng hóa, sau đó, đã kiêm nhiệm trụ trì luôn cả chùa Khải Tường, Gia Định, và chùa Đại Giác, Đồng Nai. Sư là vị đạo đức cao tăng bậc nhất miền Nam vào cuối thế kỷ thứ 18, đã đào tạo nhiều bậc tăng tài xuất chúng như:*

1. *Thiền sư Tổ Ấn Mật Hoàng (1735-1835), trụ trì chùa Đại Giác, được vua Gia Long triệu thỉnh làm tăng cang chùa Thiên Mụ, sau trụ trì chùa Quốc Ân, Huế.*

2. *Thiền sư Thiệt Thành Liễu Đạt, được vua triệu thỉnh làm tăng cang chùa Thiên Mụ.*

3. *Thiền sư Tổ Tông Viên Quang (?-1828), trụ trì chùa Giác Lâm, khai sơn chùa Giác Viên.*

4. *Thiền sư Tổ Đạt Trí Tâm, trụ trì các chùa Khải Tường, Gia Định, chùa Long Thạnh, Bà Hom, và chùa Chúc Thọ, Đồng Nai ...*

dầu sôi, ôm trụ đồng lửa... đang đau đớn kêu gào kinh rợn. Đến địa ngục gông cùm, Thủ Hoàng đang đứng xa xa lăm lét nhìn cảnh vợ mang gông, bỗng bị viên cai ngục khám phá, chỉ mặt hét lớn: "Thằng kia! ngươi là tội nhân địa ngục nào sao dám lảng vảng ở đây?". Thủ Hoàng sợ hãi run lấy bầy, tuy vậy, nhờ hơn hai tháng qua, ngày đêm lễ bái Bồ Tát Địa Tạng, lúc lâm nguy bèn nhớ ngay đến Ngài nên còn giữ chút bình tĩnh. Thủ Hoàng lên tiếng: "Nam mô Địa Tạng Vương Bồ Tát. Tôi không phải là tội nhân ở cõi địa ngục nào cả. Tôi tới đây vì lòng tò mò mà thôi!". Tên cai ngục bỗng đổi giọng nhỏ nhẹ: "Anh biết nương về với Bồ Tát thì rõ ràng không phải là tội nhân ở đây rồi. Anh có điều chi thắc mắc mà muốn tìm hiểu chốn này?". Thủ Hoàng lạnh trí nhìn quanh quát thấy có chiếc gông vĩ đại, to gấp ngàn lần cái gông bình thường, liền đáp: "Cái gông bự tổ bố kia dùng vào việc gì vậy ông?". Viên cai ngục tra xét quyển sổ tội phạm dày cộm, rồi trả lời: "Gông này dành riêng cho tên Võ Thủ Hoàng. Hắn là kẻ đại gian ác hiện đang sanh sống tại dinh Trấn Biên, xứ Đại Nam. Sau khi mãn số, hắn sẽ bị hành hình dài dài ở khắp các địa ngục tên lửa, xe sắt, giường sắt, nước đồng sôi, cày lưỡi, móc mắt, cứt lưỡi, cưa răng... rồi mới tới đây". Thủ Hoàng cảm ơn viên cai ngục, rồi phóng chạy một mạch về nhà thì tỉnh mộng, mà nỗi kinh hoàng vẫn còn đeo đẳng đến độ tay chân rụng rời không xê dịch được. Nhờ hằng ngày nghiền ngẫm pháp tử của Hòa Thượng Phật Ý Linh Nhạc, Thủ Hoàng đã hiểu rõ rằng chính mình phải đóng mãnh cầm tích trượng nhân duyên để phá tan địa ngục của chính mình bằng cách phát lồ sám hối, bố thí trì giới và xả thân phục vụ pháp giới chúng sanh. Thế rồi, Thủ Hoàng truy tìm những nạn nhân trước kia bị ông ta cưỡng đoạt, lường gạt, bóc lột... để đền bù lại những gì có thể bồi hoàn được. Mặt khác, ông cũng mở lòng nhân từ giúp đỡ những gia đình nghèo đói, dưỡng nuôi kẻ già nua cô quạnh, rước thầy hốt thuốc cho kẻ bệnh tật, lo ma chay tống táng cho kẻ chết bở chết bụi... Ông tận tụy phục vụ cho mọi người, ở đâu mà nghe tiếng kêu than khóc lóc, thì ông liền tìm đến an ủi cứu giúp. Sau hai năm hành hạnh nguyện bố thí, chi phí hơn nửa gia sản, một hôm, Thủ Hoàng lại chiêm bao thấy vợ. Lần này bà tươi vui cho biết nhờ chồng thức tỉnh tu tập rồi hồi hướng

công đức mà bà đã thoát khỏi cảnh địa ngục, nay sắp đi đầu thai nên vội lên về báo tin rồi từ giã ngay. Thủ Hoàng thương vợ bịn rịn chẳng muốn rời nên lốc cốc chạy theo. Bà vợ nhanh chân quá, mới thấy đó đã biến mất dạng nào. Thủ Hoàng len lỏi theo con đường cũ tìm kiếm. Ông cũng xuyên qua bao địa ngục rùng rợn, cuối cùng lang thang đến đứng địa ngục gông cùm năm xưa. Lần này Thủ Hoàng rất bình tĩnh, ông chào viên cai ngục rồi vui vẻ lên tiếng: "Nam mô Địa Tạng Vương Bồ Tát! Xin chào ông. Ông còn nhớ tôi không?". Viên cai ngục đáp: "Dĩ nhiên là nhớ. Anh còn thắc mắc điều chi mà lò dò đến đây?". Thủ Hoàng trả lời: "Tôi muốn xem lại cái gông to lớn năm xưa để biết hình dạng nó giờ đây đã thay đổi như thế nào?". Viên cai ngục lắc đầu ra vẻ ngạc nhiên: "Lạ quá anh ạ! Chẳng biết thằng cha Võ Thủ Hoàng đó đã ăn năn sám hối, ăn hiền ở lành như thế nào, mà cái gông đó teo nhỏ dần. Anh hãy nhìn xem kia! Nó nhỏ xíu, và có lẽ sẽ sắp biến dạng đến nơi rồi...". Thủ Hoàng mỉm cười đáp: "Thú thật với ông cai, Võ Thủ Hoàng chính là tôi đây. Từ ngày quy ngưỡng Bồ Tát Địa Tạng, tỏ tường lý nhân duyên, tôi đã phát lồ sám hối, thề tránh điều dữ, nguyện làm việc lành... chỉ mong chuộc lại lỗi lầm năm xưa mà thôi. Tôi hy vọng sẽ không phải theo nghiệp dữ mà đến đây mang gông mang cùm làm bận rộn cho quý ông. Xin cảm ơn ông và xin chào ông". Trở về trần thế, Thủ Hoàng bèn tiếp tục hạnh nguyện cứu giúp kẻ bần cùng. Ngoài ra, ông còn bỏ tiền ra đắp đường, vét sông rạch, xây cầu, dựng bè xây nhà ngay ngã ba sông Đồng Nai và Sài Gòn cho thuyền nhân qua lại có chỗ tạm trú chờ con nước thuận. Những năm cuối cùng của cuộc đời, ông gom hết tài sản còn lại, xây dựng ngôi chùa Chúc Thọ dâng lên Hòa Thượng Phật Ý Linh Nhạc, rồi thanh thân từ giã cõi đời, ra đi không vướng bận một đồng xu ten dính túi. Tuy vậy, sự nghiệp của ông: ngôi chùa Chúc Thọ, con rạch, cầu đá, con đường lộ... vẫn tồn tại cho người đời sau hưởng dụng, riêng cái "nhà bè" dầu dấu vết đã biến mất mà địa danh Nhà Bè vẫn còn phảng phất trong câu hát điệu hò:

"Nhà Bè nước chảy chia đôi

Ai về Gia Định, Đồng Nai thì về..."

Trong khi làm lễ tống táng Thủ Hoàng, Hòa Thượng Phật Ý Linh Nhạc muốn lưu lại sự tích đặc biệt của người Phật tử này nên có biên mấy chữ son

trên lòng bàn tay của ông ta. Mười mấy năm sau, vua Đạo Quang, nhà Thanh cho sứ giả sang Việt Nam yêu cầu triều đình Huế dò la tông tích Thủ Hoàng, vì trên lòng bàn tay của một hoàng tử khi sanh ra có chữ "Đại Nam, Gia Định, Thủ Hoàng". Sau khi truy tầm được, vua Đạo Quang có gởi tặng chùa Chúc Thọ ba tượng Phật bằng gỗ trầm hương và bia đá ghi lại sự tích, mà đến ngày nay vẫn còn lưu giữ tại chùa. Từ thuở thiếu thời, sự tích này đã gây ảnh hưởng rất sâu đậm trong lòng tôi. Tôi thành tâm ngưỡng mộ Bồ Tát Địa Tạng, vẫn dặn lòng phải luôn luôn tự soi sáng hành động mình bằng lý nhân duyên, nhờ vậy đến từng tuổi này, khi có dịp nhìn lại quãng đời qua, tôi rất mừng rằng mình đã không đến nỗi gây ra những ác nghiệp nặng nề.

Phương vừa chấm dứt câu chuyện, thì Luân liền lên tiếng:

- Tôi phục vụ tại Tiểu Khu Biên Hòa đến sáu năm, vậy mà không có duyên để biết câu chuyện Thủ Hoàng. Tiếc thật! Không may mắn như anh Phương, nhân duyên hướng dẫn tôi đến với Bồ Tát Địa Tạng trễ lắm. Nguyên tôi vốn chẳng quan tâm mấy đến những vấn đề liên hệ tôn giáo, mãi đến khi học tập cải tạo mỗi mòn hơn bảy năm trời, nỗi khổ đau chất ngất đến độ muốn quyên sinh cho nhẹ nợ trần thì bất ngờ tôi nhận được quyển kinh Địa Tạng Bồ Tát bản nguyện. Trong một chuyến thăm nuôi, bỗng dung bà xã liêu lĩnh mang quyển kinh giấu trong giỏ thực phẩm trao cho tôi, dặn dò nhớ tụng niệm để được Bồ Tát gia hộ mà thoát khổ. Như hai anh cũng biết, họ kiểm soát cẩn mật lắm, kinh sách là loại cấm kỵ, họ mà khám phá thì bị tống vào chuồng cọp chó chẳng chơi, vậy mà qua hai lần lục lạo móc moi không sót chỗ nào, họ vẫn không thấy được quyển kinh. Sự kiện nhiệm mầu đó là động cơ thúc đẩy tôi đọc tụng tìm hiểu từng lời kinh, và chỉ trong thời gian ngắn đã chuyển biến con người không có niềm tin Trời Phật như tôi, thành kẻ biết quy kính Tam Bảo chân thành học Phật tu thân. Thật vậy, ngay khi vừa mới đọc tụng kệ khai kinh, xướng lên hạnh nguyện Bồ Tát: "*Địa ngục vị không, thệ bất thành Phật. Chúng sanh độ tận, phướng chúng Bồ Đề*" (4) thì tôi xúc động run rẩy, nước

(4) Địa ngục chưa trống không, quyết chẳng thành Phật. Độ hết thấy chúng sanh, mỗi chúng quá Bồ Đề.

mắt ngập tràn. Thân phận tù tội của chúng mình là đối tượng cho người ta hành hạ thể xác lẫn tinh thần, mình bơ vơ, lạc lõng chẳng còn chút niềm tin. Bây giờ, mình được trao cho niềm tin, mình có nơi nương tựa, mình hiểu rõ rằng, dù có bị đọa đày ở chốn địa ngục tàn khốc như thế nào, thì Bồ Tát Địa Tạng cũng đến tận nơi để cứu độ mình. Ý nghĩ Bồ Tát luôn luôn kề cận bên mình thật là kỳ diệu. Từ đó, dù là lúc lên rừng đốn cây hay làm tạp dịch quanh trại, mỗi khi nghe tiếng chim hót, thấy con bướm nhón nhơ, một đóa hoa đại hé nở, một cụm mây bay... tôi đều có cảm giác như Bồ Tát đang hiện hữu dưới hình dáng đó để an ủi tôi, để chờ che đùm bọc tôi. Nhờ vậy, tôi cảm thấy lòng mình an vui thanh thản lạ thường, nỗi niềm khổ đau, thù hận không còn giày vò nữa, có thể nói, tuy thân xác vẫn ở tù mà tâm thì đã thoi thới không bị buộc ràng. Hằng ngày tôi âm thầm tụng kinh, đi đứng làm lụng tôi niệm danh hiệu của Ngài, nên không có thời giờ trống trải để vớ vẩn âu lo, thậm chí tôi cũng không quan tâm đến chuyện về hay ở nữa. Càng tụng kinh tôi càng ý thức rằng cái quả khổ đau ngày nay tôi gánh chịu là do cái nhân bất thiện mà tôi đã gây ra, nên tôi chân thành sám hối, nguyện sửa đổi lỗi lầm, tránh làm điều ác, siêng năng làm việc lành. Đứng ba tháng sau thì tôi được trả tự do. Trước khi rời trại tôi bàn giao quyển kinh cho Thiếu Tá Củ, nguyên Trưởng Phòng 3 Tiểu Khu Bình Dương và anh Củ cũng được về nhà trong vòng 6 tháng. Người ngoài có thể cho sự kiện trên chỉ là một sự trùng hợp, nhưng riêng tôi, tôi tin tưởng là có sự cảm ứng nhiệm mầu, và Bồ Tát Địa Tạng đã gia hộ cho tôi. Từ đó đến nay, lòng tôi lúc nào cũng hướng về Ngài để thành tâm quy ngưỡng, và nương tựa Ngài mà tinh tấn tu sửa thân tâm. Khi tham gia chuyển hành hương tử đại danh sơn, dĩ nhiên ưu tiên của tôi là chiêm bái thánh địa của Ngài. Tôi thao thức mong đợi từng giây từng phút nên ngày đầu tiên đến thánh địa trời sụp tối không chiêm bái liền được, tôi trần trọc suốt đêm không ngủ. Liên tiếp hai ngày sau, tôi theo phái đoàn chân thành chiêm bái khắp nơi: Hồi Hương Các, Vạn Niên tự, Kỳ Viên tự, Đại Nguyện tự, Địa Tạng thiền tự, và Nhục Thân bảo điện, nơi nào cũng trang nghiêm hùng vĩ, và nơi nào tôi cũng xúc động với cảm giác là Bồ Tát Địa Tạng vẫn hằng hiện hữu đâu đây. Điểm đặc biệt là trong khi chiêm

ngưỡng nhục thân bất hoại của Ngài Vô Hà tại chùa Vạn Niên và Ngài Từ Minh tại chùa Địa Tạng, tôi cảm thấy vừa hân hoan vừa thương cảm, nước mắt ràn rụa như trẻ thơ gặp mẹ vì tôi tin tưởng chắc chắn rằng nếu như tôi đồng mãnh tinh tấn tu tập thì tôi cũng sẽ gần gũi với Bồ Tát Địa Tạng như những vị này.

Thanh gật gù ra về tán đồng, rồi chậm rãi lên tiếng :

- Hai anh đều sẵn có nhân duyên lớn với Bồ Tát Địa Tạng, còn phần tôi, thú thật rằng phải nhờ chuyển hành hương này tôi mới am hiểu sơ lược về Ngài, đầu vậy, tôi cũng cảm thấy mình được chuyển hóa nhiều lắm. Tuy nhiên, chuyện của tôi là chuyện tình cảm riêng tư vụn vặt, chẳng cao sâu hay hào hứng đặc biệt gì cả, nên tôi xin hai anh cho được miễn trình bày nhé ?

Luân phản đối tức khắc:

- Đâu có chuyện kỳ cục vậy Thanh! Tụi mình đã hẹn với nhau thì phải làm theo đúng lời hứa chứ. Và lại, mình là dân nhà binh mà, phải thi hành trước rồi mới được khiếu nại sau, anh đâu thể viện lý do này kia để tránh né như vậy được!

Phương cũng kỳ kèo:

- Đối với anh em mình thì đâu có chuyện riêng tư nào phải giữ kín anh Thanh! Và chẳng chuyện đạo mà đem áp dụng vào cuộc đời mới có giá trị thực tiễn để học hỏi chứ. Xin anh trình bày cái suy tư hay tâm tình của anh về Bồ Tát Địa Tạng hầu anh em tùy nghi rút tĩa kinh nghiệm mà tu tập. Tôi tin chắc câu chuyện sống thực của anh sẽ mang lợi lạc cho tôi nhiều lắm!

- Hai anh nhất quyết đòi nghe thì tôi đành phải vâng lời thôi! Thú thật với hai anh là vợ chồng tôi tuy bề ngoài sống rất ư là hạnh phúc, nhưng thật ra thì tôi cũng có nỗi khổ tâm riêng, thậm chí đôi khi tôi có cảm giác bứt rứt như mình bị tù hãm vậy, đây chính là lý do đã đưa tôi tìm về suối nguồn Phật giáo làm nơi nương tựa.

Thanh ngừng lại, buồn hiu buồn tiếng thở dài, khiến cho Phương và Luân đâm ra ái ngại. Họ thật lòng chỉ muốn nài ép Thanh kể chuyện cho vui không ngờ vô tình lại khơi dậy nỗi khổ thầm kín trong lòng bạn, nên vội vã lựa lời an ủi. Luân lên tiếng:

- Đừng buồn Thanh ạ! trời đất còn có khi mưa khi nắng, thì tình vợ chồng sao chẳng có lúc mặn nồng khi lại đắng cay. Hoàn cảnh tôi nào có khác

chi hoàn cảnh anh. Tuổi đời chồng chất, thân thể bệnh hoạn, bà xã tôi dễ sanh cau có, quạu quọ ngay cả với những chuyện vu vơ. Con cái đều ra riêng, quanh đi quẩn lại trong nhà chỉ có hai vợ chồng già hủ hỉ, nên dĩ nhiên tôi phải lãnh trọn vẹn những tiếng cằn nhằn của bà. Hai anh nghĩ coi, suốt ngày tôi cứ bị cái âm điệu khàn khàn dai dẳng xoáy vào lỗ nhĩ hoại nhức nhối buốt óc, buốt tim thì làm sao chịu đựng nổi, có lúc, tôi muốn phát điên lên được. Lần đó bà gọi tôi ra ăn cơm, tôi mê đọc sách ra trẻ chừng năm phút thì thấy mặt mày bà chằm vằm, rồi bà bắt đầu mớ mớ nói khiến tôi nóng mặt nuốt cơm chẳng trôi. Bỗng nhiên tôi nhớ lại thuở ban đầu xa xưa ấy, tôi thường ham vui với bè bạn về trễ, có khi để người vợ trẻ phải chờ cơm đói meo cả mấy tiếng đồng hồ, thế mà nàng chỉ buồn buồn chớ không trách tôi một lời. Lúc đó tôi chỉ cần nựng nàng rồi an ủi một câu: "Tội nghiệp em cưng! anh về trễ làm cho em phải chờ cơm! thương quá là thương!", thì nàng đã đổi buồn thành vui, ríu rít bên tôi như con chim sơn ca rồi.

Tôi liền tự hỏi còn bây giờ thì sao?

Tôi nhìn kỹ bà. Ôi, người con gái duyên dáng tràn đầy nhựa sống năm xưa đã biến thành già nua lụm cụm, bà tàn tạ thảm thương, bà bệnh hoạn mệt mỏi rã rời, thảo nào bà chẳng dễ sanh phiền muộn. Phần tôi, tôi cũng khô cằn còm cõi, tôi đâu còn tươi mát tán tinh cợt nhả với bà ngọt ngào như xưa, thành thử đời sống vợ chồng đâm ra lê thê buồn nản. Bỗng dưng tôi nghĩ không phải chỉ cái thời gian mà chính tôi và lũ con tôi cũng là những nguyên nhân lớn đã tàn phá con người bà. Cả đời bà ăn không no ngủ không yên, dành hết thời giờ tần mẫn chăm sóc chồng con từng miếng ăn, từng cái mặc, rồi đến khi tôi làm cảnh lao lung, một mình bà phải tảo tần ngược xuôi trăm cay ngàn đắng kiếm sống, lại còn phải gian nan lận lộn thăm nuôi chồng tại những trại tập trung heo hút. Tình thương vợ bỗng dâng tràn, tôi vượt mấy sợi tóc bạc lòa xòa trên trán bà, âu yếm nói: "Ôi! thương làm sao á! em suốt đời chăm lo săn sóc chồng, mà anh hư quá để em chờ đợi cơm canh nguội lạnh! tội nghiệp em cưng quá!". Đang hờn giận nhau, chúng tôi cảm thấy thương nhau hơn bao giờ hết, vì vậy, từ dạo đó, tôi thường lưu ý bà, chăm sóc đưa giỡn với bà như thời trẻ trung nhờ vậy chuỗi ngày già đờ tẻ

nhạt, và tình nghĩa vợ chồng lại dào dạt đầm ấm như xưa.

Phương cũng góp ý:

- Đúng như anh Luận nhận xét. Bọn đàn ông chúng mình, thời trẻ trung thường hào hoa phong nhã, biết săn sóc tán tỉnh vợ, thỏ thẻ những lời âu yếm nồng nàn, nhưng đến khi lớn tuổi rồi thì lại "quá đúng đắn" thành thủ dờn sống vợ chồng lạt lạt dần, đến nỗi khi chuyện gối chăn thưa thớt, con cái có đời sống riêng tư thì hai vợ chồng già lủi thủi chán chường, trơ mắt nhìn nhau khô khan tình cảm. Họ gượng gạo sống bên nhau mà chẳng chút niềm vui, thì có khác gì là đang sống trong địa ngục. Tại sao những người già không có thể nói những lời thiết tha âu yếm với nhau như thời trẻ để làm gia vị thêm cho đời sống vợ chồng, tôi nghĩ "mụ vợ già" cũng có nhu cầu và có quyền được chồng tán tỉnh, cợt nhả như thời còn là người vợ trẻ phải không hai anh ?

Thanh bỗng tủm tỉm mỉm cười lên tiếng :

- Khâm phục! khâm phục! Ý kiến của hai anh thực tiễn vô cùng, tôi sẽ lưu ý áp dụng để có thêm lợi lạc, ngặt một điều là vợ chồng tôi lại không giống hoàn cảnh kẻ khác. Lý do là chuyện trục trặc của chúng tôi xảy ra chẳng qua chỉ vì bà xã tôi thương tôi quá mức, săn sóc tôi kỹ quá nên tôi cảm thấy tù túng mà thôi...

Luân cướp lời :

- Vậy mà anh làm người ta tưởng anh bị vợ hành hạ chớ! Anh làm tụi tôi lo lắng tìm lời phân giải để anh cười chơi phải không ?

Phương cũng trách :

- Đúng là gừng càng già càng cay, anh càng già càng độc, tôi bị anh giảng bầy sụp hoại, mà lần này vẫn hấp tấp nên lại rơi vào vòng.

-Hi! hi! coi kìa! tụi hai anh hiểu lầm chớ tôi nào mở miệng oán trách bà xã câu nào đâu? Còn chuyện được thương quá mức, được săn sóc quá mức thì cũng bị ngọt ngọt tù túng chứ! Người ta nói bị nhốt trong nhà đá, lò giam sắt, trong tháp ngà hay trong vòng tay âu yếm cũng đều là ở tù kia mà! Đúng ra, phải nói tình thương của bà mang tính chất chiếm hữu nên dính mắc và độc tài. Bà quá sức thương tôi mà độc tài thành thủ tôi bị ràng buộc mất hết tự do, ngay việc tu tập cũng bị ngăn trở nữa. Phần bà tuy phát nguyện Niệm Phật để vãng sanh cõi Tây Phương Tịnh Độ mà vướng mắc bị lụy thì làm sao thành công cho được. Tôi

nghĩ vợ chồng chúng tôi phải học lối thương yêu theo tinh thần từ bi hỷ xả của chư Bồ Tát thì mới không gây phiền não cho nhau, và đó là lý do chúng tôi tham gia chuyến hành hương này. Tôi chỉ nhập đề thôi mà...

Phương cười xuề xòa lên tiếng :

- Thôi anh khỏi ngại biện nữa, tôi đồng ý là anh chỉ mới nhập đề thôi, vậy xin anh hãy đi thẳng vào chuyện Cửu Hoa sơn cho rồi, kéo hai đứa tôi ngóng chờ hoài, cái cổ đã dài nhằng mà vẫn còn chưa nghe được đây nè!

- Hi! hi! Chuyện như thế này đây :

Trước ngày hành hương, tôi có nghiên cứu sử liệu về bốn đại danh sơn, thì được biết ba đại danh sơn kia, Bồ Tát Văn Thủ đã hiển thánh xuất hiện tại Ngũ Đài, Bồ Tát Phổ Hiền tại Nga Mi và Bồ Tát Quán Thế Âm tại Phổ Đà, sự tích rất rõ ràng, nhưng riêng Cửu Hoa sơn thì không điển tích nào kể lại sự xuất hiện của Ngài Địa Tạng cả. Cửu Hoa sơn, đúng ra chỉ là đạo tràng của vị thánh tăng tục danh Kim Kiều Giác. Ngài nguyên là hoàng tử nước Cao Ly, xuất gia rồi vượt biển sang Trung Quốc ẩn tu tại một ngôi am cổ trên ngọn Phù Dung. Đức hạnh của Ngài không lâu đã vang lừng khắp huyện Thanh Dương, rồi lan rộng đến kinh đô. Vua Đường hâm mộ Ngài nên đã truyền xuất công quỹ lập ngôi chùa "Hóa Thành" để Ngài có nơi rộng rãi hoằng dương Phật Pháp. Ngài an nhiên tịch năm 99 tuổi, đệ tử theo di huấn đặt nhục thân Ngài trong chum. Ba năm sau mở chum, nhục thân Ngài không hư rữa mà vẫn tươi như lúc sống, lại thoang thoang mùi hương. Khi nhắc nhục thân ra khỏi chum, thì bỗng nghe phát ra tiếng khua tợ như chuỗi xích vàng rung chuyển. Do hiện tượng này, người đời sau tin tưởng Ngài là một ứng hóa thân của Bồ Tát Địa Tạng và tôn xưng Ngài là Kim Địa Tạng. Tóm lại, tôi thăm nghĩ dù sao Cửu Hoa cũng không có sự hiển thánh nên tôi khó tin tưởng đây là một linh địa ngang hàng với Ngũ Đài, Nga Mi và Phổ Đà. Thế nhưng ngay đêm đầu tiên tại đây, vừa chợp mắt tôi chiêm bao thấy mình phủ phục lễ bái tượng Bồ Tát Địa Tạng, khi tôi đứng dậy thì lạ lùng thay, trước mắt tôi không là một pho tượng đơn độc nữa, mà là một pháp hội vĩ đại có vô số Bồ Tát Địa Tạng tề tựu. Tôi đang ngây ngất chiêm ngưỡng pháp hội kỳ diệu đó thì giạt mình tỉnh dậy trong niềm an lạc vô biên tràn ngập. Trạng thái kỳ diệu này vẫn tiếp tục miên man trong lòng tôi

trong suốt hai ngày hành hương chiêm bái, nhất là trong khi nghe thầy giảng giải về sự tích Ngài Vô Hà tại cung Bách Tuế, chùa Vạn Niên. Nguyên sư Vô Hà đã tìm đến Cửu Hoa với hoài bão chiêm bái chân thân Ngài Kim Địa Tạng nhưng vào thời buổi loạn lạc, cảnh Phật điêu tàn, sư không thể truy tầm dấu vết chân thân Ngài Kim Địa Tạng được. Thế rồi sư ở lại ẩn tu suốt 100 năm, viên tịch năm 126 tuổi và cũng để lại một nhục thân bất hoại như người xưa. Lúc đó, tôi bỗng rung động rần rụa nước mắt nghĩ rằng Ngài Vô Hà không gặp mà đã gặp. Ngài không thấy chân thân người xưa nhưng đã thực sự gặp Bồ Tát Địa Tạng bằng chính hạnh nguyện tu tập của Ngài. Thế rồi, tôi bỗng liên tưởng đến giấc chiêm bao về pháp hội hiện diện vô số Bồ Tát Địa Tạng, và trực nhận ra một điều là bất cứ ai mà có đồng hạnh nguyện với Địa Tạng Vương Bồ Tát, thì cũng đều là hiện thân của Bồ Tát Địa Tạng cả. Tôi thầm nghĩ: "Vậy thì, các vị thánh tăng Kim Kiều Giác, Vô Hà, Từ Minh... không phải đều là những Bồ Tát Địa Tạng sao? hà huống mình phải nhọc lòng sưu tầm sự tích hiển thánh khác chi nữa?". Trong giây phút xuất thần đó, tôi bỗng xúc động qui xuống, chấp tay phát nguyện: "Kính lạy Đức Bồ Tát Địa Tạng. Con xin học hạnh nguyện của Ngài. Con nguyện sẽ tinh tấn tu tập để làm sáng tỏ tâm Địa Tạng nơi con, hầu con có thể hội đủ dũng lực để mang ánh sáng của Đạo Pháp đến với những kẻ đang sống trong tăm tối của tội lỗi, trong ngục tù của ngu dốt, hận thù, kỳ thị... Kính xin Bồ Tát gia bị cho con..."

Phương nức nở khen ngợi:

- Suy tư của anh về tự tánh Địa Tạng thật là đặc biệt! nếu ai mà quay về với tự tánh Địa Tạng thì tự thân người đó là một Địa Tạng, tự thân người đó đã "Vùng tích tượng mở toang cửa địa ngục" (5) mà chính họ đã xây rồi.

Luân cũng vỗ tay tán thưởng :

- Hoan hô Thanh! Tôi cũng bắt chước anh, nguyện sẽ tinh tấn tu tập để làm sáng tỏ tâm Địa Tạng trong tôi !

HỮU THÂN HUỲNH TRUNG CHÁNH

(5) Phỏng dịch từ câu: "Thủ trung kim tích, chấn khai địa ngục chi môn", trong bài tựa Xứng tán Bồ Tát Địa Tạng.

Giáo lý nhà Phật đối với vấn đề điều hòa sinh sản và kiểm soát dân số

NGUYỄN-PHÚC BỬU-TẬP

Sanh con đẻ cái là một trong những vấn đề quan hệ lớn nhất trong đời sống con người, và bởi lẽ đó tôn giáo nào cũng chú trọng đặt khuôn phép vào những việc giao liên giữa nam nữ, việc cưới xin và việc có con nối hậu. Đạo Phật cũng có quy tắc hướng dẫn tín đồ như các tôn giáo khác, nhưng có nhiều điều khác biệt với tôn giáo phương Tây.

Kinh Phật và vấn đề sinh sản

Kinh Phật dạy triết lý đạo đức rất cao siêu, bao hàm mọi lãnh vực, thế nhưng trong phạm trù các sinh hoạt vào thời hiện tại như vấn đề giao tiếp nam nữ, vấn đề điều hòa sinh sản, vấn đề kiểm soát dân số, nhất là những việc thiết thực và cần thiết như dùng phương pháp ngừa thai, như phá thai, như cách thức làm vô sinh cho người nữ (cột buồng trứng), làm triệt sản người nam (thắt dây tinh trùng), ... thì tìm trong giáo lý, hình như không có chi tiết nào nói tới. Trong tương lai cũng sẽ không thấy gì thay đổi bởi lẽ bản chất và tổ chức của Giáo Hội đạo Phật giáo lý đạo đức nhà Phật để tùy thuộc vào sự am hiểu của cá nhân và lẽ lối ứng xử của cộng đồng trong những vấn đề kể trên. Đến bây giờ chưa thấy một tổ chức nào thay mặt Giáo Hội xuống lên tiếng nói chung đối với đạo đức mới. Bởi lẽ đó mà lắm khi người bàng quan tưởng là nhà Phật thiếu mất lập trường đặc trưng diễn tả Pháp của đức Phật ban bố cách đây hai mươi sáu thế kỷ. Người viết bài này tuy tự hiểu là tiếng nói bé bỏng cũng đã nhiều lần trình thưa các bậc tôn trưởng trong Giáo Hội hải ngoại sự việc này, nhưng tiếc thay không bao giờ được lưu ý.

Nhìn vào quá trình đạo Phật, tổ chức của đạo chú trọng vào Tăng đoàn, đời sống hàng ngày của đại đa số tín đồ lại nhằm vào hưởng lạc, đi xa đường lối giác ngộ. Tuy vậy, chính Tăng đoàn sau đức Phật cũng không lúc nào xao lãng xây dựng đạo đức cho đời sống Cư sĩ tín đồ. Nếu tìm kỹ và hiểu thông suốt kinh luật với tinh thần cởi mở, chắc chắn sẽ gặp các điều chỉ

dẫn, các phương thức hướng chỉ đạo cho quy tắc giải quyết những vấn đề trong đời sống ngày hôm nay.

Phải hiểu giáo lý nhà Phật soi qua các yếu tố mỗi trong đời sống hiện đại như thế nào ?

Giáo lý trong hai trường phái căn bản Đại Thừa và Nguyên Thủy dạy tín đồ ngũ giới:

1. Không sát sinh
2. Không trộm cắp
3. Không tà dâm
4. Không nói điều xằng bậy
5. Không hút xách rượu chè

Lấy ví dụ điều 3 dâm tà, kinh Phật không đi vào chi tiết cấm đoán hay cởi trói một hành động nào trong đời sống ái ân nam nữ, lại càng không hề bàn tới cách thụ thai, ngừa thai. Cũng như kinh Phật không bàn tới việc hôn nhân hay dạy cách dựng vợ gả chồng. Dĩ nhiên giáo lý đã bác bỏ cái tệ tục kỳ thị giai cấp thì trong việc dựng vợ gả chồng không còn kén chọn người sang kẻ hèn, môn đăng hộ đối. Bàn về vấn đề sinh sản chẳng hạn, ta có thể suy ra từ cấm điều số một (không sát sinh) là giáo lý nhà Phật sẽ cấm đoán việc phá thai. Thế nhưng học giả người Nhật Shoyo Taniguchi trong sách *Biomedical Ethics in Buddhism* (Đạo đức sinh học của nhà Phật, Tokyo 1978) xác quyết là việc chấm dứt đời sống của bào thai trong một giai đoạn nào, tuy không nên làm, nhưng không hẳn là cấm kỵ. Tác giả là một bậc chân tu khoa học gia, đã khảo sát tường tận giáo lý, đưa ra lời khuyên tín đồ phải vô cùng thận trọng trong việc giao tiếp nam nữ, để tránh cái quyết định ghê gớm là phá thai. Trong trường hợp bản cùng bất đắc dĩ, điều cần thiết là chọn giải pháp tránh đau khổ (ý hẳn là cân nhắc để tránh điều khổ đau tinh thần về sau), vì tại Nhật Bản, việc phá thai nằm trong kế hoạch gia đình được pháp luật yểm trợ. Phá thai được xem như là một điều tội lỗi đối với lương tâm, nhưng không phải là một tội ác đối với luật pháp. Bởi vậy mà tại Nhật Bản, những bà mẹ đau khổ phải phá thai vẫn đến chùa nhờ sư sãi cầu nguyện để tìm lại đời sống an lành.

Như vậy, trong năm điều căn bản của giáo lý, không thấy một điều nào

ngăn cấm việc sử dụng các phương pháp khoa học và phương tiện y tế nhằm thiết lập kế hoạch điều hòa sinh sản tránh cái họa nhân mãn. Giáo lý nhà Phật không đặt ra những giáo điều cấm đoán, mà chỉ dạy điều *tâm thức* (*sati*, luôn luôn hành động trong hiểu biết, tỉnh thức), và *tâm tử* (*ahimsa* lúc nào cũng hành động trong tình yêu thương). Giá trị căn bản không phải là ở chỗ sống theo giới luật, mà ở chỗ sinh hoạt hàng ngày trong tinh thức tránh gây đau khổ (cho mình và cho tha nhân). Ý niệm cao cả nhất của giáo lý là huệ (hiểu biết) dẫn dắt tới giải thoát và giải khổ. Người ta khổ vì sân si, không phải khổ vì phạm lỗi, vì bất tuân giáo luật.

Từ những điểm trên, ta kết luận là giáo lý nhà Phật bao dung việc sử dụng các phương pháp khoa học để ngừa thai, để điều hòa sinh sản trong điều kiện là các phương pháp đem ra dùng giúp ích cho đời sống vật chất và tinh thần của cá nhân sử dụng, và chỉ cá nhân đó cân nhắc được đúng hành động của mình.

Vũ trụ và ý niệm luân hồi

Tôn giáo phương Tây (kể cả Hồi Giáo Islam) quan niệm vũ trụ và mọi thành phần cực lớn và cực nhỏ trong vũ trụ đều do đấng tối cao tạo nên, theo thiên ý đã sẵn có. Bởi vậy mà nếu bây giờ ta tìm cách thay đổi lẽ lối sanh con đẻ cái là lẽ lối của Trời hay Chúa hay Môhammed đã đặt ra, tức là ta phạm vào điều cấm kỵ trong mối tương quan đối với vũ trụ. Năm 1992, nhà thờ đạo Gia Tô La Mã công bố bốn "Học thuyết chủ nghĩa của giáo đoàn" (Congregation for The Doctrine of the Faith), khẳng định: "Không một vị sinh học gia hay một vị y sĩ nào có quyền dựa vào tin tưởng vững chắc về kiến thức kỹ thuật của mình được tự do cho phép hành động thay đổi nguồn gốc hoặc là định mệnh của con người". Ngày nay, tôn giáo phương Tây đang ngự trị mọi lãnh vực nghiên cứu và học thuật, đem áp dụng giáo điều vừa công bố ở trên tức là phải dẹp hết mọi chương trình nghiên cứu kỹ thuật điều hòa sinh sản nhằm vào việc ngăn ngừa nạn nhân mãn, tai họa lớn nhất đang đe dọa đời sống con người.

Nhà Phật không quan niệm có một đấng sáng tạo đã đặt ra kế hoạch điều hòa đời sống trên hoàn vũ và cấm đoán con người không được dùng các phương pháp khoa học, các phương tiện y khoa để thay đổi lẽ lối sinh con đẻ cái tự nhiên. Đạo Phật không nhìn thế cuộc do trời tạo nên, linh thiêng và hoàn hảo; trái lại, đời là bể khổ. Muốn

BUDDHISM ON FERTILITY AND POPULATION CONTROL

Nguyễn Phúc Bửu Tập

Reproduction is one of the most important preoccupations of human life and most religions concern themselves with the regulation of sexual activity, marriage and production of children. As a religion, Buddhism guides its followers in these matters, but in ways quite different from the religions of the West.

The Dharma scriptures and human reproduction.

Although Buddhism has highly developed ethical philosophies, it does not produce a ready set of positions on such contemporary matters as human reproduction, fertility regulation, population control, or in particular, acute problems as the use of contraceptives, abortion, male or female sterilization... Nor is it likely that it will, given the nature and organization of the religion itself. In Buddhism, ethics are developed by the individual or the social community. There is no official body that stipulates ethical statements. Hence, there appear no official Buddhist positions on issues that were not envisioned when the *Dharma* scriptures were composed twenty six hundred years ago. Throughout its history, the religion has been primarily monastic; lay life was not considered conducive for progress toward enlightenment. However, the *sangha* (the order of monks and nuns) has ever tried to inculcate simple but adequate moral understanding in the laity. A vigilant reader of the scriptures can recognize ethical ideas or methods that must serve as norms and rules facing modern problems.

Interpretation of the scriptures in light of modern problems

In both forms of Buddhism, Theravada and Mahayana, the laity is taught the Five Precepts, which calls on the follower to avoid (1) unnecessary killing, (2) taking what is not given, (3) sexual misconduct, (4) harmful speech, and (5) use of intoxicants. Although detailed rulers are not given in the canonical texts, the Sangha, Buddhist teachers will offer many significant interpretations of these principles. Sexual misconduct, for example, is not expressly defined and the position on contraception is rarely or never stipulated. Nor there are specific mies on suitability of marriage or sexual partners. Of course, Buddhism which abolishes the caste system, has no concern with the suitability of marriage. In the discussion of human reproduction, the first precept (to avoid killing) might be interpreted as discouraging abortion. However, according to the Buddhist scholar Shoyo Taniguchi (*Biomedical Ethics in Buddhism*, Tokyo 1987), termination of pregnancy is not absolutely forbidden, though it is considerably undesirable. According to the Japanese author, Buddhism would see the ideal situation as one in which the partners are mindful of the consequences of their actions and avoid a situation in which abortion is an issue. If carried out anyway, abortion should use a method that minimizes any suffering. In Japan, where abortion since many decades is used as a method of family planning, Buddhist monks are involved in practices that women use to atone for abortion considered as a sin, a mistake, a bad behavior but not a crime.

Thus, nothing in the five cardinal lay precepts can be construed to oppose scientific and medical manipulations for fertility regulation and population control, provided that it is not harmful to self and others. Buddhism does not regulate lay behavior by religious codes of laws, but rather by teaching mindfulness (*sati*, *tâm thức*), and harmlessness (*ahimsa*, *tâm từ*). The ultimate value does not consist to live in accordance with a code of religious laws; it consists to remain aware of the effects of one's actions so as to minimize harm. The religion places its highest value on knowledge, (*huệ*) which it sees as the sole vehicle for enlightenment and release from suffering. Ignorance, not sin or disobedience, is the cause of a human's unhappy state. In definitive, Buddhism may be seen as tolerating the acquisition and use

of scientific knowledge for contraception and fertility regulation provided that it is applied in ways that help, rather than harm, living beings.

Cosmology and karma. The contemporary Western religious position about human reproduction (the Islamic point of view included) sustains that since the world and everything in it, including human beings are held to be created by God, according to a divine plan, then altering the human faculty of reproduction that is a part of the universal and divine march, is altering the very basis of God's creation, which is impermissible from cosmological consideration. This is clearly expressed by Vatican in the book published by the Church 1, 1992: *Congregation for the Doctrine of the Faith*, p. 84. It states: "No biologist or doctor can reasonably claim by virtue of his scientific competence, to be able to decide on people's origin or destiny". A similar but secular argument holds that we should not alter nature. Given the political and economic ascendancy of the Western religions on the domains of research and education, the only safe course is stringently to restrict novel technologies on fertility and population control!

For Buddhists, the religion of Sakya Muni does not conceive of a creator God whose divine plan might be altered by biological or medical manipulations. Far from seeing the world as divine and perfect, Buddhism looks at the world as a place of suffering (*dukkha*, *khô*). The fundamental virtue consists in practicing *ahimsa*, harmlessness, which means to avoid making living beings suffer. In practical terms, since the universe was not created by God, altering the universe cannot be considered as an insult, a repudiation of the divine nature. In this context, the use of biological and medical knowledge to contain the threatening population growth is simply acceptable from the speculative point of view of Buddhism.

The concept of *karma* can be interpreted or sometimes misinterpreted to present the Buddhist doctrine as anti-fertility control and anti-population regulations. Buddhism arose India and share many common beliefs with Hinduism, the religion of Indians, such as the doctrine of Karma. The Indian concept of Karma, which is fundamental to all its philosophical and religious systems is a law of moral cause and effect. The literal meaning of Karma is action, and the theory holds that one's present state is the result of personal and collective actions in this and previous lives. It holds that misfortunes in this life arc due to harmful actions in the former lives. If a child is born with a physical or mental infirmity, the misfortune is due to previous voluntary actions that harmed other and hence is deserved. Furthermore, this Karma must be worked off; the suffering must be endured to expiate the previous wrongdoing. If the suffering is prevented, the individual in question will simply be reincarnated later with a similar affliction.

This idea of the suffering should not be relieved because karmically deserved is a misunderstanding, a misinterpretation of the Buddha's teaching, which was concerned to explain the way of release from suffering. Assimilating Karma with a form of punishment by God is an interpretation that rationalizes evasion of the ethical obligation to be compassionate, to be kind to others. It is not consistent with Buddhist teaching on compassion to refrain from relieving another's suffering on die grounds that it is due to the operations of Karma. (For Buddhist analyses of the doctrine of Karma, read Geoffrey Redmond: *Application of the Buddhist Anatta Doctrine to the Problems of in Biomedical Ethics*, Taipei 1989; also *Buddhism and Abortion*, Newsletter on International Buddhist Women's Activities, Taipei 1991).

In this context, the least we can assert is that the Buddhist religion seems neutral to the idea of fertility control and population regulation, but the doctrine is greatly concerned that these scientific operations ensure to decrease suffering rather than create more misery or wretchedness. Buddhism does not see scientific or medical manipulations as improper; it concerns itself with how these operations were carried out. The unique moral insight of the religion of Buddha is that we should interfere cautiously with nature because simply we may not fully understand the effect of what we do. •

diệt khổ, phải nghĩ và làm từ bi yêu thương (*ahimsa*), tránh làm bất cứ điều gì gây khổ cho mình và cho người. Nói rõ ràng hơn, giáo lý nhà Phật không quan niệm tạo vật do Thượng Đế an bài, vậy nếu con người có đổi thay được một phần lẽ trời thiên nhiên thì cũng không gây điều lầm lỗi đối với uy quyền thiên nhiên. Bởi lẽ đó, sử dụng các phương pháp khoa học để ngăn ngừa nạn nhân mãn đang đe dọa trầm trọng trái đất ngày hôm nay, xét trên quan điểm suy luận, và hy vọng sẽ được các nhà thức giả học Phật chứng minh bằng tài liệu kinh điển, nhà Phật tán đồng và chấp nhận đường lối tiến hóa và phát triển tất nhiên của xã hội ngày nay.

Thông thường ý kiến bảo thủ dựa vào ý niệm luân hồi (*karma/samskara*) đều thuyết minh là đạo Phật chống chính sách điều hòa sinh sản. Pháp của Thích Ca chia xê ý niệm luân hồi của Ấn Độ giáo. Thuyết luân hồi của triết lý và đức tin người theo Ấn Độ giáo cho rằng đời sống ngày hôm nay do cái quả của bao nhiêu kiếp trước tạo thành. Ngày nay ta gặp điều lành hay không lành là do kiếp trước biết tích thiện hay đã ăn ở bất nhân. Một bé hài nhi bị tật nguyền hay bẩm sinh tâm trí hèn kém là do kiếp trước đã hữu ý phạm điều bất thiện, phải trả trong kiếp này. Còn hơn thế nữa, cá nhân phải biết chấp nhận luân hồi để đền bù vào những điều bất thiện kiếp trước đã gây ra, và nếu ngày nay không trả đủ thì một giai đoạn nào trong tương lai cũng phải đền bù.

Ý niệm phải chấp nhận khổ đau vì luân hồi sai trái với lời dạy của đức Phật. Thích Ca không bao giờ nói khổ đau ngày hôm nay là do hình phạt của thượng đế đặt ra để bù trừ. Thích Ca cũng không dạy ta phải chấp nhận thống khổ, hay đứng dung với nỗi thống khổ của người khác vì đó là món nợ phải trả. Trái lại, đức Phật không ngớt dạy hành thiện, vì hành thiện giải được nghiệp thấy nhân tiền bây giờ hoặc một thời gian không xa.

Hiểu rõ như vậy, ta có thể xác quyết là giáo lý nhà Phật không chống đối, hay ít ra là trung lập đối với các kế hoạch điều hòa sinh sản và trì hoãn việc gia tăng dân số ngày hôm nay. Duy có điều giáo lý quan tâm là các phương tiện đem ra dùng phải làm nhẹ khổ đau, không làm tăng thêm thống khổ cho con người. Điều đức Phật dạy rõ ràng nhất là chúng ta chỉ có thể tác dụng trên lẽ lối của tạo hóa một cách vô cùng thận trọng, vì chúng ta không thể nào hiểu thấu đáo được cái quả của hành động ngày hôm nay.-

Có Phật độ

Bài và ảnh
Thiện-Lương P. Ngọc-Thường

Báo Viên Giác số 121, tháng 2 năm 2001, nơi trang 85 đã đăng Thông Bạch về việc tổ chức Giải Nhiếp nh chủ đề Phật Giáo. Chủ trương của Giáo Hội Thiền Tông Liễu Quán tại Hoa Kỳ đã giải đáp được phần nào ưu tư vốn có của nhiều người quan tâm đến sự phát triển Phật Giáo nói chung, đặc biệt là ở lãnh vực nhiếp ảnh, vì sự "thiếu vắng các hình ảnh Phật, Bồ Tát, cùng các sinh hoạt Phật Giáo Việt Nam nói chung... Chúng tôi từ lâu Đạo Phật Việt Nam đã không được biểu hiện qua bộ môn nhiếp ảnh một cách rộng rãi và đúng mức, nên các sử gia, học giả Tây phương đã không có nguồn tài liệu giới thiệu với thế giới về Phật Giáo Việt Nam".

Việc đề xướng cuộc thi về Nhiếp ảnh Nghệ thuật do Tu Viện Liễu Quán và Chùa Bảo Tịnh tổ chức, để bước đầu thu thập những dữ kiện, tài liệu bằng nh nghệ thuật Phật Giáo, là để bù đắp sự "thiếu vắng" lâu nay.

Ngày 13.01.2001, tờ Việt Báo Nam Cali, số 2111, đã đăng bài và ảnh nói về cuộc thi này. Ông Trần Công Nhung, Hội Trưởng Hội Nhiếp nh South Bay, bang Cali, USA, đã phỏng vấn Thượng Tọa Nguyên Đạt, Viện chủ Tu viện Liễu Quán, để tìm hiểu thêm về việc tổ chức, vận động những nhà Nhiếp nh chuyên nghiệp và nghiệp dư, Phật tử và chưa Phật tử khắp thế giới tham dự cuộc thi. Thượng Tọa đã giải thích rõ một số vấn đề thuộc nội dung cuộc thi, nhằm để cuộc thi có đồng đẳng người cầm máy tham dự, hình ảnh được phong phú, đa dạng, chất lượng cuộc thi cao, thành công mỹ mãn của cuộc thi mang tầm cỡ quốc tế. Ban Tổ Chức cũng đã kêu gọi: "Riêng giới Nhiếp nh, chúng tôi tha thiết mong quý vị Nhiếp nh tích cực

tham gia, trước là thể hiện tài nghệ của mình, sau là đóng góp vào một việc làm hết sức ý nghĩa, không phải cho bây giờ mà còn mãi mãi về sau".

Đối với người viết - là một Phật tử, ngoài các ý nghĩa trên, còn là một nhiệm vụ, một trách nhiệm thuộc về Phật sự của người con Phật. Người viết ở Cộng Hòa Liên Bang Đức đã có rất nhiều hình ảnh của các Chùa và Niệm Phật Đường như Chùa Viên Giác, Bảo Quang Ni Viện, Chùa Thiện Hòa; Linh Thúu và Trier-Saarland Niệm Phật Đường. Ở Pháp có Chùa Khánh Anh v.v... Nhưng tất cả là ảnh sinh hoạt mang tính thời sự, chỉ dùng được dưới dạng báo chí, kỷ niệm. Trong một lần đón Tết Nguyên Đán, Thượng Tọa Viên Chủ Chùa Viên Giác phát lộc đầu Xuân cho các Đạo Hữu, người chụp đã chụp được hình ảnh Thầy Viên Giác với sắc diện vui tươi, một bậc tu hành khả kính trao "lì-xì" cho một cụ già, một phụ nữ, một thanh niên và một em bé. Cả người trao và người nhận đều thể hiện một niềm vui trọn vẹn, một nét XUÂN trên diện mạo. Đùng là mùa Xuân của Di Lạc. Nếu nhóm ảnh này dùng cho báo chí và cho lưu niệm thì tốt quá, thế nhưng nếu dùng cho nh Nghệ Thuật thì lại không được (Vi người viết đã dùng đèn chớp: Flash - Blitz). Về chuyên môn, nh Nghệ Thuật không chấp nhận ảnh chụp đèn chớp trực tiếp, vì nó có bóng trên hình.

Là dịp để đóng góp vào Phật sự quan trọng này, người viết đã đi chụp một số sinh hoạt, hình ảnh thuộc lĩnh vực Phật Giáo. Mỗi lần đi săn ảnh đều có khó khăn, vất vả, có thể nói là nguy hiểm, nhưng lại rất thành công (theo chủ quan của người viết), vì vậy cứ tâm niệm rằng: Nếu ai có thực tâm với Đạo, nhất là làm Phật sự thì có Phật độ.

Dưới đây người viết xin kể vài mẩu chuyện để hầu quý vị:

- Chụp ảnh Toàn thân Xá Lợi của Thiền sư Thích Đạo Chân, thế danh Vũ Khắc Minh. Trước hết xin mở một dấu ngoặc, người viết đã đọc được một tờ báo rất lâu rồi, có khi 4, 5 năm về trước, nói về nhục thể Thiền sư Vũ Khắc Minh và ý nguyện, có dịp thì cố gắng bằng mọi cách để chụp được ảnh của Thầy, vừa rồi ý nguyện đó đã được thuận duyên, toại nguyện.

- Chùa Đậu có năm tên. Chùa Đậu là tên sau cùng. Tên thứ nhất gọi là Thành Đạo Tự, tên thứ hai gọi là Pháp Vũ Tự, tên thứ ba gọi là Chùa Vua, tên thứ tư gọi là Chùa Bà và tên thứ năm gọi là Chùa Đậu. Mỗi một tên chùa đều có điển tích riêng và đều có ý nghĩa, xin nêu ví dụ: Tên Chùa Đậu

tồn tại lâu nhất vì được lý giải: Bạc chí sĩ cầu nghiệp lớn, được Đậu; người dân trồng, cấy thì đơm hoa, trái Đậu (kết trái), từ đó trong dân gian gọi là Chùa Đậu. Chùa tọa lạc tại làng Gia Phúc, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây, cách Hà Nội 24 km về hướng Nam. Chùa có vị trí rất đẹp, ở giữa cánh đồng lúa bao la, xanh mướt, quanh chùa có nhiều hồ sen tỏa ngát hương thơm (chúng tôi đến đúng vào dịp hoa sen đang nở rộ, giữa mùa hè nên cây cảnh, đồng lúa đang độ xanh tươi). Ngày xưa, để tả cảnh đẹp, Sĩ Nhiếp đã viết:

*Đồng bằng bát ngát nảy tòa sen
Phật ngự trang nghiêm tựa động Tiên*

*Đất phúc xây nên cung nguyệt điện
Trời Nam riêng hảnh cảnh thiên nhiên*

Lô hưởng khói tỏa tan niềm tục

Hồ ngọc trắng soi rõ cửa thiền

Công đức tử bi bao xiết kể

Công lao vô lượng lại vô biên.

Người viết và một nghệ sĩ nhiếp ảnh trẻ tên là Hùng Cường, đến chùa vào một buổi chiều, đến nơi một lúc thì trời mưa như trút nước, càng mưa trời càng tối! Thầy trụ trì là Đại Đức Thích Thanh Nhung đang làm Phật sự ở một chùa cách Chùa Đậu khá xa. Chúng tôi muốn gặp Thầy có việc cần, để chứng minh, chúng tôi đưa trang báo Viên Giác đã đăng về vấn đề thi Nhiếp nh Nghệ Thuật Phật Giáo cho vị đệ tử của Thầy Nhung xem, sau khi trình bày, Thầy hoan hỷ về gặp chúng tôi. Chúng tôi xin Thầy cho mở lòng kính để chụp ảnh Thiền sư Vũ Khắc Minh. Thầy Nhung cho biết, hiện tại Toàn thân Xá Lợi đã qua hơn 304 năm, một số chỗ đã bị khí hậu và thời gian chi phối nên có chỗ đã bị mốc, có thể rất dòn nên dễ vỡ, nếu va chạm mạnh, nên Thầy không cho phép ai được đụng vào, dù là lồng kính, vì lỡ đụng vào mà va chạm vào thân xác Thiền sư bị hỏng, vỡ là vô cùng khó khăn. Theo Thầy Nhung, Toàn thân Xá Lợi ở Việt Nam chỉ có một, đó là di sản vô giá không những của Việt Nam, mà có thể là di sản của thế giới về mặt y học và về mặt Tâm linh Phật Giáo. Nghe đến đó, chúng tôi hiểu ra vấn đề và thấy sợ, dù Thầy có cho mở kính (lồng kính) ra, chúng tôi cũng không dám! Vì tôi quyết chụp cho bằng được nên tìm cách khắc phục, để Hùng Cường ngồi hầu chuyện Thầy, người viết cùng với đệ tử của Thầy Nhung lấy nước sạch, giẻ sạch, xà-phòng lau lồng kính. Chăm chỉ lau chùi khá lâu, thấy xá lợi đã rõ ra nhiều, người viết tìm góc độ

đặt máy, nhờ Thầy làm mẫu, (chuẩn bị cho Thầy y vàng và cắt tóc) may là tôi còn đúng 3 kiểu phim có độ nhạy cao, nếu không có không thể chụp được, vì đã quá tối. Vị trí quá chật, may là người chụp có đem theo chân máy, nếu không có chân máy cũng không thể chụp được. Tôi chụp trước, Hùng Cường chụp sau, cũng góc độ ấy.



Toàn thân Xá lợi (Thiền sư Vũ Khắc Minh)

Chụp xong đã hơn 20 giờ. Con mưa chiều vẫn còn rả rích, chúng tôi tạm biệt Thầy Nhung và Chùa Đậu ra về trong mưa và trời tối đen như mực, hai anh em đi lạc đường; đường ruộng ra giữa cánh đồng vắng hoe, đường trơn như đổ mỡ bởi trận mưa lúc chiều vừa rất to, vừa kéo dài. Xe gắn máy không có ma-sát đường, nên chỉ chực "bay" xuống ruộng! Vừa sợ bị ngã, nhưng lo sợ nhất là sợ ướt phim, hỏng máy móc, và sợ nhất bị trấn lột ở giữa cánh đồng vắng vẻ! Không biết Hùng Cường có sợ ma nữa không, còn người chụp thì không sợ ma, vì tin là đi làm Phật sự thì có Phật độ, ma phải sợ mình.

Chụp Chùa Một Cột, tên chữ là Diên Hựu Tự. Người viết đến đúng 10 giờ thì thấy Thầy Đại Đức Thích Tâm Kiên đã có mặt tại địa điểm, đúng y hẹn từ vài hôm trước. Nói về Chùa Một Cột, chùa vừa là một nét văn hóa của Phật Giáo lâu đời, độc đáo, vừa là một thắng cảnh của cả nước, đã rất lâu, có nhiều khách du lịch nước ngoài đến chụp, các nhà Nhiếp nh Nghệ Thuật trong nước cũng đã chụp khá nhiều, bởi vậy phải chụp theo cách riêng của mình với chú thích ảnh đã nghĩ trước là "Nhất Tăng, Nhất Tự, Nhất Trụ" (tức Một Thầy, Một Chùa và Một Cột) vì vậy ngoài việc xin chụp, còn nhờ Thầy làm Người Mẫu là thế.



Nhất Tăng, Nhất Tự, Nhất Trụ

Sau khi chụp ở Chánh điện xong, Thầy nói nhỏ: "Đạo Hữu ơi, xin nán lại một lát để Thầy uống viên thuốc, vì đau bụng quá. Tôi tạm ngưng và chờ Thầy uống thuốc, nằm nghỉ khoảng 10 phút thì thấy Thầy đã bước lên hơn chục bậc thang của Chùa Một Cột, đứng vào vị trí cần chụp để niệm hương, người chụp bấm máy, và rồi được bức ảnh ưng ý, đúng với lòng mong muốn theo tựa đề đã đặt trước. Khi trở lại tặng Thầy làm kỷ niệm, ngoài nhận xét của Thầy là Đẹp, có ý nghĩa giữa tựa đề và nội dung, Thầy còn đề nghị cho Thầy được sử dụng vào việc in tờ lịch cho chùa. Người chụp và đồng thời là người viết nghĩ rằng, mình có Phật độ, bởi nếu như Thầy vẫn không ngớt cơn đau, hoặc Thầy không hoan hỷ, nhiệt tình bước lên những bậc thang rất dốc, đứng niệm hương trên Chùa Một Cột thì người viết cũng không thể chụp được, mà đâu có lý do gì để buồn, hoặc trách Thầy ?

Lần đi chụp Vũng Tàu: Người viết từ Sài Gòn xuống bằng xe gắn máy, đi thật sớm, dù vậy đến nơi vẫn đã quá trưa, gặp phải thời tiết xấu nên có ý nản, chẳng lẽ về không! Nghĩ vậy, nhưng vẫn đến Thích Ca Phật đài, đến nơi trời đã xế chiều, người đến Lễ Phật, vãng cảnh chùa vắng dần, đang lúc bán khoán thì tự nhiên trời hừng sáng, một lát sau thì mặt trời chui ra khỏi đám mây, ánh sáng chan hòa, rải đều trên tượng Đức Thích Ca ở tư thế nằm Nhập Diệt. Tượng dài phải hơn 20 mét, các tướng tốt của Đức Phật đều nổi bật rõ, đẹp lạ lùng. Người chụp đang nói khó với mấy bà bán hàng,

mấy anh coi trật tự làm mẫu giùm (để tạo không khí tự nhiên, tránh sự vắng vẻ) thì lập tức đã có một đoàn người xuất hiện từ dưới núi đi lên, đủ thành phần nam, nữ, già, trẻ tay cầm sẵn hương, hoa đến đứng dâng lễ dưới chân Đức Phật. Đứng vào vị trí "điểm mạnh" của bức ảnh. Lúc này chỉ còn việc bấm máy và tin tưởng sẽ có bức ảnh đẹp. Không sai. Người viết đã có bức ảnh như ý muốn và nghĩ rằng nếu không có Phật độ thì làm sao "tự nhiên" trời lại sáng lên, làm sao có đoàn người đến để làm mẫu cho mình "tự nhiên" như đã có xếp đặt trước ?

Rời Thích Ca Phật đài, người viết phi xe theo hướng Bãi Sau để đến Niết Bàn Tịnh Xá, trong bụng nghĩ đã có hình Phật rồi, bây giờ phải chụp Đại Hồng Chung. Đại Hồng Chung có trọng lượng 3 tấn 5 tạ. Cao, to uy nghi. Ngự riêng trong một tháp chuông. Phía dưới chuông, xung quanh vòng chuông dán rất nhiều giấy cúng cữ, thẳng tắp, dán chồng nhiều lớp, đó là những bút tích của khách thập phương khi đến vãng cảnh chùa, nội dung là những lời cầu nguyện, là thơ, phú thể hiện lòng tôn kính của các Đạo Hữu đến viếng chùa. Chụp Đại Hồng Chung mà không có người thỉnh chuông thì bị "trơ", nếu người mẫu đứng làm bộ đánh chuông thì cũng khó mô tả được cái thực, bị gương... Người viết mạnh dạn đặt vấn đề với một vị Ni, vị Ni cho biết Thầy trụ trì cấm không được tự thỉnh chuông ngoài giờ quy định, người viết không còn kịp hỏi là giờ nào, vì lúc ấy đã quá chiều rồi, hỏi nhưng cũng đồng thời tự giải đáp, có lẽ phải vào giờ gần sáng, bởi "*Tiếng chuông Thiên Mỵ, canh gà Thọ Xưởng*", thì chỉ có là vào giờ sáng thôi, vậy nên chuẩn bị "lui quân". Chợt vị Ni hỏi người viết:

- Thích chú không phải ở đây?
- Dạ thưa, sao Thầy biết? (người viết không trả lời mà lại hỏi ngược vị Ni).
- Vì tôi nghe ông nói giọng Huế.
- Dạ thưa đúng!
- Cách xưng hô của ông cũng khác. Tôi đoán ông ở nước ngoài.
- Dạ thưa rất đúng!
- Vị Ni nói luôn:
- Vậy tôi phá lệ, rồi sẽ sám hối với Thầy trụ trì sau. Ông chụp đi kẻo sắp tối.

Tôi mừng đến bâng hoàng trước quyết định đột ngột của Bà. Khi Bà đứng vào vị trí thỉnh chuông thì trời gần tối, khi Bà đang thỉnh, chuông vang và ngân nga hồi dài, thì lạ thay trước khi mặt trời tụt xuống mặt biển xanh đen, lại chui ra khỏi vàng mây, tỏa ra một hào quang rực rỡ nơi Niết Bàn Tịnh Xá,

nơi tháp chuông giúp người viết có được bức ảnh Thực và Đẹp. Riêng người viết nghĩ rằng, nếu người viết không có Phật độ, cũng không thể có được bức ảnh Đẹp và Thực như vừa hầu chuyện với quý vị.



Thích Ca Phật dài (Ảnh P. Ngọc Thuởng)

Đi chụp Đông Hương Tích - Chùa Hương. Đoàn có 5 người (trong đó có một nữ Nghệ Sĩ Nhiếp nh đã lớn tuổi). Di chuyển bằng xe gắn máy, vào giữa ngày hè, nhiệt độ khoảng 39 đến 40 độ C. Dịp này vắng khách hành hương, vắng cảnh chùa. Hội Chùa Hương mở vào ngày rằm tháng giêng đến rằm tháng ba âm lịch. Chúng tôi không gặp được Thầy Thích Minh Hiền - Thầy vừa là Trụ trì chùa, vừa là Nhà Nhiếp nh Nghệ Thuật có danh tiếng. Đến chùa Thiên Trù là chùa thấp nhất và đầu tiên trong quần thể Chùa Hương. Lúc này đoàn đã thấm mệt, vì đi đường đã tranh thủ chụp nhiều, đặc biệt do "cái nóng nung người nóng nóng ghê" nên không ai có thể lên Động Chính, nơi đẹp nhất là "Nam Thiên đệ nhất Động" được, vì từ chùa lên đến Động Hương Tích phải vượt dốc núi đá từ 45 phút đến 1 giờ. Giữa đường có hai động và chùa là Động Tiên Sơn - gọi là chùa Tiên Sơn và chùa Giải Oan. Truyền thuyết, ngày xưa Thị Kính bị oan nên đã đến chùa này để giải oan. Không có vị nào đi nổi nữa, người viết đi một mình. Nhưng thưa quý vị, khi leo lên được cổng chùa Tiên Sơn thì cũng đã hết hơi thở! Lý do là máy móc đồ nghề nặng, thêm vào là phần quá nóng nực, định lui thì may có một thanh niên từ phía Chùa Sơn đang đi xuống. Sau những câu chào hỏi xã giao, anh ta biết người viết có nghề chụp ảnh, vì thấy bộ đồ nghề, chân máy nên hỏi tôi: Bác đi chụp ảnh nghệ thuật? Tôi nhận ngay.

Anh tự giới thiệu là đã từng chụp ảnh dịch vụ cho bà con tại Chùa Hương vào những ngày mở Hội Chùa. Tôi hỏi anh thanh niên, ngoài Động Chính, xung quanh gần đây có gì đẹp, có ý nghĩa có thể chụp được? Anh có thể giúp gì được cho tôi lúc này? Anh ta vui vẻ nói:

- Đáng lẽ cháu xuống núi có việc, nhưng chậm lại không sao. Bây giờ cháu có thể giúp bác hai việc: Mang hộ máy móc cho bác và chỉ cho bác mấy chỗ,

theo cháu là đẹp và có ý nghĩa, nếu bác thích thì chụp.

Thỏa thuận xong, hai bác cháu trực chỉ Động Tiên Sơn. Vào động tối om. Máy phát điện công suất quá nhỏ nên dù đã phát ra mà đèn không thể sáng được. Người viết đã nghĩ trong bụng phen này thì "xôi hỏng bỏng không" là cái chắc! Anh ta thấy tôi có vẻ nản, nên khuyến khích: Còn một chỗ nữa hay và đẹp lắm nhưng rất tối; tôi nói ngay, bác có đèn pin để trong túi máy. Anh thanh niên reo lên: Thế thì tuyệt lắm! Anh còn dặn tôi phải để máy lên chân và phim phải có độ nhạy từ 400 ASA trở lên. Người viết nói với anh ấy, cháu cứ yên tâm. Động đá vốn đã tối, người ngoài sáng mới vào nên càng tối hơn. Anh thanh niên dắt tay tôi, cứ thế tôi theo anh ta, đường nhấp nhô, đá rất trơn, có chỗ phải bò, cuối cùng thì chỗ "hay lắm" cũng đã đến. Anh thanh niên hỏi: Bác có thấy gì không? Tôi trả lời: "chỉ một màn đêm". Và anh ấy bảo tôi lắp máy vào chân. Tôi nói, không cần đâu cháu, vì bác đã lắp phim có độ nhạy cao hơn 400 ASA nhiều (800 ASA). Anh thanh niên rọi đèn pin vào một điểm, người viết chú ý thì thấy ở vách đá dựng đứng, chính giữa từ từ phát ra ánh sáng hồng, mấy giây sau thì hiện rõ và giống hệt một trái tim, xung quanh có lục phủ, ngũ tạng đầy đủ. Kiểm tra lại phần đo sáng của máy, chỉ số "nhắc nhở coi chừng rung máy" báo ở tốc độ 1 giây! Không kịp lắp chân máy, vì đèn pin cũng sắp hết hơi, đã yếu dần. Phút giây quyết định đã đến, người viết ngồi xuống, tay máy tì lên đầu gối, nín thở "Tạch... xè" gần

chục lần, vì nghĩ có thể bị rung máy, nên phải chụp lấy được, cầu may chỉ 1 tấm không bị rung. Chụp xong, hai bác cháu thu đồ nghề ra về. Khi về đi lối khác, do Hội Chùa đã hết lâu nên đường mòn xuống núi bị cỏ, lau lách mọc tốt chiếm hết lối đi, đá mọc rêu xanh trơn, bước không cẩn thận dễ bị ngã! Người viết mồ hôi ra ướt áo, như mới tắm xong vậy. Khi đã định tâm rồi mới thấy sợ, vì có biết anh thanh niên kia là ai mà dám đặt lòng tin và trao trọn cả người, máy móc cho anh ta nơi rừng xanh, núi hiểm này? Cuối cùng thì người viết đã an toàn cả người và tài sản. Kết quả của lần chụp là được ảnh rất đẹp, với tựa đề là "Trái tim Quán Thế Âm Bồ Tát". Theo như lời anh thanh niên giải thích, ở quanh chùa Tiên Sơn dân chúng truyền miệng rằng đó là trái tim thật của Đức Quán Thế Âm Bồ Tát đã hóa đá từ bao đời nay.

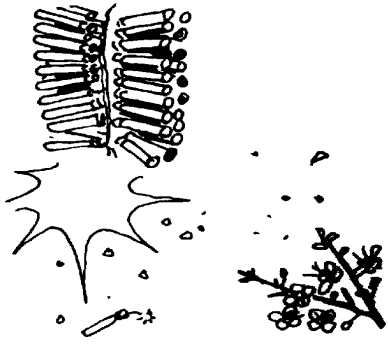


Trái tim Quán Thế Âm Bồ Tát (Ảnh: P. Ngọc Thuởng)

Người viết đã dài dòng hầu quý vị mấy mẫu chuyện về việc hưởng ứng cuộc thi nh Nghệ Thuật Phật Giáo Thế Giới tổ chức tại Hoa Kỳ, qua những lần đi "săn" ảnh có những sự việc đã xảy ra, người viết - đồng thời là người chụp cảm thấy khó thành công, nhưng lại rất thành công, nên nghĩ rằng: Ở mỗi công việc, người có Tâm với Đạo, có lòng chí thành với việc Phật sự thì chắc chắn có Phật độ, đó là chân lý, đó vừa là kết luận và cũng là đề mục cho bài viết này. •



Mừng Xuân



Vũ Nam

Sinh biết Mừng từ năm cậu lên bốn tuổi, khi đó anh đã được mười hai. Trong vùng xôi đậu ở làng quê thời chiến tranh Quốc Cộng đời sống thật đầy lo âu. Niềm vui hôm nay, nếu có thì cứ an hưởng. Còn ngày mai xảy ra chuyện gì nào ai có thể biết được. Buổi sáng ông ngoại Mừng hay ẵm cậu đến quán chú Ký, nằm cạnh nhà nội Sinh, để uống cà-phê. Ông ly cà phê đen nhỏ. Mừng được ông kêu cho ly sữa nước sôi để chấm ăn với bánh tiêu. Bốn tuổi Mừng sở sũa, rất dễ thương, mập ú na ú nần. Người lớn thường đến gần ẵm bồng nựng nịu. Mừng lúc nào cũng được ông ngoại để ngồi luôn trên bàn. Chú Ký để dài nên không bao giờ phàn nàn. Sinh mồ côi cha mẹ, ở chung với bà nội từ nhỏ. Sân nhà nội thông thương qua quán cà phê chú Ký. Mỗi sáng tinh sương, đứng trước sân bên cây bông điệp cao lớn sum sê bông nở quanh năm, Sinh thường thấy Mừng ngồi trên bàn lấy bánh tiêu chấm sữa. Hình ảnh này đã trở thành quen thuộc trong mắt anh trong thời thơ ấu. Hồi đó nhờ bị bẩm nên Mừng được người ta nâng niu. Nhưng Sinh để ý đến Mừng hơn vì hoàn cảnh Mừng hơi giống hoàn cảnh anh. Tuy nhiên Mừng còn may mắn hơn anh. Mừng chỉ mồ côi cha, má Mừng đang sống chung với ông bà ngoại. Bốn tuổi, Mừng chưa biết mình mồ côi vì đang được sống trong tình thương ngập tràn của ông

ngoại, Mừng không nhận ra được điều gì bất hạnh đang có trong cuộc đời mình.

Khi ăn Tết xong năm mười ba tuổi, vì đã trở giò, bà nội Sinh sợ để cháu trong vùng xôi đậu không tốt nên gửi Sinh về Sài Gòn ở đậu nơi nhà người cháu kêu bà bằng dì. Sinh và Mừng chia tay từ đó.

Trải qua gần ba mươi năm dài Sinh và Mừng mới gặp lại nhau trên đất nước tạm dung. Vào một buổi sáng cuối tuần, người bạn cùng quê hương với Sinh điện thoại cho anh, hỏi:

- Anh Sinh, anh còn nhớ thằng Mừng cháu ông Bảy Cam ở xóm mình không?

Sinh nhớ ngay, dù thời gian qua đã quá lâu, anh trả lời:

- Nhớ chứ, bây giờ nó ở đâu?

Người bạn trả lời:

- Ở nhà tôi nè!

Rồi như biết là Sinh sẽ hỏi tiếp nên người bạn nói luôn:

- Nó đi lao động bên Ba Lan. Lúc bức tường Bá Linh sụp đổ nó tìm cách trốn qua Đông Đức rồi qua Tây Đức xin tỵ nạn gần một năm rồi. Nó liên lạc tìm hỏi địa chỉ tôi và đến tôi từ tối hôm qua.

Sinh nói sẽ đến ngay nhà người bạn để gặp Mừng. Dù sao cũng là người cùng quê. Trên đất khách để gì gặp được người cùng làng, huống gì Sinh và Mừng lại ở cùng xóm.

Trên đường đến nhà người bạn, lòng Sinh thấy vui vui. Kỷ niệm cũ bỗng chốc lại hiện về vùng quê xôi đậu thuở nhỏ. Chiến tranh và những việc chết chóc oan uổng. Những trò chơi thiếu thời, nhảy dây, bắt cừu, tạt lon... và Mừng- cậu búp bê ngày ấy của quán cà phê chú Ký mà mỗi buổi sáng từ sân nhà bà nội bên gốc cây điệp ngó sang đã thấy Mừng ngồi trên bàn bên cạnh ông ngoại, tay cầm bánh tiêu chấm sữa, nụ cười trẻ thơ với niềm vui nhỏ nhen như bất tận...

Gặp Mừng ở nhà bạn, anh Sinh không thể tưởng tượng ra đó là Mừng. Mừng bây giờ khác xưa rất nhiều. Dù cố nhớ lại khuôn mặt Mừng thời trẻ đại, anh Sinh cũng không tìm được chút gì giống chú bé ngày xưa.

Mừng già dặn đen đúa. Mấy năm lao động ở Ba Lan, lại trong ngành xây dựng nên trông Mừng rất khỏe mạnh, nhưng tay chân mặt mày đã hằn lên nét lao động cực nhọc ở xứ người. Chuyện kể ra như bất tận. Sinh kể những kỷ niệm mà anh biết cho Mừng nghe. Mừng chỉ cười, nụ cười hiền hậu, an phận.

Mừng kể, em hiện ở trại tạm cư, đang nhờ luật sư xin tỵ nạn, sống nhờ tiền

trợ cấp xã hội, muốn tìm việc làm, kiếm tiền phụ má em nuôi con. Ông bà ngoại em đã chết lâu rồi... Đại khái chuyện Mừng là vậy, không có gì đặc biệt. Hoàn cảnh người tỵ nạn từ Việt Nam đều hơi giống nhau. Sau cuộc đời mọi người hầu hết đều khổ. Những người cầm quyền mới chưa lựa được con đường để đi. Khi thất bại thì họ lúng túng kêu lên là vì tàn dư của chế độ cũ, mà không dám tự nhận khuyết điểm mình. Ai rời đất nước được cứ rời, bằng cách này hay cách khác. Chuyện giờ rõ như ban ngày nên ai cũng biết.

Chia tay Mừng nơi nhà người bạn, Sinh không giữ lại hình ảnh gì đặc biệt từ Mừng. Anh cầu chúc Mừng sớm được Đức cho tỵ nạn và sớm có gia đình vì dẫu sao Mừng cũng đã lớn tuổi rồi. Nghe nói đến chuyện lập gia đình Mừng than thở:

- Em còn một người bạn gái ở quê nhà. Cô cũng ở quê của tụi mình, nói ra chắc anh cũng không biết đâu. Em có nói với cô cứ chờ em, em đi lao động vài năm dành dụm tiền rồi về làm đám cưới và có vốn ra làm ăn buôn bán. Cô hứa sẽ chờ. Bây giờ em xin tỵ nạn ở đây rồi không biết ra sao! Bao lâu nữa mới về lại được Việt Nam! Bây giờ cả hai đều lớn tuổi, sắp già tới nơi chẳng lẽ cô cứ chờ hoài. Em cũng chưa biết tính sao, dù cô ta có hứa cô ta sẽ chờ em suốt đời!

Nghe vậy thôi chứ Sinh và bạn anh cũng không thể khuyên Mừng như thế nào cho phải. Mọi chuyện để thời gian trả lời.

Thình thoảng sau ngày đó Mừng, anh Sinh và bạn anh cũng gặp nhau. Khi nhà người này, lúc nhà người khác, lúc trong trại tỵ nạn nơi Mừng ở. Mừng có việc làm. Đã có tiền gửi về làm quà cho người yêu ở quê nhà. Đơn tỵ nạn bị bác, đang nhờ luật sư khiếu nại lại. Chuyện bình thường như chuyện của bao người tỵ nạn khác...

Cho đến một ngày Sinh nhận được điện thoại của người bạn từ sáng sớm:

- Anh Sinh ơi thằng Mừng bị tai nạn xe hơi. Bạn nó lái xe chở nó rồi gây ra tai nạn. Bạn nó không sao mà nó phải có máy bay trực thăng đến cứu. Nó đang nằm trong nhà thương nơi gần anh ở. Nó bị nặng lắm, đang nằm trong phòng cấp cứu. Tối qua tôi đến thăm nó tới khuya mới về. Nhưng chỉ đứng ngoài, nhà thương chưa cho vô thăm. Nó không có thân nhân ở đây nên bạn bè nó báo với cảnh sát có tôi là người cùng quê, tôi có thể lo cho nó.

Sinh lại bồn thần. Nơi xứ người xa lạ, không thân nhân lại bị tai nạn đến nỗi phải nằm trong phòng cấp cứu. Mấy hôm sau Sinh đến thăm Mừng. Anh đã

được vô đúng cạnh giường cậu, nhưng cậu vẫn còn mê man. Khi anh gọi tên, cậu chỉ ú ớ. Hậu quả lần tai nạn xe cô ấy là Mừng gãy một xương chân và xương ở be sườn rất nặng.

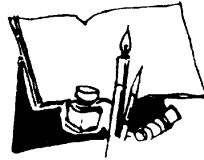
Sau đó khi lành hẳn, dáng đi của Mừng không còn bình thường như xưa mà chân thấp chân cao. Khi mọi việc đã qua, Mừng hơi vui, tự an ủi "-Tụi Đức kiếp trước thiếu nợ mình. Vừa đến Đức không lâu, chưa làm gì được cho nó, nó đã phải trả khoảng bốn chục ngàn Mark cho nhà thương trong lần mình bị tai nạn. Ở Việt Nam bị tai nạn như vậy chắc mình chết rồi, tiền đâu mà chạy chữa!". Nhưng đôi lúc Mừng buồn về chuyện tương lai. Không biết em như vậy cô bạn em có còn chờ em về cưới hỏi nữa không? Giờ kể như tàn phế rồi!

Tuy nhiên sau này, Sinh nghe Mừng kể lại rằng cô bạn hứa sẽ chờ cậu suốt đời dù biết Mừng đã mang thương tật. Anh chỉ biết mừng cho cậu. Cuộc đời này có những nỗi đau ít ai giải thích được. Đôi khi nỗi đau cứ tới tấp đến. Người ta phải chấp nhận nó rồi lấy đó mà tự an ủi mình, để còn hy vọng mà sống.

Mừng có tên về nước trong một ngày mùa đông nơi xứ người, nhưng khi ấy nơi quê hương Việt Nam mọi người đang chuẩn bị mừng Xuân đón Tết. Hiệp định đưa người về nước vẫn tiếp tục có hiệu lực. Nếu Việt Nam nhận ai thì lập tức Đức đưa người đó về ngay thôi, chẳng cần biết là đông hay hè. Trước khi về Mừng ngậm ngùi nhưng cũng tự an ủi:"-Thôi về cũng được! Về cưới vợ làm ăn, xây dựng cuộc đời. Chú ở đây biết có ai chịu làm vợ mình! Còn cô bạn, cứ để cô suốt đời chờ mình sao? Đời con gái người ta chỉ có một lần, mà bây giờ cô cũng đã gần tuổi bốn mươi rồi, đầu thế chờ mình mãi. Già tới nơi rồi!".

Mùa Xuân này Mừng sẽ ăn Tết ở quê nhà sau mười mấy năm lặn lội và ăn Tết ở quê người. Sinh hy vọng Mừng sẽ trở về nước được an bình. Dù nghèo khổ, dù bị thương tật nhưng mùa xuân này, trong đời Mừng, là mùa xuân tình yêu và hạnh phúc. Anh hy vọng ngày hôn lễ sẽ đến với Mừng trong nay mai. Tình yêu gia đình con cái sẽ là mùa xuân bất tận trong cuộc đời còn lại của Mừng. Nếu có con trai hoặc gái đầu lòng Mừng cũng có thể đặt tên là Xuân, tiếp sau tên của Mừng là Mừng Xuân.

Sinh mỉm cười. Chính Sinh cũng không hiểu tại sao bỗng dung anh lại có ý nghĩ như vậy...•



HỘP THƯ VIÊN GIÁC

Trong thời gian qua VIÊN GIÁC đã nhận được những thư từ, tin, tức, tài liệu, bài vở, kinh sách, báo chí của các Tổ Chức, Hội Đoàn, Tôn Giáo và Văn Thi Hữu khắp nơi gửi đến.

THƯ TÍN

Trần Trọng Khoái (USA), Võ Trường Sa (USA), Đoàn Văn Thông (USA), Hoàng-Phi Lưu Hoàng-Nguyễn (Úc), Minh Trang (Canada), Dr. Trần Văn Tích (Đức), An-Tiêm Mai-Lý-Cang (Pháp), Phong-Hưng Lưu-Nhơn-Nghĩa (Úc), Phạm Nguyên Lương (USA), Nguyễn Minh Hiền (Đức), Ngô Minh Hằng (USA), Thiện-Lâm Phạm Văn Mộc (Đức), Nguyễn Văn Cường (Na Uy), Tuệ Nga (USA), Vi Khuê (USA), Hà Huyền Chi (USA), Hồng Nhiên (Đức), Trà Nguyễn (USA), Hồ Trường An (Pháp), Phan Ngọc (Đức), Thu Trần (Đức), Quỳnh Hoa (Đức), Huyền Thanh Lữ (Đức), Nhóm Tình Thương Đức Quốc (giúp Thương Phế Binh VNCH), Diệu Trí (Đức), Hiếu Đệ (USA) Nguyễn Tấn Hưng (USA), Phạm Thăng (Canada), Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế (Pháp), Hoài Việt (Pháp), Phan Hưng Nhơn (Đức), Nguyễn Minh Hiền & Phạm Tuấn Hoàng (Đức), Phù Vân (Đức), Liễu Pháp (USA), Giác Nguyên (Pháp), Vi Vi (USA), Bửu Phối (USA), PV. Trần Đức Hân; Keo Nosavan (Pháp), Đỗ Kim Thêm (Đức), Nhân Thế; Vân Nương LNC (Pháp), Võ Thu Tịnh (Pháp), Thị Tâm (Đức), Nguyễn Thủy Cúc (Đức), Thiện Nguyễn Bảo Chí; Chùa Phật Quang (Pháp), Tùy Anh (Đức), Đức Ông Philippe Trần Văn Hoài; Lê Bảo Lâm (Đức), Ngọc Tuyết (Đức), Nguyễn-Lê Hoài Việt (Đức), Nhựt Trọng (Đức), Từ Hùng (Đức), Đan Hà (Đức), Nguyễn Hoàng Bảo Việt, Nguyễn-Lê Nhân Quyền (Suisse), Văn Phòng II Viện Hóa Đạo GHPGVNTN Hải Ngoại tại Hoa Kỳ, Hội Quốc Tế Y Sĩ VNTD (Canada), Nhóm Việt-Kid (Đức), Trần Thị Nhật Hưng (Suisse), Diệu Minh (Đức), Người Quan Sát (Đức), Thị-Chơn Ngô-Ngọc-Diệp (Đức), Thiện-Lương Phạm Ngọc Thương (Đức), Vũ Nam (Đức), Ấn Thuận Đại Sư (Đài Loan), Người Giám Biên (Đức).

KINH SÁCH & BÁO CHÍ

Đức: Thông Tin số 14; Tibet und Buddhismus Nr.59; Entwicklung und Zusammenarbeit 10 & 11/01; Phật Quang Thế Kỷ số 65; Dân Việt số 45; Dân Văn số 83; Thông Tin VIDÍ số 5&6; Diễn Đàn Việt Nam số 121 & 122; Dân Chúa Âu Châu số 229; Diễn Đàn Petrus Ký số 13; Lotusblätter Nr.4/01; Bản Tin Đức Quốc số 184 & 185; Développement et Coopération Nr.6/01; Bản Tin Tâm Giác số 12; Hy Vọng số 70; Sinh Hoạt Cộng Đồng số 150.

Pháp: Việt Nam Dân Chủ số 61 & 62; Nhân Bản số 6 & 7; Định Hướng số 28; Khánh Anh Bản Tin tháng 10/01; Hồ sơ, Đệ Tú Quốc Tế Việt Nam - Tập 1&2; Tiếng nói Người Việt Quốc Gia số 19.

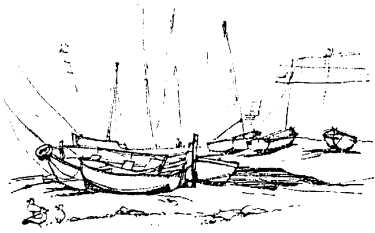
Hòa Lan: Buddhayana Zeitung Nr.2.

Hoa Kỳ: Giao Điểm số 42; Chân Trời Mới số 9, 10 & 11/01; Tin Lành số 68 & 69; Trúc Lâm số 19; Mẹ Quan Âm Cửu Long của Huỳnh Trung Chánh; Bồ Đề Hải số 53; Tiếng Dân số 237 & 238; Pháp tự chủ thế gian và xuất thế gian; Hoa Sen số 44.

Canada: Đi Tới số 51.

Đài Loan: Thiên Phật Sơn số 149 + 150 + 151.

Úc Đại Lợi: Chuyển Luân số 25.



Cảm Xúc

● Nhứ Giác

Ngoài kia nắng lên cao lung linh qua hàng tre trước ngõ. Phong bỡ ngỡ đón một ngày nắng mới. Sáng nay điều gì đối với Phong cũng lạ lùng. Phong lắng nghe mọi âm thanh, mở to đôi mắt, đón nhìn vạn vật chuyển động, đôi mắt vừa sáng của một người 26 năm chìm trong bóng tối.

Lúc sinh Phong được gần tháng tuổi, mẹ Phong đau đớn nhìn đôi mắt bất động của đứa bé. Bác sĩ bảo là bé bị đục thủy tinh thể bẩm sinh. Bà cảm thấy hụt hẫng, chín tháng cưu mang, ngày chờ tháng đợi, để rồi ôm trong tay một đứa bé tật nguyền. Lòng người mẹ chợt quặn đau. Nhà nghèo, sinh được mẹ tròn con vuông là quý rồi, bây giờ với căn bệnh này bà biết phải làm sao? Thôi thì trời sinh trời dưỡng! Thấm thoát đã 26 năm trôi qua, ngày cũng như đêm, Phong âm thầm khôn lớn trong căn nhà nhỏ với mẹ và anh, cho đến cái ngày định mệnh Phong được đoàn từ thiện bảo trợ trị bệnh. Không phải ai cũng được mở mắt, sau khi khám tổng quát, trong 150 người đến phòng bệnh, bác sĩ chỉ nhận 60 bệnh. Bác sĩ bảo là thần kinh thị giác của Phong còn tốt nên nhận mổ cho Phong.

Ngày mở băng, Phong hồi hộp chờ đợi giây phút gặp mặt hai người thân yêu nhất của Phong. Khoảnh khắc giữa tối và sáng khiến Phong cảm thấy như đã xa mẹ lâu lắm. Lớp băng vừa gỡ, Phong thấy lờ mờ rất đông người, mùi nắng cháy trên đồng ruộng giúp Phong nhận ngay ra người anh tươi cười đứng trước mặt. Bên cạnh là một người đàn bà khắc khổ, không cần nói Phong cũng biết là ai. Phong ôm chầm lấy mẹ. Không gian như chùng hẳn. Phong thường nói chưa biết sữa mẹ màu gì, chưa biết khuôn mặt mẹ ra sao? Nay nhìn được mặt nhau thì mẹ đã già, tóc đã bạc trắng. Vòng tay gầy gò của mẹ tuy mong manh nhưng lại có sức mạnh vô hình che chở cuộc đời bất hạnh của Phong. Ngày hôm ấy, cả phòng khám Trung Tâm Y Tế Định Quán như sáng rực màu hạnh phúc.



Các bệnh nhân sau ca mổ

Niềm vui sướng ấy không chỉ riêng của gia đình Phong mà còn là niềm vui sướng của cả đoàn từ thiện. Đây là ca mổ đặc biệt được các bác sĩ quan tâm. Niềm vui mang đến ánh sáng cho người mù bẩm sinh đã trở thành cảm xúc bất ngờ cho cả đoàn. Bao nhiêu mệt nhọc trong một ngày làm việc căng thẳng đều tan biến.

Sáu mươi bệnh nhân trong lần mổ này thuộc các huyện Thống Nhất, Long Khánh, Định Quán là những gia đình có tên trong danh sách xóa đói giảm nghèo của huyện. Đa số là những người lớn tuổi, mắc những bệnh: Đục thủy tinh thể, sẹo giác mạc, cườm khô, cườm nước... Thăm hỏi sơ qua được biết họ bị bệnh mắt đã lâu, có người bệnh đã 10 năm, đôi mắt cứ mờ dần đi, rồi mất hẳn ánh sáng, nhưng họ đành để vậy. Ở những nơi ruộng rẫy điu hiu, đời sống khó khăn, có bệnh cũng đành chịu. Cho nên, để giúp đỡ các bệnh nhân, đoàn từ thiện không những chọn bệnh ở những vùng xa xôi mà còn tìm cách đưa từng bệnh nhân đi điều trị và chi phí hết những ngày ở

bệnh viện. Còn các y bác sĩ của bệnh viện Saint Paul, ngoài giờ làm việc, họ cũng đi với các đoàn đến các vùng xa xôi, heo hút. Bệnh viện và các Trung Tâm Y Tế của huyện thường không đủ dụng cụ, nên để thực hiện các ca mổ được hoàn chỉnh, đoàn thường chở theo linh kính đầy đủ dụng cụ y khoa luôn cả máy móc. Sáng ăn bánh mì, xôi; trưa chế mì gói, cơm hộp mang theo, nhưng có hề chi, niềm vui với những đôi mắt sáng đã là thức ăn tinh thần tuyệt vời. Và lại:



Các bệnh nhân sau ca mổ

"Một ngày làm được nhiều việc giác ngủ sẽ ngon lành, một đời làm được nhiều việc nhắm mắt sẽ bình yên".

Năm ngoái, sau bài viết của một tác giả nói về mấy trăm người bị bệnh mắt ở xã Vĩnh Châu, một xã nghèo chuyên trồng hành củ ở huyện Sóc Trăng, chương trình đem ánh sáng cho người nghèo được các đoàn từ thiện phát động rộng rãi đến nay, để giúp đỡ cho những người bị bệnh mắt ở các tỉnh. Đằng sau những số phận nghiệt ngã, luôn có mặt những tấm lòng từ ái, ngày càng nhiều hơn.



Trong phòng mổ

Ban Từ Thiện Chùa Linh Thấu Berlin

Sanh ra được làm thân người này đã là khó, nhưng để được một thân đầy đủ, vẹn toàn lại là điều khó hơn! Trong cuộc sống này bao nhiêu người có được diễm phúc đó? Hay trái lại là những số phận đau thương và bất hạnh, như trường hợp em Phong trong bài viết dưới đây.

Một thanh niên trẻ, chỉ mới 26 tuổi đầu, hai mươi sáu năm sống nhưng không còn nhận được vạn vật chung quanh mình, sống với đôi mắt không còn khả năng để đón nhận từng tia nắng, từng màu sắc của chùm hoa, ngọn cỏ và nhất là... chưa từng được nhìn mặt Mẹ một lần.

Những số phận nghiệt ngã đó đã đến với không biết bao nhiêu con người, bất luận là cụ già hay em nhỏ. Nhà nghèo, ở những nơi ruộng rẫy điu hiu, mong có được thuốc thang chữa trị, nếu không có những tấm lòng từ ái, những bàn tay xoa dịu vết thương!?

Để san sẻ, để xoa dịu bớt đi phần nào những khổ đau và bất hạnh đó, trong thời gian qua Ban Từ Thiện chùa Linh Thấu-Berlin, với sự ủng hộ và đóng góp của rất nhiều vị hảo tâm, đã có những hoạt động về chương trình xe lăn, và nay trong tương lai thêm vào đó

Ban Từ Thiện chùa Linh Thứu sẽ có thêm chương trình mổ mắt, đem ánh sáng về cho người nghèo.

Ước mong rằng, sẽ luôn luôn đón nhận những tấm lòng từ ái ngày càng nhiều hơn, để tiếp tục chuyên chở và trang trải đến cho những con người đang mong đợi.

DANH SÁCH QUÍ VỊ HẢO TÂM ĐÓNG GÓP CHO CHŨNG TRÌNH XE LĂN

(Danh sách tiếp theo kỳ trước)

Gđ. Nguyễn Xuân Mai (Schweiz) 200DM. Bé Phi Phi (Karlsruhe) 200DM. Lê Kiều Trương (Germany) 200DM. Đoàn Cúc & Nguyễn Lan (Stuttgart) 200DM. Trần Viết Phương Trà (Stuttgart) 200DM. Trần Thị Thanh Tâm (Rodgau) 200DM. Ông Bà Châu Phi (USA) - Gđ. Lê Vân (Canada) - Lê Đức Thới (Belgique) 12.000BF. Ngô Nhân Lộc (USA) 100US. Ông Bà Đặng Quốc Khâu (Berlin) 200DM. Hội Người Việt Tự Do (Berlin) 600DM. Lê Châu Hương (San Jose) 100US. Nguyễn Quốc Thông (Bonn) 200DM. Nguyễn Văn Trạch (Niederhalle) 200DM. Lê Viết Hòa (Hòa Lan) 200DM. Quầy Hàng Tinh Thương chùa Viên Giác (đợt thứ 16) 200DM. Quầy Hàng Tinh Thương chùa Viên Giác (đợt thứ 17) 800DM. Nguyễn Bạch (Schweiz) 200DM. ĐPPT Chánh Niệm (Berlin) 200DM. Nguyễn Thị Thu Hà 200DM. Lê Bích Vân 50DM. Nguyễn Thị Hoàng Liên 50DM. Gđ. Cao Ngọc Trân (France) 200DM. Hoa Anh Quách (Belgique) 100DM. Nguyễn Victor (France) 5000FF. Sư Cô Hạnh Ân (Chùa Viên Giác) 200DM. Sư Cô Hạnh Châu, Sư Cô Hạnh Bình, Thầy Hạnh Hòa (Chùa Viên Giác) 200DM. Trần Wiriya (Bielefeld) 200DM. Trần Thiên Đoan (Berlin) 200DM. Trần Hiến Quý (Berlin) 200DM.

Mọi thư từ liên lạc, hoặc thắc mắc xin gửi về:

Chùa Linh Thứu

Pinneberger Weg 14 - 13581 Berlin - Germany
Tel. 030 - 367 11 287 / 88 hoặc: linh-thuu-tu@gmx.de

Trưởng mục chuyên tiền:

Buddh. Vietn. Gemeinde Berlin e.V
Deutsche Bank 24

BLZ 100 700 24 - Konto Nr. 075 047 0700

(Xin vui lòng ghi rõ ủng hộ cho chương trình xe lăn hay chương trình mổ mắt)

Ủy lạo sau mùa lũ

Cơn lũ đã qua lâu mà nước vẫn còn tràn ngập mênh mông trên những cánh đồng. Đối với nhà nông, đây là một thảm kịch dai dẳng, trùng lặp đã hai năm nay. Nhưng làm ruộng là nghiệp dĩ cha truyền con nối, người dân vùng lũ phải bám đất sinh sống, không còn biết phải đi đâu, về đâu!

Thế nhưng mọi thiên tai khổ ách ở quê hương đều chấn động lòng trắc ẩn của các Kiều bào, Phật tử, cho nên vừa qua được sự hỗ trợ của Chi Bộ Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Đức, Ni Sư Trụ Trì Chùa Linh Thứu-Berlin đã cùng chúng tôi đến hai xã Phú Hiệp - Phú Thành B, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp ủy lạo 300 phần quà đến tận tay đồng bào nghèo. Mỗi phần quà gồm có 10kg gạo, 13 gói mì, 2 chai dầu, quần áo cũ và 100.000\$VN.

Hãy nhìn những gương mặt hân hoan và nỗi vui tột cùng của đồng bào khi nhận quà, để biết rằng sự chia sẻ từ xa đã đến kịp lúc. Họ đã an tâm hơn, chắt chiu số tiền này, đợi một tháng nước hoàn toàn rút, mới làm

sạch ruộng đồng, chuẩn bị gieo mạ... Hôm ấy, ngày 30.11.2001, mặc dù trời chói chang nắng gắt, chúng tôi vẫn thấy nụ cười hiền hòa của thân mặt trời ban tặng xuống trần gian.

• NHƯ GIÁC



SANG ASIA - BISTRO

(Thai - China - Asia)

Địa điểm thuận lợi nằm trên đường trung tâm thành phố du lịch (Kur Nord)

Diện tích 110 m²

Tiền nhà : 1.100 Đức Mã + Kalt

Muốn biết thêm chi tiết xin liên hệ :

Tel. & Fax : 04403 98 49 81

THỂ THAO

NGƯỜI GIÁM BIÊN

Tạm biệt cầu trường đã lâu, lần này Người Giám Biên trở lại trên số báo Xuân để tường thuật về hoạt động của vài môn thể thao hầu cống hiến quý vị ham mộ đọc cho vui trong ba ngày Tết xa quê hương, thiếu pháo, thiếu nêu, thiếu cả tiếng trẻ đùa cười!

■ THỂ VẬN HỘI MÙA HÈ



- * Năm 2004 sẽ tổ chức tại Athen, thủ đô nước Hy Lạp.
- * Năm 2008 sẽ tổ chức tại Bắc Kinh, thủ đô nước Trung Quốc.

■ GIẢI VÔ

ĐỊCH BÓNG TRÒN THẾ GIỚI

- **Nam**
(từ 31.5 đến 30.6.2002)
- * Năm 2002 sẽ được tổ chức tại Nhật và Nam Hàn.
- * Năm 2006 sẽ được tổ chức tại Đức.
- **Nữ**
* Năm 2003 tại Trung Quốc, từ 28.9 đến 16.10.2003.

■ GIẢI VÔ ĐỊCH BÓNG TRÒN THẾ GIỚI NĂM 2002



Gần một năm đá vòng loại, 32 đội sau đây được sang Nhật và Nam Hàn đấu vòng chung kết vào tháng 6.2002.

Hai nước tổ chức miễn đá vòng loại: Nhật Bản và Nam Hàn

Đường kim vô địch miễn đá vòng loại: Pháp

- **Áu Châu:** Belgien - Đanemark - Germany - England - Italien - Kroatien - Polen - Portugal - Republik Irland -

Russland - Schweden - Slowenien - Spanien - Türkei.

- **Nam Mỹ:** Argentinien - Ecuador - Brasilien - Paraguay - Uruguay.
- **Á Châu:** China (Trung Quốc) - Saudi Arabien.
- **Phi Châu:** Kamerun - Nigeria - Senegal - Südafrika - Tunesien.
- **Bắc và Trung Mỹ:** Costa Rica - Mexico - USA.

■ BỐC THĂM CHIA TOÁN

(Ngày 01.12.2001 tại Pusan - Nam Hàn)

32 đội chia thành 8 toán, từ A đến H. Mỗi toán có 4 đội.

Trước hết: Ban Tổ Chức chọn 6 đội có thành tích quốc tế và 2 đội chủ nhà làm hạt nhân cho 8 toán là: France (đứng đầu toán A) - Spanien (B) - Brasilien (C) - Südkorea (D) - Germany (E) - Argentinien (F) - Italy (G) và Japan (H).

Thứ hai: Lấy 4 cái chậu tròn thủy tinh để đựng những quả banh tròn bằng nhựa, trong có bản tên của những quốc gia tham dự.

- **Châu 1:** đựng 8 quả banh tròn của 8 đội hạt nhân mang tên và chữ từ A đến H như đã ghi ở trên.
- **Châu 2:** đựng 11 đội ở Âu Châu là: England - Kroatien - Đanemark - Schweden - Portugal - Belgien - Irland - Russland - Türkei - Slowenien - Polen.
- **Châu 3:** đựng 5 đội ở Nam Mỹ + Á Châu là: Paraguay - Uruguay - Ecuador - China - Saudi-Arabien.
- **Châu 4:** đựng 8 đội ở Phi Châu + Bắc và Trung Mỹ là: Nigeria - Südafrika - Tunesien - Kamerun - Senegal - USA - Mexico - Costa-Rica.

Cách bốc thăm:

Bốn người đứng trước 4 cái chậu. Thí dụ: Người thứ nhất bốc một quả banh ở Chậu 1, mở ra có bản tên là Brasilien đứng đầu toán C. Người thứ hai, thứ ba và thứ tư lần lượt bốc một quả banh từ chậu 2 - 3 - 4 ra. Ba đội nào có tên đều nằm trong toán C. Cứ tiếp tục như vậy cho đến lần thứ năm thì cái chậu thứ hai còn lại 6 đội; Chậu thứ ba không còn đội nào. Khi đó người ta bốc may rủi 3 trong 6 đội còn lại ở Chậu hai bỏ vào Chậu ba; lúc này mỗi chậu (1, 2, 3, 4) chỉ còn lại 3 đội và tiếp tục bốc như lúc đầu cho đến hết.

Tại sao phải làm rắc rối như vậy? Tại vì để tránh những đội giỏi nằm cùng một toán, đá loại nhau ở vòng đầu, khi vào vòng trong sẽ mất hào hứng, và

những đội của các Châu cũng có trong các toán.

■ KẾT QUẢ BỐC THĂM

- **Toán A:** France (đương kim vô địch) - Senegal - Uruguay - Đanemark.
 - **Toán B:** Spanien - Slowenien - Paraguay - Südafrika.
 - **Toán C:** Brasilien - Türkei - China - Costa-Rica.
 - **Toán D:** Südkorea (nước tổ chức) -
 - **Toán E:** Germany - Saudi-Arabien - Irland - Kamerun.
 - **Toán F:** Argentinien - Nigeria - England - Schweden.
 - **Toán G:** Italien - Ecuador - Kroatien - Mexico.
 - **Toán H:** Japan (nước tổ chức) - Belgien - Russland - Tunesien.
- Nhìn vào các đội nằm trong các toán, Người Giám Biên có thể dự đoán một phần nào các đội sau đây sẽ lọt vào Vòng II (Achtelfinale) France - Đanemark - Spanien - Paraguay - Brasilien - Türkei - Polen - Portugal - Germany - Kamerun - Argentinien - England - Italien - Kroatien - Belgien - Russland.

Nói về đội Đức nằm trong toán E, dù có đứng nhất hay nhì trong toán, vào Vòng II cũng sẽ phải đụng với Argentinien hay là England nằm trong toán F. Đội Đức rất kỹ giở kỹ càng với hai đội này. Hãy chờ xem, từ vòng này các trận đấu đều hấp dẫn hồi hộp v.v...

■ LUẬT MỎI:

Kể từ giải vô địch 2006 tại Đức, đội vô địch năm 2002 sẽ không được miễn đấu vòng loại. Chỉ có đội của nước tổ chức mới được miễn mà thôi.

■ KHAI MẠC

Trận đá khai mạc sẽ xảy ra tại vận động trường ở Seoul ngày 31.5.2002 giữa đội France với Senegal.

■ THỂ THỨC ĐẤU

- **Vòng I (Vorrunde)**
Mỗi toán có 4 đội. Mỗi đội phải đá ba trận - Hai đội nhất nhì vào vòng II. Hai đội hạng ba và tư bị loại.
- **Vòng II (Achtelfinale) còn lại 16 đội.**
Kể từ vòng này tranh theo thể thức K.O.
Đội nhất toán A đụng đội nhì toán B
Đội nhất toán B đụng đội nhì toán A
Đội nhất toán C đụng đội nhì toán D

Đội nhất toán D đụng đội nhì toán C
 Đội nhất toán E đụng đội nhì toán F
 Đội nhất toán F đụng đội nhì toán E
 Đội nhất toán G đụng đội nhì toán H
 Đội nhất toán H đụng đội nhì toán G

• **Vòng Tứ Kết (Viertelfinale)** còn lại 8 đội.

Đội thắng **A - B** đụng đội thắng **C - D** (1)
 Đội thắng **B - A** đụng đội thắng **D - C** (2)
 Đội thắng **E - F** đụng đội thắng **G - H** (3)
 Đội thắng **F - E** đụng đội thắng **H - G** (4)

• **Vòng Bán Kết** còn lại 4 đội.

Đội thắng 01 đụng đội thắng 03
 Đội thắng 02 đụng đội thắng 04

• **Chung Kết (Finale)**

đá tại vận động trường Tokyo ngày 30.6.2002

Hai đội thắng tranh vô địch và hạng nhì

Hai đội thua tranh hạng 3.

Trong vòng 68 năm, 16 lần tổ chức, các đội tuyển quốc gia sau đây đã đoạt chức vô địch:

1930 tại Uruguay

Uruguay hạ Argentinien 4 : 2

1934 tại Ý

Ý hạ Tiệp Khắc (đá thêm giờ) 2 : 1

1938 tại Pháp

Ý hạ Ungarn (Hung Gia Lợi) 4 : 2

1942-1946 không tổ chức vì chiến tranh thế giới lần thứ II.

1950 tại Brasilien

Uruguay hạ Brasilien 2 : 1

1954 tại Thụy Sĩ

Đức hạ Ungarn 3 : 2

1958 tại Thụy Điển

Brasilien hạ Thụy Điển 5 : 2

1962 tại Chile

Brasilien hạ Tiệp Khắc 3 : 1

1966 tại Anh

Anh hạ Đức (đá thêm giờ) 4 : 2

1970 tại Mexico

Brasilien hạ Ý 4 : 1

1974 tại Đức

Đức hạ Hòa Lan 2 : 1

1978 tại Argentinien

Argentinien hạ Hòa Lan (đá thêm giờ) 3 : 1

1982 tại Spanien

Ý hạ Đức 3 : 1

1986 tại Mexico

Argentinien hạ Đức 3 : 2

1990 tại Ý

Đức hạ Argentinien 1 : 0 (do trái phạt đền A. Brehme đá)

1994 tại Mỹ

Brasilien hạ Ý (đá thêm giờ) 3 : 2

1998 tại Pháp

Pháp hạ Brasilien 3 : 0

Về thành tích thì Ba Tây 4 lần đoạt cúp - Đức 3 lần - Ý 3 lần - Uruguay 2 lần v.v... Nhưng lần tranh vòng loại kỳ này trong 10 đội của Nam Mỹ, Ba Tây đứng hạng 3 sau Argentinien và

Ecuador. Nhờ đá trận cuối cùng thắng Venezuela, nếu không thì không được vé đi Á Châu. Nam Mỹ có 10 đội nhưng chỉ lấy có 4 đội đứng đầu là Argentinien - Ecuador - Brasilien - Paraguay. Còn đội thứ năm là Uruguay phải đụng đội hạng nhất ở Châu Đại Dương là Úc.

Ngày 20.11.2001, trên 85 ngàn khán giả Úc tại vận động trường Melbourne Úc hạ Uruguay tỷ số 1 : 0 nhờ quả phạt đền.

Ngày 25.11.2001 trước sự ủng hộ nồng nhiệt của 65 ngàn khán giả Uruguay tại vận động trường Centenario-Montevideo đội Uruguay hạ Úc 3 : 0 được vé đi Nhật và Nam Hàn, còn Úc trở về tập dượt để chuẩn bị cho năm 2006 được tổ chức tại Đức.

Riêng đội Đức 3 lần vô địch, 2 lần vào chung kết giải thế giới, nhưng ở vòng loại suýt chút nữa bị K.O. Số là đội Đức do ông Rudi Völler làm Trưởng đội (Team Chef), ông Skibbe làm Huấn luyện viên, đứng trong toán 9 gồm có Đức - Anh - Phần Lan - Hy Lạp và Albanien.

Ngày:

-02.09.2000 - Đức - Hy Lạp 2 : 0

-07.10.2000 - Anh - Đức 0 : 1

-24.03.2001 - Albanien - Đức 1 : 2

-28.03.2001 - Hy Lạp - Đức 2 : 4

-02.06.2001 - Phần Lan - Đức 2 : 2

-06.06.2001 - Đức - Albanien 2 : 0

-01.09.2001 - Đức - Anh 1 : 5

-06.10.2001 - Đức - Phần Lan 0 : 0

Đội Đức đá 8 trận: 5 thắng, 2 hòa, 1 thua được 17 điểm. Bàn thắng - thua 14:10 = sai biệt 4.

Trong khi Anh đá 8 trận, cũng 5 thắng, 2 hòa, 1 thua, được 17 điểm. Nhưng bàn thắng - thua 16:6 = sai biệt 10 nên đứng hạng nhất.

Xếp hạng toán 9

1. Anh 8 - 5 - 2 - 1 - 16: 6 = 17 điểm

2. Đức 8 - 5 - 2 - 1 - 14:10 = 17 điểm

3. Phần Lan
8 - 3 - 3 - 2 - 12: 7 = 12 điểm

4. Hy Lạp
8 - 2 - 1 - 5 - 7:17 = 7 điểm

5. Bào Gia Lợi
8 - 1 - 0 - 7 - 5:14 = 3 điểm

Theo thể lệ thì 9 đội đứng nhứt của 9 toán ở Âu Châu được vào thẳng vòng chung kết. Còn 8 đội hạng nhì có số điểm cao được chia làm 4 cặp đụng nhau 2 lượt (Đi và Về). Đội thắng sẽ được vào vòng chung kết. Còn đội thứ nhì hạng 9 ít điểm nhất trong 9 toán sẽ đụng một đội hạng 3 ở Á Châu. Tại sao phải đá như vậy? Tại vì ở Âu Châu có 50 đội chia làm 9 toán. Ban Tổ Chức chỉ dành có 13 đội được tham dự giải mà thôi. 9 đội đứng nhất đã được

chọn, chỉ còn lại 4 đội, nên 8 đội hạng nhì phải tranh nhau để còn lại 4 đội mà thôi.

Đội Đức đứng hạng nhì toán 9 đụng với Ukraine đứng hạng nhì ở toán 5.

Ngày 10.11.2001

Ukraine - Đức 1 : 1

Ngày 14.11.2001

Đức - Ukraine 4 : 1

Hú hồn! trong cái rủi cũng có cái may, nhờ đá thêm 2 trận nữa mà Tổng Cuộc Bóng Tròn Đức thêm cho quỹ trên mười triệu Đức Mã. Tuy nhiên, theo nhận xét của ông Günter Netzer, một nhà bình luận chuyên nghiệp về bóng tròn, dù Đức có vào được vòng chung kết may mắn thì cũng bỏ đến hạng 5 là cao. Hãy chờ xem. Vì từ nay đến ngày khai mạc còn trên 6 tháng nữa, đội Đức sẽ đá giao hữu 5 trận để rút kinh nghiệm: Israel ngày 13.02.2002 tại Tel Aviv. USA ngày 27.03.2002 tại Rostock. Áo ngày 17.4 tại Stuttgart còn hai đội Kamerun và Argentinien chưa ấn định ngày.

■ **CHUYỆN XẢY RA NGOÀI DỰ TRÙ**

Số là sau cuộc khủng bố khủng khiếp ngày 11.09.2001 tại New York, Đại công ty Bảo hiểm AXA đã hủy bỏ hợp đồng ký với Tổng Cuộc Túc Cầu Thế Giới (TCTCTG = FIFA) về việc bảo hiểm giải vô địch bóng tròn thế giới vào tháng 6/2002 tại Nhật Bản và Nam Hàn. Số tiền bảo hiểm lên đến 1,5 tỷ Đức Mã.

Theo ông Joseph Blätter (Thụy Sĩ), Chủ Tịch TCTCTG cho biết số tiền thâm vào cho giải này dự trù là 1,8 tỷ quan Thụy Sĩ (Franken) độ 2,3 tỷ Đức Mã. Ông nói là ông đang điều đình với hãng bảo hiểm, đồng thời ông kêu gọi các quốc gia có đội cầu tham dự giải này hãy cùng ông tìm biện pháp để giải tỏa tình trạng khó khăn này. Tuy nhiên ông nói, dù thế nào đi nữa thì TCTCTG cũng cho tiến hành giải vô địch, nhưng sẽ gặp nhiều rủi ro, mạo hiểm.

■ **GIẢI VÔ ĐỊCH BÓNG TRÒN 2006**

Để chuẩn bị cho giải vô địch bóng tròn 2006, những vận động trường hiện có của Đức cần phải tu sửa lại hay xây dựng cái mới cho đúng tiêu chuẩn của TCTCTG ấn định. Mỗi sân phải chứa được ít nhất trên 30.000 khán giả, đầy đủ tiện nghi và hệ thống an ninh v.v... Từ lâu, Hội đồng Quản trị đội Bayern München và đội 1860 München muốn xây dựng một vận động trường mới tới

tân hơn cái hiện có ở khu ngoại ô Fröttmaning, nhưng bị dân chúng phản đối, vì họ cho là làm hại môi sinh.

Vừa rồi, việc này được đưa ra hỏi ý kiến dân. Kết quả có 221.897 người Thuận (65,8%); 115.502 người Chống (34,2%). Như vậy là trong tương lai München sẽ có một vận động trường tối tân và lớn nhất nước Đức, có sức chứa 69.000 khán giả. Chi phí xây dựng là 400 triệu Đức Mã do đội Bayern München và đội 1860 München chịu, 320 triệu Đức Mã do quỹ thành phố, Tiểu Bang và Liên Bang đài thọ để xây cất hạ tầng cơ sở như đường giao thông, điện nước, xe điện ngầm v.v... Tổng cộng là 720 triệu Đức Mã.

Ngoài ra, Hannover thủ phủ Tiểu Bang Niedersachsen, Hội đồng Thành phố cũng đã chấp thuận một ngân khoản 120 triệu Đức Mã để tu sửa lại vận động trường hiện có.

■ NEW YORK - MARATHON

Mặc dù dân chúng còn đang bàng hoàng, hoảng hốt về cuộc khủng bố ngày 11.9.2001. Ngày 4.11.2001, ông Giuliani, Thị Trưởng New York vẫn cho tổ chức cuộc chạy đua đường trường (Marathon) theo thông lệ hàng năm.

Vài con số

- Đường dài 42,195 cây số (26,3 dặm Anh)
- Trên 30 ngàn tham dự viên của 35 quốc gia
- 2.828 nhân viên cảnh sát đứng dọc theo lộ trình
- 1,750 nhân viên y tế
- 1,5 triệu ly nhựa và bình nylon đựng nước được sử dụng
- 2 triệu khán giả đứng theo lộ trình xem tận mặt cuộc chạy đua.
- 70 triệu người trên thế giới xem TV
- 114 lá cờ quốc tế được treo tại nơi xuất phát.

• Kết quả

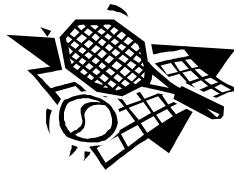
Nam: Anh Tesfaye Jifar người Ethiopia với 2 giờ 7 phút 43. Anh phá kỷ lục của anh Juma Ikangaa người Tanzania tạo năm 1989 với 2 giờ 08 phút 01.

Nữ: Cô Margaret Okayo người Kenia với 2 giờ 24 phút 16. Cô phá kỷ lục của cô Lisa Ondieki người Úc tạo năm 1992 với 2 giờ 24 phút 40 (xuýt soát chỉ có 14 giây!)

• Phần thưởng

Mỗi người Nam hoặc Nữ về nhất được 100.000 Mỹ kim cộng thêm 20.000 Mỹ kim tiền thưởng phá kỷ lục. Tổng cộng mỗi người được 120.000 Mỹ kim.

QUẦN VỢT



Những cây vợt bên Nam cũng như bên Nữ đã một thời tung hoành trên sân nay phải nhường lại cho đàn em lên thay thế theo định luật: Tre tàn măng mọc.

Bên Nam anh Sampras (28 tuổi, Mỹ) cây vợt số 1 thế giới mấy năm liền, bây giờ tuột xuống hạng 10.

Bên Nữ, cô Martina Hingis (23 tuổi, Thụy Sĩ) từ số 1 rớt xuống số 4 và có chiều hướng tuột nữa.

Những cây vợt đang lên bên Nam có anh Lleyton Hewitt (20 tuổi - Úc) vừa đoạt giải vô địch thế giới, nhảy lên số 1 thế giới, mới có 20 tuổi, 3 tháng, 23 ngày, là cây vợt nhỏ tuổi nhất từ trước tới nay. Anh Carlos Ferrero (19 tuổi - Tây Ban Nha), anh Sebastien Grosjean (20 tuổi - Pháp) là những tay vợt có nhiều triển vọng thay thế Agassi (Mỹ), Kafelnikow (Nga) v.v...

Còn bên Nữ những cây vợt trẻ đang lên vùn vụt như Lindsay Davenport (21 tuổi - Mỹ), Kim Clijsters (19 tuổi - Bỉ), Justine Henin (20 tuổi - Bỉ), Jelena Dokic (20 tuổi - Nam Tu) và hai chị em nhà Williams (Mỹ).

Đức chỉ có cô Anke Huber đứng hạng 18, nhưng đã tuyên bố giải nghệ, còn các cô khác đứng từ hạng 43 trở xuống. Còn bên Nam thì chỉ có anh Tommy Haas (23 tuổi) đứng hạng 8, còn các cây vợt khác đứng từ hạng 41 trở xuống. Biết đến bao giờ Đức mới lấy lại được thành tích của môn banh nỉ như thời cô Graff Steffi, anh Boris Becker và Michael Stich. Vì hiện giờ chưa thấy mầm non nào xuất hiện cả!

• Sa ngã biết tự vươn lên

Trong đời cầm vợt không có cô nào giống như cô Jennifer Capriati. Mới 14 tuổi đã bước chân vào nhà nghề, được miễn tuổi để tham dự giải Grand Slam (giải này phải là 15 tuổi trở lên). Báo chí gọi cô là thần đồng. 16 tuổi cô đoạt huy chương vàng ở Thế Vận Hội mùa hè sau khi hạ cô Graf Steffi. Hễ có tài thì hay sanh chứng. 17 tuổi bắt đầu sa đọa với xi-ke ma-túy, bụi đời v.v... 18

tuổi hết tiền, đi ăn cắp ở siêu thị bị bắt, bị đưa đi trung tâm cai nghiện. Trong gần 4 năm lang thang như vậy, sang năm 1999, lúc cô 22 tuổi, cô quyết tâm từ bỏ sau lưng tất cả lỗi lầm, nhất định làm lại cuộc đời. Cô bắt đầu cầm vợt lại và ra công tập dượt, trong vòng chưa đầy 2 năm từ hạng dưới 200, cô bò lên 1 trong 10 cây vợt đứng đầu thế giới (Top ten). Năm 2001, cô đoạt chức vô địch liên tiếp hai giải Grand Slam là Australian Open và French Open. Tháng 9.2001 cô nhảy lên hạng số 1 thế giới, được lãnh một cái Cúp dành cho người có nhiều nghị lực, đã sa ngã biết tự vươn lên. Hạng này cô bị cô Lindsay Davenport đoạt vào tháng 11.2001.



(Cô Jennifer Capriati)

MƯỜI TAY VỢT ĐỨNG ĐẦU THẾ GIỚI

(có giá trị từ 26.11.2001)

• Nữ

1. Lindsay Davenport (Mỹ) 4902 điểm
2. Jennifer Capriati (Mỹ) 4892 điểm
3. Venus Williams (Mỹ) 4128 điểm
4. Martina Hingis (Thụy Sĩ) 3944 điểm
5. Kim Clijster (Bỉ) 3265 điểm
6. Serena Williams (Mỹ) 3004 điểm
7. Justine Henin (Bỉ) 2989 điểm
8. Jelena Dokic (Nam Tu) 2780 điểm
9. Amelie Mauresmo (Pháp) 2765 điểm
10. Monica Seles (Mỹ) 2306 điểm

• Nam

1. Lleyton Hewitt (Úc) 873 điểm
2. Gustavo Kúrtén (Ba Tây) 771 điểm
3. André Agassi (Mỹ) 704 điểm
4. Jewgeni Kafelnikow (Nga) 618 điểm
5. Juan Carlos Ferrero (Tây Ban Nha) 608 điểm
6. Sebastien Grosjean (Pháp) 558 điểm
7. Patrik Rafter (Úc) 557 điểm
8. Tommy Haas (Đức) 457 điểm
9. Tim Henman (Anh) 420 điểm
10. Pete Sampras (Mỹ) 388 điểm

Bài tham luận
của Đức Ông
Philippe Trần Văn Hoài
VỀ TỰ DO TÔN GIÁO
VIỆT NAM
ngày 21.10.2001 tại Paris

Kính gửi:

- **Bác sĩ Nguyễn Duy Tài, Ủy Ban Liên Lạc TG Âu Châu**
- **Quý vị lãnh đạo tinh thần các tôn giáo**
- **Quý vị thành viên của UBLL TG Âu Châu**
- **Toàn thể quý vị Cử sĩ, Đạo hữu, Tín hữu các tôn giáo**

Lời đầu tiên tôi được hân hạnh gửi đến toàn thể quý vị họp mặt trong buổi hội thảo hôm nay là lời chào mừng trong niềm tin tôn giáo đồng thời với lời chúc mừng thành công.

Buổi hội thảo về tự do tôn giáo cho Việt Nam được tổ chức tại Paris, thủ đô ánh sáng của một dân tộc tiên phong trong cuộc cách mạng đòi hỏi các nhu cầu căn bản của con người, đang mang nặng ý nghĩa vừa lịch sử vừa nhân bản cũng như về tôn giáo.

Dân tộc Pháp, trong cuộc Cách mạng 1789, đã đòi hỏi cho con người 3 nhân quyền nền tảng nhân bản là: Tự do (liberté), Bình đẳng (Egalité), và Tình huynh đệ (Fraternité). Ba nhân quyền này được chứa đựng và giải thích trong bản văn gọi là "*Déclaration des droits de l'homme et du citoyen du 26.8.1789*".

Trong bối cảnh địa lý lịch sử đầy ý nghĩa này, tôi cầu chúc cho buổi Hội Thảo đạt được kết quả mỹ mãn, ngõ hầu cứu nguy được dân tộc Việt Nam thân yêu của chúng ta khỏi cuộc sống tối tăm than đau khổ như thực tại

đang xảy ra trước mắt chúng ta tại quê nhà.

Lời thứ hai tôi muốn gửi đến quý vị là lời xin lỗi. Bác sĩ Nguyễn Duy Tài đã dành cho tôi vinh dự tham gia cuộc hội thảo. Vừa nhận được tin này tôi đã không ngần ngại nhận lời. Nhưng vì một hoàn cảnh bất trắc do tình trạng sức khỏe gây ra, tôi phải buộc lòng làm phiền quý vị mà từ chối. Nhưng từ chối không có nghĩa là chúng ta không sát cánh nhau để chu toàn sứ mạng tôn giáo và trách nhiệm nặng nề đối với quốc gia dân tộc.

Để minh chứng một cách cụ thể lời gần bó này, tôi xin gửi đến quý vị một vài ý kiến thô thiển mong đóng góp được phần nào với công việc của toàn thể quý vị.

Kính thưa toàn thể quý vị,
Mục đích buổi hội thảo của chúng ta hôm nay là tìm cách lấy lại quyền tự do tôn giáo đã bị Nhà nước Xã Hội Chủ Nghĩa tước đoạt và chà đạp. Tôn giáo là yếu tố căn bản xây dựng nhân phẩm con người; tôn giáo là sức mạnh thiêng liêng xây dựng một xã hội đạo đức lành mạnh. Khi một quốc gia dân tộc loại bỏ tôn giáo ra ngoài lề cuộc sống, thì chính quốc gia dân tộc ấy tự dẫn mình vào khổ đau, vào sa đọa về mọi mặt và cuối cùng vào bước diệt vong như chúng ta đang thấy hiện tình đất nước của chúng ta. Toàn thể các nước Âu Châu này đang vẫy vùng trong một cơn khủng hoảng trầm trọng vì nguyên do nào? Phải chăng vì họ đã loại bỏ tôn giáo ra ngoài lề cuộc sống để chạy theo hưởng thụ vật chất?

Xã Hội Chủ Nghĩa không những chủ trương loại bỏ tôn giáo ra ngoài lề cuộc sống, ngược lại họ còn cho tôn giáo là kẻ thù số một phải tiêu diệt, vì họ chủ trương không có Đấng trên đầu trên cổ, họ vô thần vì thế họ tự cho mình là vô đạo. Tai ương khốn đốn do một chính sách cai trị vô thần, vô đạo đổ xuống trên một dân tộc thật vô lương, vô tận. Chúng ta hãy nhìn lui 4000 năm lịch sử oai hùng của dân tộc chúng ta, chúng ta sẽ thấy rõ.

Lịch sử của một dân tộc là một chuỗi dài ngày tháng ghi lại các biến cố của dân tộc ấy trong việc bảo vệ và phát triển quê hương xứ sở của mình. Trên đường tiến này, lịch sử dân tộc Việt Nam đã được đánh dấu với 3 mốc

điểm rất quan trọng. Đó là 3 thời đô hộ:

- 1000 năm đô hộ giặc Tàu
- 100 đô hộ giặc Tây, và
- 50 đô hộ giặc Cộng

Trong suốt thời kỳ đô hộ giặc Tây giặc Tàu, dân tộc Việt Nam thật làm than đau khổ đủ mọi mặt như chúng ta thấy được ghi lại trong sử sách, và nhất là được mô tả lại cặn kẽ trong các bộ tiểu thuyết của "Tự Lực Văn Đoàn". Nhưng họ còn chút nhân đạo. Vì họ là những dân tộc có một nền văn hóa được xây dựng trên nền tảng các giá trị tôn giáo. Dân tộc Tàu có nền văn hóa Khổng Mạnh; dân tộc Tây có nền văn hóa công giáo.

Đô hộ Tàu đã để lại cho dân tộc chúng ta những giá trị đạo đức để bổ túc cho nền văn hóa của chúng ta như đạo nhân nghĩa để sống trong xã hội, tam cương ngũ thường để trau dồi cuộc sống cá nhân và các mối tương giao trong gia đình. Về mặt trí thức họ dạy cho chúng ta biết mở mang trí tuệ bằng cách học đọc học viết để học hỏi các tư tưởng của Thánh hiền. Về mặt kinh tế họ dạy cho chúng ta biết cày ruộng, gieo giống.

Đô hộ Tây cũng đã để lại cho chúng ta không ít trong các lãnh vực văn hóa cũng như trong các lãnh vực y tế, kinh tế, tôn giáo và xã hội.

Chúng ta không ca ngợi một nền đô hộ nào hết; chúng ta chỉ nói lại một cách khách quan các sự kiện mà các sử sách còn để lại. Chúng ta lên án mọi nền đô hộ vì nó ngược lại với quyền tự do của con người, nhưng chúng ta cũng có bổn phận phải nhìn nhận sự thật và biết ơn những kẻ làm ơn cho chúng ta.

Một điều đau lòng buộc chúng ta phải nói lên ở đây là 2 nền đô hộ Tàu Tây đã không lấy quyền đô hộ của họ mà bịt miệng người dân không cho họ ăn khi họ đói, uống khi khát bằng một cách cai trị vô nhân đạo là hệ thống "Hộ khẩu". Họ cũng không trắng trợn cướp lột của cải người dân bằng hệ thống "Vùng kinh tế mới".

Vậy 50 năm đô hộ Cộng đã để lại gì cho dân tộc Việt Nam?

Một dân tộc nghèo đói nhất thế giới?

Một dân tộc lạc hậu nhất thế giới?

Chẳng những thế, họ còn tàn phá tiêu tan tất cả gia sản tinh thần, vật chất mà thiên nhiên cũng như ông bà tổ tiên đã để lại cho chúng ta. Ai trong chúng ta mà không thấy những tàn phá của Cộng Sản trong địa hạt văn hóa đạo đức, trong nền kinh tế quốc gia. Các nguồn lợi thiên nhiên như lâm sản, hải sản bây giờ còn lại gì ?

Người dân Việt Nam hôm nay là một con người nghèo đói, cơm không có đủ ăn no, áo không có đủ mặc ấm. Xã hội Việt Nam hôm nay là một xã hội sa đọa, đầy dẫy tệ đoan và tội ác.

Kính thưa quý vị,

Tại sao giặc Cộng lại tàn phá Việt Nam một cách thâm như thế ?

Vì họ vô tôn giáo nghĩa là vô đạo. Tôn giáo là mục thước, là dây cương kìm hãm dục vọng con người. Một khi dây cương ấy bị đứt, thì con người không chỉ làm điều ác, mà con người chính là hiện thân của điều ác.

Chúng ta thử phân tích 4 chữ "Đấu tranh giai cấp" thì thấy rõ. Thường tình một nhà nước cai trị dân, phải dạy cho dân ăn ngay ở lành. Ngược lại, nhà nước chủ nghĩa xã hội dạy cho dân phải thù hận nhau, phải đấu tố nhau, phải chém giết nhau !

Ai có thể chống đối, đi ngược lại với chính sách cai trị vô nhân đạo này ? Chỉ có sức mạnh các tôn giáo. Muốn thực hiện được chính sách này, phải tiêu diệt các tôn giáo. Điều này không phải chỉ có Cộng Sản mới thấy, nhưng chúng ta mọi người đều thấy. Vì thế, vừa khi nắm được chính quyền toàn lãnh thổ Việt Nam, họ lập tức thi hành chính sách tiêu diệt các tôn giáo. Hơn 25 năm qua, nghĩa là từ ngày 30.4.75 đến nay, họ đã dùng mọi thủ đoạn, mọi phương pháp để làm tan rã lực chống đối của các tôn giáo. Nhưng họ đã thất bại hoàn toàn.

Nhưng cuối cùng họ đã phát minh ra một phương cách thần diệu mà chúng tôi muốn trình bày sau đây. Đó là bệnh Liệt-kháng thời đại.

Tạo hóa dựng nên thể xác con người gồm có bộ phận sinh trường, có bộ phận đề phòng bệnh hoạn gọi là kháng thể. Nhờ các kháng thể mà các vi trùng hay vi khuẩn mang bệnh không thâm nhập được cơ thể con người để có thể được tự do nảy nở. Nhưng khi các kháng thể trong con người bị tê liệt, lúc ấy con người phải mang bệnh. Nguyên tắc chữa bệnh là giúp cho các kháng thể có đủ sức

mạnh để tiêu diệt các vi trùng hay vi khuẩn mang bệnh vào cơ thể.

Cuối thế kỷ 20, xuất hiện ở Phi Châu một thứ vi khuẩn gọi là Hiv-Aid. Một khi nó xâm nhập vào cơ thể con người, nó làm cho các kháng thể bị tê liệt hoàn toàn. Người bị bệnh chỉ còn đợi chết. Bệnh này vì thế được gọi là bệnh Liệt-kháng. Theo tin tức của Hội Y Sĩ Việt Nam tại Hoa Kỳ thì ở Việt Nam hiện nay có đến 33.000 người bị bệnh Liệt-kháng. Riêng thành phố Sài Gòn đã có đến 7730 người.

Xã hội con người được tổ chức như một cơ thể, và giá trị đạo đức của các tôn giáo là kháng thể độc nhất có đủ sức để chống lại các vi khuẩn tội lỗi do dục vọng con người tạo ra.

Như chúng ta thấy, hôm nay tại Việt Nam, một số các vị lãnh đạo tinh thần các tôn giáo đã bị mắc phải bệnh liệt kháng này. Bằng chứng rõ ràng là trước đòi hỏi tự do tôn giáo của các Hòa Thượng Quảng Độ, Huyền Quang, của Linh mục Nguyễn Văn Lý, các vị lãnh đạo tinh thần trong nước chẳng có một ai lên tiếng ủng hộ, và vì thế mà các tiếng kêu cứu ấy bị tắt nghẽn, như tiếng kêu trong sa mạc.

Kính thưa quý vị,

Nhà nước xã hội chủ nghĩa đã phát sinh được vi khuẩn Hiv-Aids nào để đạt được kết quả như ngày hôm nay là tiêu diệt được kháng thể tôn giáo ?

Theo tôi thiết nghĩ, chính buổi Hội Thảo của chúng ta hôm nay có bốn phận phải tìm ra câu giải đáp này. Vì chỉ có câu giải đáp này mới có thể đem lại tự do tôn giáo cho dân tộc chúng ta. Vì thế buổi Hội Thảo này mang một tính cách rất quan trọng.

Tôi xin đưa ra một vấn nạn: Khi mà một số quý vị lãnh đạo tinh thần các tôn giáo đã bị lâm vào cơn bệnh Liệt kháng, phải chăng đã đến lúc tất cả cộng đồng các Cư sĩ, các Đạo hữu, các Tín hữu của mọi tôn giáo phải ngồi lại với nhau để tạo ra một tổ chức để tiếp tay cho các vị lãnh đạo tinh thần của chúng ta ?

Một lần nữa tôi xin cáo lỗi với toàn thể quý vị và thành tâm chúc toàn thể quý vị đạt được nhiều kết quả mỹ mãn trong nỗ lực chu toàn sứ mệnh tôn giáo và trong nghĩa vụ đối với quốc gia dân tộc.

Thành kính bái chào,

Đức ông Phil. Trần Văn Hoài

Quyết Nghị qua buổi Hội Thảo về Tự Do Tôn Giáo tại Việt Nam (ngày 21.10.01 tại Paris)

Hôm nay ngày 21.10.2001, chúng tôi, Tu sĩ thuộc các tôn giáo lớn tại Việt Nam cùng đồng đạo đồng hương thuộc đủ thành phần trong xã hội quy tụ tại Hội Trường Maurice Ravel thuộc quận 12, Paris, Pháp quốc. Sau khi nghe thuyết trình và thảo luận tìm hiểu sâu xa về tình hình tôn giáo bị đàn áp ở quê nhà. Việc này trước đây đã có bao nhiêu lần hội họp thảo luận đề đạt kiến nghị. Nhưng tình hình vẫn không thay đổi mà ngược lại còn nặng nề, bi đát hơn, nhất là trong thời gian gần đây. Một việc cụ thể chỉ mới cách đây 2 hôm, tức vào ngày 19.10.2001 Linh Mục Nguyễn Văn Lý đã bị đưa ra xét xử trong một phiên tòa bí mật tại Huế với một bản án 15 năm tù, cộng với 5 năm quản chế. Phiên tòa xử kín không đầy 2 tiếng đồng hồ không có luật sư biện hộ, không có đại diện của Tòa Tổng Giám Mục địa phận Huế. Và chính Linh mục Lý cũng không được quyền tự biện hộ. Một phiên tòa như thế chỉ có thể xảy ra ở một nước chiến tranh độc tài, phát-xít, xem dân chủ tự do như những tờ giấy lộn. Ngược lại, ở đây, cũng trong tháng 10.2001, Thượng Viện Quốc Hội Hoa Kỳ đã biểu quyết thông qua (4.10.2001) Hiệp Ước Thương Mãi Song Phương Mỹ Việt và Tổng Thống Mỹ vừa ký ban hành, coi nước Việt Nam hiện tại là một nước bình thường để Hoa Kỳ bang giao về mọi mặt chính trị cũng như kinh tế thương mại. Đó là một điều nghịch lý tương phản và khó hiểu. Một bên Hoa Kỳ coi Việt Nam như một nước bình thường để bang giao, hợp tác. Một bên Việt Nam vẫn hành xử như một nước không bình thường, không có luật lệ, không cần luật lệ, không biết tới những khái niệm nhân quyền, dân chủ là gì trong khi chính họ đã đặt bút ký vào Công Ước về quyền Dân Sự và Chính Trị của Liên Hiệp Quốc ngày 24.8.1982.

Đó là sự kiện mới nhất và lạ lùng nhất. Còn kể lại sơ lược từ trước đến nay, Đảng và Nhà nước Cộng Sản Việt Nam đã có những hành vi bách hại, đàn áp đối với các tôn giáo.

1/- Bức hại triệt tiêu Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, giam giữ bất hợp pháp chủ vị lãnh đạo tối cao của Giáo Hội này là Hòa Thượng Thích Huyền Quang (83 tuổi), Hòa Thượng Thích Quảng Độ. Ngày 2.9.2001 Huỳnh Trường Hồ Tấn Anh đã tị thiêu tại Đà Nẵng để phản đối chánh sách đàn áp, tiêu diệt Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất của Đảng và Nhà nước Cộng Sản Việt Nam.

2/- Không chế Giáo Hội Công Giáo, ngăn trở việc tuyển sinh, bổ nhiệm Giám Mục, Linh Mục, bắt giam hành xử thô bạo và xử án vô nhân đạo đối với Linh mục Nguyễn Văn Lý.

3/- Trù dập Giáo Hội Phật Giáo Hòa Hảo, bắt bớ hành hạ và giam giữ nhiều chức sắc và tín đồ Hòa Hảo. Cụ bà Nguyễn Thị Thu một tín đồ Giáo Hội Hòa Hảo đã tị thiêu 19.3.2001 để phản đối chánh sách của Cộng Sản Việt Nam đàn áp Phật Giáo Hòa Hảo tại Việt Nam.

4/- Triệt tiêu Cao Đài Giáo bằng cách tạo dựng ra một Hội Đồng Chuông Quản quốc doanh để thay thế Hội Thánh Nguyên Thủy, truất bỏ các quyền hành chánh yếu của 2 cơ quan Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài, biến chất giáo lý, vi phạm luật đạo và phạm phong chức sắc.

5/- Cấm đoán, đàn áp Giáo Hội Tin Lành. Vào những tháng đầu năm 2001, các sắc dân thiểu số tại Tây Nguyên miền Trung biểu tình đòi tự do tôn giáo. Hầu hết họ là tín đồ Đạo Tin Lành Việt Nam bị đàn áp, bắt bớ và đem ra xét xử trong phiên tòa môi đây tại Tây Nguyên với những bản án nặng nề.

6/- Chiếm lĩnh trái phép chùa chiền, nhà thờ, thánh thất và bất động sản của các tôn giáo. Cụ thể gần đây nhất qua thủ phản đối của Giám mục Phạm Minh Mẫn ngày 31.8.2001 cho biết Nhà nước Cộng Sản Việt Nam đã chiếm lĩnh và ra lệnh xây cất trái phép Trường Bình Phước, nay là Trường Phạm Văn Chí, quận 6, Sài Gòn, vốn thuộc sở hữu của Tòa Giám Mục Sài Gòn.

Đồng thanh quyết nghị :

1)- Đảng và Nhà nước Cộng Sản Việt Nam phải trả tự do tức khắc và vô điều kiện cho những tù nhân lương tâm chỉ vì hoạt động đòi hỏi tự do tôn giáo cho Việt Nam. Cụ thể là Hòa Thượng Thích Huyền Quang 83 tuổi, sức khỏe suy yếu, Hòa Thượng Thích Quảng Độ, Linh Mục Nguyễn Văn Lý.

2)- Đảng và Nhà nước Cộng Sản phải tôn trọng quyền tự do tôn giáo của các Giáo Hội truyền thống có mặt lâu đời tại Việt Nam. Cũng như tôn trọng quyền tự do sinh hoạt tôn giáo của tất cả mọi người công dân, bất luận người Thượng hay người Kinh, như chính Đảng và Nhà nước Cộng Sản Việt Nam đã ký vào Công Ước về quyền Dân Sự và Chính Trị của Liên Hiệp Quốc ngày 24.8.82 và theo lời khuyến cáo của ông Abdelfattah Amor, Báo Cáo Viên Liên Hiệp Quốc đọc tại Hội nghị về Nhân Quyền của Liên Hiệp Quốc vào ngày 12.2.1999 tại Genève, và Nghị quyết ngày 5.7.2001 của Quốc Hội Âu Châu.

3)- Đảng và Nhà nước Cộng Sản Việt Nam phải chấm dứt mọi sự can thiệp vào nội bộ các tôn giáo. Không sử dụng Mặt Trận Tổ Quốc, Ủy Ban Dân Vận, Mặt Vụ, Công An xen lấn vào nội bộ các tôn giáo để khuynh loát, hành động theo một lối riêng có lợi cho Đảng và Nhà nước Cộng Sản.

4)- Đảng và Nhà nước Cộng Sản Việt Nam phải hoàn trả lại chùa chiền, nhà thờ, thánh thất và bất động sản của các tôn giáo mà Đảng và Nhà nước Cộng Sản Việt Nam đã chiếm lĩnh bất hợp pháp từ nhiều năm nay trên toàn lãnh thổ Việt Nam.

5)- Đảng và Nhà nước Cộng Sản Việt Nam phải hủy bỏ những luật pháp bất công vô nhân đạo nhằm giam giữ những người hoạt động đòi hỏi tự do tôn giáo như Nghị định 31/CP và những đạo luật về đàn áp triệt tiêu tôn giáo từ Nghị định 69 ngày 21.3.91 đến Nghị định 26/1999/NĐ ngày 19.4.1999.

6)- Yêu cầu Liên Hiệp Quốc, các Cơ Quan Quốc Tế Nhân Quyền, Ân Xá Quốc Tế, các Tổ Chức Nhân Đạo, các

Chính Phủ, các cơ quan Truyền thông, các Nghị Sĩ, Dân Biểu yêu chuộng tự do dân chủ trên thế giới hãy trợ giúp cho những lời kêu gọi thiết thực của tín đồ các tôn giáo tại Việt Nam. Họ chỉ mong muốn một điều là tự do hành đạo để đem lại an vui cho đất nước và hạnh phúc cho toàn dân.

7)- Yêu cầu Quốc Hội và Chính Phủ Hoa Kỳ vừa mới thông qua (4.10.2001) và ban hành Hiệp Ước Thượng Mãi với Việt Nam, nên xem xét kỹ lưỡng để việc thượng mãi giữa 2 nước thực sự đem lại lợi ích, dân chủ tự do cho dân chúng Việt Nam vốn đã khát khao chờ đợi từ bao nhiêu năm nay, chứ không phải để nuôi dưỡng một chế độ độc tài phi dân chủ đã và đang bách hại triệt tiêu các tôn giáo truyền thống tại Việt Nam hơn 1/2 thế kỷ qua.

8)- Yêu cầu các tôn giáo truyền thống tại Việt Nam cũng như ở hải ngoại hãy hòa hợp sát cánh bên nhau cùng với toàn dân tranh đấu cho tự do tôn giáo tại Việt Nam cũng như dân chủ cho đất nước, được thành tựu càng sớm càng tốt để cho toàn dân Việt Nam được sống trong hạnh phúc tự do dân chủ theo kịp đà tiến hóa của nhân loại trong thế kỷ 21.

Làm tại Paris ngày 21.10.2001
Ký tên:

Hòa Thượng Thích Minh Tâm (GHPGVNTN), Đức Ông Philippe Trần Văn Hoài (Sáng lập Phong Trào Giáo Dân VN), Hiền tài Lê Trung Cang (Cao Đài), Ông Hồ Minh Châu (Phật Giáo Hòa Hảo), Mục Sư Huỳnh Văn Công (Tin Lành), Bác sĩ Nguyễn Duy Tài, Trung Tướng Trần Văn Trung, Luật sư Hoàng Cơ Thụy, Giáo sư Vũ Quốc Thúc, Cụ Nguyễn Tấn Trung, Kỹ sư Trần Bình Tịnh, Ông Nguyễn Tấn Phước, Ông Mai Viết Triết, Ông Trần Đình Hữu, Ông Nguyễn Đức Tăng và gần 200 chữ ký của bà con đồng hương hiện diện trong buổi hội thảo 21.10.2001 tại Paris.





Tin thế giới

• Người Quan Sát

Nhân loại đã chuẩn bị hành trang để bước sang năm thứ hai của thiên niên kỷ thứ ba với khẩu hiệu "Sống Chung Hòa Bình", mà sao trông hoài chưa thấy thế giới hòa bình, nhân sinh an lạc? Những cuộc chiến tranh đẫm máu đã và đang xảy ra giữa Do Thái - Palestine tại thánh địa Jerusalem và các phần đất khác; giữa Ấn Độ - Pakistan về Kaschmir; giữa Trung Quốc với Tây Tạng và vùng Tân Cương; giữa Trung Quốc và Đài Loan v.v... Những người nhân danh chủ nghĩa Cộng Sản đi cướp đoạt tài sản của dân, cưỡng bức Tự Do - Dân Chủ; những người nhân danh Tôn Giáo đi khủng bố giết hại người vô tội, điển hình là cuộc khủng bố dã man nhất trong lịch sử con người tại New York ngày 11.9.2001, làm chết trên 5 - 6 ngàn người và vô số người bị thương thuộc trên 80 quốc gia, dự trù tổng thiệt hại trên 350 tỷ Mỹ kim!

Sau thảm họa này, những người nhân danh văn minh nhân loại đang cho tiến hành một cuộc chiến tranh chống khủng bố mà mục tiêu chính là chính quyền Taliban ở Afghanistan, lại đẩy con chim hòa bình xa ngoài tầm tay của con người.

Câu hỏi được đặt ra là tại sao vậy? Tại vì các lãnh tụ mang danh siêu cường; các lãnh tụ nhân danh Tôn Giáo; các lãnh tụ độc tài cực đoan luôn luôn mang cái tâm ô nhiễm đi tìm kiếm hòa bình trên đầu gươm mũi súng, thì thử hỏi làm sao con chim hòa bình dám ló dạng?!

Vậy thì muốn có hòa bình, những người đi tìm hòa bình phải có cái *tâm thanh tịnh* tức là cái *tâm bình*; mà hề tâm bình thì thế giới tức khắc sẽ có hòa bình như lời thuyết giảng của Hòa Thượng Thích Hộ Giác cách nay trên 15 năm tại chùa Viên Giác-Hannover. Tiếc thay, trong 15 năm qua thế giới chưa có hòa bình, nhân sinh chưa được an lạc vì cái tâm con người mà nhất là cái tâm của các lãnh tụ còn ô nhiễm tức là còn Tham, Sân, Si!

Sang năm mới, rút ra những bài học máu xương qua những cuộc chiến, những cuộc khủng bố gây chết chóc

thương đau, tâm con người sẽ tỉnh lại để từ đó có một cái nhìn hiểu biết hơn hầu giải quyết những cuộc va chạm nhau trong tinh thần rộng lượng, bao dung... thì may ra mới có hòa bình. Còn hiện giờ thì chiến tranh đang tiếp diễn:

■ DO THÁI - PALESTINE

Cuộc chiến máu đổ thịt rơi giữa hai dân tộc này không biết đến bao giờ mới chấm dứt? Mỗi khi có một người Hồi Giáo cực đoan tấn công giết hại người Do Thái mà điển hình là vừa rồi tổ chức khủng bố Hamas Palestine bắn chết ông Bộ Trưởng du lịch Do Thái tại khách sạn ở Jerusalem thì liền sau đó có một sự trả thù từ chính quyền Do Thái bằng cách dùng máy bay, xe tăng tràn sang phần đất của Palestine bắn phá tan nát nhà cửa, gây chết chóc người vô tội. Hành động trên đây cứ tái diễn từ khi người dân Do Thái khắp nơi trên thế giới đổ về vùng đất hứa để tái lập quốc gia vào năm 1948, xưa đốai người dân Palestine đã sống lâu đời tại đây tận mác ra sống nhờ ở đậu các nước chung quanh.

Cuộc tranh chấp đất đai của hai dân tộc này là mầm mống phát sinh ra những cuộc khủng bố của những người Hồi Giáo quá khích đánh vào những nước ủng hộ Do Thái, mà nhất là Mỹ. Osama Bin Laden là một trong những người Hồi Giáo cực đoan đã nhìn thấy Mỹ ủng hộ Do Thái từ vật chất đến tinh thần để nước này đàn áp dã man người anh em Hồi Giáo Palestine của họ. Cuộc khủng bố ngày 9.11.2001 tại New York là hậu quả của một chính sách đối ngoại không công bằng, thiên vị của Mỹ. Do đó sau ngày 11.9.2001, một mặt Tổng Thống Bush cho tiến hành một cuộc chiến tranh chống khủng bố; một mặt hứa là sẽ nghiêm chỉnh nghiên cứu việc thành lập một quốc gia Palestine theo nguyện vọng của dân Palestine.

Ngày nào mà người dân Palestine chưa có một quốc gia đầy đủ chủ quyền (hiện giờ những phần đất mà dân Palestine đang sống chỉ là những vùng tự trị); ngày nào mà chính quyền

Do Thái còn mang chủ nghĩa quốc gia cực đoan thì ngày đó phần đất này còn sôi động và thế giới còn họa lây.

■ CUỘC CHIẾN CHỐNG KHỦNG BỐ

Kể từ ngày 7.10.2001, lãnh đạo hai nước cột trụ chống khủng bố là Mỹ và Anh bắt đầu cho tấn công bằng hỏa tiễn, phi cơ dội bom liên tục phá hủy những công sự chiến đấu, phòng thủ và những vị trí chiến lược như đài kiểm báo, tổng hành dinh, sân bay v.v... của Taliban trên toàn lãnh thổ Afghanistan để yểm trợ cho Liên Minh Phương Bắc (LMPB) từng bước đẩy lui và tiêu diệt quân Taliban.

Theo báo chí tiết lộ thì quân LMPB được Nga trang bị xe tăng và vũ khí; Trung Quốc cung cấp quân phục tác chiến; còn Mỹ thì chịu trách nhiệm tổ chức và huấn luyện.

Cuộc dội bom, bắn hỏa tiễn đã làm chết một số dân vô tội, gây thương tích cho nhiều người, phá hủy một số nhà của dân, làm cháy một kho chứa lương thực của Hội Hồng Thập Tự Quốc Tế v.v... vì bom lạc mục tiêu! Nhưng phải chấp nhận, vì ngoài chiến trường tên bay đạn lạc là thường.

Có lẽ từ cổ chí kim chưa có một cuộc chiến tranh nào giống như cuộc chiến chống khủng bố tại Afghanistan. Vì sau khi dội bom, bắn hỏa tiễn đánh phá xong, máy bay đi thả thức ăn xuống đất cho người dân lượm ăn và ngay cả kẻ địch cũng lén lút lượm đem vào hầm trú ẩn để ăn, mặc dù ngoài miệng thì kêu gọi dân chúng đem đốt bỏ!

Đến ngày 6.11, LMPB cho biết đã chiếm các quận Zari, Keshendeh và Aq Kuprut, sau những trận đánh đẫm máu. Ngày 7.11, LMPB đánh chiếm quận thứ tư là Sholgera, mở ngõ tiến về thành phố Mazar-e-Sharif.

Theo phát ngôn viên LMPB, ông Qari Qudratullah cho biết thì tình hình tại 4 quận vừa mới chiếm được rất yên tĩnh, dân chúng vui vẻ đón mừng sự chiến thắng này. Ông nói thêm là các vị chỉ huy LMPB, đặc biệt là Atta Mohamed, tướng Dostam và Haji Mohammed Muhaniq sẽ họp thảo luận hướng dẫn cuộc tấn công Mazar-e-Sharif. Trong đêm phi cơ Anh Mỹ đã dội bom xuống các vị trí quân sự của Taliban tại các tỉnh Paktika, Balkh, Samangan và vùng phụ cận Kabul, sâu sau phòng tuyến Taliban nhắm vào các hạ tầng như trạm nhiên liệu, kho đạn dược, các ổ súng phòng không v.v...

■ TẤN CÔNG THÀNH PHỐ MAZAR-E-SHARIF

Mazar-e-Sharif là một thành phố chiến lược quan trọng của quân Taliban. Vì nơi đây là cửa ngõ để:

a/- quân Taliban thu nhận những tân binh Hồi Giáo cực đoan tình nguyện xung vào quân đội Taliban từ các nước láng giềng như Turmenistan, Uberkistan, Kasachtan, Kirgisien và Tadschikistan.

b/- tiếp nhận vũ khí quân dụng và lương thực từ các nước trên lên lút tiếp tế.

Do đó nếu quân LMPB chiếm được thành phố này là cuộc chiến chống khủng bố của Mỹ coi như đã thành công trên 50%. Ngày 7.11.2001, quân LMPB đã dựng độ ác liệt tại Chishma-e-Shifa, một làng chỉ cách Mazar-e-Sharif 22 cây số. Sau khi nhổ được chốt tại đây, sáng ngày 8.11, LMPB tung ra hai cuộc tấn công nhằm chiếm thành phố chiến lược này. Ông Nadeem, phát ngôn viên LMPB, cho biết là quân lính LMPB hiện ở cách phía Đông Nam phi trường 8 cây số. Cuộc tấn công này sẽ được sử dụng chiến xa và trọng pháo để tiêu diệt quân Taliban ẩn núp trong các giao thông hào chung quanh thành phố, mà họ đánh chiếm năm 1998.

Về phía Taliban thì họ đã tăng viện nhiều tay súng để tăng cường phòng thủ tại thành phố chiến lược này. Còn các tướng lãnh chỉ huy quân LMPB cho biết thì họ mong muốn chiếm thành phố này không đổ máu, nếu quân Taliban chịu rút lui.

Trong khi đó các phần lực cơ Mỹ Anh đã oanh kích liên tục ngày đêm các vị trí Taliban hầu tiêu diệt tiềm lực chống cự của họ. Mỹ đã dùng bom xăng loại "Daisy Cutter" nặng 6750 kg đánh vào những công sự chiến đấu của quân Taliban, bom này nổ gây ra một đám cháy có đường kính 500 thước, thiêu hủy ngay cả những người ẩn núp sâu trong hầm trú ẩn.

■ CHINH PHỤC MAZAR-E-SHARIF

Ngày 9.11, LMPB tấn công chiếm Mazar-e-Sharif mà không gặp sự kháng cự nào đáng kể. Quân Taliban đã rút lui trước đó, chỉ để lại một số quân đóng chốt trong những nhà của dân để làm chậm bước tiến của quân LMPB. Sau khi nhổ xong các chốt này, họ tái lập trật tự mau chóng nên sinh hoạt trở lại bình thường.

■ TẤN CÔNG CHIẾM LĨNH KABUL

Mặc dù có sự cảnh cáo của Tổng Thống Bush là quân LMPB không nên xâm nhập vào trung tâm Kabul, thủ đô Afghanistan, mà chỉ đóng quân chung quanh thành phố. Nhưng các tướng

lãnh LMPB thừa thắng xông lên tiến chiếm luôn Kabul vào ngày 13.11.2001. Họ không bị một sự kháng cự mạnh mẽ nào của quân Taliban.

Theo phát ngôn viên của Sứ quán Taliban tại Pakistan cho biết thì quân Taliban đã rút lui chiến lược về Kandahar để tránh gây chết chóc cho dân chúng và để tái phối trí lực lượng. Tuy nhiên khi quân LMPB vào trung tâm thì những quân Taliban một phần vì chạy không kịp nên trốn lại trong các nhà dân, một phần bị chỉ định ở lại đóng chốt để quấy phá.

Trên đường tiến quân, cũng như sau khi chiếm lĩnh các thành phố và nhất là tại Kabul, quân LMPB đã phạm phải một lỗi lầm to lớn là đối xử vô nhân đạo với những hàng binh, những người này bị đánh đập, si nhục, bắn chết bỏ thây ngoài đường v.v... Cảnh tượng này đã bị thế giới lên án nặng nề vì đã vi phạm nhân quyền, vi phạm luật quốc tế về việc đối xử với tù và hàng binh.

Sang ngày 14.11, LMPB lo củng cố việc chiếm đóng, lấy lại nhiều cơ quan then chốt và các Bộ của chính phủ Taliban. Các giới chức chính quyền LMPB đã trở lại các cơ sở chính phủ mà họ đã bỏ chạy vào năm 1996 khi quân Taliban tiến chiếm thủ đô. Các giới chức này nói họ chiếm Bộ Quốc Phòng và Bộ Nội Vụ chỉ là tạm thời. Họ nói họ sẽ hoàn toàn ủng hộ một giải pháp chính trị do Liên Hiệp Quốc đề xướng.

Theo tin CNN từ Islamabad, sau khi quân Taliban bỏ chạy khỏi Kabul, lãnh tụ tối cao của Taliban là Mullah Omar đã sử dụng đài phát thanh để kêu gọi quân Taliban tập hợp lại để chiến đấu chống quân thù. Còn thông tấn AIP nói Omar kêu gọi quân Taliban đừng đào ngũ. Ông ta nói: "Tôi vẫn ở Kandahar và không đi đâu hết". Nhưng có nguồn tin nói rằng Omar đã bí mật trốn khỏi Kandahar sau khi đưa ra lời kêu gọi quân Taliban quyết tử! Lịch sử lại một lần nữa chứng kiến hành động của những tên lãnh tụ hèn nhát! Còn Osama Bin Laden thì ở đâu? Đang lẫn trốn như Omar vậy.

Tại Kabul, đài phát thanh đã phát thanh trở lại và đài truyền hình cũng sẽ sớm phát hình. Lần đầu tiên sau nhiều năm, người ta mới nghe giọng nữ xướng ngôn viên trên đài phát thanh, âm nhạc là tiết mục bị chế độ Taliban cấm cũng được cho phát thanh.

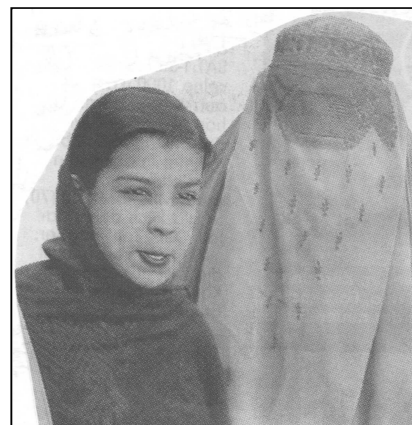
Một điều mà không ai ngờ được là nơi nào được quân LMPB giải phóng, nơi đó dân chúng vui mừng, hoan hô nhiệt liệt. Họ tràn ra ngoài đường đàn hát, nhảy múa. Đoàn ông sắp hàng dài

trước các tiệm cắt tóc để được cạo bỏ bộ râu, các cô gái cởi liệm bỏ cái khăn lưới che mặt, từng tốp người tụ năm họp ba để nghe radio v.v... Riêng những bà lớn tuổi thì còn sợ sệt chưa dám bỏ cái khăn trùm đầu, vì các bà nói không biết đám quân Taliban nó trở lại lúc nào?

Hai ngày sau khi Kabul được giải phóng, cảm tưởng của người dân như thế nào khi được phóng viên báo chí hỏi.

- Anh Mohamed Rafiq (22t) nói: Từ nay tôi được tự do dẫn vợ con đi ra ngoài đường, đi mua sắm, vợ tôi được đi làm, con tôi được đi học.

- Cô Jila (17t) nói: Từ nay chúng tôi được phép đi ra ngoài đường một mình, được đi học, được có bạn bè trai cũng như gái, được nhìn thấy bộ mặt đẹp đẽ của những người đàn ông khi họ đã cạo bỏ râu đáng ghét của họ và nhất là được nhìn thấy tận mắt khuôn mặt và hình dáng của những phụ nữ đã được Thượng Đế tạo ra như thế nào?



Cô Jila hãnh diện trưng bày bộ mặt thật đẹp đẽ của cô cho mọi người xem sau khi vứt bỏ cái khăn trùm đầu. Còn bà bên cạnh thì còn sợ chưa dám vứt bỏ cái của nọ này!

- Cô Aziz (24t) nói: Điều vui mừng nhất của tôi là dân Afganistan được giải phóng, được tiếp xúc với thế giới văn minh bên ngoài; riêng tôi thì tôi sẽ tiếp tục đi học lại, mấy năm nay tôi không được phép đi đến trường, ở nhà ba tôi dạy (ba tôi là Kỹ sư điện tử), ước vọng của tôi là học Đại Học Y Khoa để khi ra trường đi chăm sóc những đứa trẻ bất hạnh mồ côi, bệnh hoạn, nghèo đói sống bên lề xã hội mà tôi gặp hằng ngày dưới chế độ Taliban!

- Ông Hadshi (47t) nói: Một chế độ cực đoan, cuồng tín, tàn bạo sắp bị tiêu diệt và chắc chắn sẽ bị tiêu diệt. Nhưng nỗi mừng này của tôi vẫn còn xen lẫn với sự lo ngại là chính quyền mới này sẽ ra sao? Hay vừa mới tránh được vô đưa lại gặp phải vô đũa! Đắt

nước tôi bây giờ đã tan nát, không có một nơi nào mà không bị đạn cày, bom phá. Người dân Afghanistan đã bị chết chóc, thương tật quá nhiều qua cuộc xâm lăng của Liên Xô, rồi nội chiến, kể đến là chế độ Taliban. Tôi hy vọng đã đến lúc người dân tôi phải hồi tỉnh, đoàn kết để cùng xây dựng lại đất nước v.v...



Lần đầu tiên sau khi quân Taliban rút chạy, các cậu trai Kabul đang chuyền tay nhau xem thích thú ảnh của các cô tài tử điện ảnh, văn nghệ sĩ.

Lời người viết: Viết tôi đây tôi nhớ tôi hai chữ "Giải Phóng" mà Cộng Sản Hà Nội bắt buộc dân chúng gọi sau khi họ cưỡng chiếm được miền Nam Tự Do Dân Chủ (dù có bị hạn chế vì đang có chiến tranh). Giải phóng cái gì mà khi bộ đội Bắc Việt vào miền Nam, dân miền Nam bỏ nhà, bỏ đất chạy bán sống bán chết; vượt biên tìm tự do dù phải bỏ thân cho cá mập, bị hải tặc hãm hiếp v.v... cho đến đổi cái cột đèn nếu nó đi được nó cũng bỏ chạy! Vào được miền Nam rồi, lãnh đạo Cộng Sản tự do cướp đoạt tài sản của dân, lừa dân đi vùng kinh tế mới, lừa quân cán chính đi tù cải tạo, hành động đó có phải là "giải phóng" không? Chắc chắn là không. Thế mà buồn thay, cho đến bây giờ những người miền Nam vượt biên chạy trốn Cộng Sản, có người đã bị mất vợ, mất con trên biển cả, bị hải tặc hãm hiếp v.v... vẫn còn nhằm lẫn dùng hai chữ "GIẢI PHÓNG" khi nói đến chính quyền Cộng Sản Hà Nội. Nếu Cộng Sản thật sự "Giải Phóng" thì tại sao không ở lại tận hưởng các thành quả của sự "Giải Phóng" đó, mà lại bỏ chạy đi tìm Tự Do?

Hai chữ "Giải Phóng" phải dành cho quân LMPB mỗi đúng nghĩa, vì quân họ tiến tới đâu, dân chúng được giải phóng khỏi sự cai trị tàn bạo của quân Taliban, hò reo vui mừng, đàn ca múa hát ngoài đường tới đó.

Khi người viết bị ở tù cải tạo ngoài Bắc, tôi đã gặp những cụ già cựu địa chủ ngoài Bắc bị Cộng Sản đày lên miền rừng núi, họ nói với chúng tôi: Chúng tôi hy vọng các anh ra giải phóng chúng tôi, không ngờ các anh ra đây để ở tù cải tạo! Thật đau lòng!

■ XÂY DỰNG CHÍNH PHỦ LIÊN HIỆP CHO AFGHANISTAN

Đặc sứ Mỹ, James Dobbins, đã hội đàm với Cựu Hoàng Afghanistan, ông Zahir Shah (86t), hiện đang sống lưu vong tại Rom (Ý) về chính phủ tương lai cho Afghanistan. Ông và Cựu Hoàng đã bàn tới kết quả phiên họp giữa Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc, Kofi Anan, và Đại sứ Brahimi đại diện tại LHQ của chế độ cũ Afghanistan (tức là LMPB). Theo lời ông, Đại sứ Brahimi được ông Anan yêu cầu thúc đẩy tiến trình tham khảo với tất cả thành phần chống Taliban.

■ BIỆT KÍCH ANH SẼ VÀO KABUL

Thủ Tướng Anh, ông Tony Blair, loan báo với Quốc Hội rằng khoảng 5000 chiến sĩ thuộc "lực lượng biệt kích của Hải quân Hoàng gia" đã sẵn sàng chờ lệnh lên đường sang Afghanistan để phối hợp với mấy trăm quân mũ xanh đặc biệt của Mỹ để:

- * Bảo vệ các sân bay
- * Phối hợp với các lực lượng của các quốc gia khác bảo vệ an ninh các trục giao thông để cơ quan từ thiện chuyên chở thực phẩm cứu trợ người tỵ nạn.
- * Bảo vệ an ninh cho sự đi lại của các viên chức quốc tế dự phần vào việc thành lập Chính Phủ Liên Hiệp tại Kabul.
- * Phối hợp truy lùng tìm bắt cho được Bin Laden và thành viên tổ chức Al-Qaeda để đưa họ ra trước công lý.

■ BIN LADEN ĐANG Ở ĐÂU?

Đài TV Rập "El Dschasira" chiếu hình 3 đứa con trai của Bin Laden cũng gia nhập vào đội quân cuồng tín Taliban.

* Mohamed Laden (19t) - Làm cố vấn cho cha.

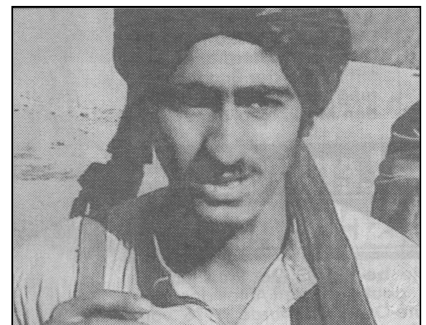
* Hamza Laden (10t) và em (9t) đang ở trong hàng ngũ Taliban.

Sau khi Kabul thất thủ, có nguồn tin nói rằng Omar và Bin Laden đã trốn sang Pakistan, còn nguồn tin khác thì

nói hai người này còn ở lại Kandahar để lãnh đạo lực lượng Taliban chống lại quân LMPB. Mỹ đã treo một giải thưởng trị giá 22 triệu Mỹ kim nếu ai điềm chỉ bắt được Bin Laden, hay giết được y. Với số tiền thưởng này, người ta nghĩ có thể sẽ có người trong số quân cận vệ ông sẽ phản bội ông để nhận 22 triệu Mỹ kim, một số tiền quá to. Hãy chờ xem.

Ngày 15.11, theo nguồn tin của hàng binh Taliban cho biết là bạn thân của Bin Laden, ông Mohamed Atef, cầm đầu tổ chức khủng bố Al-Qaeda đã bị tử thương trong một cuộc oanh kích của phi cơ Mỹ gần Kabul.

Ngoài ra nhân dịp lễ Ramadan (mùa chay bắt đầu từ 17.11.2001 kéo dài 40 ngày, trong mùa chay người Hồi Giáo không được ăn và kiêng cử nhiều việc như không được đàn ca, múa hát, gần phụ nữ v.v... từ lúc mặt trời mọc đến mặt trời lặn) Tổng Thống Bush đã gửi một thư chúc mừng cho toàn thể người Hồi Giáo trên khắp thế giới.



Mohamed Laden (19t) làm cố vấn cho cha.



Hai đứa con trai 10 tuổi và 9 tuổi đang ở trong hàng ngũ quân Taliban. Đứng là cha nào con này!

■ TRUY TÌM BIN LADEN

Theo nguồn tin từ hàng binh Taliban tiết lộ, thì Bin Laden đang cố thủ trong một hầm kiên cố ở vùng đồi núi độ 78 cây số vuông phía Đông Nam Afghanistan.

Hiện toán quân thiện chiến của Anh phối hợp với lực lượng đặc biệt Mỹ đang bao quanh và từ từ khép chặt vòng vây vùng đồi núi này. Những toán quân này được trực thăng vận đến gần Kandahar. Từ đó họ đi bộ hoặc cỡi ngựa đi tìm sào huyệt của Bin Laden.

Còn trên không thì có vệ tinh và máy bay dùng tia Laser dò tìm dấu vết của Bin Laden.

Muốn bắt được Bin Laden không phải dễ, vì ông ta đã được bảo vệ bởi mấy trăm tay súng đặc biệt, dám sống chết với Laden. Nếu đẩy họ đến đường cùng họ sẽ tự sát tập thể để không rơi vào tay kẻ thù.

Để hỗ trợ cho Mỹ và Anh, Pháp và Ý đã gửi quân đến Afganistan, tiếp theo sẽ là Đức cũng gửi quân đến tăng cường để bảo vệ an ninh trên các trục lộ, tài thương, tiếp liệu v.v...

■ THỦ TƯỚNG LIBANON THĂM ĐỨC

Từ Berlin, ông Rafiq Hariri, Thủ Tướng Libanon đã tuyên bố rằng Mỹ không phải là quốc gia duy nhất chống khủng bố. Libanon cũng đang chống lại chủ nghĩa khủng bố đang tìm cách hủy diệt văn minh nhân loại. Ông nói tiếp là Libanon cũng điểu đứng vì bọn khủng bố, do đó tham gia liên minh chống khủng bố là việc cần phải hợp tác thi hành.

Ngoài ra, Thủ Tướng Hariri cũng nhấn mạnh và tin rằng khi nào quốc tế (muốn ám chỉ Mỹ và những nước nào ủng hộ Do Thái) giải quyết việc Do Thái chiếm đất của Libanon, Syria, Jordan và Palestine, thì lúc đó sẽ bảo đảm đem lại thắng lợi cho cuộc chiến chống khủng bố trong thế giới Rập và người Hồi Giáo.

Trong cuộc họp báo chung, Thủ Tướng Đức Gerhard Schröder cho biết ông đã thảo luận với Thủ Tướng Libanon về tìm kiếm giải pháp khả thi cho tiến trình hòa bình tại Trung Đông.

■ TỔNG THỐNG NGA, ÔNG PUTIN, THĂM VIẾNG MỸ

Trong một cuộc viếng thăm chính thức nước Mỹ 3 ngày kể từ 12.11.2001, qua ngày 13.11.2001, thì Kabul bị quân LMPB chiếm lĩnh. Trong cuộc họp báo tại Tòa Bạch Ốc, Tổng Thống Bush cho biết, ông được báo cáo là LMPB đã giết một số tù binh trên đường tiến quân vào thủ đô. Hành động này cần phải được chấm dứt. Ông cũng nói rõ cho Tổng Thống Putin biết là Mỹ vẫn tiếp tục ủng hộ quân LMPB để loại bỏ chế độ Taliban, thành lập một chính phủ nhiều thành phần, dân chủ ổn định và Afganistan sẽ là một lân bang tốt với các nước láng giềng.

Nhà lãnh đạo Nga nói thành phố Kabul đã bị bỏ trống để bảo tồn quân bị. Theo ông, quân Taliban không biến mất, họ rút lui về cố thủ ở Kandahar. Ông đồng ý với Tổng Thống Bush là

phải theo dõi hành động của quân LMPB để ngăn chặn kịp thời các việc xâm phạm nhân quyền và ngược đãi tù binh. Ông Putin nói với báo chí rằng hiện không có dấu hiệu là hành động trên do LMPB gây ra, mà do đa số các sắc tộc Uzbek và Tajik quay lại trả thù đồng bào của họ ở miền Bắc.

Về vũ khí nguyên tử, Tổng Thống Bush nói rằng, kho chứa đầu đạn của Mỹ sẽ chỉ còn lại dưới 2200 đơn vị trong thập niên tới. Ông nhấn mạnh là Mỹ và Nga đang làm việc tích cực để bỏ lại phía sau các mối đe dọa của thế kỷ 20, trong khi cần phải hợp tác chặt chẽ hơn để đối phó với các nguy cơ của thế kỷ 21, trong đó có việc chống khủng bố quốc tế.

Ông Putin đồng ý rằng có tiến bộ trong cuộc đối thoại về vũ khí tấn công và vũ khí phòng thủ chiến lược (hệ thống hòa tiến chống hòa tiến). Ông nói: "Chúng tôi hoan nghênh quyết định giảm kho vũ khí tấn công của Mỹ".

■ TỔNG THỐNG PAKISTAN CÔNG DU QUA 3 NƯỚC

Tổng Thống Pakistan, ông Pervez Musharraf, công du qua 3 nước Pháp, Anh, Mỹ. Chặng đầu, tại Pháp trong cuộc họp với các nhà lãnh đạo Pháp ở Paris, ông cho biết là các nỗ lực từ bên ngoài chỉ nhằm giúp LMPB có thể sẽ bị thất bại, vì LMPB chỉ là một nhóm thiểu số, như Tajik (15 đến 20% dân số), Schüte Hazaras (5 đến 10% dân số), trong khi đa số sắc dân Pashtun lại ở phía Nam, chiếm từ 50 đến 60% dân số và tỷ lệ dân số này phải có chân trong chính phủ mở rộng trong tương lai, để thay thế chế độ Taliban sau khi chế độ này sụp đổ.

Được biết Pakistan đã từng ủng hộ quân kháng chiến Mujahideen chống lại Liên Xô vào các năm của thập niên 1980 và sau đó ủng hộ phe Taliban để chấm dứt cuộc nội chiến giữa các phe phái ở Afganistan thời hậu Liên Xô vào năm 1996. Hiện nay Pakistan tiếp tục ủng hộ nhóm Pashtun, để họ có được tiếng nói trong bất cứ chính phủ mới nào tại Kabul.

Chính phủ Islamabad coi nhóm dân Pashtun thân thiết với Pakistan hơn, bởi vì các bộ lạc Pashtun sinh sống ở hai biên giới với Pakistan; còn coi LMPB là quá thân thiện với kẻ thù của Pakistan như Ấn Độ, Iran và các nước Cộng Hòa thuộc Liên Xô cũ.

Pakistan là nước Hồi Giáo duy nhất ủng hộ mạnh mẽ Mỹ trong cuộc chiến chống khủng bố quốc tế, chấp nhận cho Mỹ sử dụng sân bay và nếu cần kể cả phần đất dọc biên giới với

Afganistan để đổ bộ quân tiến đánh Taliban, lùng bắt Bin Laden.

Nếu không có sự tiếp tay của Pakistan, nhất là Tổng Thống Pervez Musharraf, chắc chắn Mỹ Anh không thể nào tiến hành cuộc xâm nhập vào Afganistan để tiêu diệt quân khủng bố Taliban và bè phái Bin Laden được.

Để đáp lại sự ủng hộ của Pakistan, chính quyền Bush đã hủy bỏ lệnh phong tỏa kinh tế cho Pakistan và cho luôn cả Ấn Độ vì nước này cũng ủng hộ và lên án cuộc khủng bố ngày 11.9.2001. Ngoài ra Mỹ còn viện trợ nhiều triệu Mỹ kim cho Pakistan để cứu vãn nền kinh tế đang suy sụp.

■ LIÊN HIỆP QUỐC

-189 đại diện hay nguyên thủ của 189 nước đã hội tụ về trụ sở Liên Hiệp Quốc (UNO) - (New York) để tham dự cuộc họp Đại Hội Đồng từ ngày 12.11.2001.

Khai mạc cuộc họp, trong bài diễn văn Tổng Thống Bush nói: Trong khi chúng ta đang cùng ngồi tại đây, thì quân khủng bố đang thảo luận kế hoạch giết người. Ông kêu gọi những đại biểu hãy sát cánh cùng nhau để tiêu diệt quân khủng bố quốc tế. Ông cũng lợi dụng dịp này để cảnh cáo những người cũng như những nước nào liên hệ với bọn khủng bố đều bị coi như bọn khủng bố. Chế độ nào ủng hộ bọn khủng bố sẽ phải trả một cái giá rất đắt! Trong bài diễn văn kéo dài 22 phút, ông không đề cập đến nguyên nhân gây ra cuộc khủng bố, mà ai cũng biết là do sự ủng hộ mạnh mẽ và thiên vị của Mỹ với Do Thái để đàn áp dân Palestine Hồi Giáo, nên mới có những người Hồi Giáo cực đoan quá khích quét tâm chống Mỹ. Sau khi nghe bài diễn văn của ông Bush, các phái đoàn Rập thất vọng tràn trề!

Tiếp theo, ông Kofi Anan, Tổng Thư Ký LHQ kêu gọi những đại biểu đừng quá chú trọng về việc chống khủng bố mà làm lu mờ những việc khác như bảo vệ môi sinh, chống nghèo đói, bệnh Aids v.v...

Lời người viết: Ông Anan cố ý ám chỉ Tổng Thống Bush, vì ông hằng say lo chống khủng bố mà quên đi các việc khác cũng quan trọng, nhất là ở Hội nghị "Bảo Vệ Môi Sinh" tại Marakesh (Maroc) cũng trong thời gian Đại Hội Đồng nhóm họp; trên 100 quốc gia tham dự. Chỉ có Mỹ là nước duy nhất không ký vào hiệp ước hạn chế việc thải chất độc từ các nhà máy và máy móc thường dùng.

Trên bục thuyết trình, các đại biểu lần lượt lên phát biểu, tất cả đều lên án cuộc khủng bố dã man ngày 11.9, nhưng cũng có nhiều đại diện chỉ trích việc bỏ bom ở Afganistan.

Đại biểu Emir von Katar, yêu cầu Đại Hội Đồng định nghĩa rõ ràng giữa: *Chủ nghĩa khủng bố dã man để tiêu diệt con người với sự chiến đấu hợp pháp chống lại sự cai trị độc tài, hay sự chiếm đóng một nơi bằng vũ lực, bằng sự trấn áp.* Nếu không, sẽ có nhiều quốc gia lợi dụng hai chữ "khủng bố" để đàn áp nhân dân. (*Lời người viết: Trong số này có Cộng Sản Trung Quốc và Cộng Sản Việt Nam.*)

Trong Đại Hội này, Bush cũng có thảo luận với Liên Hiệp Quốc về việc hợp tác trong việc tái xây dựng lại Afganistan sau khi loại bỏ chế độ Taliban, và thành lập một chính quyền chuyển tiếp có nhiều đại diện sắc tộc tham dự dưới sự bảo vệ an ninh của một lực lượng đa quốc trong đó có Turkei, Jordanien và Bangladesh được đề cập đến.

■ LIÊN HIỆP QUỐC - TRUNG QUỐC

Trong cuộc viếng thăm Trung Quốc vừa qua, bà Mary Robinson, Cao Ủy Trưởng Nhân Quyền LHQ đã đưa ra lời cảnh cáo là Bắc Kinh không được lạm dụng chiến dịch chống khủng bố của Mỹ để tiếp tục đàn áp dân chúng trong nước.

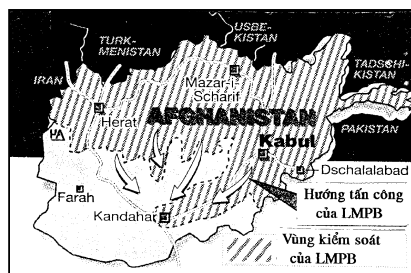
Bà Robinson tuyên bố với các phóng viên báo chí rằng cần phải thi hành những biện pháp chống khủng bố nhưng cũng nên xác định rõ những giới hạn. Vùng Tân Cương nằm ở Cực Tây Hoa Lục, giáp ranh Pakistan và Afganistan, từ 10 năm nay, vùng này luôn va chạm giữa người Hồi Giáo, chủ yếu là người Uighur với thiểu số người Hán. Những người Uighur ly khai đang đấu tranh đòi độc lập nhưng Bắc Kinh đã xem họ như những tên khủng bố và thẳng tay đàn áp.

Trong cuộc họp báo, phát ngôn viên Bộ Ngoại Giao Trung Quốc nhắc lại rằng cuộc đấu tranh chống người Uighur nằm trong nỗ lực của quốc tế chống khủng bố. Chính phủ Bắc Kinh cũng công bố một bạch thư biện minh cho sự cưỡng chiếm Tây Tạng của quân đội Trung Quốc năm 1950! Tuy nhiên bà Cao Ủy Trưởng cũng nhấn mạnh là bà sẽ tiếp tục lên án những vi phạm nhân quyền ở Trung Quốc.

■ TẤN CÔNG KANDAHAR

Sau khi tái lập trật tự tại Kabul, quân LMPB tiến chiếm Kandahar, Tổng hành dinh của Taliban mà cũng là phần đất còn lại ở phía Nam. Trên

đường tiến quân họ đã bị sự chống trả mãnh liệt dù đã được Mỹ Anh oanh kích yểm trợ tối đa.



Theo tin cho biết thì các lãnh tụ Pashtun đã yêu cầu Taliban giao Kandahar cho họ để họ thương thuyết với LMPB. Giải pháp này chưa được giải quyết và cuộc chiến đang tiếp diễn. Khi tờ báo này đến tay quý độc giả, có thể cuộc chiến chống khủng bố đã xong hoặc còn kéo dài dài...

■ GIẢI PHÁP CHÍNH TRỊ CHO AFGHANISTAN

Ông Colin Powell, Ngoại Trưởng Mỹ, nói cuộc chiến chống khủng bố vẫn tiếp tục tiến hành không gián đoạn dù đang nằm trong mùa chay (lễ Ramadan) của người Hồi Giáo, đến khi nào loại bỏ hết những tên khủng bố và tổ chức yểm trợ chúng mới thôi.

Theo báo Rập "Al Hayat" tường thuật là tại Kunduz (phía Bắc) những thành viên của tổ chức khủng bố Al-Qaeda đã tàn sát dã man trên mấy trăm quân Taliban vì quân Taliban muốn đầu hàng LMPB.

Ngày 18.11, bốn phóng viên báo chí và một thông dịch viên đi xe hơi trong vùng có giao tranh từ Schalalabad đến Kabul đã bị quân Taliban phục kích bắn chết (2 nam phóng viên của TTX Reuter, 1 nữ phóng viên tờ báo Ý "Corriere della Sera" và 1 nam phóng viên của tờ báo Tây Ban Nha "El Mundo").

Phát ngôn viên LHQ, Eric Falt, nói LHQ rất quan tâm về việc triệu tập càng sớm càng tốt một Hội Nghị để thảo luận về việc thành lập một chính phủ chuyển tiếp tại Afghanistan để tránh trường hợp vô chính phủ như hiện giờ, rất nguy hiểm. Địa điểm Hội Nghị dự trù là ngày 27.11.2001 tại Bonn (Đức). Vì ông Klaus Peter Klaiber (Đức) là một nhà ngoại giao lỗi lạc, được sự ủy nhiệm của Cộng Đồng Âu Châu tham dự Hội Nghị. Tất cả các đại diện các bộ lạc thiểu số và LMPB đều được mời tham dự Hội Nghị. Còn phía Taliban không thấy đề cập tới. Hội Nghị được đặt dưới sự bảo trợ của Liên Hiệp Quốc.

Riêng ông Joschka Fischer, Ngoại Trưởng Đức, nói việc tìm một giải pháp

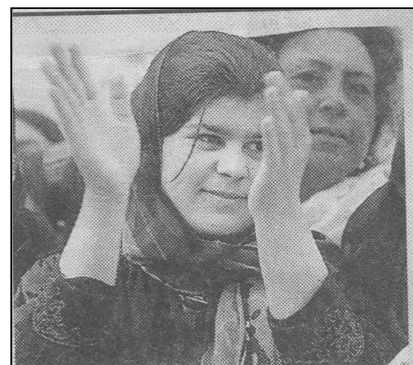
chính trị cho Afganistan là việc ưu tiên hàng đầu hiện nay. Ông đã thảo luận với bà Condoleezza Rice, cố vấn an ninh quốc gia của Tổng Thống Bush, hai người đã đồng ý là chính quyền chuyển tiếp sẽ phải nằm dưới mái nhà của Liên Hiệp Quốc.



Ah dân quân LMPB qua radio, đang theo dõi tình hình chiến sự ở phương Nam và sự hình thành một Chính phủ Liên hiệp.

■ PHỤ NỮ KABUL ĐÒI QUYỀN SỐNG

Sau 6 năm dưới sự thống trị tàn bạo dã man của chế độ Taliban đối với phụ nữ Afghanistan, một tuần lễ sau khi Kabul được giải phóng, lần đầu tiên trên 200 phụ nữ Kabul đã xuống đường đòi quyền sống, quyền đi học, quyền đi làm, quyền ra đường khỏi che mặt v.v... và v.v... Phụ nữ Kabul đã thành lập một tổ chức mang tên là: "Phụ Nữ Bình Quyền". Tổ chức này sẽ trải rộng ra khắp Afghanistan và đang kêu gọi phụ nữ hãy tích cực tham gia để đòi lại quyền sống đích thực của người phụ nữ phải được sống như những người khác.



Phụ nữ Kabul xuống đường đấu tranh đòi quyền sống, quyền làm người. Mặt đẹp như thế này mà bắt che lại thì ai mà chịu được!

■ BỆNH THAN

Sau khi cướp máy bay đánh sập hai tòa nhà chọc trời của Trung Tâm Thương Mại Thế Giới (World Trade Center) bọn khủng bố chuyển sang đường lối khủng bố khác là sử dụng bột trắng Anthrax (có vi trùng bệnh than) bỏ trong bao thư gửi đến các cơ quan chính phủ như Tòa Bạch Ốc,

Thượng Viện và những nhân vật quan trọng trong Thượng Viện Mỹ v.v... Vì thư phải qua đường Bưu điện, nên nhân viên Bưu điện là những người bị nhiễm bệnh trước nhất. Cho tới nay đã có hai người chết do nhiễm trùng bệnh than. Do đó các nhân viên Bưu điện khi lựa thư phải đeo găng tay và khẩu trang. Lối khủng bố này thật là tối nguy hiểm, vì hằng ngày trên thế giới có hằng tỷ lá thư gửi đi khắp nơi làm sao kiểm soát cho hết nổi! Bọn khủng bố chỉ cần bỏ một ít bột Anthrax vào bao thư, ghi địa chỉ người nhận, bỏ vào thùng thư là sẽ có bao nhiêu người bị nhiễm trùng.

Cho đến bây giờ giới hữu trách chưa tìm được tung tích về nguồn gốc những thư có tẩm độc vì bọn khủng bố già chữ viết trên bao thư, đi đến một nơi xa bỏ thư thì làm sao truy nguyên được nơi xuất xứ.

Không riêng gì nước Mỹ bị khủng bố bỏ bột Anthrax mà Anh, Pháp, Đức cũng gặp vài trường hợp như vậy.

■ BỆNH THAN LÀ BỆNH GÌ ?

(Tóm lược bài viết của Bác sĩ Nguyễn Ý Đức tại Mỹ đăng trên Internet)

Bệnh than có tên tiếng Anh là Anthrax, tiếng Pháp là Maladie de Charbon. Đây là một bệnh nhiễm cấp tính, rất hay lây từ các loại động vật có sừng và móng chẻ như bò, ngựa, cừu, dê, lạc đà, hươu và các động vật nhai lại, ăn cỏ khác.

Bệnh cũng có thể truyền sang người qua sự tiếp xúc với súc vật bị bệnh hoặc các sản phẩm của chúng như phân, xác chết, da sống, lông v.v... Bệnh thường thấy ở các quốc gia nông nghiệp mạnh như Á Châu, Phi Châu, Nam và Trung Mỹ Châu, Nam và Đông Âu Châu, Trung Đông. Bệnh cũng thấy ở một số súc vật sống hoang như voi, trâu biển, hà mã.

Từ thuở xa xưa, bệnh được coi như là hậu quả của sự khó tính của những người hiểm độc. Có nhiều dịch bệnh xảy ra ở La Mã vào những năm 80 trước Thiên Chúa đã làm chết cả chục ngàn người. Người La Mã do đó đã đặt tên bệnh là Anthrax = than, có ý nói bệnh giết người như bị lửa đốt.

■ BỆNH DO VI TRÙNG GÌ GÂY RA?

Vi trùng bệnh than được nhà sinh vật học người Đức Ferdinand Justus Cohn đặt tên là *Bacillus anthracis* vào năm 1875, sau khi nhà bác học Pasteur đã nghiên cứu và chứng minh là bệnh truyền nhiễm được gây ra bởi một vi sinh vật (vi trùng) chứ không phải do thần linh, không khí hoặc môi

trường sống. Vi trùng bệnh than sinh trưởng rất mạnh trong môi trường có nhiều khí oxy, tuy nhiên vẫn có thể sống và sinh trưởng tiếp tục với ít khí oxy (duỡng khí). Bào tử (*Spores*) của vi trùng có thể sống tiềm ẩn hàng chục năm dưới đất hoặc trong xác thối rửa của súc vật, khi gặm cỏ súc vật sẽ hít những bào tử nằm trong đất và mang bệnh.

■ VI TRÙNG TRUYỀN QUA NGƯỜI BẰNG CÁCH NÀO?

Bằng nhiều cách như: Truyền qua vết trầy hoặc vết đứt trên da, hít bào tử của vi trùng vào phổi, ăn phải súc vật bị bệnh mà không được nấu chín.

Bệnh than mà truyền qua người bằng đường hô hấp thì rất nguy hiểm và thường đưa đến tử vong vì vi trùng tăng trưởng và sinh sản rất nhanh trong những hạch ở khoảng xoang giữa hai lá phổi.

Cho tới nay chưa có trường hợp bệnh than truyền từ người qua người.

■ TRIỆU CHỨNG KHI BỊ NHIỄM BỆNH RA SAO?

Tùy theo 3 cách thức truyền nhiễm bệnh như đã nói trên, triệu chứng thường xuất hiện khoảng một tuần lễ sau khi bị nhiễm.

Bệnh trên da. Đây là trường hợp thông thường nhất, chiếm tới 95% bệnh ở loài người. Mỗi năm có khoảng 2000 trường hợp xảy ra trên toàn thế giới. Khi bị vi trùng xâm nhập qua vết trầy, đứt trên da. Thoạt tiên trên da sẽ có một vết bầm màu đỏ sậm giống như vết sâu bọ cắn, hơi ngứa nhưng không đau. Vài ngày sau vết bầm lan rộng, sưng đỏ, phần giữa mưng nước đục lẫn máu mà khi khô để lại một cái vẩy màu đen đặc biệt. Các hạch ở gần vết thương sưng to. Bệnh nhân thấy trong người một mối, nhức đầu và đau các bắp thịt, nóng sốt, ói mửa. Nếu không được điều trị, 20% bệnh nhân bị tử vong, nhưng nếu được chữa ngay bằng thuốc kháng sinh thì hầu hết đều thoát hiểm.

Bệnh than trong phổi. Khi hít phải vi trùng hoặc bào tử thì bệnh rất trầm trọng (*akut*) và hầu như đều đưa đến tử vong. Bệnh diễn tiến âm thầm với triệu chứng khởi đầu như khi bị cảm cúm. Người bệnh bị nóng sốt, ho liên tục rồi mấy ngày sau hơi thở trở nên khó khăn, mặt xanh nhợt, suy nhược cơ thể, huyết áp giảm, nhịp tim đập loạn xạ và có thể bị hôn mê. Đó là do phổi bị tổn thương và chảy máu ở xoang giữa hai lá phổi, hạch viêm sưng, phổi bị ứ nước. Thời gian từ khi nhiễm bệnh tới khi triệu chứng phát hiện kéo dài từ

nhiều ngày đến nhiều tuần lễ và từ khi phát hiện cho đến lúc tử vong chỉ kéo dài có vài ngày.

Bệnh than trong bộ phận tiêu hóa. Khi ăn phải thức ăn nhiễm trùng thì triệu chứng được nhận thấy như sau: nóng sốt, ói mửa trầm trọng, ăn mất ngon và xuất huyết trong ruột, đi tiêu chảy liên tục. Nếu không được chữa trị kịp thời thì hơn một nửa bệnh nhân sẽ bị thiệt mạng vì vi trùng trong ruột tiết ra những độc tố làm tiêu hủy tế bào ruột, lan vào máu.

Dù sao đi nữa nếu được phát giác kịp thời thì bệnh nhân sẽ được điều trị khỏi.

■ TỬ CHỐI 10 TRIỆU \$US CỨU TRỢ

Thị trưởng New York từ chối một ngân phiếu 10 triệu Mỹ kim do ông Hoàng Rập Alwaleed bin Talal ký tặng để cứu trợ nạn nhân bị khủng bố khi đi thăm nơi bị bọn khủng bố đánh sập.

Lý do: Trong cuộc họp báo, ông Alwaleed kêu gọi Mỹ phải có một lập trường bình đẳng hơn đối với Palestine, khi ông nói rằng: "Các anh chị em Palestine của chúng tôi tiếp tục bị giết dưới tay người Israel, trong khi thế giới quay lưng. Trong những lúc như thế này, chúng ta phải xét đến các nguyên nhân dẫn đến những vụ tấn công hình sự".

Lời nhận xét trên làm cho ông Guliani, Thị trưởng New York, không hài lòng, ông tổ chức một cuộc họp báo để phản bác lời lý luận mà ông gọi là biện minh cho khủng bố. Ông nói: "Không thể tìm một lý do gì biện minh cho hành động đó được. Những kẻ khủng bố đã mất quyền biện minh khi họ đang tâm giết hại trên 5 ngàn người vô tội trong mấy mươi giây". Tìm cách biện minh cho tội ác ngày 11.9, là khuyến khích tội ác xảy ra trong tương lai, và rằng "Những lời phát biểu của Alwaleed chẳng những là sai, mà còn đóng góp vào việc phát sinh vấn đề ấy".

Lời người viết: Theo ý kiến tôi thì lời phát biểu của ông Hoàng không sai. Vì không có một cái quả nào được sanh ra mà không có nhân. Vì thế mỗi có luật "NHÂN QU". Cái quả mà nhân dân Mỹ gặt qua cuộc khủng bố ngày 11.9 quá tàn bạo và khốc liệt nên người Mỹ chỉ còn biết trả thù để rửa nhục và rửa hận chỗ không chịu tìm cái nhân mà họ đã gieo tử nhiều thế hệ tích tụ lại mà hiện giờ là Palestine và nói nào có bàn chân của Mỹ đặt lên trong đó có Miền Nam Việt Nam.

Ngày cựu Tổng Thống Clinton cũng nói: "**Mỹ đang trả nghiệp quá khứ**". Trong bài diễn văn đọc trước 1000 Sinh viên tại hội trường Gaston Hall của Đại Học Georgetown, ông nói: "Khủng bố đã có mặt tại Mỹ hàng trăm năm và Mỹ đang trả giá ngày hôm nay về quá khứ của chủ nghĩa nô lệ và vì làm ngor khi nhiều dân da đỏ ở Mỹ bị cướp giết đất đai, tài sản rồi bị giết chết!"

Sau cùng ông nói: Phải làm thế nào để xây dựng Tự Do - Dân Chủ ở những nơi nào còn bị áp bức, giảm đói nghèo toàn cầu, xóa nợ bạc tỷ Mỹ kim, cải tiến hệ thống y tế, tài trợ giáo dục ở các nước nghèo. Chúng ta trả tiền cho các em đi học còn rẻ hơn nhiều so với tham chiến. Nhưng điều quan trọng nhất là **Dân Chủ**.

■ TIN NGẮN

• Tân Thị Trường New York

Nhà tỷ phú Michael Bloomberg (59t) được bầu làm Thị Trường New York thay thế ông Giuliani đang đảm nhiệm chức vụ quá hai nhiệm kỳ nên không tái ứng cử.

Báo chí hỏi tại sao ông muốn làm Thị Trường New York?

Ông trả lời: 4 chức vụ mà đời tôi hằng mơ ước là:

- 1/ Tổng Thống Mỹ (không thành)
- 2/ Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc (Không thành)
- 3/ Chủ tịch Ngân hàng thế giới (Không thành)
- 4/ Thị Trường New York (toại nguyện).

Với chức vụ Thị Trường, ông chỉ lãnh tượng trưng Một Mỹ Kim một năm. Nhậm chức từ ngày 01.01.2002. Triết lý sống của ông là: "Không, không phải là câu trả lời" (Nein ist keine Antwort).

■ NHÂN VIÊN "SHELTER NOW" ĐƯỢC GIẢI THOÁT

Tám nhân viên của tổ chức từ thiện "Shelter Now" đã bị quân Taliban bắt bỏ tù trên 3 tháng tại Kabul vì bị buộc tội đi truyền đạo Thiên Chúa. Họ được giải thoát khi quân LMPB tràn vào thủ đô Kabul (8 người gồm có 4 người Đức (3 phụ nữ 1 nam), 2 người Mỹ, 2 người Úc).

■ HỌA NGƯỜI NÀY MAY NGƯỜI KIA

Theo sự tiết lộ của những tay lái buôn súng đạn thì nhờ có chiến tranh chống khủng bố mà ngành sản xuất bom, súng đạn ở Mỹ đang phát triển mạnh. Những đại công ty này thâu vào hàng tỷ Mỹ kim

■ NGA

Bộ Trưởng Quốc Phòng Ivanov tuyên bố là Nga sẽ bắt đầu xây dựng một quân đội chuyên nghiệp kể từ năm 2004 sau khi cải tổ xong quân đội.

■ PHÁP

Tổng Thống Chirac cho biết là sẽ đưa chiếc hàng không mẫu hạm "Charles de Gaulle" vào Ấn Độ Dương vào giữa tháng 12.2001 để yểm trợ Mỹ trong cuộc chiến chống khủng bố.

■ THÁI LAN

Thủ Tướng Thaksin Shinawatra đề nghị với Nhật Bản là hai quốc gia ký kết một "Hiệp Ước Mậu Dịch Tự Do" giữa hai nước.

■ TRUNG QUỐC

Vừa trục xuất 35 người Tây phương vì họ biểu tình tại quảng trường Thiên An Môn để phản đối chính quyền Bắc Kinh đã và đang đàn áp phái Luân Công (Falun Gong).

■ TỔ CHỨC MẬU DỊCH THẾ GIỚI (WTO)

Ngày 14.11, tại Doha thủ đô Katar, 142 đại diện của 142 quốc gia thành viên của WTO đã biểu quyết chấp thuận cho Trung Quốc gia nhập làm thành viên thứ 143 và 2 ngày sau đó Đài Loan cũng được thâu nhận làm thành viên thứ 144.

Trung Quốc với số dân 1,3 tỷ người là thị trường tiêu thụ hàng hóa khổng lồ, còn Đài Loan có một nền kinh tế tăng trưởng vượt bậc, nên hai nước này sau khi gia nhập WTO sẽ bơm nền kinh tế thế giới nhẩy vọt.

■ LIÊN HIỆP QUỐC

Ông Kofi Anan Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc và bộ tham mưu đã được giải thưởng "Nobel Hòa Bình" năm 2001. Trong năm qua, ông và cộng sự viên của ông đã làm việc không biết mệt mỏi trong việc tìm kiếm sách lược để thực hiện hòa bình ở vùng Balkan.

■ THỤY SĨ GIA NHẬP LIÊN HIỆP QUỐC

Chính phủ Thụy Sĩ vừa tuyên bố là ngày 3.3.2002, sẽ có một cuộc trưng cầu dân ý xem coi nhân dân Thụy Sĩ có muốn gia nhập vào Liên Hiệp Quốc không? Là một nước Trung Lập từ trước tới nay, Thụy Sĩ cũng như Vatican chỉ hưởng quy chế quan sát viên tại Liên Hiệp Quốc mà thôi. Năm 1986 đã có một cuộc trưng cầu dân ý nhưng thất bại. Nguyên nhân chính của sự chống đối Thụy Sĩ gia nhập vào

Liên Hiệp Quốc là do Đảng Bảo Thủ Nhân Dân Thụy Sĩ.

■ XÂY DỰNG LẠI HAI TƯỢNG PHẬT

Basel - Nhật báo "Basler Zeitung" ở Thụy Sĩ vừa loan tin là Bảo Tàng Viện Afghanistan ở Bubendorf (Basel) và Hiệp Hội "**7 kỳ quan môi**" đã thống nhất một chương trình từng bước tái xây dựng hai tượng Phật khổng lồ (cao 53 thước - trên 1.500 năm) thuộc di tích văn hóa thế giới tại Bamiyan, đã bị chế độ cuồng tín Hồi Giáo Taliban phá hủy vào đầu năm 2000. Trước hết cho thiết lập một cái mô phỏng (kopie) cao 6 thước để trước Bảo Tàng Viện cho dân chúng xem.

Sau khi chế độ Taliban bị loại, một chính phủ Tự Do - Dân Chủ được hình thành thì những chuyên viên ngành khảo cổ sẽ đến tận nơi thu nhặt lại những viên đá, gạch của tượng Phật bị phá hủy để lần lần ráp lại, nếu thiếu sẽ dùng đá, gạch khác trám vào. Ủy Ban tái xây dựng hai tượng Phật kêu gọi sự ủng hộ tài chánh. Mọi chi tiết xin liên lạc qua Internet www.new7wonders.org.

■ MÁY BAY RỐT Ở NEW YORK

Ngày 12.11.2001 máy bay hiệu Airbus 300-600 của American Airlines chuyến số AA.587 chở 246 hành khách và 9 nhân viên phi hành cất cánh lúc 9g47 tại phi trường John F. Kennedy, không đầy 5 phút sau đài kiểm soát không lưu mất liên lạc. Phi cơ rớt ở Thị xã Queens khu dân cư cách New York chỉ có 8 cây số. Tai nạn thảm khốc này làm thiệt mạng tất cả 255 người trên phi cơ, và một số người dưới đất cùng nhà cửa của họ. Chỉ trong vòng 2 tháng người dân New York đã chứng kiến hai tai nạn kinh hoàng. Đúng là: *Họa vô đôn chí*. (Tai họa chẳng chịu đến lẻ loi).

■ VIỆT NAM

Nhà cầm quyền Cộng Sản Việt Nam càng ngày càng lộng hành, muốn bắt bỏ tù ai thì cứ bắt bỏ tù, muốn quản chế ai thì quản chế, muốn khủng bố ai thì khủng bố v.v... Họ bất chấp lời đề nghị, hay đòi hỏi chính đáng của người dân, lời ta thán oán hờn của người cùng khổ. Họ nghĩ rằng họ đang được dựa lưng vào người anh Trung Quốc vĩ đại, được ngồi dưới bóng mát cái lọng của Tàu thì không còn ai dám động đến cái đảng chuyên chính của họ cả!

Họ đã làm vì tục ngữ Việt Nam có câu: **Túc nước vỡ bờ**

Thật vậy, sự chịu đựng của người dân có hạn. Nếu nhà cầm quyền Cộng

Sàn cứ tiếp tục dùng quyền lực sủng dạn dồn đẩy họ vào một con đường không có lối thoát, chắc chắn sẽ có một sự tự phản ứng với một cường độ vô cùng khốc liệt, mà hậu quả không ai có thể lường trước được.

Người Cộng Sản thường nói: *Nỗi nào có áp bức, nơi đó có đấu tranh*. Hiện nay tại Việt Nam, đảng Cộng Sản đang ngày đêm áp bức, bóc lột, khủng bố nhân dân, chắc chắn nhân dân đang đấu tranh để đòi lại quyền làm người, quyền được sống, quyền được yêu nước v.v... Đấu tranh bằng cách nào? Tùy theo không gian và thời gian, khi thì ôn hòa bất bạo động, lúc xuống đường v.v...

Sang năm Nhâm Ngọ, người viết xin gửi tặng nhà cầm quyền Cộng Sản Hà Nội một bài học lịch sử ngắn sử tựa đề là: **Luận cổ suy kim**

Luận cổ suy kim hay nói nôm na là: **Ăn cơm mỗi nói chuyện cũ**. Tuy cũ, nhưng nó vẫn còn có giá trị mãi với thời gian và không gian, vẫn còn là một bài học ngàn vàng cho những tên bạo chúa, những người lãnh đạo độc tài đảng trị.

Câu chuyện như sau:

Trước đây 3000 năm ở Trung Hoa dưới triều đại nhà Chu, có Chu Mục Vương cai trị dân bằng những hình phạt rất tàn khốc. Ông đặt ra 3000 điều hình luật, chia hình phạt ra 5 loại gọi là "*Ngũ hình*", như khắc trên trán, cắt mũi, chặt chân v.v... Nhưng hình phạt dù nghiêm khắc thế nào, cũng không ngăn được sự phản kháng (đấu tranh) của chúng dân, vì họ bị giai cấp thống trị áp bức, bóc lột quá nặng từ vật chất đến tinh thần.

Đến đời vua thứ X, thời Tây Chu là Chu Lệ Vương, việc áp bức, bóc lột nhân dân còn nặng nề hơn. Lệ Vương tin dùng một đại nịnh thần tên Vinh Di Công, cho thực hiện một chế độ "Độc quyền" (như đảng Cộng Sản Việt Nam hiện giờ). Tầng lớp quý tộc (như đảng viên CSVN) chiếm lấy tất cả mọi nguồn tài nguyên thiên nhiên đất nước v.v... dân chúng đói rách cơ hàn phải đi làm mướn làm thuê cho đám quý tộc.

Nhân dân bất mãn với các biện pháp cai trị bạo tàn của Lệ Vương, đâu đâu cũng nghe lời oán hận.

Đại thần Chiêu Công Hồ nghe thấy những lời bàn luận đấu tranh để sinh tồn của nhân dân càng ngày càng nhiều, ông liền vào cung tâu với Lệ Vương:

"Bẩm Đại Vương, trăm họ không chịu nổi với sự cai trị bạo tàn hà khắc của Đại Vương; nếu Đại Vương không

nhANH chóng thay đổi chánh sách thì sẽ có rối loạn khó mà tránh khỏi".

Lệ Vương thần nhiên đáp: "Người chó lo, ta đã có biện pháp đối phó". Thế rồi Lệ Vương liền ra lệnh cấm chỉ nhân dân bàn luận về chính sự. Rồi ông ta ra lệnh cho tay chân bộ hạ là nếu nghe thấy kẻ nào phi báng ta thì phải tâu lên lập tức.

Để lấy lòng Lệ Vương, đám bộ hạ này cây thế hạch sách, hiếp đáp nhân dân, ai không phục tùng bị chúng vu cáo hãm hại không biết bao nhiêu người! Lệ Vương tin đám bộ hạ này, giết hại rất nhiều người. Do đó nhân dân không dám bình luận công khai nữa. Người đi đường gặp nhau, chỉ dùng mắt làm hiệu trao đổi rồi đi thẳng.

Lệ Vương rất hài lòng khi nghe lời tâu là ít nghe thấy dân tán thán. Một lần, Chiêu Công Hồ vào tiếp kiến, Lệ Vương dương dương tự đắc nói: Người xem hiện nay có còn ai dám phê bình triều đình nữa không?!

Chiêu Công Hồ thở dài nói: "Ôi! Làm như thế sao được. Nút chặt miệng người ta lại không cho nói, còn nguy hiểm hơn là chặn lấp mọi dòng sông lại, không cho chảy nữa! Trị *Thủy* thì phải khơi thông dòng chảy, cho nước ra biển; trị *Nước* cũng như vậy, phải khâu gột mọi người nêu ý kiến. Nếu chặn lấp dòng chảy thì sẽ vỡ bờ đập; ngăn chặn ngôn luận thì sẽ sinh đại loạn".

Lệ Vương bùi môi không thềm nghe. Chiêu Công Hồ đành phải lui ra ngoài.

Chính sách độc quyền bạo ngược của Lệ Vương chỉ kéo dài thêm 3 năm nữa, đến năm 841 trước CN, nhân dân không chịu đựng được nổi nữa, họ tổ chức một cuộc bạo động long trời lở đất, bao vây vương cung, tìm giết Lệ Vương.

Được tin, Lệ Vương sợ quá, ăn năn nhưng đã muộn, liền cùng gia tộc và một số thân tín chạy trốn sang đất Trệ để lánh nạn, sống lưu vong tại đó cho đến ngày tàn của một tên bạo chúa!

Lời người viết: *Triều đại Mục Vương và Lệ Vương ở bên Tàu cách nay trên mấy ngàn năm mà sao nó giống như triều đại của Hồ, Đổng, Chinh, Duẩn, Mूर्ी, Linh, Lương, Mạnh, Khải ở Việt Nam quá vậy! Cũng áp dụng chính sách độc quyền, áp bức, bóc lột, cấm đoán tự do ngôn luận v.v...*

Triều đại Mục Vương - Lệ Vương đã bị nhân dân đứng lên đấu tranh lật đổ. Còn triều đại Lương, Mạnh, Khải ở

Việt Nam hiện giờ thì sao? Người dân không muốn gì hơn là mong mỗi các người hãy nhìn cái gương của Mục Vương và Lệ Vương để mà nhanh chóng thay đổi chính sách trị nước chăm dân, nếu không lịch sử trên 3 ngàn năm trước dưới triều đại nhà Chu, và trong 10 năm gần đây dưới triều đại Honecker ở Đông Đức, Ceacescu ở Rumani sẽ được lập lại.

Thành ngữ Việt Nam có câu:

Xe trước ngã, xe sau phải tránh hay

Tiền xa ký phúc, hậu xa giới chi

Có nghĩa là: Người trước đã vì một lỗi lầm nào đó mà thất bại, người sau nên tránh lỗi lầm ấy. Chỉ mong vậy thôi!

■ BỎ TÙ LINH MỤC NGUYỄN VĂN LÝ

Tòa án Cộng Sản Việt Nam tại thị xã Huế đã kêu án Linh Mục Nguyễn Văn Lý 15 năm tù ở và 5 năm quản chế, về tội: "Đòi Tự Do Tôn Giáo". Bản án này đã nói lên chính sách cai trị độc tài toàn trị của đảng CSVN. Họ xem thường dư luận quốc tế và sự đấu tranh đòi Tự Do - Dân Chủ trong đó có Tự Do Tôn Giáo của nhân dân Việt Nam.

Không riêng gì Linh mục Nguyễn Văn Lý bị Cộng Sản bỏ tù về tội "Đòi Tự Do Tôn Giáo" mà Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Xử Lý Thường Vụ Viện Tăng Thống Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất cũng đã bị Cộng Sản lưu đầy quản chế tại một cái chòi ở quận Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi trên 20 năm nay cũng về tội đòi "Tự Do Tôn Giáo". Mặc dù đã có lệnh tha, nhưng chính quyền Cộng Sản địa phương vẫn giam giữ Ngài cho đến nay. Còn Hòa Thượng Thích Quảng Độ, Viện Trưởng Viện Hóa Đạo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất đang bị giam trên lầu một tại Thanh Minh Thiền Viện ở Sài Gòn từ đầu tháng 6.2001 về tội: Dự định đi ra Quảng Ngãi rước Hòa Thượng Thích Huyền Quang vào Sài Gòn chữa bệnh.

Những vị lãnh đạo tinh thần các Tôn Giáo khác như Hòa Hào, Tin Lành cũng cùng chung số phận tù đầy như bên Thiên Chúa Giáo và Phật Giáo vậy.

■ NÔNG ĐỨC MẠNH LÀ MỘT TRONG 39 CON THÚ SÁT HẠI "TỰ DO BÁO CHÍ"

(Paris - 6.11/NV) - Tổng Bí Thư đảng CSVN Nông Đức Mạnh là một trong 39 tên lãnh tụ các nước độc tài đảng trị bị Hội Đồng Phóng Viên

Không Biên Giới (HĐPVKGB) có trụ sở ở Pháp cho tên vào danh sách "những con thú ăn thịt" (Predators) sát hại các nền tự do báo chí nơi các quốc gia của họ.

Bản tin phổ biến trong ngày 6.11.2001 của HĐPVKGB về danh sách các "con thú ăn thịt" báo chí cho thấy tên của Nông Đức Mạnh nằm cùng những "đại gia" nổi tiếng thế giới khác như Giang Trạch Dân (Trung Cộng), Kim Chính Nhật (Bắc Hàn), Mohammad Omar (Afghanistan), M. Gadhafi (Libya), V. Putin (Nga), F. Castro (Cuba), Than Shwe (Miến Điện), K. Siphandon (Lào), J. Kaliba (Congo) v.v...



Kèm theo danh sách, HĐPVKGB cũng kèm theo tiêu sử ngắn của Mạnh với những nét nổi bật về sự đàn áp giới cầm bút. HĐPVKGB viết rằng, tuy ông ta là một người trẻ nhất trong Chính Trị Bộ, ở tuổi 61, Mạnh chẳng phải là nhà cải cách (như người làm tướng). Trong 8 năm làm Chủ tịch Quốc Hội, Mạnh đã cho thông qua một luật siết chặt sự kiểm soát báo chí trong nước.

Một nhà báo bất đồng chính kiến với chế độ, ông Nguyễn Đình Huy, bị bỏ tù từ tháng 11.1993. Ông Huy bị kêu án 15 năm tù vì "tham dự một phong trào bị cấm". Mạnh được đưa lên làm Tổng Bí Thư hồi tháng Tư vừa qua để thay thế Lê Khả Phiêu bị coi như quá thủ cựu. Nhiều người cho rằng Mạnh chỉ là một lãnh tụ tầm thường nhưng được đôn lên nhờ là giọt máu rơi của Hồ Chí Minh.

Năm 1999, Mạnh chịu trách nhiệm về một đạo luật bóp cổ báo chí bằng cách cho Bộ Văn Hóa Thông Tin toàn quyền khống chế ngành truyền thông, đặc biệt là lãnh vực Internet.

Tại Việt Nam, cả nước có gần 500 tờ báo, nhưng tất cả đều là công cụ của đảng và nhà nước Cộng Sản từ trung ương đến địa phương. Không một tờ báo tư nhân nào được xuất bản.

Cựu đảng viên cao cấp và là công thần của chế độ, tướng Trần Độ, nộp đơn xin phép ra báo cũng bị đảng lừa đi. Các giáo hội tôn giáo như Công Giáo, Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, nộp đơn xin ra báo cũng bị lừa đi. Chỉ có các

cơ quan, đoàn thể ngoại vi của chế độ mới được ra các tờ báo cò mồi.

Ông Nguyễn Đình Huy vì ra báo kêu gọi chế độ tôn trọng dân chủ mà bị bỏ tù khi ông đã 68 tuổi.

Tuần trước, CSVN cho họp tổng biên tập của các tờ báo cả nước lại để răn đe, buộc họ phải nhớ là "làm công cụ cho đảng" chứ không phải làm báo để câu khách kiếm tiền. Nói cách khác, họ chỉ là bồi bút viết theo nhu cầu tuyên truyền một chiều của đảng mà họ gọi là "dân chủ gấp triệu lần các nước tư bản".

Tờ Quân Đội Nhân Dân lại nhài viết bình luận mấy tuần lễ đã kích sự tự do báo chí kiểu Tây phương và nói cái nước CSVN không cần đến thứ tự do đó.

Khi kẻ thống trị có toàn quyền sử dụng bạo lực để khống chế dân chúng, hiển nhiên báo chí phải bị khóa mồm, bẻ tay để chỉ thông tin một chiều phục vụ chế độ.

Trong số 486 tờ báo ở Việt Nam hiện nay từ nhật báo đến nguyệt san với hơn 10.000 ký giả, tất cả đều lãnh lương của chế độ và làm theo "đơn đặt hàng" từ bên trên ném xuống, không có tinh thần độc lập.

Tệ nạn tham nhũng, nạn của quyền nhờ đó mà luồn sâu leo cao ngang dọc mỗi ngày một kinh hoàng hơn. Trên hết, sự độc tài độc đảng được cả hệ thống truyền thông bồi bút một mặt ca tụng và mặt khác phục họa chửi bới những ai cố võ dân chủ, dân quyền thực sự.

Lời người viết: Tôi xin lập lại lời của ông Chiêu Công Hồ cách nay trên 3 ngàn năm. Ông nói: "Trị Thủy thì phải khởi thông dòng chảy, cho nước ra biển; trị Nước cũng như vậy, phải kêu gọi mọi người nên ý kiến. Nếu chặn lấp dòng chảy thì sẽ vỡ đập; ngăn chặn ngôn luận thì sẽ sinh đại loạn".

■ ĐẠI SỨ MỸ Ở VIỆT NAM: ƯU TIÊN CÁI TỔ NHÂN QUYỀN, LUẬT PHÁP

Ông Burghardt, người được Tổng Thống Bush bổ nhiệm làm tân Đại sứ Mỹ tại Việt Nam thay thế ông Peterson, tại buổi điều trần trước Ủy ban Ngoại Giao Thượng Viện, ông đã nói rõ quan niệm và nhiệm vụ của ông gồm có 3 phần:

1/ Phải nỗ lực hợp tác với chính quyền Việt Nam trong việc tìm kiếm những quân nhân Mỹ mất tích tại Việt Nam.

2/ Theo dõi sự thi hành những điều khoản mà Việt Nam đã cam kết trong bản Hiệp Định Thương Mại.

3/ Đối thoại thẳng thắn và chân thật với Việt Nam về Nhân Quyền và Tự Do Tôn Giáo.

Theo ông, tất cả những điều này gần thành như một loạt những vấn đề mà Việt Nam cần phải quyết định mở ra để đi vào thế giới và Việt Nam cần phải thoải mái chấp nhận cho dân mình được tự do hơn.

■ LÀM HỘ CHIẾU CÔNG VỤ GIẢ ĐỂ VƯỢT BIÊN

(Hà Nội-VNN) Công an Hà Nội vừa khởi tố 10 bị can trong một đường dây tổ chức đưa người trốn ra nước ngoài qua Thái Lan, sang Nam Hàn, bằng hộ chiếu công vụ giả. Quá trình điều tra hai tháng, bắt đầu từ tháng 8, đã truy bắt nhóm tội phạm này. Đầu tháng 3, Cảnh sát Thái phát hiện 42 người Việt Nam, đa số ở Hà Nội và Sài Gòn, sử dụng hộ chiếu công vụ giả để xuất cảnh tiếp sang Nam Hàn. Cảnh sát đã thu số hộ chiếu trên và thông báo cho Đại sứ quán CSVN tại Thái Lan biết, đồng thời phạt giam 128 ngày và phạt tiền số người này.

Qua lời khai của những người đang tìm đường sang Nam Hàn cho thấy, họ được một nhóm người nhận làm dịch vụ với giá 5.500 - 6.000 đô-la mỗi người. Nhóm này gồm nhiều tên, như Đoàn Văn Mạnh, sinh 1975, ở huyện Tiền Hải, Thái Bình; Nguyễn Văn Nhã, sinh 1957, Phó phòng Kế toán Xí nghiệp Vận tải xe hơi sân bay Nội Bài; hai ca sĩ phòng trà ở Sài Gòn là Đỗ Thị Phương Nga, Đỗ Thị Phương Tâm...

Các nghi can khai là chúng gom được 42 hộ chiếu công vụ của cán bộ ở nhiều ngành khác nhau, được cấp từ năm 1996 và hiện không sử dụng nữa. Sau đó, chúng bóc ảnh cũ, dán ảnh mới, làm giả các con dấu, thủ tục vào hộ chiếu công vụ. Những người muốn trốn ra nước ngoài còn phải xin cấp hộ chiếu phổ thông để qua cửa khẩu Việt Nam. Tới Thái Lan, họ mới dùng hộ chiếu công vụ để quá cảnh sang Nam Hàn.

Cho đến nay, 7 nghi can trong đường dây này đã bị tạm giam, 2 người được tại ngoại và một đang bỏ trốn. Riêng về nguồn gốc của 42 hộ chiếu này từ đâu mà có thì còn là điều bí mật.

■ LỆ MỚI: MUỐN GỬI THỦ PHẢI KÝ GIẤY KHÔNG... KHIẾU NẠI

(Hà Nội-VNN) Anh Nguyễn Văn Thủy đến phòng giao dịch của Bưu Điện Hà Nội tại số 1 Lê Thạch để gửi một bức thư đi Mỹ. Sau khi làm các thủ tục kê khai dịch vụ chuyển phát nhanh EMS, nhân viên của Phòng giao dịch

tính phí dịch vụ chuyển bức thư là 282.000 đồng, kèm theo yêu cầu khách viết cam đoan không khiếu nại khi bức thư này chậm đến địa chỉ người nhận hoặc bị... thất lạc.

Trường hợp của anh Thùy không phải là cá biệt mà rất nhiều khách hàng cũng phải ký bản cam đoan như vậy. Khi khách hàng thắc mắc thì được nhân viên Phòng giao dịch giải thích: "Do tình hình an ninh của Mỹ chưa đảm bảo sau sự kiện 11/9 nên thư tín đến nước này cũng có thể sẽ bị chậm hơn so với trước đây hoặc thậm chí thất lạc. Trước tình hình đó, Tổng công ty Bưu chính Viễn thông đã có công văn khuyến cáo và yêu cầu các Bưu cục phải buộc khách hàng làm cam kết không khiếu nại trước khi gửi thư". Tuy nhiên, các nhân viên bưu điện không thể đưa ra bản công văn này.

Anh Thùy tức tối nói: "Tôi chưa từng gặp trường hợp nào kỳ lạ đến như vậy. Bỏ gần 300.000 đồng để chuyển một bức thư mà lại phải cam đoan nếu mất thư thì không được thắc mắc. Vậy nhân viên bưu điện cần gì phải làm dịch vụ chuyển thư, cứ việc vứt thư đi rồi bỏ túi 3 trăm ngàn đồng, chẳng ai biết, mà có biết thì cũng chẳng sợ, vì khách hàng đã cam kết không khiếu nại. Làm việc kiểu này chắc chẳng ở đâu xảy ra, chỉ có nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam "đỉnh cao trí tuệ" mà thôi!

■ CỘNG SẢN VIỆT NAM, DỌA KÊ KHAI TÀI SẢN ĐỂ... CHỐNG THAM NHƯNG

(Hà Nội-VNN) Nội dung quan trọng của chương trình nghị sự Hội nghị Trung ương IV là bàn về các biện pháp chống tham nhũng và lãng phí. Tổng thanh tra Nhà nước Tạ Hữu Thanh, Ủy viên Trung Ương Đảng cho biết nội dung cụ thể các giải pháp được thông qua tại Hội nghị.

Hội nghị đã biểu quyết thông qua 9 biện pháp chống tham nhũng:

1. Tăng cường giáo dục các đảng viên.

2. Kiện toàn các chính sách pháp luật.

3. Mọi cán bộ đảng viên và công chức phải kê khai tài sản, nhà đất và tài sản dùng trong sản xuất kinh doanh.

4. Tập trung xem xét các vụ việc nổi cộm, phải xét lại nếu chưa được sự đồng tình của nhân dân

5. Xử lý người đứng đầu các cơ quan để xảy ra các vụ tham nhũng gây lãng phí lớn.

6. Nghiêm cấm các cán bộ sử dụng công quỹ để biếu xén, quà cáp cấp trên.

7. Đưa 19 điều cấm cán bộ đảng viên vào điều lệ Đảng.

8. Phân công một số ủy viên Bộ Chính Trị và Ban Bí Thư trực tiếp chỉ đạo cuộc đấu tranh chống tham nhũng.

9. Tăng cường tổ chức chỉ đạo của T.Ư thực hiện nghị quyết 6.

Việc phải kê khai tài sản trên diện rộng sẽ bắt đầu từ năm 2002, sau khi sửa đổi bổ sung Nghị định 64. Hằng năm, đảng viên khai bổ sung lý lịch thì kê khai luôn tài sản của cá nhân và gia đình.

Một vấn đề khác cũng được bàn tới nhiều trong Hội nghị là vấn đề chống lãng phí. Thanh cho biết, tới đây, Chính phủ sẽ yêu cầu giảm hội họp, lễ lạc, đón tiếp khen thưởng phô trương hình thức. Ở ngành, địa phương chỉ tổ chức lễ kỷ niệm năm chẵn (năm kỷ niệm có số tận cùng bằng 0). Đặc biệt, nghiêm cấm hẳn dùng tiền công làm tiền thưởng, quà tặng... Những biện pháp tương tự như trên đã được nhà nước cộng sản đưa ra từ lâu nay, tuy nhiên chỉ có giá trị trên hình thức, vì chính lãnh đạo cao cấp của đảng là thành phần tham nhũng lớn nhất.

■ PHAN VĂN KHẢI BỊ NÉM TRỨNG

(Berlin-VNN) Nhằm vận động đầu tư quốc tế, Thủ Tướng CSVN Phan Văn Khải đã đến Đức ngày 9.10.2001. Tuy

nhiên đến sáng ngày 10.10, Khải mới được Thủ Tướng Đức, ông Gerhard Schröder, tiếp kiến. Cuộc gặp gỡ đã diễn ra trong một không khí tẻ nhạt độ 30 phút và không có phần phỏng vấn của báo chí. Trong khi đó phía bên ngoài, đồng bào biểu tình đã trực diện sẵn với cờ vàng, biểu ngữ và hô khẩu hiệu:

- * Dân Chủ Cho Việt Nam
- * Nhân Quyền Cho Việt Nam
- * Tự Do Tôn Giáo Cho Việt Nam

Ngoài ra Ủy Ban Điều Hợp Công Tác Đấu Tranh tại Đức đã tổ chức một cuộc biểu tình vào

lúc 15 giờ ngày 10.10 trước tòa nhà kinh tế của Đức là nơi tổ chức buổi nói chuyện về đầu tư giữa Khải và giới thương gia Đức. Đoàn biểu tình đã ném hàng loạt trứng vào xe chở Khải và giơ cao biểu ngữ nội dung bằng tiếng Đức như:

* Trước hết là Nhân Quyền, sau mới Đầu Tư

* Bạo quyền Hà Nội = khủng bố = Chống lại Nhân Quyền và Tự Do Tôn Giáo

* Bạo quyền Hà Nội là một nước hối lộ tham nhũng vĩ đại tử trước tới nay

* Hãy trả tự do cho tất cả tù nhân lương tâm tại Việt Nam

* Hãy hủy bỏ ngay Nghị định vi Hiến 31/CP



Biểu tình phản đối Khải bên cạnh Thủ Thủ Tướng



Biểu tình trước tòa nhà kinh tế Đức



Cảnh sát đang áp giải hai người ném trứng vào xe Khải

Tin

Đức Quốc

Nguyễn-Lê Hoài-Việt

• Tính toán và lưỡng tâm

(Lời Thủ Tướng Đức với những Dân Biểu chống đối)

- 09.11.2001 - Thủ Tướng G. Schröder (SPD) đã quyết định, dùng uy thế cá nhân của mình để đạt cho được đa số ủng hộ của liên minh cầm quyền.

Ngày thứ ba đến, 13.11.2001, ông muốn nói chuyện trực tiếp với 47 Nghị viên của đảng Xanh để yêu cầu họ bỏ phiếu thuận cho việc tham chiến của quân đội Đức trong chiến tranh chống khủng bố tại A Phú Hãn.

Tuy nhiên ông đã dự đoán là không thể lay chuyển được hết tất cả các Dân Biểu của Liên Minh. Phát ngôn viên chính phủ, ông Uwe-Karsten Heye, nhấn mạnh rằng sẽ hỏi ý kiến của tất cả Nghị viên. Theo ông Heye chuyện mà SPD đòi hỏi đảng Xanh (với xu hướng chủ trương hòa bình) sẽ gặp khó khăn trong khi biểu quyết hơn là đối với những người có khuynh hướng bảo thủ là chuyện bình thường.

• Đảng Xanh tìm một quyết định

- 9.11.2001 - Dân Biểu đảng Xanh đã họp lại sau khi một buổi họp bất thường của khối Dân biểu Xanh trong Quốc Hội bị cắt đứt sau cuộc bàn cãi thật dữ dội vào chiều thứ tư vừa qua. Ông Joschka Fischer, Bộ Trưởng Ngoại Giao, không tham dự buổi họp này vì lý do đi thăm đồng minh. Ngoài ra đó chỉ là buổi họp của Hội Đồng Quản Trị đảng Xanh. Trọng điểm buổi họp là việc thảo luận về những thay đổi trong bản phúc trình chung cho việc chuẩn bị đưa quân đội tham chiến cũng như những đề nghị để biểu quyết trong Quốc Hội liên quan đến việc này. Nhưng những quyết nghị đó không được dự trù trong khối đảng Xanh tại

Quốc Hội cũng như Hội Đồng Quản Trị Liên Bang.

Nhiều Dân Biểu đã tách ra vì không đồng ý vài chi tiết trong những nghị quyết đã đề ra cụ thể của việc tham chiến. Ngoài ra cũng cần phải rõ ràng là Đức, bên cạnh sự giúp đỡ về quân sự còn phải lo giúp đỡ về phát triển, nhân đạo, chính trị và ngoại giao để giải quyết những xung đột. Do đó thêm một đề nghị nữa sẽ được đưa ra trước Quốc Hội để thảo luận lại việc này.

Khó khăn hơn nữa là tình trạng của đảng Xanh ở hạ tầng cơ sở. Cho đến giờ 10 của 16 Hội Đồng Tiểu Bang đã đòi hỏi chấm dứt oanh tạc, không một Hội Đồng Tiểu Bang nào đồng ý sự tham chiến của quân đội Đức tại A Phú Hãn.



• SPD lung lay

- 09.11.2001 - Chủ Tịch khối Dân Biểu SPD, Peter Struck, không tin rằng liên minh cầm quyền sẽ tan vỡ về sự khác biệt trên. Ông Struck đã nói với đài truyền hình ZDF, dĩ nhiên cần phải có một sự biểu quyết đồng nhất trong liên minh chính quyền nhưng quan trọng vẫn là một đa số rõ ràng trong buổi họp chung.

Struck tuyên bố rằng ông ta cùng với Thủ Tướng Schröder sẽ nói chuyện với từng Nghị viên của SPD có ý định bỏ phiếu chống việc quân đội Đức tham chiến ở A Phú Hãn. SPD muốn xác định lại thái độ bỏ phiếu của những Dân Biểu này vào ngày thứ ba. Quốc Hội sẽ biểu quyết về sự tham chiến của quân đội Đức trong tuần tới.



• Thủ Tướng Schröder thắng tại Quốc Hội



VERTRAUENSFRAGE
und Bundeswehr-Entscheidung



Tin giờ chót 16.11.2001 - Thủ Tướng Đức đã thắng trong vụ bỏ phiếu tín nhiệm ông hôm nay tại Quốc Hội.

Tại Quốc Hội liên minh có tất cả 421 đại biểu, khối độc lập có 325 phiếu. Schröder cần tối thiểu 334 phiếu thì việc xác tín được thông qua. Trong cuộc bỏ phiếu công khai, ông Schröder được 336 phiếu thuận, 326 phiếu chống (như vậy, theo người viết, là có 1 đại biểu của liên minh cầm quyền bất tín nhiệm ông).

Như vậy thì liên minh vẫn còn tín nhiệm ông (sau nhiều ngày đã thông tư tưởng trong nội bộ hai đảng cầm quyền Đỏ Xanh) cũng như đồng ý cho chính phủ gọi quân đội tham chiến tại A Phú Hãn.

• Tổn thất hàng tỷ thuế



Trong năm 2001 và 2002, Liên Bang, Tiểu Bang và các làng xã sẽ thu nhận thuế ít hơn 16,4 tỷ Euro. Đó là kết quả của tổ chức chiết tính về thuế má dựa theo lời phát biểu của Bộ Trưởng Tài Chánh Hans Eichel (SPD).

Eichel đã giải thích, trong năm nay sẽ thu ít hơn 6,6 tỷ Euro so với chiết tính thuế trong tháng 5.2001 vừa qua. Riêng Liên Bang phải tính là thu nhận ít hơn khoảng 2,1 tỷ trong năm 2001 và khoảng 2,7 tỷ Euro trong năm 2002. Tuy nhiên Eichel cũng nhấn mạnh rằng sự tổn thất này chỉ có tính cách ngắn hạn cho nên Eichel từ chối không chỉ đợi những biện pháp cải tổ về thuế đã được thông qua tại Quốc Hội trong 2003 vào 2002 cũng như từ chối những biện pháp giảm thuế khác.

• **Khối đối lập phê bình**

Trước khi sự tổn thất thuế má khoảng 16,4 tỷ Euro được tuyên bố, Chủ tịch khối Dân biểu đối lập Friedrich Merz lần nữa đã chỉ trích chính sách kinh tế và chính sách liên quan đến thị trường làm việc của chính quyền liên bang. Theo Merz thị trường làm việc không ổn định và nguyên nhân đưa đến tổn thất thuế má trên là do sự tăng trưởng kinh tế Đức bị suy giảm và không đáng gì đến vụ khủng bố ngày 9.11.01 tại Mỹ vừa qua.

Sự tiên liệu này là nền tảng cho những phác thảo về ngân sách của liên bang, tiểu bang và thị xã cho năm tới 2002. Theo sự tính toán của Bộ Tài Chánh Bá Linh thì nhà nước sẽ phải nhập thu thuế khoảng 31 tỷ Euro ít hơn trong năm 2001 và 2002 so với chiết tính từ đầu năm này. Dự tính trên còn tùy thuộc vào chuyện mà Bộ Trưởng Tài Chánh Hans Eichel có giữ vững được những biện pháp tiết kiệm của ông ta đã đưa ra không .

• **Bầu cử lại trong trường hợp Schröder thất bại**



Thủ Tướng Schröder hoàn toàn lệ thuộc vào đa số của liên minh trong buổi họp biểu quyết tại Quốc Hội vào ngày thứ sáu 16.11.01 vì khối độc lập và FDP không muốn tin nhiệm và PDS đảng hậu thân của Cộng Sản Đức từ căn bản đã từ chối không chấp nhận

chuyện quân đội Đức tham chiến ở A Phú Hãn.

Trong trường hợp thất bại, Schröder muốn có bầu cử lại trong đầu năm 2002 theo nguồn tin từ Thủ Thủ Tướng cho biết.

• **Theo Dân biểu Xanh Hermann**

Dân biểu Quốc Hội Winfried Hermann (Xanh) đánh dấu việc thắc buộc "biểu quyết tham chiến" và "xác tín" là một sự áp bức. Ông ta không để cho ai cưỡng ép hết. Trong trường hợp Thủ Tướng Schröder chỉ muốn xét lại sự tin nhiệm không phụ thuộc gì về việc tham chiến, ông ta sẵn sàng bỏ phiếu tin nhiệm Schröder.

• **Khối đối lập CDU/CSU và FDP bất tin nhiệm Schröder**

Nếu Schröder liên kết việc "xác tín" với sự biểu quyết đồng ý tham chiến thì khối độc lập dân biểu CDU/CSU trong Quốc Hội sẽ bỏ phiếu chống, vì trong trường hợp này, theo ông, căn bản để thỏa hiệp không có. Chủ Tịch khối đối lập Quốc Hội Merz nói: Từ phía khối đối lập rất rõ ràng tham chiến "thuận" còn tin nhiệm thì "không".



Chủ Tịch đảng FDP, ông Guido Westerwelle nói với Schröder sau khi hội thảo với khối Dân biểu tại Quốc Hội: "Chúng tôi không chịu trách nhiệm cho liên minh cầm quyền".

• **Schröder trông đợi kỷ luật trong liên minh**

Schröder đã nói về quyết định có tính cách lịch sử của ông:

Khi đặt câu hỏi về sự tin nhiệm là tôi muốn xác định rõ ràng lập trường chính trị cũng như làm sáng tỏ ra rằng tôi muốn đòi hỏi đa số khối Dân biểu liên minh cầm quyền trong Quốc Hội tin nhiệm tôi.

Khối Dân biểu Quốc Hội SPD muốn biểu quyết thuận đồng nhất. Trong khi đó đảng Xanh còn phải đã thông tư tưởng trong nội bộ. Tuy nhiên Schröder tin tưởng rằng liên minh sẽ chiếm đa số. Schröder đã quyết định lấy sự biểu quyết về việc gởi quân đi A Phú Hãn làm nền tảng để xét lại sự tin nhiệm của Quốc Hội dành cho ông vào ngày thứ sáu 16.11.2001.

• **Schröder muốn củng cố liên minh**



Để biện minh cho việc làm của mình, Schröder muốn liên minh Đỏ Xanh vẫn tiếp tục duy trì sau vụ bầu cử 2002. Ngoài ra vì tình hình kinh tế ông ta cần có một liên minh cầm quyền vững chắc. Chủ tịch khối Quốc hội, Dân biểu Peter Struck (SPD) đồng ý bầu cử lại trong trường hợp Thủ Tướng Schröder không còn được tin nhiệm. Ông Struck nói: SPD sẽ không liên minh với khối độc lập CDU/CSU hay FDP.

Qua đài truyền hình ARD ông ta phủ nhận việc chỉ trích Thủ Tướng Schröder đã dùng biện pháp "xác tín nhiệm" để áp bức những Dân biểu chống đối. Ông Struck nói: Chúng tôi không ép buộc ai hết. Ông yêu cầu những người chống đối trong nội đảng SPD nên trả lại Mandat của mình.

• **Hành động lịch sử của Schröder**

Đặt lại vấn đề tin nhiệm cho đến nay chỉ xảy ra 3 lần tại Cộng Hòa Liên Bang Đức:

- năm 1972 của Willi Brand
- 02.1982 của Helmut Schmidt, và
- vào tháng 12.1982 của Helmut Kohl.

Tuy nhiên thất bại sự xác tín với một quyết định về một sự kiện khác thì chưa từng có.

Đúng ra phải biểu quyết về sự tham chiến vào ngày thứ năm này nhưng

căn cứ vào luật Đức, điều 68, thì phải chờ đến 48 giờ sau khi Thủ Tướng yêu cầu xét lại sự tin nhiệm nói trên, cho nên sự biểu quyết phải dời lại ngày thứ sáu 16.11.2001.



Trong trường hợp Schröder không còn được tin nhiệm, ông ta có quyền yêu cầu Tổng Thống Johannes Rau giải tán Quốc Hội trong vòng 21 ngày và ấn định ngày bầu cử lại. Nhưng Schröder cũng có thể làm "Chef" của một chính phủ không có đa phiếu ủng hộ hoặc là từ chức Thủ Tướng.

• **Trong trường hợp liên minh tan vỡ**
Đa số dân Đức đồng ý bầu cử lại.

Qua sự trưng cầu dân ý của Forsa thì 56% số người được hỏi ý kiến yêu cầu bầu cử lại trong trường hợp liên minh Đỏ Xanh tan rã, 17% chấp nhận liên minh giữa SPD/FDP hoặc là SPD/CDU.

Theo sự thăm dò ý kiến trong tuần này thì 63% không tin rằng liên minh cầm quyền sẽ bị tan vỡ vì sự tranh chấp nhau về chuyện tham chiến của quân đội Đức tại A Phú Hãn.

49% nghĩ rằng đảng Xanh vẫn còn tham chính trong trường hợp đa số Nghị viên đảng Xanh bỏ phiếu chống; 72% bày tỏ ý kiến là Joschka Fischer nên tiếp tục giữ chức vụ Bộ Trưởng Ngoại Giao trong trường hợp liên minh rã.

• **Đảng Xanh chuyển mình**

Đã có một vài chuyển động trong khối tám người dân biểu đảng Xanh chống lại chuyện quân đội Đức tham chiến từ trước đến nay qua nước cờ (Schachzug) của Schröder.

Theo lời Christian Ströbele, người từ trước đến nay chỉ trích việc tham chiến tại A Phú Hãn thì bây giờ hậu quả của sự chống đối được cụ thể hơn sau khi Schröder nói chuyện hơn một tiếng đồng hồ với khối Dân biểu đảng Xanh tại Quốc Hội. Nhóm của Ströbele sẽ gặp nhau sau buổi họp của khối đại biểu Quốc hội Xanh để bàn lại thái độ biểu quyết sắp tới.

THÔNG BÁO

của Ban Biên Tập Báo Viên Giác

I.- Đổi địa chỉ: Mặc dầu chúng tôi đã nhiều lần lưu ý quý độc giả khi có đổi địa chỉ nên biên thư về Chùa cho biết:

- a. Họ và Tên
- b. Địa chỉ cũ
- c. Địa chỉ mới

Nhưng trong thời gian qua, chúng tôi vẫn nhận được thư của quý vị đổi chỗ ở mà chỉ ghi có địa chỉ mới, không có địa chỉ cũ. Do đó, khi bị trùng Họ & Tên và cùng tỉnh, chúng tôi không biết ai đổi địa chỉ?! Một lần nữa xin quý vị lưu ý cho.

II.- Địa chỉ phải được viết thật rõ ràng (nhất là chữ n hay chữ u - tốt hơn hết là viết chữ Hoa).

III.- Ủng hộ báo Viên Giác

Báo Viên Giác mỗi năm phát hành 6 số, trong đó có số Xuân. Báo Xuân Nhâm Ngọ số 126 (200 trang) mà quý độc giả đang cầm trên tay, chúng tôi đã in 5.800 cuốn, gửi đi 34 quốc gia trên thế giới. Chi phí về tiền tem, giấy mực, ấn loát cho 6 số báo rất cao mặc dù vẫn có sự giúp đỡ của chính phủ Đức, nhưng chúng tôi cũng rất cần sự ủng hộ nhiệt tình về tài chánh của quý vị.

Mỗi năm, mỗi độc giả ở ngoài nước Đức xin ủng hộ 30 Mỹ kim, còn trong nước Đức 15 Euro thì chúng tôi có đủ tiền để trang trải các phí tổn nêu trên và sửa chữa máy móc khi bị hư hỏng.

Số tiền trên, quý vị có thể gửi bằng Check, Money Order, chuyển vào Konto của Chùa (có ghi trên mỗi tờ báo) hoặc gửi bằng tiền mặt xin dán kín.

Xin cảm ơn quý vị trước.



PHIẾU ỦNG HỘ

Họ và Tên

Địa chỉ:

.....

.....

Số tiền :

Giấy chứng nhận khai thuế Có Không

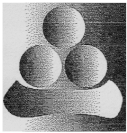
Độc giả mới

Độc giả cũ

Tranh Hí Hoạ

• CỦA HỌ SĨ HIẾU ĐỀ





Thông Cáo Báo Chí làm tại Paris

● Ngày 30.10.2001

Phái Đoàn Văn Phòng II Viện Hóa Đạo (Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Hoa Kỳ) đến Canada vận động Chính giới, và tổ chức Hội luận về Lời Kêu gọi cho Dân Chủ Việt Nam của Hòa Thượng Thích Quảng Độ.

Từ ngày 21.10.2001 đến ngày 28.10.2001, Phái đoàn Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Hoa Kỳ - Văn Phòng II Viện Hóa Đạo (GHPGVNTNHN-HK - VP II VHĐ) và Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế đã đến Canada vận động Chính giới và Quốc Hội Canada về thăm trạng đàn áp tôn giáo nói chung và Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất nói riêng tại Việt Nam. Hòa Thượng Thích Hộ Giác, Phó Viện Trưởng Viện Hóa Đạo kiêm Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHN-HK - VP II VHĐ, Thượng Tọa Thích Giác Đăng, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Truyền Thông GHPGVNTNHN-HK - VP II VHĐ, Thượng Tọa Thích Chơn Trí, Chánh Đại diện miền Vạn Hạnh (Nam California), Thượng Tọa Thích Thiện Tâm, Chủ Tịch Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Canada (GHPGVNTNHN-Canada) kiêm Đại diện Văn Phòng II Viện Hóa Đạo tại Canada, Thượng Tọa Thích Bốn Đạt, Phó Chủ Tịch GHPGVNTNHN-Canada, Đại Đức Thích Nhật Trí, Tổng Thư Ký GHPGVNTNHN-Canada, Đại Đức Thích Tâm Hòa, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Hoàng Pháp GHPGVNTNHN-Canada. Tháp tùng phái đoàn có Thượng Tọa Thích Quảng Ba, Phó Hội Chủ GHPGVNTNHN tại Úc Đại Lợi-Tân Tây Lan; từ Paris sang, có Giáo sư Võ Văn Ái, Giám Đốc Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế, Phát ngôn nhân Viện Hóa Đạo, kiêm Tổng Vụ Trưởng Ngoại Vụ GHPGVNTNHN-HK - VP II VHĐ, Nhà văn Ý-Lan, Phó Giám Đốc Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế, Đặc trách quốc tế vụ.

Chuyến đi vận động tại Canada do Thượng Tọa Thích Thiện Tâm, Chủ

Tịch Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN HN tại Canada chu toàn tổ chức.

Trong hai ngày 24 và 25.10.2001, Phái đoàn đến thủ đô Ottawa vận động chính giới và Quốc Hội Canada. Theo dự trù, Phái đoàn sẽ được Ngoại Trưởng John Manley tiếp, nhưng vì công tác quốc tế đột xuất vào phút chót, Ngoại Trưởng phải lên đường qua Hoa Thịnh Đốn vào giờ hẹn, nên ông Daniel A.J. Ouiemet, Cố vấn tối cao về Chính trị của Ngoại Trưởng và Bà Nancy Mackay-Dietrich, Giám đốc Vụ Đông Nam Á, đã thay mặt tiếp Phái đoàn cũng như hứa rằng sẽ trình lên Ngoại Trưởng tất cả những thỉnh nguyện của Phái đoàn. Sau đấy, Phái đoàn lần lượt tiếp xúc và hội đàm với ông Paul Martin, Bộ Trưởng Bộ Tài Chánh, ông Rey Pagtakhan, Quốc Vụ Khanh Bộ Ngoại Giao đặc trách Á Châu - Thái Bình Dương, ông Warren Allmend, Giám đốc Trung Tâm Quốc Tế Nhân Quyền và Phát Triển Dân Chủ. Đặc biệt, Phái đoàn cũng thuyết trình về tình trạng đàn áp tôn giáo trước một số Dân Biểu thân chính cũng như đối lập. Nhân dịp này, Dân Biểu Stan Dromisky đã mời Phái đoàn dùng cơm trưa tại Quốc Hội.

Qua các cuộc tiếp xúc nói trên, Phái đoàn trình bày thực trạng gia tăng đàn áp Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, đặc biệt từ đầu tháng 6 vừa qua cho đến nay, tình trạng sức khỏe và quản chế khắc nghiệt đối với Đại Lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang tại Quảng Ngãi và Hòa Thượng Thích Quảng Độ tại Thanh Minh Thiền Viện ở Sài Gòn. Sự trạnh đen tối ấy đã khiến cho Huỳnh Trưởng Hồ Tấn Anh tự thiêu tại Đà Nẵng ngày 2.9.2001 để báo động thế giới. Phái đoàn cũng đề cập đến Lời Kêu gọi cho Dân Chủ Việt Nam của Hội Đồng Lương Thiện Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất do Hòa Thượng Thích Quảng Độ công bố cuối tháng 2 dương lịch năm nay. Phái đoàn xem đây như một tiến trình dân chủ hóa Việt Nam bằng đường lối bất bạo động, đặt nền tảng cho sự tôn trọng mọi quyền tự do căn bản như ngôn luận, báo chí, lập hội, tín ngưỡng, tôn giáo v.v... Phái đoàn đưa ra 6 thỉnh nguyện yêu cầu Chính Phủ và Quốc Hội Canada yểm trợ:

1. Can thiệp trả tự do cho nhị vị Hòa Thượng Thích Huyền Quang và Thích Quảng Độ cũng như mọi tù nhân

vì lương thức và tôn giáo thuộc các tôn giáo tại Việt Nam;

2. Yêu sách phục hồi quyền sinh hoạt của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (GHPGVNTN) cũng như các tổ chức tôn giáo khác tại Việt Nam;

3. Bảo đảm quyền tự do báo chí, chấm dứt việc ngăn cấm Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất cũng như mọi cá nhân, đoàn thể ra báo tư nhân;

4. Bảo đảm quyền tự do lập hội, kể cả việc tự do sinh hoạt tôn giáo của các cộng đồng tôn giáo, các tổ chức phi chính phủ và mọi tổ chức dân sự;

5. Kêu gọi Chính giới và Quốc Hội Canada hậu thuẫn Lời Kêu gọi cho Dân Chủ Việt Nam của GHPGVNTN để thúc đẩy nhanh chóng tiến trình dân chủ hóa Việt Nam;

6. Yêu cầu Quốc Hội Canada cử một Phái đoàn Dân Biểu về Việt Nam thăm viếng nhị vị Hòa Thượng Thích Huyền Quang và Thích Quảng Độ cũng như mọi nhà lãnh đạo các tôn giáo khác đang bị cầm tù hay quản thúc; và can thiệp cho Hội Hồng Thập Tự Canada đến Quảng Ngãi chăm lo trị liệu cho bệnh tình của Đại Lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang.

Tất cả các viên chức cao cấp của Chính Phủ Canada cũng như các vị Dân Biểu mà Phái đoàn tiếp xúc đều rất quan tâm tới tình trạng quản chế khắc khe và sức khỏe nguy kịch của nhị vị lãnh đạo GHPGVNTN, cũng như hiện tình đàn áp quy mô các tôn giáo tại Việt Nam. Tất cả đều hứa tìm những biện pháp thích nghi để can thiệp. Riêng ông Paul Martin, Bộ Trưởng Tài Chánh mà cũng là một trong những vị Thống Đốc của Ngân Hàng Thế Giới, thì hứa sẽ can thiệp với Ngân Hàng Thế Giới đặt điều kiện cho tự do tôn giáo và nhân quyền Việt Nam qua mỗi chương trình viện trợ. Theo nhiều nguồn tin, thì ông Paul Martin sẽ lên làm Thủ Tướng Canada trong thời gian gần đây, khi Thủ Tướng Jean Chrétien về hưu.

Ngoài 2 ngày vận động chính giới tại thủ đô Ottawa, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Canada đã tổ chức các cuộc Hội luận trong Cộng đồng người Việt về Lời Kêu

gọi cho Dân Chủ Việt Nam của Hòa Thượng Thích Quảng Độ qua các thị trấn Vancouver (21.10), Ottawa (23.10), Montréal (26.10), Toronto (27.10) và Edmonton (28.10).

Trước đây, các cuộc Hội luận tương tự đã được Văn Phòng II Viện Hóa Đạo tổ chức tại Hoa Kỳ qua các thành phố Santa Ana, San Diego, Denver; tại các thành phố Perth, Adelaide, Melbourne, Canberra, Brisbane, Sydney tại Úc Đại Lợi; GHPGVNTN tại Na Uy tổ chức tại thủ đô Oslo và thành phố Bergen. Lần này, thực hiện điều 6 trong Quyết Nghị ngày 7.10.2001 của Đại Hội Thường Niên lần I, nhiệm kỳ III của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Hoa Kỳ - Văn Phòng II Viện Hóa Đạo tổ chức tại San Diego: "Để tạo một không gian dân chủ, một môi trường tự do dân tộc, Đại hội kêu gọi các cấp Giáo Hội ở hải ngoại nỗ lực phát huy và thực hiện "Lời Kêu gọi cho Dân Chủ Việt Nam" của Hòa Thượng Thích Quảng Độ, nhằm đóng góp vào tiến trình dân chủ hóa đất nước, mà qua đó mọi thành phần dân tộc và tôn giáo đều có chỗ đứng bình đẳng để tái thiết quê hương và phục hồi thể diện văn minh trên bờ biển Thái Bình", Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tại Canada đã tiên phong hưởng ứng.

Tại các buổi Hội luận, sau phần ban Đạo Từ của Hòa Thượng Thích Hộ Giác, ba thuyết trình viên về Lời Kêu gọi cho Dân Chủ Việt Nam là Thượng Tọa Thích Giác Đăng, Giáo sư Võ Văn Ái và Nhà văn Ý-Lan. Thượng Tọa Thích Giác Đăng trình bày nội dung văn kiện gồm 3 sự trạng đen tối của đất nước, 3 phương pháp trị liệu và sách lược 8 điểm cứu nguy đất nước và dân chủ hóa Việt Nam. Giáo sư Võ Văn Ái trình bày quá trình đóng góp của Đạo Phật Việt Nam và Phật Tử trong công trình dựng nước và giữ nước suốt 2000 năm qua, cũng như đề cập đến mô thức dân chủ Đông Phương đã có mặt tại Ấn Độ từ thế kỷ thứ V trước Tây lịch và tại Việt Nam dưới hai triều đại Lý, Trần. Nhà văn Ý-Lan trình bày công cuộc vận động quốc tế cho tiến trình dân chủ hóa Việt Nam.

Nói chung, cử tọa tham dự Hội luận đều hoan nghênh Lời Kêu gọi, xem như một kế hoạch độc đáo nhằm phá vỡ gọng kìm của nền chuyên chính độc tài đang hoành hành đất nước. Tất

cả mọi người tỏ lòng tin tưởng vào sáng kiến mới mẻ của GHPGVNTN trong nước. Đa số Phật Tử tham dự tỏ lòng hân hoan tiếp nhận kế hoạch dân chủ hóa Việt Nam qua Lời Kêu gọi của Hòa Thượng Thích Quảng Độ; họ phát biểu: "*Lâu nay đến chùa thường được chú Tăng dạy cách tu bất quan trai, tụng kinh, niệm Phật, ngồi thiền, học giáo lý... Nhưng chúng con không biết con đường cứu nước cứu dân theo quan điểm đạo Phật thì phải làm cách nào đây. Nay nghe và đọc kỹ Lời Kêu gọi cho Dân Chủ Việt Nam, chúng con mừng vô hạn như vừa nắm được bức Cẩm Nang trong công tác Giải trừ Quốc nạn và Pháp nạn*". Tại hai thành phố Montréal và Toronto, Hòa Thượng Thích Tâm Châu, Thượng Thủ Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Trên Thế Giới đã đến tham dự Hội luận. Hòa Thượng nhấn mạnh tại Montréal hôm 26.10 rằng, điều kiện tiên quyết là phải bỏ điều 4 trên Hiến Pháp, thì mới có thể tiến hành dân chủ, và tuyên bố ủng hộ Lời Kêu gọi cho Dân Chủ Việt Nam của Hòa Thượng Viện Trưởng Viện Hóa Đạo Thích Quảng Độ. Đêm sau, trong cuộc Hội luận tại Chùa Pháp Vân ở thị trấn Mississauga thuộc thành phố Toronto, tối 27.10, Hòa Thượng Thích Tâm Châu kêu gọi Văn Phòng II Viện Hóa Đạo hãy tổ chức Hội luận đều đặn hàng tháng. Vì theo lời Hòa Thượng, "*Lời Kêu gọi cho Dân Chủ là một văn kiện quan trọng, sâu sắc, mang đủ các điều kiện và kế hoạch cho tiến trình dân chủ Việt Nam*"; mặt khác "*Chúng ta, lời Hòa Thượng nói, mắc bệnh hay quên. Khi vượt biển ra đi chúng ta quyết tâm đấu tranh cho tự do, dân chủ, nhưng đến nơi an cư lạc nghiệp thì lại quên mất sứ mệnh ấy, để lộ là cho Cộng Sản hoành hành hiếp bức dân trong nước. Cho nên rất cần phải thường xuyên Hội luận như hôm qua ở Montréal, như hôm nay, để chữa cái bệnh hay quên ấy*". Hòa Thượng cũng đề cao vai trò đấu tranh quốc tế cho nhân quyền và dân chủ của Nhà văn Ý-Lan, một người Anh nhưng thương yêu nước Việt còn hơn một số người Việt. Hòa Thượng kêu gọi các sinh viên Việt Nam noi gương chị Ý-Lan trong việc bảo tồn tiếng nói và văn hóa Việt. Hòa Thượng bảo rằng: "*Kiếp trước chị Ý-Lan là người Việt đấy!*". Hội trường đã vỗ tay tán thưởng.

Sáng ngày 26.10.2001 tại Montréal, ông Warren Allmend, Giám đốc Trung tâm Quốc tế Nhân quyền và Phát triển Dân chủ đã tổ chức một cuộc họp báo dành cho báo chí Canada và mời Giáo sư Võ Văn Ái trình bày hiện trạng đàn áp Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất. Tại đây, cũng như qua các cuộc tiếp xúc chính giới và Quốc Hội, ngoài việc trình bày hiện trạng đàn áp gia tăng đối với các tôn giáo tại Việt Nam, ông Ái luôn nhấn mạnh đến sự kiện thế giới đang ra công chống nạn khủng bố do các nhóm cuồng tín gây chết chóc, bất an thường trực cho nhân loại. Nhưng, ông nói, xin chú ý đến một hình thức khủng bố khác do các Nhà nước độc tài ở Á Châu đang gây chiến với chính nhân dân họ, như sự trạng xảy ra tại Việt Nam. Để chặn đứng mọi hình thức khủng bố trong thế giới, hiện tại cũng như tương lai, vấn đề cơ bản là phải Toàn cầu hóa Dân chủ, đặc biệt nâng cao đời sống các nước nghèo, kém phát triển, các nước bị lâm nạn độc tài, quân phiệt, phát-xít.

Hôm 27.10, đài truyền hình Việt Tiến tại thành phố Toronto đã làm cuộc phỏng vấn dài ba thành viên của Phái đoàn Văn Phòng II Viện Hóa Đạo: Thượng Tọa Thích Viên Lý, Giáo sư Võ Văn Ái và Nhà văn Ý-Lan. Nhân dịp này, Thượng Tọa Viên Lý đã trình bày hiện trạng đàn áp trong nước, tình cảnh quản chế khắc nghiệt đối với nhị vị lãnh đạo Giáo Hội, Đại Lão Hòa Thượng Thích Huyền Quang và Hòa Thượng Thích Quảng Độ. Nhà văn Ý-Lan tóm gọn thành quả vận động chính giới và Quốc Hội Canada của Phái đoàn. Giáo sư Võ Văn Ái đóng góp ý kiến về những gì mà Cộng đồng người Việt có thể làm được trong lúc này để dân chủ hóa đất nước Việt Nam.

Làm tại Paris, ngày 30.10.2001
Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế



**GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT
HẢI NGOẠI TẠI HOA KỲ
VĂN PHÒNG II VIỆN HÓA ĐẠO
HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH**

**QUYẾT NGHỊ CỦA ĐẠI HỘI THƯỜNG NIÊN
LẦN THỨ NHẤT, NHIỆM KỲ III**

**Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải
Ngoại
tại Hoa Kỳ - Văn Phòng II Viện Hóa Đạo
tại Tu Viện Pháp Vương ở San Diego, bang
California,
từ ngày 5 đến 7.10.2001**

Đại Hội Thường Niên lần thứ nhất, nhiệm kỳ III được đặt dưới quyền chủ tọa của chư Hòa Thượng thuộc Hội Đồng Đại Diện và Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Hoa Kỳ - Văn Phòng II Viện Hóa Đạo, trong suốt ba ngày 5, 6 và 7.10.2001 tại Tu Viện Pháp Vương ở thành phố San Diego, bang California, Hoa Kỳ.

Đại Hội đặt trọng tâm thảo luận vào 3 đề tài: Hiện tình Phật Giáo tại quê nhà, Hiện tình Phật Giáo Hải Ngoại, và sự đáp ứng Lời Kêu Gọi Cho Dân Chủ Việt Nam của Hòa Thượng Thích Quảng Độ, Viện Trưởng Viện Hóa Đạo.

Nhận định rằng, tình hình trong nước cũng như trên thế giới ngày càng bị chi phối bởi nền văn hóa bạo lực. Tình hình này có thể đưa nhân loại vào một thời kỳ điêu linh, tranh chấp, đặt Phật Giáo Việt Nam nói riêng và Phật Giáo thế giới nói chung trước vấn nạn mới trong cuộc hoằng hóa đạo Từ Bi và Trí Tuệ; mà tiếng nổ phá hoại hai tượng Phật có tuổi thọ 15 thế kỷ tại A Phú Hãn, cũng như sức tàn phá khủng khiếp tại Hoa Kỳ ngày 11 tháng 9 vừa qua, gây chết chóc thảm thương cho hàng nghìn người dân vô tội, là tiếng trống báo hiệu;

Nhận định rằng, hàng Giáo Phẩm cao cấp thuộc Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, giới nam nữ Cư sĩ Phật tử, trong đó có những đoàn viên Gia Đình Phật Tử Việt Nam nơi quê nhà ngày càng thêm nguy khốn trong một xã hội bất công, đầy dẫy tệ nạn, hoặc bị bức hiếp, khủng bố, tù đày, quản chế. Điển hình là cuộc quản chế khắc nghiệt đối với nhị vị Hòa Thượng Thích Huyền Quang và Thích Quảng Độ, cũng như cuộc tự thiêu của Huỳnh Trường Hạnh Minh Hồ Tấn Anh tại Đà Nẵng hôm 2.9 vừa qua để phản đối chế độ công an trị đối với Phật Giáo.

Nhận định rằng, chất xám và tài năng trẻ trong cộng đồng người Việt tỵ nạn ở hải ngoại quá sung mãn so với số lượng người có học và chuyên gia phát triển đất nước quá khiêm tốn ở trong nước, đang là

cản lực cho việc phục hồi và tái thiết quốc gia. Nguyên do chênh lệch ấy phát sinh từ chính sách độc tôn đảng phái, đưa đến tình trạng bất bình đẳng xã hội và kìm hãm nhân tài;

Nhận định và đánh giá cao những hoạt động đầy sáng kiến và tự phát gần đây của đa số Gia Đình Phật Tử Việt Nam trên năm châu, đặc biệt tại Hoa Kỳ, khi thể hiện tình liên đới với những nạn nhân uống tử tại Hoa Kỳ, cũng như trong công cuộc tham gia giải trừ Pháp nạn và Quốc nạn;

Toàn thể chư tôn đức Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni cùng chư vị Cư sĩ đại biểu đã đồng thanh quyết nghị:

1. Biểu tỏ tình liên đới với tất cả mọi gia đình, thân nhân của những nạn nhân uống tử trong thảm nạn xảy ra tại Hoa Kỳ ngày 11.9 vừa qua; nguyện cầu cho hương linh họ siêu sinh về cõi phúc, và thành thật chia buồn cùng nhân dân và chính phủ Hoa Kỳ;

2. Đặc biệt quan tâm thúc đẩy hướng giáo dục và hoằng pháp, nhằm đào tạo một thế hệ tương lai của Tăng, Ni trong nước để đáp ứng tình hình mới tại Việt Nam cũng như trên thế giới;

3. Thành lập một Ủy Ban Nghiên Cứu và Vận Động nhằm hậu thuẫn sự kết hợp các tổ chức Gia Đình Phật Tử Việt Nam trên khắp năm châu và kiện toàn thể hệ trẻ chuyển tiếp của Phật Giáo;

4. Kêu gọi nhà cầm quyền CHXHCNVN hãy trả tự do tức khắc cho nhị vị Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Thích Quảng Độ, Thượng Tọa Thích Thiện Minh, Huỳnh Trường Võ Tấn Sáu, và chấm dứt tình trạng sách nhiễu, khủng bố chư Tăng, Ni, Huỳnh Trường Gia Đình Phật Tử Việt Nam nói chung và tại Quảng Nam - Đà Nẵng nói riêng;

5. Tổ chức an cư hàng năm để tăng trưởng đạo lực cho Tăng, Ni và Phật Tử làm nền tảng cho công cuộc hoằng dương chánh pháp;

6. Để tạo một không gian dân chủ, một môi trường tự do dân tộc, Đại Hội kêu gọi các cấp Giáo Hội ở hải ngoại nỗ lực phát huy và thực hiện "Lời Kêu Gọi Cho Dân Chủ Việt Nam" của Hòa Thượng Thích Quảng Độ, nhằm đóng góp vào tiến trình dân chủ hóa đất nước, mà qua đó mọi thành phần dân tộc và tôn giáo đều có chỗ đứng bình đẳng và đồng đẳng để tái thiết quê hương và phục hồi thể đứng văn minh trên bờ biển Thái Bình.

Làm tại Tu Viện Pháp Vương
Phật lịch 2545 - San Diego, ngày 7.10.2001

Tin Phật Sự

Mưa pháp tại Reutlingen

Thiệu Hậu

Đức đã vào thu, gió bắt đầu thổi lạnh, mưa bắt đầu rơi, tuyết bắt đầu đổ, nhưng lạ lùng thay, trong hai ngày 17 và 18.11.2001, bầu trời vùng Reutlingen lại trong sáng, không khí ấm áp, tạo thuận duyên cho Chi Hội Phật Tử VNTN vùng này tổ chức Khóa Tu Bát Quan Trai Giới và Lễ Phật Cầu An định kỳ tại Hội Trường nhà thờ Saint Andreas thành công viên mãn.

Để chuẩn bị chu đáo cho hai ngày lễ, từ 6 giờ chiều thứ sáu 16.11.01, bác Chi Hội Trưởng đã cùng một số Đạo Hữu, gồm có: Thiện Thanh, Thiện Đăng, Tứ Bình, Từ Diệu, Hoa Xuân, Diệu Phước, Thiện Hà đã đến hội trường lo chu toàn trước một số công việc cần thiết, như an vị tôn tượng chư Phật, Bồ Tát, cắm hoa, rửa chén bát, ly muỗng, hút bụi các tấm thảm, treo các biểu ngữ, hình ảnh....

Sáng thứ bảy 17.11, mới 8 giờ đã có một số Phật Tử đến phụ với Ban Tổ Chức, trong đó có ĐH Nguyên Biên đến từ Frankfurt, ĐH Đức Hương đến từ Nürnberg, lo trang hoàng, thiết trí bàn thờ tôn tượng Đấng Thế tôn, Đức Quán Thế Âm Bồ Tát có hào quang lấp lánh, với những lọ hoa đầy màu sắc tươi thắm, những đĩa bánh ngọt lớn nhỏ đủ cỡ, do các Phật Tử phát tâm cúng dường, tạo thêm vẻ trang nghiêm, mỹ quan Chánh Điện.

Năm nay, ngoài số Phật Tử thuộc Chi Hội Reutlingen và VPC, còn có đại diện Ban Chấp Hành Hội Phật Tử VNTN Đức, đại diện 7 Chi Hội bạn như: Karlsruhe, Mannheim, Freiburg, Frankfurt, Rottweil, Stuttgart, Nürnberg và một số đồng Phật Tử vẫn tập đến từ các địa phương xa như Darmsatdt, Künzelsau, Heilbronn, Ludwigsburg, Ulm, Goppingen, Bad Wurzach, Friedrichshafen, Messkich, Kupferzell, Aschaffenburg... tạo nên một Đạo Tràng đông nhất từ trước đến nay.

Thêm vào đó, Chi Hội có phước duyên là được cung thỉnh 8 chư Tôn Đức đến chứng minh, chủ lễ và thuyết pháp. Ngoài Thượng Tọa Thích Như

Điển, vị lãnh đạo tinh thần khả kính, còn có Thượng Tọa Rahula, Tiến sĩ Giáo sư đến từ Tích Lan, Ni Sư Thích Nữ Như Viên, Trụ trì Niệm Phật Đường Tam Bảo, phái đoàn Chùa Viên Giác có; Đại Đức Thích Đồng Văn, Tiến sĩ Giảng sư khả ái; Đại Đức Thích Hạnh An, một vị Trụ Trì tương lai khi Niệm Phật Đường Nürnberg được kiến tạo; Sư Chú Hạnh Giới, đang làm luận án Tiến sĩ và sẽ thọ Tỳ Kheo tại Đại Giới Bồ Đề Đạo Tràng Ấn Độ; Sư Chú Hạnh Thức; Sư Chú Hạnh Tuệ, Thị giả của Thượng Tọa Viên Giác.

Đúng 10 giờ 30, với sự chứng minh của chư Tôn Đức, Thượng Tọa Viên Giác chủ trì lễ Truyền Giới Bát Quan Trai cho 101 Giới Tử, gồm: 33 Ưu Bà Tắc và 68 Ưu Bà Di.

Sau lễ Truyền Giới, 12 giờ 30 bắt đầu Quá Đường, do quý ĐH Ý Kỳ, Huệ Minh và Ngọc Đăng cúng dường.

Cơn mưa Pháp đầu tiên được Thượng Tọa Viên Giác mang đến lúc 14 giờ 30. Thượng Tọa là một vị Giảng sư có uy tín, đức độ được Phật Tử Âu Châu, Mỹ Châu, Úc Châu rất kính phục. Bài Pháp hôm nay là Đại Thừa Khởi Tín Luận. Theo Thượng Tọa cho biết, đây là một bộ Luận của Ngài Mã Minh, xuất hiện sau thời Đức Phật còn tại thế khoảng 900 năm, nhằm mục đích khởi tín tâm cho người xuất gia cũng như tại gia. Thượng Tọa đã thuyết giảng tại Âu Châu cũng như tại Mỹ Châu đến lần thứ 20 trong thời gian gần một năm nay. Tại mỗi Đạo Tràng, Thượng Tọa chỉ trình bày được một phần của bộ Luận.

Trong một tiếng rưỡi đồng hồ, Thượng Tọa đã hướng dẫn Giới Tử về chơn như tâm và vô ngã của các Pháp. Về chấp ngã, Thượng Tọa đã đem những mẩu chuyện ngoài đời để làm sáng tỏ về Chấp Hu Không có tánh Như Lai, Chấp Chơn Như có Niết Bàn, Chấp Như Lai Tạng có Chơn Như, Chấp Như Lai Tạng có sẵn Pháp Nhiệm Ô, Chấp Chúng Sanh có Thủy chư Pháp có Chung, tức 5 ngã kiến của Chấp Ngã.

Kết thúc buổi giảng, Thượng Tọa nhấn mạnh một câu Pháp sâu sắc đầy đủ ý nghĩa cao siêu: Phải quán tất cả các Pháp đều vô ngã có chơn như tâm- Muốn đối trị ngã chấp thì phải gạn lọc tâm cho thanh tịnh, đừng có vọng tâm, vọng tưởng.

Sau thời Pháp nhủ của Thượng Tọa, Ni Sư Như Viên với sự phụ lực của Sư Chú Hạnh Giới, Hạnh Thức, Hạnh Tuệ, hướng dẫn trì chú Đại Bi và niệm Hồng Danh Đức A Di Đà Phật.

Đến 18 giờ 30 là vãng thực, do gia đình ĐH Ngọc Thủy cúng dường.

Theo chương trình thì bắt đầu 20 giờ có một thời Pháp nhủ, nhưng vì có nhiều Phật sự cần được Thượng Tọa giải quyết nên tại Đạo Tràng chỉ còn một phần giới tử, còn gần 30 Phật tử có liên hệ đến các Phật sự thì được Thượng Tọa mời tham dự một buổi họp tại một phòng riêng trên lầu của Chánh Điện.

Thời Pháp tối nay được Đại Đức Đồng Văn đảm trách tiếp giảng tiếp Kinh Pháp Hoa, Phẩm Thí Dụ. Trước khi đi vào đề tài chính, Thầy tóm lược những điểm căn bản của Phẩm Phương Tiện mà Thầy đã trình bày tại Đạo Tràng Freiburg, vì trong phẩm đó mang nội dung Tâm Nguyên Đại Thừa, Tâm Nguyên đã phát Bồ Đề Tâm, Tâm Nguyên giúp cho tất cả chúng sanh thâm nhập vào Tri Kiến Phật của mình để thành Phật.

Theo Thầy Đồng Văn thì Đức Phật muốn dùng Phẩm Thí Dụ để làm sáng tỏ những vấn đề Phật đã dạy trong Phẩm Phương Tiện nghĩa là tất cả chúng sanh đều có thể thành Phật khi mà đã tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn tròn đầy. Khi đó không muốn thành Phật cũng thành Phật. Nhưng muốn thành Phật phải hội đủ ba yếu tố là **Cúng Dường Tam Bảo - Phụng Trì Chánh Pháp - Tu hạnh Bồ Tát**. Thầy đưa ra một thí dụ làm cho tất cả thính giả đều cười nôn ruột, Thầy nói: Như Bác Thiện Hậu có từ chức Chi Hội Trưởng thì cũng không từ chức được, vì có ai đảm nhận đâu mà bác từ chức. Bác có muốn không thành Phật thì bác cũng thành Phật.

Với tánh khiêm nhường, với lối thuyết giảng giản dị dễ hiểu, với biệt tài lôi cuốn thính giả theo dõi bài Pháp với những mẩu chuyện đời hí hờn, nhí nhảnh, Thầy Đồng Văn đã thu đạt thành công buổi thuyết Pháp tối hôm nay, qua nhiều lần vỗ tay, cười thoải mái. Đã hết giờ mà thính giả còn xin Thầy kéo dài thêm nửa tiếng nhưng rất tiếc Thầy không thỏa mãn được vì Thầy nói, Thầy phải chấp hành nghiêm chỉnh thời gian của Thượng Tọa qui định. Tại các Đạo Tràng, rất hiếm có diễn giả được thính giả xin kéo dài thời gian thuyết pháp như Thầy Đồng Văn, vì đức tính, nhân cách và kỹ thuật của Thầy đã động tâm mọi người, mà người viết nghĩ rằng, không sai chút nào vì chính người viết cũng đã từng phát biểu, Thầy Đồng Văn rất dễ thương, trong thuở ban đầu lưu luyến ấy (tại Khóa Tu Học Karlsruhe). Thầy

đã đem lại cho Đạo Tràng Reutlingen trận mưa Pháp thứ hai rất tươi mát.

Riêng tại phòng họp trên lầu, Thượng Tọa chủ trì một phiên họp đặc biệt, có sự hiện diện Ni Sư Như Viên và gần 30 Đạo Hữu để giải quyết 3 vấn đề chính:

- Chuẩn bị ý kiến bầu BCH Chi Hội nhiệm kỳ 2002-2004

- Thành lập một Ban Hộ Tự giúp Ni Sư Như Viên điều hành Niệm Phật Đường Tam Bảo, và

- Chuẩn bị tổ chức Khóa Tu Học Phật Pháp sang năm tại Chi Hội Rottweil Tuttlingen.

Buổi họp kéo dài từ 20 giờ đến 22 giờ và đi đến kết quả mong muốn của Thượng Tọa cũng như của quý Phật Tử.

Bước qua ngày thứ hai, tức chủ nhật 18.11.01, đúng 6 giờ sáng chư Tôn Đức chủ lễ Công Phu Sáng nhưng rất tiếc với số đông giới tử mà Chánh điện lại nhỏ nên không kinh hành nhiều Phật được.

Buổi tảo thực sáng nay do gia đình ĐH Kim Lê cúng dường.

Sau đó, Đạo Tràng được đón một trận mưa Pháp thứ ba, trận mưa này được mây kéo từ Tích Lan sang Đức. Đó là buổi thuyết giảng của Thượng Tọa Rahula. Thượng Tọa trình bày bằng Anh ngữ và được Sư Chú Hạnh Giới thông dịch lại.

Trước hết Thượng Tọa tán thán tinh thần tu học của Phật Tử tại Đức mà theo Thượng Tọa, đó là nhờ nhân duyên của Thượng Tọa Viên Giác, vì Thầy là một vị Đại Sư, luôn luôn hướng dẫn tu học chu đáo, không những cho người Việt mà luôn cả người ngoại quốc mà Thượng Tọa đã chứng kiến tại chùa Viên Giác.

Trong thời Pháp nhủ, Thượng Tọa phân tích về Khổ Đế trong Tứ Diệu Đế. Theo Thượng Tọa diệt được Khổ Đế thì chúng ta thoát khổ, dứt phiền não, tích trữ được công đức, an lạc, hạnh phúc. Có công đức mới giúp ta thoát khỏi sanh tử luân hồi. Muốn tạo công đức thì bỏ ác, làm lành, luôn luôn kiểm soát tâm thức của mình và có 3 phương cách tạo công đức là bố thí, trì giới và thiền định.

Thượng Tọa nói rất chậm rãi, với những ví dụ cụ thể trong đời sống hằng ngày để làm sáng tỏ bài Pháp nên lời cuốn sự chú tâm theo dõi của đại chúng.

Tiếp đến là lễ Quy Y Tam Bảo, với sự phụ lực của Đại Đức Đồng Văn, Thượng Tọa Viên Giác truyền giới cho 9 Phật tử phát tâm quy y, gồm 5 người

lớn và 4 trẻ em, trong đó có cháu trai nội của ĐH Diệu Phước, Chi Hội Phó Ngoại Vụ. Đặc biệt Thầy có phỏng vấn một cháu mới 10 tuổi mà đã phát tâm ăn chay trường và thường niệm Phật A Di Đà. Đó là cháu Nguyễn Hùng, được Thầy cho Pháp danh Thiện Dũng. Cháu Thiện Dũng được ĐH Ngọc Mỹ, cô ruột, hướng dẫn theo chánh Pháp nên Thượng Tọa đã tán thưởng vị ĐH này.

Được biết, ĐH Ngọc Mỹ có 3 con, một trai tên Dương Tín 11 tuổi, hôm nay được Thầy đặt Pháp danh Thiện Tâm; hai gái Dương Linh Đan 8 tuổi và Dương Ngọc Diệp 4 tuổi. Cả 3 cháu rất ngoan, được giáo dục theo Chánh Pháp. Ban đầu ĐH khuyên các con niệm Phật A Di Đà, cháu nào niệm một tràng thì được thưởng 50 xu nên mỗi tối bốn mẹ con quỳ trước bàn thờ Phật niệm Hồng Danh của Ngài. Đến lúc thành thuộc rồi thì không còn được thưởng nữa, trái lại cháu nào phạm lỗi, tùy nhẹ nặng thì bị mẹ phạt, nếu nhẹ thì niệm 2, 3 tràng, còn nặng thì 5, 10 tràng. Nhờ đó mà các cháu ngày càng tránh các lỗi lầm và tiến bộ.

Sau lễ Quy Y Tam Bảo là lễ xả giới do Thượng Tọa Viên Giác chủ trì.

Đúng 11 giờ, khóa lễ Cầu An định kỳ bắt đầu. Với hồi trống bát nhã ngân vang, với bài ca Kính Mến Thầy, trên 200 Phật tử đứng nghiêm chỉnh cung thỉnh chư Tôn Đức quang lâm Chánh điện. Sau lễ chào Quốc Kỳ, Phật Giáo Kỳ, một phút Mặc Niệm, Thượng Tọa Viên Giác dâng hương cầu nguyện. Thượng Tọa Rahula cũng có cầu nguyện bằng tiếng Pali.

Khóa lễ Cầu An chấm dứt, ĐH Chi Hội Trưởng trình bày về kết quả cúng dường tịnh vật, tịnh tài và Phật sự của Chi Hội trong thời gian qua. Trong bản tường trình, bác Chi Hội Trưởng xin được tán thán công đức của ĐH Thiện Dũng Vũ Ngọc Tuấn, đã có công xây dựng Chi Hội từ ban đầu. Nhờ có ĐH Thiện Dũng trồng cây bồ đề nay mới có nhiều cành, nhiều lá sum sê. Ăn quả phải nhớ kẻ trồng cây.

Bác Chi Hội Trưởng cũng cho biết vài nét về Niệm Phật Đường Tam Bảo, như đến nay có 111 vị phát tâm cúng dường định kỳ, với số tịnh tài mỗi tháng là 2.010 DM, tổng số được 17.380DM, trong đó có 2 vị cúng mỗi tháng 100DM, 5 vị cúng 50DM, còn đa số từ 10 đến 30DM, chưa kể các khoản cúng dường bất định kỳ và Tam Bảo. Bác Chi Hội Trưởng cũng kêu gọi các Phật tử phát tâm đồng mãnh cúng dường thêm để góp nhiều công đức

xây dựng Ngôi Già Lam ngày càng hưng thịnh, ngày càng phát triển tốt đẹp.

Tiếp đến, Thượng Tọa Viên Giác hướng dẫn bầu Ban Chấp Hành Chi Hội nhiệm kỳ 2002-2004, gồm có các thành phần như sau:

- **Chi Hội Trưởng :**

Thiện Hậu Trần Xuân Hiền

- **Chi Hội Phó Nội Vụ :**

Diệu Phước Hồ Thị Thanh Đạm

- **Chi Hội Phó Ngoại Vụ :**

Hoa Xuân Nguyễn Thị Thanh Phượng

- **Thư Ký :**

Thiện Hà Nguyễn Thị Thanh Ngọc

- **Thủ Quỹ :** Diệu Đức Lê Thị Hồng

Cả hội trường vỗ tay nồng nhiệt hoan nghênh tân Ban Chấp Hành của Chi Hội. Nhân dịp này, Thượng Tọa cũng giới thiệu thành phần Ban Hộ Tự NPĐ Tam Bảo, gồm có: Ông Cổ Kim Trường, PT Dương Tỳ, quý ĐH Thiện Mỹ, Đồng Lai, Thiện Ngọc, Thiện Hữu, Thiện Nữ, Thiện Hạc, Thiện Diệu.

Trận mưa Pháp cuối cùng do Thượng Tọa Rahula đảm trách, với sự hiện diện của Thượng Tọa Viên Giác và do Đại Đức Đồng Văn thông dịch.

Bài thuyết pháp tuy ngắn nhưng có giá trị hôm nay của Thượng Tọa Tích Lan, được thu gọn trong hai vấn đề: Làm thế nào để tạo công đức và Tứ Vô Lượng Tâm. Theo diễn giả thì muốn tích trữ công đức, có hai phương pháp chính, đó là làm Phật sự và làm công việc xã hội, từ thiện. Còn thực hành được hạnh Tứ Vô Lượng Tâm, tức Từ Bi Hỷ Xả thì tâm ta được an lạc, không còn phiền não.

Trước khi dứt buổi Pháp nhủ cuối cùng, Thượng Tọa Tích Lan tán thán công đức của Thượng Tọa Viên Giác với câu: "Thượng Tọa Viên Giác trong tương lai sẽ thành một Vị Phật". Nhưng Thượng Tọa Viên Giác không tán đồng quan điểm của Thượng Tọa Tích Lan.

Để kết thúc hai ngày tu học, Thượng Tọa Viên Giác tán dương tinh thần tu học cũng như tinh thần hướng về Phật Pháp của Phật tử ngày càng đông. Thượng Tọa cũng tán thưởng Ban Trai Soạn đã phục vụ chu đáo với những thức ăn ngon trong hai ngày lễ Phật.

Tiếp đến là lễ hạ Quốc Kỳ, Phật Giáo Kỳ và bữa ngộ trai do gia đình ĐH Hứa Xuân Vinh cúng dường, bắt đầu lúc 13 giờ rưỡi.

Nhân dịp này, đại diện Chi Hội, bác Hội Trưởng có dâng lễ cúng dường tịnh tài lên chư Tôn Đức và buổi lễ chính thức hoàn mãn lúc 15 giờ trước sự hân

hoan vui mừng của tất cả Phật tử với những thành công hết sức tốt đẹp.

Về tinh thần: Được chư Tôn Đức đem đến những cơn mưa Pháp tưới mát tâm cho mọi người, như cơn mưa Chơn Như Phật Tánh của Thượng Tọa Viên Giác, cơn mưa Tri Kiến Phật trong kinh Pháp Hoa của Đại Đức Đồng Văn, cơn mưa Tích Tụ Công Đức, Diệt Khổ của Thượng Tọa Rahula.

Về vật chất: Được một số đồng Phật tử cúng dường hoa quả, bánh, thức ăn như: quý ĐH Nguyễn Hạnh Trinh, Chiêm Thị Hiền, Dư Kiều Diễm, Trần Ngọc Anh, Trần Ngọc Dung, Trần Ngọc Nhung, Lâm Đô, Chú Trung, Nguyễn Thanh Tùng, Thiện Mỹ, Quách Thị Nguyệt, Chúc Nga, Phạm Thị Mỹ Nga, Lâm Kiến Huệ, Lê Thị Thanh, Thiện Hà, Hoa Xuân, Thái Anh...

Còn về tinh tài thu được: Thùng công đức 3.965DM. Trong số này Chi Hội cúng dường trai tăng 2.800DM. Đáp ứng lời kêu gọi của bác Chi Hội Trưởng, trên tinh thần lá lành đùm lá rách, để cứu trợ đồng bào bị lũ lụt tại Việt Nam, thùng cứu trợ thu được 2.593DM. Tất cả được chuyển về Chùa Viên Giác.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát
Ma Ha Tát

**GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
THỐNG NHẤT ÂU CHÂU
HỘI VĂN HÓA PHẬT GIÁO
MIỀN TÂY PHÁP QUỐC**

Chùa Vạn Hạnh
3, Rue Souvenir Français
44800 Saint Herblain (France) -
Tél. 02 40 85 04 59

**Tâm thư kêu gọi mỗi
thước đất già lam**

**Xây Bãi Đậu Xe - Làm Vườn
Cây Cảnh - Nồi Lúu Tro Cốt**

**Nam mô
Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật**

Kính thưa quý liệt vị,

Từ nhiều năm qua, ngôi Chùa Vạn Hạnh tọa lạc tại tỉnh Nantes miền Tây nước Pháp đã được tạo lập nhờ sự nâng đỡ tinh thần của Chư Tôn Đức

Tăng già và sự hộ niệm tận tình của Quý thiện hữu Phật tử xa gần. Quý vị cùng chúng tôi đã nỗ lực, kè góp công người góp của, sửa sang lại phần trong của ngôi Chùa, nguyên trước đây là nông trại cũ kỹ, để đáp ứng với những nhu cầu tối thiểu cần thiết hầu bà con Phật tử có nơi phụng thờ lễ bái, sinh hoạt, trao đổi học đạo.

Thưa quý vị,

Tuy sau nhiều năm, chúng ta đến sinh hoạt tại Chùa nhưng chiếu theo luật pháp hiện hành thì Chùa chưa đủ tiêu chuẩn là nơi tiếp đón công cộng. Vì thế quý vị và chúng tôi lúc nào cũng cứu mang trong lòng tâm nguyện chỉnh trang xây cất lại ngôi Chùa theo hình thái kiến trúc Á đông, với một chí nguyện kiến tạo ngôi Già lam, ứng hiệp với chư Phật, chư Bồ Tát, kiến lập đạo tràng, trang nghiêm Tịnh độ, để đại chúng có nơi nương tựa tu tập, tạo lập công đức.

Như Quý vị được biết Chùa nằm trong khu vực không được xây dựng, nhờ oai lực Tam Bảo gia hộ, chính quyền thành phố sẽ đặc biệt cứu xét và đồng ý cho Chùa trùng tu lại toàn diện để trở thành một nơi sinh hoạt tiếp đón công cộng để thích hợp với luật pháp. Từ mấy tháng qua Văn phòng kiến trúc sư cùng Chùa tiếp xúc với nhiều Văn phòng Chính phủ để hoàn chỉnh bản vẽ, nhưng muốn được **giấy phép** xây cất, Chùa cần tối thiểu phải có 30 chỗ đậu xe, may thay thửa đất giáp giới với Chùa, chủ đất muốn sang nhượng lại nhưng phải mua hết mà tổng diện tích đến cả 13000 m², mỗi thước 2,5 Euro (15 quan Pháp)

Duyên lành Thượng Tọa Viện chủ Chùa Viên Giác cùng Đại Đức Thích Đồng Văn từ Đức đến viếng thăm-Thuyết pháp cho Phật tử miền Tây-Pháp quốc vào ngày 24-25 tháng 11 năm 2001 vừa qua; Ngài nghe qua câu chuyện đã tùy hỷ cúng 1.400 m², Đại Đức Đồng Văn hỷ cúng 166 m², quý Phật tử ở Pháp hội đáp lời kêu gọi Thượng Tọa đã phát tâm hỷ cúng thêm vào hôm ấy tổng số là: 5186 m².

Hiệp cùng Công đức Phước điền nơi rộng đất Già Lam, Thượng Tọa chỉ dạy viết tin Phật sự này đăng tải trên báo Viên Giác, mong vào sự ủng hộ tích cực của toàn thể quý đạo hữu thập phương.

Chúng tôi khẩn khoản mong mỗi Đạo hữu Phật tử, phát tâm ủng hộ mỗi gia đình một hay nhiều m² đất để công trình kiến thiết Chùa sớm thành tựu.

Mọi tịnh tài tùy hỷ cúng dường xin quý vị chuyển vào trương mục:

**A.C.B.O (Association Culturelle
Bouddhique de l'Ouest)**
Konto Nr. 04 8 75 04 94 40
Caisse d'Epargne (Pays de la Loire) /
Saint Herblain / France

**Hoặc ngân phiếu xin quý vị đê:
Pagode Vạn Hạnh (A.C.B.O)**

**Địa chỉ: 3, rue souvenir Français
44800 Saint Herblain - FRANCE**

Sự nhiệt tâm cúng dường xây dựng của quý Đạo hữu Phật tử là một công đức thật lớn lao trong công việc vun trồng cội phúc trùng hưng Tam Bảo, bảo tồn và phát triển Văn hóa Đạo đức Dân tộc.

Tin tưởng ở oai thần Tam Bảo hộ niệm, tin tưởng ở tấm lòng bảo tồn Văn Hóa Chánh Pháp của Chư quý vị, chúng tôi trân trọng gửi đến Chư liệt vị lời tán thán chân thành và cảm niệm công đức sâu xa của chúng tôi đối với Chư quý vị.

Cầu nguyện Tam Bảo gia hộ cho toàn thể quý liệt vị thân tâm thường An Lạc, Bồ Đề Tâm kiên cố, sở cầu như nguyện.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát
Ma Ha Tát.

Ngày Rằm tháng 10 năm Tân Tỵ
Kính Khải.

Tỳ kheo Thích Nguyên Lạc
Trụ trì chùa Vạn Hạnh

**Danh sách Đạo Hữu Phật Tử xa gần
hứa đóng góp**

**cúng dường tịnh tài định kỳ hàng tháng
để thành lập Niệm Phật Đường trong
ngày lễ Phật 3-4.11.2001 tại Nürnberg**

Sau gần 20 năm sinh hoạt Phật sự của đồng bào Phật Tử 3 vùng Nürnberg-Fürth-Erlangen và các tỉnh phụ cận thuộc miền Trung và miền Bắc của Tiểu Bang Bayern, nay đại sự nhân duyên đã đến, Chi Bộ PGVNTN và Chư Tôn Đức Chùa Viên Giác đã hứa khả với sự đồng thuận của đồng bào Phật Tử địa phương, cho nên trong ngày Lễ Phật định kỳ đã có một số Phật Tử phát tâm khởi đầu giai đoạn phát động chương trình cúng dường và ủng hộ định kỳ cho việc thành lập Niệm Phật Đường, Chư Tôn Đức rất hoan hỷ và tán thán công đức của quý vị đã hỗ trợ cho việc làm nơi

trên. Chúng tôi kêu gọi quý vị nào chưa phát tâm xin liên lạc với Ban Chấp Hành Chi Hội để hùn phước đức vào công việc Phật sự trọng đại này. Mục đích của chúng ta là có một ngôi Chùa hay một Niệm Phật Đường tại địa phương để gần gũi với đồng bào như lời Thượng Tọa Viên Giác: "Là nơi để chúng ta nương tựa, là nơi cứu khổ, cứu nạn cho mọi người trong những hoàn cảnh ngặt nghèo bức thiết như trong nhà có đám tiệc hôn lễ, ma chay v.v... phải cần đến những vị tu hành hướng dẫn, lo liệu khẩn cấp".

Do đó Chi Bộ và chư Tôn Đức đã quyết định đề cử hai Thầy: Đại Đức Thích Hạnh Từ và Đại Đức Thích Hạnh An đến trụ xứ tại địa phương của chúng ta để lo tinh thần cho đồng bào Phật tử. Chi Hội và đồng bào Phật tử xin đề đầu đàn lễ chư Tôn Đức và vui mừng đón nhận ơn huệ phước báu này. Nam Mô A Di Đà Phật.

Võ Thị Lợi 10DM. Hồ Thị Kim Hạnh 50DM. Nhà hàng Thăng Long 150DM. Trần Hữu Đức 50DM. Vân + Thọ 30DM. Nhà hàng Mekong 100DM. Tiêu Thị Thi 50DM. Lương Văn Xinh 20DM. Thiện Thủy Thu Hà 100DM. Huỳnh Hiến 50DM. Đỗ Thị Thanh Vân 20DM. Nguyễn Thị Kim Oanh 50DM. Nguyễn Đức Mạnh 50DM. Nguyễn Minh Trí 20DM. Nguyễn Khánh Thị Lan 20DM. Nguyễn Hồng Vân 20DM. Trần Minh Hùng 10 Euro. Nguyễn Tuấn Bình 20DM. Bình + Lê 20DM. Nguyễn Chí Cường 20DM. và một số Phật Tử 150 DM.

Trên đây là danh sách hứa ủng hộ định kỳ hằng tháng.

Xin quý vị Đạo Hữu sót tên xin liên lạc với Chi Hội để điều chỉnh. Cảm ơn.

■ Tin mừng Xuân năm Nhâm Ngọ

Chi Hội Phật Tử 3 Vùng Nürnberg - Fürth - Erlangen sẽ tổ chức đón mừng Xuân Di Lặc vào 9 giờ sáng Thứ Bảy ngày 16 tháng 02 năm 2002, tức nhằm vào ngày Mồng 5 Tết âm lịch tại :

Hội Trưởng

**Jugend-Kinder-Kultur "Quibbler"
đường Augusten Str.25
90461 Nürnberg**

**(sát cạnh Hội Trưởng Kulturladen
Bleiweiß)**

(Chi Hội đã tổ chức Tết nên dễ tìm), dưới sự chứng minh và chủ lễ Đại Đức Phó Trụ Trì Thích Hạnh Tấn và chư Tăng chùa Viên Giác sẽ về tham dự vui Xuân cùng đồng bào.

Chương trình chúng tôi tổ chức giống như mọi năm. Đặc biệt Mừng Xuân năm nay Chi Hội và Đồng Bào tham

dự đều hướng về Đồng Bào Bảo Lựt Việt Nam bị nạn mấy tháng vừa qua và hướng về giúp đỡ Xây Chùa Khánh Anh tại Paris.

Vậy Chi Hội trân trọng kính mời các Tổ Chức, Hội Đoàn và Phật Tử xa gần về tham dự.

**TM. BCH. Đức Hướng - Hồ Thanh
Tel. 0911 - 754650**

Tân Ban Chấp Hành Chi Hội PTVNTN tại Aschaffenburg

Ngày 24.11.2001, trong buổi sinh hoạt định kỳ, Đạo Hữu và Phật Tử tại Aschaffenburg & VPC đã bầu lại Ban Chấp Hành Chi Hội nhiệm kỳ 2001-2003, với thành phần như sau:

- **Chi Hội Trưởng** : ĐH Minh Dũng Nguyễn Văn Hùng
- **Chi Hội Phó Nội Vụ** : ĐH Minh Thanh Ông Đình Huy Quang
- **Chi Hội Phó Ngoại Vụ** : ĐH Quảng Thuần Hoàng Văn Hùng
- **Thư Ký** : ĐH Thiện Phương Nguyễn Thị Tây
- **Thủ Quỹ** : ĐH Hồng Ngọc Phương
- **Cố Vấn** : ĐH Diệu Viên Nguyễn Thị Ngao và Diệu Hạnh Nguyễn Thị Liễu
- **Phụ Tá Nội Vụ** : Châu Văn Hùng
- **Phụ Tá Ngoại Vụ** : Thiện Lai Lê Trung Ưng
- **Ủy viên Tài Chánh** : Diệu Nhơn Cao Ngọc Duyên
- **Kỹ Thuật & Phụ Tá** : Phan Hồng Chúc - Nguyễn Việt Hùng
- **Hành Đường & Phụ Tá** : Thiện Chánh Nguyễn Ngọc Thìn
- **Thiện Phú Nguyễn Ngọc Thơ**
- **Trai Soạn & Phụ Tá** : Diệu Hạnh Nguyễn Thị Liễu
Diệu Huệ Trần Thúy Liên

Địa chỉ liên lạc:
ĐH. Nguyễn Văn Hùng
Bahnhofstr. 68
D- 63801 Kleinostheim
Tel. 06027 - 9362

Nhân dịp này, thay mặt BCH Hội Phật Tử VNTN tại Đức, chúng tôi xin chào mừng tân Ban Chấp Hành, đồng thời chúc quý Đạo Hữu thành viên sẽ thu đạt được nhiều kết quả tốt đẹp trong công việc Phật sự được giao phó.



Thuốc Nam

Chữa bệnh tiểu đường

Bài thuốc này do anh Nguyễn Thường Nam giới thiệu trên Internet. Ban Biên Tập báo Viên Giác đọc thấy cách bào chế đơn giản, dược liệu dễ tìm và rẻ. Do đó chúng tôi xin đăng trên báo Viên Giác để quý vị nào mắc phải bệnh tiểu đường tùy nghi sử dụng.

Dược liệu:

1/3 trái bí rợ (tiếng Bắc gọi là bí ngô) độ 1 kg - 3 nắm đậu xanh - 1 con cua độ 1 kg (có bán ở siêu thị) hoặc 1 kg cua đồng và 9 tô nước.

Điều chế: Ba thứ dược liệu này rửa sạch.

Lần thứ nhất: Đổ cả ba vị vào nồi rồi đổ vào 3 tô nước. Đun sôi cho đến khi nào cạn còn một tô nước.

Lần thứ hai: Đổ thêm 3 tô nước nữa vào nồi đun sôi cho đến khi nào cạn còn một tô nước.

Lần thứ ba: Đổ thêm 3 tô nước nữa vào nồi đun sôi cho đến khi nào còn lại một tô.

Cách dùng: Sau khi đun lần thứ 3, gạn lấy nước cốt còn lại một tô mà uống, chất bã bỏ đi. Bệnh nặng mỗi tuần uống hai lần.

Dùng thuốc này đến khi nào độ đường trở lại bình thường thì ngưng uống.

Kiểm cũ: Không ăn cá muối, cải xanh, cải muối dưa, khoai lang, khổ qua, không ăn đồ có chất ngọt, không uống rượu, soda, nước ngọt.

Ghi chú: Nên thử máu trước và sau khi uống thuốc để biết rõ khả năng trị liệu của bài thuốc này.

Rất mong bài thuốc này sẽ chữa lành hay ít ra cũng giảm được một phần nào bệnh tình, mang lại hạnh phúc cho gia đình.-





Tin Phật Sự

Chùa Phật Quang
Centre Culturel Bouddhique Vietnamien
163 B, Route de Montéliar
26000 VALENCE
Tél. 04 75 56 54 46

TÂM THƯ

VỀ VIỆC KIẾN THIẾT CHÙA PHẬT QUANG
Ngưỡng nguyện Tam Bảo và Chư Tôn Đức Giáo Phẩm chứng
minh gia hộ

Kính gửi toàn thể Đồng Bào Phật Tử và Thập Phương Thiện Tín.

Từ ngày 11.03.89 đến nay, nhờ hồng ân Tam Bảo và Chư Hộ Pháp Thiện Thần gia hộ, chùa Phật Quang đã và đang trên đà phát triển tốt đẹp mọi mặt, hình thức lẫn tinh thần. Với đạo tâm của cộng đồng Phật tử cộng với sự yểm trợ của toàn thể đồng bào cư ngụ trong vùng, không phân biệt tôn giáo, đã kiến tạo ngôi chùa Phật Quang được trang nghiêm đầy thiêng vị như hiện nay. Tuy nhiên, khi đi vào khỏi cổng tam quan ngước nhìn lên mái chùa, vẫn còn trong hình thức ngôi nhà sơ khởi - Hội quán cũ của Hiệp Hội Túc Cầu Valence - chúng ta đều ước nguyện một ngày nào đó mái nhà này sẽ được chỉnh trang thành mái chùa thực thụ đầy nét văn hóa dân tộc cho phù hợp với hai câu thơ: **Mái chùa che chở hồn dân tộc, nếp sống bao đời của tổ tông**. Ý nguyện này chúng tôi đã tham khảo với chính quyền địa phương vào cuối năm 1990, và được chấp thuận trên nguyên tắc với điều kiện thiết lập hồ sơ kiến thiết đầy đủ. Nhưng sau khi tham khảo ý kiến với Thượng Tọa Hội Trưởng Thích Tánh Thiệt, Thầy đã rất hoan hỷ nhưng e ngại rằng sự hao tốn sẽ quá lớn đối với cộng đồng Valence nhỏ bé chúng ta, vì vậy việc thực hiện đành phải đình lại chờ cơ duyên thuận tiện. Mãi đến năm 1998, trong một buổi hội thảo hằng tháng tại chùa sau buổi lễ, chúng tôi đưa ý kiến là chúng ta vẫn có thể thực hiện hình thức mái chùa bằng cách giản tiện là chỉ làm tiền đường và hàng hiên dọc theo chiều dài phía sân có đài Quan Âm lộ thiên, không động gì đến mái nhà cũ, như vậy sự hao tốn chỉ bằng một phần ba của việc sửa mái nói trên. Ý kiến này đã được toàn thể bà con hiện diện hôm đó hoan hỷ thông qua và hồ sơ xin phép đã được thiết lập ngay (xem họa đồ đính hậu).

Đến nay thì cơ duyên đã hội đủ, giấy phép đã nhận được từ đầu tháng Năm năm nay; về tài chánh thì chùa đã có sẵn khoảng 1/3 phí khoản xây cất qua bản ước tính của nhà thầu, khoảng 150.000frs. Công trường xây cất đã bắt đầu vào ngày Thứ Hai 05.11.2001. Việc khó khăn hiện nay là gom góp cho đủ số tiền nạp cho nhà thầu kịp thời trong thời gian đang thực hiện cũng như khoảng cuối khi việc kiến thiết hoàn tất. Vì vậy bức tâm thư này được gửi đến quý liệt vị với lòng mong cầu được quý vị phát đạo tâm, thiện chí góp sức với chúng tôi trong việc xây cất đầy tính chất văn hóa dân tộc này bằng cách:

- 1) Cúng dường tùy tâm (chi phiếu xin đền Chùa Phật Quang);
- 2) Cho chùa mượn hội thiện, mỗi phần 1000frs. Quý vị nào có khả năng thì cho mượn nhiều phần nhưng với điều kiện là chùa chỉ hoàn lại sau khi việc xây cất hoàn tất (khoảng cuối năm 2001), mỗi tháng một phần hội do Ban Hộ Trì chùa bốc thăm hoàn ai trước ai sau.

3) Tham dự ủng hộ quán cơm chay hằng tháng đều đặn để chùa gom đủ số tiền hoàn lại hội thiện cũng như mọi phí khoản duy trì chùa.

Chúng tôi, một lần nữa, tha thiết kêu gọi phát Bồ đề tâm cũng như tình đoàn kết yêu thương nơi quý vị, và đang mong chờ sự đáp ứng của quý vị từng giây từng phút.

Chùa Phật Quang/Valence ngày 8.11.01 - PL. 2545

TM. Ban Tổ Chức Kiến Thiết Hội Trưởng Lãnh Đạo Tinh Thần
Nguyễn Quang - PHAM Hoàng Thượng Tọa Thích Tánh Thiệt
(Ký tên và đóng dấu)

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất HỘI PHẬT TỬ VIỆT NAM TẠI Ý

Kính gửi:

- Chư Tôn Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni GHPGVNTN Âu Châu
- Thượng Tọa Thích Như Điển, Cố Vấn Tinh Thần của Hội PTVN tại Ý
- Thượng Tọa Thích Trí Minh, Tổng Vụ Cư Sĩ GHPGVNTN Âu Châu
- Ban Điều Hành GHPGVNTN tại các nước trong Âu Châu
- Ban Trị Sự các Chi Hội PGVNTN tại các nước trong Âu Châu
- Toàn thể Phật Tử hội viên của Hội PTVN tại Ý.

v/v Thay đổi địa điểm của Niệm Phật Đường VIÊN Ý

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Theo tinh thần phiên họp tại Niệm Phật Đường VIÊN Ý về vấn đề duy trì cơ sở ngày 4 tháng 11 năm 2001, thể theo nguyện vọng của đa số Phật Tử biểu quyết trong ngày hôm đó, Ban Chấp Hành Hội Phật Tử Việt Nam tại Ý xin được thông báo: kể từ ngày 4 tháng 11 năm 2001, chúng tôi đã quyết định thay đổi Niệm Phật Đường VIÊN Ý đi khỏi cơ sở số 73 V. Campolungo-Castelbelforte MN ITALIA.

Vậy kể từ nay chúng tôi không chịu trách nhiệm về mọi hoạt động tại căn nhà số 73 đường Campolungo, Castelbelforte MN.

Về công việc Phật sự xin liên lạc trực tiếp về trụ sở của Hội ở địa chỉ :

Associazione Buddisti Vietnamiti in Italia (A.B.V.I)

V. FIUMICELLO N.24
35020 POLVERARA -PD
ITALIA

Tel. 049 9772412

Để việc học Phật không bị gián đoạn, kỳ học Phật vào ngày chủ nhật 2 tháng 12 năm 2001 sẽ được tổ chức tại địa điểm:

SALA CONSIGLIERE

BIBLIOTECA COMUNALE P.S. NICOLO PADOVA
V.A. MORO N.28 PONTE SAN NICOLO PADOVA

Chương trình bắt đầu lúc 10 giờ.

Ban Điều Hành Hội PTVN tại Ý xin kính chúc quý vị thân tâm thường lạc, đạo nghiệp tinh cần.

Ngày 08 tháng 11 năm 2001
TM. BCH Hội PTVN tại Ý
Thiện Nguyễn - Bảo Chí
(Ký tên và đóng dấu)

CÁO PHÓ

Trân trọng khắp báo hung tin cùng toàn thể chiến hữu và thân hữu

Nhà báo Nguyễn Ngọc Tân
Bút danh Phạm Thái và Bảy Bốp
Phó Chủ Tịch Hội Đồng Chỉ Đạo
Phong Trào Thống Nhất Dân Tộc và
Xây Dựng Dân Chủ

đã mệnh chung tại tư gia ở Sài Gòn, Việt Nam, hồi 12 giờ trưa ngày 12 tháng 11 năm 2001. Thượng thọ 81 tuổi.

Lễ phát tang cử hành vào lúc 6 giờ chiều ngày 12.11.2001.

Lễ hỏa thiêu sẽ cử hành vào lúc 8 giờ sáng ngày 14.11.2001 tại Bình Hưng Hòa, Việt Nam.

Trân trọng khắp báo

Phong Trào Thống Nhất Dân Tộc và
Xây Dựng Dân Chủ
Đại Diện Văn Phòng Hải Ngoại
Trần Văn Lâm

PHÂN ƯU

Chúng tôi vô cùng đau buồn khi nhận được hung tin

Nhà Báo Nguyễn Ngọc Tân
Bút danh Phạm Thái và Bảy Bốp
Phó Chủ Tịch Hội Đồng Chỉ Đạo
Phong Trào Thống Nhất Dân Tộc và
Xây Dựng Dân Chủ

đã thất lạc tại tư gia ở Sài Gòn, Việt Nam, hồi 12 giờ trưa ngày 12 tháng 11 năm 2001. Thượng thọ 81 tuổi.

Toàn thể đoàn viên Liên Minh Dân Chủ Việt Nam / Khu Bộ Đức vô cùng tiếc thương trước sự ra đi vĩnh viễn này của Chiến hữu Lão thành Nguyễn Ngọc Tân đầy kính mến. Đây là một mất mát to lớn cho hàng ngũ người Việt đấu tranh cho Tự Do Dân Chủ theo đường lối xây dựng ôn hòa, cũng như cho Liên Minh Dân Chủ Việt Nam và Phong Trào Thống Nhất Dân Tộc & Xây Dựng Dân Chủ.

Chúng tôi, toàn thể đoàn viên LMDCVN/Khu Bộ Đức, xin thành kính phân ưu cùng PTTNDT & XD DC và cùng tang quyến. Chúng tôi thành kính cầu nguyện cho hương linh Chiến hữu Nguyễn Ngọc Tân được sớm siêu thăng về cõi Niết Bàn.

TM. Ủy Ban Chấp Hành Khu Bộ
Chủ Tịch : **Nguyễn Bảo Sơn**

CÁO PHÓ & CẢM TẠ

Gia đình chúng tôi vô cùng thương tiếc báo tin cùng thân bằng quyến thuộc xa gần, Chồng, Cha, Ông của chúng tôi là :

Ông GIANG LIÊN
Pháp danh **Thiện Phẩm**
sinh năm Giáp Tý (1924)

đã thất lạc ngày 10.11.2001 nhằm ngày 25.9 năm Tân Ty.

Hưởng thọ 78 tuổi.

Lễ an táng đã cử hành vào lúc 9 giờ sáng ngày 15.11.2001, tại Nürnberg.

Đồng thời chúng con/chúng tôi xin chân thành cảm tạ:

- Thượng Tọa Thích Như Điển, chùa Viên Giác, Hannover
- Thượng Tọa Lahura (F.F)
- Đại Đức Thích Đồng Văn, Đại Đức Thích Hạnh Từ, các Sư Chú Thích Hạnh Giới, Thích Hạnh Thúc, Thích Hạnh Tuệ chùa Viên Giác, Hannover.
- Ni Sư Thích Nữ Như Viên, chùa Tam Bảo
- Chi Hội Phật Tử VNTN 3 vùng: Nürnberg, Fürth, Erlangen (Reutlingen)
- Chi Hội Phật Tử VNTN tại Frankfurt
- Chi Hội Phật Tử VNTN tại Saarland
- Cùng các Thông gia và bà con bằng hữu xa gần đã điện thoại, phúng điếu, chia buồn cũng như cầu nguyện và tiễn đưa Hương Linh của Chồng, Cha và Ông của chúng con/chúng tôi đến nơi an nghỉ cuối cùng. Xin chân thành cảm tạ và tri ơn sự quan tâm này đối với gia đình chúng con/chúng tôi.
Trong lúc tang gia bối rối chắc chắn không tránh khỏi những điều sơ suất. Kính mong quý vị niệm tình hoan hỉ cho.

Tang gia đồng kính bái

- Vợ, Bà Quả Phụ Giang Liên
Nhũ danh Chung Liệt Pd Thiện Hào
1.- Con trai: Giang Lăng Cui, Pháp danh Thiện Học
- Con dâu Giang Siêu Pd Thiện Độ
- Cháu nội Giang Thanh Huy Pd Thiện Đức
2.- Con gái Trần Lăng Hía Pd Thiện Hạnh
- Con rể Trần Hữu Đức Pd Chúc Phước
- Cháu ngoại Trần Đại Việt Pd Thiện Hồng
- Cháu ngoại Trần Quốc Khánh Pd Thiện Chúc
- Cháu ngoại Trần Thái Bình Pd Thiện Học
- Cháu Ngoại Trần Ngọc Anh Pd Thiện Kim
3.- Con trai Giang Lăng Khương Pd Thiện Thái
- Con dâu Giang Thế Phụng Pd Thiện Tri
- Cháu nội Giang Thanh Diệu Pd Thiện Giác
4.- Con gái Lý Giang Lăng Mai Pd Thiện Thanh
- Con rể Lý Kiến Hoang Pd Thiện Hạnh
- Cháu ngoại Lý Phương Minh Pd Thiện Mẫn
- Cháu ngoại Lý Vĩ Phong Pd Thiện Vũ
5.- Con trai Giang Lăng Sơn Pd Thiện Thủy
- Con dâu Giang Lệ Huyền Pd Thiện Diệu
- Cháu nội Giang Thanh Lượng Pd Minh Tâm
- Cháu nội Giang Thanh Long Pd Minh Văn

6.- Con gái Giang Lăng Múi Pd Diệu Phát

7.- Cháu nội Giang Ngụy Điền Châu

- Cháu dâu Giang Thị Kim Trang

8.- Con trai nuôi Giang Văn Phương Pd Thiện Đăng

- Con dâu nuôi Huỳnh Thị Kim Hương Pd Diệu Huệ

- Cháu nội Giang Huỳnh Quốc Hiếu

- Cháu nội Giang Huỳnh Tuyết Hạnh Pd Thiện Giới

- Cháu nội Giang Huỳnh Tuyết Hằng Pd Thiện Sa

-Cháu dâu Chung Thủy Tiên Pd Thiện Hiền

Đồng thời số tiền phúng điếu của đồng hương và thân hữu cùng gia quyến cho Hương Linh Đạo Hữu GIANG LIÊN pháp danh Thiện Phẩm là: 6.360 Đức Mã. Với số tịnh tài này gia đình đã phân chia ra để cúng dường cho các chùa tại Âu Châu như sau:

-Chùa Khánh Anh (Pháp)
-Chùa Phổ Hiền (Pháp)
-Chùa Từ Dung (Pháp)
-Chùa Trí Thủ (Thụy Sĩ)
-Trung Tâm Tu Học Viên Giác (Ấn Độ)
-Chùa Khuông Việt (Na Uy)
-Chùa Viên Giác (Đức)
-Chùa Bảo Quang (Đức)
-Chùa Linh Thứu (Đức)
-Chùa Tam Bảo (Đức).

PHÂN ƯU

Được tin thân phụ Đạo hữu Thiện-Hạnh Trần-Lăng-Hía, Thủ Quỹ Chi Hội Phật Tử VNTN tại Nürnberg-Fürth-Erlangen

Ông GIANG LIÊN
Pháp danh Thiện Phẩm

Sanh năm 1924

Tạ thế ngày 10.11.2001 (25 tháng 9 năm Tân Ty) tại Nürnberg. Hưởng thọ 78 tuổi.

Chúng tôi thành tâm chia buồn cùng Đạo hữu Thiện Hạnh & Chúc Phước và tang quyến, đồng thời nguyện cầu Hương Linh ông Giang Liên sớm Cao Đăng Phật Quốc.

- Hội Phật Tử VNTN và 17 Chi Hội PTVNTN tại Đức.

PHÂN ƯU

Được tin thân phụ của Đạo hữu Giang-Lăng-Mai (Thiện Thanh) là

Đạo Hữu GIANG LIÊN (1924)

đã tạ thế ngày 10.11.2001 (25/09 Tân Ty) tại Nürnberg (Đức Quốc). Hưởng thọ 78 tuổi.

Chi Hội chúng tôi thành tâm chia buồn cùng gia đình Anh chị Giang Lăng Cui, anh chị Lý-Kiến-Hoàng & Giang-Lăng-Mai và nguyện cầu Hương Linh Đạo Hữu GIANG LIÊN sớm siêu sinh Tịnh Độ.

-Chi Hội PTVNTN Saarland-Trier & VPC.

**NAM MÔ TIẾP DẪN ĐẠO SƯ
A DI ĐÀ PHẬT**

CÁO PHÓ

Kính bạch chư Tôn Đức Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni. Con Tý Kheo Thích Viên Minh vô cùng đau đớn báo tin lên chư Tôn Đức Anh, Em, Chồng, Cha chúng con:

**CỔ BÀO HUYNH
PATRICK SEAN MURPHY
PHÁP DANH NGUYỄN TẠNG**

Sanh: 1965 - Ất Tỵ

Đã Tử Nạn vào ngày 9.11.2001 tại World Trade Center, thành phố New York, tiểu bang New York do bọn khủng bố Osama bin Laden gây ra. Hưởng dương 37 tuổi.

Nay con xin thay mặt toàn thể tang quyến gửi bản Cáo Phó này lên chư Tôn Đức và kính xin quý Ngài rủ lòng từ bi cầu nguyện cho Anh chúng con cũng như tất cả nạn nhân 6000 người đã tử nạn vừa rồi sớm được vãng sanh về cảnh giới Tây Phương Cực Lạc của Đức Từ Phụ A Di Đà Phật.

Kính chúc chư Tôn Đức pháp thể khinh an chúng sanh dị độ.

Phần Hương Khế Thủ
Tỳ Kheo Thích Viên Minh

Tang gia đồng kính báo

Anh: Thomas Patrick Murphy

Em:

-William Michael Murphy - Nguyễn Minh

-Brian James Murphy

-Charles Gerald Murphy - Nguyễn Hiếu

-David Grewal Murphy - Nguyễn Đạo

-Andrew Christopher Murphy - Tâm Phước - Viên Minh

Vợ: Vera Murphy

Con:

-Sean Murphy Jr.

-Maggie Murphy.

CÁO PHÓ & CẢM TẠ

Chúng tôi vô cùng đau đớn báo tin cùng bà con thân hữu gần xa: Chồng, Cha chúng tôi là :

LÊ VIỆT THẮNG

Sau thời gian bệnh nặng đã qua đời lúc 12 giờ 22 ngày 24.11.2001 (tức ngày 10 tháng 10 âm lịch năm Tân Tỵ) tại bệnh viện St. Elisabeth - Neuburg a.d. Donau. Hưởng dương 45 tuổi.

Tang lễ được cử hành lúc 10 giờ 00 ngày 01.12.2001 tại nghĩa trang Franziskaner-Neuburg.

Chồng, Cha chúng tôi trước đây làm việc tại Tiệp Khắc, sau đó sang Đức, định cư tại Prüm/Bittburg.

Chúng tôi chân thành cảm ơn Hội Văn Hóa Việt Nam Neuburg, thân bằng quyến thuộc, các bạn hữu xa gần đã dành thời giờ quý báu để phân ưu, điện thoại chia buồn và giúp chúng tôi tổ chức tang lễ.

Trong lúc tang gia bối rối có điều gì sơ sót, kính mong quý vị niệm tình tha thứ.

Tang gia đồng kính bái

-Vợ Ngô Thị Lư

-Con: Lê Việt Tiến & Lê Việt Long

PHÂN ƯU

Được tin thân phụ của ĐH Quách-Quý-Liên cư ngụ tại Vicenza - Italia, là :

ÔNG QUÁCH KIM TOÀN

tạ thế ngày 30.11.2001 tại Canada.

Hưởng thọ 79 tuổi.

Chúng tôi thành thật chia buồn cùng gia đình của ĐH Liên và nguyện cầu Hương Linh của cụ thân sinh sớm được Siêu Thăng Tịnh Độ.

-Nhóm Phật Tử Castelbelforte-Italia.

CÁO PHÓ & CẢM TẠ

Gia đình chúng tôi vô cùng đau đớn báo tin cùng thân bằng quyến thuộc, chư Đạo hữu, bạn bè gần xa: Chồng, Cha, Ông Nội, Ông Ngoại chúng tôi là:

CỤ ÔNG HÀ VĂN RỒNG

(Tuổi Đinh Tỵ)

Đạo danh Huệ Khẩu

Nguyên Chánh Trị Sự Bàn Cai Quận Điện Thờ Phật Mẫu tại Tỉnh lỵ Vĩnh Long

Nguyên Trưởng Ban trong Hòa Viện

Chùa Di Lạc

Trước Lâm Thánh Đức Thiền Điện

Vĩnh Long

Đã qui Tiên ngày 25 tháng 10 năm 2001

tại Việt Nam.

Thượng thọ 84 tuổi.

Tang gia đồng thành kính tri ân:

Chư Chức Sắc Chức Việc cùng Ban Đồng Nhi tại các Thánh Thất tại Vĩnh Long

Chư Đạo hữu, bạn bè đã đến tụng kinh và làm lễ theo Nghi Thức Đạo, hộ niệm, cầu nguyện, gửi thiệp, điện thoại chia buồn và tiễn đưa Linh Cửu của Chồng, Cha, Ông Nội, Ông Ngoại chúng tôi đến nơi an nghỉ cuối cùng tại làng Tân An Luông quận Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long (Việt Nam).

Tang lễ đã được cử hành vào ngày 27.10.2001 tại Cầu Mới.

Trong lúc tang gia bối rối không tránh khỏi nhiều sơ suất, kính mong quý vị niệm tình tha thứ.

Tang gia :

-Vợ: Cụ Bà Lê Thị Tiếng (Việt Nam)

-Con trai cả: Hà Phước Thảo (Đức Quốc), vợ và các con

-Con trai: Hà Văn Thuận, vợ và con trai (Việt Nam)

-Con gái: Hà Thị Năm, chồng và các con "

-Con trai: Hà Hữu Phước, vợ và con gái "

-Con gái: Hà Thị Cúc, chồng và con "

-Con gái: Hà Thị Biết, chồng và các con "

-Con gái: Hà Kim Dung, chồng và các con "



CÁO PHÓ & CẢM TẠ

Tang gia chúng con / chúng tôi xin cảm tạ và tri ân:

- Thầy Thích Từ Trí, Chùa Tâm Giác, München

- Cha Vincent Trần Văn Bằng - Bad Kissingen.

- Quý Thông Gia, Quý Ông Bà, các Bác, Cô, Chú, Anh, Chị, Em, bạn hữu đã tụng kinh cầu nguyện, điện thoại chia buồn và tiễn đưa Linh Cửu của Chồng, Cha, Ông chúng con / chúng tôi là:

ÔNG LÂM VĨNH PHONG

Sinh ngày 27.04.1935

Mất ngày 27.10.2001 tại Đức Quốc

đến nơi an nghỉ cuối cùng.

Trong lúc Tang Gia bối rối có điều chi sai sót kính xin quý vị niệm tình tha thứ.

Toàn thể Tang Gia đồng kính bái

- Gia đình Lâm Quang Vũ

Tìm thân nhân

• Tôi là Dương Nghiệp trước ở Việt Nam, tìm bạn thân là **Viên Huy Hoàng** ở Đức.

Xin liên lạc về: "Lệ Đá"

001- 403 - 273 - 6607

CALGARY, AB - CANADA

209 - 4909 - 17 Ave. S.E.

T2A O V 5

• Muốn tìm bà **Mã Kim Lang**, là vợ ông Trần Hớn. Trước 1975 ở Việt Nam, 131 đường Thành Thái, Lầu 2. Năm 1979 vượt biển chính thức, tàu Tùng An, cùng 2 con: 1 trai A Lãm và 1 gái A Múi. Bà Lang sinh 1936, khoảng 65 tuổi. Cô Bác, anh chị em đồng hương nếu biết làm ơn chỉ dùm, đó là người thân nhất của tôi. Xin thành thật cảm ơn.

ATu - Dao Thi Dam

111 Taylor Stre et

Condell Park N.S.W 2200

Australia - Phone: (612) 9708-0095

TÌM VỢ & CON

• **Dưỡng văn Hai** tìm vợ là

Dương thị thu hà, sinh ngày 9.1.1954 tại Sài Gòn

và hai con là:

Dương Thị Hải Yến, sinh năm 1976 tại Sài Gòn

Dương Hải Hồ, sinh năm 1981 tại Sài Gòn

sang Mỹ năm 1997, trước ở địa chỉ:

05 West St Winoski

05404 Vermont Burlington VT

Nay ở đâu. Em và các con nhận được tin này viết thư gấp cho anh biết tin; hiện giờ anh đang đau. Hoặc ai biết được nhắn tin dùm vợ tôi theo địa chỉ:

Dưỡng Văn Hai

PO. BOX. C 92

272.80 - Kladno 1

CESKA REPUBLIKA

Mobil: 0608 / 202 568 & 0604 / 765 446

Một Lễ Cầu Siêu Đặc Biệt

• Diệt Trĩ

Tối thứ bảy ngày 20-10-2001, tại Chùa Viên Giác, Hannover, toàn thể Tăng, Ni thuộc Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất- Chi Bộ Đức Quốc, dưới sự chủ trì của Thượng Tọa Thích Như Điển, Chi Bộ Trưởng, đã long trọng làm lễ cầu siêu cho Huynh Trưởng Gia Đình Phật Tử Hồ Tấn Anh đã tự thiêu tại Đà Nẵng ngày 2-9 vừa qua và ba Hoà Thượng Thích Thiện Siêu, Thích Đồng Thiện và Thích Giác Đạo đã viên tịch trong thời gian gần đây tại Việt Nam.

Đồng đạo Phật Tử, đặc biệt là Gia Đình Phật Tử, với nhiều người trẻ, đã tề tựu về chùa, tham dự lễ cầu siêu trong một bầu không khí trang nghiêm, xúc động, thấm đượm đạo tình và tình tự dân tộc.



← Chư Phật Tử làm lễ tưởng niệm tuần chung thất của cố Huynh Trưởng Hồ Tấn Anh.

Mọi người tham dự lễ cầu siêu đều biết là ba vị Hoà Thượng vừa viên tịch, trong bối cảnh đất nước hiện nay, thuộc Giáo Hội Phật Giáo Nhà Nước, nhưng nghĩa tử là nghĩa tận, người Phật Tử thuộc GHPGVNTN vẫn tâm thành tâm cầu nguyện cho

ba vị cố Hòa Thượng được về cõi Phật. Bằng thái độ bao dung đó, bằng sự thể hiện tính Bi Trí Dũng của người con Phật chân chính, người Phật Tử Việt Nam đã cho nhà cầm quyền cộng sản Hà Nội thấy rằng thủ đoạn sử dụng một số ngụy sư để lũng đoạn tính thống nhất của Phật Giáo Việt Nam và gây chia rẽ giữa Phật Tử và Chư Tăng Việt Nam là việc làm ma đầu không thể nào thành công. Chắc chắn Chư Tăng Ni trong Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam đã thấy được tâm Bồ Đề nơi Tăng Ni, Phật tử thuộc GHPGVNTN, để không quên cội nguồn của mình, cùng nhau đồng hành Bồ Tát Đạo, vào lúc dân tộc và đạo pháp đang gặp điều linh. Cầu xin Giác linh các cố Hoà Thượng Thiện Siêu, Đồng Thiện, Giác Đạo chứng giám lòng thành của những người Phật Tử Việt Nam để hộ trì cho GHPGVNTN thoát khỏi gió chướng cùm gông.

Hoàn cảnh nghiệt ngã của Phật Giáo Việt Nam và của Đất Nước Việt Nam đã hiện rõ trong lễ cầu siêu đó. Trong cùng một lễ cầu siêu, cùng một lời kinh, tiếng kệ, Chư Tăng Ni và Phật Tử đã khẩn nguyện cho Giác linh các cố Hoà Thượng thuộc Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam, và Hương linh Huynh trưởng Hồ Tấn Anh, pháp danh Hạnh Minh, đã tự thiêu để phản đối nhà nước cộng sản đàn áp đạo pháp và dân tộc. Bi hùng và cao đẹp vô cùng. Đó là sức mạnh của Phật Giáo. Và đó cũng là uy lực Bi Trí Dũng của người Phật Tử.

Anh Hồ Tấn Anh đã tự thiêu sáng mùng 2 tháng 9, ngày quốc khánh của bạo quyền, để phản đối một chế độ bất nhân bất nghĩa, độc đoán độc tài, hủy diệt tự do, triệt tiêu nhân quyền, dân chủ. Ngày mùng 2 tháng 9 năm nay cũng là ngày Rằm tháng 7, ngày xá tội vong nhân, ngày tháo mở cửa ngục

theo truyền thống Phật Giáo Việt Nam. Anh đã quyết tâm hy sinh sự sống của bản thân vì thấy rằng đạo pháp và dân tộc đã bị dọa dẫm, cùm kẹp một cách độc đoán. Trong mùa Vu Lan, người Phật Tử cầu nguyện để báo hiếu cha mẹ mà cũng là báo hiếu chúng sinh, để mong thần lực mở cửa địa ngục của thế giới vô minh, đồng thời cũng mong mở cửa địa ngục trần thế, đặc biệt mở cửa địa ngục trên đất nước Việt Nam, nơi toàn dân đang sống trong vô số nhà tù lớn nhỏ, trong đó có nhà lao Thừa Phủ nơi giam giữ cha Lý, nhà tù tại gia như trường hợp cụ Lê Quang Liêm, hay nhà tù tại Chùa như nhị vị Hoà Thượng Huyền Quang, Quảng Độ đang bị cấm cố.



Đêm đốt nến cầu nguyện cho quê hương và các nạn nhân đã hy sinh tại Washington DC & New York.

"Luật pháp ở miệng tau", câu nói ngạo mạn, vô giáo dục và mang đầy đủ tính rùng rú của một chế độ chuyên chế bạo ngược, đã gần như phổ biến trong giới công an cộng sản ở khắp ba miền đất nước, chỉ làm cho người dân ngao ngán ghê tởm chế độ. Hy vọng gì nữa với chế độ độc đoán này! Nhưng phải làm sao đánh động lương tri thế giới, lương tri người Việt ở khắp mọi nơi, về bản chất đàn áp thô bạo của chế độ? Huynh trưởng Hồ Tấn Anh đã lấy thân mình thấp sáng đêm đen u tối, để mọi người thấy rõ số phận bi thương của Đạo Pháp và Dân Tộc Việt Nam. Linh Mục Nguyễn Văn Lý, phải trả giá 20 năm tù tội vì dám hét to lên cho thế giới biết là ở Việt Nam thực sự không có tự do tôn giáo. Và còn biết bao nhiêu người khác nữa đang bị đàn áp thô bạo và sống trong uất nghẹn...!

Đêm khuya thanh vắng, tiếng niệm Phật A Di Đà tha thiết vang lên xin tiếp độ, chư Tăng Ni và Phật Tử ở Đức Quốc, tay cầm nến, nối theo nhau thiền hành, tạo nên một chuỗi dài ánh sáng lung linh, ấm áp. Hình như có chư Phật chư Bồ Tát, và Hồn Thiêng Sông Núi nơi xa xăm về đây, chứng giám lòng thành của những đứa con Việt Nam còn tha thiết với vận mệnh của quê hương..

Bốn câu thơ sau đây trích từ bài "Vị Pháp Thiêu Thân" do một chị Phật Tử đọc trước Linh vị anh Hồ Tấn Anh: đã nói lên đầy đủ tâm nguyện của những người Phật Tử, và có lẽ của tất cả mọi người Việt Nam:

.....
" Nay học theo người **xin nối đuốc,**
" Đốt ngọn lửa này **cho mê vọng tiêu tan**
" **Lửa đại nguyện không đau thân tạm bợ**
" **Chỉ sợ đau đất nước trong lửa tham tàn**
.....

Hình như trong ánh mắt mọi người, lóe lên tia sáng quyết tâm.

Đức Quốc/Maintal, ngày 21.10.2001

Sinh Hoạt Cộng Đồng

HỘI QUỐC TẾ Y SĨ VIỆT NAM
TỰ DO

Ngày 15 tháng 10.2001

THÔNG CÁO MỜI DỰ TRANH GIẢI THƯỞNG VĂN HỌC

Nhằm góp phần phát triển sinh hoạt văn hóa trong Cộng Đồng Người Việt Hải Ngoại, Hội Quốc Tế Y Sĩ Việt Nam Tự Do dự trao một giải thưởng vinh danh tác giả của các công trình văn học, tư tưởng, khảo cứu do Người Việt Tự Do thực hiện kể từ đầu năm 1975 tới nay, và với các điều kiện chi tiết sau đây:

Tác Giả: Tác giả có tác phẩm dự tuyển không can dự các chánh quyền độc tại từng hạn chế quyền sống hay đàn áp Con Người.

Tác Phẩm: Văn học đã hoặc chưa xuất bản

Thời Điểm Dự Tuyển: Từ khi đăng thông cáo tới hết ngày 15 tháng 4 năm 2002

Công Bố và Trao Giải: Ngày 11.8.2002 tại thành phố Anaheim CA, USA.

Trị Giá Giải Thưởng: US\$ 5.000 (năm ngàn mỹ kim)

Tác Quyền: Tác giả giữ bản quyền. Ngoài ra, Hội Quốc Tế Y Sĩ có thể tiếp tay xuất bản và quảng bá văn-hóa-phẩm trúng giải.

Hội Đồng Tuyển Lựa: Những học giả có uy tín trong các bộ môn văn hóa không giới hạn chủng tộc trên các quốc gia tự do được mời đảm trách việc tuyển lựa.

Trân trọng kính mời quý vị giới thiệu tác giả hoặc trực tiếp gửi tác phẩm dự tuyển tới một trong các địa chỉ liên lạc sau đây:

Ban Chấp Hành Hội Quốc Tế Y Sĩ Việt Nam Tự Do (viết tắt VMAFW)
Á và Úc Châu: Rear 51 John Street, Cabramatta, NSW 2166 Australia.

Âu và Phi Châu: 27 Rue du Faubourg St Jacques Paris, France 75014.

Canada: C.P IOI Succ. "Jean-Talon", St Leonard. Canada. HIS 2ZI.

Huê Kỳ: P.O. BOX 29528 Atlanta, GA 30359 USA.

Bác Sĩ Đinh Xuân Anh Tuấn
Chủ Tịch Hội Quốc Tế Y Sĩ Việt Nam Tự Do

TÌNH THƯƠNG VÀ THIÊN NGUYỆN

Vào những năm trước, chúng tôi không đủ điều kiện cũng như phương tiện liên lạc trực tiếp với các em khuyết tật và mồ côi tại Việt Nam.

Thời gian gần đây qua tin tức, báo chí, truyền hình và thực tế nhất là người trong Hội "**Viet-Kid**" chúng tôi (người Đức) đã về đến Việt Nam để nhìn thấy tận mắt những hình ảnh thương tâm của các em nhỏ với cuộc sống bần cùng thiếu tình thương cha mẹ và người thân cũng như các em khuyết tật khác. Vì vậy chúng tôi mở những cuộc quyên góp để trực tiếp giúp đỡ các em nêu trên.

Nhóm "**Viet-Kid**" chúng tôi được sự hướng dẫn của các nhà hảo tâm và các Bác sĩ Đức đang làm việc tại Việt Nam, chúng tôi làm việc không phân biệt đảng phái, tôn giáo, chủng tộc, với sự tham dự hội viên của chúng tôi là ông Thomas Dünchein, Thị trưởng địa phương (Bürgermeister).

Nhân ngày Tết dân tộc, chúng tôi có tổ chức một chương trình

Vui xuân và tình thương

Đốt pháo, múa lân, ca, vũ, nhạc, karaoke, dạ vũ và disco.

Vào lúc 18 giờ đến 1 giờ 30 ngày 16.02.2002 tại :

VHS (Volkhochschule)

Kulturzentrum

Tempelhofer Str.14 - 40789

Monheim am Rhein

Mong quý vị đến đúng 18 giờ để được chung vui đốt pháo bông cùng chúng tôi.

Vào cửa tự do

Ban Tổ Chức xin kính mời.

Konto Từ Thiện
Stadt-Sparkasse Monheim am Rhein
Konto Nr. 1038777
BLZ 375 5160 70
Stichwort: "Viet-Kid"

Mọi chi tiết xin liên lạc:
Erhard und Monika Lilatz
Tel. 02173 - 57082

THÔNG BÁO
NHÓM TÌNH THƯƠNG / ĐỨC QUỐC
TRỢ GIÚP THƯƠNG PHẾ BINH
QLVNCH

Địa chỉ liên lạc :

1. ông Nguyễn Thành Nam, James F.Byrnes 44, 70376 Stuttgart, Tel. 0711/244927

2. ông Nguyễn Văn Tộ, Schaeffleweg 33, 72766 Reutlingen, Tel. 07121/46510

3. ông Nguyễn Tiến Hóa, Konto Nr. 0305459700, BLZ 64080014, Dresdnerbank Reutlingen

Kính thưa Quý Đồng Hương và Quý Chiến Hữu,

Trong thời gian qua chúng tôi đã nhận được sự yểm trợ rộng rãi của Quý vị: 61 hồ sơ TPB xin trợ cấp đã được Quý vị Ân Nhân nhận để tự gửi tiền giúp đỡ; Đem Ca Vũ Tình Thương (22.9.01) đã thu được thành quả mỹ mãn; nhiều vị ở xa đã gửi tiền trợ giúp TPB kèm theo thư để khích lệ chúng tôi.

Sự quan tâm và giúp đỡ nhiệt tình của Quý Vị là một món quà thiết thực và sự an ủi rất quý báu, xoa dịu phần nào nỗi thương đau cho những Chiến sĩ đã hy sinh một phần thân thể trong cuộc chiến để bảo vệ Tổ Quốc và Đồng Bào, đồng thời là niềm khích lệ cho chúng tôi, để vượt qua những khó khăn trong việc thực thi công tác. Thay mặt anh em TPB, chúng tôi xin chân thành cảm tạ Quý vị

Sau đây xin trích một đoạn thư rất cảm động của một Phật Tử ở München, đã gửi tới Thầy Chủ Trì Chùa Viên Giác nhờ chuyển đến cho chúng tôi:

Kính gửi:

Nhóm Tình Thương/Đức Quốc, Cứu trợ TPB - VNCH

Cháu là một Phật Tử thuộc vùng München, xin đóng góp phần cứu giúp là 100 DM. Xin thành tâm chia sẻ niềm

đau đến với các Anh, các Chú, các Bác TPB QLVNCH, đã một thời vào sinh ra tử.

Trong suốt 26 năm qua, quả thật là những ngày dài đau buồn rất lớn đối với các Anh, các Chú, các Bác...

Cảm niệm công ơn của một thời cầm súng giữ Quê Hương cho tuổi thơ chúng cháu được bình yên ăn học, và người hậu phưởng được yên ổn làm ăn. Cháu chỉ có chút quà nhỏ là 100 DM gửi đến Nhóm Tình Thương/Đức Quốc để gửi về biểu tặng, chia xẻ.

Quà ít, Tình đây xin cảm niệm tri ân - tưởng nhớ công ơn.

Tuổi thơ cháu được bình yên ăn học là nhờ ai?

Người hậu phưởng được an cư lạc nghiệp là nhờ ai?

Hình dung đến người Lính: Súng và ba-lô nặng trĩu, mỗi khi có chuyện gì cũng là người đi đầu, chịu nhiều hy sinh, khổ cực...

Chính vì điều hoài niệm trên, cháu xin trân trọng đóng góp và chia sẻ niềm đau...

Cháu mong rằng trong tương lai Nhóm Tình Thương/Đức Quốc này không còn là một nhóm nhỏ nữa, mà là một Hội Tình Thương rất lớn, và được tổ chức nhiều nơi trên quả địa cầu này.

Kính bút

Diệu Tường.

Thật vô cùng cảm động. Nếu các TPB được đọc những dòng thư này, chắc họ cũng vui đi phần nào nỗi đau thương, thống khổ. Ước mong sao có nhiều người nghĩ như cháu Diệu Tường và có Tấm Lòng Bờ Tát như thế.

Tổng kết Thành quả Công tác

Quý Thân Hữu đóng góp trong Đêm CVTT:

* Anh chị Lê Ngọc Hải: 1 máy "Digital Design" làm giải đặc biệt số số Tombola, và 300 tờ photocopy; Ông Bà Trân (Reutlingen) 210 bánh ít; Ông. Định (Rottenburg) 200 bánh xu xê + dầu chá quẩy; Ông. Bút (Sigmaringen): khoảng 20 ký đồ lòng; Ông. Diêu (Stuttgart) 100 bánh bao; một Thân Hữu ở Wannweil: tô, đĩa, muông, nĩa nylon, mỗi thứ 250 cái.

* Quý Bà phụ trách các quầy hàng: Cháo lòng, bánh cuốn, gỏi cuốn, các loại bánh ngọt, bia và nước uống trong đêm Văn Nghệ 22.9.01, ngoài việc rất nhiệt tình đóng góp công sức nấu

nướng và phục vụ, hầu hết đều ủng hộ luôn cả vốn, nên số tiền bán hàng đã cao hơn tất cả.

Thu trong Đêm CVTT 22.9.01: tiền bán hàng: 3482DM, ghi sổ vàng: 2172DM, thùng lặc quyền bảo lựt: 305,50DM, thùng lặc quyền TPB 192,50DM, Sổ số Tombola: 1254DM.

Thu tổng cộng: 7406,00 DM.

Chi: Thuê Karaoke: 500DM, Hội trường: 200DM, mua giải thưởng Tombola: 165 DM. Chúng tôi đã chuyển 300,50DM, tiền lặc quyền bảo lựt vào Konto Quỹ bảo lựt của Chùa Viên Giác và Nguyệt san Dân Chúa Âu Châu.

Danh sách Quý vị Ân Nhân Trợ giúp tiền (tính từ đầu Số Vàng, đêm Văn Nghệ và những ngày sau): (Bì): Achị Nguyễn Thế Phúc 1000DM, Cô Quách Hoa Anh 100DM; Bà Nguyễn thị Trí (France-Karlsruhe) 500DM; (Karlsruhe): Ô. Nguyễn Phụng Các 100DM, Bà Anh Thu Waizmann 100DM; Ông. Nguyễn Duy Sâm (Oberhausen) 570DM; Ô. Viên Kim Huy (Sindelfingen) 162DM; (Reutlingen): Ông. Đoàn Mậu Can 200DM, Ông. Nguyễn Phi Long 200DM, Ông. Vũ Văn Cường 115DM, Ông. Phan Ngọc Minh 100DM, Ông. Trần Quốc Doanh 100DM, Achị Phan Ngọc Trung 100DM, Ô. Đỗ Văn Nho 100DM+1 máy hấp Bánh bao+ trên 100 tờ photocopy, Ông. Lâm Kim Huệ 100DM, Bà Nguyễn Thị Sửu 100DM, Achị Nguyễn Văn Hình 50DM, Achị Nguyễn Kinh Quốc 40 DM; Ông. Trần Duy Hoàn (Bad Wurzach) 200DM, Ông. Võ Thanh Hiền (Italia) 50Eur=97DM, (Stuttgart): Ông. Đỗ Văn Yến 200DM, Ô. Reinhold Ott 200DM + 18 chai rượu trị giá khoảng 300DM, Ô. Trần Xuân Hiền 200DM; (Rottenburg): Ông. Nguyễn Thần Tông 100DM, Bà Nguyễn Xuân Hùng 100DM; (Hannover): Ô. Ngô Văn Phát 50DM, Ân nhân ẩn danh 100DM; Bà Tạ Nguyệt Trinh (Heilbronn)100DM, Ô. Phạm (Binh 2 Bến tre - Offenbach) 100DM, Ông. Trần Quang Minh (Heidenheim) 100DM, Ông. Vũ Văn Song 100DM, Ô. Nguyễn Vinh Giám (Liège) 50DM Cô Diệu Tường (München) 100DM, Ông. Nguyễn Xuân Thủy 100DM, Ông. Ngô Văn Cường Föong 230DM, Ông. Lê Hòa (Dorsten) 100DM, Ông. Nguyễn Hữu Huấn (Hamburg) 100DM; Ô. Hoàng Đôn

Trinh (Tübingen) 100DM, Ông. Trần Cao Đài (Dortmund) 114DM; Ô. Lê Minh Cang (Pforzheim) 100DM, Ô. Vũ Ngọc Mỏi (Bielefeld) 50DM, Ô. Dương Văn Hai (Tiệp Khắc) 20DM, Ô. Nguyễn Ngọc Lâm 100DM, Ô. Võ Bá Tông 100DM, Ô. Nguyễn Ngọc Thạch 100 DM, 3 người Pfullingen 60DM, Ô. Nguyễn Văn Lý 50DM, Ô. Võ Hoàng Hải 50DM, Bà Nguyễn Thị Bích Châu 40DM, Ô. Huỳnh Văn Thập 40DM, Ô. Nguyễn Thống Nhất 30DM, Bà Nguyễn Thị Phàm 20DM, Ô. Nguyễn Thanh Sơn 20DM, Ô. Vương Văn Nho 20DM, Ô. Trần tử Bình 20DM, Cô Trần Tú Anh 10DM.

Quý vị Ân Nhân nhận hồ số TPB xin trợ cấp để tự gửi tiền giúp đỡ:

(Reutlingen): Cụ Đình Từ Chính 6 hs, Ông. Ng.V.T. 2hs, Ông. Phan ngọc Minh 1hs, Ông. Đỗ Văn Nho 2hs; Ông. Nguyễn Văn Xuân 2hs, Ông. Nguyễn Ngọc Sơn 1hs; (Hamburg): Cô Nguyễn Thanh Thảo 5hs, Ô. Phạm Văn Thế 1hs; Ô. Hoàng Tôn Long (Frankfurt) 1hs, Ông. Trương Văn Xuân (Hanover) 1hs, Ông. Phạm Văn Lợi (Mönchenglabach) 5hs, Ông. Hồ Đễ (Düsseldorf) 1hs, Thanh niên Đa Hiệu Võ Bị Đà Lạt 1hs, Quầy Hàng TT Chùa Viên Giác 1hs; Ông. Viên Kim Huy (Sindelfingen) 3 hs, Ô. Đoàn Thành Hưng (Trossingen) 1hs, 1 Ân nhân ở Böblingen 2hs, Bà Võ Thị Mộng Hoa 4hs; Bà Minh Châu (USA) 5hs, Ông. Hoàng Ngọc Đức (Fürth) 1hs, Bà Trần Ngọc Bảo (Frankfurt) 5hs. Ông. Trần Tử Trinh (München) 3hs, Ông. Ng. Văn Lý (Tennennbronn) 2 hs, Ông. Nguyễn Văn Bào (Tuttlingen) 1hs, Ông. Nguyễn Thanh Sắt (Pforzheim) 1hs, Ông. Nguyễn Đức Ngọc 1hs, Ông. Nguyễn Văn Sĩ (Bielefeld) 1hs, Ô. Phạm Ngọc Ninh (Hòa Lan) 1hs. **Tổng cộng: 61 hồ số.**

Nhóm đã giải quyết **9 hs** và đang xúc tiến việc giải quyết tiếp **65 hs**. (Một số hồ sơ đã có giấy hồi báo (có những lá thư viết cảm động), một số đã được thông báo là có hồi báo, số còn lại đang chờ hồi báo. Nhóm thường xuyên điện thoại xin các Ân nhân gửi giấy hồi báo sớm để tiện việc tổng kết). Vì quá bận rộn, nên rất có thể có sự sai sót. Nếu có, xin Quý vị Ân Nhân vui lòng cho chúng tôi biết để kịp thời điều chỉnh.

Một lần nữa xin chân thành đa tạ toàn thể Quý liệt vị.

**PHÓNG VIÊN KHÔNG BIÊN GIỚI
VÀ VĂN BÚT QUỐC TẾ TIẾC
THƯƠNG NHÀ BÁO VÀ NHÀ THƠ
PHẠM THÁI NGUYỄN NGỌC TÂN**

Tin nhà báo và nhà thơ **Phạm Thái Nguyễn Ngọc Tân** qua đời đã gieo một nỗi xúc động sâu xa trong lòng nhiều đồng nghiệp và văn thi hữu quốc tế. Chúng tôi xin trích đăng nguyên văn dưới đây một vài điện văn tiêu biểu của tổ chức Phóng Viên Không Biên Giới (Reporters Sans Frontières/Reporters Without Borders) và hội Văn Bút Quốc Tế (P.E.N. International) gửi đến chúng tôi với lời yêu cầu chuyển đạt những lời thành thật chia buồn của những người bạn chưa hề gặp mặt đến tang quyến và thân hữu của người cầm bút vừa nằm xuống.

Ông Phạm Thái Nguyễn Ngọc Tân được biết là một người trí thức lương thiện, nhân ái và dũng cảm. Một chiến sĩ cách mạng hết lòng thương dân yêu nước. Chỉ có ngòi bút là vũ khí để bảo vệ cho tâm hồn còn là Việt Nam trước sự tàn phá hủy hoại của nhóm người mất gốc, mù quáng làm tay sai cho chủ nghĩa phi nhân theo khuôn mẫu Mao và Staline. Hậu quả của nhiều năm bị Việt cộng nhốt tù và lưu đày lao động khổ sai đã khiến cho Phạm Thái Nguyễn Ngọc Tân phải vĩnh viễn chia tay với những người thân, những bạn hữu và chiến hữu, chỉ sau non 19 tháng được phóng thích vì lý do sức khỏe quá suy yếu và vì áp lực quốc tế. Ông mất ngày 12 tháng 11 năm 2001, hưởng thọ 82 tuổi.

Tưởng cũng nên nhắc lại, ông Phạm Thái Nguyễn Ngọc Tân đã bị Việt Cộng đày đi "cải tạo tập trung" sau 30 tháng 4 năm 1975 đến 1991. Năm 1993, ông bị bắt lại vì tham gia Phong trào Thống nhất Dân tộc và Xây dựng Dân chủ, với chức vụ Phó Chủ tịch. Tháng 8 năm 1995, Việt cộng kết án ông Phạm Thái Nguyễn Ngọc Tân 11 năm tù và Giáo sư Nguyễn Đình Huy, Chủ tịch Phong trào 15 năm tù. Cả hai chiến sĩ Nhân quyền được tổ chức Phóng Viên Không Biên Giới (Reporters Sans Frontières/Reporters Without Borders) và hội Văn Bút Quốc Tế

(P.E.N. International) bảo trợ và nhận làm hội viên danh dự. Ròng rã trong nhiều năm trời, cùng với Ấn Xá Quốc Tế, tổ chức Phóng Viên Không Biên Giới (Reporters Sans Frontières/Reporters Without Borders) và Hội Văn Bút Quốc Tế (P.E.N. International) đã thường xuyên lên tiếng bênh vực hai người tù chính trị và lương tâm Việt Nam này.

Nguyễn Hoàng Bảo Việt (CEVEX)

Nguyễn Lê Nhân Quyền (LVDHS)

Liên Hội Nhân Quyền Việt Nam ở Thụy Sĩ

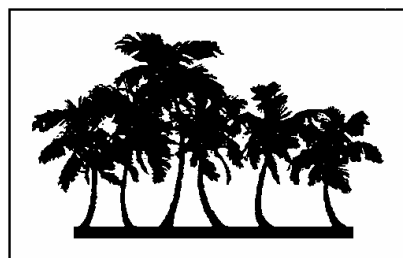
Ligue Vietnamienne des Droits de l'Homme en Suisse

Vietnamese League for Human Rights in Switzerland.

TÌM BẠN

Chị **Nguyễn Thị Mỹ Dung**, năm 1974 là học sinh lớp 11B Trung Học Công Lập Dĩ An - Biên Hòa (Việt Nam). Gia đình có tiệm cầm đồ tên LIÊN HÒA. Năm 1977 theo gia đình định cư tại Cộng Hòa Liên Bang Đức. Nay ở đâu? Xin liên lạc với bạn bè cũ lớp 11B theo địa chỉ: Lê Văn Tân (Lê Thị Phụng) Thị Trấn Dĩ An, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Điện thoại: 84650 725925.

Cô Nguyễn Thị Mỹ Dung muốn liên lạc với người đưa mục nhắn tin này vì sau khi đọc báo Viên Giác đã liên lạc điện thoại như số ghi trên nhưng tổng đài điện thoại VN cho biết là không có. Vậy mong người đưa mục nhắn tin này liên lạc gấp với cô Nguyễn Thị Mỹ Dung qua điện thoại số 069 305 13261 (ngày làm việc trong tuần từ 9 giờ đến 16 giờ) hoặc qua Email : thimydung.Bui@de.clariant.com để được biết thêm chi tiết.



**XÁ XÍU
CHAY**

Vật liệu :

- 3 cây mì căn
- Nước tương, tiêu, đường, bột ngọt, ớt
- 1 muỗng cà phê ngũ vị hương
- 1 chút màu đỏ
- 1 trái dưa tươi
- 1 trái dưa chuột
- 150g xà lách
- 50g poireau

Cách làm :

I. Giai đoạn một : chuẩn bị.

1) Mì căn : để nguyên miếng dài, lấy nia xăm sơ cho mì căn thấm đều gia vị ướp vào mì căn : 1 chút nước tương ngon + một chút tiêu + 1 muỗng cà phê đường + 1/2 muỗng cà phê bột ngọt + ngũ vị hương + màu đỏ; để độ 1/2 giờ cho mì căn thấm đều gia vị.

2) Dưa chuột : gọt vỏ theo lần sọc (chừa chút vỏ xanh lại), xắt mỏng.

3) Poireau : rửa sạch, lấy phần thân trắng xắt mỏng, băm nhỏ.

II. Giai đoạn hai : cách nấu.

Bắc chảo dầu nóng, cho poireau vào cho thơm, cho mì căn vào chiên cho mì căn được vàng đều, cho nước dưa tươi vào cho ngập nêm vừa ăn, để lửa riu riu, trở miếng mì căn cho thấm đều nước dưa. Nấu cho đến khi nước dưa cạn, sệt lại là được, nhắc xuống để mì căn nguội xắt ra từng miếng mỏng.

III. Giai đoạn ba : trình bày.

Xếp xà lách + dưa chuột ra giữa đĩa hình bầu dục, trên xếp xá xíu, rắc thêm tiêu + ngò cho thơm.

Món này dùng chung với cơm hoặc với bánh mì + nước tương + ớt xắt khoanh mỏng.

Số vật liệu trên sửa soạn cho 5 người ăn. •

Phương danh cúng dường

(Tính đến ngày 03.12.2001)

Trong thời gian gần đây, Chùa có nhận được tiền của quý Đạo Hữu gửi bằng cách chuyển qua Ngân Hàng hay bằng Bưu Phiếu, nhưng không có ghi rõ mục đích. Thí dụ như Cúng Dường, Tu Bồ Chùa, Ân Tớng Kinh, Pháp Báo, trả tiền bánh trái v.v....

Ngoài ra có Đạo Hữu nhờ người khác đứng tên chuyển tiền nhưng không rõ là chuyển tiền dùm cho ai để Cúng Dường hoặc thanh toán về vấn đề gì. Do đó khi nhận được tiền, Chùa không thể nào ghi vào sổ sách được.

Để tránh những trở ngại nêu trên, kính xin quý Đạo Hữu khi chuyển tiền hoặc gửi tiền về Chùa nhớ ghi rõ Họ & Tên, địa chỉ đầy đủ và mục đích để Chùa tiện ghi vào sổ sách.

Ngoài ra khi quý vị xem Phương Danh Cúng Dường xin đọc phần trên cùng là tính đến ngày...? tháng...? để biết rằng tiền đã chuyển đi ngày nào và tại sao chưa có tên trong danh sách. Chùa có 2 số Konto. Riêng số 870-3449 thì **Một Tháng** ngân hàng mới báo một lần, nên có sự chậm trễ đăng tải danh sách trên báo. Kính xin quý vị thông cảm cho.

Thành thật cảm ơn quý Đạo Hữu.

Danh sách PDCĐ của quý Đạo Hữu và Phật Tử, chúng tôi xin phép chỉ đánh máy một lần chữ **ĐH** (Đạo Hữu) ở bên trên.

■ TAM BẢO

ĐH. Hạnh (Zell) 70DM. HHHL ĐH Bùi Quang Hật (USA) 100US. Lê Tú Quỳnh (Bi) 2.000FB. Trần Thị Kim Loan (Breuberg-Neustadt) 20DM. Nguyễn Đức Hà (Augsburg) 50DM. Dr. Nguyễn Thị Bin (Heidelberg) 500DM. Huỳnh Văn Ngọc (Canada) 50DM. Lâm Túy Huệ (Việt Nam) 30DM. Nguyễn Lê Dân (Bernkastel) 50DM. Phạm Xuân Thắng 20DM. Nguyễn Thu Hà (München) 20DM. Nguyễn Thị Hiền (Weilheim) 10DM. Nguyễn Thu Hằng (Hannover) 20DM. Nguyễn Thị Nhuận (Esens) 50DM. Nhữ Thị Đạt (Seesen) 20DM. Trần Thị Phùng Duyên (Recklinghausen) 50DM. Phạm Hữu Đạt (Berlin) 20DM. Lương Kim Phương 10DM. Bùi Văn Hưng 10DM. Phạm Văn Diện 10DM. Fam. Điền 20DM. Phạm Phương Xuân 10DM. Kannika Wolff 20DM. Vũ Thị Như Hoa (Radebeul) 50DM. Wolfgang Hanel 10DM. Lê Trạch 20DM. Nguyễn Thị Minh (Hannover) 10DM. Michael Hoffmann 20DM. Nguyễn Chí Anh (Sehude) 50DM. Boonchieh Marakhop 10DM. Gđ. Thiện Tịnh, Giác An, Thiện Hữu (Berlin) 100DM. Trịnh Triều Vĩ (") 100DM. Thiện Đức (") 100DM. Thiện Lễ, Bé An, Thiện Nhân (") 100DM. Chùa Linh Thứu & Chi Hội PTVN Berlin 400DM. Gđ ĐH Thị Lộc (Berlin) 150DM. Minh Thành (") 100DM. N. Dương Thị 100DM. Huay Yon Qian (Frankfurt) 30DM. Kim Oanh & Chi Vy Sam (Wangen) 50DM. Nguyễn Văn Châu (Oberhausen) 10DM. Nguyễn Ngọc Thanh (Schwenningen) 10DM. Trần Kim 20DM. Pinhua Cheng Cui (Hannover) 50DM. Phạm Kim Huyền (Dresden) 100DM. Trần Minh Tuấn 50DM. Nguyễn Minh Huệ (D'dorf) 100DM. Trương Đức Quang (Hòa Lan) 50DM. Ân Dũng 50DM. Hồ Thị Chương 50DM. Nguyễn Văn Chuyên (Lehrte) 10DM. Đinh Huy Quang (Hage) 50DM. Phạm Xuân Thắng 100DM. Nguyễn Thị Ngọc Nhân 50DM. Nguyễn (Hòa Lan) 50DM. Trần Quang Tuấn (") 20Guld. Dương Hạnh Nhơn (D'dorf) 50DM. Nguyễn Mai Hương 30DM. Phùng Đức Quân (Leipzig) 20DM. Nguyễn Thu Hương (Hildesheim) 10DM. Lê Thông 20DM. Trần Xuân Mai (Gelsenkirchen) 40DM. Lê Thị Anh Hồng (Dresden) 300DM. Trương Đức Hạnh (Hòa Lan) 25DM. Lê Thị Oanh (Đan Mạch) 500Kr. Phật Tử chùa Vạn Hạnh (") 4.550Kr. Nhứt Trọng (Mannheim) 200DM. Thiện Quý (") 100DM. Lê Ngọc Châu & Ngọc Tuyết (Neufahrn) 137DM. Dr. Tôn Thất Hứa (Gerbrunn) 100DM. Trần Văn Huyền (Reutlingen) 65DM. Nguyễn Thị Nhung (Homburg) 100DM. Gđ. ĐH Nguyễn Tú (Neu Anspach) 500DM, HHHL ĐH Trần Hữu Khiếu Pd

Nguyễn Trí tuần chung thất. Phùng Ngọc Thúy (Frankfurt) 100DM. HHHL Nguyễn Thị Tâm (Lünen) 600DM. Ráttee 20DM. Văn Nại Tường (Helmstedt) 100DM. Khuu Mỹ Anh (") 20DM. Văn Trí Tài (") 20DM. Ân danh 100DM. Ngô 10DM. Lim Bok Sing 10DM. Trần Lê Quân 2DM. Trần Phú Hân 55DM. Nguyễn Thị Thanh Thủy (Schwerin) 10DM. Lê Văn Đoàn (Việt Nam) 20DM. Tô Thanh Tịnh (Bad Homburg) 100DM. Minh (Köln) 20DM. Lý Quốc Thái (Lüdenscheid) 50DM. Lý Kiệt Hà (") 50DM. Peter 2DM. Eric Trần 5DM. Trần Thị Hải 10DM. Dương Văn Hoàn (Ronnenberg) 10DM. Trịnh Đức Thường (Braunschweig) 20DM. Nguyễn Chí Anh (Sehude) 20DM. Fam. Trần (Köln) 50DM. Nguyễn Anh Tùng (Bielefeld) 20DM. Ngô Thành Cát (Wiesbaden) 50DM. Thiện Đạo (") 100DM. Châu Kim Luân & Vũ (") 50DM. Trần Thị Len (Neu-Anspach) 100DM. Bành Thẩm Cương (") 100DM. Lương Thị Anh (") 100DM. Chi Hội PTVNTN tại Wiesbaden) 500DM. Gđ. PT Đức (Frankfurt) 100DM. Nguyễn Thị Vương 20DM. Nguyễn Thị Vững 20DM. Trần Hải Hòa (Spaichingen) 100DM. Vương Toàn Hải 20DM. Nguyễn Thị Ngọc 20DM. Đặng Thị Kim Yến (Chemnitz) 200DM. Markus Đức Nam (Halle) 50DM. Nguyễn Thu Nga (Brinrum) 20DM. Nguyễn Thu Hằng (Hannover) 20DM. Nguyễn Minh Thảo (Butzbach) 10DM. Mai Quân 20DM. Lê Đình Hợp (Hannover) 30DM. Trịnh Tuấn Anh (Dresden) 50DM. Lê Tuấn (Aachim) 10DM. Nguyễn Thúy Lan (Darmstadt) 100DM. Trương Thị Diệu Linh (Salzbergen) 50DM. Diệu Nguyệt 100DM. Nguyễn Thị Minh Sáu (Ronnenberg) 10DM. Chung Thái Nhạc (Laaften) 20DM. Huỳnh Quang Tuấn (Dresden) 20DM. Huỳnh Hà Tỷ (Hannover) 10DM. Bùi Thị Mai Oanh 10DM. Trần Xuân Hồng 10DM. Thiện Mân (Empelde) 20DM. Trịnh Tuấn Hùng 50DM. Thái Thuận Dũng (Waltershausen) 30DM. Tsang (Rietberg) 100DM. Diệu Hương Vô Thị Lý (Erlangen) 1.100DM HHHL thân từ. Đức Hương (Fürth) 100DM. Diệu Anh & Kim Kim (") 200DM. Chi Hội Phật Tử VNTN tại Nürnberg + Fürth + Erlangen 1400DM. Diệu Hương Vô Thị Lý (Erlangen) 1.000DM (lo hậu sự) Đặng Nam An 30DM. Phạm Bảo Thành 40DM. Trương Thị Kim (Dingolfing) 20DM. Bà Văn Nương LNC (Pháp) 100FF. Bùi Thị Thanh Xuân (Schweinfurt) 100DM. Hà Ngọc Em (Neumarkt) 100DM. Tony Khúc 50DM. Lê Văn Hiền (D'dorf) 100DM. Mai Thị Ngọc Bông (Leutkirch) 60DM. Friedr. Wilh. Klein (Bramsche) 20DM. Nguyễn Văn Đồng (Freiburg) 50DM. Lê Thị Kim Dung (") 50DM. Lê Văn Báo (") 100DM. Nguyễn Thị Tú (") 250DM. Đặng Văn Trí (") 50DM. Chi Hội Phật Tử VNTN Freiburg 1.090DM. Nguyễn Thị Thanh Hương (Emmendingen) 50DM. Fam. Wong 100DM. Lê Ngọc Long (Berlin) 100DM. Schneider (") 10DM. HHHL ĐH Kiều Thị Kim Liên (Hannover) 100DM. Nguyễn Thị Lan (Esens) 30DM. Lê Đức Viên (Steelesdorf) 20DM. Fam. Lê & Trần (Berlin) 10DM. Đào Xuân Phương (") 20DM. Lê Thị Thanh Hương (Saarbrücken) 32DM. Trương Thị Mỹ Hằng (Trier) 50DM. Ngô Thị Vương (") 50DM. Phạm Xuân Thắng 100DM. Nguyễn Văn Lộc (Berlin) 100DM. Đặng Thị Nguyệt (Herne) 100DM. Đoàn Ngọc Tú 200DM. Thái An Giang 100DM. Nguyễn Ngọc Thu (Mainaschaff) 30DM. Châu Thị Tâm (Waldsee) 200DM. Lâm Kim Khánh (M'Gladbach) 200DM. Nguyễn Ngọc Hồ 20DM. Nguyễn Tuấn Anh (Sehnde) 40DM. Nguyễn Thị Hồng Nga 100DM. Trần Văn Sơn (Berlin) 40DM. Nguyễn Thu Hằng (Hannover) 20DM. Nguyễn Vĩnh Thao (Butzbach) 10DM. Phạm Xuân Thắng 20DM. Diệp Đức Thành (Gundelfingen) 50DM. Phạm Văn A (") 100DM. Nguyễn Duy Nam (Burgdorf) 20DM. Trần Thị Chi (Gersthofen) 20DM. Nguyễn Thị Minh Sáu (Ronnenberg) 20DM. Nguyễn Công Định (Dillingen) 10DM. Tuấn & Huyền (Karlsruhe) 30DM. Đặng Ngân Bình (Marburg) 20DM. Chi Hội Phật Tử VNTN Reutlingen 1.000DM. Diệu Phước (Reutlingen) 100DM. Thiện Giới (Sindelfingen) 100DM. Hwa Chieh Liu 200DM. GĐĐH Chung Liệt (Nürnberg) 2.100DM & Trần Ngọc Hà (Saarbrücken) 100DM, HHHL ĐH Giang Liên Pd Thiện Phẩm. Cao Thị Sâm (Hochdorf) 150DM. Thiện Phước (Nürnberg) 30DM. Nguyễn Thanh Nguyệt (Hòa Lan) 50Guld. Huỳnh Thị Tám (Bi) 500FB. Fam. Trương (Albstadt) 50DM. Nguyễn

Hồng Minh 30DM. Nguyễn Ngọc Tuấn (Köln) 200DM. Trần Thị Hiền (") 25DM. Nguyễn Hồng Thúy (Pforzheim) 100DM, HHHL ĐH Đoàn Văn Thờ. Nguyễn Văn Lộc (") 100DM. Lê Thị Sỹ (Tennesseealle) 50DM. Đào Thị Hồng Nguyễn (Edewecht) 33DM. Lâm Bửu Trần (Albstadt) 100DM. Trương Quan Phúc (Moschheim) 30DM. Kusiaowski Thị Nhuận (Esens) 10DM. Nguyễn Quốc Thắng (Burgdorf) 10DM. Lương Tô Tú (Hannover) 50DM. Ngô Thị Mỹ Dung (Bielefeld) 100DM. Nguyễn Đình Tuyển (Oldenburg) 50DM. Beck Thị Thanh Hà 20DM. Nguyễn Anh Trường & Hằng (Hannover) 500DM. Trần Tú Ngọc (Gifhorn) 20DM. Huỳnh Phước 200DM. Trần Cam (D'dorf) 100DM. Trần Thị Loan (Việt Nam) 50DM. Nguyễn Kim Hùng (Taufcha) 50DM. Vũ Quốc Hoài (Papenburg) 20DM. Nguyễn Duy Trường 50DM. Him Chivit (Esens) 10DM. Cáo Ngọc Thắng (") 20DM. Nguyễn Thị Huệ (") 20DM. Nguyễn Thị Hoa (") 10DM. Đinh Huy Quang 20DM. Lê Đình Bình (Spremburg) 10DM. Dương Cao Đăng (Gauhern) 10DM. Tài, Hòe, Châu, An (Burgwedel) 10DM. Đặng Khánh Nam (Frankfurt) 100DM. Pravond (Pháp) 50DM. Diệu Trang (") 200FF. Cô Tịnh Hiền (") 200FF. Chapis Angéline Chantal (") 100FF. Nguyễn Hùng Kỳ (") 100FF. Đặng Văn Trúc (Großostheim) 20DM. Bùi Mỹ Phúc + Đỗ Văn Thanh + Nguyễn Mỹ Hạnh (Hannover) 150DM, HHHL Nguyễn Thị Kiều Liên. Phạm Thị Hồng (Herten) 20DM. Trần Thị Út (") 10DM. Nguyễn Mạnh Tùng (Aschaffenburg) 30DM. Lay (Moers) 68DM. Lê Văn Thuận (Neuss) 20DM. Trương Út (USA) 50US. Vương Tấn Hải 20DM. Nguyễn Việt Chiêu 30DM. Klein-Jürgen-Walter 30DM. Nguyễn Thị Ngọc 20DM. Trần Thị Phúc 30DM. Nguyễn Thúy Hồng 20DM. Lý Thanh Hải (Deiningen) 100DM. Nguyễn Thị No (Pháp) 100FF. Hoàng Hà Tỷ 20DM. Lieu Tik Koen 10DM. HL Nguyễn Thị Kiều Liên (Hannover) 40DM. Nguyễn Tiến Đức 5DM. Nguyễn Thu Hương (Hildesheim) 10DM. Lương Thị Thanh Nga (Hamburg) 10DM. Đặng Quốc (Đan Mạch) 200Kr. Huỳnh Hữu Phước (") 500Kr. Mai Hồng Tuấn 30DM. Dương Ánh Tuệ 100DM. Trần Thị Bích Lan 10DM. Hải Yến Xuân (Langenhagen) 10DM. Đồng Thị Xuân (Burgwedel) 10DM. Tô Hà & Đức Hoa 50DM. Hồng Lệ Phần (Deginen) 30DM. Lê Thị Nam (Frankfurt) 20DM. Ân danh (") 50DM. Chi Hội Phật Tử VNTN Frankfurt 300DM. Đặng Thị Hạnh (Frankfurt) 50DM. Ân danh (") 150DM. Thiện Từ (Wiesbaden) 50DM. Thiện Lâm & Diệu Phụng (Langen) 100DM. Thiện Nghiêm (") 100DM. Diệu Viên (Aschaffenburg) 200DM. Phan Thu Thủy (Frankfurt) 120DM. Vầng Thiện Hùng (") 50DM. Nhứt Trọng (Mannheim) 200DM. Nguyễn Thị Hồng Nhung (Kleve) 100DM.-

■ BẢO VIÊN GIÁC

ĐH. Nguyễn Văn Tô (Reutlingen) 30DM. Trần Thị Hạnh (Neuenhaus) 30DM. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh (München) 50DM. Trần Văn Dâu (Wilhelmsdorf) 30DM. Phan Thị Bích Ngọc (Weierherweg) 60DM. Lê Văn Vũ (Hannover) 30DM. Phạm Thị Phương (Stuttgart) 60DM. Lê Ngọc Châu & Ngọc Tuyết (Neufahrn) 100DM. Dr. Tôn Thất Hứa (Gerbrunn) 50DM. Trần Văn Huyền (Reutlingen) 30DM. Đặng Phúc Tuấn (Bayreuth) 50DM. Lưu Sinh (Đan Mạch) 50DM. Nguyễn Vũ Bằng (St. Wendel) 30DM. Trần Anh Tuấn (Mannheim) 50DM. Trần Văn Nhung (Canada) 40Can. Nguyễn Đài (Đan Mạch) 100Kr. Nguyễn Thị Sương (") 30DM. Huỳnh Thị Minh (Freying) 40DM. Huỳnh Thị Ngọc (Hamburg) 50DM. Nguyễn Phước Vĩnh Châu (USA) 50US. Tạ Quang Thanh (Karlsruhe) 30DM. Trần Tuấn Trường Khanh (") 20DM. Phan Thị Bích (Bremen) 20DM. Huế Wollenberg (Hamm) 20DM. Bùi Văn Tuấn 20DM. Trần Văn Đạt (Bi) 20DM. Bùi Ngọc Vạn (Göttingen) 20DM. Trịnh Thị Tươi (Wiesbaden) 50DM. Ngô Thành Cát (") 50DM. Châu Thanh Lợi (") 20DM. Nguyễn Thị Huyền Nga (Pháp) 50DM. Võ Nguyễn Đình Hiệp (Tây Ban Nha) 100DM. Mai Thị Tâm (Vlotho) 100DM. Lê Thị Loan (Áo) 20DM. Trần Thị Duyên (Schweden) 50DM. Trần Hương Giang 50DM. Lý Văn Cúc (Neuss) 20DM. Mai Xuân Diệu (Hannover) 30DM. Nguyễn Ngọc Lâm (Heilbronn)

50DM. Lê Thị Sơn (Suisse) 100DM. Nguyễn Thị Hương Duyên (Saarbrücken) 20DM. Lê Thọ Văn (Leonberg) 50DM. Ân danh (M'Gladbach) 50DM. Đặng Xuân Hùng (Bückerburg) 20DM. Huỳnh Tạo (Frankfurt) 20DM. Phan Ngọc Thanh Tuyền (") 50DM. Võ Bá Tòng (Zweibrücken) 20DM. Phan Trương Trần Vũ (Krefeld) 20DM. Trần Minh Cư (Gütersloh) 20DM. Asia Reise Center (Mannheim) 1.500DM. Uông Minh Trung (Hannover) 50DM. Nguyễn Trọng Mận (Nahe) 20DM. Bà Văn Nương LNC (Pháp) 200FF. Trần Thị Phương Dung (Köln) 50DM. Lê Vinh Hiệp 100DM. Lê Văn Thân (Fürth) 50DM. Huỳnh Bá Thiên (München) 30DM. Trịnh Tuấn Hùng (Salzbergen) 50DM. Bùi Thị Thanh Xuân (Schweinfurt) 50DM. Phạm Đình Nha (Schorndorf) 50DM. Trần Thị Thu Hà (Minden) 20DM. Đặng Ngọc Hiền (Sindelfingen) 30DM. Bernd Neumann (Neumarkt) 185DM. Lê Văn Hoanh (Pháp) 100FF. Trần Thị Kim Quyên (Salzgitter) 30DM. Đặng Xuân Hùng 20DM. Nguyễn & Lê Đan (Berkastel-Kues) 100DM. Trần Văn Sáu (Bielefeld) 20DM. Nguyễn Văn Phú (Norden) 30DM. Nguyễn Thị Khang (Ý) 50.000Lire Đỗ Minh Dung 2.300DM. Dương 20DM. Nguyễn Ngọc Diệp 60DM. Mai Thị Ngọc Bông (Leutkirch) 40DM. Phạm Minh Phương 300DM. Thich Asian Reise 500DM. Nguyễn Kim Phương 550DM. Phạm Thanh Bình 40DM. Nguyễn Văn Vân (Köln) 50DM. Vũ Viết Boong (Viersen) 50DM. Hứa Mỹ Hằng (Hòa Lan) 25Guld. Huỳnh Văn Dân (Emmendingen) 50DM. Nguyễn Thị Thanh Hương (") 30DM. Võ Thị Hương (Freiburg) 30DM. Nguyễn Thị Tư (") 50DM. Đinh Trọng Nghĩa (") 20DM. Phùng Thị Quảng (") 20DM. Đặng Văn Ty (") 50DM. Quách Thu Anh (") 20DM. Ân danh (") 20DM. Nguyễn Văn Đông 50DM. Lê Thị Kim Dung 50DM. Nguyễn Hồng Ngọc (Braunschweig) 100DM. Trương Thị Mỹ Hằng (Trier) 50DM. Đỗ Hồng Sơn (Preuzlau) 20DM. Trần Ngọc Lan (Pháp) 50FF. Mivico (Hannover) 1.500DM. Từ Ngọc Phong (Hamburg) 50DM. Nguyễn Khắc Sinh (Gelsenkirchen) 30DM. Phạm Đan Huy (Filderstadt) 20DM. Phạm Mai Sơn (Anh) 5 Anh kim. Nguyễn Thị Vân (Ý) 100.000Lire. Hà Hiếu Thanh (Đan Mạch) 100Kr. Lâm Xuân Hiệp (Hòa Lan) 25Guld. Huỳnh Văn Hiệp (Reutlingen) 20DM. Quách Hai Quang (Frankfurt) 30DM. Nguyễn Văn Lộc (Berlin) 100DM. Trần Hoàng Việt (Hannover) 30DM. Trần Văn Thái (Pháp) 50DM. Phạm Bảo Thanh 30DM. Nguyễn Ngọc Thu (Mainaschaff) 40DM. Tiêu Kim Huệ 50DM. Đặng Vũ Thị Tuyết 30DM. Phạm Lạc (Weissenthurn) 30DM. Sino-Deco (Berlin) 1.500DM. Nghiêm Xuân Hương (Künzelsau) 20DM. Phan Thị Hương (Reutlingen) 30DM. Hàn Cường (") 20DM. Vũ Thị Kiều Hạnh (Endingen) 30DM. Nguyễn Thanh Nguyệt (Hòa Lan) 50Guld. Đinh Chí Hương (Pháp) 100FF. Elisabeth Nguyễn (") 100FF. Ngô Minh Tạo (Sapnien) 30DM. Trần Minh Ngọc (Hannover) 30DM. Lâm Văn Minh (Lindau) 20DM. Mai Bá Long (Bad Kreuznach) 60DM. Phan Công Thanh (Schweden) 50Kr. Nguyễn Tuyết Nga 50DM. Rudolf Claus-Peter (Schwarzenberg) 50DM. Nguyễn Ngọc Tuấn (Köln) 100DM. Trần Thị Hiền (") 25DM. LMDCVN (Oberhausen) 50DM. Trịnh Bạch Tuyết (Áo) 200Schl. Lê Văn Tài (Salzgitter) 30DM. Huỳnh Oanh (Canada) 50Can. Nguyễn Văn Tư (Pháp) 30Euro. Lê Oanh (Münster) 50DM. Phan Minh Đức (Ý) 20.000Lire. Bùi Văn Lân (Wolmirstedt) 20DM. Vũ Thị Bạch Lan (Esslingen) 30DM. Trần Thu Hằng (Datteln) 20DM. Võ Mỹ Dung (Krefeld) 20DM. Nguyễn (Pháp) 50FF. Nguyễn Ca (Oberhausen) 50DM. Lương Thanh Huy (Hamein) 70DM. China Rest. Tang (Kirchheim) 85DM. Trần Văn Phụng (Mannheim) 50DM. Trương Quan Phúc (Moschheim) 20DM. Long Nhiêu (Weil im Schönbach) 20DM. Nguyễn Phương Trinh (Ý) 20.000Lire. Đinh Ngọc Hải (Stuttgart) 20DM. Pravond (Pháp) 50DM. Diệu Trang (") 200FF. Nguyễn Hồng Kỳ (") 150FF. Ngô Tô Nữ (Thụy Điển) 110DM. Nguyễn Trọng Thủy (Mannheim) 50DM. Phạm Thị Minh Nguyệt (Scheidegg) 50DM. Nguyễn Văn Lý (Pforzheim) 40DM. Chi Hội Phật Tử VNTN tại Saarland 50DM. Long Pô Phương (Viersen) 30DM. Nguyễn Mạnh Tùng (Aschaffenburg) 40DM. Trần Thị Bay (Osnabrück) 30DM. Lay (Moers) 20DM. Trần Ngọc Hoan (Nalbach) 50DM. Lê Văn Thuận (Neuss) 20DM.

Dương Tiến Thường (Kirchheim) 85DM. Trần Văn Ngọc (Hannover) 30DM. Văn Thiết Vũ (Đan Mạch) 20DM. Ngụy Nhứt Thủ (Hannover) 30DM. Trần Thị Liên Hoa (K'Lautern) 110DM. Trần Ngọc Hoàn 30DM. Phạm Minh Tân 20DM. Peter Hà (Taufkirchen) 50DM. Nguyễn Thị No (Pháp) 100FF. Đặng Quốc (Đan Mạch) 100Kr. Huỳnh Hữu Phước (") 400Kr. Thiệu Huệ (Frankfurt) 30DM. Huỳnh Tuyết Vân (Wiesbaden) 24,50DM. Đoàn Thị Xuân Thắm (") 20DM. Đinh Phương Nam (Wilhelmshaven) 50DM.-

■ AN TỐNG

ĐH. Diệu Phan (Berlin) 20DM. Lê Văn Lợi (Schorndorf) 10DM. Stephanie Lê (") 10DM. John Kerry Lê (") 10DM. Ân Hương (D'dorf) 50DM. Trần Hữu Hà (Pháp) 50DM. Đặng Thị Kim Yến (Chemnitz) 600DM (Ấn tống kinh Nghi Thức Tụng Niệm thay vì in 1.200 cuốn Bạch Y Thần Chú). Đỗ Thụy Bảo Trần (Duisburg) 50DM. Trần Ngọc Minh 30DM. Quách Thu Anh (Freiburg) 30DM. Đặng Thị Nguyệt (Herne) 350DM. Cao Thị Sâm (Hochdorf) 100DM. Trần Điện 50DM.

■ KINH PHÁP HOA

ĐH. Lê Tú Quỳnh (Bi) 1.000FB. Phạm Thị Phương (Stuttgart) 25DM. Nguyễn Văn Diệp (Suisse) 100US. Phan Công Thanh (Sweden) 100Kr. Nguyễn Thị Hiền (Emmendingen) 100DM. Thiệu Lâm & Diệu Phụng (Langen) 100DM.

■ BA KINH TỊNH ĐỘ

ĐH. Phạm Lạc (Weissenthurn) 40DM. Phạm Thị Phương (Stuttgart) 20DM. Nguyễn Văn Diệp (Suisse) 50DM. Nguyễn Thị Hiền (Emmendingen) 100DM.

■ NIỆM PHẬT VÃNG SANH LƯU XÁ LỘI

ĐH. Phạm Thị Phương (Stuttgart) 20DM. Thiệu Như (Tuttlingen) 20DM. Trần Nhứt Quang (Ibbenbüren) 50DM. Nguyễn Thị Hiền (Emmendingen) 100DM.

■ KINH ĐỊA TẠNG

ĐH. Nguyễn Thị Bày (Đan Mạch) 300Kr.

■ TÔN TƯỢNG QUAN THẾ ÂM BỒ TÁT

ĐH. Lâm Kim Khánh (M'Gladbach) 120DM. Nguyễn Thị Khang (Ý) 50.000Lire.

■ TƯỢNG QUAN ÂM THIÊN THỦ THIÊN NHÂN

ĐH. Nguyễn Ngọc Thanh (Schwenningen) 10DM. Đặng Thị Nguyệt (Herne) 100DM. Nguyễn Thị Mai Trang (Vs-Villegen) 50DM. Lý Quốc Đống (Hamburg) 200DM.

■ TƯỢNG DI ĐÀ

ĐH. Nguyễn Thị Khang (Ý) 50.000Lire.

■ TƯỢNG ĐỊA TẠNG

ĐH. Nguyễn Thị Khang (Ý) 50.000Lire.

■ MỘT TƯỢNG PHẬT

ĐH. Nguyễn Văn Ngà (Đan Mạch) 500Kr. Lê Thị Hợp (") 500Kr. Nguyễn Thị Kim Xuân (") 500Kr. Đinh Thị Hạnh Thảo (") 500Kr. Trần Thị Hương (") 500Kr. Hoàng Thị Thu (") 500Kr. Nguyễn Ngọc Hiệp (") 500Kr. Nguyễn Thị Mộng (") 500Kr. Nguyễn Thị Sương (") 120DM. Nguyễn Đình Luân (Villingen) 120DM. Nguyễn Thị Mỹ Lệ (") 120DM. Nguyễn Thu Hồng (Donaueschingen) 120DM.

■ TẾT & RẪM THÁNG GIÊNG

ĐH. Cao Thị Sâm (Hochdorf) 100DM.

■ TRAI TẶNG

ĐH. Phạm Bảo Thanh 40DM. Trần Nhứt Quang (Ibbenbüren) 50DM.

■ TU BỔ CHÙA VIÊN GIÁC

ĐH. Nguyễn Mạc (Hannover) 20DM. Trương Đức Hạnh (Hòa Lan) 25DM. Nguyễn Vũ Bằng (St. Wendel) 20DM. Vũ Thủy 100DM. Chörling Verein (Hannover) 3.210DM. Trần Ngọc Minh 40DM. Phạm Thanh Bình (München) 20DM. Đặng Thị

Nguyệt (Herne) 100DM. Nguyễn Thị Thu Hằng (Reutlingen) 100DM. Nguyễn Thị Mai Trang (Vs-Villegen) 50DM. Vũ Thị Bạch Lan (Esslingen) 70DM. Long Nhiêu (Weil im Schönbach) 20DM. Can (Speyer) 100DM.

■ QUỸ HỌC BỔNG TẶNG NI

ĐH. Nguyễn Đình Vũ (Hòa Lan) 100Guld. Phan Phước (") 25Guld. Trần Thị 50DM + 50DM. Ân danh (M'Gladbach) 50DM. Đặng Thị Nguyệt (Herne) 400DM.

■ KỶ TỰ HƯỚNG LINH

ĐH. Trịnh Tuấn Hùng (Salzbergen) 150DM. HLĐH Trịnh Bình. Lion Nio Jo (Hannover) 150DM, HLĐH Lim Tik Koen.

■ PHÓNG SANH

ĐH. Su Cô T.N Tịnh Hiền (Pháp) 30DM.

■ CỎ NHI VIỆN - CÙI - MÙ - DUỖNG LÃO

ĐH. Nguyễn Đình Vũ (Hòa Lan) 100Guld. Nguyễn Đức Hà (Augsburg) 50DM. Lưu Vinh (Hòa Lan) 20DM. Nguyễn Ngọc Thanh (Schwenningen) 30DM. Đào (Glashütten) 30DM. Nguyễn Khắc Sinh (Gelsenkirchen) 20DM. Nguyễn Thị Bê (Köln) 50DM.

■ ĐÈN ĐƯỢC SỬ :

ĐH. Trần Mỹ Lan (Pháp) 30DM.

■ GIÚP NẠN ĐÓI PHI CHÂU

ĐH. Trần Mỹ Lan (Pháp) 50DM.

ĐỊNH KỶ HÀNG THÁNG XÂY CHÙA VIÊN GIÁC

Chúng tôi thành tâm kêu gọi quý Đạo Hữu và Phật Tử xa gần hỗ trợ Chùa bằng cách đóng góp Định Kỳ Hàng Tháng qua Ngân Hàng bằng lí D Dauerauftrag để việc thực hiện trả nợ xây chùa có khả quan hơn.

Khi chuyển tịnh tài cúng Chùa, xin quý vị vui lòng ghi vào nơi (Verwendungszweck = mục đích cho việc gì) để văn phòng dễ làm việc. Quý vị ở xa ngoài nước Đức cũng có thể gửi tiền mặt hoặc Check trong thư, có thể gửi thường hoặc bảo đảm về Chùa. Xin thành thật cảm ơn quý vị.

Tất cả mọi sự Cúng Đường định kỳ hoặc những lễ lạc khác cho Chùa, quý vị đều có thể lấy Giấy Khai Thuế Lại (bằng tiếng Đức) để cuối năm quý vị có thể khai khấu trừ thuế với Chính Phủ. Quý vị nào cần, xin liên lạc về Chùa bằng thư hoặc bằng điện thoại, chúng tôi sẽ gửi giấy đến quý vị.

Quý vị chuyển tịnh tài về Chùa, xin chuyển vào một trong hai số Konto như sau:

1. Congr. d. Verein Vietn. Buddh. Kirche e.V.

Konto Nr. 870 1633

BLZ 250 700 24

Deutsche Bank Hannover

(Mỗi ngày ngân hàng báo một lần)

2. Pagode Vien Giac

Konto Nr. 870 3449

BLZ 250 700 24

Deutsche Bank Hannover

(Một tháng ngân hàng báo một lần)

Ngôi Chùa thành tựu và phát triển được hay không là nhờ vào sự hỗ trợ từ vật lực cũng như tinh thần của quý Đạo Hữu và Phật Tử xa gần. Vì thế chúng tôi xin kêu gọi quý vị hoan hỷ đóng góp phần mình vào việc chung trên để ước nguyện của chúng ta thành tựu viên mãn.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát
Ma Ha Tát

**DANH SÁCH QUỸ ĐẠO HỮU CÙNG
DUỠNG ĐỊNH KỲ HÀNG THÁNG**

1. Vũ Quang Tú	Seelze	50 DM
2. Nguyễn Hòa	Hamburg	20 DM
3. Lâm Thị Múi	Berlin	10 DM
4. Diệp Ngọc Diệp	Fürth	10 DM
5. Diệp Tố Cầm	Fürth	10 DM.
6. Nguyễn Thị Kim Chung	Hamburg	10 DM.
7. Lý Tố Liên		10 DM
8. Lý Tố Huệ		10 DM
9. Lý Quốc Nghĩa		10 DM
10. Lý Tố Hương		10 DM
11. Lý Tố Nga		10 DM
12. Lý Quốc Kính		10DM
13. Lý Huỳnh Bá	Ge. Schalke	50 DM
14. Trần Huy Bằng		10 DM
15. Nguyễn Ngọc Cam	München	20 DM
16. Trần Văn Dần	Konstanz	10 DM
17. Nguyễn Ngọc Diệp		20 DM
18. Trương Giang		25 DM
19. Hồ Vĩnh Giang	Laatzen	30 DM
20. Trần Bạch Hùng	Neuss	10 DM
21. Phạm Công Hoàng	Bremen	50 DM
22. Lê Thị Hồng	Reutlingen	20 DM
23. Đoàn Thanh Hùng		20 DM
24. Hùng Thục Kim	Trossingen	50 DM
25. Phạm Hồng Sáu		15 DM
26. Phùng Văn Châm	Regensburg	10 DM
27. Nguyễn Thị Tường Nhân	Nürnberg	20 DM
28. Nguyễn Văn Phương	Bremervörde	20 DM
29. Hà Văn Tú		20 DM
30. Lê Văn Trường		10 DM
31. Lâm Thị San		10 DM
32. Đặng Ngọc Trần	Reutlingen	20 DM
33. Lê Trung Trực	Frankfurt	30 DM
34. Hàn Thị	Braunschweig	10 DM
35. Trần Thiện Thảo	Paderborn	10 DM
36. Phùng Văn Thanh	Stuttgart	20 DM
37. Đặng Quốc Minh	MG	10 DM
38. Tô Văn Phước	München	40 DM
39. Nguyễn Ngọc Đường	HH	10 DM
40. Cao Minh Miến		10 DM
41. Lai Khánh Vân	München	20 DM
42. Ngô Vinh Phúc	Norddeich	25 DM
43. Nguyễn Xuân Phúc	Mannheim	50 DM
44. Lâm Vinh Phong	Schweinfurt	10 DM
45. Phạm Đoàn Dương		50DM(3 tháng)
46. Trần Thị Viện		20 DM
47. Tôn Nữ Thị Tuy		10 DM
48. Lâm Bung Hoàng		10 DM
49. Võ Thị Sen		20 DM
50. Văn Lục		30 DM
51. Phạm Văn Mộc	Langen	50 DM
52. Trần Thị Huỳnh Mai		20 DM
53. Trần Văn Khánh		20 DM
54. Ngô Thị Thắng	Frankfurt	20 DM
55. Nguyễn Thị Thinh		20 DM
56. Nguyễn Văn Chín	Spaichingen	20 DM
57. Lê Huệ	Ravensburg	20 DM
58. Tiểu Thị Thị		20 DM
59. Lý Kiến Cường		30 DM
60. Sầm Yến		50 DM
61. Văn Công Trâm		50 DM
62. Phan Thị Lan		20 DM
63. Nguyễn Thúy Hồng	Göttingen	20 DM
64. Võ Hữu Hùng	Burgdorf	20 DM
65. Liêu Thiểu Hòa		20 DM
66. Vũ Thị Minh Hằng		10 DM
67. Phạm Đăng Anh Tuấn		50 DM
68. Hứa Trương Hưng		20 DM
69. Nguyễn Ngọc Hào		10 DM
70. Lê Văn Đức		10 DM
71. Từ Sánh	Aachen	30 DM
72. Lý Kiến Hoàng		20 DM
73. Võ Thị Mỹ	Denkelheim	20 DM
74. Phạm Thị Mai Hildesheim		30 DM
75. Trần Xuân Tú	Hannover	20 DM
76. Phạm Ngọc Sơn	MG	10 DM
77. Đỗ Nguyễn Huy Phương		40 DM
78. Tăng Bích Phân	Münster	10 DM
79. Nguyễn Thị Phụng /Recklinghausen		10 DM
80. Phạm Văn Dũng	Hildesheim	10 DM
81. Mỹ Anh Hanisch Pfaff		50 DM
82. Nguyễn Thị Dừa	Künzelsau	10 DM
83. Trần Văn Sáu	Uelzen	10 DM
84. Nguyễn Mạnh Hùng	Hemmingen	30 DM

85. Hồ Ngọc Thanh		50 DM
86. Trịnh Kim Hòa		10 DM
87. Trần Mỹ Tiến		10 DM
88. Hồ Thị Thu Hà		30 DM
89. Ngô Thị Cao		10 DM
90. Phan Thế Mi		10 DM
91. Nguyễn Thanh Ty		50 DM
92. Nguyễn Ngọc Hà		10 DM
93. Trần Hải Hòa	Spaichingen	20 DM
94. Cardenas-Kreuz-Edgar	Hannover	36 DM
95. Chung Cẩm Hưng		10 DM
96. Nguyễn Danh Thắng / Mannheim		20 DM
97. Nguyễn Mạnh Diệp		20 DM
98. Nguyễn Ngọc Tuấn		30 DM
99. Trương Chánh		10 DM
100. Nguyễn Quốc Định	Neuss	20 DM
101. Trịnh Thân Vương		20 DM
102. Lưu Đăng Phương		10 DM
103. Vũ Thủy		100 DM
104. Nguyễn Thị Thu Cúc		20 DM
105. Nguyễn Thị Nhung		15 DM
106. Thái Văn Anh	Aurich	50 DM
107. Huỳnh Thị Chăng		15 DM
108. Nguyễn Ngọc Bình		10 DM
109. Huế Wollenberg		20 DM
110. Trần Thị Phúc	Fürth	30 DM
111. Nguyễn Xuân Trang	Göttingen	30 DM
112. Stefan Weiss		30 DM
113. Trần Tân Tiêng		20 DM
114. Nguyễn Thị Viên Phương		20 DM
115. Thái Quang Minh		100 DM
116. Gräser Thị Kim Nhung		10 DM
117. Trương Trịnh Minh Hà		40 DM
118. Đỗ Ngọc Oanh		10 DM
119. Nguyễn Thị Phương		10 DM
120. Nguyễn Thị		10 DM
121. Phan Trương Trần Vũ		10 DM
122. Trịnh Lâm Kim Yến		10 DM
123. Nguyễn Việt Chiêu		30 DM
124. Lê Nhất Thanh		30 DM
125. Mai Khắc Hương		50 DM
126. Tống Thị Nam		10 DM
127. Đào Trọng Hiếu	Karlsruhe	60 DM(3 tháng)
128. Nguyễn Thị Thu		20 DM
129. Đào Thị Hiền		20 DM.

**CỬ LỤT ĐỒNG BẰNG SÔNG
CỬU LONG
CHÙA VIÊN GIÁC NHẬN ĐỢT 8
(đến ngày 03.12.2001)**

DH. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh (München) 50DM. Nhóm Tinh Thương Đức Quốc (Reutlingen) 153DM. Dương Văn Lý (") 100DM. Hồ Thị Nam (") 50DM. Diệu Phước (") 50DM. Trần Hữu Lượng (Neu Anspach) 100DM. Nguyễn Lê Dân (Bernkastel) 50DM. Nguyễn Thị Trường Thy (M'Gladbach) 50DM. Mao Hồng Thảo (Pháp) 200FF=60DM. Minh Anh (Böhlen) 100DM. Ấn danh (") 100DM. Thanh Trúc (Suisse) 20FS=25DM. Tuấn Vân (Nürnberg) 100DM. Haag Bích Thủy (") 20DM. Thiện Đức (") 10DM. Huỳnh Thành (") 10DM. Diệp Năng Tài (Fürth) 100DM. Nguyễn Thị Kim Huệ (") 20DM. Tiểu Thị Thị (Erlangen) 50DM. Ấn danh (M'Gladbach) 50DM. Vũ Viết Tân (") 50DM. Võ Bá Tông (Zweibrücken) 20DM. Lý Tùng Phương 50DM. Đỗ Việt Hào (Emlichheim) 20DM. Bùi Thị Thanh Xuân (Schweinfurt) 50DM. Ngô Kim Liên (Neumünster) 100DM. Lương Ngọc Phách (Bielefeld) 20DM. Lưu Văn Nghĩa (Hanau) 30DM. Trần Thị Kim Quyên (Salzgitter) 30DM. Nguyễn Phú Thanh Vân (Ludwigshafen) 50DM. Lê Văn Thọ 200DM. Nguyễn Ngọc Diệp 50DM. Vũ Viết Boong (Viersen) 50DM. Lê Văn Tư (Münster) 100DM. Quầy Hàng Tinh Thương Hội Phật Tử VNTN Đức Quốc 200DM. Minh Tôn & Thanh Hòa (Hannover) 300DM. Ngô Thị Bướm (Reutlingen) 40DM. Ấn danh 10DM. Thiện Hậu (Stuttgart) 10DM. Đỗ Huy Phương (") 10DM. Thiện Lạc (") 10DM. Đào (Glashütten) 30DM. Võ Hồ Kim Thanh (Ulm) 30DM. Nguyễn Khắc Sinh (Gelsenkirchen) 50DM. Julie C Monluc Guyot (Pháp) 100FF=30DM. Nguyễn Văn An (Hòa Lan) 200Guld.=170DM. Võ Thị Nước (") 50Guld.=43DM. Phan Văn Hòa (") 50Guld.=43DM. Phan Văn Hùng (") 50Guld.

=43DM. T. Phạm 20DM. Phạm Văn Thanh (Wilhelmshaven) 50DM. Nguyễn Cao Lũy & Bùi Thị (Trier) 100DM. Như Anh Richter (München) 30DM. Lê Văn Dũng 20DM. Nguyễn Hoàng Hải (Bad Beuthen) 20DM. Nguyễn Quốc Thông (Bonn) 100DM. Nguyễn Thùy Linh 100DM. Nguyễn Ngọc Thu (Mainaschaff) 30DM. Tiêu Kim Huệ 50DM. Bùi Quốc Vương 400DM. Bùi Thị Trùng (Stuttgart) 10DM. Bùi Ngọc Loan (Marbach) 20DM. Ấn danh 50DM. Vũ Xuân Hữu (Leonberg) 10DM. Nguyễn Hạnh Trinh 20DM. Hoàng Đôn Trinh (Tübingen) 20DM. Lê Minh Mẫn (Kupferzell) 10DM. Mai Hữu Nghĩa (") 30DM. Lâm Thị Kim Loan (Neu Ulm) 50DM. Thiện Huệ (Crailsheim) 50DM. Ấn danh 10DM. Dương Thị Nhiều 30DM. Trần Ngọc Dung (Tübingen) 100DM. Trần Thị Quang (Meßkirch) 10DM. Trần Văn Út 50DM. Phước Ngọc (Reutlingen) 20DM. Nguyễn Thị Thu Hương (") 50DM. Trần Phạm (") 50DM. Cổ Kim Trường (") 20DM. Suối (") 20DM. Ấn danh 20DM. Thiện Giáo 20DM. Dương Xuân Lang (Darmstadt) 10DM. Phạm Thị Hương 20DM. Hàn Cường (Reutlingen) 40DM. Huỳnh Thị Đại (") 10DM. Lê Thọ Hạng (") 20DM. Dương Tỳ (") 20DM. Võ Văn Giũ (") 20DM. Trần Thị Nhan (") 10DM. Trần Ngọc Anh (Tübingen) 20DM. Trần Ngọc Mỹ (") 100DM. Trần Ngọc Nhung (") 50DM. Nguyễn Văn Phú (") 10DM. Võ Thị Cúc 20DM. Nguyễn (Dessau) 5DM. Nguyễn Thị Lành (Pforzheim) 30DM. Ấn danh 20DM. Chiêm Thị Hiện (Stuttgart) 100DM. Vũ Thị Tâm (Schorndorf) 50DM. Ấn danh 5DM. Lâm Đổ (Bad Canstadt) 50DM. Đỗ Mẫn & Hương 40DM. Nguyễn Văn Trạch (Künzelsau) 50DM. Lý Phách Mai (Immenstadt) 500DM. Ấn danh 20DM. Phạm Anh Minh + Ấn danh 120DM. Ấn danh 100DM. Trần Minh Ngọc (Hannover) 30DM. Ấn danh 100DM. Hà Tiến (Stuttgart) 20DM. Ấn danh 10DM. Lê Văn Tý (Reutlingen) 10DM. Mạch Trước Khung (Friedrichafen) 50DM. Bầy Viên 20DM. Đặng Duyên 50DM. Xuân Cúc 40DM. Lâm Kiến Huệ (Reutlingen) 30DM. Trần Mai Hương (Ludwigsburg) 10DM. Hà Thị Lan Anh (Stuttgart) 10DM. Đỗ Thanh Viên (") 10DM. Dương Đức Thắng & Văn 40DM. Nguyễn Thị Tư (Sindelfingen) 20DM. ĐH Du Kiều Diễm 163DM. Đặng Thị Liên (Pháp) 20DM. Cao Thị Nền (Pháp) 1.000FF=300DM. Nguyễn Hồng Minh 70DM. Nguyễn Thúy Hà (Göttingen) 200DM. Trần Hữu Nghiệp (Münster) 50DM. Mã Thị Kim Hồng (Nettetal) 100DM. Nguyễn Mạnh Thương (Norderstedt) 100DM. Trần Nhựt Quang (Ibbenbüren) 20DM. Mai Tùng (Stuttgart) 50DM. Nguyễn Lê Thùy An (Burgwedel) 11DM. Nguyễn Lê Viết Châu (") 11DM. Huỳnh Hữu Hạnh (Zell-Mosel) 300DM. Võ Mỹ Dung (Krefeld) 30DM. Nguyễn Tuyết (Kornwestheim) 100DM. Dương Gấm (Stuttgart) 100DM. Nguyễn Văn Bình 50DM. Lê Nhất Thanh 100DM. Văn Thị Lệ 20DM. Phạm Thị Cúc (Altdorf) 50DM. Nguyễn Thị Hiền (Seelze) 100DM. La Quốc Tuấn (Oberhausen) 100DM. Nguyễn Thị Bê (Köln) 50DM. Trần Thị Hiền 50DM. Nguyễn Thị Thanh Tuyên 50DM. Nguyễn Văn Lý (Pforzheim) 30DM. Lê Quan Liêm (Pháp) 100FF=30DM. An Hahn (Limburg) 50DM. Nguyễn Mạnh Tùng (Aschaffenburg) 30DM. Lay (Moers) 100DM. Nguyễn Thúy Hồng 500DM. GĐPTVN Chánh Tín München 5.000DM. Ngụy Nhựt Thủ (Hannover) 50DM. Ấn danh 100DM. Nguyễn Thị No (Pháp) 300FF=100DM. Trịnh Minh Tân (Bad Pymont) 50DM. Diệp Văn Hùng (Wuppertal) 50DM. Đỗ Thị Diệu Hiền (Rosenheim) 100DM.

**Tổng cộng Đợt 8 là: 14.952,00 DM
(tính đến ngày 03.12.2001)**

* Tổng kết THU các đợt trước còn lại: **37.580,25 DM**

* Cộng Đợt 8 + **14.952,00 DM**
Tổng cộng THU **52.532,25 DM**

* CHI - Giúp đồng bào bảo lụt
Đồng Bằng Sông Cửu Long
vào ngày 01.12.2001: **- 10.000,00 DM**
Tổng THU còn lại: **42.532,25 DM**
(Tính đến 03.12.2001)

THÔNG BÁO

Tu Viện Vạn Hạnh trân trọng thông báo đến quý Phật Tử, việc đúc Đại Hồng Chung Linh Cảm (đã đổ đồng tại Việt Nam hôm 4/6) cao 3 mét, nặng hơn 4 tấn, sẽ đưa về tôn trí tại Tu Viện Vạn Hạnh. Phí tổn đúc chuông và đưa chuông về Úc chừng 120.000 Đức Mã.

Tu Viện xin khuyến thỉnh chư Thiện Nam, Tín Nữ, Đạo Hữu tại Đức Quốc và Âu Châu góp phần công đức vào công trình trên để giới thiệu văn hóa cổ truyền Á Đông tới xã hội Tây Phương và đem âm hưởng Viên Thông Cửu Khổ của Đại Sĩ Quán Âm tới phổ độ mọi sinh linh mê khổ ở miền Nam Bán Cầu.

Tịnh tài góp phần đúc chuông hay Phật sự tổng quát xin chuyển vào Trương Mục:

Quang Ba THICH

Frankfurter Volksbank EG - Konto Nr. 600 141 2955

BLZ 501 900 00 - Swipt Code: FFBDEF

Xin thành tâm hồi hướng công đức của chư Phật Tử xa gần.

THÔNG BÁO

Chùa Khánh Anh trân trọng thông báo đến quý Đạo Hữu, Phật Tử xa gần, việc xây Chùa Khánh Anh mới còn đang dở dang, cũng như việc đúc tượng Bồ Tát và đúc Đại Hồng Chung cũng như các Phật sự khác.

Chùa Khánh Anh kính xin quý Đạo Hữu và Phật Tử ở nước Đức muốn góp phần công đức vào việc xây chùa mới cũng như đúc tượng và đúc chuông; số tịnh tài xin chuyển vào Trương Mục:

KHANH ANH (Rev. LE) - Konto Nr. 866 1860

BLZ 250 700 24- Deutsche Bank Hannover

Xin hồi hướng công đức này lên Tam Bảo chứng minh cho gia đình của quý vị.

DANH MỤC KINH SÁCH CHÙA VIÊN GIÁC XUẤT BẢN VÀ PHÁT HÀNH

Tên sách	Tác giả	Giá tiền (EURO)
- Ba Kinh Tịnh Độ	Thích Thiện Thông	10,00
- Bát Nhã cương yếu 1+2	Như Thanh	20,00
- Bên dòng sông Donau	Vũ Nam	06,00
- Bhutan có gì lạ ?	Thích Như Điển	05,00
- Câu chuyện từ con tàu Cap Anamur	Vũ Nam	09,00
- Con đường vô tận	Huỳnh Trung Chánh	06,00
- Comment vivre en France et connaitre la langue francaise (Tìm hiểu đời sống và ngôn ngữ Pháp)	Nguyễn Phú Thứ	12,50
- Có và không	Thích Như Điển	05,00
- Cô Sáu Tân Qui	Phạm Thăng	08,00
- Chiếc lá của rừng cây	Lê thị Bạch Nga	07,50
- Chùa Viên Giác	Thích Như Điển	05,00
- Chuông gió thanh thang	Hồ Trường An	07,50
- Hải ngoại chiêm cứu học 2000 - quyển dày	H.T. Vô Toàn Trung	30,00
- quyển mỏng		15,00
- Kinh Diệu Pháp Liên Hoa	Thích Trí Tịnh	12,50
- Kloster Pagode Viên Giác (Đức ngữ)		05,00
- Khóa tu học Phật Pháp Âu Châu kỳ 9	Thích Như Điển	05,00
- Lúa tiêu ruộng biển	Hồ Trường An	07,50
- Nơi cuối dòng sông	Vũ Nam	08,00
- Như khói lam buồn	Hồng Lan	07,50

- Như thế mà trôi	Huỳnh Trung Chánh	06,00
- Những chuyện niệm Phật vãng sanh		
lưu xá lợi Tịnh Hải siêu tầm		
- Những mảnh đời gạo chợ nước sông	Phạm Thăng	05,00
- Schar kleiner Tiere (Đức ngữ)	Sơn Tùng	09,00
- Sống và Chết theo quan niệm Phật Giáo	Thích Như Điển	05,00
- Sự tích Đức Phật Thích Ca	Lưu Oanh Oanh dịch	06,00
- Tinh	Huỳnh Dung	10,00
- Tiếp kiến với Đức Đạt Lai Lạt Ma	Thích Như Điển	05,00
- Từ miền đất lạnh	Nguyễn văn Ba	12,00
- Theo dấu chân xưa	Thích Như Điển	05,00
- Thông điệp hồng	Hồ Trường An	10,00
- Trung Hoa chú thiên đức hành trạng 1+2	Thích Thanh Từ	20,00
- Văn bút Âu Châu tập 3	Nhiều tác giả	10,00
- Vết nhận lưng trời	Huỳnh Trung Chánh	06,00
- Vọng cổ nhân lâu	Thích Như Điển	05,00
- Việt Nam máu lửa quê hương tôi	Đỗ Mậu	20,00
- Vietnamesischer Buddhismus in Deutschland (Đức ngữ)	Hồ Lộc	05,00
- Vụ án một người tu	Thích Như Điển	06,50
- Cuộc đời huyền thuật của Milarepa	Nguyễn Hạnh	10,00
- Hải Đông Lạt Ma	Long Khánh dịch	15,00
- Người mang hy vọng	Vô Thức dịch	10,00
- Tự truyện một người tu 1+2	Th.Hạnh Nguyễn	20,00
- Uống lửa thờ đất	Vô Thức dịch	10,00
- Xứ Phật tình quê 1+2	Hạnh Nguyễn+Vô Thức	25,00
- Như cánh chuồn chuồn	Phong Hùng Lưu Nhơn Nghĩa	08,50

Ghi chú :

- Giá biểu ghi trên chưa tính tiền gửi.

CÁC BỘ BẢNG KINH TỤNG VÀ GIÁNG PHÁP CỦA THƯỢNG TỌA THÍCH NHƯ ĐIỂN

A. BẢNG KINH TỤNG :

- 01 Nghi thức cầu an
- 02 Nghi thức cầu siêu
- 03 Tịnh độ sám hối
- 04 Phật Đản lễ vía xuất gia
- 05 Kinh Vu Lan
- 06 Thần chú Thủ Lăng Nghiêm
- 07 Cầu siêu cúng vong
- 08 Dược Sư
- 09 Thủy Sám (bộ 3 băng)
- 10 Địa Tạng (bộ 3 băng)
- 11 Di Lạc hạ sanh thành Phật
- 12 Lương Hoàng Sám (bộ 6 băng)
- 13 Kim Cang
- 14 Niệm Phật cầu vãng sanh
- 15 Phạm Vong Bồ Tát Giới
- 16 Công phu sáng
- 17 Nghi lễ thực hành chuông mõ

B. BẢNG GIÁNG PHÁP :

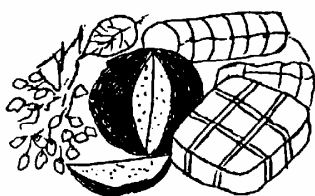
- 01 Vô thường
- 02 Ý nghĩa việc quy y Tam Bảo và thọ trì ngũ giới
- 03 Tứ Diệu Đế
- 04 Cuộc đời Đức Phật
- 05 Con đường giải thoát
- 06 Hạnh nguyện độ sanh của QTA Bồ Tát
- 07 Bát Nhã Ba La Mật Đa tâm kinh
- 08 Kinh Bách Dụ (bộ 7 băng)
- 09 Hành Bồ Tát đạo (bộ 3 băng)

- 10 Ngũ Lục Pháp / HT. Tuyên Hóa / (bộ 4 băng)
- 11 Tấn thân công đức Bồ Tát
- 12 Từ bi đạo tràng sám pháp (bộ 2 băng)
- 13 Tự tâm là Bồ Đề
- 14 Thập Đại Đệ Tử của Đức Phật (bộ 4 băng)
- 15 Thập địa Bồ Tát
- 16 Kinh Hoa Nghiêm phẩm Tịnh Hạnh (bộ 6 băng)
- 17 Kinh Đại Bảo Tích - Pháp Hội Ma Ha Ca Diếp - (bộ 2 băng)
- 18 Kinh Đại Bửu Tích - Pháp Hội 25 - (bộ 3 băng)
- 19 Qui sơn cảnh sách
- 20 Sám ngạ niệm (bộ 2 băng)
- 21 Xả lợi
- 22 Bồ Tát Thiện Giới Kinh (bộ 4 băng)
- 23 Kinh Văn Thù Sư Lợi vấn Phật (bộ 10 băng)
- 24 Kinh Bồ Tát Văn Thù nói Bát Nhã (bộ 4 băng)
- 25 Lịch sử Phật Giáo Việt Nam (bộ 4 băng)
- 26 Học và Tu
- 27 Kinh Đại Bi (trọn bộ 20 băng)
- 28 Thiền trà - Câu hỏi và trả lời - (bộ 2 băng)
- 29 Niệm Phật vãng sanh lưu xá lợi
- 30 Ý nghĩa lá Bồ Đề
- 31 Đại Thừa Khởi Tín Luận (băng bộ, hiện có 21 băng)
- 32 Công đức của việc xuất gia
- 33 Phật nói Kinh Bồ Tát Hành Phương Tiện (bộ 3 băng)
- 34 Duy Thức Tam Thập tụng (bộ 4 băng)
- 35 Cận tử nghiệp và tái sanh
- 36 Công đức tán dương chư Phật Bồ Tát
- 37 Hai mươi lăm cõi hữu tình (bộ 2 băng)
- 38 Nói về thanh niên GĐ Phật Tử
- 39 Sơ lược về Bồ Tát Giới
- 40 Tình yêu Từ bi và Thù hận

Ghi chú :

- Băng kinh tụng 5 Euro/1băng
- Băng giảng pháp 3 Euro/1băng
- Chưa tính cước gửi bưu điện

THÔNG BÁO



**Bánh tét,
bánh chưng
và những đặc sản
chay ngày tết**

Chùa Viên Giác có phát hành các loại bánh tét, bánh chưng, bánh xanh, chả chay, mứt thái chay và các loại bánh khác... để Phật Tử vui Xuân trong 3 ngày Tết. Quý vị cũng có thể thỉnh tại Chùa, hoặc gửi qua Bưu Điện, giá thành như sau:

	(EURO)
-Bánh tét lớn nhưn chuối hoặc đậu xanh	: 05 đồng/1 đòn
-Bánh tét loại nhỏ	: 2,5 đồng/1 đòn
-Bánh chưng lớn	: 05 đồng/1 cái
-Bánh chưng nhỏ	: 2,5 đồng/1 cái
-Mứt thái chay	: 12,5 đồng/1 ký
-Bánh bao	: 1 đồng/1 cái
-Bánh da lợn loại nhỏ	: 1 đồng
-Bánh da lợn loại lớn	: 2,5 đồng
-Bánh ú nước tro	: 1 đồng
-Bánh ít nhưn dừa	: 1 đồng
-Bánh bột lọc	: 1 đồng
-Bánh tổ	: 05 đồng/1 cái
-Bánh giò	: 0,5 đồng/ 1 cái
-Xôi lá dứa	: 0,5 đồng/1 miếng
-Bánh xôi vị miền Trung	: 0,5 đồng/1 miếng
-Bánh oản	: 1,5 đồng

-Mè xúng	:	0,5 đồng/1 miếng
-Bánh bò	:	0,5 đồng/1 cái
-Bánh ít lá gai	:	0,5 đồng/1 cái
-Bánh ít trần	:	0,5 đồng/1 cái
-Bánh xanh	:	0,5 đồng/1 cái
-Bánh xanh có gân dừa	:	1 đồng/1 cái
-Bánh khoai mì nướng	:	2,5 đồng/1 miếng
-Chả chay	:	05 đồng/1 đòn
-Chả cuốn chay	:	05 đồng/1 đòn to
	:	05 đồng/1 bao 2 cái
-Chả ổ chay bằng tàu hủ ky	:	7,50 đồng/1 ổ
-Chả giò chay	:	0,75 đồng/1 cuốn

(Số tiền trên chưa có cước phí Bưu Điện)

- Số hàng bên trên có thể gửi Nachnahme
Mong quý Phật Tử xa gần hỗ trợ để gây thêm quỹ trả nợ xây chùa.
Xin thành thật biết ơn quý vị trước.

LỊCH NHÂM NGỌ NĂM 2002

Giá phát hành tại chùa Viên Giác như sau:

Lịch Tử Vi	:	14,00 - Euro
Lịch Treo Tường	:	12,00 - Euro

Nếu Chùa nhận được tiền trước, gửi lịch đi thì giá thành + tiền cước + bao bì, như sau:

Lịch Tử Vi	:	16,- Euro
Lịch Treo Tường	:	15,- Euro

Đề nghị quý vị nên gửi tiền trước về Chùa bằng ngân phiếu (Check) hoặc tiền mặt gói kỹ bỏ trong bao thư hoặc chuyển vào Konto như sau:

Congr. d. Verein. Vietn. Buddh. Kirche
Konto Nr. 109594-307 - BLZ 250 100 30 . Postbank Hannover

Trong thư, hoặc trên phiếu chuyển tiền xin ghi rõ loại lịch và số lượng để khỏi bị nhầm lẫn và địa chỉ rõ ràng để gửi lịch. Khi nhận được tiền chúng tôi sẽ gửi lịch ngay đến quý vị.

Chùa không nhận gửi **Nachnahme** (chuyển hóa giao ngân) vì tiền cước quá đắt.

Kính mong quý Đạo Hữu và Phật Tử xa gần ủng hộ cho.

SANG NHÀ HÀNG TÀU

- ☐ Nhà hàng mới làm hoàn toàn mới.
 - ☐ Từ bếp tới ngoài mới hơn 4 năm.
 - ☐ Có 80 - 100 chỗ ngồi.
 - ☐ Mùa hè bên ngoài Garten được 30 chỗ.
 - ☐ Nằm cạnh một Hotel lớn và đối diện nhà ga xe lửa.
 - ☐ Có nhiều khách Messe vì nằm giữa Düsseldorf và Köln.
 - ☐ Vị trí rất thuận lợi.
 - ☐ Tiền thuê tiệm 2.750 DM kalt.
 - ☐ Có nhà ở trên lầu (nếu muốn)
- Muốn biết thêm chi tiết xin liên lạc :

Tel. : 02181 - 64 800

(sau 10 giờ tối)



VIÊN GIÁC

TẠP CHÍ CỦA KIỆU BẢO VÀ
PHẬT TỬ VIỆT NAM TỶ NẠN TẠI
CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC

*Zeitschrift der Vietnamesen und Buddhistischen Vietnam-
Flüchtlinge in der Bundesrepublik Deutschland*

CHỦ TRƯỞNG (HERAUSGEBER)

Congr. d. Verein Vietn. Buddhi. Kirche e.V
Karlsruher Str.6, 30519 Hannover, Deutschland

CHỦ BƯT

Đạo hữu Nguyễn Trí

QUẢN LÝ TỌA SOẠN

Đạo Hữu Thị Tâm

BAN BIÊN TẬP & CỘNG SỰ VIÊN

Thượng Tọa Thích Như Điển - Huy Giang - Đan Hà
- Quỳnh Hoa - Từ Hùng Trần Phong Lưu - Hồng
Nhiên - Thiện Căn Phạm Hồng Sáu - Thị Tâm -
Phù Vân - Trương Ngọc Thanh

Hồ Trường An (Pháp) - Tùy Anh (Đức) - Người
Giám Biên (Đức) - Đông Phương Mai Lý Càng
(Pháp) - Hà Huyền Chi (Hoa Kỳ) - Nguyễn Văn
Cường (Na Uy) - D.S. Trương Thị Mỹ Hà (Đức) -
Thái Tú Hạp (Hoa Kỳ) - Ngô Minh Hằng (Mỹ) -
Nguyễn Tấn Hùng (Mỹ) - Dr. Thái Văn Kiểm (Pháp)
- Lê Doãn Kim (Hoa Kỳ) - G.S. Vũ Kỳ (Bi) - Thiện
Hữu Trần Hữu Lộc (Đức) - Huyền Thanh Lữ (Đức)
- Thiện Mẫn (Nga) - Thiện Xuân - Inna Malkhanova
(Nga) - Vũ Nam (Đức) - Lê Thị Bạch Nga (Canada)
- Tuệ Nga (Hoa Kỳ) - Phong Hùng Lưu Nhơn Nghĩa
(Úc) - Hạnh Nguyễn (Ấn Độ) - Hoàng Phi Lưu
Hoàng Nguyễn (Úc) - Phan Hùng Nhôn (Đức) -
Nguyễn Việt Nữ (Hoa Kỳ) - Văn Nương LNC (Pháp)
- Giang Phúc Đông Sơn (Đức) - T.S. Lâm Như Tạng
(Úc) - B.S. Trương Ngọc Thanh (Đức) - Phạm
Thắng (Canada) - Đoàn Văn Thông (Hoa Kỳ) -
Nguyễn Thùy (Pháp) - Võ Thúc (Ấn Độ) - Hoài Việt
(Pháp) - Võ Thu Tịnh (Pháp) -

KỸ THUẬT AN LOẠT (Layout)

Trung Tâm V.H.X.H. P.G Việt Nam tại Đức Quốc

CÙNG SỰ CÔNG TÁC CỦA :

Mitwirkung von :

Hội Phật Tử Việt Nam Tỵ Nạn tại Cộng Hòa Liên bang Đức
Vereinigung der Buddhistische-Vietnamflüchtlinge i. d. BRD

TỌA SOẠN & AN QUẢN

Trung Tâm Văn Hóa Xã Hội Phật Giáo Việt Nam tại Đức
Vietnamesisch-Buddhistisches
Sozio-Kulturzentrum i. d. BRD
c/o Chùa Viên Giác

Karlsruher Str.6 - 30519 Hannover

Tel. 0511 - 87 96 30 . Fax : 0511 - 87 90 963

E-Mail : bao_vien_giac@yahoo.de

E-Mail : viengiactu@t-online.de

Homepage : http://www.viengiact.de

VIEN GIAC erscheint 6 mal Jährlich

- Viên Giác phát hành mỗi 2 tháng vào những tháng chẵn. Nhằm mục đích phục vụ lợi ích cộng đồng người Việt tỵ nạn tại Đức Quốc trên mọi mặt.
- Viên Giác bảo tồn và phát huy truyền thống Văn Hóa Phật Giáo và Dân Tộc Việt bên cạnh những sinh hoạt Tôn Giáo, Xã Hội hoàn toàn không có tính cách thương mại, tuy nhiên mọi ủng hộ qua hình thức cúng dường. Viên Giác xin chân thành cảm tạ.
- Ung hộ hiện kim cho Viên Giác. Quý vị sẽ nhận được biên nhận theo sự yêu cầu để làm đơn xin quân bình thuế lương bổng hoặc lợi tức hằng năm
- Những tư tưởng của tác giả không nhất thiết phản ảnh quan điểm của tờ báo.

Congr. d. Verein Vietn. Buddhi. Kirche e.V
Konto Nr. : 870 16 33. BLZ 250 700 24
Deutsche Bank Hannover

Mục Lục

Trang

- Thư chúc Tết	
- Thư tòa soạn	1
- Tâm cảnh (Hoàng Phi Lưu Hoàng Nguyễn)	2 - 4
- Khoa học và Phật Giáo (Liễu pháp)	5 - 6
- Ý nghĩa giác ngộ của Đức Phật (Giác Nguyễn)	7 - 9
- Viết về trung tâm tu học Viên Giác (Thích Như Điển)	10 - 12
- 60 năm du tâm pháp hải (Ấn Thuận Đại sư)	13 - 16
- Lá thư tình hữu (Thị Chôn Ngô Ngọc Diệp)	17 - 18
- Nhạc : Lên Chùa (Kiều Hùng)	19
■ Auf Deutsch	
- Der Buddhismus & die Menschen (Thích Như Điển)	20 - 23
- Cuộc đời Đức Phật bằng tranh (Đặng quốc Đan ... Hà thị Hoài Linh)	24 - 27
- Science and Buddhism (Lieu Phap)	28 - 29
- Signification de L'illumination du Bouddha (Giác Nguyễn)	30 - 31
- Số táo quân (Đan Hà)	32 - 34
- Ngày Xuân bàn chuyện uống trà (Phan Hùng Nhôn)	35 - 36
- Năm Ngọ nói chuyện ngựa (Thị Tâm)	37 - 38
- Xuân Nhâm Ngọ phiếm luận về ngựa (Phan Hùng Nhôn)	39 - 41
- Ngựa tể Đồng Nai (Từ Hùng)	42 - 43
■ Hoa Phụng	44 - 49
Hoa Xuân - Bà Chúa Ong - Có những bài học thuộc lòng - Nét Xuân xa - Băng Video cho Bé	
- Xuân xa quê, đọc : Khúc hát tiêu dao (Nguyễn Minh Hiền)	50
- Hoa xuân hương thiền trong thơ Lý Trần (Trần Văn Tích)	51 - 58
- Giỏi hạn trong lòng bàn tay ... (Mathieu Richard & Trịnh Xuân Thuận)	59 - 66
- Đồi dâu bể (Thu Trần)	67 - 68
- Luận cổ suy kim để thích ứng ... (Trần Trọng Khoái)	69 - 71
- Lối mò đầu cho Tam Quốc Chí VN (Phạm Nguyễn Lương)	71 - 72
- Diễm ảo làng xưa (Võ Trường Sa)	73 - 76
- Liêu trai chí dị (Lê Nghĩa Chi dịch)	77 - 79
- Trèm trèm phù sa (Nguyễn Tấn Hùng)	80 - 84
- Đầu xuân kể chuyện sân khấu (Hồ Trường An)	85 - 90
- Tâm sự con chó già (Minh Trang)	91 - 95
- Bậu gieo tiếng dũ (Phong Hùng Lưu Nhơn Nghĩa))	97 - 98
- Tiếng chuông chùa trên dòng sông Cửu Long (Phạm Thắng)	99 - 100
- Đoạn cuối cuộc tình (Trà Nguyễn)	101 - 105
- Xuân nhật tứ qui (Huyền Thanh Lữ)	106 - 107
- Hoa lúa để tưởng niệm anh Hồ Tấn Anh (Hoài Việt)	108
- Tiếng vọng thời gian (Văn Nương Lê Ngọc Chấn)	109 - 110

Mục Lục

Trang

- Tim về bến giác (Trần thị Nhật Hưng)	111 - 114
- Truyện Kiều một tác phẩm siêu hình (Vũ Kỳ)	115 - 22
- Vũ khí sinh học đã nhắc đến trong sách kỷ Nostradamus (Đoàn Văn Thông)	123 - 125
- Thò đại của siêu nhân (Phan Ngọc)	125 - 128
- Lòi thề cao quý (An Tiêm Mai Lý Càng)	129 - 131
- Bạo lực CS và dân chủ nhân quyền ai thắng ai ? (Hiếu Đệ)	132 - 133
- Vuốt cạn (Nguyễn Minh Hiền & Phạm Tuấn Hoàng)	134
- Sự thật trong vụ Pháp giúp Nguyễn Ánh khôi phục miền Nam (Võ Thu Tịnh)	135 - 139
- Y học Thường Thức : Những vị thuốc mang tên ngựa	140
- Giới thiệu sách mới xuất bản	141 - 142
- Kỷ niệm ngày đi thăm chùa Viên Giác (Bảo Lâm)	143 - 144
- Vài cảm nghĩ trong ngày vía Quan Thế Âm Bồ Tát (Diệu Minh)	145 - 146
- Mỏ toang của địa ngục (Huỳnh Trung Chánh)	147 - 151
- Giáo lý nhà Phật đối với vấn đề điều hòa sinh sản và kiểm soát dân số (Nguyễn Phúc Bửu Tập)	152 - 153
- Có Phật độ	154 - 156
(Thiện Lương P. Ngọc Thượng)	
- Mừng xuân (Vũ Nam)	157 - 158
- Hộp thư Viên Giác	158
- Cảm xúc (Nhu Giác)	159 - 160
- Thể thao (Người Giám Biên)	161 - 163
- Về tự do tôn giáo VN (Đức Ông Philippe Trần Văn Hoài)	164 - 166
- Tin thế giới (Người Quan Sát)	167 - 176
- Tin Đức Quốc (Nguyễn Lê Hoài Việt)	177 - 179
- Tranh hí họa (Hiếu Đệ)	180
- Thông cáo báo chí tại Paris	181 - 182
- Tin Phật sự	184 - 188
- Phân ưu - Cáo phó - Tim thân nhân	189 - 190
- Một lễ cầu siêu (Diệu Trí)	191
- Sinh hoạt cộng đồng - Tìm bạn	192 - 194
- Gia chánh chay	194
- Phường danh cúng dường	195 - 197
- Thông báo - Giới thiệu kinh sách - Băng kinh - Thông báo phát hành bánh - Lịch	198 - 199
■ Thơ	
6 - Tống biệt hành (Vi Khuê) . 9 - Mùa xuân yêu thương (Tuệ Nga). 16 - Xuân Khai (Văn Nương Lê Ngọc Chấn). 27 - Sắc Hồng - Ngay Thắng (Nguyễn Văn Cường) 38 - Phút giây chánh niệm (Liễu Pháp). 66 - Kinh nguyện cho ngày tang thương (Bửu Phối). 68 - Lá thơ Xuân (Ngô Minh Hằng). 76 Thương con quốc - Phận địa cầu (Vi Vi). 84 - Hoài Nghi (Hà Huyền Chi). 105 - Gọi hồn Xuân giữa mùa đông xứ người (Tùy Anh). 128 - Làng tôi (Thiện Lâm Nguyễn Văn Mộc). 146 - Xuân tạ ơn đời (Vi Khuê).	
Hình bìa : của Họa sĩ Hiếu Đệ	
Cáo lỗi : Vì số trang báo có giới hạn nên các bài của quý văn thi hữu gửi đến và mục phường danh cúng dường không thể đăng trong kỳ này được. Chúng tôi sẽ lần lượt tiếp tục đăng trong các kỳ báo tới. Xin thành thật cáo lỗi cùng quý vị. - Báo Viên Giác -	

Giải Thưởng "Viết Về Âu Châu"

nhân 25 năm thành lập Chùa và Báo Viên Giác tại Đức Quốc
trị giá 15.000 Euro



G iải thưởng Viên Giác "Viết Về Âu Châu" được tổ chức nhân 25 năm thành lập Chùa và Báo Viên Giác (tính đến đầu tháng 01 năm 2003), để cho người Việt tại các nước Âu Châu có cơ hội trao đổi những kinh nghiệm sống quý giá trong quá trình hội nhập vào các quốc gia bản xứ.

THỂ LOẠI, NỘI DUNG, HÌNH THỨC:

- Bài có thể viết dưới hình thức truyện ký, truyện kể, truyện ngắn, tùy bút, nhật ký, thư, bài tường thuật...
- Người viết tự chọn đề tài và đặt tên cho bài viết (ví dụ về tâm tình, tâm sự, cuộc đời, cuộc sống, việc học, tiến trình hội nhập, những kỷ niệm vui buồn của mình hay của gia đình, hoàn cảnh đưa đẩy đến định cư tại Âu Châu..., miễn là có liên quan đến quốc gia mình đang sinh sống).
- Mỗi người có thể gửi **ba (03) bài** tham dự
- Bài viết giới hạn từ **2 đến 5 trang** đánh máy
- **Người tham dự:** tất cả người Việt sinh sống tại Âu Châu, không kể thời gian lâu trước hay sau năm 1975, không kể tình trạng tỵ nạn hay không tỵ nạn, không phân biệt tuổi tác già trẻ, không giới hạn ngành nghề. Tóm lại, ai cũng có thể viết, ai cũng có thể tham dự...

ĐỊA CHỈ, THỜI GIAN GỬI BÀI:

- Bài dự thi có thể gửi ngay từ đầu tháng **01.2002** cho đến cuối tháng **12.2002**, nhớ ghi trong bài và ngoài bì thư: Bài dự thi Giải Thưởng Viên Giác "Viết Về Âu Châu".
- Gửi đến **Chùa Viên Giác: Karlsruher Str. 6, 30519 Hannover- Germany**. Bài viết có thể kèm theo đĩa mềm (disc) hay có thể gửi trực tiếp bằng **email: bao_vien_giac@yahoo.de** và gửi info cho: **phuvan@t-online.de**
- Xin gửi kèm theo một tấm ảnh của người viết với vài dòng tiểu sử (tên họ, năm sinh, nơi sinh, địa chỉ, nghề nghiệp...)

GIẢI THƯỞNG, THỜI GIAN PHÁT GIẢI:

- Trị giá giải thưởng: 15.000 Euro được chia ra:
- 1 giải danh dự: 3.000 Euro
- 2 giải tưởng lệ: mỗi giải 1.500 Euro
- 10 giải khuyến khích: mỗi giải 500 Euro
- 10 giải an ủi: mỗi giải 400 Euro
- Các giải thưởng sẽ được trao vào tháng 6 năm 2003 nhân ngày lễ 25 năm kỷ niệm thành lập Chùa và Báo Viên Giác tại Chùa Viên Giác / Đức Quốc.

Ban Giám Khảo: gồm những nhà biên khảo, nhà văn, nhà báo thành danh tại Âu Châu (sẽ loan báo sau)

Đăng báo, in thành sách:

- Viên Giác dành quyền biên tập, nhuận lại nội dung trước khi phổ biến.
- Viên Giác dành quyền sử dụng những bài dự thi được chọn lựa để in thành sách "**VIẾT VỀ ÂU CHÂU**", phát hành trong ngày lễ 25 năm thành lập Chùa và Báo Viên Giác.
- Số thu và tiền ủng hộ về việc phát hành cuốn sách này sẽ được dành cho giải thưởng của những năm tới.

Trưởng Ban Tổ chức: Thượng Tọa Thích Như Điển, Viện Chủ Chùa Viên Giác, Chủ Nhiệm báo Viên Giác

Trưởng Ban Điều hành: Nguyễn Trí (Phù Vân), Chủ Bút báo Viên Giác.



Đi Mời

Xin nhận nấu cho các đồng hương khắp mọi nơi trong những dịp cưới, hỏi. Với nhiều kinh nghiệm trong nấu ăn về khẩu vị người Việt, người Tàu. Xin liên lạc địa chỉ :

Bernhardstr.21 . 76131 Karlsruhe
Tel : 0721 - 966 22 56
hoặc 0162 - 91 70 510

Sang Quán trung tâm Stuttgart

Fußgängerzone

Schnellrestaurant Miss Tân Đô
Schulstr.9 - 70173 Stuttgart
Kaltmiete 5000 DM - 70 m2
Giá phải chăng 160.000 DM

Tel. : 0711 223 99 87

SANG NHÀ HÀNG

Có 45 chỗ

Nhà + tiệm 1800 DM

Không nợ hăng bia

Chủ nhân dự định sẽ bán lại toàn bộ căn nhà trong tương lai ? Xin liên lạc

Tel . : 0174 - 616 97 73

SANG NHÀ HÀNG

Nhà hàng có 74 chỗ ngồi, địa điểm tốt

Cách sân bay Frankfurt 10 Km

Nằm ở trung tâm mua bán Einkaufszentrum
Raunheim

Kaltmiete 3.500 DM

Muốn biết thêm chi tiết xin liên lạc về :

TEL. : 06142 22 261

HANDY : 0171 45 39 036

VIENGIAC, KARLSRUHER STRASSE 6, 30519 HANNOVER

PSdg, Deutsche Post AG, Entgelt bezahlt **H 46298**

Thi - Hien

HAUPTSTR.32 A 79591 EMELDINGEN W. GERMANY

TEL. : 07621- 65178 HOẶC 07621 - 44 105

Nhận đặt nấu : Tiệc cưới - Sinh nhật - Hạp bạn. **Đặc biệt** : Bánh đám hỏi, Bánh cốm, Bánh phu thê, Bánh bèo, Trầu cau tươi. Đầy đủ tiện nghi chén đĩa, bếp ga. Hơn 500 món ăn để chọn lựa. Hạp khẩu vị vừa t1ui tiên.



Được sự khen ngợi và tín nhiệm của cộng đồng người Việt tại Đức, Pháp, Thụy Sĩ, Hòa Lan và Đan Mạch.



THI HOA HẬU VIỆT NAM THẾ GIỚI TỰ DO 2002

Một cuộc thi hoa hậu được tổ chức trên một qui mô vĩ đại với những giải thưởng lớn do 3 cơ sở tại Hoa Kỳ phối hợp bảo trợ :

- VIỆN THẨM MỸ BÍCH NGỌC.
- VÂN SÓN VIDEO ENTERTAINMENT
- BEAU RIVAGE RESORT

Ban tổ chức thân mời tất cả các thiếu nữ Việt Nam tuổi từ 16 đến 28 cư ngụ ở khắp nơi trên Thế Giới Tự Do hãy ghi tên tham dự vào ngày February 23. 2002 tại Hoa Kỳ. Số tiền lời do cuộc thi Hoa Hậu sẽ sung vào quỹ học bổng cho sinh viên Việt Nam tại Hải Ngoại. Giải thưởng:

Hoa Hậu : \$ 10.000 (hiện kim và tặng vật)

Á Hậu 1 : \$ 5.000 (hiện kim và tặng vật)

Á Hậu 2 : \$ 3.000 (hiện kim và tặng vật)

Thí sinh : Phải là phụ nữ Việt Nam gốc Việt (tối thiểu 50%) : Còn độc thân; tuổi từ 16 đến 28. Phải có mặt tại Hoa Kỳ bắt đầu từ ngày February 16.2002. Sẽ được huấn luyện một tuần lễ. Ngày tập hợp là February 16.2002 tại Hoa Kỳ, ở địa chỉ sau đây :

VIỆN THẨM MỸ BÍCH NGỌC

3015 FANNIN STREET. HOUSTON, TX 77004 - USA

Thí sinh sẽ được rước tại phi trường, tiếp đón ăn ở miễn phí kể từ ngày February 16 cho đến ngày Feb. 23.2002 là ngày cuối của cuộc thi. Thí sinh phải tự túc vé máy bay và passport trước hai tháng mới kịp về dự thi. Ban tổ chức sẽ cung cấp cho thí sinh lá thư giới thiệu với Tòa Đại Sứ Mỹ tại Âu Châu để giúp thí sinh có lý do đi Hoa Kỳ. Ban Tổ chức sẽ có thư mời cho từng thí sinh muốn đi dự thi tại Hoa Kỳ.

Muốn biết thêm chi tiết xin liên lạc :

HÀ NGỌC MINH,

MD / KIM LOAN COSMETICS

MEROWINGER STR.151 .

50374 ERFSTADT . WEST GERMANY.

TEL . : 02235 - 461 368

